Đức phật và nàng

Table of Contents

# Đức phật và nàng

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Giới thiệu**Dư vị ngọt ngào của cuốn sách an ủi rất nhiều cõi lòng đang rối bời vì mỏi mệt của tôiCuốn sách của Tiểu Xuân, tựa hồ bàn tay kì diệu, xua tan lớp bụi thời gian, tái hiện những diện mạo sống động từ quá khứĐược thấy họ vui cười, than khóc, được thấy họ hạnh phúc, đau khổ, bất chợt có ảo giác mình đang hiện hữu ở thời đại ấyMười năm lại mười năm, đời người có được bao lần mười năm để chờ đợi? Vậy mà tác phẩm cho thấy chờ đợi cũng là một nét đẹp quyến rũ của tình yêu, được xây đắp bởi chân tình và đức tinĐó là thứ tình cảm rất đời. |

*Đọc và tải ebook truyện tại: http://truyenclub.com/duc-phat-va-nang*

## 1. Chương 01 - 02

Chương 1:

Cuộc thí nghiệm của tôi

Tôi ngồi ngẩn ngơ, thu vào tầm mắt mênh mông cồn cát. Xa xa, vài chú lạc đà hoang dã nhởn nhơ rong chơi, nhưng chưa kịp lại gần, đã co cẳng chạy biến, chúng còn khôn hơn cả lạc đà thuần. Bước thấp bước cao lê lết suốt mấy tiếng đồng hồ và không ngừng dõi mắt tìm kiếm xung quanh, quả thực là tôi đã quá mệt. Không thiết bị định vị GPS, không phương hướng, cứ lao đi như vậy chẳng giải quyết được vấn đề gì. May cho tôi, lúc này đang là giữa thu, thời tiết tuy khô hanh nhưng nhiệt độ sa mạc không quá thấp, nên vẫn chịu đựng được. Có điều, trời đang tối dần khiến tôi lo ngại. Khi mặt trời khuất bóng mà tôi lại không mang theo bất cứ vật dụng bảo vệ ngoài trời nào, lang thang trong đêm giữa hoang mạc thế này, không chết đói cũng sẽ chết rét.

Nhắm mắt lại vẫn thấy rùng mình, cảm giác quay cuồng lúc tiếp đất vẫn chưa tan. Uể oải nâng tay trái ngó chiếc đồng hồ vượt thời gi­an, không ngăn nổi tiếng thở dài. Vẫn là, lần thử nghiệm thứ ba lại thất bại, tuy có tiến bộ hơn hai lần trước, lần này tôi đã tiếp đất.

Tôi tham gia dự án thử nghiệm vượt thời gi­an này đã hơn một năm. Là nghiên cứu sinh chuyên ngành lịch sử, nhiệm vụ ban đầu của tôi chỉ là cùng thầy hướng dẫn, một giáo sư lịch sử danh tiếng tham gia công tác chỉ đạo dự án. Nhưng sau khi gặp tôi, các nhà sinh vật học ấy cứ nằng nặc đòi tôi tiến hành xét nghiệm và kết luận của họ là thể lực của tôi hoàn toàn thích hợp để thực hiện thử nghiệm.

Mặc dù không thiếu người nhưng tất cả tình nguyện viên trước đó đều đã thất bại. Nhóm chuyên gia cho họ về nghỉ và quay ra “tâm lý chiến” với tôi. Với tư cách là một nghiên cứu sinh chuyên ngành, tôi có trách nhiệm và nghĩa vụ vén bức màn bí ẩn, giải mã những nghi vấn, trả lại tính chân thực cho lịch sử. Trở về và trải nghiệm mọi thứ diễn ra trong thời kỳ cổ đại, mấy ai làm được điều đó? Và nếu thành công, tôi sẽ trở thành người đầu tiên, sẽ được vang danh trong sử sách.

Tôi là cô gái đam mê công việc, tiêu chí của đời tôi là: “sách vạn cuốn, đường vạn dặm, chuyện vạn người”. Tôi muốn gặt hái nhiều thành tích để “sếp” được tự hào, “sếp” chính là thầy hướng dẫn, đám sinh viên chúng tôi thường gọi thầy hướng dẫn của mình như vậy. Do đó, không đợi tôi chịu “thuận” hẳn, nhóm chuyên gia hừng hực nhiệt huyết kia đã nhanh chóng xua tôi lên bục thử nghiệm.

Lần thử nghiệm đầu, biến mất chưa đầy nửa phút, tôi đã ngã nhào trở lại. Tôi không nhớ gì ngoài cảm giác chóng mặt buồn nôn cực độ khi vượt không gi­an. Toàn bộ thiết bị mang theo gồm: máy dò tìm 14C, GPS định vị, lap­top, máy ảnh kỹ thuật số, … đều bị tia bức xạ tần số cao làm hỏng sạch. Nhóm chuyên gia rút ra kết luận: không thể mang theo thiết bị điện tử. Vậy là, sau nửa tháng trên giường bệnh, tôi lại được đào tạo cấp tốc cách sử dụng các dụng cụ thủ công, xẻng Lạc Dương (một loại xẻng nhỏ dùng trong khảo cổ) cũng nằm trong số đó.

Lần thứ hai, tiến bộ hơn, tôi biết mất khoảng mười phút, nhưng khi mọi người đang rất hân hoan, chuẩn bị mở tiệc ăn mừng thì tôi lại rơi đánh bịch trên trảng cỏ ngoài phòng thí nghiệm. Lúc tỉnh dậy, hình ảnh của phố xá và dòng người mà tôi nhìn thấy khi bay trong không gi­an mơ hồ quệt qua trí nhớ, có vẻ như là khung cảnh và trang phục thời Hán. Nhưng chưa kịp tiếp đất, một lực hút cực mạnh đã kéo tôi lại. Dụng cụ thủ công mà tôi đeo trên lưng cũng vỡ tan tành.

Dựa trên báo cáo của tôi, nhóm chuyên gia nhận định thí nghiệm có thể đưa con người trở về không gi­an của hai nghìn năm trước, vì vậy, tôi đã phải ôn lại lịch sử thời chiến quốc và thời Tần Hán khi vẫn còn nằm trên giường bệnh. Vết thương chưa lành, tôi đã bị dựng dậy, bị bắt luyện tốc ký, luyện vẽ sơ đồ, biểu đồ, phác thảo công trình kiến trúc. Các chuyên gia quyết định không để tôi mang theo những dụng cụ nặng, chỉ đem theo những vật dụng nhỏ nhẹ, tiện dụng.

Học vẽ được nửa năm thì thiết bị thí nghiệm được cải tiến thành mô hình máy CT. Hành trang lần này của tôi bao gồm một tập lớn giấy viết vẽ tốc ký và bút chì. Trước lúc lên đường, sếp tôi còn dặn dò cẩn thận, không được phép để lại ở thời cổ đại bất cứ thứ rác rưởi khó tiêu hủy nào của thế kỉ XXI, vì như vậy sẽ gây khó dễ cho các nhà khảo cổ và các chuyên gia lịch sử sau này.

Và trong lần thử nghiệm thứ ba, tôi đã tiếp đất thành công, không thương tổn bầm dập, bởi vì tôi rơi xuống giữa một sa mạc cát. Nhưng tôi nhận ra tình trạng thảm hại của mình ngay sau đó. Không một bóng người, không một dấu hiệu của sự sống, sau vài giờ lang thang, tôi vẫn hoang mang không rõ mình đã đến được thế giới cổ đại hay chưa. Tôi chỉ khẳng định được duy nhất điều này: tôi đã rời khỏi phòng thí nghiệm.

Không nước uống, không đồ ăn, không thuốc men, vì nếu có mang theo thì khi vượt không gi­an cũng sẽ bị nhiễm xạ. Trong chiếc ba lô chuyên dụng hiệu North­face của tôi chỉ có một con dao Thụy Sĩ, một chiếc la bàn, quần áo, sổ ghi chép, dụng cụ khảo cổ, một tập giấy tốc ký, bút chì và một ít bạc vụn. Chẳng có thứ gì giúp được tôi lúc này. Có lẽ phải bỏ cuộc và trở về thôi. Các chuyên gia sẽ tiếp tục cải tiến thiết bị và hy vọng lần tới, tôi sẽ đến được nơi có con người. Không nén nổi, tôi buông một tiếng thở dài tiếc nuối. Nhưng trời đang tối dần, tôi phải tranh thủ thời gi­an, nếu không sẽ không đủ năng lượng mặt trời để khởi động thiết bị.

Tôi lôi chiếc mũ chống tia phóng xạ nhét trong bộ trang phục thời Hán ra và chụp kín đầu, đeo găng tay, kéo cao khóa, nghiêng chiếc đồng hồ vượt thời gi­an kềnh càng về hướng mặt trời, xoay chốt bảo hiểm, miệng nhẩm đếm: một, hai, ba…

Đếm đến mười vẫn không có động tĩnh gì. Tiếp tục đếm: hai mươi, năm mươi, một trăm…

Sao thế này, không lẽ lại xui xẻo đến vậy? Tôi kéo mũ, dán mắt vào chiếc đồng hồ dở chứng, vẫn không động đậy. Đập đập, không phản ứng. Giơ cao về phía mặt trời, tiếp tục im lặng. Tôi tháo đồng hồ, vung lắc hết sức, đèn báo hiệu vẫn không hiện màu xanh.

Gió bắt đầu nổi, mặt trời bị giăng mờ bởi ngợp trời gió cát. Cái đồng hồ dựa dẫm vào năng lượng mặt trời chết tiệt này! Tôi sẽ phải bỏ mạng ở nơi không rõ là thời đại nào, hoang mạc nào này ư?

Tôi bật dậy, chỉ tay lên trời, nguyền rủa nhóm chuyên gia: không ang nước, không ang thức ăn, chỉ mấy đồng xu xù xì nặng trình trịch này thì ích gì chứ? Sớm biết cái đồng hồ phải gió kia sẽ dở chứng thì dù có phải chịu nhiễm xạ, tôi cũng kiên quyết mang theo đồ ăn thức uống đi. Ba lần bị đẩy vào cái máy vượt thời gi­an phải gió ấy, lẽ nào tôi chưa từng nhiễm xạ ư? Tôi thà chết vì nghẹn bánh mì bị nhiễm xạ còn hơn chết đói chết khát thế này!

Tôi kết thúc trận xỉ vả sau khi nuốt vào đầy một miệng cát, trời nhanh chóng tắt nắng, chỉ một lát nữa, sa mạc sẽ trở nên lạnh cóng. Chiếc áo chống tia phóng xạ của tôi còn có thể chống gió và rét, nhưng không chống nổi cơn đói khát đang ập đến với tôi. Co gập người lập cập bò lên một gò cát cao, nhìn ra xa, trong mịt mù đêm tối, tôi bắt gặp những đốm lửa bập bùng phía xa xăm. Tôi chưa bao giờ thấy thứ ánh sáng nào ấm áp đến thế!

Không còn nhớ phải mất bao nhiêu thời gi­an mới có thể thoát khỏi sa mạc tăm tối, gió cát mịt mù đáng sợ ấy, chỉ biết rằng khi tôi lảo đảo lại gần đống lửa thì mắt tôi hầu như không còn thấy gì và tôi khát đến mức cổ họng như cháy khô. Kịp nhận thấy xung quanh đống lửa có một số lều bạt, có tiếng người, có lạc đà, mắt sáng rực, tôi lao vào một trong những chiếc lều ấy, sau đó, lịm đi.

Chương 2: Hòa thượng và ni cô

Tỉnh lại, tôi thấy mình đang được vây bọc giữa một đám người hình hài kỳ lạ: mũi cao, mắt sâu, môi mỏng, mặt tròn, cổ ngắn, nước da trắng mịn, đáy mắt sẫm nâu. Đàn ông cao to lực lưỡng, đàn bà béo tốt khỏe mạnh, tất cả đều tóc xoăn thả lọn ngang vai và nhất loạt màu hung đỏ. Trang phục của họ lại càng đặc biệt hơn: đàn ông áo dài bẻ cổ, tay bó, thắt eo, đi ủng cao đến tận đầu gối, giắt kiếm sau lưng. Phụ nữ váy dài đến đầu gối, xẻ vai phải, tay bó, vai quàng khăn và cũng đi ủng cao.

Tôi thấy khâm phục bản thân, trong tình trạng đói khát mệt lả như vậy vẫn có thể mô tả và nhận xét vẻ ngoài và trang phục của những người xung quanh một cách chuyên nghiệp chỉ bằng vài cái đưa mắt quan sát. Nhưng những thông tin này không có nghĩa lý gì nữa khi tôi bắt đầu ngửi thấy mùi thơm của thức ăn.

Chỉ là vài miếng bánh và một bát mì nóng, nhưng thế cũng đủ để nước miếng tuôn ào ạt trong miệng tôi. Vội vã đón thức ăn từ tay một phụ nữ chừng bốn mươi, sau tiếng lắp bắp cảm ơn, tôi ngấu nghiến nhai nuốt, mấy miếng bánh nhanh chóng hết veo, bát mì nóng cũng sạch bong sau vài miếng soàn soạt, dạ dày đã có chút cảm giác. Nhưng tôi vẫn muốn ăn thêm, rụt rè cất lời xin xỏ, tôi bỗng nhận ra rằng: ngôn ngữ bất đồng.

Không có gì lạ, vì chỉ nhìn thoáng qua cũng biết họ không phải người Hán và chính tôi cũng không rõ rốt cuộc mình có trở về thời kỳ cổ đại hay không. Chưa biết chừng, cuộc thí nghiệm này chỉ như một chuyến bay miễn phí, đưa tôi đến một sa mạc nào đó thuộc Trung Đông hoặc châu Phi, để rồi vô tình gặp một bộ lạc du mục lạc hậu nào đó cũng nên và biết đâu tôi vẫn đang ở thế kỷ XXI. Tôi thử dùng tiếng Anh, vẫn không ổn.

Đúng lúc tôi đang phiền muộn giữa những thanh âm lạ lùng thì trong lều xuất hiện thêm hai người, những người khác lập tức dừng bàn luận và tỏ ra hết sức cung kính. Tôi có thể nhận ra ngay thân phận khác thường của hai người đó, nhưng khi họ lại gần chỗ tôi nằm thì tôi ngạc nhiên đến mức hồi lâu vẫn há hốc miệng.

Đó là một ni cô chừng hơn ba mươi tuổi và một tiểu hòa thượng chừng mười lăm, mười sáu tuổi. Nhưng điều khiến tôi ngạc nhiên hơn cả thân phận khác thường là khí chất cao quý toát ra từ con người họ. Họ chỉ yên lặng đứng đó, nhưng vẻ bất phàm thoát tục của họ lan tỏa trong không gi­an quanh tôi.

Khuôn mặt ni cô giống hệt những người phụ nữ khác, nhưng làn da trắng mịn hơn, đôi mắt to, lông mày dài mượt và trong đôi mắt nâu nhìn tôi chăm chú thấp thoáng vẻ lo lắng mơ hồ nào đó. Một thân hình căng tròn, đầy đặn, chiếc áo cà sa màu nâu sòng giản dị không che lấp nổi vẻ đẹp của thân hình ấy. Có điều, hình như vầng trán của ni cô khác với những người khác, hình như nó bị nén xuống và đổ dần về phía sau gáy và vì trên đầu không có tóc, nên hình ảnh đó càng trở nên kỳ dị. Tôi nhớ rằng, người Ai Cập và Ba Tư cổ đại từng có tập tục nén vầng trán cho dẹp xuống ngay khi còn nhỏ, nhưng tập tục đó chỉ giới hạn trong các thành viên của hoàng thất. Không biết, trán của ni cô là do bị dẹp bẩm sinh hay đã được nén sau khi sinh. Tuy nhiên, vầng trán dẹt không làm mất đi vẻ đẹp mặn mà của ni cô.

Tiếp tục quan sát tiểu hòa thượng mười lăm tuổi, không thể không thốt lên, đó là một vẻ điển trai quyến rũ kỳ lạ! Cũng sống mũi cao, đôi mắt sâu, nhưng không thô lậu như những người khác. Khuôn mặt tiểu hòa thượng hệt như bức tượng thần Hy Lạp, với những đường nét ngời sáng như một khối lập thể được đúc tạc tỉ mỉ. Ngũ quan là một sự kết hợp hài hòa và tài tình, với đường lông mày dày và đậm, sống mũi cao thanh tú, đôi đồng tử màu xám nhạt như được khảm giữa một vùng nhãn thần rộng và sâu thẳm, thuần khiết tựa nền trời xanh trên sa mạc mênh mông. Tuy tuổi còn rất trẻ nhưng ở tiểu hòa thượng đã toát lên vẻ đạo mạo, sáng rỡ, khiến tôi vừa có cảm giác ấm áp vừa gợn chút tò mò.

Hòa thượng có làn môi rất mỏng nhưng đường nét đậm rõ, khi đôi môi khép lại, cánh môi uốn lên một đường cong thanh tú. Khuôn mặt thuôn dài, chiếc cằm nhọn đậu trên chiếc cổ cao gầy tựa thiên nga, từng nét thon dài sống động. Không giống những đàn ông khác trong lều, tiểu hòa thượng có nước da bánh mật. Khoác trên mình chiếc áo choàng dài, vai rộng phủ toàn thân, chiều ột mét bảy càng tôn thêm dáng vẻ cao lớn, nhưng cũng khiến y phục trên người tiểu hòa thượng trở nên đơn sơ. Chắc chắn tiểu hòa thượng sẽ còn cao nữa, có thể đến một mét tám hoặc hơn.

Tôi chăm chú quan sát hai con người kỳ lạ đó, trí óc quay cuồng. Cho đến khi, thật bất ngờ, họ bắt đầu trò chuyện với tôi bằng tiếng Hán lơ lớ.

Rất lâu sau tôi mới hiểu được rằng họ đang cố hỏi xem tôi từ đâu tới và vì sao lại lưu lạc đến chốn này. Ngước nhìn họ với vẻ đau khổ, tôi đáp:

- Làm ơn cho tôi biết, đây là đâu, nơi này thuộc nước nào vậy?

Vẻ băn khoăn không hiểu rõ trên nét mặt ni cô, nhưng hình như tiểu hòa thượng đã nắm bắt được đôi điều, đột ngột ngồi xuống cạnh tôi, khuôn mặt tuấn tú, thuần khiết của tiểu hòa thượng bừng sáng. Bị hút hồn bởi vẻ đẹp ấy, tim đập mạnh khiến tôi choáng váng trong giây lát.

- Chúng tôi đến Wen­su, sắp rồi. Cố là ngươi Han?

Đang chưa hết băn khoăn vì trái tim lỗi nhịp đập nhanh vô cớ, tôi bỗng phì cười trước điệu bộ hết sức nghiêm túc nhưng phát âm tiếng Hán lơ lớ và trật tự chủ ngữ vị ngữ đảo lộn hết cả của tiểu hòa thượng.

Đôi chút ngượng ngùng và khuôn mặt hơi ửng đỏ:

- Tiếng Hán, tôi, nói không giỏi.

Hòa thượng quay lại thao thao bất tuyệt một hồi với ni cô xinh đẹp. Tôi vội nín cười, cố lí giải xem địa danh mà hòa thượng vừa nhắc đến là nơi nào. Căn cứ phát âm của tiểu hòa thượng thì hình như đó không phải một địa danh ở Trung Nguyên.

Hòa thượng quay đầu tiếp tục hỏi chuyện tôi:

- Cố, đi, đâu?

Tôi hăm hở:

- Trường An, biết chứ?

Thấy hòa thượng gật đầu, tôi thở phào nhẹ nhõm. Vậy là địa danh này tồn tại và được biết đến ở nơi đây.

- Nhưng…

Hòa thượng nhìn tôi do dự:

- Xa lắm, một mình, cô?

Tôi uể oải gật đầu, trong lúc này, ngoài Trường An, tôi chẳng thể nghĩ ra được nơi nào khác, dù thế nào, đến đó tôi cũng không gặp trở ngại về ngôn ngữ.

- Chúng tôi, đi Kuchi, cô, tiện đường.

Vất vả lắm hòa thượng mới phát âm được một tiếng, tôi cứ định buột miệng cười lại gắng sức kìm chế. Cứu mạng tôi, lại có thể trò chuyện với tôi, như vậy đã đáng quý lắm rồi. Không biết Kuchi là nơi nào nhỉ? Tôi đã tiếp đất được bảy, tám tiếng rồi cũng nên, vậy mà vẫn chưa xác định được địa điểm và thời đại lịch sử. Đường đường là nghiên cứu sinh khoa lịch sử một trường đại học danh tiếng, xấu hổ quá đi mất!

- Cô, tên gì?

- Hả?

Mải suy nghĩ, chưa kịp định thần, phải nhờ đến lần thứ hai tôi mới hiểu tiểu hòa thượng muốn hỏi tên mình.

- Tôi tên Ngải Tình[1].

Tên gọi của tôi từ lâu đã là chủ đề gây cười của mọi người. Từ nhỏ tôi đã được gắn biệt danh: Love. Bọn con trai thích thú chọc ghẹo, gào thét tên tôi: Oh, my love!

Tôi đã đấu tranh đòi đổi tên, nhưng bố mẹ không chịu. Lâu dần thành quen. Gọi “tình yêu” thì cũng có sao, chỉ tiếc, bao nhiêu năm mang tên “tình yêu” mà vẫn chẳng thấy bóng dáng thần tình yêu của tôi đâu.

- Tên tôi là…

Hòa thượng phát ra một tràng dài những âm lạ mà tôi không sao nhớ nổi, chỉ cười trừ đáp lại. Hòa thượng kiên nhẫn lặp đi lặp lại ba lần. Căn cứ vào phát âm, tôi tìm ra những tiếng tương ứng trong Hán ngữ: Ku- ma- la- ji- ba, quả thực rất khó đọc. Tôi gắng sức: Ku- ma- la- ji- ba, Ku- ma- la- ji- ba, Ku- ma- la- ji- ba, …

Cánh môi hòa thượng lên xuống theo từng chuỗi phát âm của tôi và ngừng lại với một điệu cười sảng khoái, giọng cười cao vút, trong veo và vang xa như tiếng suối reo giữa đại ngàn. Chợt nhớ đến, mới đây thôi tôi còn cười cậu ta phát âm tiếng Hán không chuẩn, bây giờ thì đến lượt tôi rồi nhé, má tôi nóng bừng.

Hòa thượng chỉ cười một lát rồi dừng lại, có lẽ vì nhận ra vẻ mặt ngượng ngùng của tôi, chỉ tay về phía ni cô xinh đẹp đứng phía sau:

- Của tôi, me, Ji­ba.

Tôi đã bắt đầu thích ứng với khẩu âm của hòa thượng, nên tự động chuyển ngữ “me” bằng “mẹ”.

Ni cô xinh đẹp này là mẹ của hòa thượng? Họ đều là người xuất gia? Cậu ta còn trẻ như vậy, chắc là được mẹ đưa đến nơi cửa Phật? Thoáng chút tiếc nuối len lỏi trong tim, nhưng đã nhanh chóng bị tôi đá bay. Ji­ba? Không biết đó là tên gọi hay là một kính từ? Tôi cất giọng thử một tiếng Ji­ba, ni cô điềm đạm gật đầu.

- Cô, nghí ngơi, chúng ta, ngày mai, lến đương.

(Dịch: Cô nghỉ ngơi đi, ngày mai chúng ta lên đường)

Sau khi hòa thượng và ni cô đi khỏi, tôi ở lại trong lều cùng bốn phụ nữ khác. Tuy không hiểu họ nói gì, nhưng thái độ của họ rất thân thiện. Ngại xin xỏ thêm đồ ăn, tôi khoan khoái ngả mình trên tấm đệm ấm áp họ dành riêng cho tôi.

Vậy là tôi đang ở một nơi xa lạ, ngôn ngữ bất đồng. Ngoài kia, tiếng gió rít trên sa mạc sao mà thảm thiết, hệt như tiếng khóc than não nề trong đêm vắng. Lòng tôi chùng xuống, hễ nhắm mắt là lại nhớ nhà kinh khủng, nước mắt không ngăn nổi, rơi lã chã trên gối. Tôi cố gắng ngăn chặn cảm xúc yếu đuối đó bằng phép thôi miên thông dụng nhất.

Tôi bắt đầu phân tích hình ảnh những thứ ở xung quanh mà tôi quan sát được trước lúc đi ngủ, sau đó, đặt tên cho từng thứ một: tôi nằm trên một tấm đệm thêu hoa văn hình thoi, gối trên một chiếc gối bông hoa văn vằn hươu xen hình những nén bạc nhỏ và đắp lên mình một chiếc chăn lông thêu hoa văn hình tam giác. Vật dụng chứa nước là một chiếc bình gốm một quai, in hoa văn lưới, còn chiếc bát đựng bánh màu xám khi nãy là một chiếc bát nung từ đất sét.

Tôi phán đoán mình đã đến được thời cổ đại, bởi vì kỹ thuật chế tác những đồ dùng bằng gốm này vẫn rất nguyên thủy. Nếu căn cứ vào trình độ chế tác gốm sứ ở Trung Nguyên thì kỹ thuật chế tác đơn giản này có lẽ đã tồn tại từ hơn hai ngàn năm trước. Nhưng không biết ở đây thì thế nào.

Tiếng gió gầm gào bên ngoài cùng với tiếng thở đều đều trong lều không ngăn nổi nỗi mệt nhoài cùng cơn buồn ngủ xâm chiếm. Tôi cuộn mình trong lớp chăn ấm và chìm dần vào giấc ngủ.

## 2. Chương 03 - 04

Chương 3: Tôi biết mình đang ở đâu

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi thu dọn và lên đường. Tôi đã khỏe lại, ăn của người ta, ở của người ta thì phải góp công góp sức với người ta chứ nhỉ! Buồn thay, tôi lại không hiểu họ nói gì, nên khi thu dọn lều bạt, sự lóng ngóng của tôi chỉ khiến họ thêm vướng chân vướng tay. Nhưng họ rất hiền hòa, không trách mắng gì cả, vả lại, dĩ nhiên rồi, họ có trách mắng, tôi nghe cũng chẳng hiểu.

Họ dành riêng cho người lạ từ trên trời rơi xuống là tôi một chú lạc đà. Nhưng bộ xiêm y người Hán với ống tay rộng thùng thình và chiếc váy dài chấm gót khiến tôi không làm cách nào trèo lên lưng lạc đà được. Tôi nhìn bộ váy áo lòa xòa lôi thôi, rồi lè lưỡi nhìn tiểu hòa thượng với vẻ bất lực và cầu cứu.

Hòa thượng nở nụ cười hồn hậu, quay lại trao đổi một hồi với người phụ nữ đứng tuổi, lát sau, một bộ trang phục giống như của họ được đem tới. Tôi thay đồ, hơi rộng, cũng phải thôi, thân hình của họ cao lớn thế kia mà. Áo dài đến đầu gối, tay phải thắt ống, vai phải xẻ, quần rộng, ống kiểu Al­iba­ba, ủng cao đến đầu gối, ha ha, hợp mốt đấy chứ! Phụ nữ thời Hán ai mà dám mặc áo hở vai? Nhưng điều quan trọng là với bộ quần áo như thế này, việc lên xuống lạc đà không còn khó khăn nữa. Buổi sớm trên sa mạc vẫn giá buốt, tiểu hòa thượng ân cần mang cho tôi một chiếc khăn quàng.

Tôi nhẩm tính, cả đoàn cũng phải chừng sáu mươi người, nhưng tính cả tôi cũng chỉ có tổng cộng năm người phụ nữ. Ngoài tiểu hòa thượng, những người còn lại đều bận quân phục và giắt bên mình một thanh kiếm dài của tướng sĩ thời xưa. Và với biểu cảm trên khuôn mặt họ, thì mọi sự tập trung đều dồn cả vào hai mẹ con ni cô.

Tôi có đôi chút băn khoăn, trước đây, tôi mới chỉ thấy hòa thượng và ni cô có người hầu đi cùng, chứ chưa từng gặp hòa thượng và ni cô dẫn theo một đội quân thế này. Càng quan sát càng nhận thấy vẻ quan cách toát ra từ cử chỉ và lời nói của họ, rõ ràng hai mẹ con hòa thượng có thân phận không tầm thường. So với những người khác, trình độ tiếng Hán của tiểu hòa thượng là khá nhất, vượt xa cả người mẹ xinh đẹp, nên tôi chọn đi cạnh hòa thượng để nghe ngóng tình hình. Tuy gi­ao tiếp khó khăn, nhưng tôi cũng nắm bắt được khá nhiều thông tin.

Tôi gặng hỏi hòa thượng có biết hiện ai đang làm vua vùng Trung Nguyên hay không. Hòa thượng suy nghĩ hồi lâu mới phát âm ra một tiếng gần giống với “Tần/Thanh”. Vậy hẳn là nhà Tần rồi! Không thể là nhà Thanh, nhóm chuyên gia đã khẳng định, cỗ máy vượt thời gi­an chỉ có thể đưa được con người về lại khoảng thời gi­an hai ngàn năm trước.

Tôi lại hỏi hòa thượng học tiếng Hán ở đâu. Hòa thượng hoa chân múa tay hồi lâu tôi mới hiểu sơ sơ, rằng ở Kuchi hòa thượng có hai thầy giáo người Hán. Hòa thượng thẹn thùng bộc bạch, là bản thân mới học tiếng Hán được vài tháng mà đã năm năm rồi không luyện khẩu ngữ, nên trò chuyện không được lưu loát.

Tôi quá đỗi kinh ngạc. Hòa thượng chưa đến mười sáu tuổi, vậy là cậu bắt đầu học tiếng Hán khi mới mười, mười một tuổi, năm năm bỏ bẵng, nhưng vẫn có thể gi­ao tiếp khá thế này, trí nhớ của hòa thượng thật đáng khâm phục. Thời gi­an học đại học, tôi lựa chọn học ngoại ngữ tiếng Đức, sau vài năm không ngó ngàng đến, giờ đây tôi chỉ nhớ mỗi câu ICH LIEBE DICH (Em yêu anh), nếu yêu cầu tôi trò chuyện với người Đức, sẽ chẳng khác nào như vịt nghe sấm.

Vì tôi tiếp đất giữa sa mạc mênh mông, nên tôi chỉ có thể suy đoán nơi này hoặc là thuộc Tây vực hoặc là thuộc Mông Cổ. Tôi thử hỏi về con đường tơ lụa, nhưng hòa thượng không hiểu. Chỉ khi tôi giải thích, tơ lụa và lá trà được vận chuyển từ Trung Nguyên đến tiêu thụ tại Đại Thực (nay thuộc các Tiểu vương quốc Ả Rập), Ba Tư (nay là I- ran), Đại Tần (nay là Ro­ma) trên con đường này, thì hòa thượng mới gật đầu. Hòa thượng cho biết, Kuchi nằm trên con đường này. Và trong tôi chợt bừng lên một tia hy vọng.

Tiếp đó, tôi vắt cạn bộ nhớ để kể ra những địa danh liên quan đến con đường tơ lục: Yên Kỳ (Yan­qi), Thiện Thiện (Shan­shan), Sơ Lặc (nay thuộc Kash­gar, Tân Cương), Lâu Lan, Hòa Điền (nay thuộc Hotan, Tân Cương), Ô Tôn (nay thuộc Ili, Tân Cương), Đôn Hoàng, … Trong số đó có một vài địa danh mà sau khi nghĩ ngợi một lúc, hòa thượng nhắc lại bằng một âm tương tự, những âm còn lại rất khó nhận biết. Khi kể đến địa danh Khâu Từ, tôi sững lại. Kuchi, Khâu Từ (Qiu Ci, nay thuộc huyện Kucha, Tân Cương). Hai âm này rất giống nhau, lẽ nào là quốc gia có nền văn minh phát triển và giàu mạnh nhất vùng Tây vực thời cổ đại?

Tôi nhìn hòa thượng và thử đọc lại tên Khâu Từ. Hòa thượng ngập ngừng giây lát rồi gật đầu và chỉ vào mình. Trời ơi, cuối cùng thì tôi biết mình đang ở đâu rồi. Tôi đã đến Tây vực, Tây vực đời Tần!

Vậy thì những người Khâu Từ mà tôi gặp trên đường đi này chính là người Tochari. Tài liệu lịch sử chép lại rằng, tổ tiên của người Khâu Từ là tộc người Da Yue Zhi, hay còn lại là người Tochari. Đầu dài, mũi cao, mắt sâu, môi mỏng, da trắng, thuộc giống người châu Âu nguyên thủy. Các bộ lạc Tochari đã kết thúc đời sống du mục vào khoảng một nghìn năm trước Công nguyên và bắt đầu định cư tại Kucha, Yan­qi và Tur­pan. Tôi đã đến tham quan rất nhiều viện bảo tàng khi đi du lịch Tân Cương và rất thích thú khi ngắm nghía các xác ướp, những xác ướp được lưu giữ gần như toàn vẹn sau hơn ba nghìn năm, khuôn mặt xác ướp vẫn hiểu hiện rõ nét đặc điểm ngoại hình của người châu Âu, nổi tiếng nhất là xác ướp mỹ nữ Lâu Lan. Nhưng có lẽ vì nằm trên huyết mạch chính của con đường tơ lụa, là nơi tập trung và lai tạp giữa nhiều tộc người khác nhau, nên người Khâu Từ có khuôn mặt tròn hơn người châu Âu hiện đại.

Niềm hứng khởi đang lên cao thì lập tức bị kéo xuống. Những ghi chép về Tây vực thời kỳ nhà Tần rất ít ỏi, hầu như chỉ tồn tại trong “Tây vực truyện” thuộc sách “Hán thư”. Lịch sử Tây vực trong trí nhớ của người Hán được bắt đầu từ thời Hán Vũ Đế: Trương Khiêm đến Tây vực, kết thân với Ô Tôn (Wu Sun), dựng trại làm ruộng, gây chiến với Hung Nô suốt mấy trăm năm. Nhưng được đến thời kỳ nhà Tần cũng rất tuyệt. Tôi phải lên đường đi Trường An ngay mới được, để có thể tận mắt chứng kiến những biến động to lớn cuối đời Tần, để được diện kiến những nhân vật lừng danh trong lịch sử.

Tôi lặp đi lặp lại nguyện vọng tha thiết đó với tiểu hòa thượng. Hòa thượng trầm tư một lát rồi gật đầu và hứa sẽ sắp xếp. Nhưng cũng nói thêm, đường xa vạn dặm, phải một năm mới đến nơi, hơn nữa hiện đang là thời kỳ chiến tranh loạn lạc, muôn phần nguy hiểm.

Trời, chiến tranh xảy ra rồi ư? Vậy thì tôi lại càng không thể chần chừ. Tôi vui vẻ bảo rằng không sao cả, hòa thượng băn khoăn nhìn tôi, đôi mắt màu xám nhạt lộ vẻ kinh ngạc. Tôi không biết phải giải thích thế nào để hòa thượng hiểu vì sao một cô gái như tôi lại hứng thú với chiến tranh đến vậy, nên chỉ cười trừ.

Câu chuyện giữa chúng tôi kéo dài đến gần trưa. Trời mùa thu lúc chính Ngọ nắng rất gắt gao, tôi phải trùm kín đầu bằng chiếc khăn quàng vai. Tiểu hòa thượng kéo thấp chiếc áo choàng dài, để lộ bờ vai phải, dưới ánh nắng rực rỡ, nước da bánh mật phản chiếu sức sống, nét khỏe khoắn và vẻ tráng kiện của tuổi trẻ. Lối trang phục để vai trần bên phải này vốn là trang phục phổ biến của giới tăng ni ở Ấn Độ và Tây vực. Sau đó, Phật giáo được truyền bá vào Trung Nguyên, kiểu trang phục này dần được cải biên, có câu “nhập gia tùy tục” mà. Thời tiết Ấn Độ nóng bức, Tây vực thì nằm trong vùng sa mạc, hoang mạc mênh mông, chênh lệch nhiệt độ ngày đêm rất lớn, nên kiểu trang phục kín đáo vào buổi sáng và buổi tối, hở vai vào buổi trưa này rất phù hợp với điều kiện thời tiết nơi đây.

Khuôn mặt hòa thượng bỗng nhiên ửng đỏ, ánh mắt rời khỏi tôi trôi về phía xa xăm. Lúc này mới chợt nhận ra tôi đã chăm chú ngắm nhìn hòa thượng rất lâu, xấu hổ hết chỗ nói! Trang phục đặc biệt này tôi mới chỉ thấy qua các bức bích họa, được tận mắt chiêm ngưỡng người thật trong trang phục thật thế này, đôi mắt tôi như bị thôi miên, cứ dán chặt vào, quên cả phép lịch sự. Không thể lôi công tác nghiên cứu ra để biện bạch cho hành vi của mình, tôi chỉ còn cách duy nhất là cười khì khì giả ngây ngô.

Chúng tôi dừng chân nghỉ ngơi tại một rừng dương nhỏ. Những người hầu cận nhanh chóng dựng lều và nhặt cành dương khô nhóm lửa nấu mì. Sau khi lót dạ bằng một bát mì nóng và những chiếc bánh Tây vực, tôi bắt đầu thèm ngủ. Hai mẹ con hòa thượng dùng bữa xong liền vào trong lều tụng kinh, họ đặt trên gối một cuốn kinh thư. Lòng hiếu kỳ kéo tôi lại gần họ, kết quả là tôi luôn luôn bị bất ngờ.

Kinh thư được viết trên lụa, chữ viết rất lạ, hình như là những kí tự, bao gồm rất nhiều đường nét giống hình số 8 được viết thẳng và viết ngang. Tuy đọc không hiểu, nhưng tôi không hoàn toàn xa lạ với ngôn ngữ này, loại văn tự này có lẽ là văn tự Tochari đã thất truyền từ rất lâu. Đây là ngôn ngữ Ấn Âu nguyên thủy cổ xưa nhất được biết đến cho tới nay, ra đời dựa trên sự phát triển những kí tự của chữ viết Brah­mi, Ấn Độ và cho đến nay vẫn chưa được giải mã triệt để.

Tôi run rẩy bò đến gần và nhấc cuốn kinh thư phủ trên đầu gối tiểu hòa thượng, nghẹn ngào thốt lên:

- Trời ơi, đây là văn tự Tochari, là văn tự Tochari đấy!

Nếu có thể mang cuốn kinh thư này trở về, nó sẽ có giá trị nghiên cứu lớn lao biết chừng nào!

Ni cô xinh đẹp hơi chau mày! Tiểu hòa thượng sau một thoáng giật mình, ngạc nhiên nhìn tôi:

- Cô biết văn tự này? Đây là chữ Khâu Từ, không phải Tochari[2].

A, đúng rồi, Tochari là cách đặt tên của người Đức, những người Khâu Từ này chắc chắn không biết Tochari là tên gọi ngôn ngữ của họ. Nhưng con người ở thế kỉ XXI đã quen với tên gọi đó. Tôi cười ngượng ngùng nhưng mắt vẫn dán chặt vào những hình số 8 xiêu vẹo kia, tự nhận thấy nỗi hưng phấn được tận mắt chiêm ngưỡng những dòng văn tự Tochari sống động đang dâng cao không bút nào tả xiết.

Được nghe lại và thấy lại một ngôn ngữ đã thất truyền đối với một người nghiên cứu lịch sử như tôi, có ý nghĩa vô cùng lớn lao, không thể đo đếm. Để có thể giải mã những văn tự đã chết, biết bao nhà nghiên cứu ngôn ngữ đã phải dành cả cuộc đời để tìm kiếm dấu tích trên những di chỉ, di cảo còn sót lại. Thế kỷ XVI­II, Cham­pol­lion lần đầu tiên giải mã được chữ tượng hình Ai Cập, đã vén được bức màn bí ẩn phủ trên mình lịch sử suốt mấy nghìn năm và ông được lưu danh thiên cổ. Hiện nay, các nhà khoa học vẫn chưa có cách nào giải mã hoàn toàn văn tự Tochari, nếu như tôi có thể đọc hiểu thứ ngôn ngữ này…

Tôi nắm chặt tay áo thùng thình của tiểu hòa thượng:

- Làm ơn, dạy tôi tiếng Tochari, à không, tiếng Khâu Từ!

Hòa thượng sững sờ chốc lát, rồi quay ra hỏi:

- Cô biết chữ Hán chứ?

- Tất nhiên rồi.

Đến phiên tôi ngạc nhiên.

Hòa thượng quay sang chuyện trò một hồi lâu với ni cô. Ni cô ngước nhìn tôi một lát rồi nói mấy câu với con trai. Hai mẹ con họ trao đổi khá lâu khiến tôi không khỏi hụt hẫng. Đang lo sợ bị từ chối, thì tiểu hòa thượng quay lại nhìn tôi, đôi mắt màu nâu nhạt ánh lên nét tinh nghịch:

- Tôi sẽ dạy cô, nhưng đổi lại cô phải dạy tôi tiếng Hán.

Tôi thở phào, thì ra cậu ta muốn có đi có lại, tốt thôi!

- Được chứ.

Ngập ngừng giây lát, tôi bổ sung thêm:

- Tuy tôi không uyên thâm kinh thư Phật pháp, nhưng tôi có thể dạy cậu chữ Hán, giảng giải “Luận ngữ”, “Kinh thi”, “Tả truyện”, “Chiến quốc sách”.

Tôi nghiên cứu lịch sử, không phải Phật học. Tôi có tìm hiểu đôi chút về lịch sử Phật giáo, nhưng đi sâu vào những nội dung cụ thể của Phật giáo tam tạng như: kinh tạng, luật tạng, luận tạng thì tôi hoàn toàn không biết gì. Tôi thực sự tiếc nuối, sớm biết sẽ vượt thời gi­an đến nơi đây, đồng hành cùng mấy vị hòa thượng ni cô thế này, tôi đã chăm chỉ nghiên cứu về Phật học rồi.

- Không hiểu kinh Phật cũng không sao, cô dạy tôi những kinh văn kia là đủ.

Tiểu hòa thượng có vẻ rất vui mừng, vì tôi thấy nụ cười ấm áp lẩn khuất sau hàng lông mày dài tuyệt đẹp.

Tôi bỗng nghĩ, kinh Phật lưu truyền ở Trung Nguyên đều được dịch từ tiếng Phạn và một số ngôn ngữ thuộc Tây vực. Hòa thượng là người Khâu Từ, đâu cần phải học kinh Phật tiếng Hán, hòa thượng người Hán học kinh Phật từ tiểu hòa thượng này mới đúng chứ!

Hôm đó, tôi còn phát hiện thêm điều thú vị này nữa: sau bữa trưa, hai mẹ con hòa thượng không ăn thêm bất cứ thứ gì. Người cổ đại chỉ ăn hai bữa một ngày, giới tăng ni càng nghiêm khắc hơn.

Hỏi tiểu hòa thượng thì được trả lời bằng tiếng Hán bập bõm rằng, giới luật quy định, hòa thượng có thể dùng bữa trong khoảng thời gi­an từ sáng đến trưa, nhưng bắt đầu từ buổi chiều cho đến buổi sáng ngày tiếp theo, hòa thượng không được phép ăn uống bất cứ thứ gì.

Giới luật này được đặt ra xuất phát từ câu chuyện: một đệ tử của Phật Thích Ca đi khất thực vào buổi chiều muộn, lúc ấy trời đã nhá nhem tối, một người phụ nữ mang thai lầm tưởng vị hòa thượng đó là ma, đã quá sợ hãi dẫn đến đẻ non. Từ đó, Phật Thích Ca đã đặt ra giới luật này. Nhưng những người ốm đau bệnh tật hoặc những người lao động vất vả, thì vẫn được phép ăn bữa tối, để duy trì sức khỏe.

Tôi gật gật đầu. Vào thời đại của Phật Thích Ca, các hòa thượng dành phần lớn thời gi­an cho việc ngồi thiền, nên năng lượng tiêu hao không nhiều, không ăn bữa tối cũng không sao. Nhưng khi Phật giáo được truyền vào đất Hán, các nhà sư Trung Nguyên vẫn ăn tối như người thường. Bởi vì, ở Trung Nguyên, nhà sư cũng phải làm ruộng, nên đã chủ động thay đổi giới luật. Điều đó chứng minh tính linh hoạt của tín ngưỡng Phật giáo. Có lẽ vì thế, trải qua mấy nghìn năm, Phật giáo vẫn phát triển mạnh mẽ.

Quan sát cách họ ăn cơm và uống nước đều nhận thấy nhiều điều thú vị. Đám thị nữ dùng một vật dụng gần giống với túi lưới, lọc nước rồi mới mang đến cho hai mẹ con hòa thượng uống[3]. Lúc đầu tôi cứ đinh ninh, hẳn là họ e ngại nước trên sa mạc chứa nhiều tạp chất, nặng mùi phèn nên lọc qua một lần rồi mới uống. Nhưng đến khi thấy nước dành ình không cần lọc, liền cảm thấy kì lạ.

Tiểu hòa thượng lại ra sức giải thích cho tôi hiểu: các nhà sư trước khi uống phải lọc nước để tránh nuốt vào bụng những sinh vật có trong nước, nếu không, sẽ vô tình mắc tội sát sinh. Bởi vậy, giới luật của nhà Phật quy định, nhà sư phải luôn mang theo bên mình túi lọc nước, nếu không, họ không được phép rời khỏi nơi ở quá hai mươi dặm.

Lời giải thích của tiểu hòa thượng khiến tôi lập tức nhớ tới câu chuyện Trần Huyền Trang khi xưa một mình đi giữa sa mạc mênh mông không bóng người, mặc dù sắp lả đi vì khát, nhà sư vẫn đổ hết nước trong túi da của mình đi. Vì Huyền Trang kiên trì tuân thủ giới luật, không uống nước khi chưa được lọc sạch.

Buổi tối, tôi ngồi bên đống lửa ngoài lán trại, chăm chú ghi chép lại tất cả những điều mắt thấy tai nghe mấy ngày qua. Trên cao, ngàn vạn ngôi sao lấp lánh giữa nền trời xanh thẫm.

Còn nhớ những ngày tháng du lịch Tân Cương ở thế kỷ XXI, tôi cũng từng ngước lên bầu trời trong vắt giữa đêm khuya thanh vắng và tự hỏi, phải chăng người xưa cũng từng ngắm nhìn bầu trời đêm này như tôi? Và, bầu trời sao tôi nhìn thấy đêm nay, phải chăng cũng là bầu trời sao thuần khiết mà một nghìn năm sau tôi lại được nhìn ngắm? Tôi cứ đắm chìm trong mối suy từ này không sao dứt ra khỏi. Tôi của hôm nay và tôi của một nghìn năm về sau đang cùng hướng lên bầu trời thăm thẳm kia ư? Vậy rốt cuộc, tôi đã xuất hiện và tồn tại như thế nào?

Chương 4: Thiên tài ngôn ngữ

Ngày thứ ba, chúng tôi dựng trại ven một dòng sông đang mùa nước cạn. Mẹ con tiểu hòa thượng đã bắt đầu tụng kinh, họ không ăn tối, tôi dùng bữa cùng với những người khác, vẫn là bánh Tây vực và mì nóng. Tôi ở chung với những thị nữ khác, hòa thượng “quyền quý” được dành riêng một lán trại với chế độ chăm sóc đặc biệt. Vì vậy, lớp học, tất nhiên là được sắp xếp ở chỗ của hòa thượng.

Vừa bước vào trong lán, tôi bỗng sững lại, Ji­ba đang cạo đầu cho con trai, những sợi tóc màu hung rơi lả tả trên tấm vải trắng quấn quanh cổ hòa thượng. Hòa thượng mỉm cười với tôi và ra hiệu cho tôi ngồi chờ một lát.

Tôi bắt đầu quan sát Ku­mala­ji­ba trong thời gi­an chờ đợi. Vầng trán của cậu không bị nén dẹt như người mẹ. Và thật mừng là các nhà sư sống trong thời đại và khu vực này không có tục lệ đốt hương trên đỉnh đầu, bằng không, bên cạnh đau đớn về thể xác, những vết sẹo đó sẽ phá hoại dung mạo gần như hoàn mỹ của tiểu hòa thượng.

Nghĩ đến những vết sẹo đốt hương, bất giác tôi mỉm cười, đây vốn là “đặc sản” của văn hóa Phật giáo Trung Nguyên.

Thực ra lúc đầu, cũng giống như ở các quốc gia khác, hòa thượng Trung Quốc không đốt hương trên đỉnh đầu. Được biết tục lệ này vốn do Lương Vũ Đế – vị vua cuồng tín đạo Phật thời Nam Bắc triều khởi xướng. Vua Lương từng ba lần quyết tâm xuất gia, nhưng cả ba lần đều “bị” các đại thần “chuộc” về bằng rất nhiều ngân lượng.

Vì muốn nhanh chóng mở rộng diện ảnh hưởng của đạo Phật và tăng số lượng tăng ni Phật tử, nhà vua đã hạ chỉ miễn tội cho tất cả các tử tù, buộc họ xuất gia làm hòa thượng. Nhưng vì lo ngại đám tử tù bỏ trốn, tiếp tục phạm tội, ngài lệnh “kiểm hình” (khắc chữ trên mặt) Lương Vũ Đế còn ban chỉ dụ đốt hương trên đỉnh đầu các tử tù để dễ dàng nhận dạng trong quá trình truy bắt.

Cá nhân tôi cho rằng, tục lệ đốt hương trên đầu hòa thượng ở Trung Quốc xuất phát từ mục đích của nhà cầm quyền. Các nhà sư không tham gia sản xuất, không nộp thuế, không sinh con cái, nếu số lượng tăng ni quá nhiều sẽ ảnh hưởng xấu đến năng lực sản xuất. Thêm vào đó, giới luật “không sinh con” của Phật giáo mâu thuẫn sâu sắc với luân thường đạo lý thời xưa “trong ba tội bất hiếu, không có con nối dõi là tội nặng nhất”. Những thảm kịch “hủy diệt đạo Phật” diễn ra trong lịch sử đều có nguyên nhân sâu xa từ yêu cầu duy trì phát triển kinh tế và bảo vệ những luân lí đạo đức vốn có từ lâu đời. Tuy nhiên, sự tồn tại của tôn giáo là không thể thiếu, tôn giáo giúp gi­ai cấp thống trị giữ cho xã hội được ổn định. Vì vậy, các nhà sư buộc phải có thẻ chứng nhận và nhà nước khống chế chặt chẽ số lượng tăng ni. Dấu hiệu nhận biết bên ngoài của nhà sư chính là vết chấm cháy trên đỉnh đầu. Những kẻ cạo trọc đầu giả mạo nhà sư sẽ dễ dàng bị phát hiện. Rất mừng là sau giải phóng, tập tục này đã được xóa bỏ, nhưng tôi nghe nói, một số chùa vẫn duy trì nghi lễ đốt hương này…

- Ngải Tình!

Tôi giật mình ngẩng lên, tiểu hòa thượng mặt mày hớn hở. Vừa cạo đầu xong, trông cậu ta có vẻ sảng khoái và phấn chấn. Tôi ngó nghiêng, Ji­ba đã ra ngoài lúc nào mà tôi không hay. Vội theo sau tiểu hòa thượng đến bên chiếc bàn dài, tôi bắt đầu buổi học đầu tiên của mình.

Tiểu hòa thượng dạy tôi tiếng Tochari trước. Mặc dù hết sức tận tâm và kiên trì, nhưng vì trình độ tiếng Hán có hạn, chữ Tochari lại khó nhớ, tôi cảm thấy khổ sở hơn cả ngày xưa học tiếng Đức, tôi gắng sức tập trung, mồ hôi lăn đầy trên trán. Một tiếng sau thì tôi mệt đến mức phủ phục xuống bàn học và yêu cầu được nghỉ giải lao. Giờ học tiếng Tochari của tôi đã kết thúc trong rã rời như vậy.

Nghỉ ngơi một lúc thì đến lượt tôi dạy tiểu hòa thượng tiếng Hán. Tôi từng tham gia giảng dạy xóa mù chữ mỗi dịp nghỉ hè, nên tôi rất tự tin với những giờ dạy tiếng Hán sơ cấp. Tiếng Hán nhập môn không quá khó vì đều bắt đầu với việc nhìn tranh học chữ. Vấn đề ở chỗ, thời cổ đại chưa có khái niệm phiên âm, nên rất khó ghi nhớ cách phát âm.

Phương pháp chú âm thời cổ đại gọi là “phiên thiết”, tức là dùng âm của hai chữ khác (được coi là đã biết cách đọc) ghép lại để chú âm ột chữ Hán mà người đọc chưa biết cách đọc. Thông thường sẽ ghép thanh mẫu (phụ âm đầu) của chữ phía trước với vận mẫu (vần) và thanh điệu (dấu) của chữ phía sau. Ví dụ chữ “tú” có thể đọc thành “tê u sắc”. Phương pháp phiên thiết sử dụng bảng chữ cái riêng gọi là “quảng vận”. Nhưng tôi đâu phải cổ nhân, tôi không đọc được những chữ cái phiên thiết đó, tôi cũng không dám áp dụng phương pháp phiên âm, vốn là phát minh của hai nghìn năm sau, nên tôi đành đọc mẫu rồi yêu cầu hòa thượng mô phỏng theo và học thuộc lòng.

Tôi lôi tập giấy nháp và bút chì ra, vừa vẽ tranh vừa giảng giải. Hòa thượng tỏ ra rất hiếu kỳ với những đồ dùng học tập mới lạ của tôi và không ngừng đặt câu hỏi: loại giấy trắng tinh và chiếc bút chì ngòi cứng này làm thế nào mà có? Tôi đành phải nói dối rằng có một người kỳ lạ đã tặng cho tôi, rằng trên đời này chỉ mình tôi có chúng và tôi cũng không biết chúng được tạo ra bằng cách nào. Sau đó, tôi làm bộ nghiêm khắc, yêu cầu hòa thượng chuyên tâm nghe giảng, không được hỏi gì thêm.

“Nhật nguyệt thủy hỏa thổ, kim mộc nhĩ khẩu thủ”. Để chuẩn bị cho chuyến vượt thời gi­an này, tôi đã dành ra một năm chuyên tâm luyện tập chữ phồn thể, nhưng cứ nghĩ đến thời nhà Tần sử dụng chữ tiểu triện là tôi lại toát mồ hôi. Tôi chỉ có thể đọc hiểu mà không thể viết được loại chữ này, mong là tôi không làm cho lịch sử bị sai khác đi. Cũng may tiểu hòa thượng sinh sống ở Tây vực xa xôi, cậu ta khó mà đến được Trung Nguyên.

Tiểu hòa thượng từng học tiếng Hán nên vẫn nhớ khá nhiều chữ. Cậu ta rất chăm chỉ, hai mắt dính chặt vào tập giấy tốc ký của tôi và gật gù liên tiếp. Mùi thơm dìu dịu của gỗ đàn hương trên người tiểu hòa thượng tỏa lan trong không gi­an. Buổi lên lớp đầu tiên của tôi đã kết thúc tốt đẹp trong hương thơm dễ chịu ấy.

Ngày hôm sau, chúng tôi tiếp tục lên đường. Gi­ao tiếp giữa tôi và Ku­mala­ji­ba trở nên suôn sẻ hơn. Cậu ta bắt chước rất nhanh, chỉ cần tôi cắt nghĩa một lần, cậu ta sẽ không hỏi lại nếu trong bài giảng lần sau của tôi xuất hiện những từ đã học. Ngoài ra, cậu ta còn biết cách sắp xếp lại theo đúng trật tự cú pháp: chủ ngữ, vị ngữ, tân ngữ dựa trên quy tắc của ngữ pháp tiếng Hán.

Vào thời đại này, nếu gi­ao tiếp với người Hán, hẳn tôi phải dùng lối nói văn ngôn cổ xưa. Nhưng với tiểu hòa thượng Tây vực, tôi vẫn áp dụng phương thức gi­ao tiếp phổ thông của thế kỷ XXI. Bởi vì hòa thượng là người nước ngoài, nên tôi không lo cậu ta phát hiện ra tôi trò chuyện không đúng quy chuẩn của thời đại. Ku­mala­ji­ba thích tìm hiểu về lịch sử, địa lý, phong tục tập quán của cư dân vùng Trung Nguyên. Tôi giảng giải cho cậu ta dựa trên những kiến thức đọc được trong sách lịch sử. Càng ngày tôi càng cảm thấy tiểu hòa thượng không những tư chất thông minh, trí nhớ siêu phàm mà cậu ta còn có một khả năng ngôn ngữ thiên bẩm đáng ngưỡng mộ!

Tôi hỏi Ku­mala­ji­ba vì sao lại dẫn theo quân lính, thực ra mục đích chính của tôi là tìm hiểu thân thế của tiểu hòa thượng. Cậu ta trả lời rằng họ đã đi chu du nhiều nước trong suốt bốn năm qua, mà khoảng cách giữa các quốc gia là những sa mạc mênh mông, không bóng dáng sự sống, thêm nữa, những nơi họ đi qua đều thuộc khu vực không có sự cai quản, thường xuyên bị cướp bóc. Họ không thể không dẫn theo lính tráng để bảo vệ một lượng lớn sách kinh Phật và xá lợi quý báu trên đường đi.

Huyền Trang khi xưa trên đường tây du cũng từng nhiều lần bị cướp bóc. Tôi gật đầu đồng tình và xác nhận tầm quan trọng của đội ngũ vũ trang. Nhưng tôi vẫn chưa tìm hiểu được thân thế của hòa thượng, chỉ biết rằng, bốn năm trước họ dẫn theo đội quân tinh nhuệ này rời khỏi Kucha. Nhưng chắc hẳn hai mẹ con họ có quan hệ với hoàng thất, vì chỉ có hoàng thân quốc thích mới được quân đội của nhà vua đi theo bảo vệ như vậy.

Ji­ba lặng lẽ theo sau lắng nghe câu chuyện của chúng tôi, khuôn mặt lúc nào cũng an nhiên, bình thản, thi thoảng bà quay sang trao đổi đôi câu với con trai. Tuy không hiểu bà nói gì, nhưng giọng nói dịu dàng ôn hòa của bà khiến tôi chắc chắn rằng bà không có ý trách móc gì tôi. Lúc nào bà cũng nhã nhặn lịch thiệp. Tôi biết bà rất yêu con, nhưng bà không hề có những cử chỉ thân mật mà một người mẹ thường dành cho con mình, có lẽ vì họ là người xuất gia.

Nhưng đến thời gi­an tụng kinh thì bà lại hết sức nghiêm khắc, vẻ trang trọng và thành kính hiện trên nét mặt, ánh mắt cúi xuống nghiêm cẩn, cùng con trai lầm rầm tụng niệm. Những lúc thế này, hai người họ như bỏ lại bên ngoài mọi thứ thuộc về thế giới trần ai, một lòng hướng Phật, tiếng kinh kệ vang xa như gõ động tâm linh. Lần đầu tiên tôi cảm nhận được sức lay động lớn lao của tôn giáo. Đứng bên ngoài lán trại lắng nghe mà tôi như mê đi!

Buổi tối tiếp tục lên lớp. Vắt óc mãi mà không nhớ được tiếng nào, tôi đành ngoan ngoãn chìa tay ra trước mặt tiểu hòa thượng.

- Gì vậy?

Tiểu hòa thượng theo tôi học tiếng Hán hiện đại, nên ngôn từ không lấy gì làm văn vẻ.

- Đánh vào lòng bàn tay tôi đi.

Tôi cười vui vẻ.

- Giáo viên người Hán của chúng tôi đều làm như vậy mỗi khi học sinh mắc lỗi. Cậu thấy không, tôi rất có tinh thần tự giác nhé, tôi đã chủ động nhận lỗi.

- Cô mắc lỗi gì?

Đôi mắt màu nâu nhạt sáng lấp lánh như muốn soi tỏ tâm hồn người đối diện.

- Tôi quên hết những chữ cái Tochari, à quên, chữ cái Khâu Từ mà hôm qua cậu dạy rồi.

Tôi làm bộ đau khổ rồi bật cười, sao tôi cứ quen gọi là tiếng Tochari nhỉ?

Tiểu hòa thượng cũng phì cười, nụ cười lấp lánh như sao sáng.

- Tại tôi không biết cách truyền đạt, sao trách cô được!

Hòa thượng chìa tay trái về phía tôi, tay phải cầm tay tôi đập đập vào lòng bàn tay mình. Tuy không mạnh, nhưng những va chạm khẽ khàng thế này cũng khiến tôi có chút tê dại.

- Nên phạt tôi mới phải, nếu ngày mai cô vẫn không thuộc bài, tôi sẽ chịu đòn.

Tôi rút vội tay về, thoáng chút cảm động. Tôi nghiêng đầu, cố gắng tập trung vào những chữ cái trước mặt.

Hôm nay tôi tiếp thu nhanh hơn hôm qua, tiếng Hán của Ku­mala­ji­ba đã khá lên rất nhiều. Tôi đã học xong toàn bộ bảng chữ cái Tochari. Tôi cẩn thận ghi lại cách phát âm bằng kí hiệu phiên âm bên cạnh mỗi chữ cái cho dễ nhớ. Nhìn thấy những kí hiệu đó, tiểu hòa thượng tỏ ra rất thích thú, thế là tôi lại phải giảng giải về quy tắc ghi phiên âm cho cậu ta nghe. Ku­mala­ji­ba hết lời khen ngợi phương pháp độc đáo ấy. Nhưng tôi buộc phải yêu cầu cậu không được tiết lộ cho người khác biết, vì nếu không lịch sử rất có thể sẽ thay đổi.

- Nhưng vì sao? Cô là người nghĩ ra à?

Tôi không thừa nhận cũng không thể phủ nhận, chỉ trả lời một cách mơ hồ:

- Người Hán không thích phụ nữ tài giỏi, vì vậy nếu cậu nói cho người khác biết chính tôi đã nghĩ ra phương pháp ghi phiên âm này, tôi sẽ bị xem là yêu quái và sẽ bị hỏa thiêu.

Không thể không bật ra câu chuyện về nữ thần kiểu này.

- Người Hán không nên như vậy.

Trầm tư một lát, tiểu hòa thượng nhìn tôi nghiêm nghị.

- Phàm là con người thì đều như nhau, phụ nữ cũng có thể thông minh như đàn ông vậy.

Sau đó, tiểu hòa thượng giảng giải một thôi một hồi bằng tiếng Tochari, có lẽ vì lượng từ vựng tiếng Hán chưa đủ để cậu có thể diễn đạt những suy nghĩ của mình.

Tôi bật cười. Tinh thần khẳng khái của chàng trai trẻ khiến tôi có cảm giác thật ấm áp. Nhưng, tôi phải tìm cách chuyển chủ đề thôi, cứ tiếp tục thế này, không biết tôi sẽ phải nói dối đến bao giờ.

- Cậu hiểu được như vậy là tốt rồi. Bây giờ, đến lượt tôi dạy cậu. Khổng Tử – nhà giáo dục lớn ở Trung Nguyên thời cổ đại từng nói: Ôn cố nhi tri tân, nghĩa là, luyện tập lại những gì đã học, từ đó phát hiện ra những điều mới mẻ. Vậy nên, bây giờ tôi sẽ kiểm tra những chữ Hán mà hôm qua cậu đã học.

Tôi đặt tập giấy nháp và bút chì trước mặt tiểu hòa thượng.

- Cậu viết đi! Sai một chữ phạt một roi!

Tiểu hòa thượng nhìn tôi mỉm cười, đón lấy tập giấy nháp và chiếc bút chì. Tay cầm bút có chút gượng gạo nhưng vẫn rất ra dáng học trò. Từng nét chữ vuông vắn hiện ra dưới ngòi bút, thật không ngờ, cậu ta nhớ được tất cả những chữ Hán của buổi học hôm qua!

Mất vài phút ngẩn ngơ, miệng há hốc vì ngạc nhiên, tôi mới lấy lại được bộ dạng của một giáo viên, được rồi, để xem, cậu có thoát được tiết mục phạt đòn của tôi không.

- Đọc cho tôi nghe cách phát âm của từng chữ.

Lại nhìn tôi mỉm cười. Hai ba chục chữ tượng hình, cậu ta lần lượt đọc không sót một chữ nào, cằm tôi như sắp tuột xuống. Tuy vẫn pha chút khẩu âm, nhưng về cơ bản không sai một chữ. Hôm qua, tôi không hề dạy cậu ta cách ghi phiên âm kia mà! Không biết chỉ số IQ của “tên” này là bao nhiêu nữa?

“I phục You quá đi”! Nỗi kinh ngạc của tôi chỉ có thể được diễn tả bằng câu ấy. Tất nhiên, tôi chỉ nghĩ thầm trong bụng.

Tôi tiếp tục giờ học, sau khi dạy hết các chữ tượng hình, tôi chuyển sang chữ chuyển chú (là phương pháp dùng hai chữ Hán giải thích cho nhau với điều kiện: chúng phải cùng chung bộ thủ và ý nghĩa thì tương đồng), rồi đến các từ đơn giản. Tôi rầu rĩ nghĩ rằng, cũng là học ngoại ngữ, mà sao trình độ cách xa một trời một vực như vậy! Nếu cứ tiếp tục thế này, có khi tiểu hòa thượng viết được luận bằng tiếng Hán thì tôi vẫn còn đang ở gi­ai đoạn học thuộc từ vựng Tochari cũng nên. Càng hổ thẹn hơn nữa, Ku­mala­ji­ba đã vận dụng thành thạo nguyên tắc ghi phiên âm để chú âm cho các chữ Hán tôi vừa dạy, tuy không chính xác tuyệt đối, nhưng mười phần thì cũng được tám, chín phần.

Có lẽ, không bao lâu nữa tôi sẽ bị cho nghỉ hưu non thôi!

## 3. Chương 05 - 06

Chương 5: Lý tưởng và đường song song

Lục lạc lanh canh, đoàn người chậm rãi rong ruổi trên sa mạc ngút ngàn cát trắng. Vậy là đã tám ngày trôi qua. Tôi quấn chặt khăn trùm đầu, quay lại phía sau, đưa bốn ngón tay lên xếp hình ống kính máy ảnh, di chuyển qua các góc độ để lấy nét. Trong khung cảnh tưởng tượng của tôi hiện ra một cảnh tượng tuyệt đẹp: nắng vàng rực rỡ chiếu rọi lên hàng dài nối tiếp nhau đến vô tận những dấu chân lạc đà in trên biển cát sáng lấp lóa. Một trận gió quét qua, hệt như biển khơi dội trào từng đợt sóng nhỏ, làm cho những dấu chân trở nên mờ ảo trong gió cát.

- Tách!

Tôi muốn định hình và lưu lại trong trái tim khung cảnh này mãi mãi.

- Cô làm gì vậy?

- Không có gì.

Tôi thu tay lại, không thể nói với tiểu hòa thượng rằng tôi đã nuối tiếc như thế nào khi không mang theo máy ảnh, nên chỉ thở dài than vãn:

- Những viết chân trên cát sẽ nhanh chóng biến mất, hệt như cuộc đời ngắn ngủi của con người vậy.

Tôi ghìm dây cương và nhảy xuống. Quay trái ba vòng phải ba vòng, ngoáy đầu, lắc hông, phải vận động một chút mới được, nếu không gân cốt tôi tê dại mất. Ngước lên thấy Ku­mala­ji­ba trên lưng lạc đà đang chăm chú nhìn mình, tôi cười:

- Nhưng dù vậy tôi vẫn sẽ kiên trì bước từng bước vững chắc và lạc quan đi đến đích cuối cùng.

Tôi nắm dây cương, dắt lạc đà và rảo bước trên cát, tôi muốn lưu lại dấu ấn của tôi trên sa mạc nghìn năm về trước này. Ku­mala­ji­ba nở nụ cười tươi tắn, cũng nhảy xuống và học theo tôi. Lát sau, hai chú lạc đà đã được những người hầu cận dắt đi.

Được một đoạn, chúng tôi ngoảnh lại nhìn, đôi hàng dấu chân in trên cát, kéo dài thành hai đường thẳng song song. Tôi nảy ra ý tưởng, liền đề nghị tiểu hòa thượng:

- Cậu hãy đi lên phía trước.

Tiểu hòa thượng hơi băn khoăn, nhưng vẫn ngoan ngoãn tiến lên trước. Tôi theo sau, đặt chân mình lên những dấu chân của Ku­mala­ji­ba. Cậu ta đi được một đoạn chợt dừng bước, quay người lại. May sao tôi kịp đứng lại và bước sang bên, nếu không chắc sẽ đâm sầm vào cậu ta mất.

- Lẽ ra chúng ta là hai đường thẳng song song, dù đi bao xa cũng không bao giờ gặp nhau, nhưng vì cơ duyên, hai đường song song đã hợp lại thành một.

Tám ngày trước tôi đang ở một nơi cách nơi này hàng nghìn năm thời gi­an.

- Bởi vậy, duyên số thật kỳ lạ!

- Tôi thì nghĩ, tôi được gặp cô, đó là ý của Phật tổ.

Tôi quay lại và bắt gặp ánh mắt tiểu hòa thượng, đôi mắt trong veo như làn suối, đó là đôi mắt thuần khiết nhất mà tôi từng gặp trong suốt hai mươi ba năm qua. Vừa định đáp lời, tôi bỗng thấy một bóng người từ phía xa đi tới. Lúc người đó lại gần, tôi nhận ra đó là một hòa thượng khất thực, dáng vẻ khổ hạnh, khuôn mặt dính đầy bụi cát, dắt bên mình một con ngựa gầy gò như chủ nhân của nó. Ku­mala­ji­ba vội vàng bước đến, ni cô xinh đẹp cũng nhảy xuống, ra lệnh cho đoàn người dừng lại. Hai mẹ con chắp tay cung kính chào đón lão hòa thượng.

Họ mang nước và thức ăn đến cho hòa thượng khất thực, vị hòa thượng nhận lấy và đặt vào chiếc túi tả tơi khoác trên lưng, sau đó ba người bắt đầu cuộc chuyện. Lão hòa thượng quan sát Ku­mala­ji­ba hồi lâu, nói với cậu đôi câu, sắc mặt trầm buồn. Rồi quay sang trao đổi với Ji­ba, hai người vừa nói chuyện vừa ngắm nhìn Ku­mala­ji­ba, vẻ mặt của tiểu hòa thượng bỗng trở nên âu sầu.

Một lát, hòa thượng nói lời từ biệt, đi về hướng ngược lại với chúng tôi. Kể từ lúc đó, mẹ con ni cô có vẻ rầu rĩ hơn trước.

Chúng tôi leo lên lưng lạc đà đi tiếp. Tôi lặng lẽ thúc lạc đà đến bên Ku­mala­ji­ba hỏi chuyện:

- Này tiểu hòa thượng, lão hòa thượng ấy nói gì với cậu thế?

Ku­mala­ji­ba suy nghĩ một lát rồi đáp:

- Thầy nói, mẹ phải ở bên cạnh và bảo vệ tôi. Ngày sau tôi sẽ thành công trong việc chấn hưng và phát triển Phật pháp, siêu độ vô số chúng sinh, công đức lớn lao không kém Up­agup­ta.

- Up­agup­ta là ai?

- Là vị cao tăng nổi tiếng, thủy tổ của phái Thiền Tông Ấn Độ.

- Đại sư thật đáng nể, ngài ấy thấy được cả tương lai sáng lạn của cậu. Tôi cũng tin như vậy, chắc chắn cậu sẽ trở thành một vị cao tăng được nhiều người sùng kính.

Niềm tin đó là thật, với trí tuệ siêu phàm như hiện nay, Ku­mala­ji­ba chắc chắn sẽ nổi danh trong thiên hạ. Có điều với lượng kiến thức ít ỏi về Tây vực, tôi không đoán ra được cậu là nhân vật nổi tiếng nào. Nghe tôi tán dương mà Ku­mala­ji­ba không hề tỏ ra vui sướng chút nào.

Tôi có cảm giác, lão hòa thượng kia không chỉ nói với cậu bấy nhiêu.

- Sao thế, sao cậu không nói gì?

Tiểu hòa thượng dõi mắt về phía hàng dương xa xa, vẻ mặt uể oải in đậm trên sắc mặt.

- Đại sư còn nói, nếu không tuân thủ giới luật một cách nghiêm khắc, rồi đây tôi sẽ chỉ là một pháp sư thông minh sáng láng không hơn không kém.

- Không tuân thủ giới luật? Làm gì có chuyện đó!

Ngón tay tiểu hòa thượng nắm chặt dây cương đến tím tái, đầu cúi thấp, thanh âm nhẹ bẫng:

- Đại sư nói, nếu trước năm ba mươi lăm tuổi…

Tiểu hòa thượng ngập ngừng, hai má bỗng chốc ửng đỏ, ánh mắt chấp chới nỗi sợ hãi mơ hồ. Nhưng chỉ một thoáng qua đi, vẻ bình thản trở lại trên khuôn mặt.

- Trước năm ba mươi lăm tuổi làm sao?

Biểu cảm của Ku­mala­ji­ba cho tôi biết có điều gì đó rất nghiêm trọng.

Tiểu hòa thượng trầm ngâm hồi lâu, thả lỏng dây cương, từ tốn đáp:

- Tôi không biết diễn đạt như thế nào bằng tiếng Hán.

Câu trả lời chỉ khiến tôi càng thêm tò mò.

Tiểu hòa thượng đột ngột vung dây cương, thúc lạc đà chạy lên phía trước, giữ một khoảng cách với tôi. Thân hình mảnh khảnh, lớp áo choàng bay bay trong gió, ánh nắng chếch nghiêng, cắt xuống nền cát một bóng hình sẩm đỏ, cô liêu. Tôi băn khoăn không biết có phải mình đã làm gì sai hay không?

Cách đó không xa là một khu rừng nhỏ. Người mặc chiếc áo nâu sòng của giới tu hành đã dừng lại, ngoảnh đầu ngóng đợi, chờ tôi bắt kịp, rồi cùng tôi thong dong tiến về phía trước.

Thoáng chút áy náy trên nét mặt, hòa thượng hắng giọng, quay sang hỏi tôi:

- Ngải Tình, vì sao cô gọi Bhikkhu[4] là lão hòa thượng còn gọi tôi là tiểu hòa thượng?

Tôi biết cậu ta muốn chuyển đề tài. Thì bởi vì tôi không hiểu tiếng Phạn chứ sao. Bhikkhu nghĩa là gì? Mà tên cậu ta cũng rất khó nhớ, gọi là tiểu hòa thượng thì có sao đâu.

Tôi hỏi ngược lại Ku­mala­ji­ba:

- Trong tiếng Phạn có tôn xưng dành riêng để gọi nhà sư không, có từ nào phát âm giống “hòa thượng” không?

Cậu ta lắc đầu:

- Trong tiếng Phạn hình như không có, nhưng ở Điền Quốc, người ta gọi các đại sư truyền giới là Khosha, tên gọi này nghe có vẻ giống từ “hòa thượng”.

Thú vị quá, thì ra từ “hòa thượng” được dịch từ ngôn ngữ của Điền Quốc.

- Nhưng hòa thượng là các đại sư truyền giới có trên mười năm thọ đại giới, thông tỏ đại luật đủ tư cách để xuống tóc và thọ giới cho người khác. Tôi nào đã đến được cảnh giới đó, không xứng với tôn xưng hòa thượng. Vả lại, tôi cũng chưa thọ đại giới, cô cứ gọi tôi là Sra­man­era đi.

Lại là tiếng Phạn. Thấy tôi ngơ ngác, cậu ta vội giải thích: Sra­man­era chỉ những người mới xuất gia tuổi từ bảy đến hai mươi, đã thọ thập giới, nhưng chưa thọ đại giới. Sau khi thọ đại giới, họ sẽ được gọi là Bhikkhu, nghĩa là khất sĩ, khất sĩ là những người cầu Phật pháp nơi Phật tổ và khất thực chốn nhân gi­an.

Tôi hiểu rồi, chả trách những âm đọc này rất quen tai. Sra­man­era là Sa di, Bhikkhu là Tỷ khâu, cả hai đều là âm dịch. Thì ra nhà sư cũng được phân chia giới bậc khi gọi tên. Nhưng ở Trung Quốc, người ta gọi sư cụ là lão hòa thượng, gọi chú tiểu là tiểu hòa thượng, thậm chí những em bé còi cọc không chịu lớn người ta cũng gọi là hòa thượng. Chẳng ngờ, từ “hòa thượng” lại có ý nghĩa tôn quý như vậy.

Tôi cười thích thú, chàng trai thiên tài, tính tình trầm lặng này đã trau dồi cho tôi không ít kiến thức về Phật giáo. Vì vậy, dù hơn cậu ta khá nhiều tuổi, nhưng sự trưởng thành của cậu ta khiến tôi có cảm giác chúng tôi là những người đồng niên. Và cũng nhờ cậu, hành trình gi­an nan của tôi ngày càng có thêm nhiều niềm vui.

Như thường lệ, sau khi kết thúc giờ học buổi tối, tôi ngồi ghi chép bên đống lửa. Mặc dù đèn dầu trong lều trại cũng đủ sáng, nhưng tôi thích không gi­an khoáng đạt bên ngoài hơn. Ngắm nhìn bầu trời đầy sao giữa sa mạc hoang vu luôn khiến tôi được đắm chìm trong những cảm xúc mơ hồ trong không gi­an thuộc về quá khứ miên viễn này. Gió đêm nay như đổi tính, êm ái ru qua, chòng ghẹo những đốm lửa hồng bập bùng, tí tách. Nhắm mắt lại, hít một hơi thật sâu, tâm hồn trở nên thanh tịnh và lắng đọng tựa khung cảnh này.

- Tối nào cũng thấy cô ghi chép, cô ghi gì vậy?

Tiếng Hán của Ku­mala­ji­ba vẫn hơi gượng gạo. Nhưng trong tám ngày qua, vốn từ vựng của cậu đã phong phú hơn rất nhiều.

- Có gì đâu, tôi đang viết thư.

Định che đi, nhưng tôi nghĩ cậu ta đọc được cũng không hiểu, nên cứ để mở cuốn sổ tay.

- Tôi đọc mà không hiểu.

Lòng hiếu kỳ của tuổi trẻ thật mãnh liệt. Tiểu hòa thượng nở nụ cười háo hức:

- Vốn tiếng Hán của tôi chưa nhiều, nhưng tôi sẽ chăm chỉ, để có thể đọc được những gì cô viết.

Chưa chắc đâu. Tôi viết bằng chữ giản thể kia mà! Tôi chỉ tay sang bên cạnh:

- Có muốn ngồi xuống không?

Tiểu hòa thượng do dự một lát rồi ngồi xuống, nhưng cố ý giữ khoảng cách với tôi, đôi tay khẳng khiu đưa về phía trước sưởi ấm.

- Vì sao cậu muốn học tiếng Hán?

- Người Hán có rất nhiều điểm ưu việt, y dược, nhạc luật, lịch pháp, kỹ nghệ đều vượt xa người Khâu Từ. Trong nhà tôi có rất nhiều kinh văn tiếng Hán, tôi muốn nghiên cứu những thư tịch đó.

Cậu ta lúc nào cũng ham học hỏi. Ngập ngừng giây lát, tôi quyết định hỏi:

- Cậu còn trẻ như vậy, vì sao lại xuất gia?

Tôi biết câu hỏi có chút mạo phạm, nhưng cậu ta chẳng hề tỏ ra phật ý, ánh mắt đăm chiêu không rời ngọn lửa:

- Tôi đi tu năm bảy tuổi, nay đã được sáu năm và tôi chưa từng suy nghĩ về vấn đề này cho tới mấy ngày gần đây…

- Khoan đã!

Ra hiệu cho cậu ta ngừng lại, rồi ra vẻ nghiêm trọng, tôi hỏi:

- Năm nay cậu bao nhiêu tuổi?

- Mười ba.

Vậy mà tôi cứ đinh ninh cậu ta ít nhất cũng mười lăm, mười sáu tuổi. Dáng người cao lớn, khuôn mặt lại luôn giữ vẻ đĩnh đạc, trầm tĩnh của lứa tuổi trưởng thành. Trời ơi, vậy là cậu ta bắt đầu học tiếng Hán từ năm tám tuổi chứ không phải mười một. Sau năm năm, vẫn có thể gi­ao tiếp, rốt cuộc, cậu ta có bao nhiêu tế bào não kia chứ!

- Ngải Tình, vì tôi cao lớn nên rất nhiều người tưởng tôi đã mười sáu tuổi.

Cậu ta cười thẹn thùng.

- Cô đừng chê tôi ít tuổi, tôi hứa sẽ nỗ lực học thật giỏi tiếng Hán!

- Sao tôi lại chê cậu, cậu là ân nhân cứu mạng của tôi mà.

Tôi giả bộ không hề gì, nhưng trong lòng hơi buồn bực. Lẽ nào tôi hơn cậu ta những mười tuổi? Không đúng không đúng, dù sao, cậu ta cũng nhiều hơn tôi hai nghìn tuổi. Đâu là tuổi tác tương đối và đâu là tuổi tác tuyệt đối của hai chúng tôi? Càng nghĩ càng mơ hồ, tôi không nghĩ nữa. Tôi chuyển chủ đề:

- Cậu đã nghĩ ra chưa, vì sao lại xuất gia?

Cậu ta mở miệng định nói rồi lại lắc đầu. Đôi mắt vẫn đăm chiêu ủ dột:

- Tôi vẫn chưa thể diễn đạt trọn vẹn bằng tiếng Hán. Khi nào trình độ Hán ngữ của tôi đủ để thấu suốt đạo lý này, tôi sẽ nói cho cô hay.

Có thể nói cậu ta phải chịu đựng một điều gì đó. Tôi không dám bàn luận về Phật pháp, nhưng tôi rất muốn động viên cậu ta. Ngước nhìn nền trời xanh thẫm được dát bạc bởi ngàn vạn vì tinh tú, tôi khảng khái bày tỏ suy nghĩ của một người đến từ thế kỷ XXI:

- Nơi tôi sống có một vĩ nhân, ông chia nhu cầu của con người ra làm năm cấp bậc. Cơ bản nhất là nhu cầu sinh lý, gồm những việc như đi lại, ăn ở. Khi đã thỏa mãn nhu cầu này thì con người sẽ nảy sinh nhu cầu được an toàn. Người ta muốn sự sống và tài sản của mình được đảm bảo. Sau khi nhu cầu này cũng được thỏa mãn tương đối, thì con người nảy sinh nhu cầu tình cảm: tình thân, tình yêu, tình bạn. Sau đó mới đến nhu cầu được tôn trọng: bao gồm lòng tự tôn và sự kính trọng của người khác.

Đó là bốn loại nhu cầu trong lí luận của Maslow. Quay sang bên và bắt gặp đôi mắt lấp lánh đang nhìn mình, tôi chậm rãi nói tiếp:

- Nhưng đó chưa phải là nhu cầu cao nhất. Con người chỉ cảm nhận được niềm vui tột độ khi lí tưởng được thực hiện, ấy là khi năng lực của họ được phát huy đến mức tối đa vì họ có thể làm được mọi việc tương ứng với khả năng vốn có của mình.

Đôi mắt xúc động ngước nhìn tôi, giọng nói như nghẹn lại:

- Lí tưởng?

Tôi gật đầu quyết liệt và bổ sung thêm:

- Lí tưởng là thứ mà cậu sẽ theo đuổi suốt đời, là mục tiêu phấn đấu của cuộc đời cậu.

Tiểu hòa thượng trầm tư hồi lâu, rồi hướng đôi mắt hút hồn vào tôi:

- Ngải Tình, cô có lý tưởng chứ?

- Tất nhiên rồi!

Tôi đằng hắng dọn giọng, rồi tiếp:

- Muốn biết lí tưởng của tôi là gì không?

Quả là cậu ta rất hiếu kỳ, ánh mắt háo hức thôi thúc tôi. Tôi đứng lên, giơ tay về phía bầu trời bao la, cất cao giọng:

- Tôi muốn được trải nghiệm lịch sử, tôi muốn viết một cuốn sách sử lưu danh thiên cổ giống như “Sử ký” của Tư Mã Thiên.

Tôi dõng dạc bộc bạch ước mơ bấy lâu nay của mình. Nếu ở thế kỷ XXI mà nói như vậy, hẳn nhiều người sẽ giễu cười tôi. Nhưng đứng trước tiểu hòa thượng hồn hậu này, tôi chẳng có gì phải e dè. Chợt nhận ra cậu ta cứ len lén nhìn tôi, tôi mỉm cười:

- Mơ ước quá xa vời, đúng không?

Cậu ta cũng đứng lên, gật đầu rất quyết liệt, thanh âm tuy không cao, nhưng dứt khoát:

- Cô sẽ làm được!

Đôi mắt trong sáng của tiểu hòa thượng khiến tôi cảm động hết sức. Không ngờ lời động viên của cậu thiếu niên này lại khiến tôi vui sướng đến thế. Tâm trạng trở nên vô cùng thoải mái, dễ chịu. Tôi dang rộng cánh tay, tưởng tượng mình là chim ưng, vỗ cánh bay xung quanh đống lửa, lúc đến trước mặt tiểu hòa thượng, tôi dừng lại thở hổn hển, cười tươi:

- Cậu hãy suy nghĩ xem lí tưởng của cậu là gì đi. Sống trên đời phải có lí tưởng thì cuộc sống mới có ý nghĩa.

- Ngải Tình, tôi vẫn chưa hiểu hết những điều cô nói. Nhưng thấy cô vui vẻ vì có lí tưởng như vậy, tôi rất cảm động! Tôi cũng muốn được giống như cô, đặt ra mục tiêu phấn đấu cho cuộc đời mình.

Ánh lửa bập bùng phản chiếu khuôn mặt như tạc tượng của tiểu hòa thượng, gió nhẹ thổi đến, cuốn lên cao những tàn lửa li ti, trên trời ngàn vì sao đua nhau lấp lánh, dướt đất bóng lửa lập lòe nhảy múa và nụ cười ấm áp của chàng trai trẻ bên cạnh, phút chốc, thời gi­an như ngưng đọng, thêm một cảnh tượng tuyệt đẹp nữa tôi muốn lưu giữ trong tim.

Trở về lán trại, xoay mình hết bên này sang bên kia tôi vẫn không sao dỗ được nỗi hưng phấn khi nãy xẹp xuống để nhường chỗ cho giấc ngủ. Nỗi nhớ nhà hằng đêm đã đi đâu mất. Cứ nghĩ đến câu nói: “Cô sẽ làm được” trong lòng lại dâng trào một niềm vui khôn tả. Tôi khe khẽ tự nhủ: Ngải Tình, cậu sẽ làm được!

Lúc chuẩn bị thiếp đi tôi chợt nhớ ra “Sử ký” của Tư Mã Thiên phải đến tận thời Hán mới xuất hiện, vậy là tôi đã làm lộ kiệt tác của Thái Sử Công. Tôi thật bất cẩn. Cầu mong sao cậu ta không để tâm đến và cầu mong sao cậu ta đừng đi khắp nơi tìm kiếm cuốn sách này.

Chương 6: Buổi giảng kinh đầu tiên

Vào buổi trưa của ba ngày sau đó, một ốc đảo xanh mướt xuất hiện trước mắt tôi. Bao nhiêu ngày qua, tôi đã chán ngán với sắc vàng đơn điệu của mênh mông cồn cát, hôm nay, được nhìn thấy sắc xanh ngút ngàn thế này, tôi hưng phấn đến độ nhảy cẫng lên gào thét. Chứng kiến điệu bộ “hoang dại” ấy của tôi, Ku­mala­ji­ba chỉ biết lắc đầu thở dài rồi cười và cho tôi biết, nơi đây chính là Wen­su.

Wen­su, địa danh này cậu ta đã nhắc đến trong ngày đầu gặp tôi. Nghe khá quen, chắc chắn phải có âm tiếng Hán tương đương, nhưng tôi không nhớ ra.

Mải mê lục tìm dữ kiện bộ nhớ, đoàn người đã đến cổng thành lúc nào mà tôi không hay. Không gi­an tưng bừng âm nhạc đặc trưng vùng Tây Vực, những khúc điệu tươi vui rộn rã. Một đội ngũ hùng hậu chỉnh tề nghênh đón chúng tôi.

Hai bên đường có rất nhiều lán trại. Bên trong không có người, chỉ đặt một số tượng Phật. Dựa trên trình độ điêu khắc mà tôi quan sát được, thì đó đều là những pho tượng quý giá. Dân chúng ở hai bên đường đều đứng lên chào đón, từng chậu hoa tươi được cung kính dâng lên đến trước mặt hai mẹ con tiểu hòa thượng. Hai người chắp tay lễ tạ, đón hoa tươi mang đến rắc lên mình các bức tượng phật[5].

Trong chuỗi nghi thức kỳ lạ đó, tôi chú ý đến người đàn ông dẫn đầu: khoảng bốn mươi tuổi, thân hình cường tráng vạm vỡ, đầu để mái lửng, nhưng phía sau gáy lại tết thành những lọn dài, rồi búi ngược lên đỉnh đầu và được quấn lại bởi một mảnh khăn thêu kim tuyến. Người đó đội một chiếc mũ miện bằng vàng khắc hình long phụng, khoác áo choàng đỏ có viền thêu hình thoi, đính châu báu, phía trước là những hình tròn thêu chỉ vàng lấp lánh, ống chân thì... Đấy, tôi lại mắc bệnh nghề nghiệp rồi, lúc nào cũng quan sát chi tiết những người đối diện như quan sát một hiện vật nghiên cứu.

Tuy không hiểu họ nói gì, nhưng tôi đoán đó là đoàn người ra nghênh đón khách quý, gồm các thành viên của hoàng thất và người đàn ông khoác trên mình trang phục quyền quý kia chính là nhà vua. Tuy ni cô xinh đẹp Ji­ba cũng được chào đón nồng hậu và cung kính, nhưng rõ ràng đối tượng của nghi thức nghênh tiếp hết sức long trọng này không ai khác, chính là Ku­mala­ji­ba.

Từ lâu tôi đã nghĩ rằng Ku­mala­ji­ba không phải một nhà sư tầm thường, nhưng cậu ta mới mười ba tuổi, làm sao đã có thành tựu gì xuất chúng. Chắc hẳn cậu ta còn có thân phận gì khác ngoài là một nhà sư, ví như là con cháu nhà vua chẳng hạn. Không lẽ cậu ấy là hoàng tử? Trước khi đắc đạo, Phật Thích Ca cũng từng là hoàng tử đấy thôi.

Chúng tôi được sắp xếp ở lại trong một cung điện hoa lệ (mà không phải tại một ngôi chùa nào đó như tôi nghĩ). Tuy nói là hoa lệ, nhưng không thể so sánh với cung điện ở Trung Nguyên được. Tây Vực vốn là vùng khô hạn, nhà ở được xây cất rất đơn sơ với vật liệu chính là gỗ và đất sét và mái nhà là kiểu mái bằng. Nhưng ở đây, tường nhà làm bằng đất sét đã được coi là xa hoa rồi. Thông thường chỉ có quan lại, đền chùa miếu mạo và hoàng cung mới được xây dựng như vậy.

Nơi chúng tôi nghỉ ngơi là một dinh cơ rộng lớn với năm gi­an phòng. Vị quốc vương kia còn cử thêm mười người hầu đến phục vụ chúng tôi. Tôi được ở riêng một phòng, Ji­ba cũng dành cho tôi một người hầu nữ. Yêu cầu đầu tiên mà tôi đưa ra là: tôi muốn tắm rửa.

Những thứ mà các cuốn tiểu thuyết thường nhắc đến như: suối nước nóng, hoa thơm, chậu tắm cỡ lớn, ở đây đều không có. Có thể nói là điều kiện sinh hoạt khá nghèo nàn, xà bông ở đây còn lâu mới thơm bằng xà bông của thế kỷ XXI. Nhưng tôi vẫn cảm thấy vô cùng sảng khoái, vì sau hơn mười ngày ròng rã dầm mình trong gió cát sa mạc, cuối cùng tôi đã được tắm gội sạch sẽ.

Giờ học buổi tối, không kìm được sự tò mò, tôi lại gợi ý tiểu hòa thượng kể về xuất thân của cậu, nhưng Ku­mala­ji­ba bình thản đến mức lạnh lùng, trả lời rằng:

- Những thứ như mắt, mũi, tai, miệng, lưỡi, thân thể hay ý thức đều không tồn tại thực sự, huống hồ là tên tuổi và xuất thân.

Lại là thuyết duy tâm của đạo Phật, trả lời như vậy cũng bằng không. Tôi giận dỗi:

- Vâng vâng vâng, tứ đại gi­ai không, mọi thứ đều không tồn tại. Trương Sinh nằm mơ hóa thành hồ điệp, tỉnh lại không biết rốt cuộc là mình mơ hóa thành hồ điệp hay hồ điệp hóa thành mình, thế được chưa!

Điển cố Trương Sinh nằm mơ hóa thành hồ điệp mà tôi vô tình thốt ra khơi gợi hứng thú đặc biệt đối với tiểu hòa thượng, cậu nằng nặc đòi tôi kể câu chuyện đó. Đành vậy:

- Thời Xuân Thu ở Trung Nguyên có một triết gia tên Trương Châu. Một hôm, ông nằm mơ thấy mình hóa thành bươm bướm, bươm bướm bay lượn hết sức sinh động. Ông vô cùng vui sướng, đến mức quên cả mình là Trương Châu. Khi tỉnh lại, ông không khỏi kinh ngạc khi nhận ra mình chính là Trương Châu. Đời người như một giấc mơ, vì vậy Trương Châu không biết rốt cuộc là ông nằm mơ thấy mình hóa thành hồ điệp hay hồ điệp nằm mơ thấy mình hóa thành ông.

Tiểu hòa thượng trầm tư một lát, rồi nói:

- Ở Ấn Độ, người ta tin rằng: Mọi thứ trên đời đều là giấc mộng của Brah­ma, khi Brah­ma tỉnh lại, thế gi­an này sẽ biến mất, không tồn tại bất cứ thứ gì.

Tôi thở dài, suy nghĩ như vậy thì thật là bi quan. Không muốn tiếp tục chủ đề duy tâm ấy nữa, tôi hỏi:

- Brah­ma có phải là Phạm Thiên (đấng sáng tạo theo quan điểm Bà La Môn) không?

Brah­ma, cách phát âm này rất quen thuộc. Theo trí nhớ của tôi thì đó là một trong ba đấng sáng tạo của Ấn Độ giáo, gồm: Brah­ma, Shi­va và Vish­nu. Tôi từng đến Ấn Độ và cũng từng viết một số bài nghiên cứu về Ấn Độ giáo, nên cũng có chút hiểu biết.

- Phạm Thiên ư?

Ku­mala­ji­ba dùng bút chì viết hai chữ đó lên tập giấy nháp của tôi rồi nghiêng đầu suy nghĩ:

- Đã có lần cô nói rằng “Phạm” nghĩa là thanh tịnh, tránh xa mọi ham muốn. Brah­ma là đấng sáng tạo ra thế giới và vạn vật, gọi Brah­ma bằng tên “Phạm Thiên” quả là một cách dịch thông thái. Ngải Tình, tôi nghe nói đạo Phật chưa phát triển ở Trung Nguyên, nhưng ở đó có người thông minh, kiến thức uyên thâm như cô thế này, một ngày không xa, Phật giáo Trung Nguyên chắc chắn sẽ hưng thịnh.

Tôi ấp úng không biết trả lời ra sao. Thế là lôi lại vô tình đánh cắp thành quả dịch thuật của người khác rồi! Xin tạ lỗi với ngài Ku­mara­ji­va, ngài Huyền Trang, Nghĩa Tịnh và nhiều dịch giả kinh Phật khác, tôi không hề cố ý!

Buổi tối trước khi đi ngủ, một câu hỏi cứ quẩn quanh trong đầu tôi. Tôi vượt qua giới hạn không gi­an và thời gi­an hàng ngàn năm để đến trước mặt Ku­mala­ji­ba, tôi có tồn tại thật sự không? Lẽ nào không ư? Phải chăng tôi cũng đang nằm mơ mà không biết?

Lần đầu tiên tôi nghĩ về sự xuất hiện của mình ở nơi đây và thấy buồn ảo não.

Chúng tôi ở lại Wen­su. Tôi có hỏi Ku­mala­ji­ba khi nào sẽ khởi hành đi Kucha, tôi hứng thú với quốc gia rộng lớn đó hơn là tiểu quốc nhỏ bé này. Nhưng cậu ta bảo đã được mời đến đăng đàn thuyết giảng về Phật pháp tại một ngôi chùa lớn của hoàng gia trong vòng bảy bảy bốn mươi chín ngày. Và cậu ta cũng dành cho tôi một vị trí khách mời trong những ngày đó.

Vậy nên, lúc này, tôi đang ngồi bên Ji­va, đưa ánh mắt hiếu kỳ quan sát bốn phía.

Chúng tôi ngồi giữa đại điện to rộng trong một ngôi chùa lớn của hoàng gia. Tượng Thích Ca mâu Ni cao khoảng hai mét, mạ vàng, được đặt trên một bệ đỡ ở chính giữa. Bốn phía là những lối đi hẹp dành cho Phật tử và khách thập phương đến dâng hương, cúng lễ. Đại điện được dựng lên với trụ gỗ và các bức tường bằng đất sét, ánh sáng chỉ có thể lọt vào qua cửa chính, vì vậy khắp nơi trong đại điện đều thắp đèn dầu. Đó là kiến trúc của một ngôi chùa Phật giáo Tiểu Thừa điển hình, có nhiều điểm khác so với những ngôi chùa Phật giáo Đại Thừa phát triển rầm rộ ở Trung Nguyên thời gi­an sau này.

Sáng sớm, Ku­mala­ji­ba đã cùng các tăng sĩ ngồi xếp bằng tụng kinh. Hơn trăm nhà sư tọa thiền chật kín đại điện vốn không lấy gì làm rộng rãi này. Phía bên phải trên chỗ ngồi dành cho khách quý có quốc vương và hơn mười đại thần, những người hôm qua đã ra tận cổng thành nghênh đón mẹ con Ku­mala­ji­ba. Phía bên này là một nhóm phụ nữ, trong đó có tôi và Ji­va, nhìn trang phục của họ thì có lẽ là hoàng hậu và các phu nhân.

Ku­mala­ji­ba ngồi trên bục cao nhất phía trước tượng Phật, trên mình khoác áo cà sa thêu kim tuyến lấp lánh, vẻ mặt thành kính, pháp tướng trang nghiêm. Khi tiếng tụng kinh vang lên, thì ngay cả nhà vua và hoàng hậu cũng lầm rầm tụng niệm theo, chỉ mình tôi ngượng ngùng, đầu cúi thấp để không ai chú ý đến. Tất cả những câu kinh Phật mà tôi biết là: Úm ma ni bát ni hồng và Nam mô a di đà Phật. Thế là tôi cứ nhẩm đi nhẩm lại những câu đó khoảng năm trăm lần thì thời gi­an tụng kinh kết thúc. Sau đó, Ku­mala­ji­ba bắt đầu thuyết giảng.

Tôi nhớ lần đi du lịch Ai Cập và đến tham quan ngôi đền Muham­mad Ali, tôi đến đúng vào lúc một vị giáo sĩ đang thuyết giảng kinh Coran, dưới sảnh là hàng trăm tín đồ. Tôi quấn khăn trên đầu, mặc áo dài, quần dài (đó là quy định khi vào đền đối với nữ giới), ngồi xuống giữa đám đông và bắt chước họ hành lễ. Tôi không phải tín đồ Hồi giáo, tôi chỉ muốn xem những người theo đạo Hồi hành lễ ra sao thôi. Vị giáo sĩ miệt mài thuyết giảng, chốc chốc lại làm một động tác tay dứt khoát. Tôi vốn không biết tiếng Ả rập, nghe không hiểu gì, nên chỉ được một lúc, tôi bắt đầu chán nản. Nhưng nhìn vẻ mặt thành kính của những người xung quanh và không khí yên lặng tuyệt đối trong điện thờ, tôi không dám đứng dậy ra về, vì tôi sợ làm thế sẽ giống như một hành vi xúc phạm đối với những tín đồ sùng đạo này. Bàn chân tôi tê dại đi sau hơn một tiếng ngồi nghe thuyết giảng. Từ đó về sau, tôi tự nhủ lòng, sẽ không bao giờ cúng khấn hành lễ gì hết.

Thế mà giờ đây tôi lại rơi vào tình cảnh đó. Nhưng bù lại, Ku­mala­ji­ba điển trai hơn nhiều so với vị giáo sĩ Hồi giáo và giọng nói của cậu ta lại rất ấm áp, truyền cảm. Có điều, vấn đề gay go nhất vẫn là: tôi nghe không hiểu. Phải tiếp nhận những giáo lý Phật pháp uyên thâm bằng tiếng Phạn thế này chẳng khác nào ngày xưa tôi phải nghe vị giáo sĩ nọ thuyết giảng kinh Coran bằng tiếng Ả rập. Nhưng hàng trăm nhà sư, rồi cả quốc vương và hoàng hậu đều đang lắng nghe say sưa, làm sao tôi có thể đứng lên và ra về được.

Tôi cũng không dám ghi chép vẽ vời gì, sợ sẽ gây sự chú ý. Vì vậy, sau khi lặp đi lặp lại năm lần phương pháp nghiên cứu đối tượng bằng cách đặt tên, cơn buồn ngủ bắt đầu tấn công tôi, đó là kết quả tất yếu của việc thức giấc vào lúc bốn giờ sáng. Giờ tụng kinh buổi sáng bắt đầu lúc năm giờ, tôi thật sự khâm phục nghị lực của các hòa thượng. Buồn ngủ quá mà không thể gục xuống làm một giấc giữa đám đông tăng ni Phật tử này, tôi đành ngọ ngoạy tay chân trên tấm đệm, cố gắng vận động khẽ khàng để không gây ra sự chú ý.

Cảm giác có ai đó đang nhìn mình, là Ku­mala­ji­ba. Tôi chu mỏ lè lưỡi chọc cậu ta, rồi đưa tay xoa phần mông tê dại. Cậu ta khẽ mím môi, cố nhịn cười, nói thêm vài câu, rồi dừng hẳn. Tôi bắt chước những người khác đứng lên chắp tay, hành lễ với Ku­mala­ji­ba.

Nhà vua phát biểu tổng kết đôi ba câu, rồi ngài vỗ tay, các cung nữ tiến vào, mỗi người bưng trên tay một chiếc bàn nhỏ xếp đầy đồ ăn, lần lượt đặt trước mặt từng thượng khách. Những người còn lại thì được phát đồ ăn đến tận tay, mỗi người một phần. Tôi nhìn thức ăn trên bàn, mắt hoa đi.

Có các loại quả vốn là đặc sản của Tân Cương như nho và dưa gang. Và tất nhiên không thể thiếu bánh nướng Tây Vực. Nhưng còn gì nữa thế kia? Béo ngậy và thơm phức, thịt nướng ư? Nhìn có vẻ giống thịt dê nướng. Thịt dê nướng Tân Cương vốn nổi tiếng cả nước. Tôi nuốt nước bọt ừng ực vì đã gần mười ngày không được ăn mặn. Nhưng điều lạ lùng là, không chỉ tôi, quốc vương và một số vị khách khứa của thế giới trần tục khác, tất cả các nhà sư đều được chia phần ăn mặn. Cả đại điện bỗng chốc tỏa đầy mùi thơm của thịt nướng. Nhà vua hạ chỉ dùng bữa và những âm thanh nhai nuốt giòn giã bắt đầu vang lên.

Tôi đưa mắt quan sát Ku­mala­ji­ba và thấy cậu ta cũng đang ăn thịt, tuy động tác từ tốn, nho nhã, nhưng vẫn khiến thị giác của tôi chấn động dữ dội. Chợt nhớ ra, những tăng sĩ này theo giáo phái Phật pháp Tiểu Thừa và hình như giới luật của giáo phái này cho phép các nhà sư ăn thịt. Nhưng như thế vẫn chưa đủ rõ ràng, tối nay phải hỏi lại Ku­mala­ji­ba mới được. Tôi cắn thử một miếng, không ngon lắm, những muối là muối, không có ớt, không có rau thơm, không ngon bằng thịt nướng ở quán đồ ăn vặt trước cổng trường tôi học.

Sau khi đánh chén no nê, tôi buồn đi tiểu. Nghĩ về bốn mươi tám ngày dài đằng đẵng tiếp theo mà thấy ngán ngẩm. Lúc tôi quay lại, Ku­mala­ji­ba đã đứng chờ sẵn ở cửa, ánh nắng buổi sớm phủ lên người tiểu hòa thượng những tia sáng lấp lánh. Cậu ta chớp mắt, nhìn tôi khẽ cười:

- Ngải Tình, tôi biết cô nghe không hiểu, nếu bắt cô tiếp tục ngồi như thế sẽ rất khó chịu. Tôi đã xin phép hoàng thượng để cô không phải tham gia những buổi giảng kinh tiếp theo nữa.

Tuyệt vời! Tôi nhảy lên sung sướng, định lao đến ôm lấy cậu ta, nhưng kịp nhớ ra cậu là là hòa thượng, nên thôi. Tôi vội vàng cảm ơn rồi ba chân bốn cẳng chạy biến, tiếng cậu ta gọi với từ phía sau:

- Cô về phòng ôn tập bài học hôm qua đi, tối nay kiểm tra mà không thuộc, tôi sẽ phạt vụt vào tay đó!

Buổi tối, cậu ta sẽ đến phòng tôi đúng giờ quy định. Lúc chiều trở về tôi đã đánh một giấc no nê, công việc tiếp theo là vẽ lại toàn bộ kiến trúc ngôi chùa, đại điện và khung cảnh buổi giảng kinh mà tôi đã được tận mắt chứng kiến sáng nay. Xong xuôi, tôi háo hức ngồi chờ Ku­mala­ji­ba tới.

Kết quả buổi kiểm tra tiếng Tochari của tôi rất tốt đẹp. Đến lượt tôi dạy cậu ta tiếng Hán. Nỗi băn khoăn hành hạ tôi cả buổi chiều khiến tôi không kiềm chế được, tôi hỏi ngay:

- Vì sao tăng sĩ các cậu lại ăn thịt?

Cậu ta có vẻ ngạc nhiên:

- Chúng tôi theo tín ngưỡng Hi­nayana, tất nhiên có thể ăn thịt. Nhưng chỉ được phép ăn “tam tịnh nhục”[6].

Tam tịnh nhục? Chắc là loại thịt mà tăng sĩ giáo phái Tiểu Thừa được phép ăn.

- Thế nào là “Tam tịnh nhục”?

- Thứ nhất: không nhìn thấy người giết thịt, tức là không tận mắt chứng kiến thảm cảnh trước khi chết của loài vật đó. Thứ hai: không nghe thấy tiếng người giết thịt, tức là tai không nghe thấy tiếng kêu thảm thiết của loài vật đó. Thứ ba, loài vật đó không vì mình mà chết, tức là không phải vì mình muốn ăn mà chúng bị giết thịt. Giả như ra chợ nhìn thấy người bán hàng mổ gà mổ cá, hoặc người bán hàng nói rằng đây là thịt tươi vừa mới mổ thì không được phép ăn. Hoặc đến nhà người khác chơi, được chủ nhà mổ gà mổ vịt thiết đãi, tức là chúng sinh vì mình mà chết, thì cũng không được xếp vào loại “thịt thanh tịnh”. Tóm lại, tam tịnh nhục là loại “thịt thanh sạch” phù hợp với các điều kiện: bản thân không nhìn thấy, không nghe thấy và không phải vì mình mà chúng sinh bị sát hại.

Sau khi được truyền bá vào Trung Nguyên, giới luật của giáo phái Đại Thừa có phần nghiêm khắc hơn, giáo phái này nghiêm cấm sát sinh, tăng sĩ không được phép ăn thịt. Vì vậy, trong tiềm thức của chúng ta, phàm là nhà sư đều không được ăn thịt. Trong “Đại Đường Tây Vực ký”, Huyền Trang từng đề cập đến vấn đề này. Đại sư viết rằng, trong hành trình đi Tây Trúc thỉnh kinh của mình, khi ngang qua Tây Vực, ngài đã không thể thích ứng với giới luật cho phép nhà sư ăn thịt ở nơi đây.

- Nhưng vì sao trong những ngày qua, chúng ta không hề ăn thịt trên đường đi?

Tôi không nghĩ rằng họ không được phép ăn thịt, bởi vì nhiều ngày qua, tôi không thấy họ ăn thịt trên đường đi.

- Bởi vì trước khi gặp cô, chúng tôi đã ăn hết rồi.

Tôi gật gù, cuối cùng tôi đã hiểu. Không biết nhìn thấy họ ăn thịt thế này, các nhà sư ở Trung Nguyên sẽ ghen tỵ hay sẽ chê trách họ?

- Khi nãy cậu nói đến Hi­nayana, từ này nghe rất quen, nghĩa là gì vậy?

Cậu ta suy nghĩ một lát rồi giải thích bằng một tràng dài những thanh âm lạ lùng. Tôi biết đó không phải là tiếng Tochari, vậy thì hẳn là tiếng Phạn rồi, thứ ngôn ngữ phổ thông được sử dụng trên khắp vùng Trung Á thời kỳ Trung thế kỷ. Và đó cũng là thứ tiếng mà Ku­mala­ji­ba dùng để thuyết giảng kinh Phật sáng nay, nên tôi nghe mà không hiểu gì cả.

Tôi lại nghe thấy cậu ta đọc một âm khác: Ma­hayana. Hồi đi Ấn Độ, tôi có mang theo cuốn sách hướng dẫn du lịch nhiếp ảnh phổ biến nhất trên thế giới “Lone­ly Plan­et” bản tiếng Anh. Tôi nhớ rằng, tên gọi này thường xuyên xuất hiện trong sách khi giới thiệu về các thắng cảnh du lịch của Ấn Độ. Chắc chắn có liên quan đến Phật giáo, mà cậu ta vừa bảo cậu ta theo tín ngưỡng Hi­nayana, nên được phép ăn “thịt thanh tịnh”. A, tôi nhớ ra rồi:

- Hai từ đó là Phật giáo Đại Thừa và Phật giáo Tiểu Thừa, đúng không? Ma­hayana là Đại Thừa, còn Hi­nayana là Tiểu Thừa.

Cậu ta có vẻ chưa hiểu, tôi viết chữ Đại Thừa và Tiểu Thừa ra giấy nháp:

- “Thừa” là từ chỉ công cụ vận chuyển, ở đây có nghĩa là Phật pháp tế độ, cứu rỗi chúng sinh, giống như con thuyền hay cỗ xe chuyên chở con người từ nơi này đến nơi khác. Hi­nayana đề cao việc cứu độ bản thân, tìm kiếm sự giải thoát cho cá nhân, vì vậy tiếng Hán gọi là Tiểu Thừa. Ma­hayana đề cao việc cứu rỗi người khác, phổ độ chúng sinh, vì vậy tiếng Hán gọi là Đại Thừa.

Tôi sướng phổng cả mũi, tiếng Phạn tôi cũng tỏ tường chả kém đâu nhé! Bắt gặp đôi mắt mở to, sáng long lanh và nụ cười đầy hàm ý của tiểu hòa thượng, tôi bỗng giật mình.

- Ngải Tình, tôi nói đâu có sai, cô rất thông minh!

Tôi, tôi, tôi... lại một lần nữa đánh cắp thành quả dịch thuật của người khác rồi. Hình như là Ku­mara­ji­va dịch thì phải. Xin lỗi ngài, tôi không cố ý...

## 4. Chương 07 - 08

Chương 7: Luận chiến

Vì không phải tham gia những buổi thuyết giảng nữa, nên tôi không cần dậy sớm. Khi đã no giấc, tôi tự động mở mắt, ra khỏi giường, rửa mặt chải đầu, ăn sáng rồi ra phố. Tôi không thong dong đi dạo đâu nhé, tôi đi khảo sát thực tế đó. Thành phố này đã trải hai nghìn năm tuổi, tuy diện tích không lớn, không tráng lệ, dân số thưa thớt và đời sống còn khá lạc hậu, nhưng dù sao cũng là thành phố cổ đại đầu tiên tôi đặt chân đến. Cứ coi như hôm nay là đợt tập dượt công tác thực địa đầu tiên của tôi đi!

Tôi khoác lên vai chiếc ba lô đã nhét đủ các thứ: sổ ghi chép, thước dây, bút viết, xẻng nhỏ... Tôi bắt đầu xắn tay đo đạc tường thành, kiểm tra chiều dày lớp đất, xem xét vị trí cổng thành, vẽ lại toàn bộ mặt cắt ngang, mặt cắt dọc của tòa thành. Đang bận bịu với công việc, bỗng một nhóm người đột ngột xuất hiện ngay sau lưng, lăm lăm chĩa mũi giáo về phía tôi. Tôi vội vàng đưa hai tay lên cao, ra hiệu đầu hàng, nộp vũ khí và xin tha mạng. Chiếc thước dây lăn tròn trên đất, kéo lê thành một vệt dài.

Tôi bị tống vào nhà lao với tội danh gi­an tế của người Hán. Tôi dở khóc dở cười, làm gì có tên gián điệp nào đi lại ngang nhiên giữa phố như tôi chứ! Cố vắt óc lôi ra bằng hết vốn từ vựng Tochari và ra sức giải thích với họ rằng tôi là người quen của đại pháp sư Ku­mala­ji­ba. Rằng hôm qua tôi đã được diện kiến nhà vua và hoàng hậu của họ. Rằng tôi còn được mời tham dự yến tiệc trong cung nữa. Tôi nài nỉ họ đến tìm Ku­mala­ji­ba. Nhưng sau nhiều giờ vẫn không thấy có ai đến bảo lãnh, tôi đành tiếp tục công tác khoa học của mình trong nhà ngục.

Vì vậy, khi Ku­mala­ji­ba xuất hiện ở cửa nhà lao với vẻ mặt lo lắng tột độ, thì trước mắt cậu ta là một cô gái vẫn đang say sưa tác nghiệp, mải mê đo đo đạc đạc, vẽ vẽ xóa xóa trong buồng gi­am.

Trời đã nhá nhem tối khi tôi cùng Ku­mala­ji­ba bước ra khỏi nhà ngục. Chắc hẳn cậu vừa kết thúc giờ tụng kinh buổi chiều đã phải vội vã đến nơi đây đón tôi về. Nghĩ vậy, tôi thấy hơi áy náy. Cậu ta nói với đám cai ngục rằng tôi là giáo viên tiếng Hán của cậu, thế là những người đó ngay lập tức thay đổi thái độ, tỏ ra cung kính đối với tôi, khiến tôi được một phen cáo mượn oai hùm, phổng cả mũi.

Đúng như dự đoán, buổi tối lên lớp, Ku­mala­ji­ba đã hỏi về những việc tôi đã làm? Có sự chuẩn bị từ trước nên tôi trả lời rất trôi chảy: Còn nhớ tôi từng nói về lý tưởng của mình không? Tôi muốn viết một cuốn sách lịch sử lưu truyền hậu thế. Và, để người đời sau có thể hiểu được quá khứ huy hoàng của Tây Vực, tôi phải thu thập mọi tư liệu liên quan. Sau một hồi lắng nghe tôi thao thao bất tuyệt, Ku­mala­ji­ba hứa rằng cậu sẽ giải thích với quốc vương, nhưng cũng không quên dặn dò tôi phải thận trọng hơn.

Mấy ngày sau đó tôi đành gi­am chân trong phòng, chỉnh sửa bản vẽ và ra sức học tiếng Tochari. Nhưng đến ngày thứ năm thì tôi không chịu được nữa. Lần đi thực tiễn này, tôi đã rút ra kinh nghiệm và hành động thận trọng hơn. Tôi quan sát mọi thứ thật tỉ mỉ sau đó mới trở về phòng và vẽ lại. Không thể không làm vậy, trừ phi tôi muốn vẽ tranh trong ngục một lần nữa.

Mười ngày có lẻ cứ thế trôi qua, những tập giấy đầy hình vẽ của tôi ngày một dày lên. Một buổi tối nọ, tôi bỗng nhận thấy Ku­mala­ji­ba không tập trung vào bài học như mọi ngày, hình như cậu ta đang mải suy nghĩ điều gì đó. Tôi hỏi thì được biết ngày mai có người thách đấu Ku­mala­ji­ba luận chiến và điều đó khiến cậu rất lo lắng. Tôi hỏi hai người sẽ tranh luận về nội dung gì, cậu nói ngày mai mới công bố chủ đề. Tôi hỏi tiếp cậu tranh luận với ai, cậu ta bảo đó là một đại sư luận kinh rất nổi tiếng, khắp vùng Tây Vực không ai là đối thủ. Ông cho rằng, trên đời này không ai thắng nổi mình, nên đã tuyên bố hùng hồn rằng, nếu có người thắng ông, ông sẽ lấy đầu mình xuống để tạ tội.

- Cô có muốn đến xem không?

Cậu ta hơi ngập ngừng, có lẽ vì thái độ đáng phê phán của tôi tại buổi giảng kinh trước đó.

Tôi gật đầu lia lịa:

- Có chứ, tôi nhất định sẽ đi!

Một cuộc thi hấp dẫn với cái giá là sự trừng phạt đáng sợ như thế, với một đại sự ngông cuồng như thế, làm sao tôi có thể bỏ lỡ được!

- Cậu có biết chỗ nào đặt cược không? Tỉ lệ ăn thua bao nhiêu? 5- 5 hay 4- 6?

Ku­mala­ji­ba chau mày, tôi vội vàng im bặt.

Vì muốn cậu ta tập trung tinh thần cho buổi quyết đấu ngày mai nên tôi đã kết thúc giờ học sớm hơn thường lệ. Nhận thấy vẻ đăm chiêu ưu phiền của cậu ta trước lúc ra về, tôi kêu cậu ta lại, rồi bắt chước động tác cổ vũ tinh thần thường thấy trong các bộ phim kinh điển của Hàn Quốc, tôi giơ tay phải lên và hô:

- AZA, AZA, FIGHT­ING!

Nhìn vẻ mặt ngơ ngác của Ku­mala­ji­ba, tôi phì cười, gào to:

- Đó là phương ngôn trên một bán đảo ở phía đông bắc. Có nghĩa là: Pháp sư trẻ của chúng ta nhất định sẽ chiến thắng!

Ku­mala­ji­ba cười rạng rỡ, dường như những ưu phiền khi nãy đã bị xua đi, cậu nhìn tôi gật đầu quả quyết và cũng học theo tôi giơ tay phải lên. Động tác hơi gượng gạo, nhưng tràn đầy tự tin, phong thái ung dung, đĩnh đạc thường thấy đã trở lại với cậu. Đó là nụ cười đầu tiên của cậu trong buổi tối hôm nay, ánh sáng của sự tự tin trong nụ cười ấy tỏa khắp căn phòng, phả vào không gi­an quanh tôi dư vị của sự ấm áp.

Thật lạ lùng là buổi sáng hôm sau tôi không ngủ nướng như mọi ngày mà từ tờ mờ sớm đã chờ sẵn ở cổng.

Buổi luận chiến sẽ diễn ra tại chính điện trong hoàng cung. Đây là lần thứ ba tôi bước vào nơi này, hai lần trước, tất nhiên là đi dự tiệc cùng mẹ con ni cô có xuất thân bí ẩn. Bởi vậy, cảm giác háo hức không còn nữa. Tranh đã vẽ xong, tên gọi cũng đặt rồi. Cung điện này chẳng lớn lắm, kiến trúc và trang trí họa tiết đều hết sức đơn giản.

Nhưng, không gi­an của buổi luận chiến lại rất lớn. Chỉ có người tham gia tranh luận và nhà vua, hoàng hậu được phép ngồi, những người còn lại đều phải đứng nghe. Vì vậy, chỉ trong chốc lát, toàn bộ đại điện đã chật kín người.

Theo tôi biết, luận chiến là cách thức chủ yếu để thu hút tín đồ của các giáo phái thời kỳ đầu. Ở Ấn Độ, các buổi biện kinh diễn ra rất bi thảm, người thua thường sẽ phải mai danh ẩn tích, vĩnh viễn biến mất. Có người còn tự cắt lưỡi, thậm chí tự vẫn. Nhẹ hơn thì đóng cửa giáo phái, tôn người thắng làm thầy. Trái lại, người chiến thắng chỉ dựa vào một lần biện kinh, tiếng tăm sẽ nổi như cồn, được mọi người sùng kính, sẽ có đông đảo tín đồ đến bái sư, người đó sẽ được quốc vương trọng vọng và ban thưởng hậu hĩnh, trở thành đại sư quyền lực. Trần Huyền Trang cũng từng nhiều lần giành chiến thắng trong các buổi biện kinh tại Tây Vực và Ấn Độ, danh tiếng lan xa khắp nơi. Từ đó, có thể thấy, cuộc tranh biện này có ý nghĩa to lớn dường nào đối với một nhà sư trẻ tuổi như Ku­mala­ji­ba. Chả trách một người thường ngày trầm tĩnh như cậu vậy mà tối qua đã không khỏi lo lắng và bối rối.

Nhân vật chính đã xuất hiện. Bên này là pháp sư trẻ tuổi Ku­mala­ji­ba, một thiếu niên tài trí cao rộng, phong độ ngời ngời, phong thái đĩnh đạc, trên mình khoác áo choàng màu nâu sòng giản dị. Đối thủ là một người đàn ông trung tuổi, đạo sĩ không ra đạo sĩ, hòa thượng không phải hòa thượng, trên mình khoác áo nhung màu xanh da trời. Không thể tin được, tuổi tác của hai người chênh lệch quá xa. Đối phương có lẽ cũng nhận biết được điều này, nên ông ta hếch mũi vênh vang nhìn cậu thiếu niên tuy dáng người cao ráo nhưng thân hình mảnh khảnh ở phía đối diện.

Hai người được trao đến tay một tấm thẻ nhỏ, họ đọc tấm thẻ vài giây rồi bắt đầu trầm tư suy ngẫm. Sau một tuần hương, tiếng trống vang lên. Đôi bên bắt đầu đặt câu hỏi dồn dập cho đối thủ, có vẻ như Ku­mala­ji­ba đang chiếm ưu thế. Tuổi trẻ có lợi thế là phản ứng rất nhanh nhạy. Tốc độ biện luận của cả hai đều khá nhanh, người này vừa kết thúc một câu, người kia đã trực tiếp trả lời. Khán thính giả bên dưới tưởng như đang nín thở lắng nghe, chốc chốc lại “ồ” lên hoặc “à” lên một tiếng, với những trạng thái biểu cảm hết sức phong phú.

Tôi chú ý đến khu vực quần chúng bởi vì tôi không hiểu một chữ nào. Khi họ bắt đầu luận chiến tôi đã biết mình không thể hiểu được, vì họ sử dụng tiếng Phạn. Vậy là tôi chỉ có thể vừa quan sát sắc mặt của đám đông, vừa lục tìm trong trí nhớ những thông tin lịch sử liên quan đến các kỳ biện kinh.

Biện kinh đã biến mất hoàn toàn tại các ngôi chùa ở Trung Nguyên, ở Nhật Bản, Hàn Quốc và khu vực Đông Nam Á thời hiện đại. Phật giáo Ấn Độ vốn đã suy yếu từ lâu, hiện chỉ có Phật giáo Tây Tạng vẫn bảo lưu và duy trì truyền thống này. Tôi đã được chứng kiến những buổi biện kinh tại ngôi đền Sera Monastery và đền Drepung Monastery ở Lah­sa. Hoạt động này thường được diễn ra ngoài trời vào khoảng ba đến bốn giờ chiều. Lạt Ma của các đền chùa khác cũng cử người đến tham dự, sau khi buổi biện kinh kết thúc, sẽ có người nghi chép lại kết quả biện luận[7].

Khác với những cuộc thi hùng biện, tranh biện mà chúng ta từng biết, biện kinh là một hoạt động tập thể. Mỗi buổi biện kinh có thể có đến vài trăm Lạt Ma tham gia, họ chia thành những nhóm nhỏ từ hai đến bốn người, trong đó, một người sẽ biện luận chính, những người khác đóng vai trò hỗ trợ. Mỗi khi đưa ra câu hỏi cho đối phương, người biện kinh sẽ thực hiện những động tác hết sức khoa trương, như: vỗ tay thật mạnh, sau đó thi triển thế thủ giống hệt Lý Tiểu Long lúc đấu võ, tay tung vạt áo, lắc tràng hạt, chân giậm mạnh, điệu bộ dữ dằn. Bên phản biện ngồi xếp bằng trên đất, tay giơ lên phản ứng dữ dội. Toàn bộ khu vực diễn ra hoạt động biện kinh vang động tiếng vỗ tay, tiếng áo cà sa của Lạt Ma tung bay loạt soạt và tiếng người huyên náo. Những người ngoại đạo, không hiểu tiếng Tạng như tôi, chỉ biết quay qua quay lại quan sát biểu cảm của nét mặt và những động tác tay chân phong phú của những người tham gia biện kinh, thực chất không hiểu họ nói gì.

Trước mắt tôi lúc này chỉ có hai người, tuy không hoa chân múa tay, tạo các thế võ, nhưng biểu cảm trên gương mặt họ vẫn hết sức phong phú. Có thể dễ dàng nhận thấy, pháp sư trẻ tuổi của chúng ta càng vào cuộc càng say sưa, dáng người rướn cao, áp đảo đối phương, giọng nói càng ngày càng hào sảng, vang dội. Đối phương thì trái lại, càng lúc càng mặt ủ mày chau, vẻ hung hăng mất dần, giọng nói cũng nhỏ dần, sau cùng thì gương mặt biến sắc, thần trí hỗn loạn, mồ hôi đầm đìa trên trán, ngã bổ nhào về phía trước, quỳ gối xin thua.

Đám đông hoan hô dậy sóng. Quốc vương và hoàng hậu cũng không nén nổi xúc động, lập tức đứng lên kính cẩn hành lễ chúc mừng Ku­mala­ji­ba. Sau một tiếng vỗ tay của nhà vua, không biết bao nhiêu hòm to hòm nhỏ được khiêng vào, hẳn nhiên đó là phần thưởng dành cho người chiến thắng. Trời ơi, tôi ngưỡng mộ pháp sư trẻ tuổi này quá, mới mười ba tuổi mà cậu ta đã đánh bại một vị tiền bối hơn ba mươi tuổi, không biết sau này trưởng thành hơn cậu ta sẽ còn tài giỏi đến mức nào nữa?

Sau khi kết thúc buổi luận chiến, Ku­mala­ji­ba không tiếp tục giảng kinh, cậu được hộ tống ra ngoài cung giữa sự vây bọc của đám đông người hâm mộ. Một chú voi lực lưỡng được trang trí rất bắt mắt và đặt trên lưng một chiếc ghế sang trọng đã chờ sẵn bên ngoài. Ku­mala­ji­ba trèo lên lưng voi, quốc vương đi trước dẫn đường, đoàn người bắt đầu diễu hành. Quốc vương chính thức công bố thắng lợi của đại sư Ku­mala­ji­ba cho toàn thể dân chúng trong thành được biết. Hoa tươi từ khắp mọi nơi được bà con tung lên người pháp sư trẻ, kèm theo những tiếng hoan hô vang dội, không ngớt. Đoàn diễu hành đi dọc theo các con phố chính, và cả những ngõ nhỏ suốt một buổi chiều. Ngày hôm đó, Ku­mala­ji­ba đã được tôn vinh, ca ngợi hết mức, có lẽ cậu còn được hâm mộ hơn cả các minh tinh màn bạc thế kỷ XXI. Khuôn mặt an nhiên, trầm lặng thường ngày hôm nay đã sáng lên bởi nụ cười mãn nguyện nhưng khá dè dặt nơi khóe môi, cho đến tận khi cậu bước chân vào phòng tôi vào buổi tối.

Chờ cậu ta yên vị, tôi lập tức đặt câu hỏi:

- Cậu và người đó đã tranh luận chủ đề gì vậy?

- Có và không.

Tức là chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm ư?

- Ông ta luận về “có” còn cậu luận về “không”?

Cậu ta gật đầu, tôi lại hỏi tiếp:

- Cậu đã thắng như thế nào?

- Rất khó diễn đạt. Tôi không khẳng định là có hay không, mà đặt ra giả thuyết “nếu như có”. Đã là “nếu như có” thì sẽ không thể là “không” được. Có có không không, không phải có cũng không phải không.

Tôi nghe mà ù cả tai, những là có có không không, không không có có.

- Ông ấy có đồng ý với giả thuyết của cậu không?

- Có. Sau đó tôi lại hỏi, bóng trăng dưới nước là có hay không? Ông ấy không thể ngoa ngôn trả lời là có. Như thế, cái chính mắt ta nhìn thấy mà vẫn là không tồn tại, vậy mọi thứ trên đời này phải chăng cũng chỉ là ảo ảnh, giống như bóng trăng dưới nước. “Nếu như có” tức là không, là có mà cũng không là không, vậy thì tất cả chỉ là cõi tịch mịch.

- Vậy có cái gì là “có” không?

Tên ranh mãnh, lập luận lắt léo như thế làm gì vị sư già kia chẳng thua. Nếu là ở thời hiện đại thì như thế sẽ được gọi là “phép lập luận chủ quan vô căn cứ”.

- Mọi thứ trên đời đều không tồn tại, chỉ có Nir­vana là vĩnh hằng.

- Nir­vana là gì vậy?

- Tức là thông qua con đường tu hành, có thể dứt bỏ triệt để mọi phiền não, tích thêm nhiều công đức, thoát ly khỏi vòng sinh tử luân hồi và bước vào cõi bất sinh bất diệt.

Cậu ta đưa đôi mắt sáng long lanh về phía tôi:

- Ngải Tình, chắc chắn cô biết phải giải nghĩa từ này như thế nào bằng tiếng Hán, đúng không?

- Ngôn ngữ đạo Phật có các từ: diệt độ, tịch diệt, giải thoát, viên tịch, Niết Bàn, tất cả đều có nghĩa là chết.

Cậu ta vỗ tay tán thưởng:

- Hay quá! Diệt độ tức là “diệt” trừ mọi phiền não và thoát ra khỏi sự sống chết. Tịch diệt tức là giữ cho tâm tĩnh và rũ bỏ mọi ưu phiền.

Tôi thở dài. Tôi đã phải xin lỗi các vị đại sư dịch giả không biết bao nhiêu lần về cái tội đánh cắp bản quyền này rồi! Mà cái tên ranh này, trình độ Hán ngữ của hắn càng ngày càng tiến bộ, nào là không nào là có, mà học thuyết duy tâm của hắn khiến tôi giờ đây cũng trở nên tiêu cực đi vài phần rồi!

- Vị đại sư đó từng tuyên bố rằng, nếu có người thắng ông ấy, ông ấy sẵn sàng lấy đầu mình xuống để tạ tội.

Một nụ cười nơi khóe miệng, hình như cậu ta đang rất đắc ý:

- Tôi cần đầu của ông ấy để làm gì kia chứ!

- Đúng thế, vì vậy cậu đã buộc ông ta tôn cậu làm thầy, theo cậu học Phật pháp.

Tôi nhớ lại màn thu nhận đệ tử sáng nay. Đúng là tâm tính của những người trẻ tuổi, đã bước vào cửa thiền, sắc sắc không không rồi mà vẫn còn nguyên tính hiếu thắng.

Tôi thở dài:

- Theo cậu, ông ta có thật lòng quy phục không?

Rồi chợt nhớ ra một chuyện, không chờ cậu ta trả lời câu hỏi kia, tôi thích thú đề nghị:

- Nào, chúng ta hãy thử thi tài. Nếu thua, tôi sẽ tôn cậu làm sư phụ.

Đằng nào thì cậu ta cũng là thầy dạy tiếng Tochari của tôi rồi, có thua tôi cũng không sợ thiệt.

- Thi như thế nào? Biện luận nội dung gì?

Cậu ta có vẻ bị bất ngờ.

- Chúng ta sẽ biện luận thế nào là thua, thế nào là thắng.

Không chờ cậu ta đáp lời, tôi vội vàng trổ tài trước:

- Nếu tôi và cậu luận chiến và cậu thắng tôi, có chắc là cậu đúng còn tôi thì sai không? Nếu tôi thắng, có chắc là tôi đúng còn cậu sai không? Có chắc người này đúng còn người kia sai không? Hay cả hai đều sai hoặc đều đúng? Hai chúng ta không thể định đoạt ai đúng ai sai, vậy thì ai sẽ đứng ra quyết định? Nếu chúng ta nhờ người thứ ba đứng ra phân xử, người đó cũng không thể đưa ra quyết định chính xác. Bởi vì, nếu như cậu mời một người có đồng quan điểm với cậu đứng ra phân xử, người đó có chung lập trường với cậu thì làm sao phán xét công bằng được? Nếu người đó đồng quan điểm với tôi, thì cũng tương tự, cũng chẳng thể đưa ra phán xét công bằng. Vì vậy, cả tôi, cả cậu và người thứ ba kia đều không thể quyết định ai đúng ai sai. Nếu tôi cứ kiên trì quan điểm của mình và không chịu thua, vậy thì ai đúng ai sai sẽ là câu hỏi vĩnh viễn không có lời giải.

Tôi ba hoa chích chòe một hồi bằng tốc độ biện luận của Đường Tăng, sau đó mỉm cười liếc nhìn Ku­mala­ji­ba.

Cậu ta nhìn tôi không chớp mắt, miệng khẽ mở, sững sờ mất chừng nửa phút. Lắc lắc đầu định nói gì đó lại thôi. Sau đó chắp hai tay lại, cung kính:

- Tôi thua rồi.

Tôi bật cười nhìn điệu bộ thua trong thỏa mãn, thua tâm phục khẩu phục của cậu ta.

- Cậu còn nhớ câu chuyện Trương Châu nằm mơ hóa hồ điệp mà tôi từng kể không?

Cậu ta gật đầu.

- Rốt cuộc là mơ hay thực, là Trương Châu hay hồ điệp, chúng ta chẳng cần nhọc lòng truy xét. Bởi vì, tiêu chuẩn nhận thức của con người chỉ là tương đối. Người ta chỉ có thể nhận biết một phần sự thật trong một khoảng thời gi­an hữu hạn, không ai dám khẳng định mình nắm vững chân lý tuyệt đối. Bởi vậy, các cuộc luận chiến của các giáo phái đều là đem cái phi lý của mình ra để phủ nhận cái có lý của đối phương. Làm thế sẽ không thể phân biệt thật giả, đúng sai.

Cậu ta nhìn tôi bằng ánh mắt khâm phục. Vậy là tôi đã vớt vát được chút thể diện của người làm thầy trước mặt chàng trai trí tuệ siêu phàm này rồi!

Ngày hôm sau, cậu ta đến gặp và nói vài câu với người đàn ông trung tuổi đang vô cùng tủi hổ và sợ hãi kia bằng thái độ cung kính đáng ngạc nhiên. Người đàn ông kinh ngạc nhìn Ku­mala­ji­ba. Cậu phải nhắc lại một lần nữa, lúc ấy, người đàn ông mới tin vào những gì mình vừa nghe và liền sau đó là những lời cảm ơn rối rít. Rồi ông ta vội vã đi về phòng mình. Tôi biết ông ta muốn nhanh chóng thu dọn hành lý rời khỏi nơi này.

Tôi đưa mắt nhìn Ku­mala­ji­ba đúng lúc cậu ta quay đầu về phía tôi, đôi mắt trong như nước hồ thu. Tôi ngước lên nhìn trời, hôm nay là một ngày oi ả, sao mới sáng sớm mà ánh nắng đã làm tôi choáng váng thế này!

Chương 8: Hòa thượng vĩ đại

Sau cuộc luận chiến, tiếng tăm của Ku­mala­ji­ba lan truyền khắp nơi, đến đâu cậu ta cũng được người dân vây quanh, tung hoa chúc tụng và chỉ cần được chạm tay vào vạt áo của cậu là ai nấy mặt mày hớn hở, ý chừng rất thỏa nguyện. Ngay cả một giáo viên nhỏ bé như tôi cũng được thơm lây. Lúc ra phố, dân chúng trong kinh thành đều đặt vào tay tôi đủ thứ lễ vật nào là dầu thơm, các loại thịt, hoa quả... Đám lính tráng từng bắt gi­am tôi, nay gặp mặt là kính cẩn cúi chào. Và đặc biệt, chiến thắng của Ku­mala­ji­ba đã giúp cho công việc khảo sát của tôi được tiến hành hết sức thuận lợi, tôi không gặp phải sự đề phòng hay ngăn cản nào cả.

Hơn mười ngày nữa trôi qua, tôi bấm ngón tay, vậy là chỉ còn khoảng chục ngày nữa, Ku­mala­ji­ba sẽ kết thúc thời gi­an thuyết giảng Phật pháp ở đây, sau đó chúng tôi sẽ lên đường đi Khâu Từ. Hơn một tháng ở lại Wen­su, không một chỗ nào tôi chưa từng đi đi lại lại ba lần, vì vậy tôi thực sự mong mỏi ngày khởi hành đi Khâu Từ.

Khi được hỏi: “Nếu có kiếp sau, ông muốn được sinh ra ở đâu”, nhà nghiên cứu lịch sử người Anh Arnold Joseph Toyn­bee đã trả lời rằng: “Tôi muốn được sinh ra ở Khâu Từ, vùng đất thuộc Tân Cương ấy, hai nghìn năm về trước từng là nơi gi­ao thoa của rất nhiều nền văn hóa và dân tộc”. Sau khi đọc câu trả lời này, tôi đã rất khao khát được tìm hiểu về Khâu Từ: âm nhạc Khâu Từ, Thiên Phật động Kizil, sách của H.Bow­er, di chỉ Sub­ash và cả nhân vật nổi tiếng nhất nhất Khâu Từ - hòa thượng Ku­mara­ji­va! Không biết ngài Toiyn­bee sẽ nghĩ gì nếu biết rằng ước mơ của ngài sắp được tôi biến thành hiện thực?

Thế là tôi kết thúc buổi lên lớp tiếp theo với tâm trạng đặc biệt phấn chấn. Tôi đã giảng cho Ku­mala­ji­ba về “Luận ngữ”. Những cuốn nhập môn như “Tam tự kinh” tôi không có sách trong tay, mà cũng chưa thuộc hết và điều đáng ngại hơn cả là, tôi không nhớ “Tam tự kinh” ra đời vào thời đại nào. Để đảm bảo tính an toàn của trật tự lịch sử, tôi quyết định chỉ giảng những cuốn ra đời trước thời Hán. Và cuốn đầu tiên, tất nhiên là “Luận ngữ”, sau đó đến “Kinh thi”, rồi đến “Tả truyện” và “Chiến quốc sách”. Tôi hy vọng tiền học phí từ nay đến khi khởi hành đi Tràng An sẽ đủ để tôi chi tiêu trên đường.

Vừa ra khỏi cửa, Ku­mala­ji­ba bỗng nhiên quay lại:

- Ngày mai quốc vương sẽ đến, chúng ta phải ra đón ngài, cô cùng đi nhé!

Tôi vẫn chưa hết hưng phấn với kế hoạch đi Khâu Từ, nên hơi bất ngờ:

- Quốc vương đến đây làm gì vậy?

- Đến đón mẹ con tôi.

Sao kia? Vua của một nước mà phải đến tận nước khác đón mẹ con họ, không thể tin nổi! Tôi vội túm lấy tay cậu ta kéo lại:

- Cậu nói đi, rốt cuộc cậu là ai? Vua Khâu Từ là cha cậu phải không? Cậu là thái tử? Nếu không phải vậy thì vì sao nhà vua lại phải vượt ngàn dặm xa xôi đến tận đây đón cậu.?

Ku­mala­ji­ba kéo lại tay áo đang bị tôi nắm chặt, lắc đầu:

- Cô đừng nói như vậy, tôi không phải thái tử. Vả lại, Khâu Từ cách đây có ba trăm dặm, đâu phải ngàn dặm xa xôi gì, hơn nữa, danh tiếng và xuất thân...

- Đều không tồn tại chứ gì? Tôi biết cậu sẽ nói vậy mà!

Tôi ngắt lời Ku­mala­ji­ba. Cậu càng không nói thì tôi càng tò mò. cậu ta không nói thì sẽ có người khác nói. Khả năng tiếng Tochari của tôi không còn a, b, c, i, t như trước nữa đâu nhé!

Tôi cười tinh nghịch, chắn trước bậc cửa:

- Chúng ta hãy ôn tập lại tiếng Tochari. Mẹ tôi tên là... ba tôi tên là..., anh trai tôi tên là...

Cậu ta thở dài thườn thượt:

- Thôi được, không giấu cô nữa, để cô phải đi tìm hiểu bên ngoài, chi bằng tôi nói cho cô biết.

Ku­mala­ji­ba chớp chớp đôi mắt tinh anh nhìn tôi, chậm rãi nói:

- Tôi không phải thái tử. Đức vua Khâu Từ là cậu ruột của tôi, mẹ tôi vốn là công chúa, bà là em gái của ngài.

Vậy ra họ đúng là hoàng thân quốc thích, dòng dõi cao quý, chả trách lúc nào trên người họ cũng toát lên nét vương giả.

- Vậy còn cha cậu?

- Ông là người Thiên Trúc (Ấn Độ), lẽ ra ông sẽ là người kế thừa ngôi vị, nhưng ông đã từ bỏ để xuất gia. Ông đã vượt qua dãy núi phía đông và tìm đến Khâu Từ. Đức vua mời ông làm quốc sư, rồi gả em gái, tức mẹ tôi cho ông.

Khoan đã, sao tôi nghe câu chuyện này quen quá! Chắc chắn tôi đã đọc ở đâu đó rồi. Một tia sáng vụt lên trong đầu tôi:

- Cậu còn có một người em trai, đúng không?

Cậu ta gật đầu:

- Kém tôi ba tuổi.

- Mẹ của cậu vốn không biết tiếng Phạn, nhưng khi mang thai cậu, bà đột nhiên biết nói thứ ngôn ngữ này, đúng không?

- Đó chỉ là tin đồn. Mẹ tôi học tiếng Phạn từ cha tôi.

- Vậy, có phải, bảy tuổi cậu đã theo mẹ xuất gia, chín tuổi đến Kash­mir và gì nữa, Gand­hara và Ka.. gì đó. Âm này khó viết quá!

Tôi nhớ lại từng địa danh một cách khó nhọc.

- Kab­ul?

- Đúng rồi!

- Lên chín tuổi, tôi cùng mẹ đến Kab­ul, tại đó tôi đã theo học Phật giáo Tiểu Thừa.

- Vậy, cậu... cậu... cậu là...

Tôi không nói tiếp được nữa, tôi đã biết cậu ta là ai! Tôi gõ mạnh vào đầu, sao tôi có thể phạm một sai lầm lớn như vậy chứ!

Các bạn, sau nhà Tần đến nhà Hán, đúng không? Cậu ta từng nói, Trung Nguyên hiện do vua nhà Tần/Thanh cai quản, nhưng lại luôn nói với tôi về người Hán, tiếng Hán. Nếu lúc này đang là thời đại nhà Tần trong chữ Tần Thủy Hoàng, thì vì sao cậu ta lại gọi tôi là người Hán? Cậu ta vừa nhắc đến chữ: “Tần” thì tôi lập tức mặc định đó là triều đại nhà Tần hiển hách trong lịch sử. Hơn nữa, xưa nay chúng tôi đã quen với việc tự nhận mình là người Hán, nên tôi hoàn toàn quên mất rằng, cách gọi đó xuất phát từ thời kỳ thịnh trị của vương triều nhà Hán trong lịch sử? Thế nên, một nghiên cứu sinh chuyên ngành lịch sử là tôi đây đã phạm phải một sai lầm không thể tha thứ.

Tất nhiên, không thể là đời nhà Thanh, vì khi đó Khâu Từ đã trở thành quá vãng hơn một nghìn năm. Nếu vậy, trong lịch sử Trung Quốc, còn triều đại nào được gọi là nhà Tần không?

Có đấy! Nhà Tiền Tần của Phú Kiên Kiến và nhà Hậu Tần của Diêu Trưởng Kiến, thực ra tiền tố “Tiền” và “Hậu” là do người đời sau thêm vào để phân chia hai gi­ai đoạn, còn tại thời điểm lúc bấy giờ, người ta chỉ gọi là nhà Tần. Điều đó cho thấy, sự thật là tôi đang có mặt ở thời kỳ Ngũ Hồ thập lục quốc. Tức là tôi đã trở về thời đại lịch sử sớm hơn năm trăm năm so với dự tính ban đầu, kết quả là, ở bên một nhân vật lịch sử vĩ đại suốt mấy chục ngày mà tôi không hề hay biết.

Người đó chính là cháu ngoại của vua Khâu Từ ở Tây Vực thời Thập lục quốc, một thần đồng với chỉ số IQ 200, một hòa thượng với huyết thống cao quý được mọi người sùng kính, một thanh niên tuấn tú với dung mạo thoát tục, người được đám sinh viên ký túc xá khoa lịch sử chúng tôi mệnh danh là hòa thượng vĩ đại nhất trong lịch sử, còn có thể là ai khác nữa?

Sách “Tấn thư” chép rằng: “Có lần ngài thuyết giảng kinh Phật tại chùa Thảo Đường, nhà vua, triều thần cùng với hơn một ngàn cao tăng đang cung kính lắng nghe, Ku­mara­ji­va đột nhiên bước xuống, đến gần vùa Diêu Hưng và nói: Có hai đứa bé cứ nhảy múa trên vai ta, hãy ban cho ta một thiếu nữ. Diêu Hưng lập tức ban cho Ku­mara­ji­va mười cung nữ, ngay sau đó, một trong số các cung nữ đã hạ sinh hai con trai”.

Tôi đã vô cùng ngỡ ngàng khi đọc đoạn sử này. Quả là có một không hai. trong lịch sử, không ít hòa thượng bị lên án bởi có liên quan đến chuyện tình ái. Hòa thượng Biện Cơ - trợ thủ dịch thuật kinh Phật đắc lực nhất của Huyền Trang từng có quan hệ tình ái nhiều năm với công chúa Cao Dương - người mà vua Đường Thái Tông sủng ái nhất. Nhưng mối quan hệ đó chỉ diễn ra lén lút, giấu giếm. Sau khi vua Đường phát hiện ra, Biện Cơ đã bị chém làm đôi.

Nhưng đối với câu chuyện của Ku­mara­ji­va, với việc ngài công khai đòi hỏi sắc dục trong bối cảnh trang nghiêm như vậy, thì dù ở góc độ tôn giáo hay luận thường đạo lý, đều khiến người ta cảm thấy khiếp sợ. Đó là thái độ bất chấp giới luật, ngang nhiên thể hiện dục vọng của mình, xưa nay chưa ai dám làm như vậy. Diêu Hưng tặng ngài cả mười cung nữ và ngài đã vui vẻ tiếp nhận. Ngài không sống trong thiền viện như các tăng sĩ khác mà ở nhà riêng và có người cung phụng. Ngài sống sung túc với vợ con như những người bình thường khác. Vậy mà lòng tôn kính của người đời đối với ngài không hề giảm đi. Thậm chí, hậu thế còn hết lời ca ngợi ngài, tiếng tăm của ngài truyền ra tận nước ngoài. Một hòa thượng như vậy, chẳng phải là nhân vật vĩ đại trong lịch sử hay sao?

Nhớ lại cuộc bình xét ở ký túc xá, khi đó sáu bạn đã nhất trí bầu chọn Ku­mara­ji­va, dịch giả kinh phật nổi tiếng thời Thập lục quốc là “hòa thượng vĩ đại nhất trong lịch sử”.

- Cậu... cậu... cậu chính là Ku­mara­ji­va! Cậu là Ku­mara­ji­va ư? Trời ơi, cậu chính là Ku­mara­ji­va! Cậu chính là nhân vật lịch sử lừng lẫy đó!

Tôi bối rối đến không thốt được lên lời, đầu óc choáng váng, tâm trí rối bời. Giống như là đột nhiên bạn gặp được thần tượng của mình vậy! Chuyến đi này quả không tồi chút nào, tôi lại có cớ để tự hào với chúng bạn khi trở về rồi!

Một cốc nước đặt ngay trước mặt tôi, một mảnh khăn ướt thấm nhẹ trên trán. Tôi ngẩng lên và bắt gặp trong đôi mắt như hồ nước thu ấy vẻ lo lắng không giấu giếm:

- Trán cô hơi nóng, hình như cô bị cảm lạnh. Ngày mai tôi sẽ căn dặn người làm sắc thuốc cho cô.

Tôi nhìn thấy hình ảnh tay chân mình run rẩy phản chiếu trong đôi mắt như hai vực nước sâu hun hút ấy.

Sau khi uống nước, tôi trở nên bình tĩnh hơn. Ngượng ngùng nở nụ cười ngây ngô:

- Tôi vô ý quá!

Cậu ta cũng cười:

- Tôi chưa từng thấy Ngải Tình như vậy bao giờ. Mà cô luôn miệng gọi tôi là Ku­mara­ji­va, đó có phải tên tiếng Hán của tôi không?

Tôi gật đầu. Ku­mala­ji­ba là tên tiếng Phạn của cậu ta, Ku­mala chính là Ku­mara. Nhưng còn Ji­ba thì sao lại biến thành Ji­va được nhỉ? Không biết ai đã dịch tên của Ku­mara­ji­va sang tiếng Hán, nhưng rõ ràng nghe hay hơn tên Ku­mala­ji­ba mà lâu nay tôi thường gọi. Sở dĩ tôi không nhận ra cậu ta chính là pháp sư lừng danh Ku­mara­ji­va, là vì tôi đã nhầm lẫn thời đại lịch sử. Thêm nữa là vì, phát âm của từ “Ji­ba” và từ “Ji­va” rất khác nhau. Nên tôi đã không biết người ngày ngày ở bên mình chính là dịch giả kinh Phật hàng đầu Trung Quốc, người được xếp ngang hàng với sư phụ Huyền Trang.

Tôi hỏi cậu ta về ý nghĩa của tên gọi Ku­mara­ji­va trong tiếng Phạn, thì được trả lời rằng, Ku­mara là họ của cha cậu, nghĩa là “đồng tử” (cậu bé). Ji­va là tên mẹ cậu, nghĩa là “thọ” (nhiều tuổi). Bởi vậy ý nghĩa tên gọi của cậu trong tiếng Hán là “đồng thọ” (cậu bé già dặn). Đặt tên con cái bằng cách ghép họ của người cha và tên của người mẹ vốn là phong tục của người Ấn Độ xưa, cũng có lúc tên gọi còn được đưa thêm vào một số ý nghĩa khác nữa, do đó, tên của người Ấn Độ thời xưa rất dài. Chả trách khi đọc sách lịch sử Phật giáo, tôi không thể nào nhớ nổi tên của các vị cao tăng Tây Vực và Ấn Độ. Thực sự là rất dài và rất khó đọc.

Tôi biết cha cậu là Ku­marayana, còn mẹ cậu là Ji­va, những tên gọi vốn đã rất quen thuộc đối với người Hán. Tăng sĩ Tây Vực và Ấn Độ đều dùng tên gọi thông thường, khác với cách dùng pháp hiệu của các nhà sư Trung Nguyên.

Ku­mara­ji­va đặt tập giấy nháp trước mặt tôi và đề nghị:

- Cô có thể viết tên gọi tiếng Hán của tôi vào đây được không?

Tôi nắn nót từng nét một: Ku- ma- ra- ji- va.

Cậu ta ngắm nghía tỉ mỉ, đọc lại một lượt, rồi ngước lên nhìn tôi, khuôn mặt rạng rỡ niềm vui:

- Hay! Ku­mara­ji­va. Nếu là tên gọi do Ngải Tình đặt, thì từ nay về sau tên tiếng Hán của tôi sẽ là Ku­mara­ji­va!

Tôi giật mình ngẩng lên, bắt gặp đôi mắt trong sáng tràn ngập ánh cười đang nhìn mình. Tôi bỗng hốt hoảng, thần trí mất tập trung, cứ bay bay tận đâu đâu. Không có tài liệu nào ghi lại thông tin về người đã đặt tên tiếng Hán cho cậu ta, không lẽ người đó là tôi? Tên gọi mà tôi đọc được ở thế kỷ XXI hoàn toàn trùng khớp với tên gọi mà tôi đặt cho cậu ta 1650 năm về trước. Điều đó có nghĩa là, việc tôi vượt thời gi­an đến đây và gặp gỡ Ku­mara­ji­va đều là sự tất nhiên ư? Điều này có mối liên quan, log­ic gì? Tôi chỉ là du khách đi bên lề lịch sử, hay tôi đã gia nhập vào thời đại này một cách hoàn toàn tình cờ?

## 5. Chương 09 - 10

Chương 9: Tôi muốn xin thôi việc

Tôi cùng mẹ con Ku­mara­ji­va, nhà vua và đại thần Wen­su đến trước cổng thành nghênh đón đức vua Khâu Từ. Vì giờ đây tôi đã bxết cậu là là Ku­mara­ji­va, nên tất nhiên tôi hiểu vì sao cái tên Wen­su nghe quen đến vậy, thì ra là Wen­su, một huyện bên cạnh Ak­su, thuộc tỉnh Tân Cương. Hai nghìn năm trước, Wen­su chỉ là một quốc gia nhỏ, lệ thuộc vào Khâu Từ.

Sở dĩ quốc gia nhỏ bé này có trong trí nhớ của tôi là vì Ku­mara­ji­va. Cuộc luận chiến nổi tiếng đó sử sách gọi là cuộc luận chiến ở Wen­su, nó được xem như một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời đầy thăng trầm nhưng lẫy lừng của Ku­mara­ji­va. Sách sử chép rằng, chính nhờ cuộc luận chiến này mà tiếng tăm của Ku­mara­ji­va “vang khắp vùng Pamirs, chấn động hải ngoại”, “được quốc vương nhiều nước trọng vọng”. Bởi vậy, đức vua Khâu Từ đã phảx đích thân đến đón Ku­mara­ji­va, không để các nước khác tranh giành hiền tài.

Nghi thức đón tiếp diễn ra rất long trọng, thảm đỏ được trảx đến tận hoàng cung, âm nhạc rộn ràng không dứt, hoa thơm vương ngập lối đi. Tôi nhớ vị vua này tên Bạch Thuần, vương triều nhà Bạch vốn do Ban Siêu dựng lên, Tây Vực đô hộ phủ của Ban Siêu đặt tại Khâu Từ. Từ thời Ban Siêu cho đến cuối đời Đường, rồi sau đó Khâu Từ bị người Hồi Hột (Ujur) tiêu diệt, trong suốt tám trăm năm, vương quốc Khâu Từ đều do nhà Bạch nắm quyền cai quản.

Vị vua Khâu Từ này rất giống Ji­va, cũng da trắng, mũi cao, mắt to và sâu, lông mày dày và rậm. Có lẽ Bạch Thuần chưa đến bốn mươi tuổi, thời trẻ chắc hẳn rất tuấn tú. Nhà vua không cắt tóc ngang vai như những người đàn ông khác, phía trước để mái lửng, phía sau quấn búi lên đỉnh đầu, rồi buộc gọn lại bằng một mảnh vải nhiều màu, thả xuống sau gáy.

Điều thú vị là trán của nhà vua cũng được nén dẹt xuống. Trong “Đại Đường Tây Vực ký”, Huyền Trang từng viết về tập tục nén đầu ở Khâu Từ. Họ dùng một tấm gỗ ép chặt phần đầu phía trước của đứa trẻ. Nhưng tập tục này chỉ được phép áp dụng đối với thành viên của hoàng thất. Thật mừng là Ku­mara­ji­va xuất gia từ nhỏ, nếu không vẻ điển trai mê hồn của cậu chắc chắn sẽ bị tập tục này hủy hoại.

Tôi tiếp tục quan sát trang phục của quốc vương. Cũng là áo choàng ngắn, cổ bẻ, ống tay hẹp, thắt eo, đi ủng cao đến đầu gối, nhưng bên ngoài còn khoác thêm một chiếc áo tay lỡ với những hoa văn thêu kim tuyến cầu kỳ. Một thanh kiếm dài đeo bên hông, trên tay còn có thêm một thanh đoản kiếm. Có vẻ như nhà vua rất thích dùng kiếm.

Thoáng thấy mẹ cfn Ku­mara­ji­va, nhà vua vội sải những bước dài về phía trước, dang rộng tay ôm chầm lấy hai người. Hai mẹ con Ku­mara­ji­va dường như rất xúc động, họ xa nhà những bốn năm trời kia mà. Tôi nghe được bập bõm đoạn đối thoại của họ. Đức vua chúc mừng thành tích học tập và cuộc luận chiến thành công của Ku­mara­ji­va. Ông nói rằng đã chuẩn bị mọi thứ ở Khâu Từ để chờ đón hai người trở về...

Khi đức vua Khâu Từ đưa mắt nhìn sang người con gái đứng cạnh Ji­va, ngài có vẻ hơi ngạc nhiên. Tôi đang căng tai luyện nghe tiếng Tochari, không để ý đến ánh nhìn đột ngột đó, nên không kịp phản ứng, bất giác nở một nụ cười ngờ nghệch. Nụ cườx chưa kịp tắt, trong tôi chợt nhen lên một cảm giác bất an, thôi thế là xong, tôx mất điểm hoàn toàn rồi, những nghi lễ mà tối qua tôi đã được học đã biến mất khỏi đầu tôi, không để lại dấu vết.

Đức vua Khâu Từ cũng ở lại trong cung, nhưng ngài ngự tại một cung điện khác. Yến tiệc buổi tối vẫn như thường lệ, được tổ chức trên đại điện, tôi cũng được tham dự. Nhưng vì mẹ con Ku­mara­ji­va không ăn tối nên chúng tôi chỉ được uống nước suông. Đôi mắt mở to của tôi dán chặt vào món thịt nướng trên bàn của hai vị quốc vương, miệng nuốt nước bọt ừng ực. Không có ca nhạc, không có hát múa, buổi tiệc chỉ là bữa cơm thân mật trong gia đình nhân dịp đoàn tụ. Tôi cảm thấy lạc lõng, nên chẳng bao lâu, tôi bắt đầu giở trò ngọ ngoạy trên chỗ ngồi của mình.

Đột nhiên tôi bắt gặp ánh mắt quen thuộc chiếu về phía mình, là Ku­mara­ji­va. Cậu ta đang mím chặt môi, cố nhịn cười. Tôi liếc nhìn xung quanh để chắc chắn không có ai chú ý, sau đó bóp mũi, lè lưỡi ra chọc cậu ta, Ku­mara­ji­va khổ sở mím chặt môx hơn nữa. Cậu quay người sang nói với hai vị quốc vương, rằng đêm đã khuya, đức vua Khâu Từ đi đường đã thấm mệt, ngài nên về nghỉ ngơi sớm. Sau đó, mọi người cùng nâng cốc (chúng tôi chỉ được phép uống nước) chúc tụng lần cuối, rồi kết thúc bữa tiệc.

Tôi trở về với cái bụng rỗng không, mắt mờ đi vì đói, vội vàng hạ lệnh cho cô hầu nữ nấu chút gì đó lót dạ. Trong thờx gi­an chờ đợi đồ ăn, tôi nằm im trên giường cố gắng hạn chế tiêu hao năng lượng. Trong cơn mê man, một mùi hương ngào ngạt bất chợt bốc lên, tôi bật dậy và nhìn thấy đôi mắt sâu như hai vực nước long lanh ánh cười đang đứng bên giường, trên tay là một đĩa thịt nướng, thơm chết người!

Tôi kéo vai cậu ta xuống, cảm động nói:

- Ra­ji­va, cậu thật tốt bụng!

Thực ra tôi đã suy nghĩ rất nhiều về cách xưng hô với Ku­mara­ji­va. Tên tiếng Phạn của cậu ta rất khó đọc, tên tiếng Hán nghe có vẻ khách sáo. Trong các tài liệu liên quan, thì tên cậu ta có lúc là Ra­ji­va, có lúc là “Ji­va”. Sách cổ thường gọi cậu ta là Ji­va, còn trong văn bản hiện đại thì đều viết là Ra­ji­va. Nếu phân tích rạch ròi, thì Ku­mara là họ, Ji­va mới là tên. Nhưng nếu chỉ gọi là Ji­va, nghe không ổn lắm. Bởi vậy, sau khi suy đi tính lại, tôi quyết định gọi cậu ta bằng cách của những người hiện đại, Ra­ji­va. cậu ta cũng vui vẻ chấp nhận.

Lúc buông tay ra tôi mới nhận thấy khuôn mặt cậu ta đỏ như gấc chín, ánh mắt ra sức tránh né, không dám nhìn thẳng vào tôi. Bộ dạng ngượng ngùng, xấu hổ ngây thơ đó thật đáng yêu!

Trời đất, tôi vừa làm gì thế này! Lại vỗ một cái thật mạnh vào đầu tự trừng phạt. Cậu ta giật mình, lo lắng hỏi:

- Ngải Tình, sao vậy?

Nhìn khuôn mặt đang đỏ bừng vì thẹn thùng của cậu ta, tôi bỗng bối rối. Đón đĩa đồ ăn từ tay Ku­mara­ji­va, tôi giả đói giả khát cắm đầu gặm món thịt nướng để che đi nỗi xấu hổ đang dâng đầy. Làm sao có thể nói để cậu ta hiểu tôi áy náy về hành động mất kiểm soát khi nãy của mình đến thế nào. Dù cậu ta vẫn ít tuổi, tôi cũng không thể có những cử chỉ thân mật một cách tự nhiên như ở thời đại của tôi được. Vì dù sao có một thân phận hết sức đặc biệt và điều đó không bao giờ có thể thay đổi.

Một lúc sau, sắc mặt Ku­mara­ji­va mới trở lại trạng thái bình thường, cậu lấy giọng vu vơ hỏi tôi:

- Hôm nay chúng ta học bài gì?

Tôi thở dàx, ngừng nhai thịt:

- Cậu mời người khác dạy đi, tôi không dạy cậu nữa đâu.

Ku­mara­ji­va tỏ ra hết sức kinh ngạc, khuôn mặt vừa tan sắc đỏ đã chuyển sang tái nhợt:

- Vì sao? Tôi đã làm gì sai ư?

- Cậu không làm gì sai cả. Chỉ tại tôi không đủ trình độ để dạy cậu nữa. Cậu là Ku­mara­ji­va kia mà!

Khi giảng “Luận ngữ” tôi không có sách, cũng không thuộc hết. Tôi chỉ giảng cho cậu ta những phần tôi thuộc và tất nhiên là trật tự các bài đã bị đảo lộn, một số chỗ tôi còn không nhớ chính xác. Cậu ta vốn thông minh tuyệt đỉnh, chỉ đọc một lần là nhớ ngay. Nếu tôi tiếp tục dạy học như vậy, trong đầu cậu ta sẽ đầy ắp những lỗi sai. Làm sao cậu ta trở thành dịch giả kinh Phật hàng đầu Trung Quốc được? Tôi cũng không gánh nổi tội lỗx tày trời đó. Sự nghiệp phát triển Phật giáo tạx Trung Nguyên vẫn đang trông chờ cậu ta kia mà!

- Nhưng, nhưng mà, cô là một giáo viên rất giỏi!

Có chút run rẩy trong giọng nói của Ku­mara­ji­va.

- Cô giảng bài rất hay, nên tôi chỉ nghe một lần là nhớ.

- Đó là vì cậu thông minh, không phải do tôi dạy giỏi.

Tôi nhìn thẳng vào hai vực nước trong vắt ấy, nghiêm nghị:

- Ra­ji­va, cậu là người thông minh nhất mà tôi từng gặp.

Giọng nói của cậu ta êm dịu và lôi cuốn như một vò rượu ngon được ủ nhiều năm, nhưng khẩu khí chắc nịch:

- Ngải Tình, cô cũng là cô gái thông minh nhất mà tôi từng gặp. Vốn hiểu biết của cô rất phong phú và điều quan trọng hơn là, cô am hiểu sâu sắc Phật pháp. Vì có người thầy như cô, Ra­ji­va cảm thấy rất hứng thú với Trung Nguyên. Tôi rất mong được đặt chân đến đó, để có thể tận mắt chứng kiến mảnh đất, bầu trời và không gi­an như thế nào mà có thể khai sinh ra một người con gái thông minh, xinh đẹp như Ngải Tình.

Những câu nói ấm áp được thốt lên bằng sự chân thành, giúp tôi cảm thấy tự tin hơn. Bất giác một câu hỏi hiện ra trong đầu: Không lẽ cảm tình dành cho vùng đất Trung Nguyên của Ku­mara­ji­va bắt nguồn từ tôi ư? Nhưng sự thực là tôi không thông minh, tôi đã đánh cắp kiến thức của người khác, kể cả thành quả dịch thuật của Ku­mara­ji­va. Vậy mà cậu ta vẫn khen ngợi tôi có tuệ căn. Nếu ở vào thời hiện đại, chắc chắn tôi sẽ bị kết tội vi phạm bản quyền. Thế nên, tôi cứ cúx gằm mặt xuống, không dám ngẩng đầu.

- Nhưng mà...

Ku­mara­ji­va cố nhịn cười khi tôi ngước bộ mặt âu sầu lên nhìn cậu ta:

- Nhưng nếu không có vẻ mặt ngây ngô kia thì cô sẽ càng thông minh hơn...

Tên ranh, dám trêu cả cô giáo! Tôi bật dậy định vít cổ cậu ta xuống, nhưng cậu ta nhanh như chớp, cười ngất và né sang một bên. Tôi đuổi cậu ta chạy vòng vòng. Ra­ji­va tuổi trẻ chân dài, tôi già cả không bắt kịp. Nhưng tôi không tin mình không tóm được cậu, nếu thế tôi ra đời trước cậu ta mười năm thật oan uổng quá! Tôi kêu lên một tiếng “ui da”, rồi ngã sõng sfài ra đất. Quả nhiên cậu ta vội chạy đến, vẻ mặt lo lắng hỏi tôi có sao không. Nhân lúc cậu ta không đề phòng, tôi đã lập tức giơ tay tóm lấy cổ cậu ta.

- Tên ranh, từ nay về sau cấm chê cô giáo ngây ngô nhé! Như thế không gọi là ngây ngô mà là thật thà, nhớ chưa? Tôi là cô giáo của cậu, cậu phải tôn trọng tôi, biết chưa? Dù cậu có là Ku­mara­ji­va đi nữa, trước mặt tôi cũng phải tỏ ra ngoan ngoãn!

Tôi lắc mạnh chiếc cổ dài thanh tao và nhìn vào khuôn mặt đang ngày càng ửng đỏ của cậu ta. Hình như tôi xiết tay hơi mạnh. Vội vàng buông cậu ta ra, tôi sát lại, ghé mắt nhìn:

- Này, tôi có mạnh tay quá không? Cậu có đau lắm không? Xin lỗx nhé!

Ánh mắt trên khuôn mặt đỏ như gấc chín ấy lại tìm cách lẩn trốn. Cậu ta quay mặt đi, tách tôi ra một đoạn, miệng lí nhí:

- Ngải Tình, tiếp tục dạy tôi, được không?

Tôi lại thở dài, tay túm cằm suy nghĩ:

- Nhưng tôi không có giáo trình, tài liệu gì cả. “Luận ngữ” mà tôi dạy cậu đều là dựa vào trí nhớ, mắc không ít lỗi sai. Người xưa có câu: dạy sai kiến thức chi bằng không dạy, chớ làm hỏng học trò.

Đức Phật và nàng

Vẫn khuôn mặt đỏ lựng nhìn tôi, nhưng ánh mắt trở nên long lanh và khóe môi hé một điệu cười rạng rỡ:

- Cô lo lắng điều này ư? Có khó gì đâu!

 “To teach or not to teach, this is a ques­tion”.

Tôi không có cách nào từ chối, nhưng lại sợ sẽ truyền đạt sai kiến thức cho cậu ấy. Lẽ ra tôi không nên xuất hiện trong cuộc đời cậu ấy. Không có tôi, cậu ấy vẫn có thể trở thành vị pháp sư lừng danh trong lịch sử. Nhưng nếu ngược lại thì sao? Rốt cuộc, tôi đóng vai trò gì trong hành trình cuộc đời Ku­mara­ji­va? Liệu tôi có tác động xấu đến cậu ấy, để rồi làm sai khác đi lịch sử? Một sự thật hiển nhiên là cậu ấy vốn không biết nói dù chỉ một câu tiếng Hán hiện đại.

Thấy tôi trầm ngâm hồi lâu, Ku­mara­ji­va đặt hai tay lên tay tôi, hơi ấm từ lòng bàn tay cậu lan tỏa khắp người tôi.

- Ngải Tình, chính Phật tổ đã an bài để tôi được gặp cô, tôi thực sự trân trọng mối duyên này. Tôi thật lòng muốn học tiếng Hán, nhưng nếu cô không muốn dạy, cũng không sao, hãy đến Khâu Từ cùng tôi, rồi mới trở về Trung Nguyên, được không?

Trong đôi mắt màu xám nhạt long lanh ngấn nước phản chiếu khuôn mặt ủ dột của tôi. Tôi chỉ là một người khách qua đường, sớm muộn tôi cũng sẽ phải trở về thế giới của mình, dù cho chiếc đồng hồ vượt thời gi­an đang tạm thời gặp sự cố.

Nhưng việc tôi vượt thời gi­an và gặp gỡ Ku­mara­ji­va thời niên thiếu, nếu không dùng chữ “cơ duyên” thì còn có cách giải thích nào khác nữa? Hai hàng dấu chân trên cát của chúng tôi chỉ là tình cờ hợp thành một, khi hành trình ngắn ngủi đó qua đi, sẽ không còn bất cứ sự gặp gỡ nào nữa. Vậy thì, việc gì tôi phải suy nghĩ nhiều đến vậy? Chỉ cần từ nay về sau tôi thận trọng hơn trong mọi ứng xử, không thể hiện ra bất cứ dấu hiệu mang nét đặc trưng của thời đại mình, thì tôi sẽ không tác động và làm thay đổi lịch sử. Nhưng, điều quan trọng hơn hết thảy đó là, tôi thực sự mong muốn được ở bên chàng trai thiên tài này mỗi ngày, để được đón nhận và cảm nhận tình cảm nồng ấm từ cậu ấy.

- Nếu vậy, ta đồng ý tiếp tục dạy trò.

Tôi lồm cồm bò dậy, phủi sạch bụi trên mông:

- Thầy trò ta cùng ôn lại kiến thức của buổi học trước.

Tôi phải nhanh chóng sửa đổi phương thức gi­ao tiếp bằng tiếng Hán hiện đại của cậu ta mới được.

Cậu ta vừa vui mừng vừa ngạc nhiên, có vẻ chưa thích ứng với lối nói văn ngôn trang trọng đó của tôi, nhưng cũng không thắc mắc, vội vàng đứng lên tìm tập giấy nháp.

Tối hôm sau, cậu ta xuất hiện ở cửa phòng tôi với cuốn “Luận ngữ” trên tay.

Chương 10: Chúng tôi đến Khâu Từ

Cuối cùng, chúng tôi cũng lên đường đi Khâu Từ. Buổi đưa tiễn diễn ra rất náo nhiệt, dân chúng Wen­su từ mọi ngả đổ ra phố chính, đứng chen chân hai bên đường. Đức vua Wen­su đích thân cưỡi ngựa tiễn đoàn chúng tôi mấy mươi dặm.

Đi cùng vua chúa quả có khác, chúng tôi được chăm sóc rất chu đáo và vương giả, khác hẳn với khi tôi đi cùng mẹ con Ra­ji­va. Hàng ngày, Ra­ji­va vẫn đều đặn đến lán trại của tôi học bài sau giờ tụng kinh buổi chiều. Giờ đây tôi đã có sách trong tay, nên bài giảng cũng ngày một trọn vẹn và sâu rộng hơn, tôi luôn mở rộng, bổ sung kiến thức mới cho Ra­ji­va. Tôi thường vận dụng những câu chuyện lịch sử làm dẫn chứng minh họa cho những đạo lý sâu xa của cổ nhân, Ra­ji­va rất hứng thú và luôn hết lời khen ngợi.

Vua Bạch Thuần đã có lần đến kiểm tra việc dạy học của tôi, tiếng Hán của ngài rất trôi chảy. Khi ấy tôi đang giảng sách Luận ngữ “Chương 9: Tử Hãn”, Nhà vua chọn ra một câu để thử tài tôi, câu đó là: “Tử viết: Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã”.

Câu này vốn rất dễ lý giải, tôi suy nghĩ một lát, đáp:

- Khổng Tử than phiền rằng con người coi trọng sắc dục hơn đức hạnh. Thế nhưng người ta ai nấy đều ham muốn sắc dục, bởi vậy háo sắc là biểu hiện chân thực của bản tính con người. Giữa cfn người và sắc đẹp có sự lôi cuốn rất tự nhiên, khó lí giải nhưng vô cùng mãnh liệt. Cáo Tử từng nói: “Nhu cầu ăn uống và sắc dục thuộc về bản năng tự nhiên của con người”. Nhưng đức hạnh thì không phải. Người ta, nếu có coi trọng đức hạnh thì cũng không xuất phát từ nhu cầu tự thân giống như ham muốn mỹ sắc. Người xưa đã vậy, người nay vẫn thế.

Tôi ngừng lại, Bạch Thuần không nói gì, nhưng tôi luôn có cảm giác ánh mắt ngài nhìn tôi không mấy thiện cảm. Cũng tại tôi ruột để ngoài da, chẳng suy nghĩ thấu đáo, cứ thật thà phát biểu: háo sắc là thiên tính của con người. Vì sao tôi không kịp nhớ rằng, xưa nay các vị hoàng đế vốn thích hô khẩu hiệu to tát và ưa thể diện kia chứ?

Do đó, tôi vội vã bổ sung:

- Nhưng chữ “sắc” ở đây không hoàn toàn là mỹ sắc, mà chỉ tất cả những thứ đẹp đẽ. Và “đức” cũng là một trong số những thứ đẹp đẽ đó. Người coi trọng đức hạnh ngang với coi trọng cái đẹp được gọi là quân tử. Sở dĩ Khổng Tử than phiền như vậy là vì bao năm lênh đênh, chu du khắp thiên hạ, ghé qua hầu hết các nước chư hầu, vậy mà ngài vẫn bơ vơ như kẻ không nhà, chỉ vì chưa gặp được vị quân vương nào xem trọng người tài đức như xem trọng sắc đẹp. Nhưng nếu ngài còn sống đến ngày nay, gặp được vị vua anh minh hiếu đức như đức vua đây, hẳn ngàx sẽ không còn phải thở dài buông lời cảm thán như vậy!

Biểu cảm trên gương mặt Bạch Thuần vẫn không hề thay đổi, tôi hoang mang không biết “nịnh bợ” kiểu đó có chút hiệu quả nào không? “Làm bạn với vua như chơi với hổ”, người xưa nói quả không sai! Ông ta mới là vua của một tiểu quốc Tây Vực xa xôi mà đã vậy, nếu là Tần Hoàng Hán Vũ thì còn đáng sợ đến thế nào? Chỉ cần khiến các ngài không vui là mất đầu như chơi. Chợt như có một luồng hơi lạnh chạy dọc sống lưng, tôi chỉ dám hé mắt nhìn trộm ngài. Bạch Thuần không thèm đếm xỉa đến tôi, ngài nói vài câu với Ra­ji­va bằng tiếng Tochari rồi bước ra ngoài.

Ngày hôm sau, ngài nói về tôi trước mặt hai mẹ con Ra­ji­va, rằng:

- Cô giái này còn quá trẻ, thái độ thiếu nghiêm túc, thiếu tư chất của một người thầy.

Tôi giận quá định bỏ đi. Ông ta tưởng tôi không hiểu tiếng Tochari chắc, hay ông ta vốn chẳng thèm quan tâm tới tôi có hiểu hay không? Chắc chắn là tại điệu cười ngu ngốc đó, như vậy chứng tỏ trò nịnh bợ của tôi ngày hôm qua đã tìm nhầm đối tượng rồi! Không biết tôi đã nói điều gì khiến ông ta phật ý? Ông ta bảo sau khi về Khâu Từ sẽ tìm thầy dạy khác cho Ra­ji­va, còn nói ở Khâu Từ có rất nhiều giáo viên người Hán tài giỏi, kiến thức uyên thâm. Ra­ji­va cảm ơn và từ chối khéo léo, ca ngợi tôi là giáo viên giỏi nhất mà cậu từng gặp, khen tôi là người làu thông kim cổ, tỉ mỉ, tận tâm. Quả không làm tôi thất vọng. Bạch Thuần hết cách đành quay sang thuyết phục Ji­va, nhưng ni cô xinh đẹp nói, bà tôn trọng ý muốn của Ra­ji­va.

Ji­va quả là người mẹ tuyệt vời, chả trách lúc nào Ra­ji­va cũng yêu kính bà! Bạch Thuần cố nhiên là không vui, tôi biết ý nên vội vã cúi đầu, vờ như không nghe thấy gì.

Chúng tôi tiếp tục vượt qua Bái Thành, trước mắt không còn là sa mạc mênh mông hoang vắng nữa. Những hẻm núi đủ mọi dáng vẻ nối tiếp nhau dằng dặc, không bóng một lùm cây, dưới ánh mặt trời, khung cảnh hiện ra hùng vĩ hệt như hẻm núi Grand trên vùng l­orado của nước Mỹ. Chúng tôi bắt đầu tiến vào vùng núi thuộc dãy Thiên Sơn. Ra­ji­va cho tôi biết, vượt qua những hẻm núi kỳ vĩ này, đi thêm hai mươi dặm sa mạc nữa là đến biên giới Khâu Từ.

Một dòng sông nhỏ xuất hiện giữa những khe núi hiểm trở. Có sông có nước là sẽ có ốc đảo. Hai bên bờ là vách núi cheo leo, nơi đây vốn là huyết mạch quan trọng của con đường tơ lụa. Thấp thoáng vài hộ nông dân và nhà trọ. Ra­ji­va nói với tôi, sông này là sông Muzat, còn núi này là núi Karadag. Tôi thấy những tên gọi này rất quen thuộc. Nơi đây cách Khâu Từ những mấy chục dặm, không biết điều gì khiến tôi có cảm giác quen thuộc đến vậy? Tôi nhìn lại một lượt khung cảnh núi non trùng điệp, sông suối lượn quanh, ốc đảo xanh tươi với hai bên là vách núi dựng đứng này, một địa danh chợt lóe lên trong đầu tôi: Thiên Phật động Kizil.

- Ra­ji­va, Thiên Phật động Kizil ở đây phải không? Đưa tôi đi xem có được không?

Tôi sung sướng tột độ. Thiên Phật động Kizil là quần thể hang đá nằm ở cực Tây, được xây dựng sớm nhất ở Trung Quốc. Giá trị to lớn của di tích này nằm ở các bức bích họa, vẻ đẹp của nó có thể sánh ngang với các bức bích họa ở Đôn Hoàng. Về mặt thời gi­an thì những bức bích họa này còn ra đời trước các bức bích họa ở Đôn Hoàng hơn hai thế kỷ. Phong cách nghệ thuật đậm màu sắc tín ngưỡng Phật giáo Đại Thừa, là đặc trưng của nghệ thuật Khâu Từ, là nguồn tư liệu vô cùng quý gxá để nghiên cứu về quốc gia này. Tiếc thay, về sau, những người Ujur theo tín ngưỡng Hồi giáo đã phá hoại nghiêm trọng công trình này. Thêm vào đó, khoảng thế kỷ thứ XIX, nhà khoa học về phương Đông người Đức, A. Von Le q cũng đã đến đây và lấy đi không ít hiện vật quý giá. Nếu tôi được tận mắt ngắm nhìn công trình đồ sộ này khi nó còn nguyên vẹn và phác thảo lại, sẽ có giá trị biết bao!

- Thiên Phật động Kizil nào vậy?

Dường như cậu ta không hiểu. Có lẽ vì Kizil là tiếng Duy Ngôn Nhĩ (Uygur) và vàf thời gi­an này, thì vẫn chưa xuất hiện tên gọi Thiên Phật động Kizil.

- Đó là ngôi chùa kiểu kiến trúc hang đá được xây dựng trên vách núi, bên trong có rất nhiều tranh bích họa và những hang đá kéo dài hàng ngàn dặm, chạy suốt dọc vách núi Karadag.

Hai mắt sáng lên, tôi xúc động mô tả cho cậu ta nghe, nhưng Ku­mara­ji­va dường như vẫn không hiểu gì cả. Cậu ta đưa mắt quan sát một lượt khung cảnh trước mặt rồi dừng lạx ở dãy núi đối diện:

- Ngải Tình, ở đây không có hang đá nào như cô vừa nói.

Lẽ nào tại thời điểm này, Thiên Phật động Kizil vẫn chưa được xây dựng? Tài liệu lịch sử ghi lại rằng công trình này được khởi công vào khoảng thế kỷ thứ III, thứ IV sau Công nguyên, từ thế kỷ VI­II đến thế kỷ IX, công việc xây dựng chậm lại và ngừng hẳn. Cho nên, thời điểm khởi công là thời gi­an này mới phải chứ?

- Ngải Tình.

Ra­ji­va đột nhiên ngước đôi mắt sáng long lanh nhìn tôi.

- Vì sao cô biết một ngôi chùa như thế sẽ được xây dựng ở đây?

Tôi sợ toát mồ hôi. Đúng rồi, sao tôi lại biết được? Thiên Phật động này được xây dựng sớm nhất ở Trung Quốc và bây giờ nó còn chưa ra đời kia mà!

- Tôi...

Tôi cười ha ha kéo dài thời gi­an, rồi chỉ tay về phía con đường uốn lượn ngoằn ngoèo giữa những khe núi hẹp và nói:

- Tôi nghĩ rằng đây là nơi mà các lái buôn nhất định phải đx qua. Những nhà buôn đi trên con đường tơ lụa gặp rất nhiều rủi ro, nguy hiểm, nào là thời tiết khắc nghiệt, địa hình hiểm trở, đạo tặc hoành hành. Nguy cơ trắng tay, thậm chí mất mạng là rất lớn. Bởi vậy họ cần Phật pháp như một nơi nương tựa về tinh thần, ban cho họ sự bình an. Nếu xây chùa ở đây, những thương nhân đó chắc chắn sẽ ghé qua cầu xin thần Phật phù hộ. Vả lại, nơi này thanh vắng yên tĩnh, rất phù hợp để tu hành.

Niềm vui ngời ngời hiện lên trên khuôn mặt Ra­ji­va, ánh mắt cậu ta mỗi lúc một long lanh rạng rỡ, tôi thở phào nhẹ nhõm. Quý Tiễn Lâm từng nói rằng, nhà buôn và Phật giáo có mối quan hệ hết sức mật thiết. Các khoản quyên tặng và lễ vật cúng bái của nhà chùa chủ yếu dựa vào các thương nhân. Đây chính là lý do vì sao các ngôi chùa và thiền viện Phật giáo hầu hết được xây dựng dọc theo con đường tơ lụa. Và Phật giáo cũng nhờ con đường này, từng bước được truyền bá vào Trung Nguyên. Nên lí do mà tôi đưa ra hfàn toàn hợp lý.

Tôi quan sát những vách núi cao vút bốn xung quanh, lắc đầu ảo não:

- Còn vì sao phải khai mở động đá. Là vì nơi đây là hẻm núi, cây cối không nhiều, nếu muốn xây chùa bằng gỗ thì phảx vận chuyển từ nơi khác đến, sẽ rất tốn kém, hơn nữa, công trình sử dụng chất liệu gỗ rất khó bảo tồn, vì vậy, xây chùa hang đá trên vách núi là hợp lý nhất.

Ra­ji­va gật đầu tán đồng:

- Chùa hang đá mà cô miêu tả rất giống với kiến trúc chùa chiền ở Ấn Độ và Kab­ul. Ở những nơi đó, họ xây chùa trên vách núi vì những con đường huyết mạch đều là đường qua núi.

Trầm tư một lát, cậu ta quay lại, hỏi tôi:

- Nhưng sao cô lại gọi ngôi chùa này là Kizil?

Tôi há hốc miệng, cậu ta vẫn chưa hết nghi vấn à? Tên ranh này sao mà thông minh thế không biết!

- Kizil, Kizil...

Tôi lẩm bẩm đọc đi đọc lại cái tên này, vừa đọc vừa suy nghĩ.

- Đây là từ địa phương, ở nơi tôi sinh sống, Kizil có nghĩa là hang đá.

May quá, tôi nhanh trí viện ra cái cớ này để lòe cậu ta vì dù gì cậu ta cũng là người nước ngoài.

Cậu ta nhìn tôi rất lâu, đúng vào lúc tôi bắt đầu lung lay vì lời nới dối của mình, thì đột nhiên cậu ta tươi cười gật đầu:

- Ngải Tình nói rất có lý!

Cậu ta ngừng lại, suy nghĩ một lát rồi hỏi tiếp:

- Vậy theo cô, ngôi chùa hang đá này nên thiết kế ra sao để thể hiện được sự uy nghi của Phật pháp?

- Cái đó...

Đâm lao phải theo lao thôi, nếu tôi không nói, chỉ e ngày sau, Thiên Phật động này sẽ biến dạng. Tôi ngập ngừng hồi lâu, nhưng sau đó vẫn quyết định trình bày hết suy nghĩ của mình:

- Trước tiên cần khai mở một động đá trong núi, ở giữa dựng các cột trụ, đặt tượng Phật vào các hốc tường phía trước cột trụ, đường hành lang bên trái và gi­an buồng phía sau sẽ vẽ các bức bích họa kể câu chuyện của Phật tổ và các truyền nhân của ngài. Như vậy, tăng ni Phật tử có thể bái Phật ở gi­an chính, sau đó vòng qua hành lang bên phải đi về phía buồng sau để ngắm nhìn các tượng Phật ở tư thế nằm trên cõi Niết Bàn, cuối cùng, quay lạx gi­an thờ chính, ngẩng đầu lên chiêm ngưỡng những bức tranh thuyết pháp của Di Lặc, Bồ Tát ở phía trên cửa ra vào hang đá. Các bức bích họa sẽ được vẽ trong khung hình thoi, với ý nghĩa là núi Tu Di (Sumeru), hình vẽ bên trong kể về câu chuyện của Phật tổ và luật nhân quả.

Nhìn vẻ mặt chất đầy nghi vấn của Ra­ji­va, tôi hết sức lo lắng, tôi tiếp tục lục lọi trong trí nhớ để tìm kiếm những tài liệu về Thiên Phật động Kizil:

- À, còn nữa, phải xây các phòng nhỏ làm nơi tọa thiền cho các tăng sĩ, những phòng đá nhỏ này thì không cần trang trí bích họa, có thể thiết kế theo kiến trúc phòng ở gắn liền với lối đi. Phòng đá nhỏ dành cho tăng sĩ và hang đá chứa bích họa có thể đặt cạnh nhau, tạo nên một quần thể thống nhất, đó chính là một ngôi chùa Phật giáo.

- Ngải Tình, cô từng đến Ấn Độ và Kab­ul, đúng không?

- Hả?

Đúng là tôi đã từng đến Ấn Độ, nhưng tình hình chính trị ở Kab­ul, tức vùng Pe­shawa thuộc Kash­mir ngày nay hết sức phức tạp, nên tôi chưa có cơ hội đến đó. Kab­ul là thành phố cổ đại nổi tiếng nằm trên con đường gi­ao nhau giữa vùng Nam và Trung Á, là thủ đô của vương triều Kushan do đức vua Kan­ish­ka lập nên, là khởi nguồn của nghệ thuật Phật giáo Gand­hara và là vùng thánh địa mà tôi mơ ước được đến thăm từ lâu.

Nhưng vấn đề nan giải hiện nay là tôi phải tiếp tục nói dối như thế nào đây? Rõ ràng, mô hình kiến trúc tôi vừa miêu tả không hề có tại Trung Nguyên và thậm chí ngay ở Tây Vực cũng chưa từng có. Nhưng nếu tôi nói rằng tôi từng đến đó, chắc chắn tôi sẽ bị lật tẩy. Cha cậu ta là người Ấn Độ, bản thân cậu ta đã từng sống ở Kab­ul mấy năm trời.

- Tôi... Là vì... Tôi tình cờ gặp một nhà sư người Ấn Độ, ông ấy đã nói với tôi...

- Ngải Tình hiểu tiếng Phạn từ khi nào vậy

Cậu ta ngắt lời tôi, ánh mắt sắc như dao đang nhìn xoáy vào tôi khiến tôi không biết lẩn trốn vào đâu.

- Tôi...

Người ta nói quả không sai: nói dối một lần thì dễ nhưng để duy trì lời nói dối ấy, bạn phải nghĩ ra thêm nhiều lời nói dối khác và đến sau cùng bạn vẫn cứ bị lật tẩy.

- Ngải Tình, cô chẳng biết nói dối gì cả!

- Tôi...

Thế là tôi đã bị lộ. Sao khi nãy tôi liều lĩnh như vậy, thốt ra những lời bịa đặt không chút suy nghĩ.

- Rốt cuộc cô là ai?

Lại một câu hỏi gai góc nữa, đầu óc tôi chao đảo.

- Tôi...

Tôi đã quên mất rằng tên ranh này từng đánh bại nhà biện kinh vô địch Tây Vực. Nếu cậu ta tiếp tục chất vấn, bí mật của tôi chắc chắn không thể giữ được nữa!

- Thôi được rồi, cô đừng lo lắng.

Nhìn gương mặt đỏ bừng của tôi, cậu ta bỗng bật cười:

- Nếu cô không muốn nói, tôi không ép buộc. Tôi sẽ thuyết phục đức vua xây dựng chùa hang đá này khi về đến Khâu Từ, sẽ đặt tên là Thiên Phật động Kizil. Và tất nhiên sẽ xây dựng theo thiết kế cô vừa nói.

Cậu ta nhìn tôi, đôi mắt tinh anh tỏa sáng, lắc đầu và cười:

- Ngải Tình, cô có biết điệu bộ ngơ ngác của cô khi nãy rất dễ thương không? Bất kể cô từ đâu đến, cô là cô gái thông minh xinh đẹp nhất mà Ra­ji­va từng gặp.

Hai má tôx đã bớt nóng, nhưng miệng tôi vẫn chưa khép lại. Thật không thể tin được, Thiên Phật động Kizil đã được xây dựng như thế đấy! Tôi đập khẽ vào miệng mình tự trừng phạt và dặn lòng từ nay sẽ cấm nói năng lung tung. Tôi làm sao mà gánh nổi tội danh làm rốx loạn lịch sử kia chứ!

Quay đầu lại và phát hiện hành động tự phạt vừa rồi đã lọt vào mắt Ra­ji­va, đen đủi thế không biết! Cậu ta không nóx gì, nhưng ánh mắt nhìn tôi như đang nghiên cứu lại như đang dò la. Kể từ lúc ấy, tôi luôn nhắc nhở mình không được nhiều lời.

Cuối cùng, chúng tôi đã đến được Khâu Từ. Đội ngũ nghênh tiếp lần này còn long trọng hơn cả khi ở Wen­su, từ xa đã văng vẳng tiếng nhạc mừng réo rắt. Những lán trại chạy dài hàng mấy trăm mét trước cổng thành. Phía trước mỗi lán trại đều có các tăng sĩ với trang phục của các cao tăng hướng về phía chúng tôi hành lễ. Ra­ji­va và Ji­va lập tức xuống ngựa, cung kính chắp tay tạ lễ với các cao tăng đó. Tôi chỉ để tâm đến những pho tượng Phật dựng bên trong các lán trại, giá như có thể bảo tồn đến thời hiện đại thì tốt biết bao!

Dẫn đầu đoàn nghênh tiếp là một phụ nữ trung tuổi, thân hình béo tốt, khoác trên mình bộ trang phục quyền quý với váy dài thêu kim tuyến tay lỡ, chắc chắn là hoàng hậu! Đám phụ nữ và trẻ nhỏ ăn mặc cầu kỳ quý phái phía sau hẳn là các phi tần, hoàng tử và công chúa. Tiếp đó là đến các quan văn quan võ, hàng trăm con người cung kính hành lễ với đức vua Bạch Thuần, không khí hết sức trang nghiêm. Chỉ trong phút chốc tôi đã được diện kiến toàn bộ giới quý tộc và hoàng thất Khâu Từ, tôi ước sao có cái máy ảnh ở đây để ghi lại khung cảnh cảm động này.

Hoàng hậu ôm chầm lấy Ji­va và Ra­ji­va, xúc động bật khóc nức nở. Mẹ con Ji­va mắt đỏ hoe, họ đang cùng nhau ôn lại bốn năm xa cách. Tôi để ý đến một người trong đám quý tộc phía sau hoàng hậu, người ấy có ngoại hình khác hẳn những người Khâu Từ khác.

Đó là một người đàn ông trung niên, với nước da bánh mật, dáng người rất cao, thân hình mảnh khảnh, lưng dài thẳng tắp, vầng trán hẹp và dài, đôi mắt to sâu trũng in giữa khuôn mặt khắc khổ, đồng tử màu nâu nhạt, thần thái toát lên vẻ thông thái và nhân hậu. Ông không thả tóc ngang vai như người Khâu Từ, mái tóc ông cắt ngắn giống kiểu tóc của con người ở hiện đại nhưng đã lốm đốm sợi bạc. Dù ông đang mặc trên mình trang phục của người Khâu Từ, tôi vẫn dễ dàng nhận ra ông là người Ấn Độ. Ở tuổi này, nếu dùng từ “đẹp trai” để miêu tả về ông thì thiệt thòi cho ông quá! Điều đáng nói ở đây là khí chất thoát tục ở ông, đó là thứ khí chất thanh cao khiến ông trở nên khác biệt giữa hàng trăm con người, khiến người khác phải chú ý và khi đã chú ý đến ông rồi thì khó mà dứt được ánh nhìn để chuyển hướng đi chỗ khác.

Ông dắt theo một cậu bé chừng mười tuổi, khuôn mặt tròn xoe, làn da trắng ngần giống người Khâu Từ và những đường nét trên khuôn mặt thì giống hệt Ra­ji­va, nhưng dễ thương hơn nhiều! Đôi mắt màu xám nhạt ấy đang bận ngó nghxêng khắp nơi, khi thấy tôi, cậu bé có vẻ hơi ngạc nhiên, cứ chăm chú nhìn tôi mãi. Tôi cười với cậu bé, lén lút làm mặt ngáo ộp trêu chọc. Cậu bé giật mình, vội vã quay mặt đi.

Không nghi ngờ gì nữa, người đàn ông Ấn Độ ấy chính là Ku­marayana, người đã từng từ bỏ ngôi vị để xuất gia, người từng vượt qua dãy núi Pamirs ở phía đông để đến đất Khâu Từ và được đức vua nước này phong làm quốc sư, là cha của Ku­mara­ji­va và là người mà năm xưa Ji­va tìm mọi cách để được lấy làm chồng. Cậu bé có khuôn mặt giống Ku­mara­ji­va như đúc kia chính là em trai của cậu, tôi không nhớ tên cậu bé là gì. Trong “Truyện cao tăng”, Tuệ Giảo chỉ ghi lại một cái tên, tức là trong sự phát triển của lịch sử, cậu bé đó chỉ tồn tại vì là em trai của Ku­mara­ji­va.

Hoàng hậu đã ngừng khóc, đưa hai mẹ con Ra­ji­va đến bên Ku­marayana, Ji­va chắp tay hành lễ trước người từng là chồng của bà, nỗi nhớ nhung bịn rịn ngập đầy trong đôi mắt thẳm sâu của Ku­marayana. Chắc hẳn ông rất muốn ôm bà vào lòng, nhưng ông chỉ lặng nhìn bà vài giây, rồi cũng chắp tay tạ lễ. Chú bé tinh nghịch không cần biết trời cao đất dày gì, cứ thế lao vào ôm chầm lấy mẹ kêu khóc thảm thiết, Ji­va cũng ôm chặt lấy đứa bé, nước mắt chan chứa. Ra­ji­va quỳ lạy cha, nhưng Ku­marayana vội vàng đỡ cậu lên. Cha con họ đều rất xúc động, họ trò chuyện vớx nhau bằng tiếng Phạn.

Nghi lễ đón tiếp đã diễn ra hơn một tiếng đồng hồ. Ku­marayana xin phép đức vua được đưa vợ con về phủ, Ji­va không phản đối, có lẽ vì bà cũng rất nhớ con. Thế là tôi cùng gia đình họ trở về phủ quốc sư.

Tôi đã tìm hiểu và được biết em trai Ra­ji­va tên là Pusyse­da, đó là tên tiếng Phạn, vậy là lạx có thêm một cái tên khó đọc nữa.

## 6. Chương 11 - 12

Chương 11: Tôi có thêm học sinh

Ji­va và Ra­ji­va chỉ ở lại nhà ba ngày, rồi chuyển đến chùa Vương Tân (chùa Tsi­oli). Đó là ngôi chùa của hoàng gia, tọa lạc trên khu đất phía Tây hoàng cung, cách phủ quốc sư chừng mười lăm phút đi bộ. Trước khi chuyển đi, Ra­ji­va đã sắp xếp chu đáo mọi việc: Vì tôi là cô giáo của cậu nên vẫn được ở lại trong phủ. Hàng ngày cậu sẽ về nhà sau giờ tụng kinh buổi chiều để học bài.

Kế hoạch đến Trung Nguyên phải hoãn lại, vì hiện nay đang là mùa đông, tuyết rơi dày đặc, đóng băng trên mọi ngả đường, các đội lái buôn đã tạm dừng hành trình. Nếu muốn đi, phải chờ đến mùa xuân năm sau. Vả lại, tôi cũng không vội vàng gì. Vừa mới chân ướt chân ráo đến Khâu Từ, tôi còn chưa bắt đầu công việc khảo sát của mình, mà tiếng Tochari tôi cũng chưa học ra ngô ra khoai gì cả. Có người chịu cấp cho tôi nơi ăn chốn ở tử tế, không có lý gì tôi lại từ chối công việc dạy học này.

Chủ nhà, Ku­marayana hiếu khách và rất đôn hậu, lúc nào ông cũng ân cần, chu đáo với tôi. Ông nho nhã, lịch thiệp giống hệt giáo sư ở các trường đại học vậy. Giá như trường tôi có một giảng viên như ông, chắc chắn toàn thể học sinh nữ của trường sẽ đua nhau đăng ký môn ông giảng dạy, lớp học sẽ không có chỗ ngồi, thậm chí, hành lang cũng chật cứng ấy chứ. Nếu ông dạy tiếng Phạn, thầy Quý sẽ không còn phải rầu rĩ than phiền vì không có sinh viên nào chịu theo học ngôn ngữ này nữa. Ku­marayana hoàn toàn tin tưởng ở tôi, ông không bao giờ gặng hỏi tôi về phương pháp lên lớp. Và sau khi nghe Ra­ji­va tán dương tôi, ông còn đề nghị tôi tiếp nhận thêm một học sinh nữa.

Tôi đã kịp dạo quanh mấy vòng thành cổ Khâu Từ. Quốc gia này có ba tòa thành quách rộng lớn, được canh phòng nghiêm ngặt. Chính giữa là cung điện nguy nga tráng lệ. Diện tích tòa thành lớn gấp năm, sáu lần tòa thành Wen­su mà tôi từng khảo sát. Tín ngưỡng Phật giáo được đón nhận nồng nhiệt ở nơi đây. Đến đâu cũng bắt gặp đền chùa, miếu mạo hoặc to hoặc nhỏ được xây lên với mật độ dày đặc.

Khâu Từ dựa lưng vào núi Thiên Sơn ở phía bắc, được xem là quốc gia có nguồn nước dồi dào nhất Tây Vực, vì vậy trồng trọt và chăn nuôi rất phát triển. Núi Thiên Sơn lại dồi dào khoáng sản, có thể cung cấp cho tất cả các quốc gia trong khu vực. Thêm vào đó, Khâu Từ nằm trên gi­ao lộ của con đường tơ lụa, thương nghiệp phát triển kèm theo sự phát triển rực rỡ của thủ công nghiệp. Vì vậy, Khâu Từ là quốc gia giàu có nhất ở Tây Vực.

Mỗi ngày, từng đoàn ngựa thồ tơ lụa lũ lượt qua lại trên những trục đường chính, cảnh buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa các thương lái diễn ra cực kỳ tấp nập, ngựa xe như nước như nêm. Cả thành phố hệt như buổi triển lãm của các sắc tộc: Người Yue Zhi, Wusun, Hung Nô, Turk, Sien­pi, Jou­jan, Mông Cổ, Ba Tư, Iran, Ấn Độ, thậm chí cả những người thuộc chủng tộc người châu Âu hiện đại như: Hy Lạp và Ro­ma và rất nhiều người Hán. Mỗi lúc bước chân ra phố, tôi đều dừng lại, mê mải ngắm nhìn dòng người đủ mọi màu da và trang phục đi qua đi lại trước mặt. Chỉ đến khi cậu học trò mới đang dắt tay tôi đi bên cạnh vác bộ mặt khinh khỉnh nhìn lên, tôi mới cất bước đi tiếp trong sự nuối tiếc.

Nhắc đến cậu học trò mới này mới nhớ, cậu ta chính là vấn đề khiến tôi đau đầu nhất hiện nay.

Một chú nhóc trắng trẻo, cực kỳ đáng yêu đang say sưa cầm bút chì vẽ nguệch ngoạc lên tập giấy nháp của tôi, sau đó dùng cục tẩy xóa đi rồi lại tiếp tục vẽ. Cậu nhóc coi dụng cụ học tập có thể sử dụng nhiều lần này của tôi là thứ đồ chơi hấp dẫn nhất, cứ miệt mài vẽ vẽ xóa xóa cả ngày không chán.

Tôi đứng bên, lòng đau như cắt:

- Cậu nhỏ ơi, ông nhỏ ơi, quỷ sứ ơi! Cậu nghĩ nhà tôi mở cửa hàng bán dụng cụ học tập chắc? Cục tẩy chỉ còn một nửa, bút chì cũng chỉ còn nửa cây, lại mất oan thêm ba trang giấy nữa rồi. Cậu có biết những thứ này đều là tài nguyên không thể tái sinh không? Cậu dùng hết của tôi như thế, ở cái thời đại này, cậu đi đâu mà mua đền cho tôi đây hả?

 Thực ra trong túi tôi vẫn còn, nhưng ai mà biết được tôi phải ở lại đây bao lâu nữa, thế nên tôi không thể không tiết kiệm.

Cậu nhóc không thèm để ý đến lời van xin của tôi, vẫn tiếp tục vẽ. Mà cũng vì cậu ta chưa hiểu tiếng Hán. Nhưng khi tờ giấy thứ tư “qua đời”, tôi không thể nhẫn nhịn thêm được nữa, liền quát to bằng tiếng Tochari:

- Đừng. .. vẽ. .. nữa!

Cái giọng nạt nộ sư tử Hà Đông của tôi chẳng ăn thua. Cậu nhóc ngước đôi mắt to tròn, sáng long lanh nhìn tôi chớp chớp. Đôi mắt giống hệt Ra­ji­va, đều thừa hưởng từ cha đôi đồng tử màu xám nhạt và mái tóc xoăn hung đỏ của mẹ. Đôi mắt ấy đảo qua đảo lại vài lượt, rồi buông bút chì, trèo xuống ghế, lao thẳng vào lòng tôi:

- Thế thì chị hát cho em nghe đi!

Lại thế rồi! Lần trước Ku­marayana có việc phải đi Gu­mo, mấy ngày liền không về, đêm nào cậu nhóc cũng lẻn vào phòng tôi đòi ngủ cùng. Không muốn phí sức quát nạt, tôi đành hát một ca khúc thiếu nhi cho cậu ta nghe. Nào ngờ, kể từ hôm đó, ngày nào cậu nhóc cũng vòi tôi hát cho bằng được và còn yêu cầu không được hát trùng bài. Thế là các ca khúc hiện đại của tôi trở thành nhạc ru. Xui xẻo đến thế là cùng!

Tôi thở dài, nhích sang bên, nhường nửa phần ghế cho cậu nhóc ngồi lên và tựa người vào lòng tôi. Vừa khe khẽ hát bài “Ngủ ngoan bé yêu” của Châu Hoa Kiện, vừa vỗ nhè nhẹ vào lưng cậu. Cậu nhóc nhắm tịt mắt lại, hai hàng lông mày dài và mượt mà càng tôn thêm sống mũi cao thanh tú, rất đáng yêu!

Tôi có thể hiểu được vì sao cậu nhóc thích quấn tôi như vậy. Mẹ và anh trai đều phụng sự Phật tổ, cậu ta vừa lên sáu thì mẹ bỏ ra nước ngoài, bốn năm biền biệt, bặt vô âm tín. Vú già, người gần gũi nhất, chăm sóc cậu từ nhỏ đã qua đời mấy năm trước. Tuy trong nhà không ít người hầu và bảo mẫu, nhưng không ai có thể cho cậu ta tình yêu thương của người mẹ. Ở tuổi này, cậu nhóc rất cần có bạn, tuy hàng ngày vẫn vào cung học bài cùng các hoàng tử, nhưng về đến nhà, không ai chơi với cậu, nô đùa với cậu. Người anh hơn cậu ba tuổi thì trở nên già dặn từ rất sớm, mà bốn năm rồi họ không gặp nhau. Mỗi lần nhìn thấy Ra­ji­va, cậu nhóc tỏ ra rất dè dặt.

Bởi vậy sự xuất hiện của tôi vừa đóng vai trò một người mẹ, vừa là bạn chơi đùa, vừa là đối tượng để ngày ngày cậu vòi vĩnh, nũng nịu. Những hành động nghịch ngợm của cậu chẳng qua là để thu hút sự chú ý của tôi, vì muốn được tôi quan tâm hơn mà thôi. Nhưng như vậy thì khổ cho tôi quá! Mỗi ngày tôi phải diễn không biết bao nhiêu vai: lúc đầu là quân lính dưới trướng của đại tướng quân, nghe tướng quân sai khiến vào báo cáo tình hình. Sau đó lại vờ giả giọng quân địch khiêu chiến với đại tướng quân. Và cuối cùng giả làm bại trận giương cờ trắng đầu hàng và xin tha mạng. Ngày ngày phải nô giỡn, chạy đuổi, chiến đấu với một cậu nhóc đang tuổi ăn tuổi lớn, khiến tôi mệt không thở nổi.

Khi làn điệu thương yêu, ru vỗ kết thúc, cũng là lúc cậu nhóc chìm vào giấc ngủ say sưa. Tôi ôm cậu đặt lên giường. Tay bóp vai, miệng khẽ lẩm bẩm: Nhóc nặng quá, lớn thêm chút nữa chắc chị bế không nổi. Mười tuổi rồi mà vẫn ham chơi như con nít ấy. Mới hát hết một bài mà đã say sưa ngủ.

Tuyết rơi không ngớt mấy ngày qua. Tôi là người vùng Gi­ang Nam, nên mặc dù hiệu ứng nhà kính làm cả trái đất nóng lên, tôi vẫn rất ít khi được chứng kiến những trận tuyết lớn như thế này. Mấy ngày đầu tôi rất thích thú, còn hào hứng kéo Pusyse­da cùng đi đắp người tuyết. Nhưng chẳng được bao lâu, tôi bắt đầu thấy chán, vì tuyết rơi quá dày mà tôi thì sợ lạnh. Nên từ hôm đó, tôi rất hạn chế ra khỏi phòng, công việc khảo sát cũng phải tạm gác lại một bên. May mà Ra­ji­va mang đến cho tôi rất nhiều sách tiếng Hán: “Sử ký”, “Tả truyện”, “Lã thị xuân thu”, “Chiến quốc sách”, “Kinh thi”,. .. những cuốn mà tôi đã đọc từ lâu. Và cả một số thư tịch vốn đã thất truyền như “Thạch thị tinh kinh”.

Phòng đọc sách của gia đình Ra­ji­va có rất nhiều kinh văn và tài liệu viết bằng các thứ tiếng: Phạn, Tochari, Brah­mi, Kharosthi, với nội dung phong phú, đa dạng, đề cập đến hầu hết các lĩnh vực: thanh vận, ngữ văn, công nghệ, kỹ thuật, phương pháp tính lịch, y học, log­ic học, thiên văn học, nhạc luật và lịch pháp.

Tôi nhìn kho sách đồ sộ ấy mà thèm thuồng. Nếu như có thể đưa chúng về thời hiện đại, sẽ có giá trị nghiên cứu lớn lao đến nhường nào. Phần đông mọi người không thể mua nổi những thư tịch của thời đại này, vì mỗi cuốn sách có giá trị tương đương bằng một năm thu nhập của người dân. Đó là chưa kể những cuốn sách được viết trên lụa. Rồi những công văn của quan phủ, những khế ước mua bán, phần lớn đều được viết trên gỗ, vì giấy viết đắt hơn gỗ rất nhiều lần.

Nhìn bên ngoài, phủ quốc sư trông rất giản dị, cách bày trí cũng đơn giản, thì ra toàn bộ của cải giá trị nhất đều nằm trong căn phòng này.

Thế nên, mỗi ngày tôi đều đến và ngồi lì ở đây mấy tiếng đồng hồ, miệt mài chép lại những tài liệu quý giá đó. Tôi từng nghĩ đến việc đi mua, nhưng ở đây có rất nhiều cuốn sách, mà dù có cầm bao nhiêu tiền ra phố cũng không thể mua được. Đó là những cuốn mà Ku­marayana mang về từ Ấn Độ, hay những cuốn sách quý hiếm do sứ giả các nước lân bang dâng tặng vua Khâu Từ. Nếu tôi không thể mang đi, vậy thì chỉ còn cách chép lại. Do vậy, hơn mười ngày qua đi, với tôi không hề buồn tẻ.

Hàng ngày, mỗi khi về đến nhà, Ra­ji­va vào chào cha, rồi đến chỗ tôi học bài, sau đó đến thư phòng đọc sách. Cậu ta lặng lẽ đọc sách, tôi lặng lẽ chép sách. Lúc về chùa, cậu thường mang theo cuốn sách còn đang đọc dở dang, nhưng hôm sau đã thấy cậu ta đổi lấy cuốn mới. Có hôm cậu về nhà khi giờ học của Pusyse­da vẫn chưa kết thúc. Cậu lặng lẽ ngồi bên cạnh nghiên cứu trước bài học. Đến lúc tôi bắt đầu giờ dạy thì cậu đã thuộc làu những nội dung tôi sắp thuyết giảng, nhiều chỗ tôi đọc sai, cậu ta còn nhẹ nhàng nhắc nhở, khiến tôi toát cả mồ hôi. Cậu ta tưởng tôi là thiên tài chắc. Kiến thức lịch sử của năm ngàn năm chứ ít à, sai vài chỗ có sao đâu? Tôi tức quá cốc vào đầu cậu ta một cái, cảnh cáo cậu ta không được qua mặt giáo viên.

Đang vừa ôn lại những kỷ niệm làm gia sư trong hơn mười ngày qua ở phủ quốc sư, vừa kéo chăn lên đắp cho Pusyse­da, chợt có cảm giác lành lạnh sau lưng, thì ra là Ra­ji­va. Cậu vén tấm rèm chắn gió và đứng tựa lưng bên bậu cửa, nhìn tôi.

- Ủa, sao hôm nay cậu về sớm vậy?

Giờ tụng kinh buổi chiều của Ra­ji­va bắt đầu từ bốn giờ và kết thúc lúc năm giờ. Vì vậy, thông thường, khoảng sáu giờ cậu ta mới đến chỗ tôi học bài. Nhưng hôm nay năm giờ ba mươi phút đã có mặt. Bạn thắc mắc vì sao tôi nắm được giờ giấc chính xác như vậy ư? Vì chiếc đồng hồ vượt thời gi­an của tôi có cả chức năng báo giờ, có cả lịch âm, dương đối chiếu nữa, rất tiện dụng. Từ khi chức năng vượt thời gi­an bị hỏng, chiếc đồng hồ này chỉ có thể dùng để xem giờ. Nên tôi vẫn ngày ngày đeo nó trên tay, mọi người nhìn thấy cũng chỉ cho rằng đó là một chiếc vòng tay kì dị.

Còn điều này nữa tôi cần phải nói rõ. Múi giờ ở Tân Cương và Bắc Kinh chênh lệch nhau hai tiếng. Vì vậy, khi đi du lịch Tân Cương, tôi thường điều chỉnh thời gi­an theo giờ địa phương. Nếu không thời gi­an biểu hằng ngày của tôi sẽ trở nên rất quái dị vì: mười giờ sáng thức giấc, hai, ba giờ chiều ăn trưa, buổi tối chín giờ đèn vẫn sáng trưng, một giờ đêm mới đi ngủ. Dù sao thì 1650 năm trước, con người vẫn chưa có khái niệm về chênh lệch múi giờ, nên tôi đã điều chỉnh theo giờ ở Tân Cương thế kỷ XXI.

- Tôi vào cung trò truyện với đức vua, sau đó về thẳng đây.

Cậu ta bước vào phòng, liếc nhìn Pusyse­da đang ngủ trên giường, rồi đột nhiên nói bằng tiếng Tochari:

- Đừng giả vờ nữa!

Pusyse­da lập tức mở mắt, trườn xuống khỏi giường, khuôn mặt ửng đỏ, miệng lí nhí:

- Anh trai!

Tôi trợn tròn mắt, thằng bé láu lỉnh này, dám giả vờ ngủ để được tôi bế lên giường. Vẫn vẻ thản nhiên khi nãy, Ra­ji­va nhắc nhở Pusyse­da về phòng đi ngủ. Pusyse­da sợ anh trai hơn cả cha, nên vội vàng lủi ngay.

- Cậu ấy còn nhỏ, không nên nghiêm khắc quá.

Bản năng người mẹ trong tôi chợt trào dâng, tôi chưa bao giờ nặng lời hay gay gắt với Pusyse­da.

- Bài hát khi nãy rất hay.

Cậu ta khéo léo đổi đề tài.

- Chỉ là mấy ca khúc thiếu nhi của người Hán thôi. Nhạc Khâu Từ chắc hay hơn nhiều.

“Âm nhạc Khâu Từ nổi tiếng khắp vùng, ai nấy đều biết”, đó là lời ca ngợi của Huyền Trang về âm nhạc Khâu Từ.

- Tôi chưa được nghe bao giờ.

Cậu ta ngập ngừng, một chút buồn vương trên đôi mắt.

- Cha mẹ tôi chưa bao giờ hát ru tôi như cô.

Tôi bật cười tưởng tượng cảnh Ku­marayana và Ji­va hát ru các con, có lẽ thay vì hát họ sẽ tụng kinh.

Ra­ji­va hơi ngạc nhiên khi thấy tôi cười. Tôi vội đề nghị:

- Cậu có muốn nghe không?

Cậu ta hơi do dự, không trả lời tôi, chỉ cúi đầu im lặng. Rồi như phải quyết tâm lắn, cậu ta mới ngẩng đầu nhìn tôi gật mạnh một cái. Tôi thấy hơi lạ, chỉ nghe một bài hát thôi mà, việc gì phải đắn đo đến vậy? Tôi hát lại bài “Ngủ ngoan bé yêu”. Rồi, tôi chợt nhớ đến trường đoạn Song Hye Kyo vừa sáng tác lời vừa tự biên tự diễn những điệu nhảy rất mắc cười trong phim “Ngôi nhà hạnh phúc”. Điệu nhảy chẳng có gì là nghệ thuật, nhưng có tác dụng gây cười rất tốt. Thế là tôi ra sức bắt chước điệu nhảy đó. Tiểu hòa thượng đẹp trai trước mặt tôi đang cười rạng rỡ, đó là điệu cười thoải mái, vô lo vô nghĩ thường thấy ở một thiếu niên mười ba tuổi.

Tôi hát xong rồi mà cậu ta vẫn tiếp tục cười sảng khoái, nụ cười rất đẹp. Tôi lặng lẽ ngắm nhìn Ra­ji­va, muốn in lại hình ảnh trẻ trung đó trong trí nhớ. Suốt mấy ngày tôi hì hục vẽ Ra­ji­va, vì tôi muốn đem hình cậu ta trở về thời hiện đại, để mọi người ở thế kỷ XXI được chiêm ngưỡng chân dung sống động của vị hòa thượng vĩ đại 1650 năm về trước. Nhưng tôi vốn không phải họa sĩ, tôi có thể phác thảo hình cắt ngang cắt dọc của vật thể, nhưng vẽ chân dung thì quả là trình độ còn hạn chế. Vẽ đi vẽ lại nhiều lần vẫn không ưng ý. Chưa nói đến thần thái thoát tục của cậu ấy, chỉ riêng ngoại hình của cậu ấy cũng chưa đạt nổi ba phần. Lúc này, tôi ước gì có một cây bút thần. Nụ cười ấy, đẹp như tạc, nếu có thể họa lại, để lưu giữ đến ngàn sau, thì tuyệt biết bao!

Khuôn mặt Ra­ji­va lại bắt đầu ửng đỏ, ánh mắt phiêu du xa xôi. Tôi chợt tỉnh cơn mơ, khi nãy chắc là tôi nhìn cậu ta chăm chú quá khiến cậu ta mất tự nhiên. Tôi vội vàng tìm cách chuyển chủ đề:

- Này Ra­ji­va, đức vua gặp cậu có việc gì thế?

Chương 12: Vì sao xuất gia?

- Đức vua muốn tôi hoàn tục, trợ giúp ngài xử lý công việc triều chính.

- Cậu đã từ chối, đúng không?

Nếu không, chúng ta làm sao có được một dịch giả vĩ đại chứ!

- Sao cô biết được?

Ra­ji­va nghiêng mắt nhìn tôi, vẻ ngạc nhiên.

- Vì cậu là Ku­mara­ji­va kia mà!

Nói như vậy thì chỉ người hiện đại mới hiểu được. Thế nên tôi vội vàng đổi giọng:

- Bởi vì, cậu không chỉ muốn giải thoát cho bản thân bằng con đường tu hành sau khi đã thấu tỏ luân hồi sinh tử, tránh xa dục vọng và đạt đến cảnh giới cao nhất, mà cậu còn mong muốn cảm hóa con người, cứu rỗi chúng sinh, tu thành chính quả, cứu giúp cuộc đời.

Trong những ngày lênh đênh trên sa mạc, chúng tôi từng thảo luận về lí tưởng. Khi ấy tôi vẫn chưa biết cậu ta là Ku­mara­ji­va, nên không dám mở lời. Nhưng giờ đây, tôi đã biết được thân phận thật sự của cậu ấy, lại đã từng đọc tài liệu về cậu ấy, nên tôi hiểu Ra­ji­va đang trăn trở điều gì.

Tôi luôn cho rằng Phật giáo là một tôn giáo thú vị và các vị cao tăng tín Phật đều là những triết gia.

Trước khi viên tịch, Phật Thích Ca Mâu Ni (Sakya Mani) không để lại bất cứ kinh văn có tính chuẩn mực nào giống như “Kinh Thánh” của đạo Cơ đốc hay “Kinh Coran” của đạo Hồi và khi ấy, Phật giáo cũng mới chỉ là một chi phái nhỏ trong số rất nhiều tôn giáo lớn ở Ấn Độ. Nhưng kể từ thời đại Thích Ca Mâu Ni, Phật giáo đã có những chi phái của mình, như chi phái do người em họ De­va­dat­ta của Đức Phật lập nên chẳng hạn.

Các đệ tử của Phật tổ cũng có những kiến giải không giống nhau về giáo lý Phật giáo. Những người có tư tưởng khác biệt thường sẽ viết ra một bộ kinh văn và lập nên giáo phái của riêng mình. Bởi vậy, mấy ngàn năm qua, các tông phái Phật giáo ra đời như nấm sau mưa, tổng hợp các loại kinh văn từ những tông giáo này có thể phải mấy đời mới đọc hết. Đại Thừa, Tiểu Thừa, Mật Tông là những nhánh chính, còn những nhánh nhỏ khác thì nhiều vô kể. Tiểu Thừa có Tuyết Sơn Bộ với thuyết “nhất thiết hữu bộ” (tất cả, quá khứ, hiện tại và tương lai đều hiện hữu đồng thời). Phật giáo Đại Thừa ở Trung Nguyên có Thiên Đài Tông, Tịnh Thổ Tông, Pháp Tướng Tông, Hoa Nghiêm Tông, Thiền Tông. Giáo phái Mật Tông Tây Tạng có: Gel­ug­pa giáo, Ny­ingma­pa giáo, Kagyur giáo, Sakya giáo, Hoàng giáo, Hồng giáo, Hoa giáo, Hắc giáo, nhiều đến nỗi hồi đi du lịch Tây Tạng, mặc dù đã đọc rất nhiều sách, tôi vẫn lơ mơ không hiểu gì hết.

Nói nhiều như thế là để giải thích vì sao Phật giáo lại có nhiều tông phái đến vậy.

Có thể thấy rằng, các vị cao tăng đều đắc đạo, sáng lập ra giáo phái riêng ấy đều là những triết gia uyên bác. Phật giáo là tôn giáo có sức lôi cuốn mãnh liệt với những con người trí tuệ siêu việt này. Thử nghĩ xem, nếu bạn là người có trí tuệ vượt xa người bình thường, với tầm tư duy mà người bình thường không có được và trên cơ sở không đi ngược lại những giáo lý truyền thống, bằng con đường tôn giáo, bạn có thể phát biểu nhân sinh quan, thế giới quan hay những kiến giải uyên thâm của bạn về thế giới tinh thần, để được ngàn vạn người cảm phục, ngưỡng mộ và tin theo. Điều đó thật vĩ đại. Đối với các vị cao tăng, nếu có thể đem toàn bộ những kiến thức tích lũy một đời xây dựng lên những học thuyết, những giáo lý với quan điểm của riêng mình, rồi lập ra tông phái riêng, đó sẽ là thành tựu lớn nhất trong lĩnh vực Phật học.

Ra­ji­va thông minh trác tuyệt, lại giỏi tư duy, biện luận không khác một triết gia, chắc chắn cậu ấy cũng muốn được trở thành người cha tinh thần của vạn người, giác ngộ và dẫn dắt chúng sinh đến cảnh giới mà cậu cho là tuyệt đối. Tuy mới mười ba tuổi, nhưng tôi tin rằng, cậu đã sớm hình thành nhân sinh quan và thế giới quan đó từ lâu rồi.

Tôi cứ mải mê theo đuổi những suy nghĩ bất tận của mình mà không nhận ra không khí im lặng đã kéo dài từ nãy đến giờ. Thì ra Ra­ji­va đang nhìn tôi chăm chú, khóe môi hơi run run, ánh mắt như muốn dồn tất cả ánh sáng vào tôi, đôi mắt ấy như đang thưởng thức, như đang xúc động và nhiều hơn cả là cảm giác như được an ủi bởi vừa gặp được tri âm.

- Ngải Tình, Ra­ji­va có phẩm hạnh gì mà được gặp cô giữa nhân gi­an rộng lớn này.

Tôi cười gượng gạo. Chẳng qua vì tôi đã đọc được những tài liệu viết về cậu ta, tôi biết lúc đầu Ra­ji­va theo học Phật giáo Tiểu Thừa nhưng sau đó đã chuyển sang Đại Thừa. Những gì tôi vừa nói chỉ là khái quát, tựu chung điểm khác biệt cơ bản giữa hai tông phái này mà thôi. Vả lại trước đó, Ra­ji­va cũng từng thể hiện nỗi trăn trở, nên tôi có thể đoán được mối suy tư lúc này của cậu chính là vấn đề thay đổi tông phái.

- Ngải Tình, còn nhớ một buổi tối nọ trên sa mạc, cô từng hỏi tôi vì sao lại xuất gia không?

Ánh mắt Ra­ji­va bỏ tôi ở lại, để trôi về nơi xa xăm. Tôi xốc mình ngồi ngay ngắn, để có thể lắng nghe một cách nghiêm túc.

- Năm tôi lên bảy, mẹ tôi ra ngoại thành du ngoạn, thấy xác người đầy gò, xương trắng đầy đồng, bà nhận ra rằng, tham lam là nguyên nhân gây ra mọi đau khổ. Dục vọng của con người khủng khiếp tựa ngọn lửa dưới địa ngục, ngọn lửa ấy sẽ thiêu đốt con người thành tro bụi, khiến con người phải phơi xác chốn đồng hoang. Bà không muốn phải chịu đựng những dày vò khốn khổ ấy thêm nữa, nên đã thề rằng: nếu không thể cắt tóc đi tu, bà sẽ không ăn uống gì hết. Cha tôi lúc đầu phản đối kịch liệt, nhưng mẹ đã quyết chí tuyệt thực. Cho đến buổi tối ngày thứ sáu, khi hơi thở của mẹ đã mỏng như làn gió, mà bà vẫn không chịu ăn uống. Cha tôi hoảng sợ, đành nhận lời với bà. Nhưng mẹ sợ cha đổi ý, đã yêu cầu phải để bà xuống tóc trước rồi mới chịu ăn. Ngày hôm sau bà thọ giới, ra khỏi nhà, chuyển đến tu tại chùa Tsio- li.

Truyện kể về Ra­ji­va đã chép rất rõ ràng nguyên nhân Ji­va xuất gia, nên tôi khẽ gật đầu:

- Vì vậy, cậu đã theo mẹ xuất gia?

Ra­ji­va lắc đầu, ánh mất dừng lại hồi lâu trên ngọn đèn dầu đang đu đưa trong gió, dường như cậu đang nhớ lại điều gì.

- Sau khi mẹ xuất gia, vì quá nhớ thương bà, tôi thường xuyên đến chùa thăm mẹ. Khi bà và các vị đại sư tụng kinh, tôi ngồi bên cạnh lắng nghe. Không biết vì sao, những kinh văn đó, tôi chỉ nghe một lần là thuộc làu làu, khiến ai nấy đều kinh ngạc. Trong chùa có vị cao tăng Phật Đồ Thiệt Di hỏi tôi về ý nghĩa những bài kệ mà tôi thuộc, tôi đều trả lời lưu loát. Thầy khen tôi là nhân tài của Phật môn, nên đã trò chuyện với mẹ, bày tỏ mong muốn nhận tôi làm đệ tử.

Trí tuệ siêu phàm của Ra­ji­va được bộc lộ từ khi còn rất nhỏ. Trong truyện kể về cậu lúc bảy tuổi, đã miêu tả như sau: “Một ngày đọc thuộc năm nghìn bài kệ, mỗi bài ba mươi hai chữ, tổng cộng ba mươi hai nghìn chữ”. Bạn thử nghĩ xem, một cậu bé mới bảy tuổi mà mỗi ngày có thể học thuộc ba mươi hai nghìn chữ, mà là những kinh văn khó hiểu, có lẽ chỉ có Al­bert Ein­stein hay Steven William Hawk­ing mới có thể so sánh được. Tôi nghĩ rằng nếu để Ra­ji­va đọc thuộc lòng số Pi, chắc chắn cậu ấy sẽ phá được kỷ lục Gui­ness.

- Mẹ hỏi tôi có bằng lòng xuất gia hay không. Tôi nghĩ rằng xuất gia thì sẽ được ở bên mẹ, nên đã đồng ý.

Tôi hơi sững sờ, nhưng cũng phải thôi, dù cậu ấy có thông minh bao nhiêu, cũng chỉ là một chú nhóc không hơn không kém, chú nhóc ấy không muốn xa mẹ. Lí do này, rất tự nhiên. Nhưng cuộc đời của Ra­ji­va đã được quyết định bởi cái gật đầu năm bảy tuổi ấy.

Ánh mắt Ra­ji­va rời khỏi ngọn đèn, trôi về phía tôi, vẻ băn khoăn lại hiện trên nét mặt:

- Lần trước, khi cô hỏi tôi vì sao xuất gia, tôi mới nhận ra, tôi không biết phải trả lời thế nào. Vì muốn ở bên cạnh mẹ ư? Tôi đâu còn là đứa trẻ bảy tuổi. Thêm vài năm nữa, tôi sẽ thọ đại giới và chính thức bước vào cõi sắc sắc không không. Nhưng, những ngày qua, hằng đêm tôi vẫn tự hỏi, rốt cuộc, tôi xuất gia vì điều gì?

- Cậu đã có câu trả lời chưa?

Tôi hơi tò mò.

- Trước đây, khi theo học Phật pháp, các thầy đều giảng rằng, bằng con đường tu hành có thể tự giải thoát, thấu tỏ luân hồi sinh tử, tránh xa sân si, dục vọng và vươn đến cõi Niết Bàn. Khi ở Kab­ul, tôi theo đại sư Band­hu­dat­ta nghiên cứu Phật giáo Tiểu Thừa, tổng cộng có bốn triệu câu kinh giảng giải về phương pháp tu thành chính quả. Nhưng...

Ra­ji­va đứng lên, bước về phía cửa sổ, xoay tay đặt sau lưng, trước mắt tôi là một dáng hình cô đơn, khổ hạnh. Tuy tuổi còn trẻ, nhưng đã toát lên thần thái của một bậc cao tăng.

- Trên đường trở về Khâu Từ, chứng kiến cảnh xương trắng chất đầy sa mạc, đạo tặc hoành hành khắp nơi, người người khổ ải lầm than. Tôi lấy làm băn khoăn, tôi có thể đắc đạo thông qua con đường tu hành, nhưng những con người đó thì sao? Đám giặc cướp ấy vẫn ngang ngược làm càn, chúng sinh vẫn chìm đắm trong nỗi khổ ải của sinh lão bệnh tử. Vậy tôi nghiên cứu Phật pháp phỏng ích gì?

Tôi đứng lên, bước lại gần Ra­ji­va, nhẹ nhàng lên tiếng:

- Tiểu Thừa xuất thế, Đại Thừa nhập thế. Vì vậy, khi tiếp xúc với Phật giáo Đại Thừa, cậu cảm thấy tông phái này phù hợp với ý nguyện của mình hơn. Địa Tạng Vương Bồ Tát từng nói: Khi nào địa ngục còn chưa vắng âm hồn, thề sẽ không thành Phật. Có phải cậu cũng muốn học theo Bồ Tát, cứu rỗi nhiều người chứ không chỉ cứu rỗi bản thân?

Ra­ji­va đột ngột quay lại nhìn tôi, ánh mắt cảm động, gương mặt rạng rỡ.

- Đúng vậy. Khi còn ở Su­laq, tôi theo học đại sư Surya­so­ma, lần đầu tiên tiếp xúc với Phật giáo Đại Thừa, tôi đã bị thuyết phục sâu sắc. Mấy ngày qua, cùng cô thảo luận về Phật pháp, những kiến giải thâm thúy của cô về Phật giáo Đại Thừa và Tiểu Thừa khiến tôi vô cùng ngưỡng mộ, có điều...

Gương mặt thoáng chút ưu tư, giọng nói trở nên u uẩn:

- Có điều sau khi trở về Khâu Từ, mỗi lần tôi đề cập đến giáo lý Đại Thừa, các vị sư phụ đều cho rằng đó là thứ luận thuyết ngoại đạo sai trái, khiến tôi cảm thấy rất khổ tâm.

Tôi có thể hiểu được tâm trạng ấy. Phật giáo Tiểu Thừa đã tồn tại và hưng thịnh suốt mấy trăm năm ở Khâu Từ. Thời gi­an đầu, cuộc phân tranh giữa hai tông phái này diễn ra rất kịch liệt. Khi ấy việc truyền bá giáo lý Đại Thừa, vốn là một tông phái nhỏ bé lúc bấy giờ, bị xem là hành vi “xấu xa” của một bộ phận rất nhỏ các “tăng sĩ tích cực”. Vì vậy, có thể hiểu được Ra­ji­va đã gặp phải sự kháng cự, phản đối mạnh mẽ đến thế nào và nội tâm cậu đã phải đấu tranh, giằng xé ra sao.

- Ra­ji­va, thực ra, Đại Thừa được phát triển trên nền tảng của giáo lý Tiểu Thừa, hai tông phái này không đối lập nhau. Phật tổ sáng lập và đạo Phật vì muốn chống lại đạo Bà La Môn, phản đối chế độ phân biệt đẳng cấp khắc nghiệt, bởi vậy giáo lý của ngài hết sức đơn giản. Phương thức tu hành phỏng theo lối tu khổ hạnh rất được ưa chuộng lúc bấy giờ, hy vọng bằng sự cố gắng của bản thân, có thể đạt đến sự giải thoát. Nhưng xã hội đang trên đà phát triển và đổi thay. Những điểm hạn chế của giáo lý Tiểu Thừa đang ngày càng trở nên rõ rệt.

Tôi bước đến bên cạnh Ra­ji­va và nhìn cậu bằng sự chân thành lớn nhất mà tôi có:

- Phật giáo Tiểu Thừa đề cao “tự cứu độ”, muốn được giải thoát, nhất thiết phải xuất gia. Những người tu hành theo Phật giáo Tiểu Thừa không tham gia sản xuất, không sinh con đẻ cái. Nếu ai cũng xuất gia và theo tông phái này, quốc gia sẽ không thể tồn tại, loài người tất diệt vong. Đúng vậy, lúc Phật giáo và quyền lực thống trị phát sinh mâu thuẫn thì tông phái Đại Thừa ra đời để giải quyết vấn đề đó.

Tôi ngẩng đầu, dõng dạc:

- Hơn nữa, giáo lý Đại Thừa có thể cứu giúp mọi người. Chỉ cần bái phật và đọc kinh Phật là có thể thành Phật. Và như vậy, không cần phải xuất gia, cư sĩ cũng có thể thành Phật, tức là sẽ giải tỏa được mâu thuẫn về sức sản xuất. Cư sĩ lại có thể thành thân, tức là sẽ giải tỏa được nhu cầu sinh sôi nảy nở không ngừng của nhân loại. Chỉ khi được gi­ai cấp nắm quyền công nhận, Phật giáo mới có thể được lưu truyền rộng rãi và thu hút thêm nhiều tín đồ. Đó chính là khi Phật quang phổ chiếu, phổ độ chúng sinh.

Ra­ji­va dường như đang nghe rất nhập tâm, vẻ mặt đăm chiêu. Tôi không biết cậu ta hiểu được bao nhiêu. Tôi chỉ đưa ra phân tích của mình dựa trên mối quan hệ giữa tôn giáo và sức sản xuất, giữa tôn giáo và gi­ai cấp thống trị mà thôi. Sau đó bổ sung thêm:

- Ra­ji­va, nguyện vọng thay đổi tông phái của cậu là đúng đắn. Phật giáo Đại Thừa phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại, giúp giải tỏa nhu cầu tinh thần của rất nhiều người.

Với tính cách phóng khoáng và tư tưởng cấp tiến của cậu ấy, giáo lý Đại Thừa chắc chắn phù hợp với cậu ấy hơn. Thế nên quyết định thay đổi tông phái của cậu ấy về sau này cũng là tất yếu.

Ra­ji­va ngẩng đầu lên nhìn tôi, khuôn mặt thiếu niên phảng phất nét ưu tư:

- Vậy ở Trung Nguyên thì sao? Liệu người Hán có đón nhận Phật giáo Đại Thừa không?

Tôi cười:

- Điều ấy là tất nhiên. Phật giáo Đại Thừa sẽ được lưu truyền rộng rãi ở Trung Nguyên từ đời này sang đời khác.

Quý Tiễn Lâm từng nói: “Thời gi­an phát triển hưng thịnh của một tôn giáo dài hay ngắn phụ thuộc vào mức độ Trung Quốc hóa của nó. Giáo lý nào càng bình dân càng dễ được lòng quần chúng và như vậy sẽ càng được gi­ai cấp thống trị ủng hộ. Giáo lý Tiểu Thừa đòi hỏi con người tu hành khắc khổ mà chưa chắc đã có thể thành Phật. Trong khi Phật giáo Đại Thừa, nhất là phái Thiền Tông đề xướng giác ngộ, “Ic­cha­nti­ka (nhất xiền đề: chỉ hạng người thấp kém, thiếu thiện căn) cũng có Phật tính”. Vì vậy, chỉ cần thành tâm khấn Phật, học Phật là có thể vứt bỏ đao kiếm, lập tức thành Phật. Như thế thì thật thanh thản, thoải mái hơn sao!”

Ra­ji­va dần trở nên tươi tỉnh hơn, vẻ kiên định toát ra từ vầng trán rộng. Hình như một quyết tâm mạnh mẽ đã được thiết lập.

- Mấy hôm trước, tại một điện thờ bỏ hoang trong chùa Tsio- li, tôi đã tình cờ lượm được một cuốn kinh thư, đó là kinh luận Đại Thừa. Tôi không cầm lòng được nên đã lén mở ra đọc. Nhưng vì lo ngại sẽ gây ảnh hưởng xấu đến những bài giảng và sự dạy dỗ của các sư phụ, tôi không dám nói cho ai biết tôi mong muốn được học theo giáo lý mới kia đến thế nào. Hôm nay, sau khi luận đàm với Ngải Tình, tôi đã biết mình phải làm gì. Khi trở về, tôi sẽ đọc lại cho các sư phụ và sư huynh cùng nghe. Và ngày sau sẽ truyền bá rộng rãi giáo lý Đại Thừa, cứu rỗi và phổ độ cho ngày càng nhiều chúng sinh thành Phật.

Cuốn sách mà cậu ta nhắc đến, tôi thấy rất quen.

- Ra­ji­va, cuốn sách mà cậu tìm thấy đó có phải là cuốn “Kinh phóng quang” không? Và có phải yêu ma đã vây lấy cậu, buộc cậu phải từ bỏ không?

Trong truyện kể về Ra­ji­va có đoạn viết: “Khi Ku­mara­ji­va mở ra đọc cuốn “Kinh phóng quang”, thì đột nhiên chữ viết trên thẻ gỗ biến mất. Đại sư biết đó là do yêu ma gây chuyện, nên quyết tâm đọc kinh càng lớn hơn. Thế là ma lực trở nên vô hiệu, chữ viết lập tức trở lại và đại sư tiếp tục nghiên cứu sách. Bỗng nhiên, trong không trung truyền đến một giọng nói: Ngươi là người tài trí, sao lại đọc Kinh phóng quang? Sư đáp: Đồ yêu ma quỷ quái, hãy xéo mau đi! Quyết tâm của ta lớn tựa đất này, không gì có thể lay chuyển được”.

Tất nhiên là tôi không nghĩ cậu ấy thực sự gặp ma. Tôi tin rằng Tuệ Giảo viết lên câu chuyện ly kỳ này mục dích là muốn nhấn mạnh, Ku­mara­ji­va đã gặp phải những trở ngại tâm lý rất lớn khi quyết định thay đổi tông phái. Bởi vì, phải thay đổi tín ngưỡng mà xưa nay bản thân vẫn sùng bái và tin theo là một việc vô cùng đau khổ. Chắc chắn cậu ấy đã từng day dứt, do dự, thậm chí từng muốn bỏ cuộc. Những ràng buộc tâm lý bao giờ cũng là trở ngại lớn nhất và khó dứt bỏ nhất.

Cậu ta ngạc nhiên thốt lên:

- Kinh phóng quang?

Rồi đọc một lần tên cuốn sách bằng tiếng Phạn và gật đầu tán thưởng:

- Tên sách dịch rất hay. Đức Phật tỏa ánh hào quang, chiếu rọi đến chúng sinh.

Ra­ji­va cân nhắc hồi lâu, rồi nói:

- Cuốn kinh này nói rằng, việc truyền bá đạo Phật nhằm giúp cho người mù thấy được ánh sáng, người điếc nghe được âm thanh, người câm có được tiếng nói, người gù được thẳng lưng, khiến người ngông cuồng trở nên nghiêm chỉnh, người bối rối được yên lòng, người bệnh được chữa khỏi, người ốm yếu được khỏe mạnh, người già được trẻ lại, người rách nát được áo ấm. Phật pháp chiếu rọi, giúp cho chúng sinh được bình đẳng như nhau, cư xử với nhau như cha mẹ, như anh chị em ruột thịt. Đều có nghĩa là, mục đích của tu hành là nhằm cứu rỗi chúng sinh, chứ không đề cao cá nhân đắc đạo. Những giá trị sâu sắc này, bản thân tôi hết sức tán đồng.

Hai hàng lông mày của cậu ta khẽ chau lại:

- Nhưng, làm gì có ma quỷ nào quấy rối tôi?

Ánh mắt thoáng qua một nét cười, suy nghĩ một lát, lại tiếp tục giải thích:

- Nếu có, thì đó là những trở ngại tâm lý của chính tôi. Tôi không biết có nên học theo giáo lý Đại Thừa hay không. Kể từ khi có được cuốn kinh này, tôi đã do dự không biết bao nhiêu lần, rốt cuộc có nên đọc hay không. Đọc xong lại do dự. Có nên truyền bá hay không? Những trở ngại đó, đến tận hôm nay mới được rũ bỏ triệt để.

Còn nhớ buổi tối hôm đó cô từng hỏi tôi, lí tưởng của cuộc đời tôi là gì không?

Hít một hơi thật sâu, rướn mình về phía trước:

- Đến nay, tôi đã có thể giống như cô, nói lên thật rõ ràng lí tưởng của mình.

Cậu ta ngừng lại một lát rồi cất giọng sang sảng:

- Truyền bá đạo Phật tại mọi nơi tôi đặt chân đến, lập ra luận thuyết mới, cứu rỗi chúng sinh, đây chính là lí tưởng của cuộc đời tôi.

Ra­ji­va trong tư thế ngẩng cao đầu, ánh đèn dầu leo lét không che nổi sự tự tin ngập tràn trên gương mặt cậu. Khí chất bất phàm này khiến tôi cứ ngắm nhìn mê mẩn. Sự tự tin và trí tuệ trác việt ấy tỏa sáng trên dáng hình một thiếu niên, tựa như tôi đang nhìn thấy ánh sáng rực rỡ của tương lai, đó là thứ ánh sáng tỏa ra từ ngọn lửa xung thiên được đốt lên bằng tất cả nội lực sống, hào quang tỏa chiếu khắp nơi.

- Rất có chí khí!

Tôi ra sức vỗ tay, gật đầu và hô vang lời tán thưởng.

- Tôi rất khâm phục những người có lí tưởng, có hoài bão. Hãy tiến lên theo mục tiêu đã định, chắc chắn cậu sẽ thành công.

Ra­ji­va đột nhiên quay sang tôi, cung kính chắp tay cúi lạy, khiến tôi giật bắn cả mình. Khi cậu ngẩng lên, tôi bắt gặp một khuôn mặt hao gầy hắt lên sắc đỏ, ánh mắt chân thành và mãnh liệt:

- Ngải Tình, Phật tổ thương tình đã gửi đến cho tôi một người thầy thông thái như cô để chỉ dẫn và khai mở đường đi cho Ra­ji­va. Ra­ji­va nguyện không phụ lòng cô!

Cậu ta chưa bao giờ tỏ ra cung kính như vậy đối với tôi. Một tia lửa nhỏ bất ngờ nhen nhóm trong tim tôi và nhanh như chớp, tỏa đi khắp cơ thể tôi. Trong vô thức, tôi dùng tay làm quạt đón gió. Vì sao đang giữa đông mà trời lại oi bức như vậy?

Buổi tối hôm đó, sau khi kết thúc giờ học, lúc bước ra cửa, Ra­ji­va ngó lên bầu trời đầy sao, nói:

- Ngày mai sẽ có nắng.

Rồi quay đầu lại nhìn tôi, nụ cười tươi tắn như gió xuân:

- Ngải Tình, ngày mai tôi sẽ đưa cô đi tham quan thành Khâu Từ.

## 7. Chương 13 - 14

Chương 13: Một ngày du ngoạn Khâu Từ

Trong “Đại Đường Tây vực ký”, Huyền Trang miêu tả về Khâu Từ như sau: “Nước Khâu Từ, từ đông sang tây hơn một ngàn dặm, từ nam chí bắc hơn sáu trăm dặm, thành quách đại đô có chu vi khoảng mười bảy, mười tám dặm.”

Tôi đang đứng trên một đoạn tường thành, phóng tầm nhìn ra mãi xa. Thu vào trong tầm mắt là những ngọn núi trùng điệp nối tiếp nhau trên dãy Thiên Sơn, tuyết rơi trắng xóa. Dưới chân núi là hệ thống tưới tiêu và những thửa ruộng hình chữ điền vuông vức, rất quy củ, tuyết phủ trắng ruộng đồng, thản hoặc để lộ ra dưới ánh mặt trời đôi ba khoảng đất tối sẫm.

- Ông trời ưu ái người Khâu Từ, nên năm nay mới “được mùa tuyết” như vậy.

Ra­ji­va ngắm nhìn núi Thiên Sơn phía xa xa, hơi thở theo thanh âm lan ra ngoài không gi­an.

Tôi ngước đôi mắt băn khoăn nhìn Ra­ji­va. Cậu mỉm cười giải thích:

 - Khâu Từ vốn là vùng khô hạn, thiếu mưa quanh năm, nếu mùa đông giá lạnh, tuyết rơi nhiều, thì năm sau mới có đủ nước để trồng cấy.

Đúng vậy, nơi đây một năm cơ hồ chỉ được vài ba trận mưa, nguồn nước tưới tiêu chủ yếu dựa vào tuyết trên núi Thiên Sơn tan chảy tạo thành. Tuyết tan, tạo nên những dòng sông thời vụ, chỉ cần có sông thì sẽ có thể canh tác, trồng trọt. Những nơi không có nước sẽ bị hoang hóa, biến thành sa mạc, hoang mạc. Diện tích của các quốc gia ở Tây vực rất nhỏ cũng chính bởi nguyên nhân này.

Bỗng nhớ ra rằng, ở Khâu Từ hàng năm đều tổ chức lễ hội Su Mu Zhe (Tô Mạc Già), hay còn gọi lễ hội cầu lạnh. Vào ngày này, người dân Khâu Từ tổ chức các hoạt động nhằm cầu xin trời Phật ban ùa đông giá lạnh, tuyết lớn kéo dài. Thời nhà Đường, lễ hội này được truyền đến Trung Nguyên, trở thành một trong những lễ hội quan trọng của vương triều này.

- Lễ hội cầu lạnh diễn ra vào thời gi­an nào trong năm?

Tôi thầm hứa với bản thân, nhất định phải xem ngày hội hiếm có này mới được.

- Đầu tháng Bảy hàng năm.

- Tuyệt vời! Tôi nhất định sẽ tham dự.

Tôi xoa xoa tay, đưa lên miệng hà hơi, rồi hướng mắt lên nhìn Ra­ji­va.

- Cậu đi cùng tôi, được không?

Cậu ta hơi sững người, ngoảnh đầu nhìn Thiên Sơn, yên lặng hồi lâu. Sao thế nhỉ, tham dự một lễ hội chứ có gì nghiêm trọng đâu mà phải suy tính lâu vậy. Không thích thì tôi rủ Pusyse­da đi cùng.

- Ngải Tình, một trong mười điều cấm kị của Sa Di là phải tránh xa ca múa, lễ hội. Tôi không được phép đi.

Ánh mắt không rời dãy Thiên Sơn, giọng nói khô khan, thoáng chút bất lực. Tôi sững người, chả trách tối qua chỉ nghe tôi hát một bài mà cậu ấy cũng phải hạ quyết tâm đến vậy!

Nghĩ đến việc đã vô tình khiến cậu ấy phá giới, tôi cảm thấy rất áy náy.

- Xin lỗi, tôi không thuộc giới luật nhà Phật. Cậu nói cho tôi biết mười điều cấm kỵ đó, từ nay tôi sẽ cẩn trọng hơn, không để cậu phải phá giới nữa.

Ra­ji­va trầm ngâm, cúi xuống nhìn bàn chân hồi lâu, mãi mới khẽ khàng nói:

- Năm giới luật đầu tiên là: Không sát sinh, không trộm cắp, không nói dối, không uống rượu, không dâm dục.

Những giới luật này rất quen thuộc, tôi băn khoăn hỏi:

- Có phải là năm điều cấm kỵ đối với cư sĩ, những người tu tại gia không?

- Năm điều cấm kỵ dành cho những người tu tại gia chỉ khác những điều cấm kỵ dành cho Sa Di ở một điểm.

Ra­ji­va đột nhiên đỏ mặt, không biết có phải tại gió lạnh không? Cậu ta rảo bước đến một bờ tường thấp, tôi vội vã theo sau.

- Điều cấm kỵ thứ năm đối với cư sĩ là “không tà dâm”, còn đối với Sa Di là “không dâm dục” – Ra­ji­va không nhìn tôi, hai mắt dán chặt vào bờ tường.

Bây giờ thì tôi đã hiểu. Như vậy tức là các cư sĩ có thể kết hôn và “quan hệ” với người vợ hợp pháp của mình, còn Sa Di thì không được thực hiện hành vi đó với bất cứ ai trong bất cứ trường hợp nào. Gương mặt Ra­ji­va đỏ như gấc, chắc là vì xấu hổ khi nhắc đến giới luật này. Tôi vội vàng hắng giọng, hỏi cậu ta năm điều cấm kỵ tiếp theo là gì.

Chúng tôi bước xuống tường thành và đi tiếp, Ra­ji­va tiếp tục nói cho tôi nghe về năm điều cấm kỵ còn lại.

Tránh xa giường to ghế rộng – nghĩa là không được ngồi lên những chiếc ghế hay giường vừa cao vừa to vừa được trang trí sơn son thếp bạc.

Tránh xa hoa thơm hương nồng – nghĩa là không được xức dầu thơm hoặc đeo những vòng hoa có mùi hương lên người. Đây hoàn toàn là thói quen của người Ấn Độ.

Tránh xa ca múa hội hè – nghĩa là không được xem biểu diễn ca múa nhạc. Điều này, khi nãy Ra­ji­va đã giải thích với tôi.

Tránh xa của cải vật chất – điều này rất dễ hiểu, nghĩa là không được sở hữu vàng bạc châu báu.

Tránh xa bữa ăn khác giờ - nghĩa là phải tuân thủ giới luật không ăn uống sau giờ Ngọ. Điều cấm kỵ này tôi đã biết từ lâu và cũng đã được chứng kiến.

Chúng tôi vừa đi vừa trò chuyện, chẳng bao lâu đã đến quảng trường rộng lớn bên ngoài cổng thành phía tây Khâu Từ. Những bức tượng Phật cao chừng bốn, năm mét tọa lạc dọc hai bên con đường hướng ra quảng trường, tạo cho cảnh quan vẻ uy nghiêm, trầm mặc. Giá như có thể bảo tồn đến thời hiện đại, chúng ta sẽ có một di tích lịch sử nguy nga đến nhường nào.

Ra­ji­va cho tôi biết đây là nơi tổ chức một lễ hội lớn diễn ra năm năm một lần. Lễ hội lớn này vốn là phong tục của Phật giáo, được tổ chức năm năm một lần và được chủ trì bởi các quốc vương tại các quốc gia tín Phật. Đến lúc đó, không chỉ có các cao tăng ở khắp mọi nơi tụ hội về, mà khách thập phương cũng nô nức kéo đến. Trong thời gi­an diễn ra lễ hội, sẽ có rất nhiều các hoạt động như: giảng kinh, biện kinh, phát lộc, cúng dường… Mọi chi phí đều cho quốc vương đài thọ.

Tôi đã hiểu, ở Trung Nguyên cũng có lễ hội tương tự, gọi là “lễ hội mở”. Mở tức là không che đậy, không giấu giếm, dù là tăng ni Phật tử hay dân thường đều được đối xử bình đẳng như nhau.

Ra­ji­va yên lặng đứng chờ tôi đo đạc và vẽ hình chiếu bằng khung cảnh quảng trường. Tôi phác hoạ các bức tượng bằng hình chiếu đứng vì tài vẽ tranh của tôi rất kém, tôi cũng không muốn Ra­ji­va phải chờ lâu, thiết nghĩ, tôi sẽ còn quay lại đây nhiều lần và sẽ vẽ lại thật chi tiết. Ra­ji­va dẫn tôi đi về phía tây bắc của quảng trường, có một dòng sông hẹp chảy qua, nhưng mặt sông đã đóng băng. Bên bờ đối diện là một ngôi chùa lớn, đồ sộ. Tôi muốn đến đó tham quan. Cây cầu bắc qua dòng sông nằm trên triền núi phía xa. Vì muốn tiết kiệm thời gi­an và sức lực, chúng tôi quyết định đi bộ qua sông băng.

Mặc dù lớp băng đã kết lại và rất cứng, nhưng tôi là người sinh ra và lớn lên ở phía nam sông Trường Gi­ang, tôi không biết gì về kỹ năng trượt băng, hay đi trên tuyết dày vào mùa đông mà đứa trẻ phương bắc nào cũng thành thạo. Tôi sợ sệt, run rẩy, không dám đặt chân xuống mặt băng. Một bàn tay gầy guộc với những ngón dài thanh mảnh chìa ra trước mặt tôi, không kịp suy nghĩ gì, tôi vội vàng nắm chặt lấy. Bàn tay với hơi ấm mềm mại và một chút trơn ướt ấy thận trọng dắt tôi đi, hai mắt tôi mở to, nhìn trân trân xuống mặt băng dưới chân, lo sợ sẽ bị trôi tuột xuống một khe hở nào đó. Mãi mới sang được bờ bên kia, tôi thở phào nhẹ nhõm, định ngẩng lên nói lời cảm ơn với Ra­ji­va, bỗng thấy trước mắt toàn là một vùng u tối với những chấm đen lốm đốm, khuôn mặt Ra­ji­va cũng trở nên mờ ảo phía sau màn sương u ám đó.

Tôi gào lên:

- Ra­ji­va, sao tôi không thấy cậu?

Chợt cảm thấy có một bàn tay che mắt tôi lại và một cánh tay khác vòng qua đỡ lấy vai tôi, tôi nép vào một thân hình mảnh khảnh và được đưa đến một nơi có chỗ để ngồi xuống.

- Đừng sợ, cứ nhắm mắt lại, một lát nữa là không sao.

Hơi thở của Ra­ji­va thổi vào tai tôi, cảm giác gai gai. Từ bé đến lớn, tôi sợ nhất là người khác thổi vào tai, nên với phản xạ tự nhiên, tôi lập tức né đầu, không may lại va vào cằm của cậu ta. Hai chúng tôi cùng kêu lên một tiếng đau điếng.

- Có đau không?

- Có đau không?

Chúng tôi đồng thanh cất tiếng hỏi thăm người kia, tôi hơi bất ngờ, nhưng chẳng muốn nghĩ nhiều, đưa tay lên day đi day lại phần đỉnh đầu vừa va chạm, miệng không ngừng xuýt xoa. Tôi đau dữ như vậy, Ra­ji­va chắc cũng không dễ chịu gì, nhưng cậu ta không hề kêu đau, không biết đang nghĩ ngợi gì.

Một lúc sau mới lên tiếng:

- Lỗi ở tôi, lẽ ra nên nhắc cô đừng nhìn chăm chú xuống lớp băng ấy lâu quá.

Lại một hơi thở nhè nhẹ trôi vào tai tôi, nhưng lần này tôi không dám tránh. Tôi hắng giọng xua đi hơi nóng đang bừng lên hai má.

- Ra­ji­va, tôi sẽ không bị mù chứ?

- Không đâu.

Nói là không mà sao giọng cậu ta lại hơi run run. Tôi hoảng sợ, kéo tay áo Ra­ji­va, vội vàng hỏi:

Nếu tôi bị mù thì phải làm sao?

Bàn tay Ra­ji­va vẫn che trên mắt tôi, cánh tay còn lại khẽ đỡ vai tôi. Mặc dù chỉ là những động chạm khẽ khàng, nhưng qua lớp áo bông, tôi vẫn cảm nhận được cánh tay gầy gò, mảnh khảnh của cậu ta. Cậu ta lẳng lặng đáp: không đâu, nhưng trong ngữ điệu đã không còn sự run rẩy như lúc trước nữa. Tôi lấy làm khó hiểu, cậu ta làm sao vậy nhỉ?

Ngồi yên một lát, Ra­ji­va bỏ tay xuống và bảo tôi mở mắt ra. Khuôn mặt thiếu niên thuần khiết dần dần hiện ra sống động trước mặt tôi. Đôi mắt như hai vực nước sâu đang chăm chú quan sát tôi với vẻ lo lắng, gương mặt vẫn đỏ ửng như gấc chín. Chưa bao giờ chúng tôi gần nhau đến thế. Trong khoảnh khắc, dường như tôi nghe thấy tiếng tim mình loạn nhịp.

Tôi đứng bật dậy:

- Tôi không sao, đi thôi.

Ra­ji­va bừng tỉnh, vội vàng lùi lại phía sau, khuôn mặt càng lúc càng đỏ, màu đỏ át cả màu da bánh mật, đỏ đến tận phần cổ đã được che kín bởi lớp áo nâu sòng. Đây là lần đầu tiên chúng tôi có những cử chỉ thân mật như vậy, đừng nói là Ra­ji­va, bản thân tôi cũng không biết phải giấu mặt vào đâu nữa.

Tôi bước đi vờ như không có chuyện gì xảy ra. Cậu ta hơi ngạc nhiên, vội vàng bước theo tôi, khuôn mặt mãi vẫn chưa hết đỏ. Tôi hắng giọng, làm bộ nghiêm trang hỏi:

- Chùa này là chùa gì?

Ra­ji­va ngẩng đầu, ổn định hơi thở, bình tĩnh đáp:

- Là chùa Acharya. Cô còn nhớ chứ, tôi từng dạy cô, ‘Acharya’ nghĩa là ‘kỳ lạ’.

- Vì sao lại có tên là ‘kỳ lạ’?

Ngày trước có một vị vua sùng đạo Phật, ông muốn đi du ngoạn khắp nơi kiếm tìm và chiêm bái Phật tích, nên gi­ao lại công việc triều chính cho người em trai. Trước khi vua lên đường, người em trao cho ngài một chiếc túi thơm, dặn dò phải chờ đến khi trở về mới được mở ra xem. Ngày vua về nước, có người tố giác em vua thác loạn trong cung. Vua nổi trận lôi đình, tống gi­am người em vào trong ngục, chờ ngày xử tội. Người em nhắc nhở vua mở chiếc túi thơm ngày trước ra xem. Khi mở ra, nhà vua nhìn mà không hiểu, mới hỏi người em bên trong là thứ gì?

Ra­ji­va đột nhiên ngừng lại, khiến tôi sốt ruột:

Là thứ gì vậy?

- Cậu ta cứ chần chừ, sắc đỏ trên gương mặt thanh tú vừa nhạt bớt đã lại ửng lên.

Tôi nhớ ra rồi. Trong “Đại Đường Tây vực ký”, Huyền Trang từng ghi lại câu chuyện này.

- Là cơ quan sinh dục của người em, đúng không?

Tôi xoa tay lấy hơi ấm, trong lòng vui mừng khôn tả, thật không ngờ, tôi sẽ được chiêm ngưỡng ngôi chùa “kỳ lạ” này trước Huyền Trang những hai trăm năm.

- Người em này thật đáng khâm phục. Ông ta sớm biết sẽ có kẻ hãm hại mình mà ông chẳng thể chứng minh mình trong sạch, nên đã tịnh thân làm thái giám, cốt để bảo toàn tính mạng.

Tôi không nhịn được, bật cười ha hả:

- Có điều, cái giá phải trả cao quá!

Ra­ji­va lạ lùng nhìn tôi, có lẽ vì không thể tin được tôi lại có thể thảo luận rất tự nhiên vấn đề nhạy cảm đó không chút e dè. Tôi biết ý, không cười nữa, gượng gạo hỏi:

- Sau đó thì sao?

- Người em nói với vua rằng: Ngày trước, khi đức vua lên đường đi du ngoạn, người em lo sợ sẽ có kẻ buông lời gièm pha hòng hãm hại mình, nên mới bất đắc dĩ nghĩ ra cách này. Chẳng ngờ, tai họa quả đã xảy ra. Nhà vua vô cùng kinh ngạc, sau thấy thương em, bèn cho phép người em được tự do ra vào trong cung. Vào ngày nọ, trên đường đi, người em tình cờ gặp một lái buôn đang lùa theo năm trăm con bò, nói rằng sẽ đưa đi thiến. Người em cảm thấy đó là nghiệp chướng do mình gây nên, mới động lòng trắc ẩn, dùng tiền chuộc lấy đàn bò. Sau đó, cơ thể của người em dần dần trở lại bình thường như xưa. Vì không muốn bị kẻ xấu tiếp tục hãm hại, người em không ra vào cung nữa. Nhà vua thấy lạ, hỏi ra mới biết đầu đuôi câu chuyện. Nhà vua bèn hạ chỉ xây chùa này và đặt tên là “kỳ lạ”, đến nay đã được hơn ba trăm năm.

Tôi không kìm chế được lại bật cười ha hả:

- Không thể tin được! Cái đó có thể mọc trở lại được ư? Hay là người em vốn dĩ không hề cắt bỏ đi. Hoặc không xử lý đến nơi đến chốn.

Ra­ji­va làm bộ lạnh lùng, nhưng hai gò má vẫn ửng đỏ, giọng nói chắc nịch:

- Người em chuộc lấy đàn bò, tích nhiều công đức, Phật tổ đại từ đại bi dùng pháp lực của mình phục hồi sức khỏe cho người em, sao lại nói người đó cố ý lừa gạt? Chính nhờ điển tích kỳ lạ này mà nơi đây đã sản sinh ra không biết bao nhiêu vị cao tăng đắc đạo. Tăng sĩ tử nhiều nơi khác nghe tiếng đã nô nức kéo về đây học đạo. Quốc vương cùng các đại thần hết lòng ủng hộ, công đức, nhờ vậy hơn ba trăm năm qua, hương khói chưa bao giờ tắt trong chùa. Nếu Phật tổ không cảm động trước tấm lòng của người em, nếu không nhờ pháp lực của Ngài, thì làm sao giải thích được điều này?

Tôi tự phạt bằng cách tát khẽ vào miệng mình, tôi không nên làm tổn thương tình cảm tôn giáo của cậu ta! Chuyện này thực ra cũng rất khó giải thích thỏa đáng. Vì người trong cuộc không còn, cũng không thể kiểm tra, chỉ có thể tin rằng truyện kể đó là có thật thôi!

Chúng tôi vừa đi vừa trò chuyện, một lúc đã đến trước cổng chính của ngôi chùa. Vị sư chúng tôi gặp ngoài cổng nhìn thấy Ra­ji­va đã vội vã đi thông báo cho trụ trì. Chưa vào đến đại điện, trụ trì đã dẫn theo mấy vị cao tăng hòa thượng ra nghênh đón chúng tôi. Vị trụ trì cao tuổi tỏ ra rất cung kính khi trò chuyện với Ra­ji­va.

Ra­ji­va giới thiệu tôi là giáo viên tiếng Hán của cậu và vì sang xuân tôi phải rời khỏi Khâu Từ, nên hôm nay dẫn tôi đi tham quan một vòng thành phố. Trụ trì nghe xong, tỏ ý hoan nghênh, đích thân dẫn đường và giới thiệu tỉ mỉ cho chúng tôi về ngôi chùa. Chùa Acharya đồ sộ hơn nhiều so với chùa Tsio - li, nhờ có câu chuyện ly kỳ đó, lượng người đến đây thắp hương cúng bái rất đông. Cột trụ mái hiên trong các gi­an thờ rất cao, thoáng và rộng, tượng Phật được điêu khắc và trang trí tinh xảo, tranh vẽ trên tường cũng sống động với những đường nét phức tạp. Tôi vừa ngắm nhìn vừa ca tụng. Lòng khát khao được họa lại những bức vẽ tài hoa đó.

Đi hết một vòng, tôi ngượng ngùng xin phép đi giải quyết vấn đề cá nhân. Trụ trì cử một chú tiểu đưa tôi đi. Không muốn bắt cậu ta đứng chờ ở cửa, tôi bảo cậu ta về trước, rồi tôi sẽ tự tìm đường về sau.

Từ nhà xí bước ra, đang chuẩn bị quay lại đại điện, tôi bỗng nghe thấy tiếng thì thầm to nhỏ của hai nhà sư ở một góc khuất tại một hướng rẽ khác, họ nhắc đến tên Ku­mara­ji­va. Tôi thấy tò mò, bước chậm lại, ghé tai nghe trộm. Họ trò chuyện bằng tiếng Tochari, nhưng tôi có thể nghe hiểu gần hết.

- Tên Ku­mara­ji­va dám đưa con gái vào trong chùa lễ Phật, cô ta lại là người Hán nữa chứ. Giáo viên tiếng Hán cơ đấy, không ngờ hắn lại mời phụ nữ làm thầy dạy, ai mà biết được quan hệ thật sự của họ là gì?

- Gia thế của hắn khác chúng ta, dĩ nhiên hắn có thể không coi giới luật ra gì, ai dám trách tội hắn kia chứ?

- Hắn được ăn sung mặc sướng, lại còn được người hầu kẻ hạ, ai bảo chúng ta không có người cha là quốc sư, có người mẹ là công chúa như hắn. Nhưng hắn quá xem thường giới luật. Ngày ngày ra vào chùa không xin phép trụ trì, giờ tụng kinh buổi sáng và buổi tối, thích đến thì đến thích đi thì đi. Tu hành như thế, làm sao mà đắc đạo được?

- Nghe nói, ngoài Phật pháp chính tông, hắn còn lén lút nghiên cứu kinh văn Đại Thừa nữa đó. Hắn còn dám tranh luận với các sư phụ về những thứ kinh văn sai trái ấy, thật không coi các thầy ra gì.

- Đúng thế, loại người này…

Tôi không muốn nghe tiếp, lặng lẽ quay về đại điện. Trong truyện ký của Ra­ji­va có mô tả cậu là người “tính cách thẳng thắn, phóng khoáng, không chịu gò bó, khác với những người tu hành khác”. Đối với người tu hành mà nói, trí tuệ siêu việt giống như con dao hai lưỡi. Xuất thân quyền quý của Ra­ji­va làm tăng thêm ưu thế mà tài năng thiên bẩm mang lại cho cậu, nhưng đồng thời cũng gây thêm bất lợi cho cậu. Tôi có thể hiểu vì sao những nhà sư đó ác cảm với Ra­ji­va đến vậy, có điều tôi cảm thấy rất khó chịu khi phải nghe những lời nói không hay về Ra­ji­va. Tôi bỗng cảm thấy hết sức bực bội!

Khi chúng tôi rời khỏi chùa “kỳ lạ”, Ra­ji­va ngỏ ý muốn đưa tôi đi tham quan thêm nơi khác. Tôi nhìn đồng hồ, chỉ còn một tiếng nữa là đến giờ tụng kinh buổi chiều, đành thở dài giục cậu ta mau chóng quay về chùa Tsio – li. Tôi không cho rằng những giới luật hay những quy tắc kia là quan trọng, nhưng tôi biết, mỗi lời nói và hành động của cậu ấy đều không lọt khỏi tầm mắt của những người khác. Mà dù thế nào, Ra­ji­va cũng không thể tách ra khỏi thế giới tăng sĩ của cậu ấy.

Cậu ta hơi ngạc nhiên, nhưng nhìn lên thấy bầu trời đang tối dần, lập tức hiểu ý tôi, liền bảo sẽ đưa tôi về phủ quốc sư trước. Tôi từ chối, nói rằng tôi biết đường, sẽ tự đi về. Tôi không muốn nghe người khác viện vào mối quan hệ giữa tôi và Ra­ji­va để bôi nhọ thanh danh của cậu ấy.

Mặt cậu ta hơi biến sắc, nhìn tôi ngơ ngác:

- Ngải Tình, cô đã nghe được điều gì phải không?

Tôi lắc đầu.

- Dù cô nghe thấy điều gì, tôi cũng không hề bận tâm.

Cậu ta bảo không bận tâm, nhưng giọng nói vẫn đượm vẻ giận dữ. Vung tay áo ra sau, ngẩng cao đầu, nói:

- Ra­ji­va làm việc gì cũng không chịu sự trói buộc của những lề thói lạc hậu, chỉ cần không thẹn với lòng mình.

Tôi lại thở dài. Thân phận cao quý và một trí tuệ hiếm có khiến cậu ấy ngay từ thời niên thiếu đã vang danh khắp chốn, nhưng đồng thời cũng “tạo điều kiện” để cậu ấy trở nên xem nhẹ những giới luật của nhà Phật, lúc nào cũng tỏ ra ngang tàng như vậy. Nhưng Ra­ji­va ơi, thái độ bất chấp đó của cậu chẳng qua cũng là vì bất đắc dĩ mà thôi.

Hôm đó, tôi kiến quyết đi về một mình. Tôi chỉ là một lữ khách đi bên cạnh cuộc đời Ra­ji­va. Tôi không muốn trong những đồn đoán không hay về cậu ấy lại có thêm một nhân tố là tôi nữa.

Khi tôi về đến phủ quốc sư, một thân hình nhỏ bé, được quấn ủ rất ấm áp lao như bay vào lòng tôi, giọng điệu nũng nịu trách cứ, rằng vì sao cả ngày trời không thấy bóng dáng tôi đâu. Tôi vui vẻ dắt tay cậu nhóc cùng chơi trò trốn tìm. Tiếng cười lanh lảnh vang rộn cả khu vườn, xua tan mọi buồn phiền của tôi. Chơi đùa được một lúc thì bóng chiếc áo choàng màu nâu sòng đột nhiên xuất hiện trước cổng. Cậu ta lại trốn giờ tụng kinh buổi chiều rồi!

Chương 14: Tôi trở về

Ngày tháng cứ thế trôi qua, chớp mắt đã sang xuân. Tuy người Khâu Từ không ăn Tết Nguyên Đán như người Hán, nhưng vào ngày đầu tiên của năm mới, tôi vẫn tặng quà cho hai anh em Ra­ji­va, của Ra­ji­va là một chuỗi tràng hạt làm bằng gỗ đàn hương, của Pusyse­da là một bức tranh Do­rae­mon do chính tay tôi vẽ. Tôi nói với họ, thế là tôi đã thêm một tuổi, năm nay tôi hai mươi tư. Tôi chẳng muốn phải thừa nhận rằng mình đã già thêm một tuổi gì cả. Sinh nhật của tôi rất dễ nhớ, đó là ngày mùng mười tháng Giêng âm lịch, vì vậy tôi thường tổ chức sinh nhật theo lịch âm. Nhưng sau tuổi hai mươi thì tôi không còn hứng thú với ngày tết nữa, mỗi dịp tết đến lại nhắc tôi nhớ rằng, mình đã già, đã già rồi…

Ở thời cổ đại chỉ có hai anh em họ vui sinh nhật với tôi. Tôi dạy họ nói: chúc mừng sinh nhật và hát bài “Chúc mừng sinh nhật”, rồi đề nghị họ hát cùng tôi. Giọng hát trẻ con bập bẹ của Pusyse­da rất buồn cười, rất đáng yêu. Ra­ji­va lắc đầu kiên quyết không chịu hát. Nhưng khi tôi bảo, vào ngày sinh nhật người Hán sẽ nói “chúc mừng sinh nhật” rồi hát bài hát này, sau đó sẽ ăn một loại bánh ngọt vừa thơm vừa ngậy và còn được tặng quà nữa. Ra­ji­va nghe xong, vẫn còn lần chần, mãi sau mới chịu cất giọng. Giọng hát của cậu ấy cũng trầm ấm, truyền cảm như giọng nói, tuy vẫn còn có nhiều âm khàn đục, do đang trong thời kỳ vỡ tiếng, nhưng lại tạo cho bài hát một âm điệu rất đặc biệt. Bài chúc mừng sinh nhật mà cậu ấy đang khe khẽ hát cho tôi nghe là bài hát hay nhất mà tôi từng được nghe vào dịp này. Có điều, gương mặt của cậu ấy, như tôi đã biết từ trước, đỏ như gấc chín, át cả nước da bánh mật vốn rất nổi bật.

Buổi tối ngày tiếp theo, sau khi kết thúc giờ học, Ra­ji­va không đến thư phòng đọc sách như mọi khi, cậu ta dùng dằng ngập ngừng mãi mới lôi từ trong áo ra một chiếc khăn lụa thêu hình thoi khổ dài với các màu sắc đỏ, vàng, xanh da trời đan xen.

- Tặng cô.

Cậu ta lại đỏ mặt.

- Cô bảo sinh nhật muốn được tặng quà…

Tôi không có thời gi­an để bận tâm về sự chu đáo này, tôi còn mãi ngẩn ngơ ngắm nhìn món quà của mình. Đây là chiếc khăn lụa Ata­la, Ata­la có nghĩa là loại tơ lụa được làm ra bằng kỹ thuật xoắn sợi tơ dọc và nhuộm đồng thời, đây cũng là loại vải dùng để may quần áo phổ biến nhất của phụ nữ Tân Cương ngày nay. Tơ lụa Khotan là thương hiệu nổi tiếng nhất. Lụa, ngọc và thảm được mệnh danh là ba “quốc bảo” của Khotan. Đến tận thế kỷ XXI, người Khotan vẫn sử dụng những phường nhuộm nguyên thủy với chiếc máy dệt cồng kềnh, cao hơn năm mét, được xây đắp bằng đất và gỗ.

- Ra­ji­va, cậu có biết ngôi chùa Masa ở Khotan không? Những hạt giống của cây dâu mà cô công chúa người Hán mang đến Tây vực đã được gieo trồng ở chùa này đó.

Trong “Đại Đường Tây vực ký”, Huyền Trang đã ghi lại quá trình tơ lụa được truyền đến Khotan như thế nào.

- Tôi biết. Người Tây vực vốn không biết trồng dâu nuôi tằm để lấy tơ, khi đức vua Khotan đến đất Hán cầu thân, ngài đã nói riêng với công chúa Hán triều rằng Khotan không có tơ lụa, nên công chúa sẽ không thể ăn mặc đẹp được. Công chúa bèn giấu hạt dâu và tằm giống vào trong túi mang theo. Sự giàu có của Khotan chính là nhờ vào tơ lụa.

Tơ lụa vốn là sản phẩm độc quyền của người Hán ở Trung Nguyên, kỹ thuật sản xuất được xem là bí mật vô cùng quan trọng, không được phép tiết lộ ra bên ngoài. Nhưng nhờ có cô công chúa kia, kỹ thuật này đã được truyền đến Tây vực, từ Tây vực lại truyền sang Tây Á và châu Âu, từ đó, quyền lũng đoạn thị trường tơ lụa của Trung Quốc đã tan thành mây khói. Sản phẩm tơ tằm của Khotan từ thế kỷ IV đã nổi tiếng khắp nơi, thời cổ đại, nơi đây từng được mệnh danh là “kinh đô của lụa”. Hôm nay, chiếc khăn lụa quý giá của thế kỷ thứ tư ấy đang bày trước mắt tôi, điều này đã chứng minh tính xác thực của câu chuyện kể về sự xuất hiện của kỹ thuật sản xuất tơ lụa trên con đường tơ lụa huyền thoại.

- Sao cô chỉ hỏi về câu chuyện đó, hay cô không thích món quà này?

Ra­ji­va nhìn tôi lo lắng, tay cầm chiếc khăn quý mà lúng túng không biết nên đặt ở đâu.

- Lụa Khotan, tất nhiên không thể sánh bằng lụa Trung Nguyên, nếu cô không thích, tôi sẽ…

- Làm gì có chuyện đó!

Tôi gào lên, bật dậy, ôm chầm lấy cậu ta, rồi giật lấy chiếc khăn áp chặt vào lòng.

- Cậu đừng hòng mang nó đi!

Ra­ji­va thở phào, gương mặt đỏ như gấc của cậu ta tôi đã nhìn quen rồi nên không thấy ngạc nhiên nữa. Cậu ta nhìn tôi cười rạng rỡ như vừa được tặng một món quà chứ không phải vừa tặng cho người khác một món quà.

- Nhưng mà…

Ra­ji­va nhìn tôi băn khoăn:

- Ngải Tình, vì sao cô biết ở Khotan có chùa Masa?

Lại nữa rồi! Tôi chẳng bao giờ kiểm soát được cái miệng tai bay vạ gió của mình!

Tôi trợn tròn hai mắt, rồi vò đầu bứt tai, tư duy log­ic của cậu ta ở trình độ cao như thế, dù tôi có bịa ra chuyện gì thì cũng sẽ lộ tẩy mà thôi. Tốt hơn hết là đừng nghĩ cách gạt cậu ta làm gì ệt.

- Cậu đừng hỏi nữa, tóm lại là tôi biết, thế thôi!

Ra­ji­va không hỏi thêm, chỉ cười, đến lúc ra về vẫn nhìn tôi bằng ánh mắt tò mò khó hiểu, khiến tôi cảm thấy không yên tâm.

Không bao lâu nữa là đến ngày lập xuân. Sang xuân đồng nghĩa với việc con đường tơ lụa được khai thông, tôi có thể chuẩn bị khởi hành đi Trường An được rồi. Ku­marayana đã giúp tôi liên hệ với một đội thương nhân rất đáng tin cậy, ông còn tặng tôi rất nhiều đồ đạc. Tôi rất biết ơn ông. Nhưng tôi không vui chút nào khi phải đối diện với hai anh em Ra­ji­va. Vẻ mặt lạnh lùng, an nhiên thường thấy của Ra­ji­va khiến tôi đỡ buồn phần nào. Tuy nhiên, cũng có đôi lúc tôi cảm thấy ánh mắt cậu ta nhìn tôi có điều gì rất lạ, nhất là vào hôm tôi quàng chiếc khăn lụa Ata­la lên vai. Ánh mắt ấy khiến tôi hồi hộp, nhưng tôi vờ như không thấy, giả bộ ngốc nghếch là sở trường của tôi mà! Ai bảo cậu ta là Ku­mara­ji­va kia chứ! Tôi làm sao mà dám động vào một vĩ nhân như thế. Thôi, hãy cứ ngoan ngoãn mà ra đi! Nhưng với chú nhóc Pusyse­da thì tôi chẳng thể ứng phó nổi. Hơi một tí là nước mắt giàn giụa, giọng nói trẻ thơ, nấc lên những tiếng thổn thức xin tôi ở lại. Cậu bé khiến tôi mủi lòng và có cảm giác sự ra đi lần này chẳng khác nào sinh ly tử biệt, nên tôi phải an ủi Pusyse­da bằng cách lặp đi nhiều lần lời hứa rằng tôi nhất định sẽ quay lại.

Còn khoảng sáu, bảy ngày nữa là phải lên đường, tôi muốn tắm rửa sạch sẽ. Đi tắm thì có gì mà phải kể? Đúng là chẳng có gì để nói, nhưng vì lần này đã xảy ra chuyện lớn. Bạn đừng hiểu nhầm, không như trong các tiểu thuyết mà bạn thường đọc, hay có cảnh: nhân vật nữ đang tắm thì nhân vật nam xuất hiện đâu! Chuyện “hay ho” ấy chẳng bao giờ đến với tôi cả! Sự thực là, khi tôi vừa tắm xong và trở về phòng thì xảy ra chuyện lớn.

Lúc tôi vừa đưa tay lên vặn đám tóc ướt vừa bước vào phòng thì thấy Pusyse­da đang ngồi nghịch chiếc đồng hồ vượt thời gi­an mà trước khi đi tắm tôi đã tháo ra và đặt tạm trên bàn. Thấy tôi, chú nhóc hớn hở lắc lắc chiếc đồng hồ:

- Ngải Tình, đồ chơi này hay quá, nó biết nhảy và kêu tích tắc tích tắc nhé, chị cho em được không?

Tôi run bắn. Khi ấy trời đang nắng to, ánh sáng tràn ngập căn phòng. Tôi chạy bổ đến bắt lấy chiếc đồng hồ, nó hoạt động trở lại rồi! Đèn tín hiệu mà lúc trước tôi ra sức bật lên nhưng không ăn thua giờ đây đang tích tắc đếm ngược. Trời đất ơi, không biết Pusyse­da đã chạm vào chỗ nào mà khởi động được cái đồng hồ chết tiệt này? Thời gi­an đếm ngược là ba phút, giờ chỉ còn hai phút rưỡi. Tôi cố sức nhấn nút dừng hoạt động, nhưng thứ quái gở này, lúc cần chạy thì nó không chạy, lúc cần dừng thì nó nhất định không chịu dừng. Đầu óc rối bời, tôi không biết phải làm sao nữa! Chuyện này xảy ra quá đột ngột, chỉ tắm một cái mà lúc quay về đã gặp phải biến cố lớn thế này. Tôi nên đi hay ở?

- Ngải Tình, chị làm sao vậy?

Tôi giật mình ngẩng lên, đôi mắt tròn xoe, ngây thơ đang nhìn tôi chớp chớp. Một lát nữa chiếc đồng hồ sẽ phát ra tia phóng xạ, tôi không thể để cậu nhóc nhiễm phải. Tôi vội vàng túm lấy Pusyse­da, dùng hết sức đẩy cậu bé ra ngoài. Cậu bé bị tôi túm chặt quá, mặt mũi tái đi vì sợ. Vừa đẩy cậu nhóc ra đến cửa đã nghe thấy tiếng gào khóc ầm ĩ. Tôi cài then chốt cửa lại với tốc độ của vận động viên điền kinh, tôi lao đến cạnh tủ tìm chiếc ba lô North­face, lôi ra chiếc áo chống tia phóng xạ, động tác nhanh và dứt khoát, tôi cởi bỏ quần áo trên người và không quên quay đầu ra phía cửa hét to:

- Pusyse­da, cậu nghe đây. Tôi là tiên nữ, bây giờ tôi phải quay về trời. Lát nữa sẽ có một tia sáng xuất hiện, cậu phải nhắm mắt lại, không được nhìn tia sáng đó, nếu không cậu sẽ bị mù đấy! Nhớ chưa?

Thực ra không nghiêm trọng đến vậy, nhưng sẽ rất nguy hiểm nếu cậu bé nhìn thẳng vào tia phóng xạ.

Cậu bé sợ hãi, càng khóc to hơn.

- Đừng sợ, tôi không biến mất, tôi chỉ quay về với thế giới của mình thôi. Ở trên trời, tôi sẽ dõi theo cậu.

Tôi không muốn lưu lại những ký ức đáng sợ trong tâm hồn cậu bé.

Mặc vội chiếc áo chống tia phóng xạ lên người, tôi cảm thấy lạnh buốt, toàn thân nổi da gà. Mặc kệ, thời gi­an sắp hết rồi. Tôi cuống cuồng kéo các loại khóa, bỗng nghe tiếng Pusyse­da bên ngoài nức nở:

- Chị đừng đi! Pusyse­da hứa sẽ không nghịch ngợm nữa, em sẽ nghe lời chị, chịu khó học bài, chị đừng đi có được không?

Tôi thở dài. Chiếc đồng hồ này chỉ sử dụng được một lần duy nhất, nếu không đi, tôi sẽ phải ở lại nơi này mãi mãi. Tôi không giống những tình nguyện viên nữ khác, vượt thời gi­an trở về thời cổ đại chỉ để vui thú yêu đương. Mục đích của tôi rất rõ ràng, tôi đến đây để làm việc, nếu không quay về, giá trị của tôi sẽ không được công nhận.

- Hãy nói với Ra­ji­va, cậu ấy sẽ trở thành một nhân vật vĩ đại, nhắc cậu ấy đừng quên nhiệm vụ đến Trung Nguyên truyền bá đạo Phật!

- Chị có quay lại nữa không?

Tôi không biết, thực sự là không biết. Có lẽ duyên phận giữa chúng tôi chỉ đến đây thôi. Tôi không biết sau khi quay về có tiếp tục công việc này hay không. Nếu có, tôi không biết, lần vượt thời gi­an tới tôi có thể trở lại Khâu Từ hay không. Đến được Khâu Từ, tôi cũng không biết khi ấy họ còn sống ở thời đại đó không…

Tôi đội mũ bảo vệ, đeo đồng hồ vào tay, chỉ còn ba giây. Tôi hít một hơi thật sâu, chỉ kịp gào to:

- Nếu cậu chăm chỉ học hành, đọc thuộc “Kinh thi”, tôi sẽ trở lại…

Những tia sáng chói mắt phát ra, tôi cảm nhận được cảm giác bay bổng, cưỡi mây lướt gió quen thuộc, gan ruột tôi quay đảo tưởng như sắp vỡ tung. Một giây trước khi mất đi ý thức, tôi chợt nhớ ra rằng tập giấy nháp với không biết bao nhiêu bức vẽ kỳ công, cuốn sổ tay ghi chép toàn bộ tài liệu khảo sát dài mấy mươi vạn chữ, những tập sách quý hiếm bằng tiếng Tochari tôi sưu tầm được, những vật dụng sinh hoạt hàng ngày tôi mua ở chợ về và giấu dưới gầm giường, những quà tặng của Ji­va, Ku­marayana và nhiều người khác và còn nữa, chiếc khăn lụa Ata­la của tôi, tất cả, tất cả, tôi đều quên mang theo. Trời ơi, chuyến này tôi lỗ nặng rồi!!!

## 8. Chương 15 - 16

Chương 15: Tôi lại “vượt”

Đưa tay quờ quạng, thấy mềm mềm, mịn mịn. Mở mắt, vầng quang rực rỡ chiếu thẳng tới, vội nhắm chặt lại. Vậy là lần tiếp đất này cũng rơi xuống sa mạc giống hệt lần trước. Tôi quả là có duyên với sa mạc, có điều không biết hiện là thời đại nào và nơi này có phải là nơi đó không. Tôi đứng lên, kiểm tra toàn bộ vật dụng mang theo bên mình, rồi nhìn chiếc đồng hồ vượt thời gi­an đã được cải tiến. Tốt rồi, đèn tín hiệu màu xanh, có nghĩa là mọi thứ vẫn bình thường, công sức sáu tháng trời của nhóm các nhà khoa học ấy đã không uổng phí. Rút kinh nghiệm từ bài học lần trước, các nhà khoa học quyết định không sử dụng năng lượng mặt trời để khởi động thiết bị nữa, vì không ổn định mà thay vào đó là loại pin Lithi­um siêu bền. Nghe nói, đây là sản phẩm đời mới nhất của hàng BYD, tốt hơn nhiều so với pin của Sony.

Chuyến đi của tôi đã tạo nên tiếng vang lớn, sánh ngang với chuyến bay vào vũ trụ rất thành công của Dương Vỹ. Tôi mất tích hơn năm tháng, nhóm nghiên cứu không xác định được tôi đã vượt thời gi­an thành công hay đã chết. Suốt một thời gi­an dài, sếp tôi rất phiền não vì không biết phải giải thích như thế nào với bố mẹ tôi. Cho đến một buổi chiều nọ, tôi từ trên trời rơi xuống, lơ lửng trên cành liễu bên ngoài phòng thí nghiệm, làm gẫy gần hết những chạc cây xanh tốt đó.

Trong năm tháng sau khi trở về thế kỷ XXI, tôi bận rộn chóng mặt. Kiểm tra sức khỏe, viết báo cáo và còn phải đến Tân Cương cùng sếp một tháng trời nữa chứ. Thành cổ Khâu Từ xưa kia (hay còn gọi là di tích Diên Thành) nằm giữa thành phố Kucha mới và cũ ngày nay, được người địa phương gọi bằng cái tên thành cổ Pi­lang. Tôi đi theo đoàn các nhà khảo cổ quan sát, đo đạc, nghiên cứu di tích tường thành Khâu Từ, di tích hoàng cung, ngôi chùa “kỳ lạ”, quảng trường lớn, sau đó cùng các nhà ngôn ngữ giải mã văn tự Tochari tại viện bảo tàng. Khi một mình lang thang giữa những di tích này, nhìn những ngôi nhà, những thửa ruộng đã phủ kín khuôn viên di tích, có thể nhận ra địa tầng của hơn một nghìn năm về trước, nhưng còn những thứ khác thì đã bóng chim tăm cá, trong tôi trào dâng một cảm xúc khó tả. Vì với riêng tôi, mọi thứ sống động của vài tháng trước đó chỉ trong chớp mắt đã vật đổi sao dời, trở thành quá vãng dâu bể 1650 năm. Những con người sống động của vài tháng trước, trong khoảnh khắc đã chỉ còn lại là mấy dòng chữ trên giấy cũ. Đứng trên gò đất mấp mô, nơi xưa kia từng là thành quách nguy nga, bên tai tôi như vẫn vang vọng giọng nói trầm ấm đó.

- Ngải Tình, ngày mai tôi sẽ đưa cô đi tham quan thành Khâu Từ.

- Ông trời ưu ái người Khâu Từ, nên năm nay mới “được mùa tuyết” như vậy.

- Đừng sợ, cứ nhắm mắt lại, một lát nữa là không sao.

Mỗi lúc như vậy, tôi lại giật mình quay đầu nhìn bốn phía, mãi đến khi nhận ra bóng chiếc áo nâu sòng ấy chỉ là ảo giác, tôi mới bình tâm trở lại. Ra­ji­va, có phải chúng ta đang ở trong cùng một không gi­an, nhưng chúng ta cách nhau những 1650 năm thời gi­an? Cậu vẫn ổn chứ? Tôi cười buồn, sao lại hỏi ngớ ngẩn như vậy, vận mệnh của cậu ta, lẽ nào tôi không rõ?

Khi đi khảo sát Thiên Phật động Kizil, tôi đã ngẩn ngơ hồi lâu trước pho tượng đồng tạc hình Ra­ji­va đặt phía trước hang đá. Pho tượng khắc họa dung mạo của Ra­ji­va ở độ tuổi từ ba mươi đến bốn mươi. Một chân gập lại, tay phải đặt lên đầu gối, trên mình khoác chiếc áo lộ một bên vai của tăng sĩ, thân hình mảnh khảnh, vầng trán rộng giữa hai hàng lông mày vươn dài, dung mạo ấy toát lên một trí tuệ trác việt, một trái tim rộng lớn và một khí khái bất phàm. Tuy không thể sống động bằng con người thực, nhưng tôi nghĩ, nghệ nhân tạc tượng đã nắm bắt được thần thái của Ra­ji­va. Tôi chưa được nhìn thấy dung mạo Ra­ji­va khi đã trưởng thành, nhưng pho tượng điêu khắc này đã khiến tôi không nguôi suy tưởng và tưởng tượng về cậu ấy. Tôi đã chụp một bức ảnh đứng dưới chân pho tượng để làm kỷ niệm, buổi đêm khi ngồi viết luận văn, mỗi lúc mệt mỏi tôi lại mở tấm hình ra ngắm nghía. Ước gì tôi được gặp lại Ra­ji­va, Ra­ji­va khi đã trưởng thành.

Trong viện bảo tàng Khâu Từ ở Kucha có trưng bày bộ hài cốt của một phụ nữ, được khai quật lên từ di chỉ Sub­ash, thời điểm hài cốt này được chôn cất cách nay khoảng một nghìn ba trăm năm. Phần đầu của hài cốt có dấu hiệu bị nén bẹp xuống, giống hệt hình ảnh của Ji­va và những thành viên hoàng tộc Khâu Từ khác mà tôi từng gặp. Nén đầu không có nghĩa là xấu xí, chỉ có điều không hợp với thẩm mỹ của chúng ta ngày nay mà thôi. Với tôi, Ji­va luôn là một phụ nữ xinh đẹp. Tu­tankhamun (gọi tắt là vua Tut), vị hoàng đế thứ mười hai của triều đại thứ mười tám của Ai Cập cũng từng nén dẹt đầu, bức tượng bán thân của vua Tut sau khi được phục chế nguyên bản và tranh chân dung trong lăng mộ của ngài đã cho thấy Tu­tankhamun là một pharaon mười tám tuổi cực kỳ khôi ngô, tuấn tú.

Kế hoạch ban đầu là sau khi kết thúc công việc khảo sát ở Kucha, tôi sẽ có buổi gặp gỡ các chuyên gia Phật học, những người chuyên nghiên cứu về Ku­mara­ji­va. Tuy tôi chỉ được tiếp xúc với Ra­ji­va một thời gi­an rất ngắn, nhưng cũng có thể cung cấp cho họ những thông tin và tư liệu quý giá mà không ai có được. Vì vậy các chuyên gia rất mong ngóng được trò chuyện với tôi. Nhưng, sếp tôi đột ngột nhận được điện thoại từ tổ nghiên cứu, thế là hai thầy trò lại vội vã khăn gói về phòng thí nghiệm, để chuẩn bị cho lần vượt thời gi­an thứ hai, mà không, chính xác phải là lần vượt thứ tư mới đúng.

Lần này, máy móc đã được cải tiến rất nhiều. Tôi không còn cảm giác khó chịu khi bay vào không gi­an như những lần trước nữa. Tuy vậy, vẫn không thể xác định được địa điểm và thời đại mà tôi sẽ đến, chỉ có thể ước tính đó là khoảng thời gi­an hai nghìn năm trước. Sai số là năm trăm năm, tức là nơi tôi đến có thể ở vào khoảng niên đại từ cuối thời Chiến quốc cho đến cuối thời Nam Bắc triều. Với kinh nghiệm của lần “vượt” trước, tôi vẫn quyết định mặc một bộ Hán phục to rộng, lả lướt. Trang phục này rất đại chúng và là trang phục được thịnh hành lâu nhất trong lịch sử.

Tôi quan sát và đánh giá tình hình trước mắt. Những điểm tương đồng về địa hình giữa hai lần “vượt” cho tôi một linh cảm mạnh mẽ rằng, tôi đã trở lại nơi ấy! Do vậy, tôi trở nên bình tĩnh hơn, tôi bắt đầu nghĩ cách để ra khỏi sa mạc và tìm đến nơi có bóng người. Phóng tầm mắt ra xung quanh, nhận thấy mình đã rơi xuống vùng ven sa mạc, cạnh đó là rừng dương và những khóm liễu đỏ thấp lè tè. Rừng dương xa xa nom có vẻ um tùm, xanh tốt, tôi quyết định đi về hướng đó.

Bây giờ đã là cuối tháng năm, buổi trưa trên sa mạc oi bức khủng khiếp, vì vậy thứ mà tôi cần nhất lúc này là nước. Rừng dương rậm rạp là thế, nguồn nước chắc chắn ở không xa. Khi một hồ nước to bất ngờ xuất hiện trước mặt, tôi mừng rỡ khôn tả, lao như bay về phía ấy.

Thật không ngờ, giữa vùng sa mạc mênh mông thế này lại có một hồ nước lớn đến vậy. Và điều quan trọng hơn cả là ven hồ có người, không phải một người mà là một đám đông. Không có niềm vui nào bằng niềm vui nhìn thấy đồng loại giữa chốn hoang vu này, tôi ba chân bốn cẳng lao về phía họ. Nhưng chưa đến nơi, tôi đã phải đột ngột hãm tốc độ. Phản ứng đầu tiên của tôi sau đó là quay đầu, chạy thục mạng về hướng ngược lại. Nhưng chưa được mấy bước, một mũi tên vút tới, cắm “phập” xuống cạnh bàn chân tôi, tôi sợ hãi dừng lại, giơ hai tay lên cao:

- Đừng bắn! Tôi xin hàng!

Tôi bị giải đến chỗ đám đông kia, có khoảng hai mươi người. Nhìn cách ăn mặc và tướng tá của đám người đó, toàn những tên mặt mày dữ tợn, hình hài quái dị, đúng là một đám kẻ cướp. Còn khoảng chục người nữa thì đang quỳ dưới đất, tay chân bị trói chặt, run rẩy lo sợ, len lén nhìn tôi bằng ánh mắt cảm thông, có lẽ họ là người Ba Tư. Cạnh đó có khoảng hơn chục con lạc đà cõng trên lưng rất nhiều hàng hóa, vẫn thản nhiên, mải mê gặm cỏ. Tôi đoán ra ngay đó là một đội lái buôn giữa đường gặp cướp.

Phải nói rõ điều này, nơi tôi tiếp đất cách con đường tơ lụa không xa, mà trên con đường này thường xuyên xảy ra nạn giặc cướp. Tôi chưa bao giờ phải gi­ao tranh với ai, lẽ nào lần này buộc phải sử dụng vũ khí? Có một khẩu súng gây mê loại nhỏ trong áo chống phóng xạ của tôi, sếp dặn rằng, nếu không đến mức nguy cấp thì không được phép sử dụng, vì đó là sản phẩm của thời hiện đại, có thể làm thay đổi lịch sử. Sếp lúc nào cũng căn dặn không được làm gì khiến lịch sử thay đổi, nhưng thầy có nghĩ rằng, bản thân việc tôi vượt thời gi­an trở về đây cũng là một hành động làm thay đổi lịch sử?

Bọn cướp đang bàn bạc với nhau bằng tiếng Tochari mà tôi có thể nghe hiểu, với giọng địa phương lơ lớ, không phải khẩu âm Khâu Từ.

Tôi vắt óc nghĩ cách thoát thân. Tôi không giàu bản lĩnh như Huyền Trang, có thể dùng lời lẽ khuyên giải đám giặc cướp ngài gặp trên đường đi Tây Trúc thỉnh kinh buông gươm đao quy y cửa Phật. Vì vậy, sau khi quan sát hết lượt và đánh giá tình hình giữa ta và địch, tôi quyết định: bắt giặc phải bắt tên cầm đầu trước.

Tôi khẽ đưa tay vào trong áo và chạm vào khẩu súng, cũng may chúng cho rằng tôi chỉ là cô gái yếu đuối nên không trói chân tay tôi lại như những người Ba Tư kia. Tôi nở nụ cười ngọt ngào với tên râu quai nón đang ngồi ung dung nhai thịt trên tấm thảm, hơi nhích về phía hắn một chút, cất giọng Tochari lơi lả:

- Đại Vương…

Cắn răng thật chặt để xua đuổi nỗi sợ hãi đang khiến toàn thân nổi da gà.

Hắn cười híp cả mắt, chìa bàn tay nhầy nhụa về phía tôi. Tôi tiến lên phía trước một bước, làm điệu bộ chuẩn bị ngả vào lòng hắn, rồi đột ngột rút súng chĩa vào hắn và bắn. Súng gây mê này thật lợi hại, tên cầm đầu chưa kịp có phản ứng gì đã ngã lăn xuống đất. Nhân lúc đàn em của hắn còn đang ngơ ngác không hiểu chuyện gì xảy ra, tôi lập tức hạ thêm năm tên đứng gần nhất và lấy giọng uy hiếp những tên còn lại:

- Bỏ vũ khí xuống, ta sẽ tha mạng cho các người!

Hình như vẫn chưa dọa được chúng, tôi tiếp tục quát:

- Đây là loại độc dược “kiến huyết phong hầu”, thấy máu chảy tức là người đã chết, các ngươi không sợ thì đến đây mà thử!

Có lẽ vũ khí lợi hại của thế kỷ XXI đã khiến bọn cướp kinh sợ, hơn chục tên còn lại hoang mang nhìn những tên đang nằm bất động trên mặt đất. Thực ra tôi chỉ dọa chúng thế thôi, khẩu súng gây mê của tôi rất nhỏ, chỉ có thể bắn vào đối phương ở khoảng cách dưới năm mét. Thế nên, khi thấy bọn cướp buông hết các thứ đao, cung, kiếm… tôi khẽ thở phào, mồ hôi đầm đìa lưng áo. Tôi vội vàng chạy đến cởi trói cho đám thương nhân kia, nhưng dây quấn quá chặt, tôi đành phải lôi con dao Thụy Sĩ ra cắt.

Những việc xử lý tiếp theo không cần tôi phải bận tâm nữa. Mấy tên cướp còn lại khiếp sợ thứ vũ khí mà tôi cầm trong tay, bây giờ lại thêm một đám người Ba Tư đông đảo cầm gươm đuổi phía sau, nên bọn chúng đã chạy mất dạng từ lâu. Mấy người Ba Tư kia kính cẩn hành lễ tạ ơn tôi. Trong số họ có một người biết tiếng Hán và một người biết tiếng Tochari. Tuy nói năng không lưu loát, nhưng hai ngôn ngữ bổ sung cho nhau, cộng thêm ngôn ngữ thân thể, chúng tôi cũng có thể hiểu nhau tám, chín phần. Tôi lôi từ trong ba lô ra tập bản đồ, nhờ họ xác định vị trí. Tập bản đồ này rất đặc biệt, được phác họa dựa trên tình hình khu vực trước và sau đời nhà Hán khoảng năm trăm năm. Lật giở đến trang về Tây vực, vì chú thích bằng tiếng Hán, nên phải mất một lúc lâu họ mới chỉ ra cho tôi vị trí tương đối nơi chúng tôi đang đứng, có vẻ như gần Lun­tai (Bur­gur). Tôi xem xét thật kỹ bản đồ một lần nữa, thì ra tôi đã rơi xuống ven sa mạc Tak­la­makan. Ở nơi khô hạn cực độ như thế này mà vẫn có đồng cỏ rộng lớn, vậy chắc chắn là đồng cỏ và hồ nước ở Lun­tai rồi! Đây chính là nơi cư trú của tộc người Rob (La Bố) cổ đại, họ sinh sống bằng nghề đánh bắt cá trong hồ nước này. Nhưng tôi không thấy quanh đây có nhà cửa gì cả, có lẽ họ định cư ở phía khác của hồ nước. Nhưng cũng không thể xác định đám cướp kia có phải người Rob hay không. Lun­tai cách Khâu Từ khoảng tám mươi kilômét. Nếu với tốc độ như hiện nay của đoàn lạc đà (bình quân mỗi ngày đi được hai mươi đến ba mươi kilômét), thì nhiều nhất là bốn ngày sau tôi có thể đến được Khâu Từ.

Khâu Từ, mỗi lần nghĩ đến nơi ấy là tim tôi lại đập rất gấp và bóng dáng thanh mảnh, khổ hạnh ấy lại hiện ra trước mắt. Không biết bây giờ cậu ta bao nhiêu tuổi rồi. Tôi hỏi mấy người Ba Tư hiện đang là năm nào, họ cung cấp cho tôi một số thông tin như sau:

1. Ở Trung Nguyên hiện vẫn là thời nhà Tần của Phù Kiên (nhưng họ không rõ niên hiệu).

2. Vua Khâu Từ vẫn là Bạch Thuần (họ chỉ biết Bạch Thuần khoảng hơn bốn mươi tuổi).

3. Chỉ nghe nói Ku­mara­ji­va là một vị hòa thượng nổi tiếng (vì người Ba Tư theo tín ngưỡng Hỏa giáo, vốn là một tôn giáo thờ thần lửa thời xưa, nên mặc dù Ku­mara­ji­va là một cao tăng Phật giáo tiếng tăm vang dội, họ cũng không hay biết), tuổi tầm hai mươi đến ba mươi tuổi.

4. Họ vừa đi qua Khâu Từ, bây giờ đang trên đường đến Trường An. Nhưng vì tôi có ơn cứu mạng với họ, nên họ bằng lòng đưa tôi quay về Khâu Từ rồi mới lên đường đi tiếp.

Không phải tôi không muốn đi Trường An, nếu sếp có mặt ở đây, chắc chắn sẽ yêu cầu tôi phải cùng họ đi Trường An ngay, như thế sẽ được một công đôi việc, tiện thể khảo sát con đường tơ lụa, con đường huyền thoại từ thời Nam Bắc triều. Nhưng một giọng nói cứ vang vọng trong tôi, thôi thúc tôi đi đi, đến đó gặp cậu ấy đi! Sau khi trưởng thành, Ku­mara­ji­va sẽ có diện mạo như thế nào nhỉ? Nếu có thể tận mắt nhìn thấy cậu ấy, những nghiên cứu của tôi sẽ có ý nghĩa hơn rất nhiều. Vả lại, tôi đã hứa với Pusyse­da nhất định sẽ quay lại, tôi phải giữ lời chứ, đúng không?

Chúng tôi dự trữ nước và lập tức lên đường, vì lo những tên cướp kia sẽ quay lại. Mấy tên bị hôn mê, chỉ sau hai mươi tư giờ sẽ hồi phục, rất có thể bọn chúng sẽ tìm cách trả thù, nghĩ vậy, mọi người đều sợ hãi, ai cũng muốn mau chóng đi khỏi khu vực ấy càng xa càng tốt. Tôi điều chỉnh lại thời gi­an trên đồng hồ cho chậm lại hai giờ, xác lập múi giờ Tân Cương.

Khi chúng tôi đến được điểm dựng trại thì bầu trời đã lấp lánh ngàn sao. Nơi này là một thành quách hoang tàn, từ lâu đã không có người ở. Theo phát âm của người Ba tư thì nó có tên là Tahan­qi. Thành quách này có lẽ đã rất nhiều tuổi rồi, tường thành trải qua nhiều năm tháng không được tu sửa, phần lớn đều đã sập sệ, dưới ánh trăng vằng vặc, khung cảnh hoang tàn càng làm tăng cảm giác bãi bể nương dâu. Xung quanh là những thửa ruộng, vậy là chúng tôi đã ra khỏi sa mạc Tak­la­makan.

Chúng tôi dựng trại cạnh tường thành, những người Ba Tư hào phóng dựng riêng một lán trại cho tôi. Người đàn ông biết tiếng Hán cố diễn đạt cho tôi hiểu rằng nơi này có liên quan đến triều đại nhà Hán. Nhưng vì tiếng Hán của người đó không được trôi chảy, phải bổ sung bằng rất nhiều dấu hiệu tay chân, tôi mới hiểu sơ sơ. Ông ta cho tôi biết, thành trì này do một người Hán xây dựng lên, đó là một vị dũng tướng, với tài thao lược xuất quỷ nhập thần. Người Hán ư? Dũng tướng ư?

Liệu có phải là thành Taqian do tướng quân Ban Siêu dựng lên không? Tahan­qi và Taqian có âm đọc rất giống nhau. Có lẽ do người Ba Tư phát âm không chuẩn.

Tim tôi đập mạnh. Thành Taqian thuộc Khâu Từ, vốn là nơi Ban Siêu đóng quân khi nhậm chức đô đốc Tây vực, ở thời hiện đại, vị trí chính xác của nơi này vẫn còn là một bí ẩn.

Nếu nói như vậy, bí ẩn này, giờ đây đã được giải đáp rồi ư?

Năm 73 sau Công nguyên, Ban Siêu theo đô úy Đậu Cố tấn công giặc Hung Nô phía bắc, công việc của ông chỉ là văn thư. Ông dẫn theo đoàn sứ giả gồm ba mươi sáu người đến Shan­shan, từ đây cuộc đời chinh chiến của ông tại Tây vực đã mở trang sử đầu tiên.

Năm 81 sau Công nguyên, ông thống lĩnh một đạo quân khoảng hai mươi lăm nghìn người tập hợp từ các nước chư hầu phía nam Tây vực tấn công Yark­land (nay là huyện Yark­land thuộc Tân Cương). Vua Khâu Từ điều quân cứu viện Yark­land, trúng kế của Ban Siêu, thất bại thảm hại và phải bỏ chạy. Yark­land quy thuộc nhà Hán, con đường tơ lụa được khai thông về phía nam.

Năm 90 sau Công nguyên, nước Yuezhi (nay là các vùng đất thuộc Ấn Độ, Pak­istan, Afghanistan) cử một đội quân gồm bảy mươi nghìn người tấn công Su­laq (nay là Kash­gar thuộc Tân Cương). Ban Siêu nhận thấy đội quân vượt ngàn dặm xa xôi ấy đã sức cùng lực kiệt, nên cố thủ không đánh. Đến khi lương thực cạn kiệt, quân Yuezhi phải chạy đến Khâu Từ xin cứu viện, trước đó Ban Siêu đã cho quân mai phục, nên đã tiêu diệt toàn bộ đạo quân kia. Yuezhi đầu hàng, Ban Siêu cho phép tàn quân trở về quê hương, Yuezhi nối lại mối quan hệ hòa hảo với nhà Hán.

Năm 91 sau Công nguyên, Khâu Từ quy thuận nhà Hán, Ban Siêu được cử làm tướng quân cai quản Tây vực, lập đô hộ phủ tại Khâu Từ, phế bỏ ngôi vua của Vưu Lợi Đa do Hung Nô lập nên, nên đưa thân tín của nhà Hán (chỉ các vương tử do các nước chư hầu Tây vực cử đến triều đình nhà Hán làm con tin), Bạch Bá lên làm vua Khâu Từ. Lịch sử cai trị Khâu Từ hơn tám trăm năm của dòng họ Bạch bắt đầu từ đó, cho đến khi bị người Ughur chiếm đóng.

Năm 94 sau Công nguyên, Ban Siêu dẫn theo bảy mươi vạn quân tập hợp từ tám nước trong đó có Khâu Từ và Shan­shan, chinh phạt tiểu quốc Yan­qi ngỗ ngược, bắt trói quốc vương nước này, chém đầu thị uy trước thành trì của vị tướng cai quản Tây vực tiền nhiệm bị giết hại là Trần Mục. Sau đó lập thân tín của nhà Hán là Nguyên Mạnh lên làm vua Yan­qi. Từ đó hơn năm mươi quốc gia Tây vực đều quy thuận nhà Hán. Sau khi dẹp tan thế lực của Hung Nô, Ban Siêu dời đô hộ phủ đến thành Taqian. Từ đó, con đường tơ lụa được khai thông về phía bắc.

Năm 122 sau Công nguyên, vua Khâu Từ khi ấy là Bạch Anh còn đang băn khoăn không biết nên quy thuận hay đối kháng với nhà Hán, con trai Ban Siêu là Ban Dũng dùng lí lẽ thuyết phục, Bạch Anh đã cùng với hai nước khác là Gu­mo và Wen­su xin hàng Ban Dũng. Từ đó cho đến cuối đời Đông Hán, vương triều Khâu Từ luôn nằm dưới sự kiểm soát của nhà Hán.

Tôi nhìn ngắm những mảng tường hoang phế dưới bóng trăng, dấu tích của tháng năm đang kể lại câu chuyện hào hùng về cuộc đời lẫm liệt và những chiến công rung trời chuyển đất của hai cha con vị tướng quân anh hùng hai trăm năm mươi năm về trước. Thành quách nguy nga năm nào giờ đây chỉ còn là đống đổ nát, không người qua lại. Đến thế kỷ XXI, ngay cả đống đổ nát hoang tàn này cũng không lưu lại bất cứ dấu vết nào cả. Trong đêm vắng, lắng nghe tiếng rì rầm tụng kinh của những người Ba Tư theo đạo Hỏa giáo, quan sát họ quỳ lạy trang nghiêm bên đống lửa bập bùng, sự thần bí của tín ngưỡng lan trong không gi­an mênh mông, càng làm tăng thêm vẻ cô tịch, lạnh lẽo của chốn này.

Tôi đang ở vào thời kỳ Ngũ hồ thập lục quốc, Trung Nguyên đại loạn, các nước chư hầu đua nhau tranh bá, không ai màng tới Tây vực. Bởi vậy, đã từ lâu Khâu Từ không còn nghe hiệu lệnh của vương triều Trung Nguyên, Bạch Thuần câu kết với người Hồ ở Trung Á, mưu đồ xưng bá Tây vực, gây bất bình trong các nước ở khu vực này. Phù Kiên đặt nhiệm vụ thống nhất lên hàng đầu, lại nhận được sự ủng hộ của vua Shan­shan và vua Chirsh, lệnh cho Lữ Quang chinh phạt Khâu Từ. Bạch Thuần dựa vào quân Hồ, quân số tổng cộng bảy mươi vạn, vậy mà vẫn không thắng nổi mười vạn quân của Lữ Quang. Bạch Thuần tháo chạy, em trai Bạch Chấn lên thay, Khâu Từ trở thành vùng đất trong bản đồ của nhà Tiền Tần. Và số mệnh của Ra­ji­va, cũng rẽ sang một hướng mới kể từ đó…

Chương 16: Gặp lại người xưa

Buổi sáng hôm sau, chúng tôi tiếp tục lên đường. Ông trời chứng giám, tôi muốn được ở lại khảo sát thành cổ Taqian đã biến mất hoàn toàn vào thế kỷ XXI này đến nhường nào. Nhưng sau khi suy tính kỹ lưỡng, tôi vẫn quyết định cùng những người Ba Tư kia lên đường. Có hai lí do, một là đoàn thương nhân ấy đã vì tôi mà phải quay lại Khâu Từ, tôi không thể kéo dài thời gi­an của họ thêm nữa. Hai là, vì an toàn của bản thân, tôi không thể không đi tiếp, ai mà biết có hay không một toán cướp thứ hai. Thôi, hãy cứ đến Khâu Từ trước đã, rồi quay lại sau vậy, dù sao khoảng cách từ Khâu Từ đến nơi này cũng không quá xa. Bởi vậy, sớm tinh mơ tôi đã trở dậy và đi một vòng quanh thành cổ, thực hiện công việc đo đạc cơ bản nhất, sau đó đánh dấu vị trí lên bản đồ, để tiện cho việc tìm kiếm sau này.

Lúc lên đường, tôi vẫn lưu luyến dõi theo bóng thành cổ Taqian ngày một xa dần cho đến khi chỉ còn là một chấm nhỏ và mất hút trong không gi­an. Nhưng bù lại, trên đường đi, tôi được chiêm ngưỡng rất nhiều địa danh khiến tôi phải kinh ngạc. Tôi phát hiện ra một di tích quan ải đời nhà Hán, nơi đây vẫn còn lưu lại những vết tích của khói lửa chiến tranh. Tranh thủ giờ nghỉ trưa, tôi xăm xắn chạy đến đo đạc, kiểm tra, tôi còn tìm thấy rất nhiều mảnh sành mảnh sứ và cả tiền đồng thời Hán nữa. Căn cứ vị trí địa lý, thì nơi đây có lẽ là cửa ải Wulei (Ô Lũy) thời Hán. Về sau, vào thời nhà Đường, ngay cạnh di chỉ này, phong hỏa dài và thành lũy phòng thủ đã được xây dựng, chung quanh còn có đồn điền và các trại lính, quy mô rất lớn. Công trình kiến trúc này vẫn tồn tại cho đến thế kỷ XXI.

Tôi cứ thế tất bật với công việc khảo sát suốt dọc đường đi. Ba ngày sau chúng tôi đã đến được Khâu Từ.

Nhận ra bức tường thành quen thuộc, tim tôi đập dữ dội, dường như cảm giác “về đến nhà” đang trào dâng mạnh mẽ trong tôi. Không biết Ra­ji­va có đang ở Khâu Từ không? Cậu ta bao nhiêu tuổi rồi? Có còn nhớ tôi không?

Chúng tôi vào thành từ cổng phía đông, họ đòi kiểm tra giấy tờ, tôi tròn xoe mắt! Đang nghĩ xem có nên viện cớ là người quen của quốc sư hay không thì người đàn ông Ba Tư biết tiếng Tochari đã kịp nhét một túi nhỏ vào tay tên lính giữ thành, thế là hắn vung tay ra hiệu cho phép cho chúng tôi qua.

Đây là thành cổ Khâu Từ mà tôi từng thông thuộc ư? Từ phố lớn đến ngõ nhỏ chỗ nào cũng được quét dọn sạch sẽ, tinh tươm. Dân chúng trong thành mặc những bộ trang phục đẹp nhất, kéo về cổng thành phía tây, ai nấy đều náo nức như đi trẩy hội. Tôi nhìn những người Ba Tư, họ nhún vai tỏ vẻ không hiểu. Đành phải chặn một người đi đường lại để hỏi xem họ đang đi đâu. Người đó thấy tôi mặc trang phục của người Hán, liền giải thích cho tôi biết hôm nay là ngày lễ rước tượng Phật (ngôn ngữ Phật giáo gọi là “Hành tượng”), lát nữa sẽ có xe hoa chở tượng Phật vào trong thành qua cửa phía tây, sau đó diễu hành qua khắp các đường phố để mọi người được chiêm ngưỡng.

Ngày lễ rước tượng Phật? Pháp Hiền và Huyền Trang từng viết rằng đây là lễ hội Phật giáo náo nhiệt nhất được tổ chức tại Ấn Độ và các quốc gia Tây vực.

Thấy tôi đang ngẩn ngơ suy nghĩ, người đó tưởng rằng người Hán không biết về ngày hội này, nên đã giải thích rất nhiệt tình cho tôi. Sau khi Phật tổ nhập Niết Bàn, Phật tử buồn vì không có duyên được thấy Phật, cho nên tổ chức ra ngày hội rước tượng Phật vào ngày Phật Đản để mọi người được chiêm bái và cầu nguyện, vào ngày này, những lời khẩn nguyện đặc biệt linh nghiệm. Nhưng ngày hội lớn như thế này lại không được lưu truyền ở Trung Nguyên. Tôi thật may mắn vì tới đây đúng lúc, không thể bỏ qua cơ hội được tận mắt chứng kiến ngày lễ Phật giáo trọng đại này được. Tôi nói lời từ biệt với đoàn thương nhân Ba Tư, họ mang theo bên mình bao nhiêu là hàng hóa, chắc chắn không thể đi cùng tôi. Người dẫn đầu đoàn thương nhân ấy muốn biếu tôi một khoản tiền, nhưng tôi một mực từ chối. Người đó bèn lấy ra một chuỗi hạt đeo tay bằng mã não trong suốt, lấp lánh rất đẹp, đặt vào tay tôi, tôi đành nhận lấy.

Sau khi chia tay đoàn người Ba Tư ấy, tôi hòa vào dòng người, đổ về cổng thành phía tây. Một khán đài được dựng tạm trên cổng thành, những tấm vải bạt to rộng màu vàng màu đỏ, được trang trí bằng vô số hoa tươi phủ lên trên. Khán giả trên khán đài là những người ăn mặc cầu kỳ, sang trọng và nổi bật, tuy không nhìn rõ, nhưng chắc chắn là hoàng tộc và quý tộc Khâu Từ. Tôi bị chen lấn, xô đẩy và dạt ra tận ngoài cổng thành đến vài chục bước. Nhưng sau cùng cũng tìm được một khoảng trống để đặt đủ hai chân, nhưng tôi chỉ có thể kiễng lên mà nhìn vào phía trong. Thảm đỏ được trải dài trăm mét, chạy thẳng đến cổng chính phía tây. Lúc này, biển người đột nhiên di động, tôi đưa mắt nhìn theo ra ngoài cổng thành, vẫn trong tư thế kiễng chân, tôi thấy hai chiếc xe bốn bánh khổ lớn, giống hệt nhau, cao khoảng bốn, năm mét, trang trí lộng lẫy, nguy nga như một cung điện nhỏ, phủ lên trên một tấm phông màu vàng. Tôi từng nhìn thấy những cỗ xe rước tượng Phật như vậy ở quảng trường lớn trước đây, cạnh tượng Phật tổ còn có hai bức tượng Bồ Tát khổ nhỏ nữa. Tượng Phật được đúc bằng vàng, trên mình khoác áo cà sa màu vàng với những họa tiết phức tạp và đeo đủ loại trang sức vàng bạc, châu báu.

Những cỗ xe chầm chậm tiến vào cổng thành phía tây, rồi dừng lại trước thảm đỏ. Đức vua Khâu Từ từ khán đài bước xuống, tháo vương miện, cởi giày, chân trần bước trên thảm đỏ, hai tay nâng cao quá đầu một nén nhang dài, cung kính hướng về phía tượng Phật. Đức vua nom đã luống tuổi, thân thể nặng nề hơn xưa. Bỗng, tôi như bị thôi miên, người đang đứng trang nghiêm phía sau Bạch Thuần ấy, người khoác áo cà sa dát kim tuyến, khí khái bất phàm ấy chính là Ra­ji­va, đúng rồi, là cậu ấy!

Giống như trong phim, mọi thứ xung quanh trở nên mờ ảo, âm thành ồn ào huyên náo biến mất, trước mắt tôi chỉ có hình ảnh Ra­ji­va là sống động và duy nhất.

Cậu ấy đã trưởng thành, tuổi chừng hơn hai mươi, đẹp như một bức tượng điêu khắc Hy Lạp với sống mũi cao vời vợi, đôi mắt sáng mênh mông, hàng lông mày dài mượt và dày đậm, đôi đồng tử màu xám nhạt khi nhìn lên, tưởng chừng có thể thấu suốt mọi thứ trên thế gi­an này. Làn môi mỏng khép chặt, đường môi sống động như vẽ ấy, thật dễ làm say lòng người. Cậu ta trông rất cao, chắc chắn hơn một mét tám mươi. Cơ thể đã săn chắc hơn nhiều so với độ tuổi mười ba, mặc dù vẫn gầy guộc, nhưng vóc dáng rất cân đối. Khuôn mặt dài thanh tú, chiếc cằm nhọn và chiếc cổ thiên nga quyến rũ, đường nét nào cũng hấp dẫn, cũng hút hồn. Và còn khí chất thoát tục toát lên từ vẻ đạo mạo, nghiêm cẩn ấy nữa, giữa đám đông thế tục ô hợp, càng trở nên nổi bật, khiến người khác không khỏi ngưỡng vọng.

Ra­ji­va ơi Ra­ji­va, sao cậu lại trở nên khôi ngô, tuấn tú, sáng láng đến vậy? Cứ ngắm cậu thế này, trở về thế kỷ XXI, làm sao tôi để ý đến những người đàn ông khác được nữa?

Bạch Thuần quỳ xuống trước tượng Phật tổ, thị nữ bưng đến một chậu hoa rực rỡ sắc màu, nhà vua cắm nén nhang lên hương án phía trước tượng Phật, rồi rắc hoa tươi lên mình tượng. Đám đông reo hò vang dội. Lúc này, hoàng hậu cùng đám phụ nữ quý tộc cũng đứng trên thành lầu rắc hoa tươi xuống dưới cổng thành. Tiếng trống, tiếng nhạc bắt đầu được tấu lên, đoàn xe chầm chậm lăn bánh men theo thảm đỏ, tiến vào nội thành. Bạch Thuần và một vài người khác dẫn đầu đoàn rước. Ra­ji­va cũng đi cùng. Tôi hốt hoảng hét to:

- Ra­ji­va, Ra­ji­va, tôi đây, tôi ở đây. Tôi về rồi!

Đám đông xô nhau về phía cổng thành, tôi bị ép sát không thở nổi, cảm giác như toàn thân mình đang bị đẩy đi, chân không hề chạm đất. Ra­ji­va đột ngột quay đầu lại, dường như đang dõi về phía tôi. Tôi muốn gọi cậu ấy, nhưng những người phía sau chen lên, đẩy tôi ngã sóng soài. Khi tôi luống cuống đứng dậy thì cậu ta đã đi xa mất rồi. Nhìn theo bóng dáng mảnh khảnh ấy đang khuất dần về phía nội thành, tôi cười buồn. Có lẽ cậu ta không nghe thấy tiếng tôi gọi, giữa biết bao thanh âm hỗn tạp như vậy, làm sao mà nghe thấy được. Lúc này tôi mới cảm thấy vết trầy xước bỏng rát trong lòng bàn tay và trên khuỷu tay. Quần áo mùa hè mỏng manh, chẳng có tác dụng gì!

Tôi thơ thẩn đi theo đoàn xe vào thành phố, mỗi khi đến trước cổng đền chùa hay cung điện, đoàn xe đều dừng lại. Sau đó sẽ có những chàng trai và cô gái mặc đồ lụa rất đẹp, tay xoay tròn khay gỗ và nhảy múa. Vạt áo, thắt lưng trên người họ theo gió tung bay, trong tiếng nhạc rộn ràng và với những động tác thuần thục khéo léo họ vừa nhảy múa vừa rắc hoa tươi đựng trong khay gỗ lên tượng Phật. Khán giả xung quanh vỗ tay rầm rầm tán thưởng. Tiếp đến là một thiếu nữ dáng vẻ yêu kiều, mặc một chiếc váy voan mỏng mềm mại, hai tay nâng ột chiếc bát bằng vàng, chân trần nhảy múa, động tác uyển chuyển điêu luyện, miệng tươi như hoa, chốc chốc lại nhấc cao chân trái lên, hai tay nâng chiếc bát vàng qua đầu. Điệu múa này đã được phác họa sinh động trên những bức bích họa ở Đôn Hoàng và Kizil.

Tôi hỏi chuyện một cụ già đứng bên cạnh. Cụ cho tôi biết, hai vũ điệu này gọi là múa đĩa (Bàn vũ) và múa bát (Uyển vũ). Múa đĩa, là điệu múa rắc hoa lên tượng Phật và người đi đường, tượng trưng cho sự ca ngợi và tôn kính đối với Phật tổ. Múa bát là điệu múa bắt nguồn từ câu chuyện Phật tổ trong sáu năm tu khổ hạnh, ngài muốn khắc chế bản thân, nên đã áp dụng phương thức hành xác trong mọi sinh hoạt ăn ở và đi lại. Thế nhưng, đến lúc lả đi vì kiệt sức, ngài vẫn không thể đắc đạo. Sau cùng, ngài đến ngồi thiền dưới gốc bồ đề và đã giác ngộ, rồi ngài sáng lập ra Phật giáo. Sau khi ngộ đạo, Phật tổ ra sông tắm gội, ngài được một cô gái trẻ cúng dường một bát cháo. Điệu múa này chính là điệu múa mô phỏng câu chuyện cô gái trẻ kia cúng cháo cho Đức Phật.

Vũ điệu và âm nhạc đều rất cuốn hút, nhất là với một người đến từ thế kỷ XXI như tôi, nhưng không làm nguôi ngoai những ngổn ngang trong lòng tôi. Đôi mắt tôi cứ bất giác len qua những vũ điệu, len qua tượng Phật, len qua đám đông ồn ào, để kiếm tìm bóng dáng khổ hạnh, thoát tục ấy…

Mỗi lần tưởng như nhìn thấy người đó rồi, tôi chạy vượt lên tìm kiếm, chợt sững lại, hóa ra chỉ là ảo giác. Chỉ là ảo giác thôi ư? Chợt nhớ đến câu thơ:

Giật mình tôi ngoảnh lại

Bỗng thấy Người đứng đó,

Bên tàn lửa lung linh.

Tôi hít một hơi thật sâu, thử quay đầu lại, không có ai. Dụi mắt, nhìn quanh, vẫn không ai cả.

Trời tối dần, trên phố vẫn rộn ràng lời ca tiếng hát, đã đến lúc phải lo tìm chỗ ở. Tôi tách ra khỏi đám đông, hỏi thăm vài nhà trọ, đều được thông báo là đã hết phòng. Hay là đến phủ quốc sư? Nhưng bộ dạng của tôi thế này, chắc sẽ khiến họ sợ hãi. Không phải trông tôi dữ dằn hung ác đâu bạn ạ, thực ra dung mạo của tôi cũng không đến nỗi nào, đảm bảo không làm khán giả phải thất vọng. Tôi từng được phong danh hiệu hoa khôi của lớp nghiên cứu sinh khoa lịch sử, tất nhiên, lớp học của tôi nam nhiều hơn nữ. Nhưng nếu bạn nhìn thấy một người mà sau gần mười năm hoặc hơn mười năm (tôi vẫn chưa biết thời gi­an ở đây đã trôi qua bao nhiêu năm rồi) dung mạo không hề thay đổi, phản ứng của bạn sẽ thế nào?

Đang do dự không biết phải làm sao thì tôi gặp được cứu tinh, chính là những thương nhân người Ba Tư ấy. Họ đưa tôi đến giáo đường Hỏa giáo của họ, phía sau khu giáo đừng có các căn phòng dành riêng cho những người Ba Tư khi đi qua nơi này trọ lại, có nét gì đó giống với các hội quán ở Thiểm Tây, Ôn Châu. Tôi đã ở lại đây trong đêm đầu tiên trở lại Khâu Từ.

## 9. Chương 17 - 18

Chương 17: Nàng đã về

Ngày hôm sau, đoàn thương nhân Ba Tư lên đường đi Trường An, tôi không phải người Ba Tư, cũng không phải tín đồ Hỏa giáo, tôi không thể ăn nhờ ở đậu ở đây mãi được. Vậy nên dự định của tôi là đi dạo phố, nhân tiện tìm nhà trọ.

Trên phố vẫn đông nghịt người, họ lại đổ xô về cổng thành phía tây, dường như tôi nghe thấy họ nhắc đến tên Ku­mara­ji­va. Tôi chặn đường một người đàn ông đứng tuổi để hỏi thăm, người đó bảo rằng, hôm nay ở quảng trường lớn có buổi giảng kinh của Pháp sư nức tiếng gần xa Ku­mara­ji­va, đây là dịp hiếm có, phải mau đến đó giành lấy chỗ ngồi.

Những lời tiếp theo không biết tôi có nghe lọt tai chữ nào không, chỉ biết rằng tôi gật đầu đáp lại trong vô thức và đôi chân cứ thế trôi đi theo hướng người đó chỉ.

Tôi lại đến quảng trường lớn “năm năm một lần đại hội”. Hai pho tượng Phật cao bốn đến năm mét được đưa đi diễu hành ngày hôm qua chắc hẳn đang tọa lạc trong một ngôi chùa hoặc ngôi đền nào đó.

Tiếng nói cười ồn ào, náo nhiệt, mọi người ngồi luôn xuống đất. Trên bục cao có một ngai sư tử bằng vàng lóng lánh, lót đệm nhung thêu kim tuyến, dưới ánh nắng chói chang, những sợi kim tuyến lấp lánh chói mắt. Tôi đến muộn, nên phải ngồi mãi phía sau. Tôi để ý thấy trong đám đông, nữ giới nhiều hơn nam giới, cô nào cô nấy má đỏ hây hây, đang cố sức rướn mình thật cao, dõi mắt tìm kiếm trên khán đài. Ồ, thì ra, chàng đẹp trai đi đến đâu cũng thu hút sự chú ý, kể cả khi anh ta là một hòa thượng. Nếu hôm nay không phải Ra­ji­va, mà là một lão hòa thượng hom hem, liệu có thu hút được đông khán thính giả nữ như thế này không? Chợt nhớ có lần đã từng thảo luận với Ra­ji­va về câu nói của Khổng Tử: “Ngô vị kiến hiếu đức như háo sắc giả dã”, bất giác mỉm cười. Khổng tiên sinh quả nhiên không gạt ta!

Đám đông xao động, các thiếu nữ đua nhau vươn cổ ngó nghiêng. Tôi cũng hồi hộp dõi mắt về phía bục cao. Có người bước lên! Nhưng không phải Ra­ji­va, mà là đức vua Bạch Thuần cùng đám quý tộc, họ xếp thành một vòng tròn. Sau đó, Ra­ji­va xuất hiện! Vẫn khoác trên mình chiếc áo cà sa dát kim tuyến, thần thái an nhiên, tự tại, từng bước tiến về phía ngai sư tử đặt ở chính giữa. Bạch Thuần quỳ trước ngai sư tử, hai tay đưa lên làm thành tư thế đỡ. Ra­ji­va khẽ chạm một chân lên bàn tay Bạch Thuần, chân còn lại đặt lên vai đức vua, làm đà rướn mình bước lên và ngồi vào ngai sư tử. Đám đông sững sờ! Có lẽ không chỉ tôi, mà ngay cả người dân Khâu Từ cũng chưa bao giờ được chứng kiến một nghi lễ trang trọng đến thế. Trong truyện kể về Ra­ji­va có đoạn viết: “Vua Khâu Từ sai người đúc ngai sư tử vàng, lót đệm nhung của Đại Tần lên trên. Chiếc ngai nguy nga đó dành cho Ra­ji­va ngồi khi giảng kinh”. Hôm nay được tận mắt chứng kiến, mới biết sử sách ghi chép không sai chút nào.

Sau khi Ra­ji­va yên vị, Bạch Thuần cùng đám quý tộc khoanh chân ngồi lên tấm thảm trải phía dưới ngai sư tử. Ra­ji­va cất tiếng, cậu sử dụng ngôn ngữ Tochari. Có lẽ vì đây là buổi giảng kinh cho dân thường và mức độ phổ cập của tiếng Phạn thì không cao. Giọng nói của Ra­ji­va không còn âm điệu hồn nhiên của tuổi mười ba, thay vào đó là vẻ chững chạc của tuổi trưởng thành. Đó là chất giọng trầm ấm, truyền cảm, khoan thai, rất cuốn hút, có thể chạm đến từng sợi dây thần kinh của người nghe và khiến chúng được thư thái hoàn toàn. Lời mở đầu ngắn gọn, khúc chiết, ngay lập tức chiếm được cảm tình của khán thính giả. Kỹ năng diễn thuyết của Ra­ji­va đã tiến bộ vượt bậc, chắc rằng những năm qua, cậu đã tham gia rất nhiều buổi giảng kinh như thế này.

Sau đó, Ra­ji­va bắt đầu thuyết pháp. Đó là sự tích Phật tổ lưu trú tại vườn Kỳ Viên, nước Xá Vệ (Sa­vatthi, một vương quốc cổ đại ở miền Trung Ấn Độ). Khu vườn do thái tử Kỳ Đà (Je­ta) và nhà từ thiện Tu Đạt Đa (Su­dat­ta, biệt hiệu Cấp Cô Độc) quyên tặng làm tịnh xá cho Phật tổ và một nghìn hai trăm năm mươi vị Đại Tỷ khâu (Bhik­su). Một ngày nọ, như thường lệ, vào giờ trưa, Đức Phật khoác áo cà sa, tay cầm bát sành, vào thành Xá Vệ khất thực. Ngài đến từng nhà xin bố thí, không phân biệt giàu nghèo. Sau đó quay về vườn Kỳ Viên, Ngài ăn uống, rồi thu dọn đồ đạc, rửa chân và ngồi tọa thiền. Lúc này, trưởng lão Tu Bồ Đề (Sub­huti, pháp hiệu “Giải không đệ nhất”, là một trong mười đại đệ tử của Phật tổ) mới đứng lên, vai trần bên phải, chân phải quỳ dưới đất, hai tay chắp lại, bắt đầu thỉnh giáo Phật tổ về Phật pháp.

Sau đó, tôi thấy ù tai, chóng mặt. Phần đầu là truyện kể nên tôi có thể nghe hiểu không khó khăn gì dựa vào vốn từ vựng Tochari sẵn có trước đó, kết hợp với những kiến thức về Phật học và tài liệu liên quan đến Ra­ji­va mà tôi đã kịp trau dồi sau khi trở về thế kỷ XXI. Nhưng tiếp theo lại là những giáo lý Phật giáo uyên thâm. Mặc dù Ra­ji­va thuyết giảng với tốc độ vừa phải, từng câu từng chữ rõ ràng, khúc chiết, nhưng phần lớn vẫn là những từ ngữ mà tôi chưa được học, nên tôi nghe không hiểu mô tê gì. Cảm giác lúc này hệt như khi tham dự buổi giảng kinh đầu tiên của Ra­ji­va ở Wen­su, ký ức sống động như vừa diễn ra hôm qua. Thực ra, mọi thứ liên quan đến Ra­ji­va đều rất sống động, mới mẻ vì với tôi, đó là những hình ảnh của chưa đầy một năm về trước.

Ra­ji­va khoát tay, một chuỗi tràng hạt lộ ra trên cánh tay trái. Có phải tôi nhìn nhầm không? Vì sao trực giác cho tôi hay, đó chính là món quà tết tôi đã tặng cậu ta trước lúc rời khỏi Khâu Từ? Tôi chăm chú quan sát người ngồi trên chiếc ngai sư tử ấy, tuy ở khoảng cách khá xa, nhưng vẫn thấy rõ nét an nhiên, tự tại đặc trưng trên gương mặt. Bất giác, buông tiếng thở dài.

Ra­ji­va, mấy ngày qua, tôi cứ mê man chạy đuổi theo cậu, nhưng không có cách nào lại gần cậu được. Lẽ nào tôi cũng chỉ có thể giống như những cô gái với đôi mắt mang hình trái tim kia, ngắm nhìn cậu từ phía xa? Cậu cứ thuyết giảng đi, lần này tôi hứa không trốn về nữa, nhưng liệu cậu có nhìn thấy tôi không?

Buổi thuyết pháp kéo dài mấy giờ đồng hồ và Ra­ji­va không cầm bất cứ tài liệu gì trên tay, thậm chí, trong suốt thời gi­an giảng kinh, cậu ấy còn chẳng hắng giọng lấy một tiếng. Hồi ở Wen­su, cậu ấy thuyết giảng liên tục bảy bảy bốn mươi chín ngày, tuy tôi chỉ ngồi nghe nửa ngày, nhưng có thể khẳng định chắc chắn rằng, cậu ấy không bao giờ cần đến tài liệu. Vẫn biết Ra­ji­va thông minh tuyệt đỉnh, chỉ cần đọc qua là nhớ, nhưng không thể không bày tỏ sự thán phục đối với cậu ấy. Còn về phần mình, mặc dù rất đau khổ, nhưng xin thú thật là tôi chỉ hiểu được khoảng hai mươi phần trăm nội dung bài giảng và đưa ra kết luận như thế này: Ra­ji­va vừa thuyết giảng về ý nghĩa của khái niệm “không” trong giáo lý Đại Thừa và những kinh văn mà cậu ấy vừa đọc chính là một trong những tác phẩm dịch thuật nổi tiếng sau này của cậu ấy: “Kim cương bát nhã ba la mật kinh”, thường được gọi là “Kinh kim cương”.

Tuy không thuộc trọn bộ “Kinh kim cương”, nhưng sau khi trở về thế kỷ XXI, tôi đã dành nhiều thời gi­an để tìm đọc cuốn kinh có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với Ra­ji­va này. Toàn văn bản dịch “Kinh kim cương” của Ra­ji­va không dài, chưa đến năm nghìn chữ, là cuốn kinh văn ghi lại nội dung những câu hỏi đáp giữa Phật tổ và đại đệ tử Tu Bồ Đề (Sub­huti). Khái niệm “không” trong Phật giáo vốn rất khó lý giải bằng ngôn từ, bởi vậy, trong cuốn “Kinh kim cương” có rất nhiều câu chữ đậm màu sắc huyền hoặc, uyên thâm của đạo Phật, cố gắng luận giải những giáo lý vốn dĩ không thể diễn đạt bằng lời. Bộ kinh thư này có tất cả sáu phiên bản, cả Ra­ji­va và Huyền Trang đều từng dịch sang tiếng Hán. Bản dịch của Ra­ji­va được giới Phật giáo gọi là bản cũ, bản dịch của Huyền Trang gọi là bản mới. Nhưng bản dịch tuân thủ gần như tuyệt đối nguyên văn tiếng Phạn của Huyền Trang rất ít người nhớ đến. Trong khi bản dịch nghiêng về phương pháp dịch thoát ý của Ra­ji­va lại được lưu truyền rộng rãi suốt 1650 năm.

Trong bản dịch “Kinh kim cương” của Ra­ji­va, tôi thích nhất đoạn này:

Nhất thiết hữu vi pháp

Như mộng, huyễn, bào, ảnh

Như lộ diệc như điện

Ưng tác như thị quán

 (Tất cả các pháp hữu vi

Như bóng, bọt nước có gì khác đâu

Như sương, như điện lóe mau

Hãy xem như giấc chiêm bao mơ màng)[8]

Những câu kinh súc tích, chau chuốt, đậm chất thơ trích từ “Kinh kim cương” ấy đã toát lên tư tưởng chủ đạo của Phật giáo Đại Thừa khi nhìn nhận cõi đời như một giấc mơ, như một cơn gió thoảng, như giọt sương rơi trên chiếc lá, thường được gọi là bài kệ Lục Như. Đọc những bản dịch như thế này mới hiểu được vì sao tác phẩm dịch thuật của Ra­ji­va lại có sức sống lâu bền với thời gi­an như vậy.

Ra­ji­va thuyết giảng triết lý “không” trước quần chúng, điều này chứng tỏ cậu ấy đã thay đổi tông phái từ Tiểu Thừa sang Đại Thừa, đang ra sức truyền bá giáo lý Đại Thừa, bất chấp sự phản kháng mạnh mẽ từ các thế lực Phật giáo Tiểu Thừa ở Khâu Từ. Vậy là, hơn mười năm dưới sự nỗ lực không ngừng của Ra­ji­va, người dân Khâu Từ đã tin theo và sùng bái Phật giáo Đại Thừa. Nhưng, Ra­ji­va đâu biết rằng, sau khi cậu rời khỏi Khâu Từ và không bao giờ trở lại, tông phái Đại Thừa mà cậu mất bao công sức và tâm sức gây dựng nên đã nhanh chóng suy yếu và Phật giáo Tiểu Thừa lại được dịp phát triển rầm rộ, cho đến khi Khâu Từ bị người Ughur đồng hóa và cưỡng chế theo tín ngưỡng Hồi giáo của họ. Phật giáo Đại Thừa ở Khâu Từ chỉ tồn tại và hưng thịnh nhờ có Ra­ji­va, điều đó, quả thực, chẳng khác nào hoa phù dung kia sớm nở tối tàn!

Buổi giảng kinh đã kết thúc, nhưng tôi chưa vội ra về, mà rảo bước sang mạn tây bắc của quảng trường lớn. Dòng sông nhỏ đóng băng ngày ấy giờ đây đang chảy xiết, một cây cầu bắc qua sông. Ngôi chùa “kỳ lạ” vẫn trầm mặc tọa lạc bên kia sông, mái chùa lấp lánh ánh vàng, xem ra, chùa đã được tu sửa ngày càng khang trang hơn. Nhớ lại khoảnh khắc run rẩy nhón bước trên mặt băng, tay nắm chặt bàn tay ấm áp của Ra­ji­va, bất giác mỉm cười. Đó là lần đầu tiên tôi bị hoa mắt vì “quáng tuyết” (cường độ ánh sáng mãnh liệt phản chiếu lên mặt băng tuyết, kích thích và làm ắt bị đau, thậm chí bị mù). Tôi nhắm mắt lại, hồi tưởng về nỗi sợ hãi khi đó.

- Ra­ji­va, sao tôi không thấy cậu?

- Đừng sợ, cứ nhắm mắt lại, một lát nữa là không sao.

- Ra­ji­va, tôi sẽ không bị mù chứ?

- Không đâu.

- Nếu tôi bị mù thì phải làm sao?

- Không đâu.

- Cô đã trở lại!

Hả? Câu cuối cùng hình như không nằm trong kho trí nhớ của tôi thì phải? Tôi mở mắt, quay đầu lại. Định thần, rồi hai mắt cứ thế mở to ra, to nữa, thêm nữa, lớn đến mức trong tầm mắt chỉ tồn tại duy nhất dáng vẻ thảnh thơi, an nhiên của cậu ấy…

Mười năm không gặp, sao vẫn ngây ngô như vậy?

Phải rồi, cậu ta từng nói, nếu không có vẻ mặt ngây ngô ấy, tôi sẽ thông minh hơn rất nhiều. Trời ơi, những kỉ niệm mà tôi ngỡ vừa mới hôm qua, vậy mà đã là mười năm thời gi­an đối với Ra­ji­va. Sống mũi tôi bỗng cay cay.

- Sao thế? Không nhận ra tôi à?

Cánh tay phải chìa ra, sắp chạm đến vai tôi, lại đột ngột vẽ một đường vòng ngượng ngập, rồi thu về. Ánh mắt ban đầu nhìn tôi chăm chú, bỗng chớp chớp đôi ba lần, khẽ cúi đầu, hàng mi chùng lại. Nhưng cánh tay lại đột ngột vươn ra nắm lấy tay phải của tôi:

- Sao thế này?

Theo ánh mắt của Ra­ji­va tôi nhìn xuống lòng bàn tay mình. Cú ngã hôm qua, khiến lòng bàn tay và khuỷu tay tôi rách toác, nhưng tôi đã giấu kỹ trong tay áo, nên nhìn bên ngoài không thể phát hiện ra. Cho đến tận tối hôm qua, khi tôi vào nghỉ trọ trong giáo đường của người Ba Tư, mới xắn tay áo lên xử lý sơ qua vết thương. Lúc này, vết rách đang tím lại và sưng lên. Thời cổ đại không có thuốc chống viêm, mắc bệnh uốn ván cũng có thể mất mạng như chơi. Nếu không chữa khỏi, tôi chỉ còn cách trở về thế kỷ XXI…

Đang mải nghĩ, chợt cảm thấy mình bị lôi đi.

- Đi đâu vậy?

Bàn tay Ra­ji­va vẫn ấm áp và trơn ướt như xưa.

- Đi khám bệnh.

Ra­ji­va ngước nhìn lên bục cao, mọi người đều đã ra về, chỉ còn lại vài hòa thượng đang quét dọn.

- Đức vua đã hồi cung, hãy vào cung cùng tôi.

- Cậu…

Tôi ngập ngừng:

- Cậu không thắc mắc vì sao tôi không hề thay đổi ư?

Cậu ta không hỏi gì khiến tôi cảm thấy rất bứt rứt, nhưng nếu cậu ta hỏi đến, tôi phải giải thích sao đây?

Sau mười năm, Ra­ji­va đã trở thành một chàng trai khôi ngô, tuấn tú, còn tôi, chẳng thay đổi gì cả. Vậy là cậu ta đã “bắt kịp” tôi, cũng hai mươi tư tuổi. Chàng thanh niên bằng tuổi tôi ấy đang nắm tay tôi kéo đi, cẩn trọng để không chạm vào vết thương của tôi. Nhưng Ra­ji­va là hòa thượng và ở phía đó còn có những người khác…

Cảm thấy tôi đột nhiên dừng bước, Ra­ji­va quay đầu, nhận ra tôi chú ý đến bàn tay cậu ta đang nắm chặt tay mình. Ra­ji­va vội thả tay ra, gương mặt lại đỏ lên rộn ràng hệt như mười năm trước, mắt cụp xuống, khẽ nói:

- Pusyse­da bảo cô là tiên nữ…

Rồi lại ngước lên nhìn tôi, vẫn là đôi mắt trong sáng và thuần khiết ấy.

- Dù thế nào, cô trở về là tốt rồi…

Tôi nghe mà sống mũi cay cay, tôi ốm mất!

Chúng tôi không vào cung tìm ngự y nữa, tôi sợ chạm mặt người quen. Ra­ji­va không xem tôi là quái nhân, nhưng biết đâu những người khác sẽ trói tôi lại rồi đưa lên giàn thiêu thì sao, tốt hơn hết là phải thận trọng! Tôi không nói với Ra­ji­va những lo lắng của mình, nhưng thấy tôi do dự, cậu ta hiểu ngay.

Tôi đeo chiếc ba lô North­face lên vai rồi trèo lên xe ngựa của Ra­ji­va, cậu ấy bảo sẽ đưa tôi đi tìm chỗ ở. Chiếc xe ngựa của Ra­ji­va bên ngoài trông rất giản dị nhưng bên trong khá là thoải mái, có đệm êm, ngựa tốt. Là một hòa thượng, Ra­ji­va không sở hữu tài sản cá nhân, nhưng cả đời cậu ấy đều không phải lo chuyện cơm ăn áo mặc và lúc nào cũng có người hầu kẻ hạ. Khi còn ở Kab­ul, chưa đầy mười tuổi mà Ra­ji­va đã nhận được sự đãi ngộ đặc biệt: “Mỗi ngày hai đôi ngỗng khô, ba đấu gạo, ba đấu bột mì, sáu cân bơ. Nơi ở có năm vị tăng trẻ, mười chú tiểu lo công việc và một số đệ tử khác lo quét dọn. Có thể thấy Ku­mara­ji­va đã được trọng vọng như thế nào”. Trong các bộ phim truyền hình mà tôi xem, các chú tiểu vất vả lắm cũng chỉ phải cầm chổi quét qua quét lại, Ra­ji­va, có lẽ cả đời cũng không phải động chân động tay vào mấy công việc lặt vặt này…

Xe ngựa rung lắc khá mạnh cắt ngang những suy nghĩ miên man của tôi, quay lại và nhìn sang phía đối diện, khuôn mặt Ra­ji­va không biết từ lúc nào đã lại đỏ lên như gấc chín

Tôi hắng giọng, đưa mắt đến chuỗi hạt trên tay cậu ta, màu sắc không còn như trước nữa, một số hạt đã có vết nứt.

- Cũ như vậy mà vẫn đeo sao?

Cậu ta cúi xuống, thu tay vào trong áo:

- Vẫn đeo, chưa muốn thay.

Tôi lôi trong ba lô ra chuỗi hạt mã não.

- Đeo cái này đi.

Ra­ji­va nhìn chuỗi hạt trong tay tôi, hơi ngạc nhiên. Chuỗi hạt đó rất đều và đẹp, sắc đỏ long lanh, trong suốt, chỉ nhìn cũng biết là món đồ quý giá. Một lúc sau, cậu ta mới đưa ta ra nhận lấy chuỗi hạt, nhưng không đeo vào tay, mà thận trọng đặt vào lòng mình.

Ánh mắt mơ màng ngước nhìn tôi. Tôi nghĩ, xe ngựa này xóc quá…

Chương 18: Đến chùa Cakra

Xe ngựa chạy mãi, tôi kéo rèm nhìn ra bên ngoài, vậy là chúng tôi đang đi về hướng bắc, bên đường, ruộng nương trải rộng mênh mông, chắc chắn đã ra khỏi thành Khâu Từ rất lâu rồi. Lạ quá, sao phải đi xa như vậy, không lẽ nhà trọ đó ở nông thôn?

- Chúng ta đến chùa Cakra.

Thấy tôi có vẻ suy tư, Ra­ji­va mỉm cười.

- Tôi là sư trụ trì ở chùa Cakra. Chùa cách kinh thành bốn mươi dặm, đường sá khá xa xôi.

Chùa Cakra ư? Là ngôi chùa mà Huyền Trang từng đến giảng kinh? Nơi có thành cổ Sub­ash mà tôi đã khảo sát nhiều ngày khi ở Kucha? Đúng rồi, Ra­ji­va từng trụ trì ngôi chùa đó, có điều không thấy văn bản hay tài liệu nào ghi chép năm tháng cụ thể, không ngờ lại vào khoảng thời gi­an khi cậu ấy còn trẻ như vậy.

- Chúng ta sẽ kịp giờ ăn tối.

Có lẽ thấy tôi ngơ ngác nhìn ra xung quanh, trông có vẻ khổ sở lắm, Ra­ji­va càng cười tươi hơn.

Định lên tiếng biện hộ, nhưng chạm phải nụ cười quyến rũ ấy, tôi chẳng còn nhớ mình muốn nói gì nữa, cứ mê mải ngắm nhìn. Nụ cười năm mười ba tuổi của cậu ta đã khiến người khác phải bối rối rồi, nụ cười tuổi hai mươi tư càng có sức cuốn hút mãnh liệt. Bất giác, tôi đưa tay lên che mắt, phải chặn ngay sức hấp dẫn khiến tôi cứ phải hồi hộp vô cớ ấy.

- Tay cô đang bị đau, đừng chạm vào.

Ra­ji­va ơi, cậu có biết ánh mắt và nụ cười ấy của cậu ở thế kỷ XXI người ta gọi là “phát tín hiệu” không hả? Tôi bỏ tay xuống, kìm chế bản thân để không nhìn vào đôi mắt hút hồn ấy nữa và nhanh chóng nghĩ cách chuyển chủ đề:

- Pusyse­da vẫn khỏe chứ?

Nhắc đến em trai, Ra­ji­va cười vui vẻ.

Đức Phật và nàng

- Cậu ấy hiện là đội trưởng đội cấm vệ quân, đức vua rất trọng dụng.

Tôi biết mà, từ nhỏ Pusyse­da đã thích học võ hơn học chữ, lúc nào cũng ham mê diễn kịch đánh đấm. Mỗi lần lên lớp, tôi đều phải giả làm quân lính, giả làm giặc cướp, chơi đùa với chú nhóc một lúc lâu, sau đó Pusyse­da mới chịu ngồi vào học bài. Nghĩ đến cậu nhóc ấy lại thấy buồn cười. Bây giờ đã là chàng trai hai mươi mốt tuổi rồi, không biết có còn nhớ tôi không, khi mà chúng tôi chỉ sống cùng nhau vẻn vẹn ba tháng.

- Cậu ấy kết hôn chưa?

Vẫn chưa. Pusyse­da suốt ngày rong chơi phong lưu, chưa thấy cậu ấy thật lòng với cô gái nào cả. Cha tôi thúc giục thì cậu ấy bảo nhất định sẽ cưới một cô gái độc nhất vô nhị trên đời này.

Ha ha, tiêu chuẩn cao gớm nhỉ! Cũng phải thôi, cậu ta xuất thân quyền quý, lại cao ráo đẹp trai nữa.

- Tôi muốn gặp cậu ấy. Nhưng không biết có làm cậu ấy hoảng sợ không.

Ra­ji­va bật cười, hình như nhớ đến điều gì đó.

- Không đâu, cậu ấy vẫn luôn nghĩ cô là tiên nữ và tin rằng, cô nhất định sẽ quay lại.

- Cậu giúp tôi sắp xếp được không?

Không biết tôi có nhận ra cậu nhóc ấy không nữa.

Ra­ji­va gật đầu, tôi cảm thấy nhẹ nhõm.

- Gặp được cậu, sau đó gặp cậu ấy nữa, thì tôi có thể yên tâm quay về rồi.

Khâu Từ vốn không có trong kế hoạch vượt thời gi­an lần này. Tôi cố ý đến đây chỉ để được nhìn thấy Ra­ji­va và nhân tiện tìm cách gặp Pusyse­da, sau đó sẽ đi khảo sát thành cổ Taqian, rồi đến Trường An. Tôi luôn luôn nhắc nhở bản thân, tôi đến đây để làm việc. Tôi chỉ có thể ở lại nhiều nhất là một năm. Mặc dù sau khi sử dụng Lithi­um, tính năng của đồng hồ vượt thời gi­an đã ổn định hơn trước rất nhiều, nhưng tuổi thọ của loại pin này cũng có giới hạn nhất định. Để đảm bảo còn đủ năng lượng khi quay về, tôi phải rời khỏi đây trong vòng một năm. Nếu không tôi sẽ phải lưu lại vĩnh viễn.

Ánh mắt Ra­ji­va thoáng vẻ ngỡ ngàng:

- Cô trở về Trung Nguyên ư? Hay… về trời?

Về trời ư? Tôi sững người.

- Cậu tin điều đó thật sao?

- Nếu không, vì sao một cô gái như cô lại một mình xuất hiện giữa sa mạc? Vì sao cô chưa từng đến Kab­ul lại nắm rõ kiến trúc chùa hang đá ở đó? Vì sao cô biết nguồn gốc chùa Masha ở Khotan? Vì sao kiến thức và sự hiểu biết của cô phong phú hơn bất cứ cô gái nào? Vì sao đột ngột cô biến mất không để lại dấu vết gì? Vì sao sau mười năm dung mạo của cô không hề thay đổi?

Hàng loạt câu hỏi “vì sao” khiến tôi bối rối. Cậu ta vốn rất giỏi hùng biện, tôi làm sao chống đỡ nổi. Nếu tiếp tục hỏi nữa, chắc tôi sẽ “khai” ra hết.

Nhìn vẻ mặt tội nghiệp của tôi, Ra­ji­va khẽ cười, đôi mắt long lanh.

- Thực ra, mười năm trước tôi đã cảm thấy rất lạ. Cô đột nhiên biến mất, mười năm sau trở lại, dung mạo không hề thay đổi. Điều này càng khiến tôi tin rằng, sự xuất hiện của cô là do Phật tổ an bài.

Tôi không biết phải nói sao, ánh mắt ấy khiến tôi vô cùng bối rối. Tôi gắng giữ bình tĩnh, chuyển đề tài:

- Cha cậu vẫn khỏe chứ?

Vẻ mặt Ra­ji­va bỗng trở nên u ám.

- Sức khỏe của cha giảm sút đi nhiều, có lẽ vì quá thương nhớ mẹ tôi.

Tôi nhớ rằng, về sau Ji­va đã rời Khâu Từ để đến Ấn Độ, nhưng các tài liệu không ghi chép thời gi­an cụ thể. Bây giờ, hẳn là bà đã ra đi rồi.

Tôi thinh lặng, Ku­marayana, con người nho nhã, đôn hậu ấy, con người “thông tuệ và đức hạnh” ấy chắc hẳn vẫn luôn tha thiết yêu vợ mình? Lẽ ra ông sẽ là người kế vị ở Ấn Độ (không rõ quốc gia của ông là tiểu quốc nào, vì khi đó, Ấn Độ phân tách thành rất nhiều quốc gia nhỏ), nhưng ông đã từ bỏ tất cả để xuất gia và tìm đường đến Khâu Từ học đạo. Có sách chép rằng Ku­marayana thành thân với Ji­va vì bà rất yêu ông, thậm chí đã ép ông phải cưới bà. Nhưng tôi nghĩ, một cao tăng “tâm vững như bàn thạch” như Ku­marayana nếu không có tình cảm sâu sắc với Ji­va, chắc chắn sẽ không chịu làm quốc sư Khâu Từ, rồi lưu lại nơi này. Ở Ấn Độ, ông có thể trở thành một tướng quốc kia mà! Nếu không vì người vợ xinh đẹp, nếu không vì những đứa con thông minh, chắc hẳn ông đã không can tâm với thân phận một kẻ tha hương. Vì vậy, khi Ji­va muốn xuất gia ông đã kiên quyết phản đối, chỉ đến khi bà một mực tuyệt thực, ông mới đành ngậm đắng nuốt cay chấp nhận. Giương mắt đứng nhìn người vợ đầu gối tay ấp của mình xuống tóc đi tu, từ nay gia đình hạnh phúc của ông không còn trọn vẹn nữa, chắc hẳn ông đã rất đau lòng. Bản thân ông là một tín đồ Phật giáo, lẽ ra ông phải vui mừng khi có người nguyện dành trọn đời phụng sự Đức Phật mới phải chứ? Nhưng vì sao khi tín đồ ấy là người ông yêu thương, ông lại chẳng thể nguôi ngoai?

Tôi vén rèm cửa nhìn ra bên ngoài, xe ngựa chạy rất nhanh, nhưng vì là cỗ xe tốt nên mức độ rung lắc không quá nghiêm trọng. Từng thửa ruộng đều tăm tắp trôi qua trước mắt, phía xa xa là dãy Thiên Sơn sừng sững tạc hình lên bầu trời xanh ngút ngát. Quay đầu lại, bắt gặp ánh mắt Ra­ji­va đang nhìn mình. Lại nhớ chuyện Ku­marayana không bằng lòng để vợ xuống tóc, nhưng lại đồng ý cho cậu con trai mới bảy tuổi của mình xuất gia. Có lẽ không chỉ vì cậu bé tuổi nhỏ cần có mẹ, mà còn vì Ku­marayana muốn Ra­ji­va ở bên Ji­va để chăm sóc bà.

Tôi đắm chìm trong những suy tư miên man không dứt, bánh xe vẫn đều đặn quay, mí mắt trùng xuống, nặng trịch. Mấy ngày rong ruổi trên đường khiến tôi thấm mệt. Chợt thấy vẳng bên tai một giọng nói khẽ khàng, ấm áp:

- Ngải Tình, nằm xuống chợp mắt đi.

Không kịp suy nghĩ thêm, tôi ngã đầu xuống, trước lúc thiếp đi chỉ nhớ mang máng là đã gối trên vật gì đó rất êm, sau đó ngủ say không biết trời đất gì.

Khi Ra­ji­va đánh thức tôi dậy thì trời đã về chiều, trước mặt tôi là quần thể kiến trúc nguy nga, đồ sộ chẳng khác nào một thành phố. Ra­ji­va lại đỏ mặt khi tôi mở mắt ra nhìn cậu ta, chắc là điệu bộ của tôi lúc ngủ khó coi lắm, nên cậu ta mới như vậy. Tôi thấy hơi xấu hổ, nhưng cảm giác ấy đã nhanh chóng biến mất ngay sau khi tôi xuống xe và nhìn thấy công trình kiến trúc trước mặt.

Đó là ngôi chùa nổi tiếng nhất trong lịch sử Khâu Từ - chùa Cakra, được xây dựng dưới thời Ngụy Tấn, cũng là ngôi chùa lớn nhất còn lưu lại ở Tây vực. Trong “Đại Đường Tây vực ký” Huyền Trang gọi đó là chùa Chiêu Hộ Li. Khi Huyền Trang đi Tây Trúc thỉnh kinh và có ghé qua chùa Chiêu Hộ Li, thì ngôi chùa này khi ấy đang vào gi­ai đoạn cực thịnh. Khuôn viên của chùa kéo dài đến tận vùng gò đồi và núi cao hai bên bờ phía đông và phía tây sông Tongchang. Ngài Huyền Trang đã ở lại chùa Cakra giảng kinh trong suốt hơn sáu mươi ngày và ngài đã để lại cho thế kỷ XXI rất nhiều tư liệu nghiên cứu quý giá về ngôi chùa này. Phía bắc chùa Cakra có một thôn làng nhỏ của người Duy Ngô Nhĩ (Uygur), nghe nói đó chính là nơi từng được gọi là “Nước con gái” (Nữ nhi quốc) trong tiểu thuyết “Tây du ký” nổi tiếng của Ngô Thừa Ân. Nhưng sự thật có phải vậy không thì vẫn chưa ai giải đáp được. Một số di chỉ thiền động với rất nhiều văn tự Khâu Từ và những bức bích họa đậm màu sắc Phật giáo nằm trên ngọn núi phía bắc chùa Cakra vẫn được bảo tồn đến ngày nay. Nghe nói, về sau, những pho tượng Phật trong chùa đã bị tín đồ Hồi giáo phá hủy, vì họ căm ghét việc sùng bái những thần linh có hình hài.

Chùa Cakra lấy sông Tongchang làm đường ranh giới tự nhiên phân tách ngôi chùa thành hai khu vực phía đông và phía tây. Người dân Kucha ngày nay gọi đó là thành cổ Sub­ash, là di chỉ quan trọng nhất ở Khâu Từ, bên cạnh Thiên Phật động Kizil. Ngày nay, muốn đến chùa Chiêu Hộ Li ở Kucha bạn phải nói là đến “thành cổ Sub­ash”, vì hầu hết những người không nghiên cứu sâu về lịch sử ở Kucha đều không biết chùa Chiêu Hộ Li là ngôi chùa nào. Tuy nhiên, trên thực tế, thành cổ Sub­ash chỉ là một thành phố nhỏ nằm ở đầu phía nam của khu chùa phía tây mà thôi. Là thành phố trực thuộc trong cả khối kiến trúc đồ sộ của ngôi chùa Cakra vĩ đại này. Sub­ash là nơi nghỉ trọ của khách thập phương khi đến chùa cúng bái. Trong nội thành Sub­ash, kiến trúc đền tháp chiếm đa số, đi đến đâu cũng thấy những tòa tháp, tháp lớn tháp bé, khiến người ta mỏi mắt ngắm nhìn.

Chúng tôi đang có mặt ở nội thành Sub­ash. Ra­ji­va đưa tôi đến một ngôi nhà nhỏ ở nơi khá hẻo lánh trong thành phố. Người mở cửa là một ông lão, tôi thấy ông rất quen, ông lão cũng nhìn tôi chăm chú. Tôi nhớ ra rồi, chính là ông cụ quản gia của phủ quốc sư, tên là Mava­su, là người theo hầu Ku­marayana từ Ấn Độ sang Khâu Từ. Mất một lúc lâu ông lão mới nhận ra tôi và đúng như tôi nghĩ, ông ngạc nhiên đến mức tay chỉ trỏ vào tôi hồi lâu mà không nói được câu nào. Ra­ji­va giải thích với ông cụ bằng tiếng Phạn. Ông cụ đã bình tĩnh trở lại, nhưng vẫn nhìn tôi bằng ánh mắt đầy thắc mắc khi đưa tôi vào nhà.

Khuôn viên ngôi nhà không rộng lắm, gồm ba gi­an, hai chái nhà ở hai bên. Và giống như mọi ngôi nhà khác ở Khâu Từ, trước sân có một giàn nho, hoa nở rực rỡ. Lúc này đang là mùa nho chín rộ, nên khắp không gi­an lan tỏa hương thơm ngọt ngào dìu dịu. Đồ đạc trong phòng rất giản dị: giường, tủ, bàn, ghế và không có bất cứ thứ đồ dư thừa nào khác. Cảm giác như nơi này không vướng chút bụi trần, thanh bần và thoáng đãng. Tài sản quý giá duy nhất là hai giá sách áp vào lưng tường. Chỉ thoáng nhìn đã thấy đầy đủ: sách tiếng Hán, tiếng Phạn, tiếng Tochari và một vài cuốn trong số đó nhìn rất quen.

- Đây là nơi tôi đọc sách.

Thấy tôi chú ý đến tủ sách, Ra­ji­va giải thích:

- Pusyse­da không ham đọc sách, nên cha đã tặng tôi toàn bộ số sách trong nhà.

- Cậu sống ở đây ư?

- Tôi ở trong chùa chứ! Nơi này chỉ là chốn thanh tĩnh để đọc sách thôi.

Khuôn mặt Ra­ji­va toát lên vẻ thư thái hiếm thấy.

- Cô cứ yên tâm ở lại đây, vợ chồng Mava­su sẽ chăm sóc cô.

Ra­ji­va bước ra ngoài, tôi tranh thủ sắp xếp đồ đạc. Một lát sau cậu ta quay lại, trên tay cầm chai rượu thuốc và một miếng vải bông sạch. Tôi muốn tự mình băng bó, nhưng khi rượu thuốc ngấm vào vết thương, tôi cắn răng chịu đau. Ra­ji­va ngồi bên cạnh quan sát, trách tôi tay chân vụng về, rồi cầm lấy tay tôi, nhẹ nhàng thấm rượu vào miếng bông tẩy trùng vết thương cho tôi. Thực ra vết rách trong tay không nghiêm trọng, nhưng khuỷu tay bị toác một miếng khá rộng và sâu. Tôi xắn tay áo lên, chìa vết thương đang sưng tấy, nhức buốt ra trước mặt cậu ta.

Ra­ji­va sững người khi nhìn thấy cánh tay trần của tôi. Quên cả việc băng bó, để mặc ánh mắt khó hiểu miệt mài du ngoạn trên cánh tay tôi. Tôi chợt nhận ra, trước mặt tôi lúc này không còn là cậu thiếu niên với thân hình mảnh khảnh và khuôn mặt hồn nhiên của tuổi mười ba nữa. Ra­ji­va của mười năm sau đã là một thanh niên trưởng thành, bằng tuổi tôi. Và vào thời cổ đại, một cô gái chìa cánh tay trần của mình ra trước một chàng trai là hành vi không ý nhị chút nào. Tôi buông tay áo xuống, nói rằng tôi sẽ tự mình băng bó.

Ra­ji­va đang yên lặng bỗng kéo tay tôi về phía mình, vén tay áo lên cao, thấm bông và lau vết thương cho tôi. Động tác của cậu ấy không nhẹ nhàng chút nào, nhưng vẻ mặt nghiêm trang của Ra­ji­va khiến tôi quên cả đau, chỉ biết len lén quan sát cậu ấy.

Dưới ngọn đèn dầu của buổi chiều muộn, gương mặt dài bên ánh sáng, hàng mi dài khẽ đua lên cao, sống mũi cao vời vợi, đôi môi khép chặt. Vẻ đẹp cuốn hút ấy khiến người đối diện không thở nổi. Chúng tôi ngồi cách nhau đủ gần để tôi có thể cảm nhận được mùi thơm dìu dịu của gỗ đàn hương trên người cậu ấy, thứ hương thơm khiến tôi mơ màng và chỉ muốn lại gần thêm nữa. Tôi chợt nhận ra rằng, tôi phải rời khỏi đây càng sớm càng tốt, nếu không tôi sẽ mắc sai lầm. Mà sai lầm này, chắc chắn sếp sẽ không tha cho tôi và bản thân tôi cũng không thể tha thứ ình.

Vợ chồng Mava­su mang đồ ăn vào phòng, mùi thơm của thức ăn đã làm vơi bớt đi hương thơm say người kia. Mối nghi hoặc của Mava­su vẫn rất lớn, điều đó thể hiện qua ánh mắt nhìn tôi chăm chú. Tôi không biết Ra­ji­va đã nói gì để ông cụ chấp nhận sự trở lại của tôi, nên chỉ biết gượng cười chống chế. Sau đó, hỏi Ra­ji­va, mới biết, cậu ta nói với Mava­su, tôi là cháu gái của Ngải Tình. Tôi cười lăn lóc. Nói như thế thật là… Nhưng khoan đã, hòa thượng không được phép nói dối kia mà? Tôi định trêu chọc Ra­ji­va, nhưng đã kịp dừng lại. Vì chính tôi cũng không nghĩ ra cách giải thích nào hợp lý hơn cho sự trở lại của mình.

- Ra­ji­va, lần trước có một chiếc ba lô tôi quên mang theo, cậu còn giữ nó không?

Tôi đã bỏ lại bao nhiêu đồ dùng của thời hiện đại, trong đó có tập giấy nháp và cuốn sổ tay quan trọng. Sếp từng nhắc nhở rất nhiều lần là không được lưu lại bất cứ thứ rác thải hiện đại nào, nếu để người đời sau phát hiện ra, thì… Thử tượng tượng xem, một nhà khảo cổ với mái tóc bạc phơ đang lọ mọ nghiên cứu một gói đồ cũ nát, rồi ông đột nhiên phát hiện ra ở một góc nhỏ của gói đồ mấy chữ cái này: “North­face”… Rùng cả mình!

Ra­ji­va gật đầu, nhưng nét mặt không được tự nhiên. Lạ quá, lẽ nào cậu ta thích cái ba lô của tôi? Đừng đùa, North­face là nhãn hiệu ba lô du lịch hàng đầu thế giới đấy! Khoản tiền mua chiếc ba lô này là do nhóm nghiên cứu chi trả, chứ một sinh viên nghèo như tôi làm sao mà mua nổi. Nhưng mà, kể cả Ra­ji­va thích đến thế nào tôi cũng không thể tặng cậu ấy được.

- Mấy hôm nữa sẽ mang đến cho cô.

Tôi gật đầu, uống thêm một ngụm canh thịt dê.

- Ra­ji­va, tôi muốn đi tham quan chùa Cakra, được chứ?

Ra­ji­va khẽ gật đầu.

- Ngày mai sẽ đưa cô đi xem.

Buổi tối, tôi ngủ trên chiếc giường gỗ thấp, thời cổ đại làm gì có chăn ga gối đệm, nhưng tôi đã quen nằm trên chiếc giường cứng như thế này rồi. Ra­ji­va nói không ở đây, có lẽ vì muốn tôi được thoải mái. Tôi tin rằng cậu ta sống ở đây, bởi vì mùi gỗ đàn hương dìu dịu vẫn còn thoảng trên tấm chăn này, trên chiếc gối này và trên mảnh chiếu này. Hương thơm thanh khiết ấy ru tôi vào giấc ngủ miên man.

## 10. Chương 19 - 20

Chương 19: Tham quan chùa Cakra

Tinh mơ hôm sau, tiếng kẹt cửa làm tôi thức giấc. Tôi gắng gượng hé đôi mắt vẫn đang đói ngủ của mình và lơ mơ thấy một bóng dáng cao gầy đang đứng giữa căn phòng ngập ánh sáng.

- Ra­ji­va, sao đến sớm vậy…

- Tôi… tôi… xin lỗi.

Ngược sáng, không thấy rõ biểu cảm trên gương mặt cậu ấy, chỉ nghe trong giọng nói có chút ngượng ngùng. Ra­ji­va vội vã lui ra ngoài, lại một tiếng kẹt cửa trả lại bóng tối cho căn phòng.

Tôi nhìn đồng hồ, mới bảy rưỡi sáng. Chết thật, tôi quên mất, ngày nào cậu ấy cũng thức dậy lúc hơn bốn giờ, từ năm giờ đến sáu giờ là thời gi­an tụng kinh buổi sáng, sau đó mới đến bữa sáng. Giờ này, với cậu ấy, đã không còn sớm sủa gì nữa. Nhưng tôi vẫn còn muốn ngủ, lại ngả xuống vớt vát thêm vài phút, sau đó mới uể oải xuống giường.

Khoảng chín giờ tôi cùng Ra­ji­va ra khỏi nhà. Thành phố Sub­ash bé nhỏ khi ấy đã tấp nập người qua lại, nhà sư, cư sĩ, thương nhân đủ cả, dòng người đông đúc trên phố xá chật chội. Tôi không muốn Ra­ji­va khó xử, nên ý tứ giữ khoảng cách với cậu ấy. Ra­ji­va đi trước, tôi theo sau, chốc chốc cậu ta lại dừng bước, ngoảnh đầu quan sát, rồi mới đi tiếp.

Có vẻ như Ra­ji­va rất được lòng người dân nơi đây. Trên đường đi, hầu hết mọi người đều lại gần chắp tay hành lễ với cậu ấy. Một đôi vợ chồng ẵm theo đứa trẻ sơ sinh đến xin Ra­ji­va cầu phúc. Cậu ấy xoa đầu em bé, lầm rầm đọc một đoạn kinh văn. Vợ chồng nọ vui mừng khôn tả, chắp tay tạ ơn, vẻ mặt hân hoan, mãn nguyện khi ra về. Ra­ji­va quay lại nhìn tôi cười rạng rỡ, rồi tiếp tục bước đi, chốc chốc lại dừng bước đáp lễ với người đi đường.

Ra khỏi thành Sub­ash là đến cổng chính của khu chùa Cakra phía tây. Ấn tượng ban đầu của tôi về ngôi chùa này là những vọng lâu được trang trí rất bắt mắt phía trên bức tường bao quanh. “Khâu Từ có hơn mười nghìn nhà sư, chiếm một phần mười dân số trong thành”. Chỉ riêng ở chùa Cakra đã có đến năm nghìn sư. Sự hưng thịnh của Phật giáo ở Khâu Từ được thể hiện sống động qua hình ảnh ngôi chùa Cakra nguy nga, đồ sộ. Tuy vậy, thời điểm này vẫn chưa phải là gi­ai đoạn cực thịnh của Chiêu Hộ Li tự. Quy mô ngôi chùa vẫn nhỏ hơn rất nhiều so với thời nhà Đường, khi Huyền Trang đi lấy kinh qua đây. Khi mang thai Ra­ji­va, “năng lực giác ngộ của Ji­va tăng lên gấp bội. Bà nghe danh tiếng ngôi chùa Cakra đã lâu, lại nghe nói trong chùa có nhiều vị cao tăng đắc đạo, bèn cùng với những tín nữ quý tộc khác và các ni cô ngày đêm nhang khói lễ bái, ăn chay niệm Phật”. Hẳn là, ngay từ khi còn trong bụng mẹ, Ra­ji­va đã “thấm nhuần” giáo lý Phật pháp. Trí tuệ siêu phàm của cậu ấy phải chăng có được từ bối cảnh đặc biệt này?

Ý nghĩ đó khiến tôi bật cười.

Chúng tôi bước đến một bức tường thành thấp hình vuông bên ngoài cổng chính. Bên trong có một điện thờ đặt tượng Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi lập tức dập tắt những ý nghĩ lan man, lấy lại tinh thần chuyên nghiệp thường ngày, chuẩn bị lôi cuốn tập ra và bắt tay vào công việc.

- Ngải Tình, không cần vội. Để tôi đưa cô đi tham quan hết một vòng, rồi quay lại vẽ cũng chưa muộn.

- Thật không?

Tôi mừng quýnh!

- Đúng rồi! Cậu là chủ trì, cậu có đặc quyền mà! Vậy, ngày nào tôi cũng đến đây vẽ nhé?

- Được chứ!

Ra­ji­va mỉm cười. Những chùm nắng đầu hạ rực rỡ chiếu rọi làm bừng sáng cả con người cậu ấy, toát lên thứ hào quang khiến tôi không dám nhìn thẳng.

Tôi ép mình ngoảnh đi hướng khác.

- Ra­ji­va, khối ngọc khổng lồ dưới chân tượng Phật nằm ở đâu vậy? Đưa tôi đến đó xem đi!

- Cô biết về khối ngọc này?

Ra­ji­va có vẻ ngạc nhiên, ánh mắt nhìn tôi như thăm dò.

- Đây là báu vật của chùa Cakra kia mà!

Làm sao tôi biết được ư? Đơn giản thôi! Câu trả lời là: Huyền Trang đã được tận mắt chứng kiến và ghi chép lại trong “Đại Đường Tây vực ký”. Cuối thế kỷ XIX, một nhà sưu tầm đồ cổ người Nga đã đào được khối ngọc này, ông ta còn ngu xuẩn hết mức khi đập vỡ nó làm đôi với ý đồ sẽ vận chuyển về nước. Nhưng người dân địa phương đã kịp thời ngăn chặn và bảo vệ được khối ngọc quý. Sau giải phóng, khối ngọc đã được đưa về trưng bày tại Viện bảo tàng tự nhiên Bắc Kinh. Nửa khối to nặng khoảng hơn một nghìn hai trăm kilôgam, nửa khối nhỏ hơn nặng khoảng hơn bảy trăm kilôgam. Còn bây giờ, không cần thiết phải đến Bắc Kinh, tôi vẫn có thể chiêm ngưỡng khối ngọc ấy và là khối ngọc hoàn chỉnh, bạn nói xem, tôi có nên sung sướng hay không? Bởi vậy, khi Ra­ji­va đưa tôi vào một điện thờ nhỏ nhưng được trang trí nguy nga, tráng lệ phía sau gi­an thờ chính và tận mắt nhìn thấy khối ngọc khổng lồ trong suốt, giống hình một con ngao biển với hai màu trắng và vàng đan xen ấy, tôi tiếc ngẩn ngơ vì không mang theo máy ảnh. Khối ngọc rộng khoảng hơn ba mươi cen­timét, dài hơn nửa mét, cao hơn mười cen­timét. Dấu chân Phật tổ được in thành hình hai vết lõm rất tự nhiên giữa khối ngọc. Những hình ảnh phác họa dấu ấn như thế này có rất nhiều. Bạn có thể bắt gặp dấu chân của đại sư Liên Hoa Sinh (Pad­masamb­ha­va) ở bất cứ đâu trên khắp vùng Tây Tạng, chỉ khác đó là hình phác họa trên những cây cối và sỏi đá tự nhiên, để Phật tử có thể cảm nhận được một cách chân thực pháp lực vô biên của Phật.

Nhưng tôi không nói điều đó với Ra­ji­va, sợ cậu ấy không vui. Tôi bắt chước Ra­ji­va, chắp tay cúi lạy thành kính và cắm hương lên khối ngọc thần thánh. Bước ra khỏi điện thờ nổi tiếng ấy, tôi chợt thấy một hành lang rất dài chạy hút về phía sau, nhưng hai bên được che phủ kín đáo, nom có vẻ tối tăm âm u kỳ lạ và cảm giác như nó kéo dài đến vô tận.

Thấy tôi lặng lẽ quan sát hành lang kỳ lạ đó hồi lâu, Ra­ji­va đến bên, nhẹ nhàng lên tiếng:

- Đó là nơi thọ đại giới. Cô là người phàm, không được phép vào đó.

Thọ đại giới tức là thọ giới Cụ Túc (Up­asam­ba­da)! Chẳng khác nào nhận bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành Phật học dành cho các đệ tử nhà Phật! Chỉ khi đã thọ giới Cụ Túc, mới được xem là đủ tư cách và điều kiện để trở thành một Tỷ khâu (Bhikkhu). Ra­ji­va nổi danh khi còn rất trẻ, những tri thức Phật học và sự giác ngộ Phật pháp của cậu, giới tăng sĩ đương thời, không ai bì kịp. Nhưng, cho dù đạt được cảnh giới cao đến đâu về kiến thức Phật học, cậu vẫn phải tuân thủ những quy định của giới tu hành trong các thiền viện. Vậy nên, mặc dù Ra­ji­va đã thông tỏ chân lý của Phật giáo Đại Thừa từ lâu, nhưng cậu vẫn phải thọ giới Cụ Túc giống như những tăng sĩ bình thường khác khi đến tuổi hai mươi.

Tôi đã từng nhìn thấy khu vực thọ đại giới của tăng sĩ tại chùa Long Hưng, thuộc huyện Chính Định, gần Thạch Gia Trang, tỉnh Hà Bắc, một ngôi chùa được xây dựng từ thời nhà Tùy. Nhưng ở đó không có hành lang dài và u ám như thế này. Những ngôi chùa đủ tư cách truyền giới Cụ Túc không nhiều, đó phải là những ngôi chùa quy mô lớn. Chùa Cakra là ngôi chùa duy nhất ở Khâu Từ đủ tư cách truyền đại giới.

Bước chân vào dãy hành lang ảm đạm, hun hút ấy, hẳn trong lòng mỗi Sa di không khỏi dâng lên những suy cảm. Vậy là ta đã quyết, cả đời này sẽ gắn bó với kinh kệ, khói hương. Cả đời này sẽ từ bỏ mọi tình ái và dục vọng. Cả đời này, sẽ gánh vác trách nhiệm truyền bá giáo lý Phật pháp. Những suy cảm đó sẽ theo các Sa di chầm chậm bước đến điểm tận cùng của con đường – giới đàn (nơi tăng sĩ thọ giới). Ba vị pháp sư, bảy người làm chứng, hình ảnh chiếc dao cạo sáng lấp lóa, những tiếng tụng kinh lầm rầm trang nghiêm. Kể từ giây phút này, bước ra khỏi sự sống chết, thoát ly khỏi tham lam, dục vọng, đoạn tuyệt với thế tục…

Tôi quay đầu nhìn Ra­ji­va đang yên lặng ngóng về dãy hành lang ảm đạm ấy, vẻ mặt chất đầy suy tư. Có lẽ cậu cũng đang nghĩ về ngày trọng đại ấy. Rồi đây, trần ai, thế tục sẽ không còn duyên nợ gì với cậu ư, Ra­ji­va?

Chúng tôi bước vào một gi­an thờ ánh sáng yếu ớt, các nhà sư khác thấy Ra­ji­va liền cung kính hành lễ, Ra­ji­va gật đầu đáp lại rồi trò chuyện đôi câu với họ bằng tiếng Phạn. Gi­an thờ này không lớn, ở giữa đặt tượng Bồ Tát Địa Tạng Vương, bốn phía xung quanh là những bức bích họa. Tôi nhận ra tượng Bồ Tát Địa Tạng vì trên tay ngài có một cây tích trượng rất dài. Bồ Tát Địa Tạng từng thề rằng:

“Chúng sinh độ tận, phương chứng bồ đề

Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật”.

Nghĩa là:

Cứu độ chúng sinh hết khổ, mới là Giác Ngộ

Địa ngục còn chưa trống không, thề không thành Phật.

Điều đó có nghĩa, đối tượng cứu khổ của Bồ Tát Địa Tạng là những sinh linh tội lỗi dưới Địa Ngục. Vì vậy, sau khi Phật giáo được truyền bá vào Trung Nguyên, sức ảnh hưởng của vị Bồ Tát này ngày càng trở nên rộng rãi, cùng với Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm, ngài được xem là một trong bốn vị Đại Bồ Tát. Tương truyền, Cửu Hoa Sơn ở An Huy chính là đạo tràng thuyết pháp của ngài.

Tôi đang quan sát và phân tích tỉ mỉ để nhận ra điểm khác biệt về tạo hình giữa Bồ Tát Địa Tạng ở Tây vực và Bồ tát Địa Tạng ở Trung Nguyên. Một chú tiểu từ bên ngoài bước vào, mang theo một ngọn đèn dầu, chuyển cho Ra­ji­va rồi lẳng lặng lui ra. Ra­ji­va nâng cao ngọn đèn, để ánh sáng chiếu rọi lên những bức vẽ trên tường. Lúc này, trước mặt tôi là hình ảnh những cánh tay tàn phế, những đôi chân gẫy gập, là biểu cảm đau đớn tột cũng trên những khuôn mặt người, là đủ mọi loại dụng cụ tra tấn, trừng phạt đẫm vệt máu. Quả rất đáng sợ!

Những bức họa này mô phỏng nỗi thống khổ của chúng sinh nơi tám địa ngục lớn.

Chả trách điện thờ này đặt tượng Bồ Tát Địa Tạng, lại âm u, ảm đạm đến vậy. Có lẽ mục đích là khiến cho các tín đồ cảm thấy kinh sợ trước những hình ảnh rùng rợn dưới các tầng địa ngục. Ở hầu hết các ngôi chùa từ quy mô trung bình trở lên đều có những bức bích họa phóng tác như thế này.

Tôi có biết về tám địa ngục lớn, nhưng không nhớ tên gọi cụ thể, nên đã nài nỉ Ra­ji­va diễn giải.

- Đây là địa ngục đẳng hoạt (địa ngục chết đi sống lại). Chúng sinh mắc tội sa xuống địa ngục này là những người vẫn còn chút tình cảm, họ không nguôi ngoai nỗi thương nhớ cha mẹ. Nhưng móng tay họ sẽ biến thành vuốt sắt, họ cấu xé lẫn nhau và khi tâm thần bấn loạn, họ cào cấu chính mình, cho đến khi thịt nát máu cạn và họ tắt thở. Nhưng một luồng gió lạnh thổi đến, da thịt hồi sinh, họ lại tiếp tục chịu sự trừng phạt như lúc trước.

Giọng nói của Ra­ji­va đượm vẻ u buồn, cậu dừng lại giây lát rồi mới tiếp tục:

- Những người mắc tội sát sinh, chà đạp lẽ phải, phỉ báng người ngay đều sẽ sa xuống địa ngục này.

Vừa ngắm nhìn các bức vẽ tôi vừa gật đầu, bước chân không ngừng di chuyển theo ánh sáng ngọn đèn dầu trên tay Ra­ji­va. Điện thờ trống trải chỉ còn lại hai chúng tôi. Giọng nói ấm áp của Ra­ji­va vang giữa không gi­an trầm mặc, khoảnh khắc ấy, cảm xúc trong tôi bỗng trở nên thê lương.

- Đây là địa ngục hắc thằng (nơi chúng sinh bị trói bằng dây sắt), chúng sinh phạm tội sẽ bị trói lại bằng dây sắt nung nóng, sau đó tứ chi bị chặt hoặc bị cưa đứt. Nỗi đau đớn, khổ sở lớn gấp mười lần địa ngục đẳng hoạt. Những người phạm tội sát sinh, trộm cắp đều sẽ sa xuống địa ngục này.

Ánh đèn tiếp tục được đẩy về phía trước.

- Đây là địa ngục chúng hợp (nơi chúng sinh bị núi đá ép chặt), người phạm tội bị đẩy vào giữa hai núi đá và bị ép chặt cho đến khi xương cốt nát vụn. Phàm những người mắc tội sát sinh, trộm cắp, tà dâm đều rơi xuống địa ngục này.

- Đây là địa ngục khiếu hoán (nơi chúng sinh kêu la thảm thiết), người mắc tội sẽ bị nướng trên vạc dầu hoặc bị đẩy vào lò lửa, hoặc bị dùng kìm nóng banh miệng, đổ đồng nóng chảy vào bụng khiến cho lục phủ ngũ tạng bị thiêu hủy. Phàm những kẻ mắc tội giết người, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu đều sẽ sa xuống địa ngục này. Nếu đệ tử Phật môn vi phạm năm điều giới luật, thì dù là người xuất gia hay người tu tại gia đều sẽ bị sa xuống địa ngục đại khiếu hoán (địa ngục mà sự trừng phạt khiến chúng sinh kêu la thống thiết gấp rất nhiều lần địa ngục khiếu hoán).

Tôi bỗng thấy rùng mình, sự trừng phạt đối với người nhà Phật còn khủng khiếp hơn cả người thường ư!

- Đây là địa ngục tiêu nhiệt (nơi chúng sinh bị thiêu đốt), kẻ phạm tội nằm trên sắt nung, toàn thân bị đánh đến bầm dập vỡ nát. Phàm những kẻ vi phạm năm điều giới luật đều sẽ bị đẩy xuống địa ngục này.

Ánh sáng ngọn đèn dầu bỗng nhiên dừng lại, bàn tay người giữ đèn run run. Bóng dáng cao gầy hắt lên tường, khiến cho những hình ảnh thảm thương cho bức vẽ trở nên mờ ảo, tan loãng trong những dao động lập lòa của ánh sáng.

- Ra­ji­va, cậu sao thế?

Tôi ngước mắt lên nhìn cậu ấy, chúng tôi chỉ cách nhau một bước chân, ánh đèn leo lét rọi vào khuôn mặt ưu tư, một thoáng u buồn ẩn hiện, nhưng tan đi rất nhanh. Ra­ji­va lấy lại vẻ điềm tĩnh thường thấy, tiếp tục giảng giải.

- Nếu tăng sĩ phạm tội sát sinh, trộm cắp, tà tâm sẽ bị sa xuống địa ngục đại tiêu nhiệt, mức độ trừng phạt tàn khốc hơn rất nhiều lần so với địa ngục tiêu viêm.

Giọng nói của Ra­ji­va đượm vẻ chua xót, phải chăng vì lòng trắc ẩn đối với những hình phạt nặng nề dành cho giới tăng lữ. Phật môn quản giáo đệ tử của mình rất nghiêm khắc, trong số tám địa ngục lớn, có đến hai địa ngục dành để trừng phạt những tăng sĩ phạm tội.

Ra­ji­va lấy lại sự bình tĩnh, bàn tay mang theo chiếc đèn dầu khi nãy bất giác buông xuống, giờ đã lại được nâng cao.

- Đây là địa ngục vô gián, hay còn gọi là địa ngục a tỳ, người phạm tội bị hành hình liên tục, chịu đau đớn khổ sở không lúc nào ngơi nghỉ. Phàm những kẻ phạm phải năm tội đại nghịch (giết mẹ, giết cha, giết A- la- hán, gây chia rẽ tăng sĩ, phá hoại hình ảnh của Phật tổ), đều bị đày xuống địa ngục này.

Đó là bức vẽ cuối cùng, chúng tôi cũng vừa đi hết một vòng tròn.

Ra­ji­va đặt đèn dầu lên hương án phía trước pho tượng Bồ Tát Địa Tạng Vương, cung kính quỳ xuống vái ba vái, rồi cùng tôi bước ra khỏi điện thờ.

- bỗi địa ngục trong số tám địa ngục lớn lại được chia thành mười sáu địa ngục nhỏ. Tội ác cũng chia thành ba cấp. Những kẻ phạm tội nặng nhất bị đẩy vào địa ngục lớn, những kẻ còn lại bị đẩy vào địa ngục nhỏ.

Ánh nắng rực rỡ bên ngoài xua tan đi những ảm đạm trong lòng, tôi giống như chiến binh Dante vừa dạo hết một vòng địa ngục, cảm xúc đầy vơi. Kết luận rút ra là: nhân gi­an thật tuyệt vời!

Gần đến giờ trưa, Ra­ji­va dẫn tôi đến nhà ăn dành cho các cư sĩ tu tại gia đến chùa Cakra cúng bái, cậu ấy ngồi ăn cùng tôi. Ra­ji­va ăn uống từ tốn, quả không hổ danh là con nhà quý tộc. Nhưng điều khiến tôi thiếu tự nhiên là những ánh mắt đổ dồn về phía chúng tôi, tuy họ không nói gì, nhưng tôi biết họ nghĩ gì. Tôi bỗng cảm thấy không thoải mái. Một người như Ra­ji­va nếu sống ở thời hiện đại, cũng chưa hẳn đã là một sự chọn lựa lý tưởng. Mặc dù nếu có cậu ấy ở bên cạnh, đi đến đâu, tôi cũng có thể hãnh diện với bạn bè và những người xung quanh, nhưng cậu ấy quá tài trí, thông minh, lại đẹp trai hút hồn như vậy, sẽ làm lu mờ hình ảnh của tôi. Không những tôi sẽ phải thấp thỏm lo âu từng giây phút, canh chừng mọi lúc mọi nơi, đề phòng những cô gái trẻ đẹp khác, mà tôi còn phải đau đầu tìm cách nâng cao tầm vóc trí tuệ của bản thân để có thể theo kịp cậu ấy. Cuộc sống mệt mỏi như thế, lấy đâu ra vui vẻ, thoải mái chứ! Cho nên, kết luận của tôi là: tôi – không – thèm!

- Không thèm gì vậy?

Tôi giật mình ngẩng lên, bắt gặp hai vực nước sâu hun hút đang xoáy vào mình, xấu hổ không biết giấu mặt vào đâu, bối rối không biết phải thanh minh thế nào.

- Các thầy!

May quá! Có người đến giải nguy cho tôi rồi! Đó là… là người Hán, hai hòa thượng người Hán!

Họ trò chuyện với nhau bằng tiếng Phạn, tôi đứng bên chăm chú quan sát đồng hương.

Ra­ji­va giới thiệu với tôi, hai vị hòa thượng từ Trường An xa xôi đến đây xin nghe giảng đạo, pháp hiệu của họ là Tăng Thuần và Đàm Sung. Tôi trợn tròn mắt khi nghe thấy những cái tên đó.

Tăng Thuần và Đàm Sung! Chính là hai vị sư này! Họ đến Khâu Từ học đạo, sau đó trở về Trung Nguyên tấu trình với vua nhà Tiền Tần khi ấy là Phù Kiên rằng, Ku­mara­ji­va là vị pháp sư tài trí hơn người, là người đã truyền bá sâu rộng kinh văn Đại Thừa, tiếng tăm vang khắp vùng Tây vực. Một nhà sư nổi tiếng ở Trung Nguyên là Thích Đạo An, nghe danh Ku­mara­ji­va đã lâu, cũng thuyết phục Phù Kiên mời Ra­ji­va đến Trường An. Khi Phù Kiên quyết định tấn công Khâu Từ, nhà vua đã nói với Đô đốc Lữ Quang rằng: “Trẫm nghe nói Tây Quốc có Ku­mara­ji­va, thông hiểu pháp tướng, giỏi luận âm dương, là một bậc kỳ tài trong thiên hạ. Trẫm lấy làm ngưỡng mộ. Nhân tài là báu vật của quốc gia. Vậy, sau khi chiếm được Khâu Từ, khanh hãy lập tức đưa Ku­mara­ji­va về đây”.

Câu chuyện này đã được các tín đồ Phật giáo ngày sau truyền tụng khắp nơi. Họ cho rằng Phù Kiên phát động chiến tranh với Khâu Từ là vì muốn có được Ku­mara­ji­va. Giống như việc các cô gái tin rằng cuộc chiến thành Troy là vì nàng He­len xinh đẹp, hay Ngô Tam Quế bán đứng nhà Hán cho triều đình Mãn Thanh là vì nàng kỹ nữ Tô Châu – Trần Viên Viên. Một cuộc chiến tranh quy mô lớn đã nổ ra và cướp đi tính mạng của mấy chục nghìn người, chỉ vì muốn đoạt lấy một người thôi ư, những câu chuyện như thế mới hấp dẫn làm sao! Tôi là người nghiên cứu lịch sử, tất nhiên, tôi không tin Phù Kiên phát động chiến tranh chỉ vì muốn có được một vị cao tăng. Liệu Phù Kiên có thực sự hiểu rõ Ku­mara­ji­va sẽ mang lại lợi ích gì cho ông ta hay không? Nhà vua muốn có Ku­mara­ji­va chỉ vì cậu ta thông tỏ âm dương ngũ hành? Một người tài trí cao vời như Giả Nghị, lẽ nào Hán Văn Đế cũng chỉ vì muốn ông ta coi bói ình?

- Ngải Tình!

Tôi lại để tâm trí trôi tận đâu đâu rồi, quay lại đã thấy hai vị hòa thượng đang hành lễ với mình, tôi vội vàng đáp lễ. Họ là những đồng hương đầu tiên mà tôi gặp sau hai lần vượt thời gi­an đến đây.

Ra­ji­va giới thiệu với họ tôi là cháu gái của người thầy dạy tiếng Hán hồi trẻ của cậu và tôi đến Khâu Từ để lễ Phật. Tôi chỉ dám trò chuyện đôi câu với họ, bởi vì những gì tôi biết về thời kỳ Nam Bắc triều thập lục quốc chỉ là những kiến thức trong sách vở, tôi sợ mình lỡ lời, tiết lộ bí mật lịch sử thì nguy.

Sau vài lời xã gi­ao với tôi, họ quay sang thảo luận giáo lý Phật pháp cùng Ra­ji­va. Họ trao đổi bằng tiếng Phạn, tôi nghe không hiểu, nên cũng quay đi ngắm nghía những bức vẽ trên tường.

- Đoạn kinh văn ấy dịch sang tiếng Hán có nghĩa là: Bao nhiêu tâm ý của chúng sinh trong trời đất, Như Lai đều thấu tỏ. Vì sao lại như vậy?

Ra­ji­va giảng kinh bằng tiếng Hán! Tôi quay lại nhìn cậu ấy và nhận được một nụ cười đầy hàm ý. Cậu ấy muốn tôi nghe đoạn kinh văn này ư? Tôi ngạc nhiên, nghiêng tai lắng nghe.

- Đức Phật nói, mọi tâm niệm đều không thực sự tồn tại, đó chỉ là những ham muốn nhất thời, thoáng chốc nảy sinh trong từng bối cảnh. Nên người ta đặt cho nó cái hư danh là tâm niệm. Vì sao như vậy? Bởi vì những ham muốn trong quá khứ là cái đã trôi qua, không để lại vết dấu, ta muốn mà không có được. Những ham muốn hiện tại, quẩn quanh trong tâm trí ta, chẳng thể nắm bắt. Những ham muốn của tương lai, còn chưa sinh ra, càng khó nắm bắt.

Trình độ tiếng Hán của Ra­ji­va đã đạt đến mức lưu loát, trôi chảy rồi, lại thêm giọng nói trầm ấm truyền cảm, tựa như nhả ngọc phun châu ấy nữa, khiến mỗi câu mỗi chữ như làn gió nhẹ vương vào trái tim tôi.

- Vậy nên, người thuyết giảng Phật pháp vốn không có Phật pháp để thuyết giảng, thuyết pháp chỉ là danh xưng. Không những không tồn tại Phật pháp để có thể thuyết giảng, mà ngay cả người thuyết pháp cũng không tồn tại.

Dáng người cao lớn của Ra­ji­va tọa lạc giữa Phật điện, thoáng một nét cười thỏa nguyện trên vành môi, cậu khẽ nghiêng đầu về phía hai vị hòa thượng thấp nhỏ chỉ đến vai mình:

- Những luận giải của Ra­ji­va, không biết hai vị đã nắm rõ hay chưa?

Tăng Thuần và Đàm Sung như vừa giác ngộ được chân lý, miệng nhẩm đi nhẩm lại lời Ra­ji­va vừa giảng giải, ở cả hai vị hòa thượng người Hán đều toát lên vẻ say mê trong sự lĩnh hội. Tôi lặng ngắm Ra­ji­va. Sự tự tin tỏa khắp con người cậu, sức hút mãnh liệt từ trí tuệ uyên bác ấy khiến tôi không dám nhìn thẳng. Tuy tuổi còn trẻ, nhưng ở Ra­ji­va đã tụ hội đầy đủ phong thái của một bậc danh sư.

Buổi chiều, chúng tôi tiếp tục tham quan ngọn đồi phía bắc, nơi đây có một quần thể hang đá, gồm rất nhiều căn phòng tọa thiền của tăng sĩ. Nói là phòng tọa thiền nhưng thực chất chỉ là một hốc đá nhỏ, đủ chỗ ột người ngồi lọt vào trong. Ra­ji­va chỉ cho tôi thấy trên vách tường phía sau có dấu vết in đậm hình hài một con người. Cậu nói rằng, rất nhiều vị cao tăng theo trường phái tu khổ hạnh đã từng ngồi thiền ở đây, lâu dần, hình hài của các vị đã in tạc vào vách đá. Phật giáo Tiểu Thừa coi trọng việc tu hành. Công việc hàng ngày của tăng sĩ chủ yếu là ngồi thiền trong căn phòng trống không, tĩnh tâm lĩnh hội Phật pháp. Phương pháp tu hành này xuất phát từ phép thiền Yo­ga của Ấn Độ. Trước khi giác ngộ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng đã trải qua sáu năm tu hành khổ hạnh. Ngài ngồi thiền hết ngày này qua tháng khác, ăn uống rất ít, thân xác héo hon. Sau khi đắc đạo, ngài ăn uống bình thường trở lại và không khoác lên mình chiếc áo cà sa chắp vá rách rưới nữa. Tuy nhiên, ngài vẫn duy trì thói quen tĩnh tâm tọa thiền. Điều này đã trở thành một trong những đặc trưng nổi bật của Phật giáo Tiểu Thừa. Và cũng bởi vậy, trong cấu trúc của các ngôi chùa Phật giáo Tiểu Thừa, ít hay nhiều đều có những phòng đá tọa thiền dành cho các tăng sĩ.

Có điều, những căn phòng đó đang hiện ra trống trải không một bóng người trước mắt tôi. Tôi hỏi Ra­ji­va, cậu mỉm cười.

- Từ khi tôi tiếp nhận vai trò trụ trì chùa này, đã ra sức truyền bá giáo lý Đại Thừa, yêu cầu các nhà sư năng ra ngoài giảng đạo, thâm nhập vào đời sống của chúng sinh, việc tĩnh tâm tọa thiền có thể thực hiện vào lúc thuận tiện.

Mười năm trước, khi Ra­ji­va vừa tiếp xúc với Phật giáo Đại Thừa đã vấp phải rất nhiều trở ngại và chịu nhiều lời điều tiếng. Người ta phê phán cậu lén lút học đòi những giáo lý ngoại đạo sai trái. Trong vòng mười năm, bằng sự thông tuệ, bằng tài năng thuyết pháp khiến người nghe tâm phục khẩu phục và tận dụng mối quan hệ với hoàng thất, Ra­ji­va đã dốc toàn tâm toàn sức chuyển hướng tín ngưỡng của toàn bộ tiểu quốc Khâu Từ sang Phật giáo Đại Thừa. Truyện kể về Ra­ji­va chép rằng: “Khi ấy số lượng tăng sĩ Khâu Từ tin theo giáo phái Đại Thừa lên đến hơn mười ngàn người. Điều này thật đáng kinh ngạc. Từ đó, ai nấy đều tỏ ra kính trọng và nể phục Ku­mara­ji­va”.

- Lại ngơ ngẩn rồi!

Tôi kéo lại những suy nghĩ miên man đang vân du tận đâu đâu, đưa mắt lên nhìn khuôn mặt điển trai của Ra­ji­va.

- Ra­ji­va, cậu không còn là cậu thiếu niên năm nào lúc còn hoang mang, trăn trở với khát vọng thay đổi tông phái.

- Đúng vậy.

Ánh mắt cậu ấy như phiêu du về với quá khứ, tìm kiếm những những ký ức xa xưa, khóe môi hé cười.

- Ngải Tình, nếu không có những lời khích lệ của cô, Ra­ji­va không thể có quyết tâm và nghị lực mạnh mẽ đến như vậy. Mười năm qua, mỗi khi phải đương đầu với khó khăn, Ra­ji­va lại nhớ đến những lời cô nói. Phật giáo Đại Thừa xem trọng việc cứu rỗi chúng sinh, góp phần sửa đổi những khiếm khuyết của Phật giáo Tiểu Thừa. Phải như vậy, Phật pháp mới được truyền bá rộng rãi, mới cứu độ được nhiều chúng sinh thoát khỏi bể khổ. Tôi đã dành không ít công sức và tâm sức cho lý tưởng đó.

Ra­ji­va đưa mắt dõi nhìn về hướng xa xăm, giọng nói trở nên thanh thoát.

- Phật tổ phù hộ, đến nay Ra­ji­va đã thuyết phục được triều đình và các bậc tôn sư, Phật giáo Tiểu Thừa bắt rễ suốt mấy trăm năm ở Khâu Từ, cuối cùng đã có những cải biến nhất định.

Đến trên ngọn đồi này, có thể quan sát toàn bộ quang cảnh chùa Cakra. Sóng nước dòng sông Tongchang lấp lánh ánh bạc. Bóng chiều đã ngả về tây, phủ lên dáng hình cao lớn ấy những vệt nắng cuối ngày, gió thổi mạnh làm tung bay vạt áo cà sa. Con người ấy, thần thái ấy tạc vào không gi­an của buổi hoàng hôn trên sườn đồi hình ảnh một chú chim đại bàng đang khát khao tung cánh bay lên bầu trời bao la. Dưới chân chúng tôi là quần thể đồ sộ, nguy nga những đền đài miếu mạo, đó là vương quốc của Ra­ji­va và cậu ấy là người cha tinh thần của hàng vạn chúng sinh trong vương quốc ấy. Đột nhiên tôi nhận ra rằng, mười năm trước tôi vẫn có thể đàm đạo với cậu ấy về Phật pháp, nhưng giờ đây, tư tưởng của cậu ấy, nhất là những kiến thức về Phật học, đã vượt lên một cảnh giới cao vời vợi mà tôi không sao vươn tới được. Tôi chỉ là một người bình thường, nhưng trí thức mà tôi có, chẳng qua là tích cóp được từ 1650 năm thời gi­an. Nếu chúng tôi sinh ra cùng thời đại, tôi cũng sẽ như những người bình thường khác, chỉ có thể lặng lẽ ngắm nhìn cậu ấy trên đỉnh cao vinh quang và đừng mơ có thể lại gần.

- Ra­ji­va.

Tôi hít một hơi thật sâu, cùng hướng mắt về khung cảnh nguy nga dưới ngọn đồi.

- Khâu Từ chỉ có mấy mươi vạn chúng sinh. Còn ở Trung Nguyên, lúc này chiến tranh xảy ra liên miên, hàng triệu người vẫn đang quằn quại trong bể khổ vô biên, hơn bao giờ hết, họ đang rất cần sự giải thoát về tinh thần để có thể vượt qua kiếp nạn này.

- Ngải Tình, đến Trung Nguyên truyền bá Phật pháp luôn là tâm nguyện bấy lâu nay của Ra­ji­va.

Ra­ji­va quay lại nhìn tôi, nụ cười ấm áp tựa gió xuân.

- Cô luôn muốn Ra­ji­va đến Trung Nguyên, Ra­ji­va luôn ghi nhớ điều đó.

Đón lấy nụ cười dễ làm say lòng người ấy, trái tim khó bảo của tôi lại bắt đầu lạc nhịp.

Đến giờ tụng kinh buổi tối, tôi ngỏ ý muốn đi về một mình. Ra­ji­va bây giờ đã là “CEO” của ngôi chùa lớn nhất Tây vực, cậu ấy không thể tùy tiện như hồi nhỏ, thích trốn là trốn. Cậu ấy phải biết cân nhắc. Thế nên, Ra­ji­va đã gật đầu, chỉ cho tôi đường về và dặn rằng hết giờ tụng kinh cậu ấy sẽ đến. Tôi vốn định mở lời can ngăn cậu ấy đừng đến, vì sợ có điều tiếng không hay. Nhưng ý tứ đã ra đến đầu lưỡi lại lặng lẽ rút vào. Tôi hiểu rõ tính cách của cậu ấy, Ra­ji­va không bao giờ để ý đến những lời đàm tiếu. Vả lại, hãy thành thật đi, lẽ nào tôi không mong chờ gì ư?

Kết quả là, khi Ra­ji­va xuất hiện trước cổng nhà vào lúc hơn sáu giờ tối thì tôi đang trong tư thế ngóng đợi, đôi mắt dán vào cánh cổng. Giây phút cánh cổng từ từ mở ra và một bóng dáng cao gầy hắt lên hàng hiên từ ánh sáng ngọn đèn dầu, tôi bỗng thấy tiếng trái tim mình đập rộn ràng, tưởng như vang động khắp căn nhà.

Ra­ji­va tiếp tục chăm sóc vết thương cho tôi. Lại là khoảng cách quá gần ấy, lại là mùi thơm dìu dịu của gỗ đàn hương ấy. Tôi… say mất…

Chương 20: Tiếp tục công việc gia sư

Sau khi sắp xếp ổn thỏa nơi ăn chốn ở, tôi bắt đầu công việc khảo sát, đo đạc, vẽ tranh ở chùa Cakra mỗi ngày. Ra­ji­va đã căn dặn các sư sãi trong chùa, từ người giữ công, người trông coi Phật điện, đến người quản lý tàng kinh các để tôi được tự do tiến hành công việc của mình. Khách thập phương đến chùa Cakra, ngôi chùa lớn nhất Tây vực thời đó sẽ bắt gặp cảnh này: một cô gái người Hán trong trang phục Khâu Từ tay cầm một cuốn tập, dùng một thứ bút kì lạ tô tô vẽ vẽ trên cuốn tập đó. Chốc chốc lại lôi từ trong túi ra một chiếc thước cuộn hình thù kì dị đo chỗ này, ướm chỗ kia. Và vị sư trụ trì chùa, đại pháp sư Ku­mara­ji­va nổi danh khắp Tây vực đã yêu cầu tất cả hòa thượng sư tăng trong chùa tạo mọi điều kiện và không gây trở ngại cho công việc của cô gái đó.

Khi tôi đo đạc, khi tôi vẽ tranh, tôi thường xuyên nhìn thấy Ra­ji­va. Đây là lần đầu tiên tôi được quan sát công việc thường ngày của cậu ấy ở trong chùa. Lúc thì trò chuyện, đàm đạo với các đệ tử về kinh Phật, lúc thì bận rộn tiếp đón các tăng sĩ, hòa thượng đến xin học đạo từ các quốc gia lân cận, thậm chí từ các khu vực thuộc Trung Nguyên xa xôi. Ra­ji­va cũng thường xuyên ra ngoài, thâm nhập vào đời sống của quần chúng để thuyết giảng và truyền bá những giáo lý kinh văn Đại Thừa. Giờ tụng kinh buổi sáng bắt đầu khi tôi còn say trong giấc ngủ, nhưng bù lại tôi đã được quan sát trọn vẹn giờ tụng kinh buổi chiều của cậu ấy từ bốn giờ đến năm giờ. Khi tiếng chuông ngân vang, tất cả sư tăng trong chùa đều đến tập trung trên đại điện. Ra­ji­va khoác áo cà sa, cùng chư tăng hành lễ, dâng hương trước tượng Phật tổ, sau đó cậu ngồi vào vị trí cao nhất, bắt đầu tụng kinh cầu nguyện. Âm thanh tiếng tụng niệm kinh văn của hàng trăm nhà sư ấy ngân nga trầm bổng tựa sóng biển, vang vọng khắp đại điện, xen với tiếng chuông tiếng mõ thanh thoát, trong veo. Linh hồn như được tắm gội trong biển thanh âm thanh khiết, thoát tục ấy.

Chiếc ba lô North­fe thân thuộc của tôi đã trở về. Đồ đạc bên trong không thiếu thứ gì, kể cả chiếc khăn lụa Ata­la. Nhớ đến ngày Ra­ji­va tặng quà sinh nhật cho tôi, nhớ đến khuôn mặt đỏ lựng đi vì xấu hổ ấy, tôi tủm tỉm cười và bất giác hứng khởi quàng ngay chiếc khăn vào cổ. Một vài vật dụng đã thất thoát, như cuốn tập mới tôi chưa dùng đến, hay một vài cây bút chì và một vài cục tẩy. Nhưng những bức vẽ của tôi vẫn còn nguyên vẹn. Tôi cũng không vì thế mà âu sầu, tôi đoán Pusyse­da đã lấy ra nghịch và làm gãy hoặc làm mất rồi. Sau mười năm mà vẫn có thể tìm lại được bao nhiêu kỷ vật và chúng lại được giữ gìn cẩn thận như vậy, tôi không mong cầu gì hơn.

Buổi tối, Ra­ji­va vẫn đến và chăm sóc vết thương cho tôi. Thấy tôi quàng chiếc khăn lụa, cậu ấy thoáng ngạc nhiên, khóe môi ẩn hiện một nét cười. Ra­ji­va đề nghị tôi tiếp tục làm giáo viên tiếng Hán của cậu ấy. Cuốn sách đầu tiên mà cậu ấy muốn tôi giảng là cuốn “Sử ký” của Tư Mã Thiên. Thế là tôi bắt đầu khởi động chương trình “Trăm nhà thuyết giảng” với những câu chuyện thần thoại thời thượng cổ, những sự tích về Tam Hoàng Ngũ Đế. Tôi vốn là người rất yêu thích công việc giảng dạy. Vì học chuyên ngành lịch sử, tôi thường đến các Viện bảo tàng xin làm hướng dẫn viên du lịch “không lương”. Tôi cảm thấy rất phấn chấn mỗi khi du khách say mê lắng nghe những câu chuyện tôi kể.

Trước mặt tôi lúc này tuy chỉ có một thính giả, nhưng trình độ học thức của vị thình giả này lại rất cao. Vị thính giả ấy đang tập trung tinh thần cao độ để lắng nghe và liên tục gật đầu tán thưởng. Tôi cảm thấy như mình đang trở lại khoảng thời gi­an làm gia sư mấy tháng trước đó, chỉ khác là, tuy học trò không thay đổi, nhưng thời gi­an đã trải qua mười năm đằng đẵng. Giờ đây, tôi không thể cốc vào đầu cậu ấy, cũng không thể làm bộ nghiêm khắc, lên lớp với cậu ấy được nữa. Tình hình trở nên tệ hơn, vì cô giáo thường xuyên nhìn trộm gương mặt điển trai hệt như bức tượng điêu khắc trong thần thoại Hy Lạp của học sinh, sức lôi cuốn của vẻ đẹp ấy khiến cô giáo mất tập trung, ánh mắt cứ vân du tận chốn nao và giọng nói trở nên nhỏ nhẹ đến mơ hồ. Mất một lúc mới kịp lấy lại tinh thần, mặt đỏ như gấc chín, vờ uống nước, vờ hắng giọng, vờ tìm quạt, vờ đi vệ sinh, vân vân và vân vân các phương thức chữa thẹn.

Ở chùa Cakra, tôi từng được chứng kiến Ra­ji­va chủ trì một ngày hội cầu nguyện Phật Quan Âm. Tên gọi Quan Âm Bồ Tát được dịch ý từ tiếng Phạn, lẽ ra phải dịch thành Quan Tự Tại, nhưng sau khi truyền vào Trung Nguyên, người Hán đã đọc sai thành Quan Thế Âm. Thời nhà Đường, vì không muốn phạm húy khi có âm đọc trùng với tên vua Lý Thế Dân, triều đình đã hạ lệnh lược bỏ chữ “Thế”, nên tên Bồ Tát chỉ còn là Quan Âm. Tôi vốn không hề biết đây chính là ngày hội cầu nguyện Quan Âm Bồ Tát mà sau này đã được truyền bá rộng rãi tại Trung Nguyên, vì tên tiếng Phạn của Quan Âm rất khó nhớ. Nhưng khi nhìn thấy pho tượng Quan Âm thì tôi đã hiểu ra. Vào thời kỳ này, Quan Âm Bồ Tát không phải là hình tượng một vị Phật nữ giàu lòng từ bi mà chúng ta thường gặp, mà là một vị Phật nam uy nghiêm với hai vành râu rất đẹp, giống hệt hình ảnh trên những bức bích họa ở Mạc Cao, Đôn Hoàng và hình ảnh điêu khắc về Phật giáo thời kỳ Nam Bắc triều. Trước thời nhà Đường, Phật Quan Âm mang hình tượng của một vị Phật nam. Nhưng vì Quan Âm đi chu du khắp nơi, ngài thường cứu vớt chúng sinh bằng những phép thuật khéo léo tài tình và ngài còn có thể ban tặng con cái cho chúng sinh, nên có lẽ hình tượng Phật nữ phù hợp với ngài hơn chăng?

Lễ hội kéo dài bảy ngày và vì là lễ hội cầu nguyện ọi chúng sinh nên ai cũng có thể tham gia. Phật tử viết tên người thân đã qua đời của mình lên một thẻ gỗ, rồi trao cho vị sư phụ trách tiếp nhận để đặt lên hương án trước ban thờ Phật. Ra­ji­va cùng các Phật tử đặt hoa và dâng hương lên bàn thờ Quan Âm, sau đó chắp tay quỳ xuống vái ba vái, mỗi động tác, cử chỉ đều rất mực từ tốn, nho nhã, thanh thoát. Rồi cậu ngồi trên bục cao, khẽ lắc chiếc chuông đồng trên tay, âm thanh giòn giã trong trẻo vang xa, bỗng chốc, cả đại điện trở nên yên ắng lạ thường.

Ra­ji­va đưa mắt quan sát một lượt, vầng trán cao rộng, đôi mắt sáng ngời và gương mặt đức độ dạo qua tất cả mọi người, trong khói hương nghi ngút, hình ảnh của Ra­ji­va tựa như một vị tiên hạ phàm. Khi cậu cất tiếng, âm thanh như có sức mạnh thấu suốt, vang động mãi trong không gi­an thánh khiết.

Tự giác ngộ và giải thoát là biểu hiện của trí tuệ sáng suốt, giúp người giác ngộ và giải thoát là biểu hiện của lòng từ bi hỉ xả. Quan Thế Âm Bồ Tát với trí tuệ sáng suốt và tấm lòng đại từ đại bi luôn dõi theo chúng sinh. Ngài ban phát những lời răn và sự giúp đỡ dựa trên năng lực, phẩm hạnh và mong muốn không giống nhau của mỗi người. Từ đó, giúp chúng sinh vơi bớt thống khổ, giúp niềm hân hoan được nhân lên, giúp con người sống cuộc đời tự do tự tại, không phiền muộn, ưu sầu.

Chúng tăng quỳ rạp bái lạy, đồng thanh niệm đọc A di đà Phật. Những người dân đứng bên cạnh tôi cũng quỳ xuống bái lạy, tôi vội vàng học theo. Tiếp đó, Ra­ji­va đọc một câu kinh, sư tăng trong đại điện cất giọng đọc theo, biển thanh âm thành kính, từ tâm ấy ngân vang, bay lên cao như lay động cả trời xanh.

Ngày hôm đó, chùa Cakra phát lộc ọi thiện nam tín nữ đến chùa. Ra­ji­va đích thân chia lộc và ban phước ọi người. Hàng ngũ kéo dài đến tận cổng chính của chùa. Tôi len lỏi từng chút một để nhích dần lên phía trước và không ngừng nghển cổ ngóng trông. Ra­ji­va miệng niệm A di đà Phật, tay chắp lại kính cẩn, phân phát từng phần lộc đã được gói bọc cẩn thận cho từng người, tay cầm cây trượng dài được khắc chạm tinh xảo gõ nhẹ lên đầu mỗi người cầu phúc cho họ. Ai nấy đều tươi cười mãn nguyện. Xếp hàng hai tiếng mới đến lượt tôi, bụng đói cồn cào. Nhìn thấy tôi, Ra­ji­va thoáng vẻ ngạc nhiên, đáy mắt gợn nhẹ một ánh cười, quay sang nói nhỏ với đệ tử bên cạnh đôi câu. Rồi đặt lễ lên tay tôi, tôi mỉm cười chắp tay đáp lễ, cúi đầu nhận lời cầu phúc. Một vật gì đó chạm nhẹ trên đầu, mùi gỗ đàn hương tỏa khắp không gi­an, ngẩng đầu nhìn Ra­ji­va, trên gương mặt ấy là vẻ an nhiên tự tại và khí chất thanh tao không thuộc về thế giới trần tục, bỗng tôi thấy tim mình đập mạnh. Đang định rảo bước thì vị sư khi nãy chạy tới trao cho Ra­ji­va một chùm nho. Ra­ji­va tươi cười đón lấy, đặt vào tay tôi. Nho là hoa quả phổ biến nhất ở Khâu Từ nên rất rẻ. Tôi len lén nhìn quanh, thấy không ai có phản ứng bất mãn nào với phần quà đặc biệt dành ình, liền vội vàng cúi đầu nhận lộc và nhanh chân bước đi.

Chùm nho ấy tôi không nỡ ăn, tôi lấy một tờ giấy bọc lại cẩn thận rồi cất vào trong ba lô. Buổi tối khi trở về, Ra­ji­va có vẻ mệt mỏi, nhưng tinh thần rất phấn chấn và vui vẻ. Cậu ấy cả ngày không ăn uống gì, lại phải ở đó phát lộc và cầu phúc ọi người bốn tiếng đồng hồ liền, tôi thấy thương, vội lôi từ trong ba lô chùm nho để dành ra, nhưng ngập ngừng chưa biết phải thuyết phục cậu ấy như thế nào.

Ra­ji­va chăm chú quan sát từng động tác của tôi. Khi thấy tôi bóc lớp vỏ bọc và chìa chùm nho ra trước mặt, cậu hơi ngạc nhiên. Không chờ tôi mở lời, cậu đón lấy, ngắt một quả bỏ vào miệng, nhìn tôi cười:

- Ngọt lắm!

Tôi sững người trong giây lát, rồi cũng ngắt một quả thưởng thức, đúng là rất ngọt, ngọt hơn bất cứ loại nho nào tôi từng ăn…

Chúng tôi ngồi đối diện và cùng thưởng thức chùm nho ấy. Đột nhiên, nhớ đến một câu nói vui: Ăn nho nhớ bỏ vỏ nho đó![9] Tôi phì cười, muốn dạy lại cho Ra­ji­va. Tiếng Hán của cậu ấy chịu ảnh hưởng khẩu âm Khâu Từ nên phát âm không chuẩn, mấy lần bị líu lưỡi, làm tôi cười ngất. Không khí vui vẻ ấy khiến tôi bồi hồi, giá như, giá như thời gi­an ngưng đọng trong giây phút này…

Những ngày diễn ra lễ hội cầu nguyện, Ra­ji­va rất mệt mỏi, nhưng vẫn kiên trì đến chỗ tôi. Tôi tạm ngừng việc giảng bài và nghĩ cách để cậu ấy được nghỉ ngơi, thư giãn. Đôi lúc rất muốn mas­sage cho cậu ấy, nhưng tất nhiên chỉ dám nghĩ trong đầu. Buổi tối ngày cuối cùng, cả ngôi chùa rực rỡ ánh sáng. Trên tay mỗi người đều có một cây đèn nhỏ. Ra­ji­va đến trước tượng Phật tổ, khấu đầu vái lạy, rồi thắp sáng ngọn đèn trong tay mình. Rồi lần lượt các tăng sư sắp xếp theo phẩm giới từ cao xuống thấp, người phía sau đón ánh lửa từ ngọn đèn của người phía trước để thắp sáng ngọn đèn trên tay mình. Phút chốc, cả đại điện lung linh rực rỡ. Tôi cũng thắp sáng ngọn đèn của mình, cảm giác như ánh sáng ấy có thể chiếu rọi cả cõi tâm linh. Trong không khí linh thiêng ấy, Ra­ji­va tựa như một vị thánh với hào quang tỏa sáng, thần tuệ siêu phàm, dẫn dắt cả nghìn người cầu nguyện, rồi thả từng thẻ gỗ có ghi tên những người đã khuất vào trong đống lửa. Âm thanh tụng niệm vang vọng, bay lượn trong không gi­an và rót vào tai tôi. Khung cảnh này, cảm xúc này khiến tôi cảm động tưởng như có thể bật khóc.

Lễ hội kết thúc đã nhiều ngày rồi, vậy mà tôi vẫn không ngừng hồi tưởng về bầu không khí tâm linh trang nghiêm hôm đó, thêm một lần nữa tôi đã lĩnh hội được sức mạnh tinh thần lớn lao của tôn giáo. Có lẽ vì thế chăng mà ngay từ khi loài người xuất hiện, tôn giáo cũng theo đó ra đời. Và tôi tin rằng, tôn giáo sẽ tiếp tục tồn tại trường tồn cùng với sự tồn tại của con người và chỉ biến mất khi loài người diệt vong. Ai cũng có nhu cầu ký thác tâm nguyện, nhất là khi phải trải qua những khổ nạn. Phật giáo đã bắt rễ rất sâu và lưu truyền rộng rãi ở Trung Nguyên vào thời kỳ Nam Bắc triều, bởi vì đó là một gi­ai đoạn lịch sử thảm khốc. Khi tôi nói với Ra­ji­va về suy nghĩ và cảm nhận đó, cậu ấy mỉm cười đồng tình. Phần lớn kinh văn Phật giáo tôi đều không thuộc, tôi chỉ có thể thảo luận với cậu ấy về tôn giáo dưới góc độ lịch sử và triết học mà thôi. Có đôi lúc, cậu ấy không lí giải nổi những điều tôi nói, nhưng chỉ trong giây lát, tư duy thần tốc đã cho cậu ấy câu trả lời trọn vẹn. Khoảng thời gi­an ngắn ngủi mỗi buổi tối trôi qua trong chớp mắt. Tới khi nhận ra đã đến giờ cậu ấy phải về chùa, tôi không khỏi ấm ức, vì sao học thuyết tương đối của Ein­stein lại đúng tuyệt đối kia chứ!

Tôi tiếp tục công việc khảo sát và vẽ tranh trong chùa. Có lúc, tôi đang ngồi xếp bằng bên ngoài đại diện để đo đạc, thì cậu ấy bước vào trong trò chuyện với các đệ tử. Khi tôi ngồi trong đại điện họa lại những bức vẽ trên tường, thì cậu ấy dẫn theo một số hòa thượng vào điện thuyết pháp, không quên ra hiệu cho tôi tiếp tục công việc của mình, đừng để ý đến họ. Khi tôi kiễng chân lên đo chiều cao của ngôi tháp, sẽ có một bóng người cao gầy bước đến cầm lấy chiếc thước cuộn, che trên đầu tôi. Khi tôi khát nước, lập tức sẽ có một chú tiểu mang nước đến cho tôi, sau đó sẽ thấy bóng chiếc áo cà sa màu nâu sòng thân thuộc lướt qua bậc cửa…

Không thể tiếp tục như vậy! Giờ đây mỗi lần nhìn thấy Ra­ji­va, trái tim tôi lại đập rộn ràng một cách khó hiểu. Ngày nào không thấy cậu ấy, tôi như người mất hồn, không thể tập trung làm được việc gì cả. Buổi tối, khi gối đầu trên chiếc gối của cậu ấy, đắp lên mình tấm chăn của cậu ấy, một niềm vui bất trị cứ trào dâng trong tôi. Lúc đến chùa Cakra, tay tôi cầm bút nhưng mắt tôi không ngừng dõi theo từng bước chân của cậu ấy, cho đến khi Ra­ji­va ngước lên và mỉm cười với tôi. Tôi biết rất rõ những biểu hiện ấy có nghĩa là gì. Nếu tôi vẫn tiếp tục ngắm nhìn gương mặt ấy, tiếp tục lắng nghe giọng nói của của cậu ấy, tôi sẽ sa vào “vòng trầm luân”, không thoát ra được và cũng không muốn thoát ra. Nhưng, Ngài Tình ơi, cô có thể có tình cảm với bất cứ ai, nhưng không được có tình cảm với cậu ấy. Cậu ấy không phải là tách trà cô uống mỗi ngày. Giữa cô và cậu ấy là khoảng cách 1650 năm thời gi­an. Và điều quan trọng nhất là: cậu ấy mãi mãi là một hòa thượng, còn cô, sớm muộn cũng phải quay trở về thế kỷ XXI của mình.

Vậy nên, sau hai tháng trời kéo lê, công việc khảo sát ở chùa Cakra của tôi không thể không kết thúc. Trăn trở mãi, cuối cùng tôi cũng quyết định sẽ nói với cậu ấy về dự định của mình vào buổi học tiếp theo.

Hôm đó, tôi giảng giải cho Ra­ji­va quyển thứ sáu mươi mốt trong tập “Sử ký” của Tư Mã Thiên có tên gọi – Bá Di liệt truyện. Bá Di và Thúc Tề lấy việc nước mất làm xấu hổ, thề không ăn thóc nhà Chu, bỏ lên núi hái rau dại ăn qua bữa, nhưng rau dại không thể nuôi sống con người, nên cuối cùng hai ông đã bị chết đói tại núi Thú Dương. Dưới ngòi bút của Thái Sử Công Tư Mã Thiên, lòng trung thành và phẩm hạnh cao khiết lẫm liệt ấy đã được đánh giá rất cao. Phần truyện kể về Bá Di, Thúc Tề rất ngắn gọn súc tích, nhưng nội dung chính lại nằm trong đoạn Thái Sử Công bày tỏ những suy cảm của riêng mình.

- Thế nhưng, chúng ta có nên học theo hành động “ngu trung” đó của Bá Di và Thúc Tề hay không? Khi ấy, thiên hạ đã thuộc về nhà Chu, họ thề không ăn thóc nhà Chu, bỏ lên núi hái rau dại, nhưng rau dại ấy vẫn là rau dại của nhà Chu, họ sống trên núi Thú Dương thuộc lãnh thổ của nhà Chu và sau khi họ chết, chính người nhà Chu đã an táng cho họ.

Tôi thở dài:

- Ai rồi cũng phải đối mặt với những khó khăn thử thách trong cuộc đời và trước mỗi khó khăn thử thách ấy, mỗi người đều phải đưa ra lựa chọn và quyết định của riêng mình. Sẽ nhẫn nhục tiếp tục sống hay học theo Bá Di, Thúc Tề thà chết đói chứ nhất định không chịu nhục. Nếu là tôi, tôi sẽ chọn cách tiếp tục sống. Bởi vì chỉ có như vậy chúng ta mới có thể thực hiện được lý tưởng của mình. Vậy còn những lời phán xét của người đời sau thì sao? Tôi đã thành người thiên cổ rồi thì còn để tâm đến điều đó làm gì nữa!

Tôi lặng ngắm Ra­ji­va và bâng khuâng nghĩ đến khúc ngoặt trên hành trình số mệnh của cậu ấy mười một năm sau. Khi ấy, chắc hẳn cậu ấy đã phải chịu những nỗi dằn vặt đau đớn đến đứt từng khúc ruột?

- Vì vậy, Ra­ji­va ạ, nếu sau này gặp phải khó khăn hay trở ngại, cậu hãy nghĩ đến lý tưởng lớn lao của mình, lấy đó làm động lực tiếp tục sống.

Mười một năm sau, tôi sẽ không xuất hiện, nên chỉ có thể đưa ra lời khuyên như vậy với cậu ấy.

- Viết sách làm thơ, đó là điều những người trong lúc cùng khốn dùng để truyền đạt chí hướng và suy cảm của mình. Xưa Tây Bá (tức Chu Văn Vương) bị tù ở Dũ Lí nên diễn giải Chu dịch; Khổng Tử gặp nạn ở đất Trần, đất Sài nên viết Xuân Thu; Khuất Nguyên bị đuổi nên viết Ly Tao; Tả Khâu Minh bị mù làm Quốc Ngữ; Tôn Tẫn cụt chân bàn Binh Pháp; Lã Bất Vi bị đày sang Thục, đời truyền lại sách Lữ Lăm; Hàn Phi bị tù ở Tần làm nên những thiên Thuyết Nan, Cô Phẫn; ba trăm bài ở “Kinh thi” phần lớn đều do thánh hiền làm ra để giãi bày nỗi phẫn uất. Những người ấy đều vì những điều uất ức không biểu lộ ra được, cho nên thuật lại việc xưa mà lo truyền lại người sau.

Ra­ji­va nhìn tôi, mượn lời của Thái Sử Công đáp lời tôi.

Chúng tôi cứ thế nhìn sâu vào mắt nhau, mặc cho không gi­an xung quanh trở nên tĩnh lặng thất thường, giữa chúng tôi là bầu không khí khó đặt tên. Gương mặt Ra­ji­va hiện dần sắc đỏ, cậu đột nhiên quay đi. Vẻ mặt mà tôi nhìn thấy là sự đan xen của rất nhiều xúc cảm: một chút khó xử, một chút buồn và một chút… hối hận.

Ra­ji­va, thực ra cậu đâu cần tôi dạy. Đoạn sử “Thái Sử Công tự thuật” cậu vừa đọc nằm trong chương cuối của bộ Sử ký. Tôi tin rằng, nếu yêu cầu cậu đọc thuộc cả bộ Sử ký này, cậu cũng có thể làm được. Vậy thì vì sao cậu vẫn muốn tôi lên lớp? Trái tim tôi bỗng đập nhanh dữ dội, tưởng như có thể nhảy ra khỏi lồng ngực. Tôi có thể suy luận ra được, là vì cậu muốn được gặp tôi mỗi ngày, nên mới vờ như chưa từng đọc “Sử ký”, đúng không? Nhưng mà… nhưng mà…

Tôi nhắm nghiền mắt lại, cố sức kìm chế nhịp đập gấp gáp, vất vả của trái tim và nói với cậu ấy bằng sự bình tĩnh lớn nhất mà tôi có được:

- Ngày mai tôi không đến chùa Cakra nữa, tôi đã vẽ xong rồi. Cậu biết phải tìm đoàn thương nhân đi Trường An ở đâu không? Nếu cậu không biết, tôi tự tìm hiểu cũng được.

Trầm tư trong giây lát, Ra­ji­va hỏi tôi:

- Lúc này Trung Nguyên đang trong hoàn cảnh loạn lạc, chiến tranh liên miên, người Hán và người Hồ ra sức tàn sát lẫn nhau. Cô một mình thân gái dặm trường, vì sao cứ nhất định phải đến nơi nguy hiểm ấy? Khâu Từ tuy chỉ là một quốc gia bé nhỏ, nhưng dù sao vẫn an toàn hơn nơi đó rất nhiều. Chi bằng…

- Ra­ji­va…

Tôi khẽ ngắt lời cậu ấy.

- Lý tưởng của cậu là cứu độ ọi chúng sinh thoát khổ. Để hoàn thành lý tưởng này, cậu sẵn sàng đến Trung Nguyên, dấn thân vào chốn binh đao khói lửa đó chứ?

- Tất nhiên là tôi sẵn sàng.

- Tôi cũng vậy.

Tôi ngắm nhìn cuốn “Sử ký” vốn là tâm huyết một đời của Thái Sử Công.

- Tôi cũng có lý tưởng của mình. Tôi từng nói với cậu, ước nguyện của tôi là viết nên một cuốn sách sử, ghi lại những sự kiện lịch sử chân thực, trả lại cho lịch sử tính xác thực vốn có.

Ngũ Hồ Loạn Hoa là thời đại lịch sử bi thảm nhất của người Hán. Cha con Thạch Hổ nước Hậu Triệu lấy việc giết hại người Hán làm thú vui, chỉ trong vòng hai mươi năm đã giết hại mấy mươi vạn người.

Nhiễm Mẫn diệt Triệu, ban lệnh tàn sát người Hồ, phàm những người có dung mạo giống người Hồ là thẳng tay giết chết không tha. Chỉ trong một năm, đã giết hại hơn hai mươi vạn người Hồ. Phương bắc Trung Quốc, trong vòng hơn hai mươi năm, xương trắng đầy đồng, xác người chất cao thành núi, tiếng than khóc dậy trời. Nếu là thời đại đó, có cho tôi đem theo vũ khí hạt nhân, tôi cũng không dám đi. May thay đó là gi­ai đoạn khi Ra­ji­va vừa chào đời. Tình hình Trung Nguyên hiện nay, nhà Tiền Tần đã lấy được vùng Lương Châu và Liêu Đông, cơ bản thống nhất được phương bắc. Và Phù Kiên là vị vua mà tôi ngưỡng mộ nhất trong thời kỳ Thập lục quốc. Tôi rất mong muốn được đến tham quan nước Tiền Tần do ngài cai trị hiện nay, bởi vì sau mười năm nữa, với thất bại thảm hại ở trận Phì Thủy, nhà Tiền Tần của ngài đã nhanh chóng suy yếu và tan rã, phương bắc lại tiếp tục rơi vào cuộc tranh đoạt thảm khốc của các thế lực ly khai.

Tôi nhìn Ra­ji­va, thầm hy vọng ánh mắt kiên định của mình sẽ nói lên điều gì đó. Cậu ấy nhìn tôi, rồi lại ngoảnh mặt đi hướng khác, ánh mắt lạc lõng thả trên ngọn đèn dầu lập lòa, giọng nói nhẹ như hơi thở:

- Tôi sẽ sắp xếp cho cô.

Tôi tiếp tục giảng bài, Ra­ji­va tiếp tục lắng nghe. Cứ xem như tôi không hiểu tâm trạng của cậu ấy. Cứ vờ như thế đi, tiếp tục làm ngơ đi…

Kết thúc buổi học, như thường ngày, Ra­ji­va lặng lẽ ra về. Tôi đang định thở phào một tiếng, chợt cánh cửa phòng lại mở ra.

- Cô còn nhớ Thiên Phật động Kizil không?

Vẫn dáng vẻ bình thản thường thấy đó.

- Sau mười năm kể từ ngày cô nói ở đó sẽ có một ngôi chùa hang đá, đến nay đã có hơn mười hang động lớn nhỏ được xây dựng rồi đó.

- Bảy ngày sau tôi sẽ tới đó lễ Phật.

Ra­ji­va nhìn tôi, mắt sáng long lanh.

- Cô có muốn đi không?

Tôi… tôi… tôi muốn chứ! Cậu ấy hiểu rõ điều gì có thể hấp dẫn tôi. Nếu đến đó, tôi sẽ xác định thời gi­an và trình tự xây dựng các hang đá của ngôi chùa vĩ đại ấy và còn có thể phác họa lại những bức vẽ tuyệt đẹp trên tường mà về sau đã bị phá hoại nặng nề. Những tài liệu này sẽ là những tài liệu lịch sử vô cùng quý giá. Tôi không kháng cự nổi sức hấp dẫn này. Trì hoãn thêm vài ngày có lẽ không vấn đề gì. Có lẽ tôi vẫn còn đủ thời gi­an.

Thấy tôi gật đầu, Ra­ji­va tươi cười.

- Bảy ngày sau chúng ta sẽ lên đường.

## 11. Chương 21 - 22

Chương 21:Thiên phật động Kizil

Bảy ngày sao đó, vào một sáng mùa hạ rực rỡ, chúng tôi lên chiếc xe ngựa tiện dụng của Ra­ji­va, thẳng tiến về hướng Thiên Phật động chỉ cách Kucha chừng bảy mươi dặm, xe ngựa của Ra­ji­va lại là cỗ xe rất tốt, nên chỉ mất hai ngày là đến nơi. Có điều, phải ngồi chung với Ra­ji­va trong một khoảng không gi­an hẹp như vậy, không thoải mái chút nào. Ánh mắt chạm đến đâu cũng là hình ảnh của cậu ấy: Ra­ji­va lúc điềm nhiên, Ra­ji­va lúc mỉm cười, Ra­ji­va nho nhã, lịch thiệp, Ra­ji­va với ánh mắt hút hồn. Đôi mắt tôi, tựa như chuếc máy ảnh tám triệu pix­el, liên tực giữ những khung hình của cậu ấy. Giá như tôi có được một bức ảnh của Ra­ji­va thì tuyệt biết mấy, như thế lúc quay về tôi sẽ có kỷ vật để mà hồi tưởng lại. Quay về? Đúng rồi, sớm muộn gì tôi cũng phải quay về, thế nên tốt nhất đừng lãng phí và tình cảm thêm nữa.

Nào hãy tập trung tinh thần, dẹp bỏ mọi ảo tưởng, kiên quyết tránh xa sức hấp dẫn của “Chàng đẹp trai” và hoàn thành cho tốt bổn phận của mình.

Quyết tâm như vậy, nên khi xe ngựa dừng lại nghỉ ngơi, tôi làm ngơ bàn tay đang chìa ra muốn đỡ tôi xuống, tôi thờ ơ, tự tìm cách nhảy khỏi xe. Lúc ăn uống, tôi tự phục vụ bản thân, kiên quyết không để tái diễn tình trạng lười biếng lúc trước, ỷ lại vào đôi tay của cậu ấy. Lúc gặm xong miếng bánh khô Tây vực, tự mình lau sạch những vụn bánh vương vấn trên mép, kiên quyết không nhận lấy mảnh khăn nhỏ từ tay cậu ấy và để mặc đôi tay ấy phải ngượng ngùng thu về. Lúc ngồi lên xe, không có cách gì tránh né, tôi đành nhắm nghiền mắt lại, nghỉ ngơi lấy sức, buồn ngủ cũng kiên quyết không gục xuống, tránh khi tỉnh dậy lại thấy mình lấy tay cậu ấy làm gối

Có phải là ảo giác của tôi hay không? Một tiếng thở dài khe khẽ, buồn bã trôi đến tai tôi. Trái tim tôi như thắt lại…

Cuối cùng cũng tới Kizil. Tôi lấy làm khâm phục sự kiên cường của bản thân, suốt hai ngày trong không gi­an riêng biệt chỉ có hai người, cái không gi­an nhỏ hẹp không khỏi khiến người ta điên đảo, vậy mà tôi vẫn kiên trì nguyên tắc của mình, kiên quyết không để nảy sinh tình cảm với người cổ đại. Đó là lời răn dạy của sếp trước mỗi lần tôi vượt thời gi­an: Phải luôn ghi nhớ, em là người hiện đại, em sẽ phải quay về thời đại của mình, phải luôn nhắc nhở bản thân, nếu nảy sinh tình cảm nam nữ, lịch sự rất có thể sẽ vì em mà thay đổi…

Nhưng khi trước mắt tôi là ngọn núi Karadag hùng vĩ đang tắm gội dưới ráng chiều huyền ảo, dãy hang đá dài bất tận với những cửa động đều thẳng tắp, những chiếc thang gỗ cao chất ngất với những hành lang bí ẩn len lỏi qua các hang đá, thì những thứ quá ư mệt mỏi như tình cảm hay cảm xúc này nọ, đã trôi tuồn tuột ra khỏi đầu tự lúc nào không hay.

Tối hôm đó, tôi được sắp xếp ở lại trong một quán trọ ven sông Muz. Nghe nói họ dành cho tôi căn phòng tốt nhất, tuy vậy điều kiện vệ sinh không ổn cho lắm, may mà tôi đã chủ động mang theo túi ngủ tiện dụng. Buổi tối bên sông Muz, không khí trong lành, thoáng đãng như vừa gột rửa, nền trời ngàn sao lấp lánh. Không gi­an tựa như vô trùng này mang lại cảm giác sảng khoái, dễ chịu thật đặc biệt. Tôi vốn định lang thang, dạo mát ven sông, nhưng bóng dáng cao gầy ấy cứ chậm rãi, lặng lẽ bước theo tôi, khiến tâm tư tôi không khỏi xao động. Không biết phải làm sao, tôi đành dằn lòng quay gót, rảo bước về phòng, bỏ lại bóng dáng ấy chơ vơ giữa dòng sông vằng vặc ánh trăng.

Ngày hôm sau đến chùa, đúng như tôi dự đoán, rất nhiều người nhận ra Ra­ji­va. Chùa Kizil đã thu hút đông đảo các hòa thượng từ khắp nơi đến đây tu hành, phòng đá dành cho các tăng sư tọa thiền đã kín chỗ. Tất cả mọi người đều nhìn Ra­ji­va với ánh mắt kinh ngạc, thậm chí, hình như có chút gì đó kinh miệt. Không không, không thể như thế được. Làm sao người ta có thể khinh miệt Ra­ji­va chứ! Chắc chắn tôi đã nghiêm trọng hóa vấn đề lên thôi! Vị sư trụ trì chào đón Ra­ji­va rất nồng nhiệt, sau đó đưa cậu ấy đến một căn phòng thiền đặc biệt, đã được dọn dẹp sạch sẽ. Sao lại như vậy? Lẽ ra mọi người phải sôi nổi vây quanh Ra­ji­va và sôi nổi luận đàm về Phật pháp với cậu ấy mới đúng chứ? Sao lại để cậu ấy ngồi thiền một mình trong căn phòng đá vắng lạnh kia? Tôi đưa mắt quan sát và nhận thấy, tăng sư trong các phòng khác cũng ngồi im lìm một chỗ, cả ngày không bước chân ra ngoài. Tuy có hơi băn khoăn, nhưng tôi nghĩ rằng chắc mình không hiểu sâu những phép tắc, quy định, luật lệ của nhà Phật, vả lại nói cho cùng thì, thứ thu hút tôi đến đây là những bức họa kia mà. Nghĩ vậy, tôi đã đẩy mọi nghi hoặc ra khỏi đầu.

Thiên Phật động Kizil có tất cả hai trăm ba mươi sáu hang đá được đánh dấu theo thứ tự. Trong đó có khoảng tám trăm hang đá còn lưu giữ được các bức vẽ trên tường. Phần lớn hang đá là những căn phòng nhỏ ngồi thiền của nhà sư theo tông phái Phật giáo Tiểu Thừa. Khi còn ở thế kỷ XXI tôi đã từng khảo sát di tích này. Trong các phòng thiền không có tranh vẽ, chỉ có một chiếc giường đá rất lạnh, nhỏ và hẹp. Thời cổ đại, phải đào bới và đục đẽo hang đá bằng tay, nên rất gi­an nan và chi phí cũng rất tốn kém. Thời gi­an đầu xây dựng chùa, mọi phí tổn đều do đức vua Khâu Từ quyên tặng. Cho đến thời điểm tôi đang có mắt ở đây, ngôi chùa cũng mới chỉ có ba hang đá có các bức bích họa và tám phòng tiền, trong đó hai hang đá trang trí họa bích vẫn chưa hoàn thiện, các nghệ nhân vẫn đang tất bật với công việc vẽ tranh của mình.

Hấp dẫn quá! Đây là một đề tài tuyệt vời! Chỉ cần bạn chọn ra một trong số các công đoạn: Chọn màu tạo màu, sắp xếp hoa văn họa tiết, hay công đoạn vẽ, hay các câu chuyện Phật giáo trên các bức vẽ, bạn sẽ có được một bài luận xuất sắp với giá trị học thuật cao. Một dịp tham quan di tích lịch sử vương triểu Guge thuộc vùng Na­gari (nay là huện Zan­da, Na­gari, Tây Tạng), tôi tình cờ gặp một tổ chức từ thiện của Liên Hợp Quốc trong một ngôi chùa cổ từ tám trăm năm trước. Họ đang mải mê với các công việc phục chế miễn phí các bức bích họa đã được sáp xếp và di sản thế giới. Tôi nghển cổ lên trò chuyện với một nghẹ nhân nữ người Thụy Sĩ đang quỳ trên giá đỡ ở trên cao. Cô cho tôi xem bộ đồ nghề của mình: Những chiếc bút lớn nhỏ đủ mọi kích cỡ, những chiếc xẻng và những chiếc kẹp nhỏ, nhiều vô kể và không dễ sử dụng chút nào. Tôi mê mẩn quan sát cô ấy vẽ tranh, công việc tỉ mỉ chẳng khác nào thiếu nữ thêu hoa trên lụa. Những bức họa sau khi được phục chế, trở lên sống động lạ thường, cảm giác như chúng vừa được tái sinh. Từ tận đáy lòng mình tôi vô cùng cảm phục tài năng và tấm lòng cao đẹp của những con người ấy. Còn giờ đây, tôi đang được tận mắt chứng kiến quá trình chuẩn bị và hoàn thai nên những tác phẩm kiệt xuất của loài người, điều này làm tôi phấn khích quên cả đói và mệt. Tôi muốn tìm hiểu xem, trong điều kiện vật chất thiếu thốn thời cổ đại, trong thứ ánh sáng léo lắt được đốt lên từ nhựa thông, những nghệ nhân này đã sáng tạo nên những bức vẽ để đời ra sao. Tôi hào hứng hỏi chuyện họ, thâm nhập vào công việc của họ, học hỏi kỹ thuật vẽ tranh của họ, phác họa những bức vẽ đã hoàn thành của họ, chưa bao giờ tôi được bận rộn và vui sướng đến thế.

Họ sử dụng bột đá xanh Lapis Lazuli làm lớp màu nền, sau đó dùng bột vàng hoặc thếp giấy vàng quét lên quần áo cà sa của Phật tổ, từ xa sẽ thấy những hình ảnh Phật Thích Ca Mâu Ni tỏa hào quang lấp lánh, đẹp lung linh trong mỗi khung hình thoi màu xanh da trời. trải qua sự bào mòn của thời gi­an và mưa nắng, sắc đỏ trên bức vẽ biến thành màu đen, những màu sắc khác cũng không giữ được vẻ đẹp ban đầu, duy chỉ có màu xanh da trời ấy, vẫn vẹn nguyên vẫn tươi tắn như lúc trước. Đá Lapis Lazuli được khai thác ở Afghanistan, cách Khâu Từ một nghìn năm trăm kilo­met, với màu xanh lam quyến rũ, lại có thể phát ra thứ ánh sáng lấp lánh giống hệt đá Pyrite, nên khu được các thương nhân vận chuyển đến Khâu Từ, giá của các loại đá này tăng vọt, gấp nhiều lần so với giá vàng khối ở cùng một trọng lượng. trong không gi­an động đá, sự gi­ao thoa của hai màu xanh đỏ, tạo nên ánh vàng rực rỡ, mỗi bức tranh là một cảnh tượng sinh động, bắt măt, mỗi bức tranh là một tài sản lớn. Về sau, khi Khâu Từ bị người Ughur xâm chiếm, vì căm ghét tín ngưỡng thờ cúng hình tượng, họ đã đang tâm cạo sạch lớp bột vàng trên mình tượng Phật, để lộ lớp đất đá cằn cỗi tới tận hiện đại. Duy chỉ có màu xanh kiên trinh ấy, vẫn mỉm cười với thời gi­an, vẻ đẹp của nó đã khiến biết bao nhiêu học giả của thế kỷ XXI phải thổn thức, ngậm ngùi.

Sau khi phát triển hưng thịnh vào khoảng cuối thế kỷ thứ VI trước Công nguyên, trong vòng vài trăm năm, Phật giáo không hề có tượng thờ, chỉ có dấu chân Phật, ban thờ, cây bồ đề, bảo tháp là những hình ảnh tượng trưng của Phật. Khi tôi đến tham quan hang đá Ajan­ta ở Ấn Độ, một hang đá được xây dựng rất sớm, vào khoảng thế kỷ I- II sau Công nguyên, tôi không thấy bất cứ tượng thờ nào, chỉ có dấu chân Phật và ban thờ Phật. Một thế kỷ sau Công nguyên, cùng với sự phát triển của Phật giáo Đại Thừa, tín ngưỡng hình tượng trở nên lưu hành, từ lúc đó mới bắt đầu xuất hiện những tác phẩm tượng Phật.

Alexan­der đại đế từng chinh chiến ngang qua Gand­hara[10] và mang theo tới đây nền nghệ thuật Hy Lạp, nên các tác phẩm tượng Phật phần nhiều chịu ảnh hưởng từ phong cách tạc tượng và điêu khắc của Hy Lạp, Gand­hara trở thành một trường phái quan trọng trong nghệ thuật tạo hình tượng Phật.

Các bức bích họa trong ngôi chùa hang đá Lizil chịu ảnh hưởng sâu sắc của nghệ thuật Gand­hara, thậm chí cả nghệ thuật Hy Lạp. Những bức vẽ tượng Phật mẫu đó đã bị hủy hoại hoàn toàn chính là những đại diện tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật Gand­hara. Khuôn mặt hình bầu dục, ngũ quan đoan chính, sống mũi cao, mái tóc lượn sóng, búi gọn lên trên đỉnh đầu. Trên mình khoác áo choàng dài, lộ một bên vai và để râu. Hình ảnh các vị Phật, Bồ Tát và thánh tiên trên các bức bích họa phần lớn đều để trần nửa thân trên, dáng điệu uyển chuyển, thân thể bay bổng; y phục, trang sức, thắt lưng, đều được khắc họa vô cùng tinh tế và sống động.

Tôi đang phác thảo lại một bức họa “cung nữ hoắc Tất đạt đa (Sid­dartha)”. Bức họa này kể câu chuyện khi Phật tổ vẫn còn là một thái tử, ngài đã nhìn thấu những phiền não, khổ sở của cuộc đời và từ đó quyết định đi tu. Cha của ngài, đức vua Tịnh Phạn (Sud­dhoana) vì muốn ngài kế thừa vương vị nên đã ra sức kiến tạo một đời sống xa hoa, hy vọng có thể níu giữ Tất đạt đa ở lại ở thế tục. Tôi đang say sưa phác họa, chợt cảm thấy có điều gì lạ từ phía sau. Quay lại, bắt gặp Ra­ji­va đang chăm chú quan sát cuốn tập của tôi, khuôn mặt đỏ dữ dội. Tôi nhìn lại bức vẽ của mình và hiểu ra vấn đề. Tôi đang phác thọa hình ảnh một cung nữ áp sát thân mình thái tử, trong tư thế hết sức khêu gợi. Đây chỉ là một hình ảnh rất nhỏ trong hàng nghìn hình ảnh trên các bức bích họa trong hang đá này. Nếu tôi không vẽ lại và phóng to lên, chắc sẽ không ai để tâm đến những nét tinh tế ấy. Thân hình và tư thế của cô cung nữ quả thực các nghệ nhân vẽ tranh. Ra­ji­va đến, tôi mới nhận ra mình làm việc nhập tâm tới mức mọi người đã đi hết mà không hay biết. Không còn cách nào khác, tôi đành đi ăn cùng cậu ấy.

Mấy ngày nay, cậu ấy và vị sư trụ trì tất bật chạy qua chạy lại, không lúc nào rời bản vẽ thiết kế, mắt quan sát vách núi phía trước, tay chỉ trỏ liên hồi. Tôi thấy tò mò liền hỏi, cậu ấy bảo sẽ dùng số tiền quyên tặng của triều đình trong những năm gần đây cho chùa Cakra để xây dựng một pho tượng Phật khổng lồ. Tôi nhìn vào bản vẽ thiết kế, pho tượng cao tới mười lăm mét, trong vòng hào quang phía sau tượng Phật khổng lồ còn có rất nhiều hình tròn khắc họa các tượng Phật nhỏ hơn. Kiểu tạo hình khác với tạo hình tượng Phật ở cõi Niết Bàn điển hình của Phật giáo Tiều Thừa, đây là nghệ thuật Gand­hara gi­ai đoạn sau, hay còn gọi là “trường phái Ấn Độ - Afghanistan”

Nghệ thuật Gand­hara men theo con đường tơ lụa thẳng tiến về hướng đông. Trước hết, nó đổ bộ và phát triển rực rỡ tại phía đông của lãnh thổ Afghanistan vào thời đại của đế quốc Kushan (hoặc Ku­sana). Tượng Phật khổng lồ ở Bamiyan đã bị Tal­ian phá hủy chính là những đại diện tiêu biểu cho trường phái nghệ thuật này. Thời niên thiếu, Ra­ji­va từng theo mẹ đến Kab­ul, thuộc Kash­mir để học đạo, đây mà khu vực trung tâm Gnand­hara, chắc chắn cậu ấy đã được chiêm ngưỡng những pho tượng vĩ đại đó. Có lẽ nhờ thế mà Thiên Phật động Kizil mới có những hang đá bên trong dựng tượng Phật khổng lồ. Một công trình lớn như vậy, thiếu bàn tay và trí tuệ của một bậc cao tăng như Ra­ji­va, khó mà có thể hoàn thành.

Nhưng Ra­ji­va không biết được điều này, rằng phương pháp kết hợp kiến trúc xây dựng hang đá của Ấn Độ với nghệ thuật tạo tác những pho tượng khổng lồ nhằm tạo ra những pho tượng Phật trong hang đá của Ra­ji­va tại công trình Thiên Phật động Kizil không chỉ gây tiếng vang mạnh mẽ ở Khâu Từ, mà còn có sức ảnh hưởng rất lớn đến các công trình hang đá sau này như hang đá ở Mạc Cao, Đôn Hoàng, Vân Cương hay ở Long Môn.

Không thể không khâm phục và ngưỡng mộ cậu ấy. Nhưng tôi chợt nhận ra điều lạ lùng này, trong khi Ra­ji­va làm việc không nghỉ ngơi thì các sư tăng khác chỉ ngồi yên trong phòng từ sáng đến tối. Thậm chí, đến giờ ăn họ cũng không ra ngoài, thường sẽ có một chú tiểu mang hộp cơm đến và đặt vào từng căn phòng. Điều này thật kỳ quặc, phải chăng họ đang thực hiện một nghi thức nào đó? Lúc ăn cơm tôi đem thắc mắc đó ra hỏi Ra­ji­va thì cậu ấy chỉ trả lời qua loa rằng họ đang ngồi thiền, không có gì đáng ngạc nhiên cả. Tôi biết Ra­ji­va không muốn nói, nên tôi tranh thủ thời gi­an buổi chiều, tìm hiểu vấn đề thông qua các nghệ nhân vẽ tranh.

- Họ đang ngồi thiền mùa hạ[11]

Ngồi thiền mùa hạ? Nghe rất quen. Đúng rồi, trong “Pháp Hiển truyện” ngài Pháp Hiển có viết rằng trên hành trình đi Tây Trúc, ngài đã nhiều lần phải dừng lại ba tháng để ngồi thiền mùa hạ.

- Hàng năm, cứ đến mùa hạ, các pháp sư lại ngồi thiền tĩnh tâm ở trong phòng, không bước ra ngoài.

- Đúng vậy, họ không được phép ra ngoài, nếu có việc hệ trọng, họ phải xin phép trụ trì rồi mới được ra ngoài.

- Đúng vậy, đúng vậy, họ ngồi như vậy cả tháng trời. Các bậc cao tăng thì ngồi thiền liền ba tháng.

Cuộc thảo luận sôi nổi không còn sức hấp dẫn với tôi nữa. Tôi bỗng thấy sống mũi cay cay. Mùa mưa, đệ tử nhà Phật tập trung, ngồi bên nhau, tĩnh tâm tu hành. Bởi vì đây là khoảng thời gi­an vạn vật sinh sôi nảy nở, họ không ra ngoài để tránh sát sinh. Thì ra ánh mắt khinh miệt của những tăng sĩ kia dành cho Ra­ji­va là có thật. Đáng lẽ phải ngồi yên trong chùa tĩnh tâm tu hành, thì cậu ấy lại ngang nhiên ra ngoài cùng một cô gái. Mặc dù cậu ấy đến đây vì công việc xây tượng Phật, nhưng tại sao nhất định phải đến vào thời gi­an ngồi thiền mùa hạ? Cậu ấy bất chấp thanh quy, giới luật của nhà chùa, là vì tôi ư?

Buổi tối, tôi thơ thẩn bên sông Muzat, tôi biết, ở một góc khuất cách đó không xa, cậu ấy đang yên lặng đứng nhìn. Tôi đưa tay lên vẫy, Ra­ji­va có vẻ ngạc nhiên, chậm rãi bước đến bên tôi. Tôi phủi sạch viên đá bên cạnh, cậu ấy do dự trong giây lát rồi từ từ ngồi xuống.

- Ra­ji­va, hiện đang là thời gi­an ngồi thiền mùa hạ, cậu không nên ra ngoài mới phải…

Cậu ấy hơi giật mình, mắt di chuyển về phía dòng sông trăng lấp lánh như dát bạc, giọng nói bình thản:

- Tôi đến đây vì công việc xây dựng tượng Phật, điều đó càng tỏ lòng tôn kính đối với Phật tổ, vì sao không được?

- Nếu vậy, sao cậu không chờ một tháng sau hãy đến?

Ra­ji­va đột nhiên quay lại nhìn tôi, dưới bầu trời đêm ngàn sao lấp lánh, đôi mắt ấy như đang cuộn sóng, nhưng những đợt sóng rất nhanh chìm vào sâu thẳm.

Cổ họng tôi nghẹn đắng, tôi không dám nhìn vào mắt cậu ấy:

- Ra­ji­va, tôi vẽ cũng tương đối rồi, ngày mai có thể rời khỏi đây.

Ra­ji­va im lặng, nghiêng đầu dõi mắt về phía mặt sông, gương mặt u trầm, không chút biểu cảm.

Tôi cắn chặt môi, đẩy quyết tâm mức cao nhất có thể:

- Ra­ji­va, tôi không thuộc về nơi này.

- Tôi biết.

Bỗng nhiên, cậu ấy đứng bật dậy, khuôn ngực phập phồng. Ra­ji­va quả thực rất cao, tôi ngước lên nhìn cậu ấy chỉ một lát mà mỏi nhừ cả cổ. Có lẽ không phải chỉ vì cậu ấy quá cao, mà vì đầu tôi lúc này như đeo đá, nặng trình trịch, như đang rơi, sắp rơi xuống rồi…

- Ngày mai chúng ta sẽ rời khỏi đây.

Tôi gắng gượng nhấc đầu lên, thấy bóng chiếc áo cà sa màu nâu dòng đang di chuyển gấp gáp về phía nhà trọ, thoáng chốc đã biến mất trong một ngõ hẻm quanh co, vắng lặng.

Đêm đó, qua khung cửa sổ phòng trọ, tôi nhìn thấy bên sông, sưới ánh trăng vằng vặc, một bóng dáng cao gầy, đơn độc. Ngọn gió vô tình thổi bay những nếp áo mong manh, càng khiến bóng dáng ấy trở nên cô quạnh. Tôi như bị thôi miên vào bóng người cao gầy ấy, hồi lâu chợt thấy vạt áo thấm lạnh. Tôi u ê lau giọt nước mắt đã nhạt nhòa trên mặt, lao ra khỏi phòng. Không gi­an buổi đêm tịch mịch, quạnh quẽ, tiếng nước róc rách, bên sông không một bóng người. Đêm đó, tôi hầu như không ngủ, chống mắt nhìn trời sáng.

Trên đường trở về, hai chúng tôi đều im lặng. Quanh mắt cậu ấy xuất hiện những quầng thâm rõ rệt. Ra­ji­va hướng ánh mắt ra bên ngoài cửa xe, tôi cũng vậy. Chúng tôi đều đã trưởng thành, chúng tôi biết rằng điều gì không thể, thì không nên níu kéo, có níu kéo cũng vô ích, vậy hãy nhanh chóng rũ bỏ, càng sớm càng tối. Trở về thế kỷ XXI, tôi sẽ có cuộc đời riêng của mình, biết đâu tôi sẽ tìm được một người để yêu. Anh chàng cùng khoa, học trên tôi một khóa có ý với tôi lâu rồi, tôi sẽ suy nghĩ xem nên có phát triển tình cảm đó hay không.

Cho dù anh ta không đẹp trai bằng cậu ấy, không thông minh bằng cậu ấy, không dịu dàng bằng cậu ấy, không.. Tôi biết chứ, anh chàng khóa trên chẳng có điểm nào có thể so sánh với cậu ấy, nhưng anh ta là con người của hiện thực. Còn Ra­ji­va, đối với tôi, chỉ là tài liệu lịch sử để nghiên cứu, chỉ là mấy dòng chữ trong đống sách cũ nát mà thôi…

Chúng tôi cứ lặng lẽ như vậy suốt dọc đường, cho đến khi trở về căn nhà nhỏ trong thành cổ Sub­ash. Trước lúc quay về chùa, Ra­ji­va nhìn tôi rất lâu bằng ánh mắt khó hiểu, sau cùng là một tiếng thờ dài:

- Tôi sẽ sắp xếp đội thương nhân cho cô. Những ngày tới tôi phải ngồi thiền, buổi tối sẽ không về đây nữa.

Một lúc lâu, cậu ấy vẫn còn đứng đó. Bàn chân dùng dằng trước cổng nhà, mãi không cất bước.

- Mười ngày nữa là đến lễ hội Sumuzhe. Cô từng nói muốn xem lễ hội này. Hay là…

Cậu ấy ngập ngừng.

- Để sau khi lễ hội kết thúc hãy đi…

Tôi ngẩng đầu, thấy nhìn như đang trôi xuống hai vực nước sâu hun hút, không có cách nào thoát ra được. Sức thôi miên khó mà kháng cự của đôi mắt ấy khiến cơ quan phát thanh của tôi như cứng lại, tê liệt, chỉ đủ sức thốt lên một tiếng:

- Ừ.

Vành môi của cậu ấy như được kéo lên, đã rất lâu rồi mới thấy cậu ấy cười. Nhưng tôi không ở lại thêm mấy ngày vì cậu đâu nhé, Ra­ji­va. Tôi thật sự muốn tham dự ngày hội sôi động, mang đậm màu sắc của phương Đông ấy. Tôi là một học sinh hiếu học, tôi là một con ong chăm chỉ, nhưng tôi tuyệt đối không phải là một… người yêu lí tưởng…

Chương 22: Ra ngoài đi dạo

Những buổi tối sau đó, Ra­ji­va không đến. Tôi cứ ngỡ mình có thể mình tâm nhưng mỗi ngày, cứ đến năm giờ chiều, tôi lại ngồi yên trong phòng, dõi mắt ra phía cửa, cho tới khi ánh đèn tắt lịm, cả thành cổ chìm trong đêm tối tịch mịch. Hàng ngày, cầm cuốn tập trên tay lang thang trong thành Sub­ash, đi mãi đi mãi, rồi không hiểu vì sao bước chân lại đưa đẩy đến cổng chùa Cakra, tôi cứ quanh quẩn ở nơi đó hồi lâu, cho tới khi chú tiểu gác cổng cất lời hỏi han, tôi mới như người vừa tỉnh cơn mê, vội vàng cúi đầu, chạy biến. Lòng buồn vô hạn, như thể có bàn tay ai đó đang nắm chặt lấy trái tim tôi và vò nát, khiến tôi như kẻ mất hồn, tay cầm cuốn tập để bắt đầu công việc, những nét vẽ lại hiện dần hình ảnh của cậu ấy, hết bức chân dung này đến bức chân dung khác, nhưng vẽ xong tôi lại ra sức xóa đi.

Chỉ còn hai ngày là đến lễ hội Sumuzhe, vẫn không thấy bóng dáng Ra­ji­va đâu. Khi lễ hội kết thúc tôi sẽ rời khỏi Khâu Từ. trước lúc ra đi, liệu tôi có còn được gặp cậu ấy lần cuối hay không? Mặc dù vẫn biết rằng, không gặp sẽ là cách tốt nhất để khi ra đi, tôi có thể quên tất cả…

Buổi tối, tôi nằm co trên giường, đôi mắt tiếp tục cần mẫn “canh chừng” cánh cửa, suy nghĩ vẩn vơ. Tủ sách quý từng khiến tôi mê mẩn đang bày ta trước mắt, nhưng không thể khơi dậy dù chỉ là một chút cảm hứng trong tôi, vì nhiều ngày qua, cảm hứng ấy nằm bẹp trong góc xa xôi nào đó rồi. Mười giờ đêm, nếu là ở thế kỷ XXI thì bây giờ mới là thời khắc bắt đầu cuộc sống về đêm. Nhưng vào thời đại này, mười giờ đã là đêm khuya thanh vắng. Tôi thở dài, vậy là lại một đêm nữa trôi nữa qua.

Bỗng tôi nghe có tiếng gõ cửa, không ồn ào, nhưng rất rõ ràng. Rồi tiếng trò chuyện của Mava­su với ai đó vang lên trong sân. Họ nói chuyện bằng tiếng Phạn! Là cậu ấy!

Tim đập liên hồi, tôi vùng dậy, nhảy xuống giường và lao ra khỏi phòng. Ra­ji­va đang đứng trò chuyện với Mava­su giữa sân, trong bóng tối tôi không thấy rõ biểu cảm trên khuôn mặt cậu ấy. Nỗi băn khoăn ngày càng dâng cao, nếu không có việc gì hệ trọng, cậu ấy không đến vào giờ này. Có lẽ đã xảy ra chuyện gì đó.

Mava­su buồn rầu, lẳng lặng về phòng. Ra­ji­va chậm rãi bước lại gần tôi, có cảm giác mỗi bước đi của cậu ấy là một nỗ lực vô cùng lớn lao.

- Khuya thế này, lẽ ra Ra­ji­va không nên đến….

Giọng nói trở nên run rẩy.

- Nhưng, muộn phiền chất chứa trong lòng. Ra­ji­va ra ngoài đi dạo, không hiểu vì sao bước chân lại đưa đẩy đến nơi này. Ra­ji­va đứng ngoài cổng lưỡng lự hồi lâu, mới quyết tâm gõ cửa.

Cậu ấy ngẩng lên nhìn tôi, ánh sáng yếu ớt hắt ra từ ngọn đèn nhỏ trong phòng chiếu lên khuôn mặt đau thương cùng cực. Rốt cuộc là chuyện gì đã khiến một người luôn điềm tĩnh, an nhiên như Ra­ji­va trở nên tội nghiệp thế?

Cậu ấy đứng đó, dáng vẻ buồn khổ và bất lực, tôi khẽ cất tiếng:

- Ra­ji­va, chúng ta ra ngoài đi dạo một lát nhé!

Ra­ji­va nhìn tôi bừng vẻ ngạc nhiên, xem lẫn cảm động và hàm ơn, cậu cúi đầu thì thào:

- Cô mặc thêm áo vào, bên ngoài trời lạnh…

Thành cổ Sub­ash chìm trong yên tĩnh, đường phố đã tắt đèn từ lâu, nhưng ánh trăng vằng vặc vẫn soi tỏ đường đi dưới chân. Chúng tôi lặng lẽ đi bên nhau. Đây là lần đầu tiên tôi ra ngoài cùng cậu ấy vào giờ khuya thế này. Ra­ji­va hẳn cũng có chút e ngại và thận trọng.

Sub­ash là thành phố nhỏ có ý nghĩa tôn giáo nhiều hơn quân sự, bởi vậy thành phố này không có tường thành bao quanh giống như những thành trì kiên cố khác. Chúng tôi đi vài bước đã ra khỏi thành để đến bên dòng sông Tongchang. Lúc này đang là mùa hạ, nước sông chảy xiết, tiếng nước róc rách càng tôn thêm vẻ tĩnh mịch của đêm vắng.

Chúng tôi tìm thấy một phiến đá lớn ven sông, tôi ngồi cuộn tròn, lặng nhìn cậu ấy.

- Sư phụ từng truyền dạy Phật giáo Tiểu Thừa ở Kab­ul của tôi vừa tới đây.

- Đại sư Band­hu­d­ta ư?

Truyện kể về Ra­ji­va viết rằng, cậu ấy đã bỏ rất nhiều công sức để thuyết giảng giáo lý Phật giáo Tiểu Thừa cho vị sư phụ truyền dạy Phật giáo Tiểu Thừa ình là Band­hu­d­ta nghe.

- Vì sao cô biết tên của sư phụ?

- Tôi…

Tôi giật mình. Tất nhiên là tôi đọc tài liệu nên mới biết được.

- Đúng rồi, tôi từng nói với cô. Không ngờ, mười năm rồi cô vẫn còn nhớ.

Ra­ji­va từng kể cho tôi nghe ư? Sao tôi không nhớ gì cả?

Tôi ngượng ngùng chuyển chủ đề:

- Cậu đã luận đàm với đại sư về Phật giáo Đại Thừa?

Ra­ji­va gật đầu

- Mấy ngày qua, Ra­ji­va đã cùng thầy luận đàm rất nhiều về những giáo lý của Phật giáo Đại Thừa, phân tích những điểm tiến bộ, những tinh hoa của giáo phái này và đã được thầy công nhận. Tuy thầy ngỏ ý muốn nhận Ra­ji­va làm sư phụ Đại Thừa của mình, đã công nhận học thuyết mới của Ra­ji­va, nhưng dù thế nào thầy vẫn là sư phụ truyền dạy Phật giáo Tiểu Thừa của tôi.

Tôi gật đầu đồng tình. Trong thế giới Phật giáo, khi một người sáng lập ra một luận thuyết và tông giáo mới và muốn được thừa nhận, thì điều quan trọng nhất là luận thuyết ấy phải thuyết phục được người có công dẫn dắt người đó bước vào cánh cửa của thế giới Phật giáo và được vị đại sư đó công nhận. Kết quả này chứng tỏ, Ra­ji­va đã chiến thắng trong cuộc luận chiến (hẳn là rất cam go) với chính sư phụ mình. Tuy rằng sau buổi luận chiến, Band­hu­­ta nói sẽ tôn Ra­ji­va làm thầy, nhưng đại sư không hề có ý định thay đổi học thuyết của bản thân, hay nói cách khác, Ban­du­­ta không chịu từ bỏ thân phận là “sư phụ Tiểu Thừa” của Ra­ji­va. Lẽ nào đây là nguyên nhân khiến Ra­ji­va buồn phiền như vậy?

- Ra­ji­va, ai cũng có lập trường riêng. Cậu sẽ thuyết phục được đại sư chấp nhận luận thuyết của mình, thậm chí còn ngỏ ý muốn tôn cậu làm sư phụ Đại Thừa. điều đó đã là rất nhanh công rồi. Lẽ nào cậu vẫn muốn đại sư từ bỏ Phật giáo Tiểu Thừa?

Ra­ji­va nhìn tôi kinh ngạc.

- Ra­ji­va nào dám ngông cuồng như thế!

- Vậy vì sao cậu lại buồn phiền?

Ra­ji­va đột nhiên im lặng, ánh mắt đăm chiêu nhìn về phía dòng nước, thẫn thờ hồi lâu.

- Mẹ tôi…

Ra­ji­va cắn chặt vành môi run run, như muốn khiến cho nó phải rỉ máu.

- Hôm nay sư phụ đến và báo cho tôi biết, ba tháng trước, ở Thiên Trúc (Ấn Độ), mẹ tôi đã… đăng tam quả.

Tôi không hiểu

- Đăng tam quả nghĩa là gì? Tồi tệ lắm sao?

Ra­ji­va thở dài, rồi hít một hơi thật sâu, chậm rãi nói:

- Tam quả, còn gọi là Anagamin, là cấp tu dưỡng thứ ba trong số bốn độ tu dưỡng mà những người xuất gia muốn đạt đến.

Nhìn vẻ mặt ngơ ngác của tôi, Ra­ji­va tiếp tục giải thích:

- Anagamin có thể dịch thành “Không trở lại”. Nghĩa là, các tu sĩ đạt đến cấp độ này, sau khi viên tịch, sẽ hóa sinh giữa cõi trời thanh tịnh, tiếp tục thiền định để giải thoát khỏi năm điều trói buộc[12], tức là được giải thoát hoàn toàn và sẽ không trở lại cõi phàm trần này nữa

Ra­ji­va nghẹn ngào, hít một hơi thật sâu, nhưng giọng nói càng lúc càng trở nên run rẩy:

- Mẹ tôi đã đắc thành đạo, từ nay thoát khỏi vòng luân hồi khổ ải, người đến được cõi cực lạc rồi…

Cuối cùng thì tôi đã hiểu, Ra­ji­va nói dài như vậy, là muốn cho tôi biết, Ji­va, Ji­va đã qua đời tại Thiên Trúc.

Các tài liệu lịch sử chỉ viết rằng Ji­va một mình rời khỏi Khâu Từ để đến Ấn Độ. Nhưng sau đó không có bất cứ ghi chép nào về bà. Vậy là bà đã mất tại Ấn Độ. Và hung tin này, Ra­ji­va mới nhận được từ sư phụ Ban­du­­ta..

Tôi bàng hoàng nhìn Ra­ji­va, chả trách cậu ấy đau buồn đến như vậy. Ji­va là người có sức ảnh hưởng lớn lao đến cuộc đời Ra­ji­va, hơn bất cứ ai. Bà đã đưa Ra­ji­va đến cửa Phật, đã dắt Ra­ji­va đến Kab­ul học đạo để tránh vòng vây của những lời tung hô, ca tụng sáo rỗng ở Khâu Từ, cũng chính bà khuyên Ra­ji­va theo học giáo thuyết Đại Thừa. Trước hai mươi mốt tuổi, mọi thứ trong cuộc đời Ra­ji­va đều do mẹ cậu ấy bày đặt. Với Ku­marayana, Ji­va có thể không phải là một người vợ hiền, nhưng với Ra­ji­va, bà là người mẹ tuyệt với, là người chỉ huy, là người dẫn đường của cậu.

- Ra­ji­va, nếu cậu buồn thì hãy…

- Không!

Ra­ji­va xúc động, hơi thở gấp gáp:

- Tôi không buồn. Mẹ đã chứng tam quả, ước nguyện giải thoát của người đã thành hiện thực. Người đã đến cõi cực lạc, từ nay tháo khỏi mọi ư phiền, vì sao tôi phải đau buồn, tôi không nên đau buồn!

Ra­ji­va bị chấn động mạnh, rõ ràng trái tim cậu ấy đang đập dữ dội và hơi thở trở lên gấp gáp khác thường, có thể dễ dàng nhận ra đó là những lời nói dối gắng gượng của cậu ấy.

- Ra­ji­va.

Tôi nhẹ nhàng vỗ vai Ra­ji­va.

- Trong hoàn cảnh này, ai cũng sẽ đau lòng, điều đó rất bình thường. Bởi vì cậu có tình yêu, cậu yêu mẹ cậu. Vậy thì vì sao cậu phải kìm chế, không thể hiện ra những cảm xúc đó?

- Tình yêu ư?

Ra­ji­va khẽ nhẩm lại từ này, một tiếng “yêu” mà như có sức nặng ngàn cân, khiến cậu ấy đọc không thành tiếng, chỉ có những âm hưởng run rẩy.

- Đức Phật nói rằng, mọi thứ trên cõi đời này đều không tồn tại. Ra­ji­va là người tu hành, đâu có thể có “tình yêu”?

- Giáo lý Phật giáo dạy rằng cuộc đời này những chuỗi đau khổ: sinh lão bệnh tử, yêu thương, căm ghét, chia ly, thất vọng, bởi vì căn nguyên của mọi nỗi khổ xuất phát từ tình yêu. Chỉ cần “diệt” được “yêu”, sẽ lên cõi Niết Bàn, từ đó thoát khỏi bể khổ luân hồi, bước vào cõi vình hằng. Nhưng, hãy thử nghĩ xem, lẽ nào Phật tổ không có tình yêu? Ngài có vợ con kia mà, lẽ nào ngài chẳng hề bận lòng về họ? Ngài đưa ra lời răn “diệt ái dục”. vì ngài từng nếm trải nỗi khổ sở do yêu thương mang lại? Nhưng nếu thực sự có thể “diệt ái dục”, thì vì sao chỉ đến lúc chết ngài mới đạt được sự giải thoát? Niết Bàn, tịch diệt, tác diệt, diệt độ, tịch, vô sinh, trạch diệt, ly hệ, giải thoát… tất cả những cách gọi đó, chẳng qua chỉ là từ đồng nghĩa với cái chết mà thôi. Chỉ khi chết đi người ta mới tận diệt được mọi ác dục. Phải chăng chính vì thấu tỏ điều này, nên Phật tổ mới vẽ ra một viễn cảnh, một thế giới tây phương cực lạc sau khi chết, để bù đắp những mất mát, những đau khổ mà người tu hành phải chịu đựng khi quyết tâm diệt ái dục trong kiếp này. Nhưng vì sao, nhất định phải…

- Ngải Tình!

Ra­ji­va gằng giọng ngắt lời tôi, khóe môi rung động, tay ôm đầu, vẻ đau khổ cùng cực.

- Đừng nói nữa…

Ra­ji­va xoay đầu qua một bên, không để tôi nhìn thấy gương mặt cậu. Đôi vai rung rung dưới ánh trăng, tôi nghe thấy hơi thở gấp gáp của cậu ấy. Tôi đứng lên, bước sang phía đối diện, đặt tay mình lên đôi vai của Ra­ji­va, nhẹ nhàng ôm cậu ấy vào lòng. Toàn thân cậu ấy như tê liệt, Ra­ji­va không đẩy tôi ra, nhưng dường như đang cố nín thở.

- Hãy khóc đi, cậu là con người không phải thánh thần. Người ta khóc thương người thân của mình, có gì không phải đâu. Muốn khóc thì hãy khóc cho thỏa, như thế cậu sẽ thấy dễ chịu hơn…

Tôi nhẹ nhàng vỗ về cậu ấy, Ra­ji­va trong vòng tay tôi, tuy dáng người cao lớn, nhưng thân hình mảnh khảnh, gầy guộc khiến tôi thấy xót xa. Tôi ước mình có thể hóa thân thành Ji­va đẻ an ủi cậu ấy.

Sau rất nhiều tranh đấu (có lẽ vậy), Ra­ji­va rụt rè vòng tay ôm ấy tôi. Động tác ấy khẽ khàng, như thể đang ôm một người bằng giấy và sợ người đó sẽ tan biến đi.

- Ngải Tình!

Tôi cảm thấy được khuôn ngực thổn thức của cậu ấy, sức mạnh nơi cánh tay tăng dần, càng lúc càng xiết chặt hơn.

- Ngải Tình!

Ra­ji­va khẽ gọi tên tôi, những giọt nước mắt nóng ấm nhỏ trên vai áo tôi, làn gió lướt qua làm nguội đi hơi ấm, nhưng ngay lập tức những giọt nước mắt nóng ấm liên tục rớt xuống. Cuối cùng thì Ra­ji­va cũng đã được khóc như một con người bình thường.

Cậu ấy đã khóc rất lâu, như thể đây là lần đầu tiên trong đời được khóc vậy. Khóc như thể cạn nước mắt của cả một đời người. Tôi cũng khóc cùng cậu ấy. Chúng tôi cứ thế, trong vòng tay nhau, dốc hết sức để khóc, khóc cho đến khi cả đất trời cũng mòn tan thành nước mắt…

Không biết phải mất bao lâu chúng tôi mới bình tâm trở lại. Tôi chưa bao giờ khóc nhiều như vậy, mệt mỏi rã rời, tôi tựa vào cậu ấy để không gục xuống. Ra­ji­va cũng đã thôi khóc, nhưng vẫn ôm chặt lấy tôi. Hơi ấm tỏa ra từ cơ thể cậu ấy thiêu đốt trái tim tôi. Tôi không muốn vòng tay ấy buông lơi, tôi thậm chí không dám thốt lên nên một lời nào vì sợ sẽ làm hỏng không khí này. Sau cùng, Ra­ji­va là người chủ động buông tay, ánh mắt giấu đi rất xa, tôi không nhìn thấy biểu cảm của cậu ấy, chỉ nghe thấy giọng nói chậm rãi:

- Mẹ biết ước nguyện của tôi là đến Trung Nguyên truyền bá giáo lý Đại Thừa, nên trước khi rời Khâu Từ, người từng nói với tôi: Giáo lý Đại Thừa muốn đến được Đông Thổ (đất Hán), tất cả dựa vào tôi. Nhưng trách nhiệm nặng nề này không hề có lợi cho cá nhân tôi. Mẹ có hỏi tôi, rằng tôi dự định thế nào?

Tôi vẫn còn chìm đắm trong những xúc cảm khi nãy, nên chỉ biết yên lặng nhìn cậu ấy. Ra­ji­va ngừng lại một lát, rồi tiếp tục:

- Tôi trả lời rằng: Phật giáo Đại Thừa giúp ích ọi người chứ không phải chỉ cho bản thân. Nếu tôi có thể truyền bá rộng rãi giáo lý của Phật tổ, giúp chúng sinh giác ngộ và từ đó thoát khỏi bể khổ, thì dù có phải nhảy vào chốn dầu sôi lửa bỏng, Ra­ji­va cũng quyết không từ nan.

Khi Ji­va còn ở bên cạnh, Ra­ji­va giống như một thần đồng được bảo bọc và chăm sóc chu đáo. Ra­ji­va tuy thông minh tuyệt đỉnh, những cậu giống như loài hoa trong nhà kính, chưa từng trải qua gió mưa bão bùng. Sau khi Ji­va ra đi, Ra­ji­va phải dựa vào nghị lực của mình để bước tiếp con đường chông gai. Lí tưởng của cậu, phải chăng đã được hình thành từ khi còn nhỏ? Nhưng Ra­ji­va đâu biết rằng, những lo lắng của Ji­va đã trở thành hiện thực trong tương lai. Cái giá mà Ra­ji­va phải trả cho lí tưởng truyền bá đạo Phật ở Trung Nguyên là những lời chỉ trích gay gắt của người đời, nếu có thể, tôi ước gì mình không biết trước tương lai của cậu.

- Ra­ji­va, tuy mẹ cậu không ở bên cạnh, nhưng bà luôn sống trong trái tim cậu. Bất cứ khi nào gặp khó khăn, cậu sẽ nhớ đến lời hứa với mẹ và cậu sẽ vượt qua tất cả, đúng không?

Ra­ji­va gật đầu, tôi tìm cách chuyển chủ đề, những mong cậu ấy sẽ vơi đi đau buồn.

- Ra­ji­va, hãy kể cho tôi nghe chuyện hồi nhỏ của cậu, những chuyện mà tôi không biết ấy.

Nói rằng muốn chuyển chủ đề chỉ là cái cớ, vì tôi thực sự tò mò về tuổi thơ của cậu ấy.

Chúng tôi tựa vào vai nhau, lắng nghe câu chuyện vầ Ra­ji­va hồi nhỏ: sự nghiêm khắc và tình yêu của Ji­va dành cho cậu, những câu chuyện vui về sư phụ và các sư huynh của cậu, những chuyến du ngoại khắp các tiểu quốc ở Tây vực của cậu. Chuyện nào cũng khơi gợi niềm phấn khích trong tôi. Thì ra một người có chỉ số IQ 200 như Ku­mara­ji­va, hồi nhỏ cũng từng trêu chọc các sư huynh, cũng từng bị mẹ trách phạt vì không học thuộc các bài kệ. Thì ra Ra­ji­va cũng có tuổi thơ, tôi cứ nghĩ, ngay từ khi còn nhỏ cậu ấy đã là một người thông tuệ và già dặn rồi.

Tôi muốn Ra­ji­va tạm quên đi nỗi đau mất mát kia và vui lên một chút, nên đã kể cho cậu ấy nghe về gia đình tôi, về bố mẹ tôi, về các bạn học của tôi, về sếp của tôi, về những cuốn sách tôi từng đọc, những nơi tôi từng đi qua. Tất nhiên là tôi đã lựa chọn từ ngữ sao cho cậu ấy có thể hiểu được và tránh không để lộ “thiên cơ”.

Phía xa xa bên kia dãy Thiên Sơn, những quầng đỏ màu son nhạt đã hiện lên trên nền trời, bầu trời ngàn sao lấp lánh vừa mới đây đã lặn mất tự lúc nào. Tôi xem đồng hồ, gần bốn giờ sáng, vậy là chúng tôi đã ngồi suốt một đêm. Tôi ngước nhìn Ra­ji­va.

- Ra­ji­va, về thôi, sắp đến giờ tụng kinh buổi sáng của cậu rồi.

Ra­ji­va như vừa tỉnh cơn mơ.

- Chúng ta đã ngồi hết đêm ư? Ngải Tình, có mệt không?

Tôi lắc đầu. Tuy tôi không mệt, nhưng toàn thân lạnh tê tái. Chiếc áo khoác mỏng manh không đủ che chắn khí lạnh buổi ban mai.

Ra­ji­va cầm tay tôi, bàn tay cậu ấy cũng không ấm hơn, những ngón tay dài vuốt nhẹ bàn tay tôi, tôi mỉm cười nhìn cậu ấy vất vả cọ xát đôi tay để tạo hơi ấm. Ra­ji­va ngước mắt lên, thấy tôi cười, cậu không tiếp tục chà tay nữa, mà cầm hai bàn tay tôi áp lên hai má của cậu. Tôi nín cười, hệt như có một cơn lũ vừa quét qua, phòng tuyến kiên cố cuối cùng trong trái tim tôi, vỡ òa..

Chúng tôi đứng im lìm, nhìn vào mắt nhau, bàn tay tôi áp chặt trên khuôn mặt có chút hơi ấm của Ra­ji­va. Lòng bàn tay chạm vào thứ gì đó ran rát, thì ra là những đốm râu mới mọc. khoảnh khắc ấy, tựa như có một luồng điện lan truyền khắp cơ thể, khiến toàn thân tôi run rầy. Tôi đã hoàn toàn hiểu ra điều này.

Tôi yêu Ra­ji­va.

Đúng vậy, tôi đã yêu cậu ấy từ rất lâu rồi, vào khoảnh khắc tôi gặp lại cậu ấy. Cũng không có gì lạ, một chàng trai thông minh, ưu tú với vẻ điển trai hút hồn như cậu ấy có thể khiến bất cứ cô gái nào trên đời này xiêu lòng. Tôi sẽ không do dự, không cự tuyệt nữa. Yêu thì cứ yêu thôi, làm sao tôi có thể phủ nhận cái thứ tình cảm tự nhiên nhất của loài người nay kia chứ! Tôi chỉ là một người bình thường. Tôi không thể diệt được ái dục, nên tôi không cần phải tranh đấu, dằn vặt và tự làm khổ mình. Lúc trước, tôi đấu tranh với bản thân để phủ nhận tình cảm này, bởi tôi đã nhìn nhận tình yêu bằng lí trí chủ quan cứng nhắc của con người hiện đại. Tôi muốn tình yêu phải được đáp lại. Tôi luôn viện cớ công việc, lúc nào cũng nhắc nhở bản thân phải quay về và tôi lo lắng, nếu yêu Ra­ji­va, tôi sẽ không có tương lai. Nhưng, nhưng nếu tôi không quay về thì sao? Nếu tôi đòi hỏi phải được ở bên cạnh cậu ấy thì sao? Nếu tôi cần tương lai thì sao? Có ai nói nếu yêu cậu ấy thì tôi không thể tiếp tục công việc của mình đâu. Tôi chỉ biết, điều tôi muốn lúc này là yêu Ra­ji­va và tôi sẽ yêu cậu ấy theo cách của mình. Tôi cũng có thể không để cậu ấy biết được tình cảm của mình. Tôi cũng có thể tiếp tục âm thầm nhớ, âm thầm yêu sau khi trở về thế kỷ XXI. Chỉ cần được yêu cậu ấy, tôi mặc kệ những chuyện về sau. Việc gì phải lí trí, việc gì phải suy xét thiện hơn mọi đường cơ chứ?

- Ngày kia là lễ hội Sumuzhe, hôm nay cô hãy lên đường đến thành cổ Khâu Từ đi.

Giọng nói ấm áp lướt qua bên tai tôi.

- Hãy về nghỉ ngơi đi, tôi dặn dò Kao­du­ra đưa cô đến thành cổ Khâu Từ, tôi đã sắp xếp nhà trọ cho cô. Hay là về phủ quốc sư? Cô vẫn muốn gặp Pusye­da kia mà!

Kao­du­ra ư? Tôi sững người, đó là người đánh xe ngựa của Ra­ji­va.

- Tôi sẽ ở lại nhà trọ, tôi sợ đến phủ quốc sư sẽ khiến mọi người hoảng sợ. Còn Pusye­da, trước khi rời khỏi Khâu Từ, tôi sẽ đến gặp cậu ấy.

Sau khi lễ hội kết thúc, tôi sẽ tìm cách gặp Pusye­da. Mười năm trước, cậu bé rất quý mến tôi, nhưng giờ cậu đã là một chàng trai trưởng thành, đã có cuộc sống riêng, tôi không muốn làm ảnh hưởng đến cậu ấy. Chỉ cần được nhìn thấy Pusye­da là tôi có thể yên tâm được rồi. Điều tôi mong muốn nhất, thực ra là…

- Cậu… cậu…

Chần chừ, chần chừ, rồi lại chần chừ.

- Cậu… có đến không?

Ra­ji­va thoáng giật mình, nhẹ nhàng thả tay tôi ra.

- Sư phụ vẫn còn đây, hơn nữa…

- Tôi biết rồi, giới luật quy định, cậu không được đến nơi hội hè ca múa.

Nén lại nỗi thất vọng đang nhen lên trong lòng, tôi làm bộ tỉnh bơ:

- Tôi chỉ hỏi vậy thôi. Cậu… không cần phải đến, cũng không thể đến…

Ra­ji­va thinh lặng, đứng lên, ánh nắng dìu dịu buổi ban mai phủ lên lớp áo cà sa màu nâu sòng, làm gió lật bay nhè nhẹ những nếp áo. Cậu ấy đứng đó, đẹp tựa một pho tượng Hy Lạp cổ tạc trước bình mình.

## 12. Chương 23 - 24

Chương 23: Lễ hội Sumuzhe

Tôi đến thành Khâu Từ bằng xe ngựa của Ra­ji­va. Đường sá gập ghềnh, xe ngựa lắc lư, bình thường, trong trạng thái ấy, tôi đã ríu mắt lại hồi lâu, nhưng hôm nay không hiểu sao, tôi vẫn tỉnh như sáo. chẳng hề buồn ngủ. Có lẽ vì, tôi vẫn đắm chìm trong nỗi phấn khích lúc trước, hai mắt vẫn đang chăm chú mở to nhìn đôi tay. Kể từ lúc đôi tay này chạm vào khuôn mặt của cậu ấy, tôi thậm chí không nỡ rửa tay. Tôi đưa lên, nhắm mắt lại, cố hình dung ra từng đường nét và tưởng tượng ra những ngón tay mình đang khám phá khuôn mặt của Ra­ji­va. Tôi vẫn nhớ cảm giác gai gai ấm áp khi chạm vào gò má gầy gầy, xương xương, lốm đốm râu và làm da mịn màng của cậu ấy. Cảm giác đó khiến tôi, dù đã rất cố gắng, cũng không kìm chế được nụ cười hạnh phúc đang nở tràn trên môi.

Tôi cứ tủm tỉm cười như vậy suốt dọc đường đi, cho đến xe ngựa dừng lại giữa thành phố Khâu Từ đang tắm mình trong ráng chiều. Phòng trọ mà Ra­ji­va đặt trước cho tôi là một căn phòng “hạng sang”. Tôi thầm cảm ơn sự chu đáo của Ra­ji­va, vì nhờ cậu ấy, tôi đã có một chỗ nghỉ ngơi thoải mái trong thành cổ và dịp lễ, khi mà tất cả các nhà trọ đều đã kín người. Ăn uống qua loa xong xuôi, tôi bắt đầu ngáp ngủ, rất lâu rồi tôi mới thức khuya như hôm nay. Tôi nhớ là chỉ vào những dịp thi cử, tôi mới phải thức trắng đêm trong phòng học tự học ở trường. Thế nên, tôi quyết định dành tất cả khoảnh thời gi­an còn lại… để ngủ. Hi vọng là lúc mê mệt, tôi không ngáy to, nếu có ngáy, mong là không khiến phòng bên cạnh mất ngủ.

Sumuzhe, hay còn gọi là lễ hội cầu lạnh, được tổ chức vào tháng bảy âm lịch hàng năm. Lễ hội được tổ chức nhằm cầu nguyện một mùa đông lạnh hơn, tuyết rơi nhiều hơn, để năm tới Khâu Từ có được nguồn nước dồi dào phục vụ việc trồng cấy. Lễ hội này được truyền đến Trung Nguyên vào thời nhà Đường, khiến kinh thành của người Hán trở nên náo động hơn bao giờ. Có rất nhiều tác phẩm thơ ca nổi tiếng viết về lễ hội Sumuzhe đã ra đời trong thời kỳ này, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Di, Lý Hạ… đều đã từng chấp bút về đề tài này. Đến đời Tống, Sumuzhe trở thành tiêu điểm của rất nhiều bài tử, trong đó, nổi tiếng nhất phải kể đến bài tử của Phạm Trọng Yêm:

Biếc mây trời

Vàng lá đất

Sóng lẫn sắc thu

Khói sóng xanh lặng ngắt

Nước lên trời, núi chiều nắng bắt

Đám cỏ trêu ngươi

Mơn mởn trong nắng nhạt

não hồn quê

Buồn đất khách

vì được bằng đêm

Mộng đẹp ru ngon giấc

Trăng sáng chớ một mình tựa gác

Rượu ngấm ruột sầu

Nỗi nhớ đẫm nước mắt[13]

Khi đi ngang qua Khâu Từ, Huyền Trang cũng từng được chứng kiến và ghi chép lại không khí náo nhiệt của ngày hội này. Đức vua Khâu Từ đã mời nhà sư cùng dự lễ. Đến tiết mục nhảy múa, đức vua còn khẩn khoản mời sư phụ cởi áo cà sa và giày tất, cùng tham gia vào điệu múa cầu lạnh. Huyền Trang cũng xem múa hát đó thôi, vì sao Ra­ji­va không thể? Nhưng thôi, Huyền Trang là du khách từ nơi xa đến, nhập gia phải tùy tục là theo lẽ thường tình.

Tôi đeo chiếc mặt nạ mua ở Sub­ash, đi lang thang ngắm nghía phố phường. Những con phố chính đã chật kín người, ai nấy đều đeo mặt nạ, mọi người niềm nởi chào hỏi lẫn nhau, bất kể người quen hay người lại. Không khí cởi mở, vui tươi ấy đã bù đắp nỗi trống trải và xua tan ưu phiền trong lòng tôi. Tôi náo nức hòa vào dòng người trên phố. Một lát sau, thì đoàn diễn hành bắt đầu diễn qua. Đầu tiên là đội trống với dàn trống Hạt khổng lồ dẫn đầu[14], các tay trống ngồi trên xe ngựa, đồng loạt đánh lên những thanh âm sôi động đầu tiên, mở màn cho lễ hội Sumuzhe.    Theo sau là một đoàn nghệ sỹ cầm trên tay nhiều loại trống lớn nhỏ khác nhau, vừa đánh trống vừa nhảy múa, phối hợp nhịp nhàng với đội trống Hạt đi đầu. Cách một đoạn là đến đội hình múa đôi nam nữ. Họ mặc những trang phục chỉnh tề, nghiêm trang, mảnh khăn lụa dài được căng rộng trên hai sải tay, biểu cảm trang trọng, điệu múa truyền thống. đậm màu sắc cổ điển. Điệu múa này có nét gì đó rất giống với vũ điệu “ương ca[15]” của các bà cô người Hán vào mỗi dịp năm hết Tết đến.

Tiếp đó là đội hình biểu diễn múa trên dây, các cô gái trẻ, đầu đội mũ miện đính hoa tươi, sải bước trên những sợi dây thừng được trang trí hoa văn rực rỡ, ký thuật điêu luyện, động tác uyển chuyển, nét mặt rạng rỡ như hoa. Kế đó là các đội hình múa dải lụa, xiếc khỉ, vân vân. Mắt tôi được dịp no căng với bao nhiêu loại hình vũ đạo độc đáo. Mỗi điệu múa có một đội hình riêng, với những cỗ xe được trang trí hoa tươi muôn hình muôn vẻ và rất nhiều các loại nhạc cụ khác nhau, kèn thất lật[16], đàn Không[17], tỳ bà, ống sáo làm bằng sừng động vật,... tất cả những nhạc cụ đặc sắc này đã tạo nên biểu thanh âm rộn rã, vui tai.

Năm 1903, có hai người Nhật đã tìm được một chiếc hộp, bên trong đựng xá lợi của một vị cao tăng ở thành cổ Sub­ash. Họ lẳng lặng đem chiếc hộp về Nhật Bản và giấu đi. Đến tận năm 1957, người Nhật Bản mới phát hiện ra, dưới lớp màu sắc được phủ phía trên thấp thoáng dấu ấn của hội họa. Lúc đó, họ mới cạo bỏ lớp màu trên bề mặt, những hình vẽ nguyên sơ hiện ra, đó là bức họa về các vũ điệu Sumuzhe, sống động và tinh tế khiến người ta phải kinh ngạc. Bức họa vễ rất nhiều ngưới, trên tay cầm những nhạc cụ đặc sắc của Tây vực, họ đeo mặt nạ và trình diễn những vũ đạo không giống nhau.

Đến nay, chiếc hộp vẫn đang ở Nhật Bản. Chúng tôi phải cất công sang tận đó để chụp hình mang về nghiên cứu.

Còn bây giờ, lễ hội từng được mệnh danh là “ngày hội sôi động của phương Đông” đang diễn ra sống động trước mắt tôi, có thể nói rằng, niềm phấn khích trong tôi không bút nào tả xiêt. Lễ hội Sumuzhe diễn ra liên tục trong bảy ngày, bất kể ngày đêm. Nếu như khi quay về, tôi có thể góp sức khôi phục lại ngày lễ cổ truyền long trọng này thì công tác nghiên cứu tính kế thừa lịch sử của các loại hình nghệ thuật ca múa dân gi­an chắc chắn sẽ được ủng hộ và phát triển rộng rãi. Và điều đó, chắc chắn sẽ khiến không ít đồng nghiệp của tôi phải đỏ mắt ghen tị. Ha ha, chỉ nghĩ đến đó tôi đã sung sướng cười ngất.

Bây giờ là buổi trưa, đoàn ca vũ vẫn tiếp tục diễu hành qua các con phố, bên đường, những quán ăn vặt đã bày sẵn lúc nào. Mùi thơm của thịt dê nướng khiến tôi không khỏi nuốt nước miếng ừng ực. Tháo mặt nạ, tôi đến bên một sạp hàng nhỏ, hỏi mua ba xiên thịt. Xiên thịt nướng ở thời đại này sao mà vĩ đại! Miếng nào miếng ấy to bằng cả quả trứng gà. Khi đi du lịch ở Tân Cương, tôi phát hiện ra điều này, rằng kích thước của xiên thịt cứ nhỏ dần từ nam Tân Cương lên bắc Tân Cương, từ Tân Cương đến đại lục, đến các thành phố ven biển. Ở nam Tân Cương (gồm các huyện Kash­gar, Khotan, Kucha), kích thước xiên thịt nướng không thay đổi sau 1650 năm, vẫn to như quả trứng gà và thường chỉ có hai đồng một xiên. Còn ở quán ăn trước cổng trường tôi đang học, họ bán những xiên thịt nướng nhỏ nhất mà tôi từng thấy, một đồng một xiên, nhưng đám con gái chúng tôi phải ăn hai mươi xiên may ra mới có cảm giác “lót dạ”.

Kéo mạch suy nghĩ lan man từ thời hiện đại trở về với lễ hội cổ truyền trước mắt, tôi vừa thưởng thức thịt dê nướng vừa ngắm nhìn dòng người qua lại trên phố. Vừa “tiếp lương thực” vào bụng vừa được ngắm các chàng trai đẹp là tuyệt nhất, nhưng có vẻ như không nhiều chàng trai đẹp ở đây cho lắm, vì hầu hết mọi người đều đeo mặt nạ. Nhưng đột nhiên, tôi há hốc miệng, bỏ dở miếng thịt dê thơm phức trên tay.

Có ai đó tách ra khỏi đám đông, bước về phía tôi, dáng người cao lớn, trên mình là bộ trang phục truyền thống của giới quý tộc Khâu Từ: áo rộng màu vàng nhạt, thắt eo. Lối trang phục này nhìn qua rất giống trang phục của các kỵ sĩ châu Âu thời kỳ trung thế kỷ. Những chàng trai vóc dáng khỏe khoắn, khoác thêm bộ trang phục này sẽ càng nam tính và cuốn hút. Người đàn ông đó, dáng vẻ tự tin, thân hình cao lớn vạm vỡ, hoàn toàn nổi bật giữa đám đông,

Tuy không nhìn rõ khuôn mặt, nhưng có thể dễ dàng đoán ra đó là một chàng trai khôi ngô tuấn tú. Vì sao anh ta lại đến gần tôi? Và vì sao dáng dấp ấy lại quen thuộc đến vậy? Anh ta đeo một chiếc mặt nạ hình ma quỷ, ánh mắt lúc lại gần, lộ rõ vẻ kinh ngạc và nghi hoặc. Tôi chớp mắt liên tục, chăm chú quan sát và đoán định. Đôi mắt xanh nhạt ấy quá đỗi quen thuộc. Trái tim tôi như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Là cậu ấy ư, cậu ấy bảo không đến kia mà?

- Ngải Tình, có phải chị không?

Giọng nói xúc động.

- Là tôi chứ ai.

Tôi xoay xoay chiếc mặt nạ đang vắt vẻo trên cổ tay và nhận ra “bi kịch” này: một bên tay tôi vẫn đang cầm ba xiên thịt nướng vĩ đại (có thể khiến bất cứ ai phải hoảng). Thôi thế hỏng hết! Mồm miệng nhồm nhoàm. dầu mỡ dính đầy trên mặt và cái vẻ ngớ ngẩn trợn tròn mắt nhìn cậu ta của tôi nữa, toàn bộ cái bộ dáng kỳ cục, đáng xấu hổ này đã lọt vào mắt cậu ta rồi!

Đang đau khổ và tủi hổ bất tận, tôi bỗng ngã vào một vòng tay ấm áp. Nhịp tim tôi mỗi lúc một dữ dội hơn, tư duy hỗn loạn: vì sao, vì sao cậu ấy lại…

Tuy tôi vẫn giơ cao xiên thịt nướng, toàn thân như bị điểm huyệt, tôi để mặc người đàn ông cao lớn đó nhấc bổng mình lên xoay mấy vòng liền.

- Ngải Tình, chị đã trở về thật rồi ư!

Giọng nói có vẻ giống, nhưng chắc chắn không phải giọng nói của cậu ấy! Cậu ấy chưa bao giờ ôm chặt tôi như vậy, cũng không bao giờ cười lớn như vậy và càng không bao giờ nhấc bổng tôi lên xoay mấy vòng liền giữa chốn đông người như vậy.

Một lúc lâu sau người đó mới thả tôi xuống, hơi nghiêng người, tháo mặt nạ. Sống mũi cao thanh tú, mát sáng long lanh, hàng mi dày và rậm, đồng tử màu xám nhạt, giống cậu ấy qua! Chiều cao và vóc dáng cũng giống hệt cậu ấy. Nhưng khuôn mặt không gầy guộc như cậu ấy, làn da không có màu bánh mật như cậu ấy và vành môi cậu ấy không bao giờ nhấc lên tinh nghịch như vậy. Thoáng một chút thất vọng, nhưng ngay lập tức đã được thay thế bởi một niềm vui mới tràn ngập.

- Pusyse­da!

Bây giờ đến lượt tôi ôm chầm lấy cậu ta. Nhưng sao cậu ta lại cao lớn đến vậy?

Cậu ta suốt từ lúc nhìn thấy tôi đến giờ, lúc tôi buông tay ra thì cậu ta làm vẻ mặt giận dỗi:

- Ngải Tình, dầu mỡ trên miệng chị dính hết lên quần áo tôi

Tôi hơi ngượng ngùng khi ôm “chú nhóc Pusyse­da đã trưởng thành” ấy, nhưng câu nói không chút kiêng nể kia đã khiến cảm giác ngượng ngùng ấy lập tức tan biến! Tên ranh này, chẳng thay đổi gì cả!

- Bù lại, chị phải thiết đãi tôi một bữa đấy!

Tôi không kịp phản ứng gì, đã bị cậu ta giằng lấy xiên thịt nướng, trả lại người bán hàng, sau đó, lôi tôi đi, không cho tôi thời gi­an cằn nhằn vì đã lẵng phí đồ ăn! Cái tên hoang toàng này!

Tôi tròn mắt nhìn từng đĩa sơn hào hải vị bày la liệt trên bàn ăn trước mắt. Đã bao lâu rồi tôi không được ăn đồ ăn Trung Quốc? Đã bao lâu rồi tôi chưa nhìn thấy cơm trắng? Ở thời đại này, gạo được vẫn chuyển tới đây từ Trung Nguyên. Ăn một bữa cơm gạo trắng ở Tây vực là cả một khoản chi tiêu xa xỉ. Hãy nhìn xem cách bài trí ở quán hàng này, trời ơi, còn cả ghế lô nữa. Miệng nhai cơm, lòng thầm làu bàu: Đúng là tên phá gia chi tử!

Pusyse­da ngồi bên ghế đối diện, hầu như không nhấc đũa, chỉ chăm chú nhìn tôi, nụ cười ngang tàn trên khóe môi chưa chịu tắt. Tôi cảm thấy hơi lo lắng, nên cắm đầu nhai nuốt. Một cô gái người Hán mang đồ ăn vào, cậu ta đón lấy và cảm ơn bằng nụ cười quyến rũ ấy. Tôi thấy cô gái bước ra ngoài với đôi má ửng đỏ và cuống quít đến mức cụng đầu vào cánh cửa.

Tôi thở dài:

- Pusyse­da, cậu có biết điệu bộ tươi cười lả lơi của cậu có thể khiến mọi cô gái trên đời này nghiêng ngả không?

Cậu ta nhướn mày, nhổm dậy, toàn thân vươn qua bàn, sáp lại gần tôi:

- Còn chị thì sao, Ngải Tình?

Tên ranh, dám ăn nói với tôi như thế đấy! Tôi nhìn khuôn mặt điển trai rạng rỡ của cậu ta, nuốt nước bọt:

- Cho tôi xin, tôi già cả rồi, cậu làm ơn cho tôi sống thêm vài năm nữa đi!

Cậu ta cười vang. Nụ cười đó hoàn toàn khác nụ cười của Ra­ji­va. Pusyse­da cười sảng khoái, không chút e ngại. Ra­ji­va thì khác, lúc nào cũng điềm đạm, nho nhã.

- Ngải Tình, chị là tiên nữ, chị đâu có già đi!

Cậu ta đột nhiên thôi cười, đổi sang giọng điệu nghiêm túc.

Tôi chẳng biết phải giải thích thế nào. Chính tôi đã nói với cậu ấy điều đó và cậu ta cũng được chứng kiến cảnh tôi biến mất. Nếu biết sẽ có ngày quay lại, tôi không nên gieo vào tâm hồn thơ ngây của Pusyse­da cái lý do ngớ ngẩn ấy. Giờ đây, tâm hồn ngây thơ đã bị tôi bẻ cong suốt mười năm, liệu có thể nắn cho thẳng lại được không?

- Ngải Tình, chị về khi nào vậy?

- Tôi…

Tôi ấp úng, thần kinh căng như dây đàn

- Hôm qua.

Tôi không muốn Pusyse­da biết mình đã ở đây gần ba tháng. Tôi không muốn cậu ta biết mình đã ở cùng Ra­ji­va. Ra­ji­va của tôi, tôi muốn bảo vệ cậu ấy và yêu cậu ấy theo cách của mình…

Sau đó, Pusyse­da hỏi tôi ở đâu, tôi nói tên nhà trọ của mình. Thấy tôi vẫn tiếp tục ăn cơm, cậu ta tỏ ra hết kiên nhẫn:

- Chị định ăn đến bao giờ mới thôi hả?

Tôi giật mình.

- Cậu bận à, sao gấp thế?

- Tất nhiên là bận rồi!

Cậu ta nhìn tôi nghiêm túc.

- Tôi phải đi dọn giúp chị.

- Để đi đâu?

- Về phủ quốc sư chứ còn đâu nữa!

Pusyse­da theo tôi về nhà trọ trả lại phòng. Lúc tôi thu dọn đồ đạc, đã sơ ý để cậu ta nhìn thấy chiếc áo ngực của mình. Cậu ta còn nhấc chiếc áo lên và hỏi tôi đây là thứ gì với vẻ mặt rất hiếu kỳ, tôi xấu hổ không biết giấu mặt vào đâu. Sau đó cậu ta chẳng nói chẳng rằng, khoác chiếc ba lô Northace của tôi lên vai, ném cho chủ quán một xâu tiền, khoát tay hách dịch:

- Không cần trả lại!

Đúng là đồ hoang toàng!

Gần đến phủ quốc sư, tôi ngập ngừng kéo tay Pusyse­da lại:

 - Cậu định nói thế nào với mọi người? Mười năm qua, tôi không hề thay đổi.

Cậu ta dừng lại, mắt ra chiều suy nghĩ:

- Sẽ nói chị là cháu gái của Ngải Tình, gọi chị là Tiểu Ngải Tình nhé!

Tôi đứng tim, anh em ruột có khác, đến cách nghĩ cũng giống hệt nhau.

- Nhưng tôi sẽ không giấu cha.

Vẻ mặt cậu ta bỗng trở lên nghiêm trang.

- Tôi chưa bao giờ nói dối cha điều gì.

Ku­marayana, con người thông tuệ, nho nhã ấy, hẳn sẽ chấp nhận sự xuất hiện kỳ quặc của tôi

Tôi giương mắt lên quan sát mọi thứ trước mặt. Vẫn căn phòng năm xưa, cách bài trí này, mười năm rồi không hề thay đổi. Thậm chí trên bức tường phía đầu giường vẫn còn nguyên những chữ Hán mà tôi bắt Pusyse­da tập viết. Khi ấy cậu nhóc nằng nặc đòi dán lên chỗ đó. Tôi chiều theo, cậu nhóc viết xong trang nào tôi dán lên tường trang ấy. Chữ viết xiêu vẹo ngả nghiêng, lúc trước nhìn chỉ muốn phát cáu, nhưng bây giờ lại cảm thấy vô cùng thân thuộc

- Ngày nào cũng có người dọn dẹp, chờ ngày chị trở về.

Giọng nói nhẹ nhàng lướt qua vai, rơi vào vành tai tôi, cảm giác gai gai nhưng trong lòng thấy ấm áp lạ thường.

- Đi nào, cho chị xem thứ này.

Còn chưa hết ngỡ ngàng đã bị cậu ta lôi đi. Tên ranh này tính nết vẫn như ngày nào.

Cậu ta kéo tôi đến phòng mình. Căn phòng đã đổi khác rất nhiều. Trên tường treo rất nhiều thanh kiếm dài, nhìn những hoa văn tinh xảo trên bao kiếm là biết đó toàn là kiếm quý. Một tủ sách nho nhỏ, tôi lướt qua và nhận thấy hều hết đều là sách kinh Phật. Sách tiếng Tochari thì đều là sách về binh pháp và chiến tranh. Chỉ có vài cuốn sách tiếng Hán, “Binh pháp Tôn tử”. “Hàn Phi Tử”, “Chiến quốc sách”…

Đang mải mê ngắm căn phòng của Pusyse­da. Chợt thấy cậu ta thận trọng lôi từ trong ngăn tủ ra vật gì đó rất giống một khung ảnh, rồi nhẹ nhàng cởi lớp vải lụa bọc bên ngoài.Tôi há hốc miệng, đó là bức họa Dore­mon mà tôi tặng cho cậu nhóc nhân dịp năm mới! Không ngờ, cậu ta vẫn giữ gìn nó như giữ một báu vật vậy!

Tôi ngẩng đầu lên nhìn Pusyse­da, xúc động:

- Pusyse­da …!

- Đừng sụt sịt vội, vẫn còn nữa đó.

Cậu ta rút một cuốn sách bên dưới gối, đặt vào lòng tôi, đó là cuốn “Kinh thi”, mép sách nhàu nhì, chắc chắn đã được chủ nhân lật mở rất nhiều lần.

- Chị có thể chọn một trang bất kì để kiểm tra.

Tôi không cần mở sách, suy nghĩ trong giây lát:

- Thiên “kích cổ” (Gióng trống) trong phần “Bội Phong - Quốc Phong”, cậu thuộc chứ?

Pusyse­da nhếch mép cười, hai tay chắp sau lưng, bước vài bước, quay quay đầu, cất giọng trầm bổng, ngâm ngợi:

Trống đánh thùy thuỳnh

Gươm giáo tập tành

Những ai đắp đất xây thành

Xa nhà xa nước riêng mình sang nam

…

Tử sinh cách trở đôi nơi

Cùng em anh đã nặng lời từ xưa

Đôi ta những nguyện cùng giá,

Cầm tay thủa ấy, bây giờ chưa quên

Cùng nhau thôi đã cách xa,

Sống đâu còn đến thân ta hỡi mình,

Thề xưa còn đó rành rành,

Nay thôi anh đã phụ tình cùng em[18]

Đây là bài thơ tôi thích nhất trong “Kinh Thi”. Khi giảng bài cho Pusyse­da, tôi dùng tiếng Tochari, không giống khi lên lớp bằng tiếng Hán cho Ra­ji­va. Nghe cậu ta phát âm tiếng Hán trọ trẹ, tôi muốn bật cười, nhưng không hiểu sao sống mũi cay cay, chừng như muốn khóc.

- Còn nhớ không, chị từng nói, nếu tôi đọc thuộc “Kinh thi” thì chị sẽ trở lại?

Tôi gật đầu. Thật không ngờ, những lời buột miệng ra khi ấy, Pusyse­da đều cho là thật.

- Năm đầu tiên, tôi đọc thuộc toàn bộ cuốn “Kinh thi”, nhưng chị không quay lại. Tôi nghĩ rằng tại mình chưa đọc tốt, nên năm thứ hai, tôi đọc thuộc lại một lần nữa, nhưng chị vẫn bặt vô âm tín. Mỗi năm vào đúng ngày mùng mười tháng Một âm lịch, tôi đều đến phòng chị và đọc hết một lượt cuốn 'Kinh thi" này. Tôi đọc mười lần thì chị đã trở về…

- Pusyse­da…

- Cảm động lắm phải không?

 Tôi gật đầu, nước mắt trực trào ra, tôi sắp không kìm chế được nữa rồi!

- Vậy, cho tôi ôm một cái!

Tên sói nham hiểm chuẩn bị lao vào cô bé quàng khăn đỏ, nhưng đã bị khổ chủ ột cái bạt tai. Những giọt nước mắt khi nãy trực trào ra đã được nuốt ngược trở lại vào trong bụng.

Hôm đó, tôi đã đến thăm Ku­marayana. Mười năm qua đi, hai người con trai của ông đã trưởng thành và đang tận hưởng những năm tháng tươi đẹp nhất của đời người, còn với ông, mười năm thời gi­an giống như lưỡi dao vô hình cắt từng vết hằn học trên thân thể ông. Khuôn mặt vốn đã gầy guộc, khổ hạnh, nay càng thêm hốc hác, xanh xao, tóc ông bạc trắng, hình như năm nay ông mới ngoài năm mươi tuổi. Nhưng ông có vẻ rất yếu, những tiếng ho khan bật lên liên hồi. Nhưng đôi mắt màu xám nhạt khảm giữa hai hốc mắt như hai vực sâu hun hút ấy, đôi mắt sáng rực vẻ thông tuệ và từng trải ấy như nhìn thấu tâm cam con người. Tôi bỗng run rẩy, đôi mắt Ra­ji­va rất giống mắt cha.

Bộ dạng bông đùa, cười cợt thường ngày của Pusyse­da biến mất, cậu tỏ ra rất mực cung kính đối với cha, chuyện trò từ tốn với ông rất lâu bằng tiếng Phạn. Ku­marayana không ngừng đưa ánh mắt kinh ngạc hướng về phía tôi, khiến tôi không khỏi lo lắng, Nhưng sau đó, ông không hề tỏ ra thắc mắc về lai lịch kỳ lạ của tôi. Ông chỉ nhẹ nhàng bảo tôi hãy yên tâm ở lại và rằng người của phủ quốc sư sẽ đối đãi với tôi như một vị khách quý. Tôi đã đoán đúng, một người thông tuệ như Ku­marayana, dù ông không thể biết rõ thân phận thật sự của tôi, nhưng ông sẽ không xem tôi như yêu ma quỷ quái để rồi trói tôi lại và đem thiêu sống. Có lẽ vì thế, ông mới sinh ra hai người con trai xuất sắc như vậy và cả hai đều yêu kính ông như vậy!

Đêm đó, tôi đã được ngủ một giấc say sưa trong căn phòng mà trước kia tôi từng gắn bó suốt ba tháng trời. Tôi băn khoăn tự hỏi, không biết Ra­ji­va sẽ nghĩ gì nếu biết tôi đã quay về phủ quốc sư. Không biết giờ này cậu ấy đang làm gì? Và, không biết cậu ấy có nhớ tôi không?

Chương 24: Rong chơi

Mở mắt đã thấy bên giường có bóng người. Tôi thót tim, sau đó thì giận sôi người. Lại là tên ranh ấy! Hồi nhỏ chưa hiểu chuyện làm tôi hết hồn bao phen, tôi có thể bỏ qua, nhưng bây giờ đã là người lớn rồi, mà sao không hiểu thế nào là “nam nữ thụ thụ bất thân”?

- Chị ngủ giỏi thật đấy, tôi ngồi nhìn chị từ suốt từ nãy đến giờ mà chị không hay biết!

Tôi giận dữ thu người vào trong chăn. Lúc này, tôi chỉ mặc một chiếc váy ngủ mỏng, không biết khi nãy, chân thò ra ngoài có bị hắn nhìn thấy không?

- Không phải giấu, có gì đáng xem đâu!

Tôi phi chiếc gối vào người hắn, nhưng tên ranh đã nhanh nhẹn né được. Hắn cười vang, mon men lại gần giường tôi:

- Mau dậy đi, lễ hội Sumuzhe hôm nay có nhiều trò hay lắm!

- Cậu ra ngoài đi để tôi thay quần áo!

 Pusyse­da không cợt nhả nữa, ngoan ngoãn bước ra ngoài. Nhưng vừa ra khỏi cửa, hắn đã lại thò chân vào, nháy mắt với tôi:

- Chị mặc chiếc váy ấy cũng đẹp mà, nhưng tiếc là chỉ được mặc trong phòng cho tôi ngắm thôi.

Tôi nổi đóa, lùng sục khắp phòng tìm vũ khí, nhưng chưa tìm ra thì hắn đã cười ha hả chạy biến tận đâu rồi.

Người qua lại trên phố đông như mắc cửi, Pusyse­da che chắn cho tôi, để không bị chen lấn. Nhưng tôi không thích kiểu bảo vệ ấy. Cậu ta cứ ôm chặt lấy tôi dìu đi, ai nhìn thấy cũng tưởng chúng tôi là một cặp tình nhân. Mà cậu ta, hình như được rất nhiều người quý mến, ai gặp cũng tươi cười chào hỏi. Đàn ông liếc thấy bàn tay như gọng kìm của cậu ta đang bám chặt lấy vai tôi thì cười nham hiểm. Còn phụ nữ thì phức tạp hơn nhiều, phần lớn là những ánh mắt hình mũi tên, khiến tôi lạnh cả người. Nhưng tên ranh ấy hình như không thèm quan tâm, bộ dạng bất cần của hắn thật đáng giận!

Tôi cố sức vùng vẫy khỏi “vuốt sắc” của hắn, nhưng càng vùng vẫy hắn càng xiết chặt.

- Đừng ồn, đội múa sư tử sắp bắt đầu rồi đấy.

Các tay trống Hạt đồng loạt gióng trống, khí thế hào hùng. Năm chú sư tử đủ các màu: xanh, đỏ, vàng, trắng, đen, từ năm hướng tiến vào khu vực trung tâm. Mỗi chú sư tử được điều khiển bởi mười hai nghệ sĩ, đầu đội đai đỏ, có hai người đi trước phe phẩy cây phất trần màu đỏ, biểu diễn những động tác hài hước gây cười. Bên cạnh đội sư tử là dàn hợp xướng gồm hơn một trăm người, họ hát vang những bài ca ca ngợi đức vua Khâu Từ, âm thanh tiếng trống tiếng nhạc tiếng hát ngân vang, bay cao lên chín tầng mây. Sư tử là loài vật linh được hoàng tộc Khâu Từ sùng bái, đức vua Khâu Từ thường tự xưng là vua Sư Tử. Người Khâu Từ còn sáng tạo ra câu chuyện một vị vua dũng mãnh của họ hàng phục được loài sư tử. Điệu múa sư tử đã ra đời dựa trên câu chuyện ấy. Sau khi chiếm được Khâu Từ, Lư Quang đã đưa Ku­mara­ji­va cùng hàng vạn nghệ sĩ, nghệ nhân của Khâu Từ đến Lương Châu (nay là huyện Vũ Uy, Cam Túc), kể từ đó, múa sư tử gia nhập vào đời sống văn hóa của người Hán, được cải biên trở thành điệu “múa sư tử năm hướng” lưu truyền rộng rãi ở Trung Nguyên cho đến tận ngày nay.

Phía trước quảng trường là một dãy lán trại được trang hoàng lộng lẫy, đức vua Bạch Thuần cùng đám quý tộc ngồi bên trong. Tôi hỏi Pusyse­da:

- Sao cậu không đến ngồi cùng họ?

- Đi theo mấy ông bà già ấy có gì hay ho chứ! Tôi thích đi chơi với chị hơn.

Tiếng ồn ào khiến tôi không nghe rõ cậu ta nói gì. Pusyse­da ghé sát vào tai tôi, gào to:

- Nhìn bộ dạng lúc cáu giận và điệu cười ngớ ngẩn của chị rất là thích thú!

Tên ranh hỗn hào! Tôi điên tiết hất tay hắn ra, nhưng chỉ một lát sau hắn lại sáp đến, mặc tôi gườm gườm nhìn hắn đe dọa, hắn chẳng biết sợ là gì, cũng chẳng để tâm sự tức giận của tôi. mặt hắn vẫn nhăn nhở cười đùa, cợt nhả. Hắn thích chọc tôi thế ư?

Một ngày trôi qua rất nhanh với các tiết mục biểu diễn, với các món ăn vặt của Khâu Từ, với việc cãi lộn, cáu gắt với Pusyse­da. Buổi tối, tôi thận trọng cài then cửa chính lẫn cửa sổ, đề phòng trộm cắp và đề phòng Pusyse­da. Sáng hôm sau khi thức dậy, không phải giật thót tim vì Pusyse­da nữa, nhưng cái giá phải trả là toàn thân ngứa ngáy vì một đêm nóng bức, ngột ngạt. Lúc mở cửa, đã thấy cậu ta đứng tựa lưng ở bên ngoài, điệu bộ cợt nhả, đẩy về phía tôi một chiếc lọ nhỏ. Tôi tò mò đón lấy, hỏi là thứ gì. Tên ranh thản nhiên nói đó là hộp phấn rôm, hắn còn lên giọng tuyên bố, giáo huấn một hồi, rằng mùa hè nóng nực, trong phòng phải mở cửa cho thoáng gió, thoáng khí. Tôi tiện tay vơ lấy cây chổi dựng ở góc nhà, đuổi theo hắn chạy vòng vòng khắp phủ quốc sư, miệng không ngừng gào to phải trị tội hắn.

Tất nhiên là tôi không đuổi kịp hắn, hồi hắn mười tuổi tôi đã không phải là đối thủ của hắn rồi. Mới chạy được vài vòng tôi đã thở dốc, phủ phục xuống đất, hai tay giơ cao cán chổi, giọng nói thều thào:

- Tôi xin hàng, xin đại tướng quân tha mạng!

Vừa dứt lời tôi cảm thấy bất an, sao tôi có thể thốt ra những lời mà hồi bé Pusyse­da nài ép tôi đóng kịch cùng nhỉ? Đã thành phản xạ có điều kiện rồi, thành phản xạ có điều kiện rồi! Pusyse­da ôm bụng cười nghiêng ngả giữa sân. Người trong phủ đi qua đi lại, nhìn chúng tôi với vẻ mặt ngạc nhiên khó hiểu. Tôi thấy mình không còn chút thể diện nào…

Ngày thứ ba của kễ hội Sumuzhe, vẫn rộn ràng những màn biểu diễn múa hát. Nghệ nhân từ khắp các quốc gia Tây vực đều tập trung về Khâu Từ, ngày nào cũng nhộn nhịp tưng bừng, ngày nào cũng hân hoan, náo nức. Pusyse­da rất ham vui, hễ thấy chỗ nào đông người là kéo bằng được tôi đến đó. Lúc này, chúng tôi đang đứng ở một góc quảng trường lớn, sân khấu đã được dựng lên ở khu vực trung tâm, giữa khán đài có một trụ sắt khổng lồ, phía trên là đài hoa sen. Khi ba tiếng trống vang lên dồn dập, đài sen mở ra, một cô gái xuất hiện, cô gái đeo khăn che mặt bằng chất liệu voan mỏng, mặc một chiếc váy dài, tay rộng màu mận chín, trên mình đeo những chiếc chuông nhỏ được gắn vào những dải lụa mềm mại, chân đi một đôi giày vải màu đỏ rất xinh xắn. Âm nhạc nổi lên, cô gái bắt đầu nhảy múa, tiếng chuông lanh canh, réo rắt, vui tai vang lên theo mỗi chuyển động của cơ thể cô gái.

- Đây là điệu múa Chaj[19]

Pusyse­da ghé vào tai tôi thì thầm:

- Lát nữa đừng xấu hổ đấy nhé!

Hơi thở của cậu ấy khiến vành tai tôi ngứa ngáy, tôi nghiêng đầu né tránh. Cứ nói chuyện bình thường, việc gì phải ghé sát như vậy chứ!

Tiếng trống ngày càng rộn rã, dồn dập. Toàn thân cô gái rung lắc, uốn lượn mềm mại như dải lụa. Rồi tiếng trống đột ngột dừng lại, cô gái kéo chiếc áo choàng rộng thùng thình ra khỏi người và tung lên đài sen. Giờ thì người cô gái chỉ còn lớp áo voan mỏng màu mận chín bó sát người, một chiếc áo khoác ngắn tay và một chiếc váy dài thướt tha cùng màu. Tiếng trống tiếp tục vang lên với tốc độ ngày một nhanh hơn, chiếc váy tung bay lả lướt, chuyển động của cô gái uyển chuyển, thanh toát tựa như một nàng tiên. Tiếng trống lại dừng đột ngột, cô gái trút bỏ chiếc áo ngắn bên ngoài, để lộ cánh tay trần và thân hình quyến rũ sau lớp vải voan mỏng. Đám đông hò reo không ngớt, ai nấy đều phấn khích rạng rỡ, tôi cũng không ngoại lệ. Tiếng trống tiếp tục dội lên, cô gái bắt đầu xoay người, cơ thể chuyển thanh toát, sức hấp dẫn ngày một đẩy lên cao qua mỗi điệu bộ lơi lả. Bàn tay nhẹ nhàng giật tung chiếc váy dài thướt tha, để lộ chiếc quần thắt ống màu hồng phấn xinh xắn. Rồi sau đó, thắt lưng cùng chiếc áo voan mỏng bó sát đều được trút bỏ hết, trên mình cô gái chỉ còn lại chiếc áo ngực (giống kiểu áo Bra thời hiện đại) và chiếc quần thắt ống (Kiểu quần Al­iba­ba, với rất nhiều tư thế khêu gợi, quyến rũ khiến người xem phải nín thở.

- Trời đất ơi, đây rõ ràng là điệu múa thoát y mà!

Hai mắt tôi được dịp co giãn hết cỡ, cổ họng cũng được hoạt động liên tục với việc điều tiết nước bọt. Không thể tin được, 1650 năm về trước, tư tưởng của người Tây vực đã hiện đại đến mức này rồi ư? Ở thế kỷ XXI, muốn xem thoát y vũ với nhiều cấp độ khác nhau, bạn phải tìm đến quán bar hay các vũ trường, làm gì có chuyện được phép biểu diễn công khai ở giữa chốn đông người như thế này?

Có ai đó vừa quệt tay rất mạnh lên mũi tôi.

- Lạ thật, tôi cứ nghĩ con gái Trung Nguyên xem màn biểu diễn phải xấu hổ, thẹn thùng chứ nhỉ, nào ngờ, chị còn phấn khích hơn cả tôi!

Tôi che kín chiếc mũi tội nghiệp của mình. So với người Khâu Từ, sống mũi tôi vốn đã không được thẳng rồi, giờ lại bị tên đáng ghét kia làm cho lệch hơn nữa.

- Chị hứng thứ như vậy, hay là...

Tên háo sắc sáp lại gần tôi.

- Tối nay về phủ chị biểu diễn cho tôi xem nhé.

Mũi hắn nhận được cú đấm trả hận đích đáng.

Hắn ôm lấy mũi, mặt nhăn nhó kêu đau, nhưng vẫn cố vớt vát thêm một câu:

- Thôi, thôi, chị cởi ra cũng chẳng có gì hay ho xem đâu…

Có vẻ như hắn muốn sống mũi của mình không bao giờ đứng thẳng lên được!

Buổi sáng, vừa tỉnh dậy đã lại thấy đôi mắt màu xám nhạt đang chăm chú quan sát tôi ở một khoảng cách gần đến choáng váng, khiến tôi thót tim, tôi sẽ sớm mắc bệnh đau tim vì hắn mất, Tôi tự trấn an bản thân, rồi sẽ quen, rồi sẽ quen. Biện pháp đối phó lần này của tôi là không thay váy ngủ, tôi lên giường và mặc nguyên bộ quần áo lúc đi chơi. Thế nên tôi tự tin mở toang cửa sổ và ngủ ngon lành cho tới sáng.

Vẻ thất vọng lộ rõ trên gương mặt Pusyse­da:

Đức Phật và nàng

- Cái váy hôm trước đâu rồi, sao chị không mặc?

Rõ là đồ háo sắc! Tôi tươi cười đắc ý:

- Cậu bảo chẳng có gì hay ho để nhìn kia mà!

- Thì đúng là như thế!

Hắn gật gù nghĩ ngợi:

- Ngải Tình, chị phải chịu khó ăn nhiều thịt vào.

- Để làm gì?

- Thế thì cái chỗ này mới to lên được.

- Chị gầy quá chạm vào chỗ đó sẽ chẳng mang lại cảm giác gì cả.

Tôi không chịu nổi nữa! Ai có thể giúp tôi tiêu diệt tên háo sắc này không?

Lại một ngày rong chơi trên phố. Tôi hầu như quên bẵng công việc, ngày ngày chỉ biết vui chơi và ngủ nghỉ. Pusyse­da là một bạn chơi rất tuyệt, vì cậu ta luôn nghĩ ra những trò vui mới. Mỗi ngày cậu ta đưa tôi đến một nơi để thưởng thức những món ăn khác nhau, món ăn Ấn Độ, món ăn Trung Á, món ăn Ba Tư, món ăn Trung Quốc, từ các món sơn hào hải vị đến các món ăn vặt đủ hương vị đặc sắc khác nhau. Vòng eo của tôi đã phình ra đáng kể. Bảy ngày diễn ra lễ hội Sumuzhe ấy, tôi đã được vui chơi thỏa thích nhiều hơn bất cứ dịp Quốc tế lao động hay Quốc khánh nào ở thế kỷ XXI. Những màn biểu diễn nghệ thuật trên đường phố đều rất đặc sắc, là nguồn tài liệu thực tiễn vô cùng quý giá, tính chất đại chúng của các loại hình biểu diễn đó cũng thật đáng ngưỡng mộ. Mỗi khi âm nhạc vang lên, tất cả mọi người, không phân biệt giới tính, tuổi tác đều cùng nhau nhảy múa ca hát.

Ngày thứ tư của lễ hội Sumuzhe, tôi được tận mắt chiêm ngưỡng điệu múa tròn xoay (Hồ hoàn vũ) của người Hồ mà tôi hâm mộ từ lâu. Điệu múa này có nguồn gốc từ quốc gia Kangqu ở Trung Á[20], sau khi du nhập vào Trung Nguyên, nó đã trở lên thịnh thành.

Thời nhà Đường đã có rất nhiều thi nhân chấp bút họa thơ về đề tài này. Trong đó nổi tiếng nhất phải kể đến bài thơ của Bạch Cư Di: “Cô gái Hồ múa điệu xoay tròn, tâm hồn hòa vào tiếng đàn, cánh tay đưa theo nhịp trống”. Có tài liệu còn ghi chép rằng, Dương Quý Phi múa điệu Hồ hoàn vũ này rất điêu luyện, đến mức Bạch Cư Di từng phê phán “người đẹp”: “Quý phi mê hoặc quân vương bằng điệu múa xoay tròn”.

Giờ đây, được tận mắt chiêm ngưỡng, quả thật là rất đẹp! Đây là điệu múa tập thể. Hơn mười cô gái thân hình mềm mại, dáng điệu thướt ta, với những động tác xoay người rất điệu nghệ, thanh toát. Các nhà thơ miêu tả họ “nhanh như sao băng”, “rực rỡ như mặt trời” không quá lời chút nào! Hồi đi Ai Cập, tôi từng được xem người dân bản địa múa điệu Su­fi, cũng là động tác xoay liên tục không nghỉ ngơi, nhưng do nam giới biểu diễn. Các nghệ sĩ cũng khoác lên mình những chiếc váy dài sặc sỡ, khi họ xoay tròn, sắc màu trên chiếc váy biến đổi kỳ ảo, tôi vừa ngưỡng mộ lại vừa lo lắng, không biết họ có chóng mặt hay không.

Buổi tối, tôi dỗ giấc ngủ bằng nỗi nhớ Ra­ji­va, bằng những kỉ niệm ngọt ngào giữa chúng tôi. Những điều nhỏ nhặt nhất liên quan đến cậu ấy cũng có thể khiến tôi ngơ ngẩn hồi lâu. Mấy ngày qua tôi đã được vui chơi hết mình, tôi chưa bao giờ vui chơi thảo sức như thế, lại trong nhiều ngày liên tục như thế. Giá như có Ra­ji­va bên cạnh… Thôi, không nghĩ đến nữa. Cậu ấy chẳng thể ngồi xổm bên đường gặm thịt xiên với tôi như Pusyse­da được. Nhắc đến Pusyse­da mới nhớ, ngày mai nhất định phải nói với cậu ta, không nên mới sáng sớm tinh mơ đã chạy đến phòng tôi như thế!

## 13. Chương 25 - 26

Chương 25: Lãng tử

- Sao hôm nào mới sáng sớm tinh mơ đã chạy đến phòng tôi như thế này?

Tôi trùm chăn, than vắn thở dài.

- Thì đã sao. Ngày xưa tôi vẫn thường xuyên như thế mà. Chị quên tôi đã từng ngủ cùng chị à?

Tức chết mất!

- Khi ấy cậu mới mười tuổi.

Hồi bé quấn lấy tôi, tôi không trách, nhưng bây giờ đã là người lớn rồi, cứ quẩn quanh bên tôi thế này, ngày sau kết hôn, làm sao vợ cậu ta có thể chấp nhận được!

- Cậu có biết là cậu đã trưởng thành rồi không?

Pusyse­da gật đầu, đôi mắt mở to chớp chớp, long lanh, tỏ vẻ vô tội. Lại cái chiêu cũ rích hồi nhỏ vẫn thường dùng để lấy lòng tôi đây mà!

- Nam nữ phải giữ khoảng cách chứ, cậu em!

Tôi ôm đầu, chỉ muốn lao vào bức tường kia cho xong!

Bỗng nhiên, tôi bị kéo vào một vòng tay rất chặt và mạnh mẽ, một giộng nói xúc động thoảng qua trên đầu:

- Ngải Tình, xin đừng như lúc trước, tỉnh dậy không thấy bóng dáng chị đâu cả, báo hại tôi lang thang tìm kiếm khắp nơi…

Tôi thật sự cảm động, những chiếc lông nhím chưa kịp xù lên đã mềm nhũn ra. Thì ra, mỗi sáng cậu ta chạy đến phòng tôi là để chắc chắn rằng tôi vẫn ở đây. Nhớ năm đó cậu ta mới mười tuổi, vậy mà phải chứng kiến cảnh người thật, việc thật biến mất vào khoảng không chỉ trong nháy mắt, hệt như diễn kịch vậy. Một người trưởng thành và tâm lý vững vàng, nếu phải chứng kiến cảnh đó, có lẽ cũng không thể chịu nổi, đừng nói là một cậu nhóc. Không biết khi ấy Pusyse­da đã hụt hẫng và hoảng sợ nhường nào! Chỉ e, suốt đời, cậu ta cũng không thể xóa được ám ảnh tâm lý này. Tất cả là lỗi ở tôi…

- Xin lỗi Pusyse­da…

Thực ra, lần này tôi sẽ lại biến mất, nhưng tôi đã hứa với lòng mình, không để Pusyse­da phải chứng kiến cảnh tượng đó thêm một lần nào nưa. Thời đại này, kiếm đâu ra bác sĩ tâm lý để điều trị cho cậu ta?

- Ngải Tình, tôi có phải là người đàn ông đầu tiên mà chị ngủ cùng không?

Trời đất ơi! Tên trăng hoa này mà gặp trở ngại về tâm lý ư? Tôi gào lên thảm thiết. Ai giúp tôi xé xác hắn ra với!

Tâm điểm của lễ hội Sumuzhe trong ngày thứ năm này là vũ điệu “Hồ đằng” (điệu múa bay lên). Điệu múa này do nam giới biểu diễn và chú trọng đến các kỹ thuật: bay cao, trụ vững, sải dài, đá chân quay vòng, xoay tay chống eo, thu cằm nhún vai. Chúng ta có thể nhận thấy những nét tương đồng giữa vũ điệu này với các điệu múa của người Uyghur thời hiện đại. Tiếng nhạc hào hùng sôi nổi, xúc cảm dâng chào cuồng nhiệt, hơn mười chàng trai vừa hô vang, vừa bay nhảy, reo hò cỗ vũ không nghỉ ngơi.

- Ngải Tình, chị thích điệu múa này lắm hả?

Pusyse­da ghé tai hỏi lớn, tôi chẳng thèm suy nghĩ, gật đầu lấy lệ, ánh mắt không rời khỏi các nghệ sĩ đẹp trai ngời ngời đang biểu diễn trên sân khấu.

Pusyse­da tháo mặt nạ đặt vào tay tôi, chạy biến. Chưa kịp hỏi xem cậu ta đi đâu thì đã thấy lãng tử rẽ đám đông, lao vào giữa đội múa. Tôi há hốc miệng khi thấy Pusyse­da nhanh chóng hòa nhập với đội múa và thực hiện những động tác bay nhảy như một diễn viên chuyên nghiệp. Pusyse­da nổi bật giữa sân khấu, không chỉ bởi chiều ột mét tám mươi lăm và thân hình hoàn hảo, mà còn bởi khuôn mặt điển trai, quyến rũ. Cậu ta vừa bước lên sân khấu, tiếng reo hò cổ động của các khán giả nữ đã vang lên áp đảo.

Pusyse­da gập người làm tư thế ngồi, nhưng nhanh như cắt, bước chân biến chuyển tựa như chim bay, các động tác di chuyển vị trí, dứt khoát, nhịp nhàng, mềm mại, vừa thể hiện được sức mạnh, vừa thể hiện được khéo léo. Những bước nhảy điêu luyện của Pusyse­da khiến tôi, lần đầu tiên cảm nhận được một kiểu hấp dẫn khác của nam giới, tôi gào thét cổ vũ cùng các cô gái dưới khán đài. Nhưng như thế hình như vẫn chưa sảng khoái, tôi tháo mặt nạ, chụm tay quanh miệng làm thành hình cái loa, hướng về Pusyse­da gào to:

- Pusyse­da, cậu khá lắm, tôi yêu cậu!

Nghe thấy tiếng kêu của tôi, cậu ta nháy mắt truyền tín hiệu, nhếch môi cười đắc ý, điệu bộ ấy có thể hớp hồn bất cứ cô gái nào!

Âm nhạc càng lúc càng sôi động. Động tác nhảy của Pusyse­da càng lúc càng nhanh thoăn thoắt, tiếng reo hò cổ vũ của khán giả càng lúc càng bùng nổ, mọi người vỗ tay theo nhịp trống. Rồi âm nhạc đột ngột tắt lịm, Pusyse­da đột ngột lộn một vòng rất cao trên không, khi tiếp đất, đầu gối ở tư thế quỳ xuống sàn diễn, vẽ một đường trượt dài về phía tôi. Lúc dừng lại trước mặt tôi, cậu ta làm động tác dang rộng hai tay, đầu ngẩng cao kiêu hãnh, nụ cười rạng rỡ, hấp dẫn không bút nào tả xiết. Tôi cảm nhận rất rõ những ánh mắt hình mũi tên đang chĩa về phía mình, vội vàng đưa tay kéo cậu ta dậy.

Pusyse­da mồ hôi nhễ nhại, một vài lọn tóc xoăn màu nâu dính trên trán, quần áo cũng đầm đìa. Phản xạ đầu tiên của tôi là đút tay vào túi, nhưng chẳng có cái khăn nào cả. Không biết đã bao nhiêu năm rồi tôi không mang theo khăn mùi xoa bên người, vì đã quen dùng khăn ướt, mặc dù tôi biết dùng khăn ướt không vệ sinh chút nào…

Thấy tôi tiu nghỉu rút đôi tay trống không từ trong túi áo ra, Pusyse­da cười nói: không sao, rồi kéo vạt áo của tôi lên lau mồ hôi. Tôi sững sờ, cậu ta thật tự nhiên vô đối…

Nhìn chiếc áo nhàu nhì, ướt mèm, tôi chỉ muốn khóc. Toàn mồ hôi là mồ hôi, mà hình như có mùi rất là khó chịu. Tôi bực mình càu nhàu:

- Này, cậu làm thế, tôi mặc làm sao được nữa? Cậu… cậu… cậu thật là quá đáng

- Sao thế? Tiếc gì cái áo ấy, tôi thấy vui là được!

Lòng bàn tay cậu ta nhớp nháp mồ hôi, hỏng rồi, tay tôi cũng không sạch nữa!

- Đi mua quần áo.

Pusyse­da quay đầu nhìn tôi, vẻ bực dọc.

- Chị tiếc làm gì bộ quần áo cũ rích ấy, chị khoác thứ đó lên người cùng tôi ra phố làm mất mặt tôi quá!

- Pusyse­da!

Chúng tôi giật mình dừng bước, nhìn lên. Một cô gái làm da trắng trẻo mịn màng đang dừng trước mặt chúng tôi, vẻ mặt giận dữ cuồng nộ. Pusyse­da nghiêng mắt nhìn cô gái, điệu bộ thách thức. Đây rõ ràng là một màn kịch tình yêu, nhưng tôi không phải là vai chính, tôi phải rút lui thôi.

Tôi lẳng lặng bứt ra khỏi bàn tay rặt mồ hôi của Pusyse­da, định bụng ẩn thân vào một góc khuất ở con phố bên cạnh.

Nhưng được nửa bước đã bị kéo trở lại. Nguy quá, hắn quàng tay lên cổ tôi. Tôi rùng mình, mùi mồ hôi nồng nặc..

- Pusyse­da, anh.. sao anh làm vậy?

Cô gái đó chừng sắp khóc, ánh mắt nhìn tôi đằng đằng sát khí.

- Cô nhìn thấy cả rồi đấy.

 Pusyse­da quàng vai tôi, áp sát đầu vào cổ tôi. Chú em ơi, cậu không thích người ta thì cũng đừng nên lấy tôi làm lá chắn cho cậu chứ. Huống hồ người chú em đầm đìa mồ hôi thế này…

- Nhưng anh nói là…

- Nói gì? Tôi đã hứa hẹn gì với cô? Cô tự mình dấn thân đấy chứ?

- Cô gái ơi, cô hiểu nhầm rồi…

- Tôi và cậu ấy không phải như cô nghĩ đâu..

“Chụt!”- một tiếng động lạ, rõ ràng, dứt khoát phát ra trên má trái của tôi. Thê thảm quá, hết tay chân, quần áo, đến cả mặt cũng bị vấy bẩn rồi!

Cô gái giận dữ giậm chân, nước mắt như mưa gió, chạy đi như bay. Tôi thở dài. Chỉ một chú sơ ý, tôi đã trở thành vai chính của vở kịch này.

- Pusyse­da, sao lại đối xử với người yêu mến cậu như thế?

- Bọn họ cứ bám riết lấy tôi đấy chứ. Đôi bên vui vẻ một chút thì không sao, nhưng đằng này, chỉ vài ngày sau là họ lại đòi tương lai này nọ.

Đúng là đồ lăng nhăng! Chả trách anh trai cậu ta từng trách: Suốt ngày trêu hoa ghẹo nguyệt. Nghĩ đến Ra­ji­va, trong lòng chợt thấy ấm áp lạ thường. Ra­ji­va chắc chắn không bao giờ như vậy. Tuy rằng mười năm sau… Thôi, không nghĩ đến nữa! Kể từ giây phút quyết định sẽ yêu Ra­ji­va theo cách riêng của mình, tôi đã quyết tâm không nghĩ đến chuyện sau này cậu ấy sẽ kết hôn và sinh con. Tôi không muốn nghĩ xa xôi đến thế. Tôi chỉ cần được yêu Ra­ji­va trong hiện tại, thế là đủ…

- Pusyse­da, lẽ nào cậu chưa từng yêu ai?

- Đúng vậy.

Câu trả lời mới dứt khoát làm sao!

Gặp lại Pusyse­da sau mười năm, tôi nhận thấy cậu ta đã trở thành một lãng tử đa tình, cả ngày lông bông rong chơi. Cậu ta trở nên ranh mãnh hơn, biết chọc giận tôi, có lúc còn khiến tôi đỏ mặt vì xấu hổ. Lúc đầu, ngỡ rằng cậu ta có ý gì với mình, tôi ra sức đề phòng. Nhưng qua vài ngày tiếp xúc, mới biết đó là bản tính cợt nhả, bông lơi của cậu ta. Thực ra, Pusyse­da chưa từng có hành vi hay cử chỉ gì không phải với tôi, mặc dù đôi lúc vẫn bắt nạt tôi và những lời lẽ trăng hoa của cậu ấy khiến tôi nổi giận. Ra phố, gặp những cô gái cậu ta quen biết, thấy ai nấy đều niềm nở chào hỏi, những cô gái không quen thì ngẩn ngơ ngó theo. Với bất kì cô gái nào cậu ta cũng liếc mắt đá lông nheo trêu đùa, chọc ghẹo. Mở miệng là thốt những lời có cánh. Cậu ta giống hệt một “người tình của đại chúng”. Thế nên, tôi đã quen và không còn khó chịu với những cử chỉ thân mật của cậu ta nữa. Đôi lúc, tôi càu nhàu, gắt gỏng, nhưng đã dần chấp nhận con người mới của cậu ta, vì dù sao đó cũng là bản tính trời sinh.

Nhưng tôi phải thừa nhận rằng, những lúc ở bên Pusyse­da, tôi rất vui. Cậu ta thông minh, lanh lợi, hoạt bát, lại hài hước, phóng khoáng, cậu ta nghĩ ra rất nhiều thứ khiến tôi vui và còn đẹp trai nữa. Chả trách biết bao cô gái chết mê chết mệt, bám theo cậu ta, chả trách những cô gái bị cậu ta bỏ rơi đều đau khổ tuyệt vọng đến như thế. May mà tôi cứng cỏi, kiên cường, sức hấp dẫn “chết người” của Ra­ji­va, tôi còn có thể kháng cự trong một thời gi­an dài nữa là! Và cũng mừng là trái tim rất nhỏ bé, Ra­ji­va đã “chiếm giữ” toàn bộ rồi. Nếu không có lẽ tôi cũng sẽ giống như người phụ nữ đáng thương kia, khóc hết nước mắt khi phải chứng kiến Pusyse­da thay người yêu như thay áo.

Buổi tối, tắm rửa xong xuôi, vừa bước đến cửa phòng đã thấy gã “lãng tử” đang “nhàn cư vi bất thiện”, vẽ vời lung tung trên cuốn tập của tôi. Thói xấu này mười năm qua vẫn không thay đổi. Mấy cuốn tập tôi quên mang theo hồi đó, chắc chắn đã bị cậu ta xé đi không ít

Vừa thấy tôi, gã lãng tử liền quẳng ngay chiếc bút xuống, vẻ mặt cau có:

- Chị tắm rửa gì mà lâu thế! Này mặc vào đi!

Pusyse­da đẩy một chiếc váy mới ra trước mặt tôi, đó là một chiếc váy lụa mềm, màu lục, trang nhã, thêu những bông lựu vàng tươi tăn, chất liệu vải cao cấp, thủ công tinh xảo, chắc chắc người mua đã phải bỏ ra một khoản khổng lồ. Tôi tấm tắc khen ngợi:

- Pusyse­da, cậu đúng là cao thủ tình trường. Chiếc váy đẹp thế này, cô gái nào đành lòng từ chối kia chứ!

- Đây là lần đầu tiên tôi tặng quà cho phụ nữ đấy. Xưa nay, đều là đám phụ nữ ấy tặng quà cho tôi, họ tặng quà mà chưa chắc tôi đã nhận đâu.

Cậu ta rướn cằm, vênh mặt lên trời.

- Rốt cuộc là chị có nhận không hả, không thích thì để tôi trả lại

- Ấy, đừng đừng.

 Tôi vội vàng đón lấy

- Tôi cũng là phụ nữ, tôi không nỡ từ chối.

Khi còn ở thế kỷ XXI, vì thích đi du lịch, thích tìm hiểu, nghiên cứu mọi thứ, nên trang phục thường xuyên của tôi là quần bò, áo phông, giày thể thao. Sếp thường lắc đầu nhìn tôi bảo rằng tôi chẳng nữ tính chút nào. Trở về thời cổ đại, lại càng không có nhu cầu thu hút sự chú ý của người khác, quần áo trên người mặc lại càng giản tiện hơn. Nhưng dù thế nào thì tôi cũng là phụ nữ, phụ nữ thì ai cũng giống ai, ai cũng bị quần áo đẹp chinh phục.

- Thích không?

Tôi gật đầu, sung sướng ướm thử chiếc váy lên người. Giọng nói rủ rỉ của Pusyse­da bay trên đầu tôi:

- Chị định trả công tôi thế nào đây?

- Tôi giật mình

- Cậu muốn thế nào?

- Hay là, tối nay tôi ở lại đây nhé?

Lại là nụ cười quyến rũ và những cái liếc mắt đưa tình làm người khác ngộp thở, lại là chiêu bài đong đưa mang thương hiệu ấy. Mặt tôi nóng bừng. Tôi không quen nghe những lời tán tỉnh ve vãn ấy. Không đi là sao? Cậu ta muốn gì chứ?

- Ha ha, tôi đùa thôi.

 Pusyse­da cười giòn giã.

- Tôi chưa thèm khát đến mức ấy đâu.

Nhưng mà…

Cậu ta đột ngột ghé mặt sát tôi, ánh mắt phong tình gợi cảm, cố ý kéo dài giọng:

- Ngải Tình, chị chưa từng có gì với đàn ông đúng không? Tôi mới nói thế mà chị đã đỏ mặt rồi.

Mặt tôi lại càng đỏ lên dữ dội, tôi lừ mắt đe dọa tên ranh ấy.

- Việc gì đến cậu! Nếu có thì cũng không phải với cậu!

Cậu ta được dịp cười lăn lộn

- Chị hoàn toàn khác những cô gái mà tôi từng gặp.

Gã lãng tử không tiếp tục cười nữa.

- Tôi mà muốn ôm đám phụ nữ đó vào lòng, chắc họ phải run lên vì vui sướng. Chị thì khác, mới đụng chạm một tí thôi mà chị đã tránh né, sợ sệt như có ai sắp cắt da xẻ thịt của chị không bằng. Đám phụ nữ kia gặp tôi ba ngày đã nài nỉ tôi lên giường với họ. Vậy mà chị, bao nhiêu ngày rồi vẫn dửng dưng như không.

- Họ nài nỉ cậu ư?

Trời đất ơi, không ngờ 1650 năm về trước Khâu Từ đã hiện đại đến vậy, quan hệ nam nữ có thể tùy tiện đến vậy! Nhưng nghĩ kỹ lại cũng không có gì đáng ngạc nhiên cả. Điệu múa thoát y trên đường phố trong lễ hội Sumuzhe, đến những bức họa bán khỏa thân và hoàn toàn khỏa thân trên vách đá ở Kizil, tính cách phóng khoáng, sôi nổi, nồng nhiệt của người dân nơi đây. Với lối sống đó của họ, nữ giới chủ động theo đuổi nam giới chắc chắn không có gì là lạ. Vả lại, Pusyse­da hội tụ đủ những điều kiện để các cô gái phải chết mê chết mệt

- Đúng vậy, tôi chưa bao giờ nài nỉ bất cứ cô gái nào. Nhưng điều đó không có nghĩa là tôi tùy tiện. Muốn được lọt vào mắt cậu chủ Pusyse­da không dễ đâu nhé.

Cậu ta đổ người lên chiếc giường của tôi, hai tay gập lại làm gối, rung đùi tự mãn, đúng là dáng vẻ điển hình của một tên trăng hoa.

- Nhưng phụ nữ người Hán các chị có vẻ thẹn thùng, e lệ rất nữ tính và đáng yêu.

Đây là lần đầu tiên trong đời tôi nói chuyện về vấn đề giới tính với một người con trai vào lúc nửa đêm thế này. Tôi cảm thấy rất mất tự nhiên. Tôi là phụ nữ thế kỷ XXI, lại hơn cậu ta ba tuổi, mà sao tôi không hề tự tin khi nói chuyện với cậu ta nhỉ?

- Ngải Tình, chị là cô gái đầu tiên mà tôi chưa nỡ “ra tay” sau một thời gi­an dài như vậy đấy.

Tôi không chịu nổi vấn đề nhạy cảm này nữa! Vì sao cậu ta cứ mở miệng là thốt ra những lời lẽ đong đưa ong bướm như vậy? Còn tình yêu thì sao, tình yêu xếp ở vị trí nào?

- Những cô gái lên giường với cậu, cậu có yêu họ không?

- Không hề! Tôi chỉ thấy vui thích thôi. Nhưng được vài ngày là họ đòi này đòi nọ. Họ đòi tôi phải hứa hẹn, đòi tôi một lòng một dạ, đòi tôi kết hôn, họ khiến tôi mệt mỏi và ngán ngẩm.

- Họ muốn cậu hứa hẹn bởi vì họ thật lòng yêu cậu.

Trái tim tôi như thắt lại khi nghĩ đến con người mà ngay cả lời yêu cũng không dám thốt ra ấy.

Đàn ông và phụ nữ tình cờ gặp gỡ, nảy sinh tình cảm, gi­ai đoạn đó người ta gọi cuốn hút. Cuốn hút là sức hấp dẫn nhục dục, nó sẽ tan rất nhanh. Nhưng yêu là thứ tình cảm chứa đựng cả rung động của tâm hồn và khát khao nhục cảm. Khi người ta yêu, lý trí trở lên bất lực, mọi buồn vui, hạnh phúc và đau khổ đều nảy sinh từ đó. Rồi người ta muốn được có nhau, muốn được hãnh diện về nhau, đón nhận nhau, thương nhớ nhau, tha thứ cho nhau, hạnh phúc vì nhau. Nhưng đó chưa phải là giới hạn cao nhất của tình yêu, giới hạn cao nhất là sống bên nhau. Tình yêu cuồng nhiệt đến đâu rồi nước chảy hoa trôi, cũng sẽ trở lên bình lặng. Hai con người nương tựa vào nhau, sống bên nhau cho tới khi đầu bạc răng long, đó mới là sự gắn kết bền chặt, mãi mãi.

Tôi lặng ngắm bầu trời bên ngoài cửa sổ. Ra­ji­va đang ở nơi cách tôi bốn mươi dặm. Có phải cậu ấy cũng đang hướng lên bầu trời ngàn vì tinh tú kia giống như tôi không?

- Từ tình cảm đến chân tình rồi trao nhau ân tình, đó mới là những cung bậc trọn vẹn của tình yêu.

Tôi và Ra­ji­va, sẽ chẳng bao giờ có cơ hội để trao nhau ân tình. Tình cảm của chúng tôi, rồi cũng hoang phế.

- Ngải Tình, chị yêu ai rồi phải không?

Tôi thót tim! Pusyse­da đang ở rất gần tôi, đôi mắt sâu thẳm chiếu vào tôi như muốn soi tâm tư. Ánh mắt ấy giống Ra­ji­va đến kì lạ!

- Không, không, không phải.

Tôi vội vàng thanh minh. Tôi không thể để Pusyse­da hay bất cứ ai trên đời này biết được tình cảm của mình dành cho Ra­ji­va.

- Tôi chỉ hơi xúc động thôi! Giá mà tôi có được tình yêu như thế thì tuyệt biết bao…

Pusyse­da xoay vai tôi lại, ngón tay nhè nhẹ nâng cằm tôi lên để khiến tôi đối diện với đôi mắt thường khiến tôi gặp ảo giác ấy.

- Tử sinh cách trở đôi nơi

Cùng em anh đã nặng lời từ xưa

Đôi ta những nguyện cùng già,

Cầm tay thuở ấy, bây giờ chưa quên[21]

Ngải Tình, chị muốn có một tình yêu như vậy, đúng không?

Tôi chưa từng nghĩ về điều này. Tôi chưa bao giờ dám mơ đến một ngày nào đó sẽ được bình thản nắm tay Ra­ji­va, cùng nhau đi đến cuối chặng đường đời. Mỗi người trong chúng tôi đang phải gánh trên vai rất nhiều trách nhiệm…

- Ngải Tình, hay chúng ta thử xem.

Khi làn môi gợi cảm của tên lãng tử chực đổ xuống, thì tôi đã kịp dùng chiếc váy mới che trước mặt, sau đó đá hắn ra khỏi phòng.

Chương 26: Màn trình diễn của tôi

Mở mắt ra đã lại thấy Pusyse­da ngồi cạnh giường. Tôi không thấy lạ, cũng chẳng thèm để ý, mặc cậu ta gào thét thúc giục, ngủ nướng thêm một lúc nữa, mới uể oải vươn vai chào bình minh. Tôi mặc chiếc váy được tặng hôm qua, ra ngoài sân thấy Pusyse­da khoác trên mình một chiếc áo ngắn chít eo màu xanh lục. Dáng người rất chuẩn, nếu sống ở thời hiện đại mà không làm người mẫu hay diễn viên thì quả là “phí của trời”. Có điều quần áo mà chúng tôi mặc trên người rất giống trang phục của một cặp tình nhân. Pusyse­da nhìn thấy tôi, huýt sáo tán thưởng, sau đó đảo một vòng quanh tôi, gật gù tấm tắc. Nhưng, tên ranh này lại phán một câu khiến tôi rất đỗi đau lòng:

- Sao chị không trang điểm? Đồ trang sức của chị đâu?

Tối qua, ngoài chiếc váy mới, Pusyse­da còn tặng tôi cả một bộ đồ nghề trang điểm. Nhưng tôi đã thu dọn và cất vào ba lô, dự định sẽ mang về thế kỉ XXI làm hiện vật hỗ trợ cho việc nghiên cứu về cách thức làm đẹp của phụ nữ thời cổ đại. Còn đồ trang sức ư, tôi chưa bao giờ dùng đến, nếu có, tôi cũng sẽ cất đi để làm hiện vật nghiên cứu. Phụ nữ thời Hán trang trí mái tóc rất đơn giản, quấn tóc gọn sau gáy, rồi dùng một chiếc trâm cài lên là xong. Ngày nào tôi cũng ra phố với vẻ ngoài giản dị ấy, có sao đâu, hà cớ gì hôm nay lại bị một gã phong lưu đẩy đến trước gương, ép tôi trang điểm? Điều đáng ngại là, tôi không biết sử dụng “mỹ phẩm” của người cổ đại. Thế là gã phong lưu đành phải ra tay.

Pusyse­da thỏa sức bôi quệt trên mặt tôi, lòng đau như cắt, không biết hôm nay da mặt tôi sẽ phải hấp thụ bao nhiêu chì đây?

Rất lâu sau, Pusyse­da mới ngừng tay, tôi ngắm mình trong gương, ôm bụng cười nghiêng ngả. Hai hàng lông mày của tôi giống hệt vai diễn bà mối trong các bộ phim của Ngô Quân Như, vành môi tròn, rộng, đỏ chót, có thể khiến bất cứ đứa trẻ nào hoảng sợ. Trời cao đất dày ơi, tạo hình kiểu này không khác vai diễn Như Hoa trong phim hài của Châu Tinh Trì một chút nào! Tôi chạy như bay đi rửa mặt, cầu trời đừng ai nhìn thấy bộ dạng của tôi!

Sau khi đã trở lại là chính mình, tôi hạ quyết tâm, nếu Pusyse­da vẫn muốn trang điểm cho tôi, hôm nay tôi sẽ không ra phố nữa, cho dù tôi đã háo hức chờ đợi ngày thứ sáu của lễ hội Sumuzhe biết nhường nào!

Pusyse­da không o ép tôi nữa, gương mặt cậu xuất hiện dấu hiệu của sự xấu hổ mà xưa nay tôi chưa từng thấy. Bây giờ đến lượt tôi đảo quanh cậu ta một vòng, lẽ nào đây là khuôn mặt cợt nhả, phong lưu ngàn năm không đổi ư?

Trên phố hôm nay toàn là các nam thanh nữ tú, dập dìu tài tử gi­ai nhân, họ không đeo mặt nạ như mấy ngày trước, ai nấy trang điểm xinh đẹp như hoa như ngọc, rất nhiều đôi mặc trang phục tình nhân, tay nắm tay tình tứ dạo phố. Tôi hiểu rồi, ngày thứ sáu của lễ hội Sumuzhe là ngày lễ tình nhân của người Khâu Từ. Sau đó thì tôi nhận được rất nhiều ánh mắt ghen tị, tức tối khi nhìn thấy trang phục của chúng tôi và cánh tay như gọng kìm của Pusyse­da trên vai tôi. Tôi cứ băn khoăn sao cậu ta lại tốt bụng đến thế, tặng váy áo cho tôi, lại bắt tôi phải trang điểm thật đẹp, không ngờ đó là âm mưu đẩy tôi ra làm lá chắn ình, hại tôi vô duyên vô cớ chịu tội với bao nhiêu cô nàng. Tôi giận sôi người, ra sức vùng vẫy, nhưng kết quả vẫn như những lần trước, không thoát được là không thoát được.

Các cặp đôi đã tập trung rất đông trước một sân khấu đặt giữa quảng trường lớn, ai nấy đều háo hức chờ đợi. Tôi ngó nghiêng xung quanh, không thấy các nghệ sĩ múa chuyên nghiệp đâu cả. Lẽ nào hôm nay là ngày hội của diễn viên quần chúng?

- Đây là một cuộc thi hát, từng đôi nam nữ sẽ lên trình diễn các bài tình ca, ban giám khảo cho điểm dựa vào nội dung ca khúc, phong cách biểu diễn và chất giọng. Đội chiến thắng sẽ được bình chọn là cặp đôi đẹp nhất Khâu Từ năm nay. Chị nhìn kìa, đó là giải thưởng.

Tôi đưa mắt theo cánh tay Pusyse­da, thấy hai chiếc hộp đặt trên một chiếc bàn cao, bên trong hẳn là thứ gì đó quý giá lắm. Vì đứng cách xa nên tôi không nhìn rõ giải thưởng.

Pusyse­da thở dài thườn thượt:

- Ngải Tình à, bao nhiêu cô gái muốn hát cặp với tôi, nhưng vì chị mà tôi từ chối tất cả, chị có biết, tôi muốn giành được giải thưởng đó từ lâu rồi không…

Cậu ta đưa ánh mắt thèm khát, rất tội nghiệp về phía chiếc bàn đặt giải thưởng.

- Đi nào!

Tôi dắt tay Pusyse­da bước về phía khán đài.

- Ngải Tình, đây là lần đầu tiên chị chủ động nắm tay tôi, tôi vui lắm, nhưng chị có thể cho tôi biết, chị định làm gì không?

- Giúp cậu giành giải thưởng chứ làm gì?

Tôi nháy mắt, cười bí hiểm với Pusyse­da.

- Xem như tặng quà cho cậu vì hôm qua cậu đã nhảy rất đẹp.

Sau khi đăng kí, chúng tôi đứng sang một bên, tôi hát cho cậu ta nghe lời hát bằng tiếng Hán. Pusyse­da cười ngặt nghẽo, nhưng đã bị tôi lườm đe dọa:

- Hãy tỏ ra nghiêm túc, đây là cuộc thi mà!

Pusyse­da thôi cười, chăm chú nghe tôi hát, sau đó tự dịch sang tiếng Tochari. Tuy điệu hát giản đơn, nhưng Pusyse­da đã dịch rất nhanh và rất khớp nhạc. Chỉ nghe tôi hát thêm lần nữa, cậu ta đã chuyển ngữ thành một bài hát bằng tiếng Tochari trọn vẹn. Tôi hết sức kinh ngạc, Pusyse­da vốn rất thông minh, có thể không bằng anh trai, nhưng IQ của cậu chắc chắn vượt xa người bình thường. Nhưng vì thường ngày cậu ta hay cợt nhả, bông đùa, nên không ai nhận ra trí tuệ của cậu thôi.

Diễn tập vài lần, kiểm tra thấy không có sai sót, chúng tôi hăm hở bước lên sân khấu khi nghe thấy người dẫn chương trình gọi đến tên mình.

Chúng tôi đứng ở hai đầu khán đài, Pusyse­da giả bộ đang dạo chơi trên phố, bỗng nhìn thấy tôi, vẻ mặt ngỡ ngàng vui thích, đảo quanh tôi mấy vòng. Tôi làm bộ xấu hổ, cúi đầu toan bước đi, anh chàng muốn chặn lại, tôi vội né tránh, anh chàng bắt đầu cất giọng phía sau tôi:

- Này cô em, có biết, thứ gì đang đùa chơi, thứ gì đang dựng nhà, thứ gì đang che ô và thứ gì đang quấn quít nhau trên mặt nước?

Giọng hát của Pusyse­da vút cao, vang xa, khỏe khoắn. Không ngờ cậu ta chẳng những nhảy múa giỏi mà ca hát cũng tài đến vậy. Tôi nhìn Pusyse­da, làm bộ thẹn thùng, e lệ, bắt đầu cất lời đối đáp bằng chất giọng thanh trong, từng vô địch các phòng hát Karaoke của mình:

- Này anh chàng ơi, loài vịt đang đùa chơi, thuyền lớn đang dựng nhà, lá sen đang che ô và chim uyên quấn quít nhau trên mặt nước đó anh!

Anh chàng tươi cười hớn hở, muốn tiến lên nắm tay tôi, nhưng tôi đã nhanh nhẹn quay người né tránh, nhìn anh chàng và cất cao giọng:

- Này anh có biết, thứ gì có miệng mà không nói năng, thứ gì không miệng nhưng inh tai cả ngày, thứ gì có chân không chạy bao giờ, thứ gì không chân nhưng nhà nhà đều ghé.

Nghe tôi hát, anh chàng làm bộ gãi đầu, đăm chiêu, ra chiều khổ sở, nhún vai xòe tay, như muốn cầu xin đối phương đừng ra câu đối khó như vậy! Những động tác này không hề có khi chúng tôi diễn tập, rõ ràng là phần diễn ngẫu hứng của Pusyse­da, cậu ta diễn rất tự nhiên, khiến câu chuyện của chúng tôi càng thêm hấp dẫn. Tên ranh này quả nhiên rất có khả năng trình diễn. Nhìn bộ mặt giả vờ như thật của cậu ta, tôi chỉ muốn bật cười.

Tôi đã kết thúc phần hát của mình nhưng anh chàng không tiếp lời đối đáp lại ngay. Anh chàng bước vài bước, vẻ mặt đăm chiêu ra chiều suy nghĩ, khiến khán giả ai nấy đều cho rằng anh ta sắp thua, đếu không khỏi lo lắng. Sau đó mặt mày anh chàng bỗng trở nên hớn hở, gõ gõ vào lòng bàn tay với vẻ mặt hả hê, xoay người đối đáp:

- Này cô em, Bồ Tát có miệng nhưng Người chẳng nói năng, cồng chiêng không miệng nhưng inh tai cả ngày, nhà giàu có chân không thèm chạy, đồng tiền không chân đến muôn nhà.

Khán giả dưới khán đài vỗ tay reo hò tán thưởng, không khí của toàn bộ hội diễn đã sôi nổi hẳn lên nhờ Pusyse­da. Trong lúc mọi người vẫn đang hào hứng sôi nổi, tôi ngượng ngùng để anh chàng nắm lấy tay mình, cùng nhau song ca:

- Muốn hát, hãy hát lên. Muốn đánh cá, hãy ra biển. Em cắm sào, anh quăng lưới, ta theo nhau đi khắp muôn sông.

Pusyse­da không chỉ nắm tay mà còn vòng qua ôm eo tôi, ngả đầu vào vai tôi, tiếng nhạc du dương trữ tình, chúng tôi kết thúc phần biểu diễn bằng hình ảnh kinh điển của chàng Jack và nàng Rose trong Ti­tan­ic. Tiếng vỗ tay rào rào vang dội, hoa tươi ngập không gi­an, tôi âm thầm thụi cho tên phong lưu một cú thật đau, nhưng hắn không hề hấn gì, vẫn ôm chặt lấy tôi. Lẽ ra tôi phải cảnh cáo hắn từ trước mới phải, giờ hối hận cũng đã muộn.

Đó là đoạn hát đối trong phim “Chị Lưu Tam”, lời hát gốc còn có thêm các loại hoa quả vùng nhiệt đới như: đu đủ, chuối, dứa, bưởi, nhưng vì những loại hoa quả này người Khâu Từ chưa được thấy bao giờ, nên tôi đã lược bỏ.

Kết quả không ngoài dự đoán, chúng tôi được giải nhất, với lời đánh giá của ban giám khảo: bài hát độc đáo, ca từ thú vị, diễn xuất tài tình, giọng hát chuyên nghiệp. Điều đó là tất nhiên, các bạn tìm đọc tiểu thuyết về đề tài vượt thời gi­an sẽ thấy các cô gái trổ tài ca múa của mình trên sân khấu thời cổ đại như thế nào. Tôi sung sướng đắc chí, vì cuối cùng tôi cũng đã có dịp thể hiện. Từ nay không ai còn phàn nàn về chuyện tôi chẳng giống các cô gái vượt thời gi­an chút nào nữa nhé!

Phần thưởng thật tuyệt vời! Đó là một đôi sư tử (sư tử là tượng trưng của Khâu Từ) bằng ngọc trắng Khotan trong suốt, thủ công tinh xảo, nếu ở thời hiện đại, chắc chắn phải trị giá hàng chục nghìn nhân dân tệ. Pusyse­da đeo miếng ngọc hình sư tử cái lên cổ mình, sau đó, không nói không rằng, quàng ngay miếng ngọc hình sư tử đực vào cổ tôi. Cậu ta sung sướng tươi cười như chưa bao giờ nhìn thấy bảo bối gì quý giá hơn thế.

Ngày hôm đó, Pusyse­da gần như không lúc nào thôi cười, cậu ta khiến bao nhiêu cô gái phải ngơ ngẩn nhìn theo, người đụng cột, kẻ đụng tường. Mỗi khi mở miệng gọi tôi là lại: này cô em. Tôi nhớ một năm nọ, đi du lịch Dương Sóc, trên phố Tây, nơi tập trung đông khách du lịch nhất, hầu như quán hàng nào bên tai tôi cũng văng vẳng gi­ai điệu ấy, đến nỗi về đến nhà rồi mà miệng không lúc nào dừng hát: Này cô em, này anh chàng… Pusyse­da giống hệt tôi ngày đó, cậu ta ca đi ca lại khiến tôi nhàm cả tai. Tôi bực quá phải cảnh cáo, nếu còn hát nữa tôi sẽ bỏ về một mình, thế là cậu ta nín thinh.

Buổi tối, gã phong lưu lại lẻn đến phòng tôi, nhưng không nêu ra những chủ đề khiến tôi phải đỏ mặt nữa, mà nài nỉ tôi hát lại bài hát ngày xưa. Một vài ca khúc cậu ta còn nhớ, thì ngâm ngợi theo tôi. Khi hát đến bài “Ngủ ngon bé yêu”, tôi chợt nhớ lại, hôm đó đã hát cùng Ra­ji­va. Kể từ giây phút ấy, tôi nhận ra mình rất nhớ, rất nhớ cậu ấy, nỗi nhớ cồn cào…

Âm thanh nghẹn lại, ý nghĩ mông lung, trong lúc sơ ý, tôi lại bị kéo vào một vòng tay rất chặt. Tôi hối hận vì ngày trước đã không tham gia các buổi học về kĩ năng phòng thân. Dùng “võ” không được, tôi đành dùng “văn” vậy.

- Pusyse­da, sao cậu thích ôm tôi thế?

- Bởi vì trên người chị có mùi thơm rất dễ chịu.

Cậu ta hít hà trên cổ tôi, hệt một chú cún con, làm tôi buồn buồn, tức cười. Tôi nhấc cánh tay lên ngửi, có mùi gì dễ chịu đâu nhỉ? Tôi không mang theo dầu gội, sữa tắm, sữa dưỡng thể, cũng không trang điểm, không sức nước hoa, khi tắm, tôi dùng loại xà bông thông dụng của người Khâu Từ, làm gì có mùi thơm chứ!

- Chị không giống những cô gái khác, thân thể họ rất hôi, tôi chẳng thiết động vào họ.

Cậu ta lại hít hà một hơi, tán thưởng:

- Ngải Tình thơm lắm!

Tôi đã hiểu ra vấn đề! Mùi hôi trên cơ thể mà Pusyse­da nhắc đến, chúng ta thường gọi là mùi hôi nách. Trần Dần Khác từng viết một bài nghiên cứu mang tên “Người Hồ và mùi hôi cơ thể”. Bài viết có đoạn: “Mùi hôi, trước thường gọi là mùi người Hồ, chỉ mùi cơ thể đặc trưng của người Hồ ở vùng Tây vực. Nhưng sau khi tộc người Hồ vùng Tây vực hợp hôn với tộc người Hoa Hạ ở Trung Nguyên, thì trong số những người Hoa vẫn thấy xuất hiện mùi hôi nói trên. Xét thấy nếu tiếp tục gọi là “mùi người Hồ” thì không hợp lí, lại thấy mùi hôi đó giống mùi hôi của loài cáo, nên từ đó đổi tên gọi thành mùi hôi của cáo”. Hầu hết người phương Tây hiện đại cũng có mùi hôi trên cơ thể, tôi cho rằng đó là vì thói quen ăn uống của họ khác với người phương Đông, họ thích ăn đồ lạnh, lâu dần đã tạo nên mùi hôi đó. Người da vàng ở phương Đông rất ít khi có mùi hôi cơ thể. Có lẽ vì vậy mà Pusyse­da rất thích hít hà trên người tôi. Tôi bỗng chột dạ, may mà hai anh em họ đều không có thứ mùi này.

- Còn nữa, chị rất ấm…

- Cậu đùa à!

Tôi đẩy cậu ta ra.

- Là người thì phải ấm chứ.

- Nhưng mẹ tôi rất lạnh.

Pusyse­da buông tôi ra, chậm rãi bước đến và chăm chú quan sát bức tường có dán những chữ Hán ngô nghê năm nào.

- Kí ức của tôi về mẹ là những lần cha đưa tôi đến chùa thăm bà. Bà mặc thứ trang phục khiến tôi bực bội, bà nhìn cha với ánh mắt lạnh lùng, với tôi cũng vậy. Cái người đứng phía sau mà cha bắt tôi gọi bằng anh cũng lạnh lùng như thế. Tôi chưa bao giờ nói với cha, rằng thực ra tôi ghét phải đến chùa thăm mẹ và anh trai. Sau đó, họ lên đường tầm sư học đạo, chuyến đi kéo dài suốt bốn năm. Tôi cảm thấy rất nhẹ nhõm, vì cuối cùng đã không phải gặp mặt những con người lạnh lùng ấy nữa.

- Nhưng, tôi còn nhớ, khi họ trở về, cậu đã ôm chầm lấy mẹ và gào khóc rất thảm thiết.

- Tôi làm thế vì muốn cha vui lòng.

Pusyse­da quay lại nhìn tôi, nhếch môi cười.

- Cha luôn mong tôi sẽ yêu mẹ, chỉ cần cha vui, tôi sẽ làm bất cứ điều gì. Mặc dù tôi thấy hết sức khó hiểu, vì sao cha có thể ngày đêm thương nhớ hai con người vô cảm ấy.

Tôi sững sờ. Mới mười tuổi Pusyse­da đã biết đóng kịch để làm cha vui lòng! Nhưng, điều đó cũng không khó hiểu. Ku­marayana là người thân duy nhất luôn bên cạnh Pusyse­da từ lúc nhỏ đến lúc trưởng thành, trong khi giữa mẹ, anh trai và cậu luôn có một bức tường ngăn cách vô hình, chẳng thể vượt qua.

- Đó là lần đầu tiên trong đời tôi ôm mẹ, tôi cũng muốn biết cảm giác được mẹ ôm vào lòng sẽ như thế nào, nhưng bà rất dửng dưng. Tôi ghét vòng tay giá lạnh của bà cũng như ghét vẻ lạnh lùng của bà. Từ đó, tôi không còn muốn ôm mẹ nữa.

Vẻ mặt của Pusyse­da trở nên buồn ảm đạm, nét buồn ấy rất giống Ra­ji­va. Họ là anh em mà, kể cả khi không có tình cảm với nhau thì trên người họ vẫn chảy cùng một dòng máu.

- Nhưng chị thì khác, lúc mười tuổi, trong vòng tay chị, cảm thấy rất ấm áp, khác hẳn cảm giác khi sa vào lòng mẹ, nên hồi đó, tôi rất thích được ôm chị.

Pusyse­da đưa tay ra, kéo tôi vào lòng, một tiếng thở dài khe khẽ lướt trên cổ tôi.

- Mười năm sau ôm chị vào lòng, khiến tôi không khỏi bồi hồi nhớ lại hơi ấm ngày xưa.

Tôi không vùng vẫy cố thoát ra khỏi vòng tay của Pusyse­da như lúc trước nữa. Bản năng làm mẹ của người phụ nữ khiến tôi không nỡ từ chối chàng trai tội nghiệp này. Cậu ta luôn thiếu vắng và khao khát tình yêu của người mẹ. Không biết khi mải mê theo đuổi lý tưởng của mình, Ji­va có từng nghĩ bà sẽ gây nên những tổn thương trong lòng Pusyse­da? Có lẽ bà cũng yêu thương hai anh em họ như mọi bà mẹ trên cõi đời này, nhưng tình yêu đó của bà, có phải rất lạ lùng hay không?

Để mặc Pusyse­da ôm mình hồi lâu, tôi nghĩ vẫn nên nói rõ với cậu ấy. Dù những cử chỉ thân mật này xuất phát từ khát khao tình mẹ, nhưng tôi không thể thay thế Ji­va. Pusyse­da giờ đây đang được vây bọc trong vòng tay của rất nhiều phụ nữ, chắc hẳn chưa bao giờ cậu ta nghĩ đến cảm giác của tôi. Tôi không thể để tình trạng này tiếp tục. Quan trọng hơn cả là, tôi không muốn Ra­ji­va nhìn thấy những cử chỉ thân mật này. Tuy rằng giữa chúng tôi chưa có bất cứ lời hẹn ước nào, nhưng trong trái tim tôi, Ra­ji­va đã là duy nhất.

Tôi thở dài, lựa lời khuyên nhủ:

- Pusyse­da, cậu đã trưởng thành. Người Hán có câu: nam nữ thụ thụ bất thân, tức là mọi cử chỉ giữa đàn ông và phụ nữ phải có giới hạn, phải giữ khoảng cách, điều này gọi là lễ nghi. Vì vậy, cậu không nên tùy ý ôm tôi như thế. Tôi là người Hán, tôi không quen với việc đàn ông có những cử chỉ quá ư thân mật như vậy.

- Chị không thích à?

Nhìn ánh mắt nghiêm nghị của tôi, Pusyse­da thở dài, buông tay ra.

- Tôi cứ nghĩ, cô gái nào cũng thích được tôi ôm vào lòng.

- Đó là vì họ yêu cậu. Chỉ những người yêu nhau mới thích những tiếp xúc thân thể như thế.

- Vậy…

Pusyse­da đột nhiên sáp lại gần tôi, ánh mắt hút hồn chăm chú quan sát biểu cảm của tôi, hỏi khẽ:

- Chị có yêu tôi không?

- Không.

Tôi cố gắng để giọng nói của mình là rõ ràng và chắc nịch.

- Cậu giống như em trai tôi. Đừng quên, tôi hơn cậu ba tuổi đó.

- Nhưng chị là tiên nữ, chỉ vài năm nữa tôi sẽ nhiều tuổi hơn chị. Khi tôi trở nên già nua, chị vẫn trẻ trung như bây giờ.

 Lại là vấn đề đó. Tôi phải giải thích thế nào để có thể xóa bỏ hoàn toàn lời nói dối đáng ghét ngày ấy?

- Pusyse­da…

Ánh mắt Pusyse­da bỗng rực sáng, cậu ta vội vàng ngắt lời tôi:

- Thôi được, nếu chị không thích thì sau này tôi sẽ hạn chế ôm chị.

Vẻ phong lưu, lãng tử quen thuộc đã trở lại.

- Nhưng, thỉnh thoảng ôm một cái, không sao chứ?

Chỉ được vài phút nghiêm chỉnh, Pusyse­da lại “hiện nguyên hình” rồi. Đúng là, gi­ang sơn dễ đổi bản tính khó dời.

## 14. Chương 27 - 28

Chương 27: Ngày hội té nước

Ngày cuối cùng của lễ hội Sumuzhe, Pusyse­da không cần ngồi xổm trước mặt tôi và nhọc lòng gào thét tôi thức dậy nữa. Giấc mơ cùng Ra­ji­va đi ngắm mặt trời mọc đã tan biến khi âm thanh tiếng kèn Xô – na và tiếng cười nói hoan hỉ vẳng tới bên tai tôi.

- Ngải Tình, dậy đi! Tôi chưa từng thấy cô gái nào thích ngủ nướng như chị. Hôm nay là ngày sôi động nhất của lễ hội Sumuzhe đấy.

Miệng làu bàu, mắt vẫn nhắm chặt, tôi nuối tiếc giấc mơ đẹp. Ra­ji­va và tôi chỉ có thể tay trong tay đi bên nhau trong mơ mà thôi!

- Chị còn không chịu dậy, tôi sẽ bế chị lên đó.

Tôi bật dậy, nhanh như tên bắn.

Chúng tôi đeo mặt nạ ra phố, vừa bước chân ra cổng, mắt tôi đã hoa lên vì cảnh tượng: đường phố ngập nước, ai nấy áo quần ướt sủng, nhưng dường như mọi người đều không bận tâm.

- Đây là…

- Đi nào, rồi chị sẽ thấy, ngày hội này thú vị ra sao…

Tiếng nhạc rộn rã vang lên nơi góc phố, Pusyse­da kéo tay tôi chạy như bay về hướng đó.

Một chiếc xe ba gác chầm chậm tiến đến, trên xe có vài ba người đang thổi kèn Xô – na, một thùng nước lớn bằng gỗ và hai chàng thanh niên to khỏe đang múc từng gáo nước, té lên người đi đường, miệng hô vang: “Năm mới phát đạt, tai ương không còn”. Nhà nào nhà nấy mở rộng cửa, đặt một thùng nước trước nhà và có chủ nhà cũng đang ra sức múc nước trong thùng hất về phía những chiếc xe ba gác. Không nhìn rõ gương mặt những người đang tắm trong làn mưa nước vì họ đeo mặt nạ, nhưng tôi nghe thấy tiếng cười ha hả, sảng khoái ngân vang không dứt của họ. Họ khiến tôi trở nên phấn chấn vì tôi đang được chứng kiến lễ hội té nước của 1650 năm về trước.

Gã lãng tử nhanh nhẹn né được một gáo nước, nhưng tôi thì lãnh đủ, áo váy dầm dề.

- Đi nào, Ngải Tình.

Pusyse­da nắm tay tôi, ánh mắt hoan hỉ.

- Chúng ta đi té nước nào!

Gã lãng tử kéo tôi quay lại phủ quốc sư. Một chiếc xe ba gác dùng ngựa kéo, trang trí rất đẹp đang chờ sẵn trong sân, trên xe đã có một thùng nước lớn. Pusyse­da bố trí một thanh niên điều khiển cỗ xe, hai người phụ trách thổi kèn Xô – na. Sau đó, cậu ta đỡ tôi lên xe và tự mình vọt lên theo bằng một cú nhảy điệu nghệ. Pusyse­da ấn vào tay tôi một chiếc gáo, rồi quay ra hô anh chàng phu xe: Đi nào! Cỗ xe di chuyển, tiếng kèn Xô – na vang lên, chúng tôi tuần du qua các góc phố và thỏa sức đắm mình vào lễ hội té nước trong âm thanh náo động và bầu không khí rộn ràng, vui nhộn ấy.

Tôi từng đến Thái Lan vào dịp năm mới theo lịch của người Thái, đó là ngày hội Songkran mà chúng ta thường gọi là ngày hội té nước. Trên đường phố Bangkok, ai nấy đều cầm một khẩu súng nước, những chiếc xe bán tải nối đuôi nhau diễu hành. Khi tiếng nhạc dồn dập, vút cao, các bạn nam nữ thanh niên hò reo múc nước trong những chiếc thùng nhựa cỡ lớn đặt trên xe, tới tấp té, hất vào người đi đường. Khi di chuyển đến nơi tập trung đông người, các xe dừng lại và cuộc “thủy chiến” diễn ra sôi động giữa các “chiến sĩ” té nước. Thậm chí khi chiếc xe bán tải dừng đỗ song song với những chiếc xe bus công cộng trên đường, các chiến sĩ không ngần ngại té nước vào xe bus. Người bị té ướt, ai nấy đều cười vui vẻ. Nhưng hồi đó tôi chỉ là khán giả, đứng bên đường quan sát, tuy cũng bị té ướt, thậm chí một nhóm các bạn trẻ người Thái tôi không hề quen biết còn chạy tới, bôi lên mặt tôi một thứ phấn trắng gì đó, nhưng chưa bao giờ tôi chính thức tham gia vào trò chơi té nước và chơi hết mình như ở lễ hội này.

Trên đường phố Khâu Từ, mọi người mải mê đùa vui, chúng tôi té nước vào người đi đường và họ té nước lại chúng tôi. Khi gặp những chiếc xe ngựa đi ngược chiều, chúng tôi dừng lại, một cuộc thủy chiến diễn ra, các chiến sĩ vừa ra sức “chiến đấu” vừa hô vang những lời chúc tốt lành. Lúc đầu tôi còn e dè, chỉ múc những gáo nước nhỏ và hất nhẹ về phía mọi người. Nhưng sau khi bị “tấn công” tới tấp, quần áo ướt sủng, tôi hăm hở lao vào cuộc chiến và liên tục “chào hỏi” người đi đường bằng những gáo nước đầy tràn. Vừa chiến đấu vừa né trái né phải tránh đòn “phục thù”. Khâu Từ đang là mùa hè, thời tiết oi bức, được tắm trong nước thế này thật dễ chịu. Tôi gào thét khản cả cổ, chưa bao giờ tôi được vui chơi thỏa sức như hôm nay! Trên phố, cũng có người cầm những khẩu súng nước bằng gỗ, khi bắn, nước phun khá xa. Một ai đó hướng khẩu súng về phía tôi, tôi vội nghiêng người né tránh, cỗ xe chòng chành, tôi trượt chân, té nhào. Không văng ra khỏi xe ngựa, nhưng tôi lại rơi vào một vòng tay đang hừng hực hơi thở. Đôi mắt màu xám nhạt ở cách tôi rất gần, ánh mắt đảo một vòng khắp người tôi, từ đầu đến chân. Tôi giật mình nhận ra chiếc váy ướt đầm dính sát vào thân người, ngôn ngữ thông dụng trong tình huống này gọi là “lộ rõ đường cong cơ thể”. Chỉ nhìn thấy đôi mắt, nhưng không khó đoán vẻ mặt của gã phong lưu này như thế nào. Hai má tôi nóng bừng, may mà đeo mặt nạ, tôi vội vàng vùng vẫy đứng lên. Gã phong lưu không “bắt nạt” tôi như những lần trước, nhưng hắn nhìn tôi hồi lâu, buông tiếng thở dài:

- Ngải Tình, ngực chị nhỏ quá…

Một gáo nước lớn dội lên đầu hắn. Tôi làm sao mà so sánh với các thiếu nữ “béo tốt màu mỡ” của Khâu Từ được.

- Nhưng nghe nói, chịu khó xoa bóp thì sẽ to dần lên.

Gáo nước thứ hai tặng cho hắn.

Pusyse­da lắc đầu giũ nước trên tóc, những lọn tóc xoăn ướt sũng dính trên trán, nhưng hắn không hề biết sợ:

- Tôi có thể giúp chị…

Nước đã dùng hết, tôi lao lên tấn công, phải xử tên này thôi, để hắn sống sót chắc chắn sẽ gây họa cho người đời.

Cỗ xe chậm rãi lăn bánh trong thành phố, nước trong thùng đã cạn. Pusyse­da kêu phu xe dừng lại, cùng những chàng trai khác khiêng thùng gỗ đến một nhánh nhỏ của sông Muzat chảy trong lòng thành phố để lấy nước. Tôi cũng xuống xe, giúp họ một tay. Hồi nãy, Pusyse­da là người chơi trò té nước nhiệt tình nhất, nên toàn thân cậu ướt sũng, lớp áo mỏng dính sát vào cơ thể, làm lộ rõ những cơ bắp cuồn cuộn tráng kiện và tấm lưng rộng, lực lưỡng. Ngắm nhìn một thân hình đàn ông hấp dẫn như thế mà không vui thích thì không phải là phụ nữ!

- Thế nào? Chị thấy hài lòng chứ?

Đúng là đồ phong lưu, thốt ra toàn những lời trăng gió, ong bướm. Tôi như bị sét đánh ngang tai! Xin cậu đấy, Pusyse­da!

Không thể không cho tên này một gáo nước, nhưng hắn đã nhanh nhẹn né kịp, một người đang đứng phía sau hắn đã phải chịu trận…

Quần áo của người đó vốn không hề dính nước, nhưng giờ đây đã ướt nhẹp vì gáo nước của tôi, anh ta bối rối, bước lùi lại phía sau. Dáng người cao gầy, chiếc áo ngắn chít eo màu xanh nhạt, đeo mặt nạ hình sư tử, ở con người đó toát lên vẻ phiêu diêu thoát tục không thể diễn tả nổi. Dù đang ở giữa chốn ồn áo náo nhiệt, nhưng người đó dường như rất cô độc. Tim tôi đập mạnh, ánh mắt hớt hải kiếm tìm, nhưng anh ta đã quay gót đi xa. Tôi muốn đuổi theo, nhưng Pusyse­da đã giữ lại. Tôi thẫn thờ nhìn theo, khẽ lắc đầu. Chắc chắn là ảo giác, cậu ấy không thể đến đây được! Vả lại người đó rõ ràng là có mái tóc màu nâu nhạt dài ngang vai. Nhưng vì sao, vì sao tôi cảm thấy tim mình quặn thắt khi nhìn thấy bóng dáng cô đơn ấy? Những trò đùa của Pusyse­da không còn sức hấp dẫn với tôi nữa, tôi mặc lòng ủ dột…

Cỗ xe tiếp tục hành trình, lướt qua quán trọ mà tôi từng ở…

Cuối cùng chúng tôi cũng về đến phủ quốc sư. Pusyse­da chưa chơi đủ, vẫn hô hào muốn đi tiếp. Cậu ta đúng là đồ ham chơi, cả ngày dài trên phố mà không biết mệt.

Bước chân vào cửa đã thấy không khí có gì đó bất thường, mọi người trong phủ ai nấy đều giữ vẻ nghiêm trang khác lạ. Thấp thoáng bóng chiếc áo cà sa màu nâu sòng, một dáng hình cao gầy, cô độc, lặng lẽ tư lự trong sân. Nghe thấy tiếng chúng tôi, người đó quay đầu lại, vẻ mặt an nhiên…

Giây phút đó, hai mắt tôi ướt nhòe. Ra­ji­va, đã bao lâu rồi không được gặp cậu? Sao tôi cảm thấy thời gi­an dài miên man như đã trải qua một đời người vậy?

Ra­ji­va chăm chú quan sát tôi, khuôn mặt đột nhiên ửng đỏ. Tôi vẫn đang trong tình trạng quần áo ướt đẫm, trước mặt Pusyse­da tôi không cảm thấy có điều gì bất thường, nhưng trước mặt cậu ấy, không hiểu sao, tôi thấy tim mình đập dữ dội, hai má nóng bừng và không biết đầu đã cúi thấp từ lúc nào.

Chiếc mặt nạ của tôi bị tháo ra, gọng kìm của Pusyse­da lại kẹp trên vai tôi:

- Anh nhìn xem ai đến này. Là Ngải Tình đó, tiên nữ của chúng ta, sau mười năm biến mất đã trở lại.

Ra­ji­va ngước lên nhìn tôi. Một chút ngạc nhiên thoáng qua trong đáy mắt. Hai tay khép lại, cung kính cúi đầu:

- Ra­ji­va kính chào thầy!

Không ngờ cậu ấy lại xử sự với tôi như vậy trước mặt em trai. Tôi bối rối không biết phải đáp lễ ra sao, nên cứ ngơ ngẩn nhìn cậu ấy.

- Mau đi thay quần áo đi, chị ướt cả rồi này! Cẩn thận kẻo cảm lạnh.

Đây là lần đầu tiên Pusyse­da nói với tôi bằng những lời đầy “chăm sóc”. Tôi len lén nhìn Ra­ji­va, vẻ mặt cậu ấy không có gì khác lạ, cũng không có bất cứ biểu cảm ngạc nhiên nào.

Cơn buồn tủi bỗng trào dâng, bàn tay của Pusyse­da trên vai tôi tựa như mọc gai cắm vào da thịt tôi, tôi tức giận vùng thoát, cắm đầu bước vội về phòng mình.

Tiếng Pusyse­da giễu cười phía sau:

- Đúng là phụ nữ, hay cáu giận vô cớ…

Ra­ji­va ngắt lời Pusyse­da bằng giọng nói lạnh lùng:

- Em thay quần áo rồi đến phòng cha, ta có chuyện muốn nói.

Thay xong quần áo, tôi dạo bước trong sân để hong khô mái tóc ướt. Hai anh em họ đang ở trong phòng Ku­marayana, không biết Ra­ji­va muốn nói gì với họ. Tâm trạng tôi rối bời, vì sao hôm nay cậu ấy về đây? Sư phụ Ban­hud­da­ta còn ở chỗ cậu ấy không?

Cửa phòng Ku­marayana bật mở, cắt ngang dòng suy tư của tôi. Sắc mặt Pusyse­da tái nhợt, thấy tôi, cậu ta bước đến và ôm tôi vào lòng. Tôi cắn răng vùng vẫy, tôi không muốn Ra­ji­va nhìn thấy cảnh tượng này.

- Ngải Tình!

Pusyse­da giữ chặt lấy tôi, giọng nghẹn ngào:

- Mẹ tôi…qua đời rồi…

Tôi lặng đi, quên cả mong muốn vùng thoát. Thì ra, cậu ấy trở về để thông báo tin này. Tôi ngước mắt lên, thấy Ra­ji­va đứng trên bậc thềm trước cửa phòng cha. Nền trời ảm đạm, bóng hoàng hôn đổ trên dáng hình cao gầy ấy, hắt xuống sân một vòng nắng tròn buồn tẻ.

- Cậu cả, phòng của cậu đã được dọn sạch.

Dù Ra­ji­va đã là một pháp sư nổi danh khắp vùng Tây vực, nhưng Ku­marayana vẫn yêu cầu mọi người trong phủ quốc sư gọi cậu là cậu cả. Phải chăng vì ông muốn nhắc nhở con trai mình: rằng cậu vẫn luôn là một thành viên không thể thiếu của gia đình?

Ra­ji­va khẽ gật đầu, bước xuống bậc thềm, đi về phía phòng mình, dường như không bận tâm đến tôi và Pusyse­da đang đứng trong sân. Lúc lướt qua tôi, đôi môi vẫn mím chặt, vẻ mặt lạnh lùng, như muốn nói rằng: mọi sự trong thế tục không liên quan gì đến cậu! Tim tôi như bị bóp nghẹt, nước mắt tuôn trào, bằng tất cả sức lực của mình, tôi vùng thoát khỏi gọng kìm của Pusyse­da.

- Ngải Tình, sao vậy?

Pusyse­da sững sờ, cuống quít vỗ về tôi:

- Chị khóc vì tôi, tôi vui lắm. Nhưng xin chị, đừng khóc nữa…

Tôi hất tay cậu ta ra và vùng chạy về phòng, chốt cửa lại.

- Ngải Tình, mở cửa ra!

Pusyse­da nhẫn nại gõ cửa, nhưng tôi mặc kệ. Lúc phiền muộn, tôi cho phép mình vùi đầu trong chăn, thỏa sức hành hạ bản thân một đêm, để rồi sau đó sẽ bắt đầu một ngày mới không còn bóng dáng của nỗi buồn. Trên đời này, không có trở ngại nào là không thể vượt qua. Nhưng tôi vẫn không hiểu nổi vì sao mình lại khóc?

- Khóc vì mẹ tôi, không đáng đâu.

Tôi chui ra khỏi chăn, đã thấy Pusyse­da ngồi trước mặt. Cậu ta hình như chưa bao giờ vào phòng tôi bằng cửa chính.

Tôi chưa từng thấy Pusyse­da trong tâm trạng phức tạp thế này bao giờ. Biểu cảm trên gương mặt cậu là sự đan xen của nỗi buồn, sự tức giận và nỗi đau…

- Mẹ chưa bao giờ quan tâm lo lắng cho gia đình này, bà lúc nào cũng chỉ một lòng tu hành, để được giải thoát, để được lên cõi cực lạc, để không còn phải chịu kiếp số luân hồi.

Pusyse­da nhếch môi cười, hơi thở gấp gáp chừng như rất xúc động.

- Tôi không hiểu, cõi cực lạc ấy có gì tốt đẹp hơn thế giới hiện thực chứ? Vì sao nó quan trọng hơn cả chồng và con trai bà?

Cậu ta cắn chặt môi, hít một hơi thật sâu.

- Trong lòng bà chỉ có anh trai tôi mà thôi. Bà sinh tôi ra chỉ để có người nối dõi tông đường, để hoàn thành nghĩa vụ với nhà chồng mà thôi. Thế nên bà đã ra đi cùng anh trai, bỏ tôi ở lại. Hai mươi mốt năm qua, tôi gặp bà được mấy lần? Bao nhiêu năm qua, cha tôi ngày đêm thương nhớ bà, còn bà thì sao? Tu hành đắc đạo thành Phật khiến con người trở nên lạnh lùng, vô cảm như vậy ư?

Pusyse­da đột ngột đứng lên, đầu ngẩng cao, giọng nói dõng dạc:

- Người ta muốn thành Phật, tôi thì không. Muốn thành Phật thì phải từ bỏ mọi tình cảm thế tục, như thế có gì vui đâu. Tôi thà sa xuống địa ngục A tì còn hơn phải o ép bản thân mình trong kiếp này. Đời người được mấy mươi năm. Kiếp sau tôi chẳng cầu được làm người, chỉ cần kiếp này được làm những gì mình thích thì kiếp sau có làm trâu làm ngựa cũng chẳng sao.

Tôi bất ngờ đến quên cả khóc. Pusyse­da chưa bao giờ bộc bạch với tôi những suy nghĩ sâu kín này. Phải chăng thái độ ngông nghênh, giễu đời giễu người của cậu là hành động phản kháng trước quyết định từ bỏ gia đình của mẹ cậu? Phải chăng cậu đang ra sức vẽ nên viễn cảnh tăm tối, tuyệt vọng của thế giới sau cái chết để chống lại giáo lý Phật giáo?

- Con người tồn tại giữa trời đất, chỉ như bóng câu qua thềm, thoắt đến, thoắt đi.

Tôi kéo chăn, bước xuống giường, đến bên Pusyse­da, nhẹ nhàng khuyên nhủ:

- Pusyse­da, trân trọng đời sống hiện thực không có gì là xấu.

Cậu ta quay lại nhìn tôi chăm chú:

- Ngải Tình, chị không cho rằng tôi là kẻ hư hỏng đấy chứ?

Ở một nơi mà người người kính Phật, người người ngóng đợi một kiếp sau tươi đẹp như Khâu Từ, thì suy nghĩ của Pusyse­da quả là không thể chấp nhận được.

 Nước trên mặt đất

 Chia về muôn hướng

 Người nào phận nấy

 Chẳng nên than phiền

Đó là những câu thơ của Bào Chiếu.

- Pusyse­da, những điều cậu nghĩ, những việc cậu làm thể hiện khát khao sống và tận hưởng cuộc sống thực tại của cậu.

Có điều, khi không thực sự có tình yêu, thì những trò vui trăng hoa tuyết nguyệt ấy liệu sẽ kéo dài được đến khi nào?

- Không có tình yêu ư?

Miệng lẩm nhẩm, ánh mắt cậu ta trở nên mơ hồ.

- Có lẽ có, nhưng cậu không hề biết. Cậu không dám thừa nhận rằng cậu yêu mẹ. Vì yêu mẹ, nên cậu muốn biết cảm giác ấm áp khi sà vào lòng mẹ như thế nào. Vì yêu mẹ nên cậu mới tức tối khi bà bỏ đi, mới ghen tị với anh trai vì được mẹ quan tâm hơn, mới chống lại lý tưởng theo đuổi sự giải thoát của bà.

- Ngải Tình!

Ánh mắt Pusyse­da nhìn tôi bối rối.

- Theo chị, mẹ có yêu tôi không?

- Tất nhiên rồi! Trên đời này không có người cha người mẹ nào không yêu thương con cái. Bà yêu cậu theo cách của bà, nhưng có lẽ cậu không cảm nhận được tình yêu đó, hoặc có lẽ vì nó chưa đủ lớn như mong đợi của cậu. Khi nào cậu làm cha cậu sẽ hiểu được điều này.

Pusyse­da im lặng, viền mắt đỏ dần lên. Thực ra cho đến bây giờ, cậu ta vẫn luôn khao khát tình mẹ.

Đêm đó, Pusyse­da đã trò chuyện với tôi rất nhiều, bằng sự chân thành, bằng nỗi lòng thổn thức, buồn khổ mà trước đó chưa bao giờ tôi thấy ở cậu. Lúc bước ra khỏi phòng tôi, khuôn mặt vẫn chồng chất ưu tư, hoàn toàn khác con người thường ngày của cậu. Tôi thổi đèn, ngồi bên cửa sổ, chăm chú nhìn sang căn phòng đối diện. Bóng dáng cao gầy chập chờn lướt qua ô cửa sổ, một giây mất hút cũng khiến tôi thót tim. Tôi cứ ngồi thẫn thờ như vậy cho đến khi ánh đèn phòng đối diện vụt tắt. Trong bóng đêm tịch mịch, những suy tư theo nhau dội tới, khiến tôi không sao bình tâm.

Vậy là, lễ hội Sumuzhe đã kết thúc.

Chương 28: Trở lại Sub­ash

Một đêm trắng trằn trọc với những suy nghĩ rối bời, đầu óc quay cuồng. Trái tim không thôi thổn thức khi nghĩ đến Ra­ji­va đang ở rất gần, nhưng lại quặn thắt khi nghĩ đến vẻ mặt lạnh lùng của cậu ấy. Tờ mờ sáng, tôi uể oải ra khỏi giường, không biết đã đi đi lại lại trong phòng bao nhiêu lần. Sau cùng, vẫn không kìm chế được, mặc cho đôi tay đẩy tung cánh cửa và đôi chân lao vun vút đến phòng cậu ấy.

Đã gần bốn giờ ba mươi phút, chắc Ra­ji­va thức giấc rồi, vì năm giờ là giờ tụng kinh buổi sáng. Cậu ấy sẽ tụng kinh ở đâu? Chắc là sẽ đến chùa Tsi­oli, vì chùa Cakra ở cách đây rất xa. Không biết Ra­ji­va sẽ nghĩ gì khi nhìn thấy một cô nàng si tình, mới sớm tinh mơ đã chạy đến trước cửa phòng cậu ấy. Quả thật là tôi chưa bao giờ thức giấc vào giờ này.

Tôi tần ngần trước cửa phòng Ra­ji­va, tim đập loạn nhịp, bàn tay vô cớ run rẩy, trời đất ơi, sao tôi lại căng thẳng thế này?

Cửa phòng đột ngột mở toang, tôi giật mình lùi lại, đầu va vào cột nhà, đau điếng.

- Cô Ngải Tình dậy sớm quá!

Tôi quên cả đau, ngạc nhiên nhìn cô gái bước ra từ phòng Ra­ji­va. Đó là người lo công việc dọn dẹp trong phủ quốc sư, cô gái đang cầm trên tay một thùng rác. Vậy còn Ra­ji­va, cậu ấy đâu? Tôi sốt ruột, kiễng chân ngó vào trong phòng.

- Cậu cả đi từ sớm rồi, cậu bảo phải quay về chùa Cakra.

Đi sớm vậy ư? Không một lời từ biệt ư? Một nỗi thất vọng ngập tràn, trùm lên cả vết thương do va đập khi nãy.

- Khoan đã!

Thoáng thấy trong thùng rác có một bộ đồ, tôi sững sờ giây lát, vội vàng kêu cô gái dừng lại.

Đó là một chiếc áo ngắn, chít eo màu xanh nhạt, một sợi dây lưng cùng màu và còn…một chiếc mặt nạ sư tử và một bộ tóc giả màu nâu nhạt nữa. Khoảnh khắc ấy, tôi như hóa đá!

- Cậu cả bảo đem vứt đi. Tôi thấy tiếc quá, toàn đồ tốt cả!...

Lời than thở của cô gái chỉ càng khiến tôi thêm đau lòng…

Pusyse­da mở cửa và thấy tôi đang ngồi trên hành lang cạnh cửa phòng mình. Cậu ta ngạc nhiên, nhìn trời ngó đất, rồi nhìn tôi, sau đó nở nụ cười rạng rỡ.

- Ngải Tình, sao chị không vào phòng? Chị có thể vào phòng tôi bất cứ lúc nào mà…

- Pusyse­da, hôm nay tôi sẽ đến chùa Cakra.

Tôi vội ngắt lời Pusyse­da, vì không muốn nghe những lời đường mật tiếp theo nữa.

- Được! Tôi biết chị thích vẽ mấy thứ vô vị đó, tôi sẽ đưa chị đi. Nhưng mà…

Cậu ta gãi đầu gãi tai, có vẻ rất khó xử.

- Chị gắng chờ thêm mười ngày nữa được không? Bắt đầu từ hôm nay đến phiên tôi gác trong cung, mười ngày nữa mới được nghỉ.

- Không cần đâu, cậu cứ làm việc của mình đi. Tôi sẽ tự thuê xe ngựa đến đó.

- Ngải Tình, đừng cố chấp như thế, nghe lời tôi đi mà, chỉ mười ngày thôi…

- Pusyse­da! Cậu không cần đi cùng tôi. Tôi không phải cô gái yếu đuối, lúc nào cũng cần có người đi theo bảo vệ. Tôi có kế hoạch của riêng mình, vả lại tôi chỉ đi vài ngày rồi sẽ quay về.

Tôi đã hứa với cậu ta trong vòng mười ngày sẽ quay lại. Cậu ta nói, chờ hết phiên gác, sẽ đưa tôi đi thăm thú thêm núi Thiên Sơn nổi tiếng. Hồi đi khảo sát ở Kucha, tôi từng nghe, cách phố huyện Kucha chừng bảy mươi cây số, có hẻm núi lớn Kizilya thuộc dãy Thiên Sơn. Cảnh sắc tráng lệ, khắp nơi là nham thạch màu nâu đỏ, tạo tác vô cùng kì ảo, nghe nói có thể sánh ngang với vẻ đẹp của hẻm núi Col­orado ở Mỹ, nhưng quy mô nhỏ hơn mà thôi. Năm 1999, một lão nông người Uyghur đi hái cây thuốc trên vách núi cheo leo đã tình cờ phát hiện ra một hang động được xây dựng thời thịnh Đường, người ta đặt tên cho hang động này là Aay. Động đá này rất nhỏ, chỉ sâu năm mét, nhưng ba mặt tường đều lưu lại dấu vết của các bức bích họa, rất khác so với những bức bích họa trong các động đá khác ở Khâu Từ. Trên những bức bích họa này xuất hiện chữ Hán, điều này chứng minh sức ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa Hán thời thịnh Đường đối với Khâu Từ. Và vì vậy, động đá này có giá trị nghiên cứu rất lớn. Nhưng khi ấy tôi không đủ thời gi­an đến đây tham quan. Còn bây giờ, tôi vượt thời gi­an trở về thời cổ đại để làm việc chứ không phải ngao du sơn thủy, các bức bích họa có sức hút với tôi lớn hơn nhiều phong cảnh núi sông, huống hồ lúc này động đá đó còn chưa được xây dựng, nên tôi chẳng mặn mà gì với lời rủ rê của Pusyse­da. Nhưng cậu ta cứ giữ chặt tay tôi không chịu buông, tôi đành ậm ừ nhận lời cho qua chuyện.

Cuối cùng cũng đã được lên đường. Pusyse­da bảo sẽ bố trí người trong phủ đánh xe ngựa đưa tôi đi, nhưng vì không muốn ai biết tôi đến sống trong gia tư của Ra­ji­va ở Sub­ash, nên tôi kiên quyết từ chối, nói rằng tôi sẽ tự mình thuê xe đi.

Không thuyết phục được tôi, Pusyse­da đành bỏ cuộc. Gã lãng tử này hôm nay rất nhiều lời, nằng nặc đòi giúp tôi tìm xe, rồi còn dặn dò đủ thứ trên đời. Cứ như đây là lần đầu tiên tôi đi xa không bằng! Vậy nên, khi bên tai không còn vang lên giọng nói lải nhải, dông dài của Pusyse­da nữa, tôi thúc phu xe chạy nhanh hết mức có thể. Tâm tư của tôi đã không lưu lại nơi này nữa, nó đã bay đến căn nhà nhỏ yên tĩnh cách đây bốn mươi dặm rồi!

Lễ hội Sumuzhe kết thúc, theo kế hoạch tôi phải lên đường đi Trường An. Nhưng tôi luôn thấy day dứt, nếu ra đi như vậy, tôi sẽ phải ân hận cả đời. Tôi muốn gặp cậu ấy, không cần phải nói gì cả, chỉ nhìn thôi cũng đủ.

Cảm giác được trở về căn nhà nhỏ ở Sub­ash vô cùng gần gũi, ấm áp, Mava­su đon đả chào đón tôi.

- Những ngày cô Ngải Tình không ở đây, cậu cả hàng đêm đều tới đọc sách đến khuya mới về chùa.

Lòng tôi bỗng nhiên thấy ấm lại, trò chuyện với Mava­su hồi lâu, rồi nhờ ông đến chùa thông báo với Ra­ji­va rằng tôi đã trở về. Sau đó thì công việc duy nhất của tôi là hồi hộp chờ đợi Mava­su mang theo tin nhắn từ chùa về. Thông tin rất ngắn gọn, Ra­ji­va chỉ ậm ừ một tiếng rồi lại tiếp tục công việc. Lẽ nào, đó là câu trả lời của cậu ấy? Vậy, tối nay, cậu ấy có về đây không?

Nỗi băn khoăn dày vò tâm can tôi đến tận khi cánh cổng mở rộng.

Tôi lao ra ngoài sân, nhìn thấy chiếc áo cà sa màu nâu sòng chưa bao giờ vương bụi trần ấy, nhìn thấy đôi mắt như hai vực nước sâu hun hút ấy và bóng dáng cao gầy, lẻ loi muôn đời ấy, nhịp đập trái tim tôi, phải chăng mọi người trên thế giới này đều có thể nghe thấy rõ?

Cậu ấy ngẩng lên nhìn tôi, vẻ mặt bình thản, khóe môi lướt qua một nét cười lạnh nhạt. Rồi đột nhiên, nét cười ấy biến mất, vẻ mặt Ra­ji­va trở nên hỗn loạn, bước chân gấp gáp hướng về phía tôi. Tôi chưa kịp phản ứng gì, thì một cánh tay đã đỡ lấy đầu tôi, tay kia nâng nhẹ cằm, hướng khuôn mặt tôi lên đối diện với cậu ấy. Vẻ ngạc nhiên của gương mặt tôi in trong đôi mắt màu xám nhạt đang sát kề.

- Ra­ji­va…

Tôi xỉu mất! Cậu ấy, cậu ấy muốn hôn tôi ư? Cảnh tượng lãng mạn trong mơ lẽ nào sắp diễn ra trong hiện thực? Tôi khẽ hé môi, mắt nhắm lại.

- Đừng nói gì cả!

Hơi thở của cậu ấy lướt trên má tôi, giọng nói ấm áp và êm như nhung khiến tôi run rẩy. Khuôn mặt tôi tiếp xúc với một thứ gì đó, ồ, sao không phải trên môi mà… mà lại là… trên mũi?

Tôi mở mắt, thấy Ra­ji­va đang chăm chú ngắm nghía trên gương mặt mình, ánh mắt lo lắng. Một mảnh khăn được phủ trên mũi tôi. Cậu ấy, cậu ấy không hề hôn tôi. Thế mà, tôi, tôi… tôi cứ ngỡ…

- Đừng cúi đầu!

Giọng cậu ấy gấp gáp, sau đó một cánh tay ôm lấy vai tôi, bàn chân tôi dường như không chạm đất, trôi theo Ra­ji­va vào trong phòng. Vòng tay cậu ấy khác hẳn vòng tay Pusyse­da, nhẹ nhàng, ấm áp, khiến tôi cứ muốn dựa vào như thế, dựa đến trăm năm.

- Hay là ngày mai đến gặp thầy thuốc nhé.

Rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì với tôi? Kéo mảnh khăn phủ trên mũi xuống, tôi sững người! Một vệt máu sẫm đỏ loang rộng. Trời đất, tôi đã chảy máu cam khi vừa mới gặp lại cậu ấy ư? Trời ơi, chảy máu cam là trạng thái khi người ta bất mãn với điều gì đó kia mà! Nhưng, khi nãy tôi đâu có nghĩ ngợi hay lo lắng gì. Lẽ nào tôi vì quá ư thương nhớ cậu ấy?

Máu vẫn tiếp tục chảy, Ra­ji­va kê tay để đầu tôi ngửa lên, giọng nhẹ nhàng:

- Yên nào, một lát sẽ hết.

Chiếc khăn lại được phủ lên, Ra­ji­va đỡ tôi ngồi trên chiếc giường thấp.

Tôi ước gì mũi mình tiếp tục chảy máu, để cậu ấy cứ mãi ôm tôi vào lòng như thế. Nhưng, những giây phút đẹp đẽ luôn qua nhanh, lúc máu ngừng chảy, tôi chỉ muốn gõ mạnh vào mũi mình một cái.

Ra­ji­va quan sát thấy tôi không chảy máu nữa, thận trọng kéo chiếc khăn xuống, thu vào trong lòng. Má tôi nóng bừng:

- Cái khăn đó đầy vết máu, để tôi giặt sạch rồi trả lại cho cậu.

Cậu ấy không đáp, lẳng lặng đứng lên, đến bên chiếc tủ đứng, lấy ra một chiếc khăn mới, đưa cho tôi. Tôi ngẩn ngơ, không biết tôi đã để khăn mùi xoa ở đó từ khi nào nhỉ?

- Cô chẳng bao giờ chịu dùng khăn, toàn lau miệng bằng tay, không tốt chút nào.

Vẫn là giọng nói ấm áp ấy, nhưng ánh mắt không nhìn lên.

- Trong tủ này đều là khăn mới, đừng quên nhé…

Hạnh phúc sưởi ấm tôi! Ra­ji­va, cậu vẫn có tình cảm với tôi, đúng không?

Tôi cắn môi, không để nụ cười tiết lộ niềm vui của mình, chớp mắt nhìn cậu ấy:

- Ra­ji­va, tôi vẫn chưa vẽ xong chùa Cakra…

Cậu ấy thoáng ngạc nhiên, mỉm cười:

- Cô có thể đến bất cứ lúc nào.

Chúng tôi ngồi nhìn nhau, tôi không biết phải nói lời gì tiếp theo. Sau đó thì tôi bật cười. Không biết vì sao, nhưng tôi thấy niềm vui ngập tràn trong lòng, không cười lên, tôi cảm thấy có lỗi với bản thân. Thấy tôi hồn nhiên tươi cười, Ra­ji­va mím chặt môi, nhưng hình như không nén nổi, vành môi cứ mở rộng dần, uốn cong lên và nụ cười ngày một rạng rỡ.

Chúng tôi cười ngất, quên hết e dè, ngại ngùng. Nhưng tất nhiên, tiếng cười của tôi hoan hỉ, vang dội hơn cả.

Đột nhiên, Ra­ji­va ôm chầm lấy tôi. Nụ cười mắc kẹt trên gương mặt, tôi không biết phải biểu hiện cảm xúc của mình lúc này như thế nào.

Cậu ấy không nói năng, chỉ nhẹ nhàng ôm tôi trong vòng tay. Tôi tựa vào khuôn ngực xương xương của cậu ấy, mê mải lắng nghe tiếng trái tim cậu ấy gõ nhịp bên tai. Một lúc sau, hơi thở của cậu ấy đột nhiên trở nên gấp gáp, phả vào cổ tôi.

- Ra­ji­va…

Tôi khẽ gọi cậu ấy, trong lòng không rõ đang chờ đợi hay đang run rẩy.

Ra­ji­va đột ngột đẩy tôi ra, sắc mặt tái nhợt, khuôn ngực vẫn phập phồng run động, bước chân cuống quít lao ra khỏi căn phòng.

- Ra­ji­va…

Tôi chạy theo, nhưng trong lúc gấp vội, đã không cẩn thận để khuỷu tay phải đập mạnh vào khung cửa. Cơn đau buốt thấu tận tim gan, tôi kêu lên thảm thiết.

- Sao vậy?

Ra­ji­va dừng bước giữa sân, vội vã quay lại, dìu tôi vào phòng.

Dưới ánh đèn, cậu ấy nhẹ nhàng vén tay áo tôi lên, vết thương cũ hiển hiện. Không biết vì sao, đã gần hai tháng rồi mà cánh tay tôi vẫn chưa lành hẳn. Tất nhiên, một phần cũng do tôi bất cẩn, hàng ngày lúc đi tắm cứ để mặc nước ngấm vào chỗ đau, khi vết thương mới ăn da non, ngứa ngáy khó chịu, tôi lại ra sức gãi. Không có Ra­ji­va ở bên bôi thuốc cho tôi, hàng ngày lại thường xuyên phải vẽ bằng tay phải, tôi cắn răng chịu đau. Cộng thêm một ngày dầm mình trong lễ hội té nước, vết toác khó khăn lắm mới đóng lại thành vảy, đã lại bong ra. Cú va đập khi nãy làm tổn thương vùng nghiêm trọng nhất khiến vết thương ngày càng mở rộng, sưng tấy, chảy máu, ướt đẫm một mảng tay áo.

- Sao lại bất cẩn như vậy?

Ra­ji­va ngẩng lên nhìn tôi, vừa thương vừa trách.

- Không chăm sóc cẩn thận nên vết thương mãi không lành lại. Hôm qua, lẽ ra không nên nghịch nước.

Tôi tủm tỉm cười. Không nghịch nước thì làm sao biết được cậu ấy đã cải trang đến tìm tôi? Nhưng, cậu ấy muốn giấu thì tôi sẽ vờ như không biết.

Ra­ji­va bôi thuốc cho tôi, buốt xót đến chảy nước mắt. Cậu ấy thở dài, bảo tôi cố chịu, miệng kề sát vết thương của tôi khe khẽ thổi, vẻ mặt chuyên tâm, sự chăm chút chu đáo ấy khiến tôi quên cả đau, tôi mải mê ngắm nhìn Ra­ji­va. Dưới ánh đèn, vầng trán cao rộng, khuôn mặt đẹp như tạc tượng, hàng lông mày dài thanh tú khe khẽ rung động, nước da bánh mật lung linh dưới ánh sáng vàng vọt, hắt lên những gam màu quyến rũ, tuyệt đẹp.

Ra­ji­va nhẹ nhàng băng bó cho tôi, sau đó lại nhẹ nhàng kéo tay áo tôi xuống. Hai mươi tư năm trong đời, đây là lần đầu tiên tôi cảm nhận được niềm hạnh phúc vô bờ của người con gái khi được một người đàn ông chăm sóc, yêu thương. Nếu Ra­ji­va không ngẩng đầu lên và đỏ mặt, hẳn tôi sẽ còn tiếp tục đắm đuối ngắm nhìn cậu ấy mãi mãi.

Ra­ji­va quay đầu đi, hồi lâu mới lên tiếng nhắc nhở tôi tránh tiếp xúc với nước. Sau đó, lại rơi vào trạng thái trầm ngâm.

- Khi nãy…

Cậu ấy đứng lên, không nhìn tôi, tần ngần buông tiếng.

- Ra­ji­va đã mạo phạm…

- Ra­ji­va…

Tôi muốn nói nhưng không đủ sức thốt lên lời nào. Tôi có thể nói gì bây giờ? Nói rằng tôi không những không trách cậu ấy mà ngược lại, tôi mong chờ điều đó ư? Hay nói với cậu ấy rằng tôi rất tham lam, tôi mong đợi nhiều hơn một cái ôm của cậu ấy ư?

- Muộn rồi, tôi phải về!

Ra­ji­va đã lấy lại ngữ điệu điềm tĩnh thường ngày, bước chân vừa đến cửa, bỗng ngừng lại:

- Ngày mai, cô có thể đến chùa bất cứ lúc nào.

Tôi lười biếng nằm dài trên giường, ngóng theo bóng dáng cao gầy ấy dần khuất xa. Rốt cuộc, cậu ấy vẫn không thể vượt qua những chướng ngại trong lòng. Vòng tay khi nãy đẹp như một giấc mộng không có thực. Hay là, tôi vẫn đang mơ, giấc mơ tuyệt đẹp…

## 15. Chương 29 - 30

Chương 29: Sự phẫn nộ của Pusyse­da

Tôi ngắt từng cánh hoa, đi, không đi, đi, không đi, cánh hoa cuối cùng: Không đi. Bỏ qua, bỏ qua, không tính, không tính, tôi ngắt một bông hoa khác, lần này kết quả khả quan hơn: Đi! Tốt rồi, đó là ý trời, nào thì đi!

Tôi đã quyết định có đến chùa Cakra vẽ tranh hay không bằng cách như thế đó. Vừa tới nơi, mắt tôi như thiết bị dò tự động, quét qua các góc cạnh để tìm kiếm bóng dáng ấy, tìm thấy rồi, hai má tự nhiên nóng bừng, lại cắm cúi làm việc. Cánh tay băng bó co duỗi khó khăn, chỉ vẽ được một lát là phải nghỉ. Đang vẽ vẽ xóa xóa thì một chú tiểu xuất hiện với cốc nước và một mảnh giấy, trên đó là những chứ Hán rất đẹp: “Vết thương chưa lành, đừng nên vẽ nữa”.  Niềm vui như ngọn lửa sưởi ấm cõi lòng tôi. Tôi ngẩng lên, Ra­ji­va đang trò chuyện với sư phụ Band­hud­da­ta trên đại điện, ánh mắt ơ hờ khẽ lướt về phía tôi, thấy tôi cầm mảnh giấy trên tay, cậu ấy lại bình thản tiếp tục câu chuyện.

Tôi không còn tâm trí để vẽ tiếp, kỷ niệm ngày đầu Ra­ji­va đưa tôi đến tham quan ngôi chùa này ùa về, tôi muốn dạo quanh một vòng. Vừa bước đi vừa nhớ lại biểu cảm và những lời cậu ấy nói khi đó, bất giác mỉm cười. Những hồi ức ngọt ngào đủ để tôi nhâm nhi hết một ngày dài.

Tôi chỉ trở về căn nhà nhỏ khi Ra­ji­va kết thúc giờ tụng kinh chiều muộn. Buổi tối cậu ấy sẽ tới, vì cánh tay tôi vẫn cần được chăm sóc. Tôi có nên nghĩ cách làm cho vết thương ấy phục hồi chậm lại một chút không? Vì như thế, tôi sẽ khỏi phải ủ dột khi nghĩ đến ngày tháng li biệt sắp tới. Mặc dù tôi biết rằng trước sau gì cũng phải ra đi, nhưng có thể chậm ngày nào tôi sẽ biết ơn ngày đó. Sếp ơi, xin thầy đừng trách em, khi trái tim phụ nữ đã rung động thì lí trí đâu còn chỗ trú chân.

Vừa về đến cổng đã thấy một cỗ xe ngựa, tôi chớp mắt nhìn cho kĩ, phù hiệu gắn trên cỗ xe rất quen. Ai đó xuất hiện từ phía sau xe, dáng người cao lớn, gương mặt khôi ngô tuấn tú, mặc một bộ quân phục màu đen, viền vàng lấp lánh, eo thắt một chiếc đai thêu kim tuyến, sau lưng dắt một thanh kiếm dài. Đàn ông mặc quân phục tỏa ra sức hấp dẫn thật kì lạ, có thể đánh bại bất cứ đối thủ cùng giới nào. Nhưng khuôn mặt này có điều gì đó rất lạ.

- Pusyse­da?

Tôi kinh ngạc kêu lên.

- Sao cậu lại đến đây?

Pusyse­da lạnh lùng nhìn tôi, hồi lâu mới cất tiếng:

- Đến đón chị về phủ.

Giọng nói lạnh như băng khiến tôi rùng mình.

- Tôi đã hẹn mười ngày sẽ về mà.

Tôi bước lại gần, quan sát kỹ khuôn mặt ấy.

- Xảy ra chuyện gì vậy?

- Cha tôi muốn gặp chị.

Pusyse­da quay mặt đi, né tránh.

- Cha tôi… từ lúc biết tin của mẹ, đã không ngừng thổ huyết…

Tôi hoảng hốt:

- Ra­ji­va có biết không? Cậu đã đến chùa chưa? Đi nào, chúng ta phải thông báo ngay cho cậu ấy.

Tôi kéo tay Pusyse­da nhưng cậu ta không hề động đậy, ánh mắt chăm chăm nhìn bàn tay tôi, một tiếng cười nhạt bật ra:

- Cần gì phải đến chùa, tối nào anh ta chẳng về đây.

- Cậu…

Tôi sững người, cậu ta biết rồi ư!

- Mava­su đã nói hết với tôi. Thì ra chị đã trở về được ba tháng rồi và ba tháng ấy chị luôn ở bên Ra­ji­va.

Pusyse­da đột ngột kéo tôi sát lại, cánh tay cứng như thép bóp chặt vết thương của tôi, tiếng kêu đau đớn của tôi không khiến cậu ta bận tâm. Cậu ta ép sát tôi vào ngực mình, đổ người lên khuôn mặt tôi, sắc diện u ám, nghiến răng gầm gào:

- Anh ta giấu chị ở đây, định bụng học theo Hán Vũ Đế “lầu son giấu người đẹp” chứ gì? Một vị cao tăng đại đức như anh ta mà cũng chẳng thể kháng cự được sức quyến rũ của đàn bà! Thật nực cười, thế mà tôi vẫn nghĩ chị chưa bao giờ đụng đàn ông. Không ngờ, từ lâu đã bị kẻ đạo đức giả ấy chiếm đoạt rồi!

- Pusyse­da, cậu không được ăn nói xằng bậy!

Tôi nổi cơn thịnh nộ, định dùng cánh tay còn lại cho cậu ta một cái tát, nhưng đã bị giữ chặt, tay tôi như muốn lìa ra. Càng ra sức vùng thoát, cơn đau buốt, nhức nhối càng dữ dội. Nước mắt trào ra, tôi kêu gào:

- Buông tôi ra! Cậu không được phép lăng mạ Ra­ji­va! Chúng tôi hoàn toàn trong sạch…

- Trong sạch ư?

Pusyse­da cướp lời tôi, ánh mắt dữ dằn, khuôn mặt như biến dạng.

- Được thôi, bây giờ chúng ta sẽ lên giường, hãy chứng minh cho tôi thấy chị vẫn là một trinh nữ.

Cậu ta lôi tôi đi về hướng căn phòng, cánh tay phải thoát khỏi gọng kìm, tôi bám chặt lấy cột chống hiên nhà, kiên quyết không thả ra. Giây phút ấy tôi vô cùng khiếp sợ, vì xưa nay chưa từng thấy Pusyse­da dữ tợn như vậy. Cậu ta mà làm tới, tôi chẳng thể chống cự nổi.

- Buông ra! Vì sao tôi phải chứng minh bằng cách đó? Cậu không đủ tư cách ép buộc tôi!

Cánh tay phải của tôi như sắp gãy, vết thương nhức buốt khiến tôi không còn sức để bám vào cột nhà nữa. Nhưng nếu tôi đầu hàng, thật không dám tưởng tượng chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo! Cậu ta như đã mất hết lí trí. Tôi vừa khóc vừa kêu gào thảm thiết:

- Pusyse­da, cậu điên rồi. Lẽ nào cậu muốn tôi phải căm ghét cậu?

Vợ chồng Mava­su đều chạy ra, kinh hãi đứng bên, hết lời khuyên nhủ Pusyse­da. Pusyse­da thấy tôi nhất quyết không chịu buông cây cột, liền quay người, túm chặt hai tay tôi, cơ thể cường tráng áp sát lên thân thể tôi.

- Tư cách hả?

Pusyse­da nhếch môi cười, một tay nắm chặt hai tay tôi, một tay thô bạo túm cằm tôi, đẩy gương mặt lên đối diện với đôi mắt của cậu ta.

- Tôi điên dại bám lấy chị bao nhiêu ngày qua. Không biết là chị quá ư xuẩn ngốc hay quá ư thông minh nữa? Với anh ta thì được, với tôi thì không ư? Mở miệng ra là trong trắng, cao thượng, sách vở, nào là cuốn hút nào là yêu thương nào là gắn bó, thế nhưng chị đã không ngại “ra tay” quyến rũ cả hòa thượng nức danh Tây vực. Giờ còn giả bộ trong trắng, thuần khiết ư?

- Sao cậu dám xỉ nhục tôi? Tôi hoàn toàn trong sạch, tôi không trác táng như cậu, lúc nào cũng chỉ muốn lên giường với phụ nữ. Mối quan hệ giữa tôi và Ra­ji­va, một kẻ thô thiển như cậu không bao giờ có thể hiểu được.

Tôi gào lên trong nước mắt, cánh tay bị thương như sắp rời bỏ thân thể, tôi đau đớn tê dại.

Pusyse­da toan lên tiếng, bỗng dừng lại, ánh mắt lạnh lùng lướt qua cánh cổng, khóe môi thoáng qua một tia cười gi­an manh, bất chợt nghiêng đầu về phía tôi. Trong hỗn loạn đau đớn và sợ hãi, một vật thể mềm ướt trùm lên môi tôi, đầu óc tôi trống rỗng…

Pusyse­da gan lỳ o bế, đòi tách đôi môi đang cố mím chặt của tôi ra, đầu lưỡi đưa đẩy hít hà trên môi tôi, tìm đường xông tới. Tôi dặn lòng phải khép môi thật chặt, nhưng một cơn đau nhói ở môi dưới khiến tôi rụng rời, cậu ta cả gan cắn tôi! Phản xạ tự nhiên của tôi là lập tức hé miệng, Pusyse­da đột nhập, đầu lưỡi ẩm ướt của cậu ta quần đảo trong miệng tôi, tìm kiếm, săn đuổi đầu lưỡi tôi đang trở nên bất lực đến tội nghiệp.

- Cậu cả!

Tiếng Mava­su. Tôi rùng mình, trời ơi, Ra­ji­va đến rồi! Cậu ấy đã nhìn thấy! Tôi vắt kiệt sức tàn, cố gắng vùng thoát, nhưng vô ích. Trong cơn quẫn bách, tôi cắn Pusyse­da, cậu ta kêu lên một tiếng, nhả tôi ra, một tay ôm lấy miệng, tay kia vẫn giữ chặt hai tay tôi. Chùm tia vằn vện tức tối trong mắt nhạt dần, nụ cười khó hiểu trồi trên khuôn mặt, ánh mắt thách thức, khiêu khích hướng ra ngoài sân.

Tôi quay đầu, nhìn thấy Ra­ji­va đang đứng như trời trồng giữa sân, sắc mặt tái nhợt. Pusyse­da gào lên một câu tiếng Phạn, toàn thân Ra­ji­va rung động, sắc mặt càng trở nên thảm hại.

- Buông tôi ra!

Tôi nổi trận lôi đình, trong đời mình, chưa bao giờ tôi phải chịu sự lăng mạ thế này, tôi không thể nhẫn nhịn được nữa:

- Pusyse­da, đến bao giờ cậu mới chịu lớn hả? Cha cậu đang hấp hối trên giường bệnh, vậy mà cậu vẫn còn tâm trạng giở trò ở đây à?

Khuôn mặt Pusyse­da đột nhiên biến sắc, dần buông cánh tay đang khóa chặt lấy tôi. Ra­ji­va sải bước đến trước mặt cậu ta, giật tay Pusyse­da ra khỏi người tôi, đứng chắn ngang giữa chúng tôi, giọng nói thảng thốt:

- Cha sao rồi?

Quầng mắt Pusyse­da đỏ hoe, cúi thấp đầu, vẻ mặt đau khổ:

- Thầy thuốc bảo… rất nguy kịch…

Ra­ji­va chắn trước mặt tôi, không nhìn thấy vẻ mặt, chỉ thấy tấm lưng của cậu ấy đang rung động. Pusyse­da đột nhiên xông tới, túm lấy cổ áo Ra­ji­va, cất lời chì chiết:

- Tất cả là tại anh! Anh thừa biết cha đang yếu, vì sao vẫn báo tin mẹ mất?

Ra­ji­va im lặng, tôi thấy bất bình.

- Pusyse­da, thôi đi!

Tôi chạy đến bên họ, ra sức gỡ cánh tay Pusyse­da đang khóa chặt Ra­ji­va.

- Bây giờ là lúc tranh cãi chuyện này hay sao? Việc cần kíp trước mắt là phải nhanh chóng về phủ.

Tôi ngừng lại, nhìn hai anh em họ, tâm trạng nặng nề.

- Tôi không muốn hai người hao phí thời gi­an vào cuộc tranh chấp vô nghĩa này, để rồi ngày sau phải ân hận…

Họ như bừng tỉnh sau cơn mê, Pusyse­da buông tay. Tôi nhẹ nhàng đến bên Ra­ji­va:

- Ra­ji­va, cậu có cần chuẩn bị gì không?

Ra­ji­va rầu rĩ lắc đầu, tôi hạ lệnh:

- Vậy thì chúng ta sẽ khởi hành ngay, chừng nửa đêm là tới nơi.

- Chờ đã!

Ra­ji­va bước nhanh vào phòng. Lúc trở ra, cậu ấy cầm trên tay một túi đồ nhỏ.

- Đi thôi!

Ba chúng tôi yên lặng trên xe. Pusyse­da muốn ngồi cạnh tôi, nhưng tôi bỏ sang ngồi phía đối diện. Ra­ji­va lên sau, quan sát một lát, rồi lặng lẽ ngồi xuống bên cạnh em trai.

Cỗ xe lăn bánh, Ra­ji­va mở gói đồ, tôi lặng người. Bên trong có thuốc bôi ngoài da, rượu thuốc và vải sạch.Lúc này tôi mới nhớ đến cánh tay nóng rát của mình, vết máu loang lổ tay áo. Tôi gắng gượng dùng tay trái đỡ lấy tay phải, cơn đau buốt ập đến, khiến tôi kêu bật thành tiếng.

- Ngải Tình, tay chị sao vậy?

Từ lúc lên xe, Pusyse­da ngượng ngập không dám nhìn tôi, nhưng khi nghe tiếng tôi kêu, cậu ta đột nhiên nắm chặt cánh tay tôi, định vén tay áo lên kiểm tra. Tôi không muốn cậu ta chạm vào người mình thêm nữa, cố sức rút tay ra, nhưng càng ra sức, vết thương càng nhức buốt tưởng như không thở nổi, tôi rên rỉ.

- Khi nãy tôi đã không phải, tôi cũng không biết mình làm sao nữa, tôi không nên xử sự như vậy.

Tôi kêu đau, cậu ta liền buông tay. Không gi­an trên xe quá ư chật hẹp, Pusyse­da gần như quỳ trước mặt tôi, ánh mắt nhìn tôi vừa xót xa vừa ân hận.

- Cho tôi xem vết thương của chị được không?

Tôi thờ ơ không đáp, tự mình vén cao tay áo, hai anh em họ đồng thanh thốt lên một tiếng kêu nhỏ. Máu đã thấm đẫm lớp vải quấn bên ngoài. Trời ơi, nếu cứ tiếp tục thế này, cánh tay tôi hỏng mất!

Tôi cắn răng, tháo lớp vải quấn, Pusyse­da muốn giúp, tôi vung tay né tránh, cánh tay đập vào thành xe, cơn thống khổ đẩy nước mắt tuôn lã chã. Một cánh tay gầy guộc nhẹ nhàng vươn ra, đỡ lấy tay tôi. Không một lời, cậu ấy chỉ lặng lẽ, chậm rãi, thận trọng gỡ lớp vải bọc trên vết thương của tôi, Tôi thư thái tận hưởng sự chăm sóc dịu dàng ấy, tâm trạng trở nên nhẹ nhõm hơn, nỗi đau thuyên giảm.

Lớp vải cũ được gỡ xuống, Pusyse­da hốt hoảng. Vết thương há miệng rất rộng, nhiễm trùng nghiêm trọng, vệt máu sẫm đỏ. Ra­ji­va cầm chai rượu thuốc trên tay, tôi cắn răng quay đầu không nhìn. Cơn đau đớn, buốt xót làm tê tái tim gan, mình mẩy, dù đã gắng sức kìm chế, tiếng kêu thê thảm vẫn rung lên trong cuống họng. Tôi nắm chặt tay trái, móng tay như cắm sâu vào da thịt. Một bàn tay giá lạnh ôm lấy cánh tay tôi, tôi gắng gượng nhìn lên, bắt gặp nỗi hoảng sợ trên gương mặt Pusyse­da.

- Ngải Tình, chị bị thương khi nào vậy? Sao tôi không hề hay biết?

Tôi không đáp, mắt nhắm chặt, ngã lưng vào thành xe. Rượu thuốc lành lạnh liếm trên vết thương, giúp tôi hạ nhiệt cơn bỏng rát. Bàn tay Ra­ji­va nhẹ nhàng phủ từng lớp vải mới lên cánh tay tôi, từ lúc bắt đầu cho tới khi kết thúc, cậu ấy hoàn toàn thinh lặng.

Trời sẫm tối, khí lạnh thổi vào trong xe, tôi co người lại. Pusyse­da vẫn chưa ngớt lời xin lỗi, bất giác tôi cảm thấy mỏi mệt vô hạn, không phải nỗi nhọc mệt thể xác mà là tinh thần.

Sự điên cuồng của Pusyse­da ngày hôm nay khiến tôi nhận ra, không biết từ khi nào cậu ta đã có ý với tôi. Nhưng tôi không thể đáp lại tình cảm của cậu ta, tôi không thể đáp lại tình cảm của cả hai anh em họ…

- Pusyse­da…

Nếu tôi không ngắt lời, chắc là cậu ta sẽ xin lỗi cả đêm.

- Tôi tha thứ cho cậu…

Bóng đêm bao phủ, không nhìn rõ gương mặt cậu ta, nhưng trong giọng nói đã lộ rõ niềm vui. Tôi điềm nhiên:

- Về thăm cha cậu, nếu ông không có gì đáng ngại, vài ngày nữa tôi sẽ theo đội thương nhân đến thành phố Taqian của Ban Siêu, sau đó sẽ đi Trường An.

- Chị…

Tay trái tôi bị nắm chặt, giọng Pusyse­da hốt hoảng:

- Chị vẫn muốn ra đi ư?

- Tôi có kế hoạch của riêng mình, không thể ở lại Khâu Từ.

Tôi muốn bứt tay ra, nhưng cậu ta ngoan cố kìm chặt. Tôi gắng dùng sức, cậu ta mới nhả tay.

- Ngải Tình…

- Pusyse­da, tôi rất mệt…

- Ngải Tình, chị mệt thì dựa vào vai tôi mà ngủ.

- Pusyse­da, xin cậu, ít nhất là hôm nay, đừng đụng vào tôi nữa…

Tiếng vó ngựa lạc lõng vang trên đường. Tôi không nhìn rõ gương mặt Ra­ji­va, từ lúc lên xe đến giờ, cậu ấy không hề lên tiếng, kể cả lúc băng bó cho tôi. Như vậy cũng tốt, nhìn thấy, nghe thấy có khi lại khiến tôi động lòng. Ba chúng tôi im lặng hòa mình vào bóng đêm…

Chương 30: Nỗi mất mát

Bước chân vào phòng Ku­marayana, không gi­an nồng nồng hơi thuốc. Chúng tôi trở về phủ quốc sư đã hơn mười ngày, bệnh tình của Ku­marayana không hề thuyên giảm. Mỗi ngày ông đều thổ huyết, hôn mê bất tỉnh nhiều lần. Pusyse­da túc trực bên cha cả ngày lẫn đêm, cậu ta gầy rộc đi trông thấy. Ra­ji­va cũng ngày ngày cận kề bên giường cha, chăm sóc ông và tụng kinh cho ông. Hai anh em họ bận bịu tới mức không còn tâm trí để ý đến tôi nữa, điều đó khiến tôi thấy thoải mái hơn. Tôi không thể ra đi lúc này, tôi phải góp sức giúp họ chăm sóc Ku­marayana.

- Quốc sư…

Tôi ghé sát bên giường Ku­marayana, ông héo hon, tàn tạ đến thương tâm, trên người ông, dường như chỉ còn đôi mắt màu xám nhạt là nơi duy nhất toát ra sự sống.

- Cô Ngải Tình đến đấy à?

Ông khẽ gật đầu, gượng dậy, tôi vội vàng đến bên, chèn gối tựa sau lưng ông, bàn tay chạm phải thân hình da bọc xương của ông, trong lòng bỗng dâng lên nỗi chua xót!

- Cô Ngải Tình hẳn là rất bất ngờ khi ta muốn trò chuyện riêng với cô, đúng không?

- Vâng, một chút ạ.

Tôi thành thật thừa nhận. Không hiểu sao, tôi luôn có cảm giác ông giống như là “sếp” của tôi vậy. Mặc dù tôi luôn gọi thầy hướng dẫn của mình là sếp, nhưng thầy luôn là người mà tôi kính trọng nhất. Tôi mỉm cười.

- Quốc sư cho gọi Ngải Tình, hẳn là có chuyện muốn nói.

- Cô Ngải Tình không giống những cô gái bình thường khác, mười năm trước ta đã nhận ra điều này.

Tôi lặng yên không đáp.

- Ta tự biết không còn sống được bao lâu nữa, lòng ta vốn đã chán ngán cõi trần, đi sớm ngày nào sẽ bớt phiền hà cho người thân ngày ấy.

Sống mũi tôi cay cay, tôi muốn nói điều gì đó thật lạc quan để an ủi ông, nhưng ánh mắt tinh anh của ông đã ngắt lời tôi:

- Nhưng người ta ai cũng vậy, đến lúc nhắm mắt xuôi tay vẫn chưa hết những mối bận tâm, với ta là hai đứa con này…

Trực giác mách bảo với tôi rằng, chủ đề lần này của ông chắc chắn có liên quan đến anh em họ, nên tôi yên lặng chờ đợi.

- Cô Ngải Tình là người kì lạ, liệu cô có thể tiết lộ cho kẻ sắp rời xa thế gi­an này được biết, hai đứa con trai của ta ngày sau sẽ ra sao không?

Tôi kinh ngạc, ngước lên đôi mắt sáng như thấu tỏ tâm can người đối diện. Lẽ nào ông ta đã đoán ra lai lịch của tôi? Nhưng, vì sao ông biết được?

- Mười năm qua dung mạo của cô không hề thay đổi, năm xưa cô lại đột ngột biến mất. Ta tin rằng, cô nhất định biết được những chuyện mà người bình thường không thể biết.

Tôi không được phép tiết lộ lịch sử, nhưng tôi có nên cứng nhắc giữ nguyên tắc đó với một người sắp qua đời? Thấy tôi do dự, ông tiếp tục:

- Xin cô hãy tin ta, ta không tiết lộ thiên cơ đâu.

Sau khi suy xét kĩ lưỡng, tôi quyết định tiết lộ một vài thông tin quan trọng, vì tôi không đành lòng giấu ông.

- Thưa quốc sư, Ra­ji­va ngày sau sẽ lưu danh sử sách.

Tôi ngập ngừng giây lát:

- Còn về Pusyse­da, xin quốc sư yên tâm, Ngải Tình hứa sẽ bảo vệ cậu ấy.

Lịch sử không ghi chép bất cứ điều gì về Pusyse­da, có lẽ cậu ta sẽ sống cuộc đời bình yên giống như những người bình thường khác. Và tôi quyết định sẽ chủ động nhắc nhở cậu ta khi cần thiết, để cậu ta không rơi vào thảm kịch sẽ xảy ra mười một năm sau. Tôi cũng chỉ có thể giúp cậu ta chừng đó.

- Thành tựu mà Ra­ji­va có được là về lĩnh vực Phật học?

Tôi gật đầu.

- Ra­ji­va có sức ảnh hưởng rất lớn đến quá trình truyền bá đạo Phật vào Trung Nguyên.

Ku­marayana trầm ngâm suy tư, một lúc lâu sau ông mới lên tiếng:

- Người làm cha làm mẹ, ai cũng mong con cái thành đạt, nhưng quan trọng hơn cả vẫn là sự bình an.

Cơn ho ào đến, tôi vội vã tới bên giúp ông giữ nhịp thở đều đặn. Ông lấy hơi, tiếp tục câu chuyện:

- Tôi không thấy lo nhiều về Pusyse­da. Nó là người dám làm dám chịu, tính cách phóng khoáng, tuổi trẻ nông nổi có chút phản kháng cũng không sao, rồi thời gi­an qua đi, nó sẽ trưởng thành và chín chắn hơn. Người khiến tôi lo lắng hơn cả là Ra­ji­va…

Trống ngực đập thình thịch, tôi ngạc nhiên nhìn ông. Từ khi đổ bệnh, Ku­marayana chưa bao giờ trò chuyện nhiều đến thế. Gương mặt ông lúc này ửng lên sắc đỏ dị thường, ông nói trong tiếng ho khan:

- Nó quá thông minh và từ nhỏ đến lớn chưa từng nếm trải cực khổ. Trong lòng suy nghĩ rất nhiều, nhưng không bao giờ tâm sự với ai. Tính cách ấy sẽ khiến cuộc đời nó trở nên bất hạnh.

Tôi nhớ từng đọc một bài báo viết về một nhóm các nhà khoa học nghiên cứu, lai tạo ra giống chuột đột biến gen thông minh hơn rất nhiều loài chuột thông thường. Và người ta hào hứng kháo nhau rằng, nếu áp dụng phương pháp gây đột biến gen đó lên cơ thể người thì con người sẽ trở nên thông minh hơn, tài giỏi hơn rất nhiều. Nhưng không lâu sau, người ta lấy làm vui mừng vì đã không vội vàng biến giấc mơ ấy thành hiện thực. Bởi vì nghiên cứu cho thấy, tuy rằng loài chuột đột biến gen trở nên thông minh hơn, nhưng chúng cũng phải trả một cái giá rất đắt. Bộ gen mới trong cơ thể “chuột thông minh” có tác dụng kích thích thần kinh, giúp chúng phát triển trí nhớ và trí tuệ, nhưng đồng thời cũng khiến chúng trở nên mẫn cảm hơn với nỗi đau và sự tổn thương.

Thế nên, quá ư thông minh không hẳn đã tốt. Khi bi kịch xảy đến, người thông minh sẽ cảm thấy vô cùng tồi tệ và không thể chấp nhận hiện thực, thậm chí không thể chịu đựng nổi. Người bình thường có thể xem nhẹ hoặc bỏ qua để tiếp tục sống, nhưng họ thì không. Họ dễ trở nên mất phương hướng và hóa điên dại và cuộc đời họ vì thế sẽ chỉ toàn thảm kịch. Đó là bi kịch của những người thông minh. Ra­ji­va cũng khó tránh khỏi vận mệnh này.

- Tuy không rõ cô Ngải Tình từ đâu tới, nhưng cô nói Ra­ji­va thành công trong lĩnh vực Phật học, ta tin là cô đúng.

- Quốc sư, xin hãy nghỉ ngơi một lát.

Tôi mang nước tới cho ông. Ông thở dài, mệt nhọc cất tiếng:

- Không nói, e là không còn thời gi­an nữa.

Ku­marayana đột nhiên hướng ánh nhìn nghiêm khắc về phía tôi:

- Cô Ngải Tình đã biết trước Ra­ji­va sẽ dâng hiến trọn đời nơi cửa Phật, vì sao vẫn để nó nảy sinh tình cảm với cô? Như thế, có tàn nhẫn quá không? Phải chăng, Phật tổ cử cô tới đây để thử thách nó?

Bàn tay tôi run bắn, cốc nước rơi xuống, vỡ choang. Tôi hốt hoảng thu dọn, trong lúc cuống quít, mảnh vỡ lẹm một đường vào tay, vết cứa ấy đánh thức tôi. Vậy là ông đã biết từ lâu. Cũng phải thôi, Mava­su là người nô bộc trung thành đã theo ông từ Ấn Độ đến Khâu Từ. Tôi sống trong căn nhà nhỏ của Ra­ji­va ba tháng trời, làm sao giấu ông được.

- Quốc sư…

Ông thở dài, vẻ mặt mỏi mệt, buồn khổ.

- Ta là người từng trải, từng bị nỗi khổ vì yêu dày vò. Năm xưa hoàn tục, ta đã chịu rất nhiều lời phỉ báng, chỉ trích. Cứ ngỡ, một chữ tình có thể hóa giải tất cả, đền bù tất cả. Nào ngờ, người ta yêu thương lại là người có trái tim sắt đá, một lòng theo đuổi lí tưởng, khiến cả hai đứa con phải chịu khổ cùng ta.

Ông dứt cơn thở gấp, ngừng lại nghỉ ngơi, rồi mới tiếp tục.

- Ta biết cô cũng có tình cảm với Ra­ji­va. Nhưng nó đã một lòng hướng Phật, ngày sau lại có được thành tựu như vậy, nó không thể dành chỗ cho tình yêu trong tim mình được.

Đức Phật và nàng

Ông nhắm mắt, vẻ mệt mỏi cùng cực, khóe môi run run:

- Xin cô Ngải Tình đừng giẫm lên vết xe đổ của ta…

Tôi thẫn thờ bước ra khỏi căn phòng của Ku­marayana, cảm thấy mình như đang trôi đi, thân thể hoàn toàn trống rỗng, hoàn toàn kiệt sức. Pusyse­da đang đi đi lại lại trước cửa phòng, thấy tôi, vội vã bước tới truy hỏi:

- Cha đã nói gì với chị?

- Không có gì?

Tôi khẽ lẩm bẩm, thấy cậu ta ý chừng vẫn muốn hỏi tiếp, tôi rầu rĩ lắc đầu:

- Pusyse­da, tôi rất mệt, muốn nghỉ một lát.

Trên đường về phòng, tôi gặp Ra­ji­va đang mang thuốc vào cho cha, ánh mắt nhìn tôi đăm đắm, đầy vẻ lo lắng và xót xa. Nước mắt cứ muốn trào ra, tôi vội cúi đầu để cậu ấy không thấy được, lẳng lặng rảo bước về phòng.

Ngày nào cũng vậy, khi màn đêm tĩnh mịch buông xuống, Ra­ji­va lại ngồi trong phòng tụng kinh. Đã thành thói quen, tôi tắt đèn, giấu mình trong bóng tối. Ánh đèn leo lét bên phòng đối diện hắt lên khung cửa sổ một bóng hình cô độc. Bóng người dường như bất động, chỉ có âm thanh tụng niệm lầm rầm vang vọng trong không gi­an tĩnh lặng. Ra­ji­va, nếu chúng ta không bị ngăn cách bởi 1650 năm thời gi­an, nếu cậu không phải mang thân phận người tu hành, suốt đời chẳng thể thay đổi ấy, có lẽ tôi sẽ có đủ nghị lực để thổ lộ tình cảm với cậu. Tôi tin rằng cậu cũng có tình cảm với tôi, không biết khi ấy, cậu có bằng lòng không? Nhưng, vì sao cuộc đời lắm nỗi trái ngang như vậy? Hai chúng ta, rốt cuộc cũng vẫn chỉ là hai đường song song tình cờ gi­ao nhau. Khi trở lại vị trí của mình, chúng ta vẫn chẳng thể rũ bỏ những chướng ngại trong lòng mỗi người. Tôi yêu cậu, bởi vậy, tôi quyết định, sẽ từ bỏ…

Bệnh tình của Ku­marayana ngày một trầm trọng. Đức vua, hoàng hậu và hoàng thân quốc thích Khâu Từ thường xuyên tới thăm ông. Tôi đã nhìn thấy Bạch Chấn, em trai út của Bạch Thuần, người mà mười một năm sau đã được Lữ Quang đưa lên ngôi vua Khâu Từ. Tôi cũng đã nhìn thấy công chúa Ak­saya­mati, lúc này vẫn còn là một cô bé gái chừng tám, chín tuổi. Cảm xúc của tôi lúc nhìn thấy cô bé thật khó diễn tả. Ak­saya­mati là người mà mười một năm sau sẽ trở thành vợ Ra­ji­va. Lúc trước, khi đọc tới đoạn sử này, tuy có cảm thông với Ra­ji­va, nhưng cảm xúc chính của tôi là câu chuyện này thật ly kỳ, thú vị, tôi hào hứng mang nó đi kể ọi người nghe. Giờ đây, khi tôi đã trở thành một phần trong cuộc sống của cậu ấy, đoạn sử ngắn ngủi kia trở nên vô nghĩa, yêu Ra­ji­va, tôi nhận ra mình không thể chịu đựng được việc sau này cậu ấy có mối quan hệ như thế với người phụ nữ khác. Nghe thấy giọng nói ngọt ngào của Ak­saya­mati khi gọi Ra­ji­va và nhìn thấy cậu ấy tươi cười với cô bé, tôi nổi cơn ghen tuông, bất chấp đối tượng chịu trận chỉ là một cô bé con. Nhưng khi cơn thịnh nộ sắp bộc phát, thì những lời nói của Ku­marayana lại văng vẳng bên tai, lạnh buốt tựa băng giá, thấm vào lòng tôi, dập tắt mọi ngọn lửa điên cuồng trong tôi. Phải rồi, tôi đã hứa với Ku­marayana sẽ nhanh chóng rời khỏi đây. Vậy thì tôi lấy tư cách gì để ghen tị với số mệnh đã được an bài của Ra­ji­va?

 Những loại thuốc quý giá nhất cũng chỉ có thể kéo dài sự sống của Ku­marayana được hơn chục ngày, ông như ngọn đèn trước gió. Đêm đó, hai anh em họ túc trực bên giường cha, tôi nép mình vào một góc khuất, giọng nói ngắt quãng của Ku­marayana xen trong hơi thở khó khăn, đủ biết ông đã gắng gượng chừng nào.

- Pusyse­da, đừng ghét bỏ mẹ con… bà ấy… lúc nào cũng yêu con!

Ánh mắt tinh anh của ông giờ phút này đã trở nên mơ hồ, chỉ có thanh quản vẫn phập phồng lên xuống, khó khăn lắm mới nghe rõ lời ông:

- Không biết… có thể… đoàn tụ với bà ấy… trên cõi cực lạc… hay không?

Gương mặt héo hon chỉ còn da bọc xương thoáng hiện một nét cười khổ sở:

- Chắc là không được rồi… Bà ấy đã chứng tam quả… cắt đứt mọi tơ tình nhân thế… trong khi ta vẫn đắm chìm trong bể khổ tương tư…

Pusyse­da nắm chặt tay cha, khóc cạn cả nước mắt. Ra­ji­va vẫn thinh lặng nhìn cha, vẻ mặt thê lương. Ku­marayana mấp máy môi:

- Lần đầu gặp bà ấy, con tim ta đã lạc nhịp…

Ánh mắt ông chợt bừng sáng, như thể ông vừa nhìn thấy ai đó.

- Bà ấy rất đẹp, lại thông minh, lanh lợi, dễ thương… Ji­va, đừng đi… bọn trẻ còn nhỏ lắm…

Ku­marayana đột nhiên đưa tay về phía trước, ông đã hoàn toàn đắm chìm trong kí ức. Tôi nhìn thấy nét dịu dàng, yêu thương chưa từng thấy trong đôi mắt ông, như thể, người ông ngày đêm mong nhớ đang hiển hiện trước mắt ông vậy.

- Ji­va, chờ ta…

Ku­marayana chới với vươn ra phía trước, Pusyse­da ôm chầm lấy cha. Cánh tay Ku­marayana buông thỏng, ông đổ người vào vòng tay Pusyse­da. Pusyse­da gọi cha trong cơn tuyệt vọng, nhưng ông không đáp lại. Ra­ji­va vẫn thinh lặng đứng đó, không một biểu cảm đặc biệt nào trên nét mặt, đột nhiên cậu quỳ sụp xuống, tiếng tụng niệm vang lên. Hai anh em họ thể hiện những tâm trạng hoàn toàn không ăn khớp với nhau.

- Thôi đi! Ngoài tụng kinh ra, anh còn biết làm gì nữa?

Pusyse­da đặt cha xuống giường, quay người lại gằn hắt anh trai, giọng nói đầy vẻ thô bạo.

- Cả ngày chỉ biết tụng kinh thì ích gì chứ? Tụng kinh có làm cha sống lại không?

Cậu ta chỉ tay vào Ra­ji­va, điệu bộ chì chiết dữ dằn:

- Anh chỉ biết trốn chạy trong kinh văn, Phật tổ của anh, ngoài việc vẽ ra cái thế giới vô nghĩa sau khi chết, còn có thể làm được việc gì nữa?

- Pusyse­da, không được lăng mạ anh trai cậu!

Tôi bước đến, kéo tay Pusyse­da. Cậu ta không còn tỉnh táo nữa, cậu ta muốn trút nỗi đau mất cha lên anh trai mình.

Cậu ta quay lại nhìn tôi, ánh mắt vằn lên những tia đỏ, khuôn ngực rung động mãnh liệt:

- Trong lòng mẹ chỉ có anh ta là người con duy nhất. Cha cũng vậy, lúc nào cũng thương nhớ anh ta, tự hào về anh ta, mặc dù anh ta chưa một ngày tận hiếu với cha.

Cậu ta hất tay tôi ra, sức mạnh cuồng bạo khiến tôi chao đảo:

- Cả chị nữa, trong lòng chị cũng chỉ có mình anh ta. Anh ta được tất cả mọi người yêu thương, nhưng hãy xem xem, anh ta đã mang lại cho những người yêu thương mình được những gì nào? Cha qua đời mà anh ta cũng không thèm nhỏ một giọt nước mắt! Anh ta là đồ quái vật máu lạnh!

- Đủ rồi! Cậu có biết là cậu ấy còn đau khổ hơn cả cậu không? Cậu có thể gào thét để giải tỏa, muốn khóc là khóc, thích nhiếc móc là nhiếc móc, nhưng còn cậu ấy…

Ra­ji­va vẫn nhắm nghiền mắt, lầm rầm tụng kinh, nước mắt tuôn trào.

- Cậu ấy không phải không biết đau đớn là gì, mà vì cậu ấy đau khổ tới mức không rơi nổi nước mắt…

- Ngải Tình…

Cậu ấy bất chợt lên tiếng, giọng nói như lạc đi.

- Pusyse­da nói không sai, tôi là người xuất gia, người xuất gia vốn dĩ không thể có tình cảm thế tục…

- Ra­ji­va…

Cậu ấy đứng lên, bước ra ngoài cửa.

- Tôi vào cung thông báo cho đức vua…

Tôi định đuổi theo nhưng đã bị Pusyse­da giữ lại. Tôi đẩy cậu ta ra bằng hết sức lực mà tôi có. Tôi không biết Ra­ji­va sẽ làm gì, nhưng tôi phải đi theo, để bảo vệ cậu ấy.

Cậu ấy đi rất vội, không rẽ về hướng hoàng cung mà ra khỏi thành. Lính gác cổng thành thấy cậu ấy thì lập tức cho qua, đến lượt tôi, tôi phải đưa cho họ toàn bộ số tiền có trên người, họ mới đồng ý để tôi đi.

Cậu ấy bước đi lang thang, vô định, bước chân gấp vội trong đêm, xiêu vẹo, loạng choạng. Điểm đến sau cùng là bờ sông Tongchang. Cậu ấy gào khóc thảm thiết với mặt nước lặng như tờ. Đêm khuya tịch mịch, ngoại thành xa vắng, tiếng khóc của cậu ấy khuấy động không gi­an.

Tôi lặng lẽ đứng nhìn từ xa. Ra­ji­va, cậu không phải không có tình cảm, chỉ là cậu không thể khóc trước mặt người khác. Một người giàu cảm xúc và giàu yêu thương như cậu, vì sao lại sùng bái thứ tôn giáo buộc người ta phải đoạn tuyệt với mọi cảm xúc của con người?

Tôi đã rất muốn đến bên an ủi cậu ấy, nhưng những lời nói của Ku­marayana cứ văng vẳng bên tai. Ra­ji­va, tôi không muốn sự xuất hiện của mình khiến cậu rối bời, tôi chỉ có thể lặng lẽ ở bên cạnh cậu như thế này thôi.

Chợt nhớ đến những ca khúc của Tề Dự, bài hát khiến tôi cảm động nhất của cô là “Nước mắt lạc đà”.  Lúc trước, tôi cảm động vì câu chuyện tình đẹp mà buồn trong tiểu thuyết cùng tên của Tam Mao. Còn bây giờ, trong đêm sâu cô quạnh, con người mà ngay cả khóc cũng không được khóc ấy khiến tôi không khỏi cảm khái mà nhớ đến ca khúc này, nỗi buồn ngập tràn trong tôi. Con tim trốn chạy, tìm nơi trú ẩn nhưng vô ích, đành ở đó, nhẫn nhịn chống chịu với cơn đau.

“Em mang theo hạnh phúc rượt đuổi nỗi đau. Ra đi có lẽ là cách duy nhất để yêu anh.

Chỉ biết trao đi, em đã không học cách nhận lại. Lãng quên, có lẽ là lời chúc phúc thành tâm nhất ta dành cho nhau.

Đôi mắt ấy dịu dàng từ thuở khai sinh, nhưng ngay cả khóc than cũng chịu sự nguyền rủa, không có nước mắt, làm sao chảy ra cho vơi cạn nỗi cô đơn?

Gió cát mịt mùng, mắt em nhạt nhòa, bước đi xô lệch trong đêm tối. Lạc lối trong sa mạc, trái tim là vì sao Bắc cực, cần mẫn, kiệm lời.

Gió cát mịt mùng, hoang ảo tiếng gọi tình yêu, muốn nhớ lại cũng nhọc nhằn. Hai ta, chẳng dám yêu, không dám hận, để mặc gió cát vô tình cuốn đi dấu chân”.

Trái tim tôi hát lên lời ca này, nước mắt chan hòa, gió đêm thổi tới, tâm can càng thêm giá lạnh. Ra­ji­va, sức ảnh hưởng của cậu mới lớn làm sao, ngay cả hát tôi cũng không dám cất lời, ngay cả khóc cũng không dám khóc thành tiếng. Ra­ji­va, đêm nay cậu không cô đơn, tôi luôn ở bên cạnh cậu, cùng khóc với cậu. Hãy để nước mắt của hai mươi tư năm tuổi đời trong tôi được một lần vì cậu mà khóc cạn. Sau này, chúng ta đừng khóc nữa, hãy để gió cát vô tình cuốn đi dấu chân hai ta từng lưu lại trên sa mạc cuộc đời này.

Tờ mờ sáng cậu ấy mới lặng lẽ quay về với vẻ mệt mỏi, rã rời, tưởng như hồn bay phách lạc. Đêm lạnh như băng, khi tôi đứng lên để đi theo cậu ấy, toàn thân dường như không còn một chút hơi ấm nào.

Mùa hạ qua đi, mùa thu lặng lẽ kéo về.

## 16. Chương 31 - 32

Chương 31: Tôi phải ra đi

Một chiếc bàn gỗ được dưng bên bờ sông TongChang, thân thể Ku­marayana được bọc kín trong những lần vải trắng. Tục lệ an táng của người Khâu Từ là an táng, nhưng vì Ku­marayana là người Ấn Độ, nên ông sẽ được hoả táng theo phong tục của Ấn Độ.

Bạch Thuần cùng các thành viên của hoàng thất, các vương công đại thần xếp thành một hàng dài, tất cả đều mặc y phục màu trắng. Cạnh khung gỗ đặt thi thể Ku­marayana là các nhà sư, do Ra­ji­va dẫn đầu, sư phụ của cậu – Bun­da­hat­ta cũng đến dự, họ ngồi xếp bằng trên sông và cùng tụng niệm.

Pusyse­da vận đồ tang màu trắng, vấn khăng tang, tay cầm đuốc, mắt đỏ hoe, thâm quầng, nét mặt đau thương. Theo phong tục thì con trưởng là người cầm đuốc, nhưng vì Ra­ji­va đã xuất gia, cậu không còn thân phận phàm tục nên việc này được gi­ao cho con út.

Bạch Thuần ra hiệu cho Pusyse­da, cậu đến bên chiếc bàn gỗ, châm lửa lên lớp cỏ khô phủ xung quanh khung đỡ. Chỉ một lát, ngọn lửa bùng cháy nuốt trọn Ku­marayana.

Tiếng kêu khóc thương tâm hoà lẫn tiếng tụng kinh trầm buồn, tạo nên một khung cảnh vừa trang nghiêm vừa thê lương.

Pusyse­da quỳ xuống, hai tay chống đất, đầu cuối thấp, hai vai rung động. Tôi nhìn sang Ra­ji­va, cậu ấy như quên cả tụng niệm, đôi mắt thẫn thờ nhìn người cha đang tan biến dần trong đống lửa, nỗi đau đớn tột độ hiện trên nét mặt khiến tôi không đủ can đảm nhìn cậu ấy. Trong cuốn “Trung Luận” của Bồ Tát Long Thụ mà Ra­ji­va sẽ dịch sang tiếng Hán có đoạn: “Con người, từ nhân quả kiếp trước nên sinh ra trong kiếp này, vì có sinh nên có già cỗi và chết đi, từ già cỗi và chết đi nên sinh ra buồn sầu, đau khổ. Mọi muộn phiền của con người đều từ đó mà ra. Nên biết rằng, sinh tử được tạo ra bởi nghiệp chướng của những kẻ u mê ngu muội”. Vòng luân hồi sinh lão bệnh tử là nghiệp chướng, là nỗi khổ của đời người. Bởi vậy, kẻ sáng suốt phải biết cách “diệt trừ sự mê muội, để diệt trừ nghiệp chướng” Nhưng nếu Ra­ji­va có thể diệt trừ được sự mê muội, thì vì sao đêm đó, cậu ấy lại khóc cha thê thảm đến như vậy?

Tôi lặng nhìn ngọn lửa đó, thầm cầu nguyện: Quốc sư, cầu mong ông sẽ gặp được người mà trọn đời ông thương nhớ. Nỗi lòng của ông, Phật Tổ sẽ thấu hiểu, vì Ngài cũng từng trải qua nổi khổ tương tư dày vò, nhất định Ngài sẽ giúp hai người được đoàn tụ. Cầu chúc hai người hạnh phúc nơi cục lạc…

Nghi lễ an táng kéo dài hơn một giờ. Khi tàn lửa cuối cùng lịm tắt, Pusyse­da cùng người nhà thu lượm hài cốt của cha, rắc xuống sông TongChang. Trái tim tôi như thắt lại khi thấy Pusyse­da ôm bình tro và kêu khóc thống thiết.

Trở về phủ quốc sư, tôi không nói với Pusyse­da về ý định ra đi của mình, vì lúc này cậu đang quá đỗi đau buồn, tôi không nỡ nêu ra chuyện đó. Ra­ji­va không ở lại phủ, mà cùng sư phụ Band­hu­dat­ta trở về chùa Cakra. Trước lúc ra đi, cậu ấy lặng nhìn tôi hồi lâu, tôi không hiểu ánh mắt phức tạp ấy muốn truyền đạt điều gì, thực ra thì tôi cũng không muốn tìm hiểu, vì tôi đã quá mệt mỏi…

Tôi ngồi trong sân nhìn ngắm bầu trời. Trước kia tôi thường băn khoăn, bầu trời 1650 năm về trước chắc hẳn là trong lành và thoáng đãng hơn bầu trời thế kỷ XXI, nhưng cứ ngắm mãi bầu trời ấy có gì thú vị đâu chứ? Bây giờ tôi mới hiểu, không phải bầu trời không có thứ gì đáng để ngắm, mà vì khi trong lòng chất đầy tâm sự, ngắm nhìn bầu trời cao xa vời vợi kia sẽ cảm thấy dễ chịu hơn là ngồi thu mình một chỗ.

- Ngải Tình!

Quay lại đã thấy Pusyse­da đứng trên bậc thềm, cậu ta vẫn mặc áo tang, đôi mắt trũng sâu, khGôn mặt hốc hác, râu ria lúng phúng quanh cằm. Cậu ta trở nên trầm tĩnh hơn trước, chín chắn hơn trước rất nhiều. Người xưa nói không sai, đàn ông trưởng thành hơn vào ngày đưa tang cha.

Hai chúng tôi đã nhiều ngày không trò chuyện với nhau. Pusyse­da bước xuống bậc thềm, đến bên cạnh tôi. Không cười đùa cợt nhã như trước kia, cậu ta chỉ cuối đầu nhìn tôi. Kể từ sau khi trở về phủ quốc sư, cậu ta luôn tỏ ra giữ ý với tôi.

- Ngải Tình, hôm đó...

Cậu ta ngập ngừng, tôi băn khoăn, hôm đó là hôm nào?

- Ý tôi là hôm ở Sub­ash ấy…

Nhớ rồi! Tôi khẽ lắc đầu:

- Chuyện qua lâu rồi, cậu nhắc lại làm gì!

- Tôi chưa bao giờ thô bạo với phụ nữ, nhưng không hiểu sao, với chị, tôi lại không kiềm chế nổi.

- Pusyse­da, nếu cậu vẫn muốn xin lỗi, thì câu trả lời là, tôi đã tha thứ cho cậu từ lâu lắm rồi.

- Vậy còn… chỗ đó…

Cậu ta chỉ tay vào môi tôi, gương mặt ửng đỏ:

- Nghe nói phụ nữ người Hán rất coi trọng tiết hạnh.

Tôi giật mình! Thì ra cậu ta muốn nói đến cái hôn đó. Tôi cười:

- Cái đó… không sao. Cứ xem như bị chó cắn đi…

Thật tình tôi chẳng còn nhớ gì về chuyện đó nữa. Với tôi, đó không phải là một nụ hôn, mà chỉ là một vật thể nào đó áp lên môi tôi mà thôi.

- Chị… mắng tôi là chó ư?

Cậu ta tức giận, nhào đến bên tôi.

- Cẩn thận kẻo bị chó cắn lần nữa đấy!

Tôi né sang một bên, Pusyse­da không rượt đuổi tôi như trước nữa, chỉ đứng đó và cười. Nụ cười hiếm hoi sau gần 2 tháng. Pusyse­da khi cười mới giống con người thật của cậu ấy!

Nhưng nụ cười không kéo được bao lâu đã tắt lịm, đưa mắt nhìn xung quanh, giọng cậu ta trở nên thê thiết:

- Cha ra đi, căn nhà trở nên trống trải lạ thường, quạnh quẽ lạ thường.

Rồi quay lại nhìn tôi ánh mắt dịu dàng, ấm áp.

- May có chị ở đây, khiến tôi thấy vui hơn một chút.

Pusyse­da đưa tay ra định chạm vào má tôi, tôi giật mình lùi lại. Cậu ta hụt hẫng, rụt tay lại.

- Ngải Tình, sau cái đó đó, tôi mới biết mình đã trách oan chị.

Tôi sững người, không hiểu.

Pusyse­da mỉm cười:

- Phản ứng khi đó của chị chắc chắn là của một cô gái trinh nguyên, Pusyse­da nhận ra điều này dựa trên kinh nghiệm dày dặn của mình về phụ nữ.

- Cậu…

Tôi giậm chân.

- Sao cậu cứ nghĩ mãi về chuyện đó thế? Tôi có phải cô gái trinh nguyên hay không thì liên quan gì đến cậu?

- Chị gạt tôi nói rằng chị vừa trở về, đến tận hôm đó tôi mới phát hiện ra chị đã sống cùng anh ta ba tháng rồi. Trai đơn gái chiếc ở cạnh nhau ba tháng trời, dù có là bậc cao tăng đi nữa, anh ta rốt cuộc vẫn là một người đàn ông. Tôi không tin giữa hai người không có chuyện gì. Tôi luôn cảm thấy mình kém cỏi so với anh ta, cha mẹ yêu chiều anh ta, đức vua tôn kính anh ta, người đời sùng bái anh ta. Còn tôi thì sao, tôi chẳng có gì cả. Mọi người chỉ biết tôi là em trai của đại pháp sư Ku­mara­ji­va, có ai biết đến tôi tên là gì, có ai thèm quan tâm tôi đã làm được gì đâu. Chờ đợi mãi mới gặp được cô gái mà tôi thích thì lại bị anh ta cướp mất. Nên, tôi không cam tâm. Chờ mãi chị không về, nên tôi đoán chắc chị đã đến chùa tìm anh ta. Tôi như hoá điên, nên mới hành xử thô bạo như vậy với chị.

Cậu ta cúi đầu, như hồi tưởng lại điều gì, tủm tỉm cười nhìn tôi:

- Nhưng sau khi hôn chị, tôi đã bình tâm trở lại. Tôi thấy mừng, vì chỉ môi chạm môi mà chị đã phản ứng dữ dội như vậy, chắc chắn không thể có gì với anh ta được. tôi vẫn còn cơ hội. Vì dù sao anh ta không thể thành thân, nhưng tôi thì có thể.

Tôi bực mình.

- Cậu thật trẻ con! Chỉ vì đố kị với Ra­ji­va mà cậu biến tôi thành thứ đồ để tranh giành với cậu ấy? Tôi thật không hiểu nổi, làm một người bình thường có gì không tốt? Người thông minh có những phiền não của riêng họ, tiếng tăm càng lừng lẫy, cuộc sống càng mệt mỏi. Cậu muốn trở thành một người bình thường vui vẻ hay trở thành một vĩ nhân bất hạnh?

- Vậy là…

Cậy ta nhìn tôi chăm chú, ánh mắt ắp đầy sự trông đợi.

- Chị muốn chồng mình là một người bình thường ư?

Sao cậu ta lại hỏi vậy? Trống ngực đập thình thịch, một lúc lâu tôi mới lấy lại được ngữ điệu bình thản.

- Pusyse­da, tôi đã liên hệ với đội thương nhân. Năm ngày nữa sẽ xuất phát, họ sẽ cùng tôi đến thành cổ Taqian, sau đó sẽ đi Trường An.

Tôi đã phải trả thêm một khoản tiền để đội thương gia đó nhận lời cùng tôi đến thành cổ Taqian.

- Chị…

Gương mặt Pusyse­da biến sắc, cậu ấy chụp lấy vai tôi.

- Chị vẫn muốn ra đi ư?

- Tôi không có lí do gì để ở lại đây cả.

- Hãy lấy tôi, chị sẽ có lí do để ở lại.

Vậy là đã rõ ý tứ cậu ấy.

- Pusyse­da…

- Chị đừng để bụng việc trước đây tôi qua lại với nhiều phụ nữ, tôi xin thề, từ nay tôi sẽ một lòng một dạ với chị, tôi sẽ chỉ có mình chị mà thôi.

- Pusyse­da…

- Đừng nói với tôi về tuổi tác, vài năm nữa tôi sẽ già hơn chị. Cũng đừng nói với tôi chị không thuộc về nơi này. Trên trời hay Trường An, không có tôi ở đó, chị tìm đâu được niềm vui? Tôi chỉ muốn nghe một câu trả lời: đồng ý hay không đồng ý?

Chưa từng thấy cậu ta nghiêm túc như thế bao giờ. Nếu không phải trái tim tôi từ lâu đã thuộc về người khác, hẳn là tôi sẽ chẳng thể cự tuyệt những lời thổ lộ ấy.

- Pusyse­da, tôi không đồng ý.

Tôi gỡ bàn tay Pusyse­da đang nắm chặt vai mình, bình thản đối diện cậu ta.

- Lý do dGy nhất là: tôi không yêu cậu.

Pusyse­da thoáng chao đảo, nụ cười chán nản hiện trên khoé môi.

- Ngải Tình, chính chị đã dạy cho tôi biết thế nào là yêu. Nhưng khi tôi biết yêu một người, chị lại nói với tôi rằng, chị chưa bao giờ yêu tôi.

- Tôi xin lỗi…

- Đừng nói lời xin lỗi với tôi!

Pusyse­da đột ngột quay lại, túm lấy tay tôi!

- Chị yêu anh ta phải không?

- Tôi…

Tôi không thể thừa nhận, tôi phải giữ gìn danh tiếng cho cậu ấy…

- Đừng giấu nữa! Thời gi­an về đây ngày nào anh ta cũng chăm sóc vết thương cho chị và còn ánh mắt anh ta khi nhìn chị nữa. Chị tưởng tôi không biết chắc?

Pusyse­da kéo tôi lại gần, ánh mắt sắc lẹm dò thám gương mặt tôi.

- Chị thừa biết anh ta chẳng thể cưới chị mà vẫn yêu hay sao?

- Pusyse­da, tôi cũng mong người tôi yêu là cậu. Nếu là một thời điểm khác, ở một nơi khác, chắc hẳn tôi đã yêu cậu. Ở bên cậu tôi thấy rất vui vẻ, cậu mang lại tiếng cười và khiến tôi quên hết nỗi cô đơn, buồn chán.

Tôi không thể tiếp tục phủ nhận. Thật ra thừa nhận hay không có gì khác nhau đâu, cũng đâu thay đổi được gì.

- Nhưng, tình yêu vốn mù quáng, tôi không biết tại sao mình lại yêu cậu ấy. Dù biết sẽ không có kết cục gì, nhưng tôi vẫn chẳng thể kìm chế bản thân. Vậy nên, tôi đã quyết định ra đi.

Pusyse­da buông tôi ra, cất giọng cười lạnh lùng, biểu cảm trên gương mặt phức tạp đến nổi tôi không sao hiểu được.

- Vậy là tôi vẫn chậm hơn anh ta một bước…Một năm qua tôi đã chán ngấy trò chơi tình ái với đám phụ nữ nhạt nhẽo, tôi không có tình cảm thực sự với họ nên những mối quan hệ đó diễn ra chóng vánh, khi giây phút nồng nản qua nhanh, nỗi cô đơn lại trở về, xâm chiếm tâm hồn tôi. Từ lúc ấy, tôi bắt đầu mong chờ ngày chị trở về. Tiên nữ của tôi từng nói rằng, nếu tôi học thuộc lòng “Kinh Thi”, nàng sẽ quay lại. Chị nghĩ rằng mười năm trước tôi đã bắt đầu học thuộc “Kinh Thi” ư? Không đâu, mới từ năm ngoái thôi, tôi muốn thử xem lời chị nói có thật hay không. Kết cuả, sau khi tôi học thuộc cả cuốn “Kinh Thi” ấy, chị đã trở về. Chị không hề thay đổi, vẫn nụ cười ngây ngô, gương mặt thuần khiết của mười năm về trước. Trước kia, cha sốt ruột giục giã tôi thành thân, tôi luôn cao giọng tuyên bố sẽ chỉ kết hôn với cô gái độc nhất vô nhị tự xưa đến nay. Khi đó chỉ vì muốn thể hiện với cha, nên tôi mới thốt ra nhưng lời to tát ấy. Nhưng từ lúc gặp lại chị, tôi đột nhiên nhận ra chị chính là cô gái có một không hai ấy. Vì vậy, tôi muốn giữ chị ở bên mình, tôi muốn được ngắm nhìn tôi mắt trong sáng của chị mãi mãi. Tôi nghĩ lần này tôi đã nhanh hơn anh ta một bước. Nào ngờ cuối cùng vẫn bị anh ta cướp mất chị.

Tôi không phải không mảy may xúc động, nhưng những lời nói của Pusyse­da khiến tôi lo lắng nhiều hơn.

- Pusyse­da, mười năm trước, tôi chỉ sống cùng cậu vẻn vẹn ba tháng và khi đó cậu mới 10 tuổi. Sau mười năm, e rằng hình dáng tôi thế nào cậu cũng chẳng nhớ nổi, nói chị đến chuyện ngày đêm nhung nhớ?

- Tôi nhớ chứ…

Cậu ta đưa tay ra định chạm vào má tôi, nhưng tôi đã kịp lùi lại. Cậu ta không tiến đến, chỉ đứng đó, tưởng tượng ra khuôn mặt tôi trong không gi­an.

- Một năm qua, hình bóng chị luôn hiện lên trong tim tôi, ngày một rõ ràng, sống động. Bởi vậy, khi chị xuất hiện trên phố với bộ dạng ngây ngô đó, tôi đã lập tức nhận ra.

Tôi thở dài, không thể tiếp tục tình trạng này nữa. Tuy rằng không biết vì sao cậu ta đột nhiên nảy sinh tình cảm với tôi, nhưng tôi cũng không muốn tìm hiểu. Chuyện đã như vậy, có tìm hiểu thêm nữa cũng đâu có nghĩa lý gì. Tôi đưa mắt nhìn những cành nho trụi lá trong sân, thở dài.

- Pusyse­da, ngày mai tôi sẽ đến chùa Cakra.

- Để gặp anh ta?

- Đúng vậy, nhưng là để chào từ biệt, đừng lo, sẽ không xảy ra bất cứ chuyện gì giữa chúng tôi đâu.

Tôi cười cay đắng.

- Tôi và Ra­ji­va đều rất tự trọng…

Tôi tháo chuỗi ngọc hình sư tử xuống, đưa cho Pusyse­da.

- Hãy tặng cho người con gái sau này cậG yêu.

Cậu ta lặng lẽ nhìn viên ngọc, không đón lấy, cũng không trả lời, một lúc sau mới lên tiếng

- Nó vốn là của chị mà!

Cậu ta bắt chước tôi ngó lên trời. Ánh chiều tà đổ bóng lên thân người cao lớn ấy, sáng lạn, rực rỡ.

Chương 32: Làm sao sống được mà không yêu

Mava­su đã rất kinh ngạc khi mở cổng và thấy tôi. Sau lễ tang Ku­marayana ông đã theo Ra­ji­va quay lại Sub­ash. Người nô bộc rất mực trung thành này đã chăm sóc cha con Ra­ji­va và cả tôi nữa, hết mực ân cần tận tuỵ. Tôi mỉm cười với ông, nói rằng tôi tới để từ biệt và nhờ ông tới chùa thông báo với Ra­ji­va.

Mava­su quay về cùng với Ra­ji­va. Bây giờ còn chưa đến giờ tụng kinh buổi chiều, vậy là cậu ấy lại trốn việc rồi!

Khi Ra­ji­va bước chân qGa cánh cổng, cậu ấy bị vấp vào bậc cửa, lúc đó tôi đang đứng ngoài cửa phòng nên đã thấy cả. Một bậc cao tăng đại đức, mọi cử chỉ thường ngày vốn rất từ tốn nho nhã vậy mà cũng có lúc vấp chân vào bậc cửa suýt ngã, tôi bật cười.

Thấy tôi cười cậu ấy có vẻ hốt hoảng, dừng bước trấn tĩnh, chỉ một lát đã lấy lại được phong thái ung dung đĩnh đạc thường thấy, chậm rãi tiến về phía tôi.

- Vì sao không chờ kết thúc buổi tụng kinh buổi tối hãy về?

Cậu ấy sững người, gương mặt ửng đỏ, lặng yên không đáp, ánh mắt trôi về phía xa xôi.

- Ra­ji­va, cậu là trụ trì của một ngôi chùa lớn, cậu không thể tuỳ ý vi phạm giới luật như khi còn nhỏ được.

Tôi nghiêm mặt, nói với cậu ấy bằng giọng điệu lên lớp của cô giáo năm xưa.

- Cậu về chùa đi, hết giờ tụng kinh buổi tối hãy quay lại.

Ngừng một lát, tôi nói tiếp:

- Tôi có chuyện muốn nói.

- Chuyện ra đi ư?

Tôi hơi ngạc nhiên, rồi thì gật đầu. Cậu ấy thông minh tuyệt đỉnh như vậy lẽ nào không đoán ra được.

- Nếu vậy, buổi tối Ra­ji­va sẽ quay lại.

Giọng nói điềm tĩnh, không mảy may xao động. Cậu ấy khẽ cúi người, xoay lưng bước đi. Nhưng khi đi qua bậc cửa, không hiểu sao lại bị vấp một lần nữa. Nhưng lần này, tôi chẳng cười nổi.

Mùa thu, màn đêm buông xuống nhanh hơn. Mặt trời vừa khuất núi, gió đã se se lạnh trong không gi­an, sương đêm buốt giá. Tôi ngồi bên cửa sổ, ánh mắt đổ dồn về phía cánh cổng, Ra­ji­va xuất hiện, tôi chăm chú quan sát bước chân của cậu ấy. Tốt rồi, lần này không bị vấp nữa.

Cậu ấy bước vào phòng, vừa thấy tôi bèn cất giọng trầm ấm:

- Trời về khuya lạnh lắm, cô mặc thêm áo vào cho ấm.

Mũi tôi cay cay, nước mắt chỉ trực trào ra. Tôi hít một hơi dài che đi thanh âm đang nghẹn ngào nơi cổ họng:

- Đúng vậy, tôi cảm lạnh mất…

- Cô không biết quý trọng sức khoẻ gì cả, ngày mai tôi sẽ mời thấy thuốc đến khám xem sao.

Ánh mắt Ra­ji­va di chuyển đến cánh tay bị thương của tôi.

- Mấy ngày nay vẫn bôi thuốc đều đặn chứ?

Hơn một tháng ở phủ quốc sư, Ra­ji­va không tự mình đến băng bó cho tôi nhưng hằng ngày vẫn có một a hoàn đến giúp tôi. Và dù bận bịu chăm sóc cha, cậu ấy vẫn ngày ngày đều đặn đến thăm tôi và dặn dò tôi không được động vào vết thương khi đã ăn da non. Sự chăm sóc ân cần kéo dài đến tận khi cậu ấy rời phủ.

- Không cần đâu!

Ra­ji­va đừng chăm chút tôi như vậy, tôi không dám nhận. Tôi cắn chặt môi, cố gắng giữ cho giọng nói của mình thật bình thản.

- Ngày mai tôi sẽ trở về thành Khâu Từ. Tôi đã liên hệ được với đội thương nhân, chúng tôi sẽ nhanh chóng lên đường đi Trường An.

Cậu ấy không lên tiếng, ánh mắt lại trôi xa, một lúc lâu mới quay lại nhìn tôi, chậm rãi nói:

- Cô vẫn muốn đến thăm thành cổ Taqian kia mà! Ra­ji­va vừa quyết định tới Yark­land học đạo, trên đường sẽ đi ngang qua đó…

- Ra­ji­va!

Tôi ngắt lời cậu ấy, chỉ muốn ngay lập tức đẩy những ẩn ức dồn nén, chất đầy trong lòng ra bên ngoài.

- Cậu vẫn không hiểu sao? Tôi ra đi vì không muốn tiếp tục ở bên cậu nữa.

Ánh mắt Ra­ji­va đột ngột tối sầm, hàng mi dài rũ xuống, một tiếng cười chua chát bật lên:

- Ra là vậy

Cậu ấy nghiêng đầu, hít một hơi thật sâu, khe khẽ cất tiếng:

- Vậy thì để Pusyse­da chăm sóc cho cô. Cậu ấy tuy nóng nảy nhưng thật lòng với cô...

- Ra­ji­va!

Tôi không kềm chế nổi nữa, cậu ấy thông minh như vậy, nhưng vì sao đến giờ vẫn không hiểu ra?

- Thế nghĩa là sao? Nhường tôi cho em trai cậu ư? Bởi vì Pusyse­da có thể danh chính ngôn thuận ở bên cạnh tôi ư? Ra­ji­va, tôi không cần ai chăm sóc cả, tôi...

- Ngải Tình..

Ra­ji­va đột nhiên ngẩng lên, ánh nhìn sắc lẹm bừng lên trong đôi mắt màu xám nhạt long lanh ấy.

- Phải thế nào mới chịu ở lại?

Tôi mở miệng nhưng không thốt được nên lời, nước mắt lăn dài trên má.

- Tôi...

Lại mở miệng, nhưng vẫn chưa thể bật ra một câu nói hoàn chỉnh.

- Tôi...

Tôi quay đi. Tôi không muốn cậu ấy thấy tôi khóc, nhưng không hiểu sao tôi không kềm chế nổi. Tôi làm sao kềm chế nổi.

- Ngải Tình...

Giọng nói khẽ khàng, nhẹ như hơi thở, cánh tay dài gầy guộc vươn đến với tôi. Tôi nhắm mắt lại. Ngã mình vào vòng tay đang run rẩy của Ra­ji­va.

Khoảnh khắc chạm vào khuôn ngực của cậu ấy, một tiếng nói mơ hồ, bồng bềnh trôi trên đỉnh đầu tôi:

- Mười năm chờ đợi chẳng lẽ chỉ đổi được vài tháng ngắn ngủi bên nhau?

Tôi không khống chế nổi mình, đã bật khóc thảm thiết. Ra­ji­va, Ra­ji­va, vì sao người tôi yêu lại là cậu? Vì sao chúng ta yêu nhau lại không thể ở bên nhau? Vì sao khi ấy tôi lại đồng ý tham gia vào dự án vượt thời gi­an ngu ngốc này?

Trong vòng tay cậu ấy, tôi đã khóc triền miên, khóc nhiều đến nghiêng ngả cả đất trời, khóc ướt đẫm vai áo của người ấy. Hơi ấm của Ra­ji­va qua làn vải mỏng ấy khiến má tôi bỏng rát. Ước gì vòng tay ấm áp này là nơi tôi có thể nương tựa vào bất cứ khi nào.

- Ngải Tình...

Cậu ấy khẽ đẩy tôi ra, nhìn sâu vào mắt tôi. Hai hàng lệ đổ dài trên gương mặt hao gầy, đọng lại thành những giọt trĩu nặng nơi chiếc cằm nhọn, lún phún sắc xanh, rồi nhỏ xuống chiếc áo cà sa màu nâu sòng. Nước mắt vỡ òa, thấm trên làn vải mỏng, tạo thành hình những bông hoa nhỏ sẫm màu.

- Đây là lần đầu tiên trong đời Ra­ji­va khóc. Lần đầu khóc vì mẹ, nhờ có cô mà tôi biết được lúc đau khổ có ai đó ở bên cạnh thật dễ chịu biết bao. Lần thứ hai vào buổi tối ngày cha mất, một mình Ra­ji­va lặng lẽ chạy ra ngoại thành để khóc. Khi ấy tôi đã mong có cô ở bên cạnh biết nhường nào.

- Tôi ở đó...

Tôi đã khóc không thành tiếng, ngước nhìn cậu ấy bằng đôi mắt ướt nhòe.

- Tôi đã đến đó, đến rất gần cậu và chờ đợi đến tận bình minh ngày hôm saG khi cậu quay về.

Ra­ji­va siết tôi trong vòng tay thật chặt, không giống như trước đó. Cánh tay cậu ấy ngày một mạnh mẽ hơn, như muốn hòa tan tôi trong lồng ngực cậu ấy vậy. Vòng tay cuồng nhiệt khiến tôi chới với. Tôi vòng tay ôm lấy bờ vai gầy guộc của cậu ấy. Ra­ji­va khẽ rùng mình, đột nhiên đẩy tôi ra.

- Ngải Tình, Ra­ji­va chưa bao giờ thấy vui vẻ như trong ba tháng qua. Cứ nghĩ đến thời khắc cuối ngày được trở về gặp cô, tôi ngày ngày mong chờ giờ tụng kinh buổi tối.

- Ra­ji­va...

Tôi như mê đi trong ánh mắt đám đuối của cậu ấy.

- Tôi cũng vậy, ngày nào cũng mong ngóng cậu trở về...

- Tôi muốn...

Ra­ji­va ngập ngừng. Ánh mắt khóa chặt đôi mắt tôi. Mỗi tiếng thốt ra như có sức nặng nghìn cân.

- Ra­ji­va từ lâu đã muốn...

Tôi nhìn Ra­ji­va, chớp mắt, hít một hơi thật sâu, chờ đợi. Cậu ấy ngập ngừng rất lâu, cứ khẽ mở miệng lại mím chặt môi lại, không sao cất nổi dù một tiếng.

- Ra­ji­va...

Tôi khẽ gọi, mắt nhìn sâu vào hai vực nước hun hút của cậu ấy.

- Cậu muốn nói gì?

- Muốn... hôn... nàng, được không?

Cậu ấy nói ra rồi, tuy giọng còn run run nhưng mỗi chữ thốt ra là cả một nỗ lực dời non lấp bể. Gương mặt bừng bừng như thiêu đốt, đôi mắt như hai vực nước trong suốt, sâu hun hút ấy gắn chặt lấy tôi, như chờ đợi. Trái tim tôi lại chịu thử thách, nước mắt tuôn trào. Ôi người đàn ông này mới thuần khiết làm sao, đến bây giờ vẫn còn hỏi tôi có được hay không.

- Không được.

Tôi cố gắng hít một hơi thật sâu, nhẹ nhàng đáp lại.

- Chàng không thể phá giới.

Ra­ji­va giật mình, cánh tay khi nãy vẫn siết chặt hai vai tôi khẽ buông và quay mặt đi. Một nỗi thất vọng, buồn tủi đày đọa gương mặt chàng.

Đó là sắc diện luôn khiến trái tim tôi quặn thắt.

- Nhưng, em có thể hôn chàng...

Tôi kiễng chân, vòng tay lên níu lấy chiếc cổ thiên nga của chàng, khẽ đặt môi lên bờ môi mỏng manh của chàng. Từ khoảng cách gần trong gang tấc ấy, đôi mắt to của chàng trùm lên tôi tựa hai vực nước sâu vô tận hút tôi vào bên trong. Hàng lông mày dài thanh tú khẽ rung động, đẹp như thần tiên. Môi chàng rất mềm. Khoảnh khắc chạm vào đôi môi ấy như có một luồng điện lan tỏa khắp cơ thể tôi.

Ra­ji­va khẽ rùng mình, đôi mắt vẫn mở to, đáy mắt hắt lên một tia kinh ngạc, tiếp theo đó là niềm vui rạng rỡ. Tôi nhắm mắt lại, cảm nhận sự ngọt ngào của đôi môi chàng bằng trái tim. Thì ra nụ hôn tuyệt vời đến như vậy! Trước đó, với Pusyse­da không thể gọi là hôn. Đây mới là nụ hôn thực sự của tôi. Nụ hôn mà suốt đời tôi sẽ không thể nào quên.

Ra­ji­va chỉ đứng yên lặng, để mặc tôi gắn môi mình lên làn môi mềm mượt của chàng. Khi tôi đánh liều dùng đầu lưỡi liếm nhẹ trên bờ môi vẫn đang mím chặt của chàng, Ra­ji­va kinh ngạc, khẽ kêu lên một tiếng, đôi môi hé mở. Chỉ nửa giây đắn đo, đầu lưỡi tôi nhẹ nhàng vân du vào bên trong, chạm vào đầu lưỡi ngọt và ấm của chàng. Chàng vẫn đứng yên, không động đậy, nhưng hơi thở bỗng trở nên gấp gáp. Lúc chạm phải đầu lưỡi tôi, chàng đột ngột ôm chặt lấy eo tôi, đầu cuối thấp, thân người đổ về phía trước, chủ động đẩy cao đầu lưỡi cuốn lấy tôi. Chúng tôi mê man đuổi bắt nhau, cuốn lấy nhau, quấn quít bên nhau. Trời sập thì đã sao, đất lở thì đã sao?! Giữa đất trời này, chỉ có tôi và chàng, người đàn ông và người phụ nữ...

Lúc tách nhau ra, hai chúng tôi cùng thở hổn hển, nhìn vào mắt nhau và cười...

- Chàng nhớ nhé, chàng bị em ép buộc, em chính là người dụ dỗ chàng phá giới, vì vậy, em sẽ gánh chịu mọi tội lỗi. Chàng không có tội gì cả. Dù phải sa xuống bất cứ tầng địa ngục nào, Ngải Tình cũng không sợ...

- Ngải Tình...

Một tay chàng giữ chặt eo tôi, một tay khẽ đặt lên má tôi, chàng dịu dàng vuốt ve gương mặt tôi. Bàn tay với những ngón dài, thon gầy ấy chạm đến đâu là làm cho gương mặt tôi bừng sáng đến đó.

- Ra­ji­va đã phá giới từ lâu rồi...

Chàng khẽ cất tiếng, cọ trán chàng vào trán tôi.

- Ghen tị với em trai, phạm phải giới luật đố kỵ. Luôn mơ tưởng đến nàng, phạm phải giới luật tư dâm. Ở bên nàng lại khao khát được chạm vào nàng, phạm phải giới luật khát khao dục vọng. Ngải Tình, mười năm trước, mười năm qua, Ra­ji­va đã luôn phá giới.

Chàng xoay người tôi lại, để mắt tôi nhìn vào mắt chàng. Vẻ dịu dàng trong đôi mắt ấy khiến tôi như mềm đi.

- Bởi vậy, ta mới đáng bị đẩy xuống địa ngục, chứ không phải nàng...

- Ra­ji­va...

Tôi áp mình vào ngực chàng.

- Chàng không có tội gì cả. Chính em đã quyến rũ chàng. Em giống như yêu nữ từng cuyến rủ Phật tổ năm xưa. Khi chàng tỉnh cơn mơ, em sẽ tan theo mây khói.

Ngón tay chàng đặt trên miệng tôi, ngăn tôi nói tiếp. Tôi ngước nhìn đôi mắt long lanh, tinh khôi như hồ nước thu. Giọng chàng êm như lụa, thoảng bên tai:

- Không đâu, nàng không như vậy...

Chàng nhìn tôi, ngập ngừng, do dự, đắn đo.

- Nàng…

Hít một hơi thật sâu giọng chàng nhẹ bẫng như làn gió.

- Nàng… có muốn Ra­ji­va hoàn tục không?

- Không!

Tôi hoảng sợ, rời khỏi vòng tay chàng. Hiện thực nghiệt ngã đã ùa về.

- Chàng không thể!

- Ra­ji­va, sau này chàng sẽ có được những thành tựu lớn lao, chàng sẽ đến Trung Nguyên truyền bá Đạo Phật và giúp cho đạo Phật ở Trung nguyên phát triển rực rỡ.

Tôi đăm đăm nhìn chàng, giọng nói không biết từ lúc nào trở nên quá đỗi bi ai:

- Bởi vậy, chàng không thể hoàn tục. Nếu chàng làm vậy, em không thể tưởng tượng nổi hậu quả sẽ ra sao, em sẽ hoá điên mất! Và cả đời này em sẽ không thể tha thứ ình. Ra­ji­va, số mệnh của chàng đã được định đoạt, không thể nào thay đổi…

Tôi nghẹn ngào, tôi biết vận mệnh của chàng, tôi không thể thay đổi vận mệnh đó, vậy còn vận mệnh của tôi thì sao? Lẽ ra, tôi sẽ không bao giờ chạm được vào chàng, nhưng dự án vượt thời gi­an này đã thay đổi số mệnh của tôi. Ai mà biết được rồi số mệnh của tôi sẽ đi về đâu…

Chàng thở dài, kéo tôi vào lòng.

- Ngải Tình, Phật tổ đã cử nàng đến bên ta phải không? Nàng là tiên nữ, nên nàng biết tương lai của ta phải không?

- Ra­ji­va, em không biết phải giải thích như thế nào với chàng về sự xuất hiện của em, nhưng những gì em nói đều là sự thật. Hãy hứa với em, cả đời này chàng sẽ không hoàn tục. Xin đừng qGên lý tưởng lớn lao của chàng: Hãy đưa Đạo Phật đến Trung nguyên để cứu rỗi biết bao con người đang đắm chìm trong bể khổ.

Chảng xiết chặt tôi hơn, khuôn ngực phập phồng, hồi lâu mới cất lời:

- Được, ta hứa với nàng, nàng muốn ta đến Trung nguyên truyền bá đạo Phật, ta nhất định sẽ đi.

Chàng ngập ngừng, lấy giọng, câu hỏi xen trong nỗi ngẹn ngào trôi đến bên tai tôi:

- Nhưng, nàng vẫn phải ra đi ư?

- Ra­ji­va, chàng từng nói, mọi thứ đều không tồn tại kia mà! Em chỉ là một ảo ảnh, em không tồn tại thực sự, em sẽ nhanh chóng biến mất. Sau này, chỉ cần chàng cố gắng, chàng nhất định sẽ quên được em…

- Chúng sinh trong cõi phàm trần ai nấy đều bị ràng buộc bởi thế giới vật chất và tinh thần mà chẳng thể thanh thản.

Chàng nhẹ nhàng buông tôi ra, xoay lưng, hướng ánh mắt ra ngoài cửa sổ, ngọn đèn dầu buổi chiều muộn không che nổi nét cô đơn trong đáy mắt.

Ra­ji­va đắm chìm trong cõi trần ai, biết bao điều ràng buộc, làm sao có thể an nhiên tự tại?

Mọi ân oán đời này

Đều vô thường chóng phai

Cõi thế nhiều khổ não

Đời người như sương mai

Vì yêu nên sợ hãi

Vì yêu nên ưu phiền

Kẻ nào lià chữ “ái”

Tâm mới được an nhiên.

Tôi khẽ nhẩm đọc những câu thơ trong tiểu thuyết “Phi hồ ngoại truyện” mà Viên Tử Y đọc cho Hồ Phỉ nghe trước khi ra đi, đây cũng chính là những câu kệ trong kinh văn Phật giáo (cuốn “Phật thuyết diệu sắc vương nhân duyên kinh”).

Từng câu từng chữ lúc này như cứa vào tim gan tôi.

- Ra­ji­va, lìa xa ái tình, sẽ không còn ưu sầu khổ não nữa…

- Nếu nói quên là sẽ quên được thì đâu còn là “vì yêu nên sợ hãi, vì yêu nên ưu phiền” nữa.

Ra­ji­va khép mắt, giọt nước mắt sau cùng nhỏ xuống.

- Ý trời không thể trái. Nếu đã vậy ta trả nàng về cõi trời…

Đêm đó, không sao chợp mắt được, chúng tôi nương tựa vào nhau, truyền hơi ấm cho nhau. Trời trở sáng sẽ là thời khắc li biệt, giá như thời khắc ấy đừng bao giờ đến.

- Ra­ji­va…

- Ừm…

- Đến giờ tụng kinh buổi sáng rồi…

- Hết một đêm rồi ư? Sao thời gi­an trôi nhanh đến vậy?

- Hôm nay sự phụ lên đường về Jab­Gl, ta phải đi tiễn người, sau đó sẽ tới Yarkand. Các tăng sỹ ở đó đã nhiều lần mời ta đến thuyết giảng về giáo lý Đại Thừa…

- Ừm…

- Vì vậy, ta không thể tiễn nàng…

- Ừm…

- Ngải Tình, liệu ta có được gặp lại nàng không…?

- Em không biết.

- Ngải Tình, hôm nay ta đã hôn nàng, vì vậy, tội nghiệt của chúng ta là như nhau. Ra­ji­va thân là bậc tăng nhân, thờ Phật, nhưng đã phá giới, ta đáng bị đày xuống địa ngục đại tiêu nhiệt…

- Vâng, vậy em sẽ tới đó tìm chàng…

## 17. Chương 33 - 34

Chương 33: Ai nợ Ai?

Tỉnh dậy, thấy Pusyse­da đang ngồi trước mặt, ánh mắt đăm chiêu, chăm chú quan sát gương mặt tôi. Tôi lẳng lặng đứng lên. Hôm nay là ngày cuối của tôi ở Khâu Từ, sắp xếp đồ đạc xong xuôi, nhét chặt hai chiếc balô North­face, lát nữa tôi sẽ đến điểm hẹn để gia nhập đoàn thương nhân.

Khoác áo lên người, tôi đưa tay xuống dưới gối, không thấy gì cả. Kéo gối ra, cũng không thấy. Nhìn quanh xem có rơi đâu đó không, vẫn không thấy. Đâu rồi nhỉ?

- Đừng tìm nữa.

Giọng nói đượm vẻ mệt mỏi của Pusyse­da cất lên:

- Tôi giấu đi rồi.

- Cậu…

Tôi nổi giận:

- Sao cậu làm vậy? Trả lại cho tôi.

- Không có cái vòng bự tướng ấy, chị sẽ không bay được lên trời.

- Cậu!

Việc đó mà cậu ta cũng nghĩ ra, thật liều lĩnh!

- Trả chiếc đồng hồ, à không, trả chiếc vòng lại cho tôi. Nếu cậu bất cẩn ấn vào nút đó, hậu quả khôn lường.

- Hậu quả ư?

Cậu ta cười mỉa, thái độ bất cần.

- Hậu quả là tôi sẽ bay lên trời ư?

- Không.

Không có áo chống tia phóng xạ, cậu ta chẳng thể bay đi đâu.

- Khi đó sẽ có một luồng ánh sáng cực mạnh, nếu bị chiếu vào, chỉ vài ngày sau, thân thể cậu sẽ tan rữa, cạn máu mà chết.

Tôi tưởng tượng ra hậu quả khủng khiếp ấy để doạ cậu ta.

- Được thôi, tôi sẽ không động vào bất cứ thứ gì. Nhưng, cái vòng đó, tôi sẽ giữ.

Pusyse­da tỏ ra không biết sợ hãi là gì, thản nhiên đứng lên, cười với tôi.

- Nếu chị cho rằng vào phòng tôi có thể tìm thấy chiếc vòng thì xin mời tự nhiên!

- Pusyse­da, cậu muốn gì?

Tôi mệt mỏi tựa vào thành giường, sao cậu ta cứ gây chuyện vào lúc tâm tư tôi rối bời thế này?

- Muốn gì chị còn không hiểu hay sao?

Cậu ta sáp lại gần tôi, đấy mắt vằn lên những tia đỏ.

- Tôi biết bây giờ chị vẫn chưa yêu tôi, nên tôi phải tận dụng thời gi­an.

Tôi cắn môi, nghiêng đầu đi, không muốn nhìn cậu ấy.

- Vô ích thôi.

- Cứ mặc tôi!

Cậu ta đột nhiên nổi đoá, cáu gắt:

- Dậy mau, đến giờ phải đi rồi!

- Đi đâu?

- Thành cổ Taqian. Tôi và các anh em sẽ đưa chị đến đó.

Tôi gần như bị cậu ta nhấc lên xe. Không muốn nhưng tôi không lại được với sức mạnh của cậu ta, chỉ đành ngậm đắng nuốt cay ngồi yên trong xe. Pusyse­da cùng bốn người bạn trong đội cấm vệ quân hộ tống tôi ra khỏi thành Khâu Từ.

Cỗ xe lắc lư, tôi thẫn thở, cảm giác có thứ gì đó đang dồn tụ trong lòng, muốn đẩy ra không đẩy được, muốn nuốt vào không nuốt được. Sáng sớm hôm qua, tôi đứng nép vào một góc tường cách cổng chùa không xa, lén dõi theo cậu ấy. Rất nhiều người đã đến tiễn Bun­da­hat­ta, người dân trong thành Sub­ash cũng kéo đến rất đông, cả biển người nhấp nhô, chen chúc, kín hết khoảng không gi­an trước cổng chùa. Tôi không thấy Ra­ji­va đâu cả. Mải đến khi cậu ấy lên lưng lạc đà, tôi mới vội đưa tay xoa nhẹ chiếc cổ đã tê dại vì mỏi của mình và dặn lòng không được chớy mắt. Cách nhau cả biển người mênh mông, nhưng tôi vẫn có thể cảm nhận được nổi cô đơn trong mắt cậu ấy. Lúc Ra­ji­va đưa tay lên, để lộ chuỗi hạt bằng gỗ đàn hương đã sờn bạc, tôi bất giác nắm chặt vành khăn lụa Ata­la choàng trên cổ. Lục lạc vang lên lanh canh, Ra­ji­va dõi mắt kiếm tìm, nhưng vô vọng, cậu ấy cúi đầu, xoay người bước đi. Đoàn người dằng dặc nối nhau với những chiếc áo cà sa màu nâu sòng chầm chậm trôi xa, rồi mất hút ở một khúc quanh nơi hẻm núi Thiên Sơn heo hút. Tôi không nén nổi nước mắt.

Xe ngựa lắc lư, nghiêng ngả. Tôi mê man, đắm chìm trong từng khoảnh khắc của hồi ức, cho đến khi Pusyse­da thông báo đoàn xe phải dừng lại để dựng trại. Tôi phớt lờ sự tức giận trào lên trong sóng mắt Pusyse­da, ăn uống qua loa, rồi nhanh chóng rút về lán trại của mình.

Cậu ta bướng bỉnh đi theo, tôi lẳng lặng xoay lưng lại, nằm xuống ngủ, xem cậu ta như không khí. Pusyse­da thở dài, buồn bã, bước ra.

Chúng tôi đến Ta­ian lúc chiều muộn ngày hôm sau, hoàng hôn đổ dài trên những bức tường loang lổ. Chứng kiến khung cảnh tiêu điều ấy, nỗi buồn như thuỷ triều dâng lên xâm chiếm. Tôi chưa bao giờ cảm thấy chán nản với công việc như lúc này. Đột nhiên băn khoăn, liệu việc tiến hành khảo sát, đo đạt, xác định vị trí của một thành trì đã hoang tàn sau gần hai nghìn năm bể bãi nương dâu có thực sự ý nghĩa hay không? Con người luôn vội vã tiến về phía trước, mọi thứ trong thế kỷ XXI thay đổi chỉ trong tích tắc, liệu ai có đủ kiên nhẫn dừng bước để chiêm nghiệm những thứ đã thuộc về quá khứ?

Ra­ji­va cũng vậy, ngoài những nhà nghiên cứu về Phật giáo và lịch sử, thử hỏi có bao nhiêu người biết đến sự tồn tại của cậu ấy? Hoạt hình Nhật Bản đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của giới trẻ, nhưng thử hỏi có bao nhiêu bạn trẻ biết rằng, các nhân vật quen thuộc với tên gọi thường khiến chúng ta níu lưỡi khi đọc như:

Asura, Drag­on, Yak­sha, Gand­har­va, Garu­da, Kin­na­va, … đều là thành quả dịch thuật của Ra­ji­va?

Tôi uể oải lôi đồ nghề ra, mặc lòng có thích hay không, lúc này tôi phải làm một việc gì đó mới được. Nếu không, đầu óc tôi sẽ nổ tung vì những suy nghĩ chất ngất, hỗn độn mất! Lúc đầu tôi một mực từ chối sự giúp đỡ của Pusyse­da, nhưng cậu ta nằng nặc giằng lấy thước cuộn nên tôi đành để mặc cho cậu ta giúp.

Buổi tối, chúng tôi dựng trại trên nền đất cũ hoang tàn, đổ nát của thành phố cổ. Ngồi bên đống lửa gặm bánh nướng Khâu Từ trệu trạo nhai, nuốt từng miếng, tôi nhanh chóng “bỏ cuộc”, đưa mắt về phía toà thành hoang phế trong đêm u tịch. Không biết giờ này cậu ấy đang ở đâu? Có đang ngồi trước đống lửa và bận lòng về “ai đó” như tôi không? Còn nhớ lần đầu tiên gặp Ra­ji­va, cũng vào một đêm tháng 10 giữa sa mạc mênh mông hoang vu. Khi ấy cậu vẫn là một thiếu niên, đôi mắt long lanh, chăm chú nhìn tôi đầy vẻ hiếu kỳ.

- Chị đang nghĩ gì thế?

Một cốc nước được đẩy đến trước mặt tôi, ánh lửa bập bùng trong mắt Pusyse­da, cậu ta giống Ra­ji­va quá!

Tôi đón lấy cốc nước, áp tay vào sưởi ấm.

- Nơi đây từng là Đô hộ phủ của Ban Siêu tại Tây Vực, 16 năm chinh chiến của cha con Ban Siêu đã làm thay đổi lịch sử Tây vực và cả lịch sử Khâu Từ.

Pusyse­da ngồi xuống bên cạnh tôi, hướng mắt vào đống lửa.

- Kể cho tôi nghe về ông ấy đi.

- Tôi rất ngưỡng mộ Ban Siêu. Cha ông là Ban Bưu, anh trai là Ban Cố, em gái là Ban Chiêu, họ đều là những nhà sử học và nhà văn nổi tiếng thời Hán. Bản thân ông lúc đầu cũng theo nghiệp văn chương nhưng sau đó đã bỏ bút để cầm gươm.

Tôi nhấy một ngụm nước, hồi tưởng lại gia đoạn lịch sử hào hùng ấy.

- Hán Vũ Đế hạ lệnh cho Trương Khiên “khai thông” Tây vực, thi hành chính sách kết gi­ao hoà hảo, chỉ cần các tiểu quốc Tây vực thuận theo nhà Hán, không những không phải cống nạp, mà còn được Hán triều ban thưởng và cấp cho các kỹ thuật tiên tiến của Trung Nguyên. Thái độ cầu hoà này khác hẳn với chính sách xâm chiếm tàn bạo của quân Hung Nô đối với Tây vực. Bởi vậy, trong một thời gi­an dài, Tây vực đã hoàn toàn quy thuận triều Hán, khiến quân Hung Nô vô cùng tức tối. Nhưng đến cuối đời Hán, Vương Mãng soán ngôi, thiên hạ đại loạn, quân Hung Nô được dịp ngóc đầu dậy, khống chế toàn bộ Tây vực. Đến khi Minh Đế, con trai của Quang Vũ Đế lên ngôi mới phải Đậu Cố điều binh tấn công quân Hung Nô ở phía Bắc. Từ đó, lịch sử đã viết những trang hào hùng về cuộc đời người anh hùng Ban Siêu.

Thành quách tiêu điều ủ mình trong gió thu se sắt là chứng tích của những tháng năm huy hoàng ấy. Ban Siêu cùng với đội quân 36 người của mình đã chiến đấu và tiêu diệt 130 tên địch, từ chiến thắng đó, người đời mới có câu ngạn ngữ “không vào hang cọp làm sao bắt được cọp con”. Khi Hán Chương Đế quyết định từ bỏ tây vực và hạ chiếu triệu hồi Ban Siêu về Trung Nguyên, ông đã kháng chỉ và cùng các tộc người Tây vực kiên trì trấn giữ Salaq suốt năm năm trời. Số binh lính người Hán dưới quyền chỉ huy của ông không nhiều, nhưng ông đã thuần phục được các tiểu quốc Tây vực bằng nhân cách và tài trí của mình.

Sau rất nhiều nỗ lực của cha con Ban Siêu, Khâu Từ đã quy thuận nhà Hán. Vương triều nhà Bạch do Ban Siêu dưng lên đã cai quản Khâu Từ gần tám trăm năm. Nhưng đến thời kì này, Khâu Từ không còn nghe theo hiệu lệnh của Trung Nguyên nữa, nên mới dấy lên cơn binh biến, để rồi mười một năm sau, Ra­ji­va sẽ phải đối diện với bước ngoặt lớn trong cuộc đời.

Trái tim như vỡ ra, rỉ máu, cảnh sắc trước mắt như cũng nhuốm một màu sẫm đỏ. Tôi nhắm mắt lại.

- Sao chị không kể tiếp?

- Cậu là người khâu Từ kia mà, sao lại không hay biết về gi­ai đoạn lịch sử này?

Mở mắt ra, sắc đỏ biến mất, chỉ thấy đôi mắt Pusyse­da long lanh, dò xét. Tôi cười buồn.

- Tôi không sao, không cần nghĩ cách làm thay đổi tâm trạng của tôi đâu.

Cậy ấy mỉm cười, rồi yên lặng.

- Quan hệ giữa cậu và Bạch Chấn thế nào?

Cậu ta nheo mày.

- Vẫn ổn, sao chị hỏi chuyện này?

Tôi do dự nhưng rồi vẫn quyết định nói ra:

- Cậu đừng làm quân nhân nữa, được không?

Pusyse­da tỏ ra kinh ngạc, nhìn tôi đầy nghi hoặc.

- Có thể cậu cho rằng lời nói của tôi là hàm hồ, nhưng hãy tin tôi, những gì tôi nói đều là sự thật.

Tôi nhìn thẳng vào mắt cậu ta, chậm rãi buông từng tiếng:

- Ngày sau, Khâu Từ sẽ trải qua biến cố rất lớn, gia nhập quân đội sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Hãy kết thân với Bạch Chấn, người đó rất có thể sẽ là chỗ dựa của cậu trong tương lai.

Pusyse­da dường như quá đỗi kinh ngạc, trầm ngâm hồi lâu. Lúc sau mới nhếch môi cười rất khó khăn:

- Không ngờ, chị cũng đã tiết lộ cho tôi biết trước tương lai của mình.

Chưa hết ngạc nhiên, bàn tay tôi đã bị cậu ta nắm chặt, giọng nói dịu dàng đến bất ngờ.

- Ở lại bên tôi, cùng tôi vượt qua gi­ai đoạn khó khăn mà chị vừa nói, được không?

Cậu ta đặt tay tôi vào lòng mình.

- Chị là tiên nữ giàu lòng từ bi, chắc sẽ không để mặc tôi chịu khổ, đúng không?

Tôi gượng gạo vùng thoát, chạm phải vết thương, không chịu nổi tôi kêu đau Pusyse­da lập tức buông tay.

Cậu ta thở dài, vẻ đau buồn gợn trong đáy mắt, quay lại với ngọn lửa bập bùng.

- Ngải Tình, nếu tôi xuất gia, liệu chị có thích tôi không?

- Cậu!

Tôi giật mình:

- Cậu nói bậy cái gì thế!

Cậu ta cười vang:

- Đùa chị thôi. Tôi mà xuất gia, sẽ có không biết bao nhiêu cô nàng khóc sưng mắt lên mất! Rồi tôi lại phải phá giới để dỗ dành họ thôi! Người như tôi, chẳng thể thành Phật được.

Tôi bật cười:

- Pusyse­da, rốt cuộc cậu thích tôi ở điểm nào?

- Không biết. Chị có xinh lắm đâu, ngực lại nhỏ, không biết tôi thích chị ở điểm gì cơ chứ?

Cậu ta nhìn tôi, nụ cười vụt tắt, nhẹ nhàng cất giọng:

- Ngải Tình, chị rất thuần khiết.

Đôi mắt màu xám nhạt từ tốn chiêm ngưỡng khuôn mặt tôi.

- Đôi mắt thuần khiết, nụ cười thuần khiết, tâm hồn thuần khiết. Ở bên chị, tôi thấy mình cũng trở nên thuần khiết, không muốn nghĩ đến những chuyện bậy bạ nữa.

Cậu ta nhắm mắt lại, lúc mở ra nhìn tôi, ánh mắt buồn xa xăm.

- Ngải Tình, chị nhất định phải về trời ư, không thể lưu lại nhân gi­an ư?

Tôi đứng lên.

- Khuya rồi, đi nghỉ thôi.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi lên đường quay về. Tôi vốn chẳng có hứng để làm việc, lại cũng không muốn ở cùng Pusyse­da, nên đã đề nghị về sớm. Nhất định phải lấy lại được chiếc đồng hồ vượt thời gi­an. Tôi đã ở Khâu Từ gần nửa năm, nếu không gấp rút lên đường, có khi vừa đặt chân tới kinh đô Trường An, thời hạn một năm đã hết, chưa gặp được Phù Kiên đã phải quay về thế kỷ XXI cũng nên.

Chúng tôi phải dựng trại qua đêm trên đường, lẽ ra chỉ tối hôm sau là có thể về đến thành Khâu Từ. Nào ngờ, trưa hôm đó khi chúng tôi đang nghỉ ngơi trong rừng dương thì đã xảy ra một biến cố lớn.

Khi ấy chúng tôi vừa nghỉ ngơi xong, đang chuẩn bị lên đường. Vừa bước vào xe, tôi bỗng nghe thấy những tiếng động lạ. Khẽ thò đầu ra ngoài thì một vật thể lạ đột ngột bay vút tới, cắm phật vào cửa xe, tôi lập tức nhận ra đó là một mũi tên. Tiếng Pusyse­da gào lên:

- Ngải Tình, vào xe, ngồi yên trong đó!

Vừa ngồi xuống, cỗ xe bỗng nghiêng về phía sau, bên ngoài, tiếng ngựa hí lên thảm thiết, cỗ xe lao đi như bay. Xe ngựa rung lắc dữ dội khiến tôi ngã lên ngã xuống đau điếng, tôi cố sức bò ra cửa xe. Vất vả lắm mới kéo nổi rèm cửa, tôi thấy một mũi tên cắm trên lưng ngựa còn phu xe thì đã mất tăm mất dạng từ bao giờ. Bốn bề là sa mạc hoang vắng, không thấy Pusyse­da. Tôi chao đảo, choáng váng, buồn nôn nhưng vẫn gắng gượng lết đến bên cánh cửa, cắn răng, co người nhảy xuống. Không biết tôi đã lăn trên mặt đất bao nhiêu vòng, chỉ thấy cánh tay bị thương truyền đến cơn tê buốt, rụng rời.

Sau đó, đầu tôi va phải một vật gì đó rất lạnh, trời đất tối sầm và tôi không thấy gì nữa cả.

Chương 34: Cách biệt phương trời

Mọi thứ trước mắt dần trở nên rõ ràng hơn, đôi mắt màu xám nhạt đang nhìn tôi đầy vẻ lo âu, chớp mắt, tôi nhận ra Pusyse­da.

- Ơn trời, chị tỉnh lại rồi!

Cậu ta muốn ôm tôi, nhưng cánh tay chạm phải vết thương của tôi, cơn đau dội về, mồ hôi đầm đìa trên trán tôi.

- Xin lỗi, tôi vụng về, thô lỗ quá!

Cậu ta vội buông tay tôi, chăm chú quan sát vết thương của tôi.

- Đừng lo, tôi nhất định sẽ chữa khỏi cho chị.

Đưa mắt nhìn quanh, vậy là tôi đã trở về căn phòng của mình ở phủ quốc sư. Cánh tay được phủ kín bởi không biết bao nhiêu lớp vải quấn, vết thương sưng lên thật đáng sợ.

Tôi hỏi Pusyse­da đã xảy ra chuyện gì qua làn hơi yếu ớt của mình. Thì ra là một vụ cướp bóc thường gặp ở vùng này. Đám cướp thấy đoàn chúng tôi, tính cả phu xe cũng chỉ vỏn vẹn sáu người đàn ông, nên đã tấn công trực diện. Nhưng Pusyse­da và bốn người bạn của cậu ta lại là những binh lính được đào tạo bài bản, một người có thể hạ gục bốn tên, đám cướp biết không thể làm bậy, đã bỏ chạy. Bọn họ không hề hấn gì cả, chỉ có tôi là kém may mắn nhất, đầu đập vào phiến đá, ngất đi, nhưng đó chưa phải là điều khiến tôi lo sợ, đáng ngại nhất là vết thương chưa lành, nay lại chịu thêm chấn thương nghiêm trọng. Các khớp xương ở khu vực nhạy cảm vốn đã rất khó liền, bây giờ lại càng nguy hiểm hơn.

Pusyse­da nổi trận lôi đình muốn trị tội tên phu xe nhát gan bỏ trốn, nhưng tôi đã ngăn lại. Dù sao đó là bản năng tự bảo vệ để có thể tiếp tục sinh tồn mà thôi.

Ngự y trong cung đã đến, khi cánh tay được vén lên, tôi rụng rời. Nếu không phải là một phần thân thể mình, chắc chắn tôi sẽ cười phá lên và bảo rằng, cánh tay trông như chân giò ninh nhừ ấy! Vết thương đã bị vi khuẩn tấn công, rất có thể sẽ bị hoại tử. Trời ơi, sao lại như thế được! Vết thương này đã bám theo tôi gần nửa năm, tôi vẫn tích cực chữa trị kia mà, vì sao khả năng phục hồi lại kém như vậy?

- Ngải Tình, đừng sợ!

Pusyse­da nắm chặt cánh tay còn lại của tôi, cậu ta dường như còn sợ hãi hơn cả tôi.

- Chờ nhé, tôi sẽ vào cung tìm loại thuốc tốt nhất cho chị.

Pusyse­da vội vã rời phủ cùng ngự y, tôi nằm trên giường suy nghĩ mông lung. Rốt cuộc là vì sao? Lẽ nào, vì tôi sử dụng cỗ máy vượt thời gi­an quá nhiều lần, nên đã bị nhiễm phóng xạ? Cánh tay tôi, liệu có tàn phế?

Càng nghĩ càng sợ hãi, không chịu nổi nữa, tôi bèn ngồi dậy. Tôi nói với cô người rằng tôi muốn một mình yên tĩnh, sau đó tôi cắn răng chịu đau, lê bước đến phòng Pusyse­da. Chắc chắn cậu ta đã cất giấu chiếc đồng hồ ở một nơi nào đó rất kín đáo. Tôi gõ nhẹ vách tường, rồi lật tìm trong tủ sách. Chỉ dùng được một bên tay nên động tác rất chậm. Trong lòng bồn chồn, lo lắng, không biết khi nào cậu ta sẽ về?

Tôi bám vào thành giường, quỳ xuống, thò tay vào gầm giường tìm kiếm. Hình như tay tôi chạm phải một vật gì đó, tôi mừng rỡ, kéo ra ngoài. Đó là một chiếc hộp gỗ hình chữ nhật rất bình thường, chỉ rộng bằng tờ giấy A8. Tôi cuống quít mở hộp và toàn thân như hóa đá.

Chỉ vài ba nét phác họa nhưng đã tái hiện được hình ảnh một cô gái với nụ cười rạng rỡ, sống động, trang phục giản dị, gương mặt tươi tắn, người đó chính là tôi! Bức họa được vẽ bằng giấy nháp và bút chì của tôi.

Trang tiếp theo là một bức vẽ bán thân của tôi, đôi mắt trong sáng, lí lắc, nụ cười ngây ngô đậu trên khóe môi. Tiếp theo nữa là bức vẽ tôi cưỡi trên lưng lạc đà, vẻ mặt khổ sở vì ngồi không vững, suýt nữa thì ngã nhào xuống đất. Tiếp theo là bức vẽ tôi ngủ gục trên bàn, mái tóc dài xõa xuống, che khuất nửa khuôn mặt. Một bức vẻ mô tả động tác nghiêng đầu, há miệng kỳ quặc của tôi, hình như lúc tôi hát. Có cả bức vẽ khi tôi trầm ngâm, chăm chú đọc sách…

- Cảm động lắm hả?

Tôi giật bắn, chiếc hộp rơi xuống nền nhà, tập giấy vương vãi.

Pusyse­da ngồi xuống, lượm nhặt từng tờ, xếp gọn lại, nở nụ cười khó hiểu.

- Nếu tôi nói với chị đó là những bức tranh do tôi vẽ, chị sẽ yêu tôi chứ?

- Tôi…

Nước mắt lăn dài trên má.

- Pusyse­da…

Cậu ta lật mở từng trang, ánh mắt đổ dồn vào những bức vẽ, điệu cười buồn bã.

- Vẽ rất có hồn phải không?

Những bức về sau không đẹp lắm, nét vẽ thô lậu, xuất hiện nhiều dấu vết của sự tẩy xóa. Thần thái của tôi không sống động như những bức vẽ trước. Pusyse­da lật đến những trang cuối cùng, người trong hình không phải tôi. Đó là những bức chân dung Ra­ji­va do chính tôi vẽ. Nụ cười ấm áp, một bên vai để trần, thân hình gầy gò. Hình vẽ khá giống, có điều, chưa lột tả được hết thần thái của cậu ấy.

- Tôi cũng mong đây là những bức tranh do tôi vẽ.

Cậu ta vẫn không rời mắt khỏi những bức họa, bàn tay run run.

- Như thế, sẽ khiến chị cảm động. Ngải Tình, lúc gặp chị tôi mới mười tuổi và chúng ta chỉ sống cùng nhau vẻn vẹn ba tháng. Khi trưởng thành, tôi chỉ nhớ mình từng gặp tiên nữ, nhưng dung mạo của cô tiên nữ đó thế nào, tôi không nhớ nữa. Trong ký ức của tôi, chỉ vương vấn lại những bài hát của chị, tiếng cười lảnh lót của chị lúc chơi đùa với tôi trong sân nhà và hơi ấm của chị mà thôi. Chắc chị đã đoán được những bức họa này do ai vẽ? Cô gái trong tranh có đôi mắt thuần khiết, trong sáng mà tôi không thấy được từ những người phụ nữ bên cạnh tôi những năm qua. Đôi mắt ấy đã đánh thức ký ức về chị trong tôi. Trong phút chốc những kỷ niệm thuở nhỏ hiện ra thật sống động. Chị dạy tôi trò oẳn tù tì, chị cùng tôi đóng kịch tướng quân và kẻ cướp, chị cùng tôi đắp người tuyết, chị dạy tôi học Hán ngữ cổ đại, chị vừa vỗ lưng vừa hát ru tôi ngủ. Mọi thứ đều mới mẻ như mới hôm qua. Từ lúc đó, tôi luôn mong mỏi được gặp lại chị.

- Tôi đã lấy trộm những bức vẽ này. Anh ta không dám đòi lại, nhưng tôi biết anh ta đã đến đây lục tìm rất nhiều lần. Một năm qua, tôi vẫn thường lật mở, ngắm nghía những bức vẽ này và sau đó thì rất tức giận. Vì sao anh ta vẽ được chân dung chị sống động, có hồn đến thế, khiến cho tôi mỗi lần nhìn ngắm lại khao khát được gặy chị. Anh ta chưa bao giờ nổi tiếng về tài vẽ tranh, điều đó chứng tỏ anh ta đã phác họa hình ảnh chị trong trái tim mình hàng ngàn hàng vạn lần, mới có thể vẽ được những bức chân dung tài hoa đến thế!

Tôi run rẩy đưa tay ra, muốn lấy lại những bức hình, Pusyse­da do dự giây lát, rồi trả cho tôi. Tôi chậm rãi lật mở từng trang, những nét vẽ từ gượng gạo, thô kệch đến bay bổng tinh tế và cuối cùng là sống động, hài hòa. Phải chăng vì thế mà cậu ta từng thú nhận: mười năm trước, mười năm qua vẫn luôn vi phạm giới luật. Không biết từ khi nào, tôi đã bước vào trái tim cậu ấy, đến tận nơi sâu thẳm nhất.

Tôi không khóc nổi, vết nứt trong trái tim ngày một khoét rộng ra, cảm giác như tôi đã hoàn toàn mất nó.

- Ngải Tình!

Pusyse­da ôm chặt lấy hai vai tôi, sợ hãi kêu lên.

- Chị sao vậy?

Tôi làm sao? Một giọt màu đỏ rơi xuống, thấm nhòe trên nụ cười ngây ngô của tôi. Một giọt khác che khuất ánh mắt sáng long lanh của tôi.

Một cánh tay vươn đến, cuống quít chặn trước mũi tôi, ngón tay dính đầy những giọt đỏ tươi. Tôi gắng gượng ngẩng đầu nhìn lên, bắt gặp vẻ mặt hoảng sợ của Pusyse­da. Tôi muốn nói rằng tôi không sao, nhưng vừa định mở miệng, dòng máu đỏ đã trào ra, nở bung như những bông hoa nhỏ, sắc đỏ vương lên những bức tranh chân dung của tôi. Cơ thể tôi ngày càng mệt mỏi, rã rời, đầu óc quay cuồng hỗn loạn, trong khoảnh khắc, mọi thứ bỗng trở nên tịch lặng.

Tôi gắng mở mắt, đây là căn phòng của tôi, Pusyse­da ngồi bên cạnh, hai mắt thâm quầng. Thấy tôi tỉnh lại, cậu ta cuống quýt hỏi han đủ thứ.

Tôi ra hiệu muốn uống nước, Pusyse­da vội mang đến một cốc nước nóng. Hơi ấm của nước lan tỏa khắp cơ thể, tôi đã lấy lại được một chút cảm giác. Tôi lặng nhìn cậu ta, không muốn nói năng gì, cũng không đủ sức để cất lời.

- Ngải Tình, đừng nhìn tôi như vậy!

Cậu ta nghiêng đầu tránh đi, giọng nói nghẹn ngào:

- Kể từ lúc chị ngắm nhìn những bức vẽ đó, tôi biết mình đã thua. Thực ra, tôi chưa bao giờ thắng. Chị luôn thuộc về anh ta, mười năm trước đã như vậy rồi.

Cậu ta hít một hơi rất sâu, gắng giữ cho hơi thở ở trạng thái bình thường.

- Anh ấy sắp về rồi. Tôi đã cử người đi thông báo.

Tôi kinh ngạc bật dậy, nhưng cơn đau khiến tôi đổ xuống. Pusyse­da vội lao đến giữ chặt lấy tôi, ánh mắt đau khổ xen lẫn lo âu nhìn tôi, giọng nói đầy xúc động:

- Khi nào Ra­ji­va về đây, tôi sẽ xin với đức vua cho phép anh ấy hoàn tục. Nếu anh ấy không đồng ý, tôi sẽ dần ột trận.

- Không được!

Tôi thốt lên trong hơi thở cực nhọc.

- Vì sao?

Cậu ấy kề sát mặt tôi, nỗi bi ai hiển hiện trên nét mặt.

- Hai người yêu thương nhau kia mà? Vì sao phải đày đọa bản thân như vậy? Nếu thật lòng yêu chị, anh ấy nên từ bỏ thân phận tăng sĩ của mình.

Nước mắt lăn dài trên má.

- Pusyse­da, không kịp nữa rồi…

Vết thương lâu lành, hai lần chảy máu cam và một lần thổ huyết, tôi biết sức khỏe của mình đã chịu tổn thương khá nghiêm trọng qua những lần vượt thời gi­an, mặc dù không biết đã mắc bệnh gì, nhưng tôi hiểu rằng mình không thể tiếp tục ở lại, tôi phải nhanh chóng quay về. Tôi nghĩ vết thương của tôi không chỉ đơn giản là cánh tay sắp gãy kia. Tôi cay đắng nhận ra rằng, thay đổi lịch sử thì phải trả giá.

- Hãy trả lại tôi chiếc vòng đó…

Tôi thốt lên từng tiếng khó khăn

- …Nếu cậu không muốn tôi chết…

- Ngải Tình!

Cậu ta ôm chầm lấy tôi, nghẹn ngào:

- Là lỗi của tôi, tôi đã ép chị ở lại, mà quên rằng, tiên nữ không thuộc về nơi này…

Pusyse­da nhẹ nhàng ngả đầu tôi xuống gối, những giọt đau thương đọng trên khóe mắt, vành môi run run.

- Tôi trả chị về trời.

Khâu Từ vốn ít mưa, mùa thu lại càng khô nẻ. Nhưng vào ngày cuối cùng tôi ở đây, cơn mưa giăng giăng ngoài cửa sổ, bầu trời u ám, lạnh lẽo và thê lương như tâm trạng của tôi lúc này. Pusyse­da ọi người trong phủ nghỉ làm một ngày, để không ai bị choáng váng trước sự biến mất kỳ lạ của tôi. Sức khỏe yếu ớt, nên chỉ với một bên tay trái, tôi không thể tự mặc áo chống phóng xạ, Pusyse­da đón lấy chiếc áo, giúp tôi.

Nếu không bị ốm, chắc chắn khuôn mặt tôi đã đỏ gay đỏ gắt. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi để một người con trai mặc áo ình và người đó lại áp sát thân mình vào người tôi thế này. Tôi tựa vào khuôn ngực vạm vỡ của Pusyse­da, hai má nóng bừng, vừa hướng dẫn cậu ta kéo những chốt khóa phức tạp. Tuy hơi vụng về nhưng cậu ta rất tập trung, thận trọng và tỉ mỉ, vừa thao tác vừa không ngừng hỏi tôi, có đau không.

Khuôn mặt cậu ấy cũng ửng đỏ, nhưng đôi mắt ắp đầy nỗi buồn thương vô hạn, khiến tôi không dám nhìn. Cánh tay bị thương của tôi sưng tấy nghiêm trọng, không sao đút vừa tay áo, mồ hôi ướt đầm vầng trán. Cậu ta lập tức dừng lại, nâng cánh tay của tôi lên ngắm nghía với vẻ xót xa. Tôi ra hiệu cho cậu ta tiếp tục. Pusyse­da cắn răng, dường như phải tốn sức lắm để có thể luồn tay áo qua cánh tay tôi. Khi lớp vải cọ vào vết thương, tôi như muốn ngất đi vì nhức buốt.

- Tôi chưa bao giờ mất nhiều thời gi­an để mặc quần áo như thế này.

Tôi nén cơn đau, mỉm cười với cậu ta.

Pusyse­da có chút ngạc nhiên, miễn cưỡng nở một nụ cười méo mó.

- Đây cũng là lần đầu tiên tôi giúp phụ nữ mặc quần áo.

Ánh mắt cậu ta dừng lại nơi miếng ngọc hình sư tử trên cổ tay tôi, với tay chạm khẽ:

- Hứa với tôi, chị sẽ luôn đeo nó bên mình, để thỉnh thoảng còn nhớ đến tôi.

Tôi gật đầu, cảm giác như sắp nghẹt thở trong bầu không khí ngậm ngùi này, tôi gắng sức diễn một nụ cười ngô nghê “thương hiệu” Ngải Tình.

- Pusyse­da, tiết lộ cho cậu biết “định luật ba không” mà các bạn nam trường tôi khi theo đuổi các bạn nữ luôn ghi nhớ.

Pusyse­da quả nhiên rất tò mò.

- “Định luật ba không” ư?

Tôi cười.

- Bụt chùa nhà không thiêng. Chia tay rồi là không vương vấn. Con gái không phải lá mùa thu.

Cậu ta lẩm nhẩm đọc đi đọc lại, điệu bộ rất mắc cười, sau đó quay ra chọc tôi:

- Cho chị thêm một cơ hội cuối cùng, đừng để đến khi đám phụ nữ xinh đẹp vây lấy tôi mới lại hối hận.

Tôi cười vang, mặc cho cánh tay bị thương truyền đến cơn nhức nhối. Đã rất lâu rồi mới lại được thấy Pusyse­da vui vẻ như vậy.

Cậu ta giúp tôi khoác bộ Hán phục ra bên ngoài lớp áo chống phóng xạ, rồi xách hai chiếc ba lô North­face đến trước mặt tôi.

- Tôi không muốn chị vác theo hai cái ba lô khổng lồ này. Chị yếu như vậy…

- Không sao, cậu cứ đeo lên vai giúp tôi.

Pusyse­da nhẹ nhàng ôm lấy tôi, cử chỉ dịu dàng khác hẳn thường ngày.

Rất lâu không thấy cậu ấy buông ra, tôi đành chủ động lên tiếng:

- Tôi đi đây!

Pusyse­da ngoảnh đầu đi, khẽ hỏi:

- Không chờ anh ấy về sao? Chắc là sắp đến nơi rồi.

Tôi lắc đầu. Còn nhớ, buổi tối ở Sub­ash, Ra­ji­va từng hỏi tôi có muốn cậu ấy hoàn tục không. Giả dụ tôi bất chấp lịch sử, khiến cho dịch giả Phật học lừng danh Ku­mara­ji­va biến mất, rồi cậu ấy sẽ ra sao? Cậu ấy có lí tưởng vĩ đại, có nhân sinh quan của riêng mình. Nếu phải xa rời nơi cậu ấy đã gắn bó từ thuở nhỏ để đến thế giới hiện đại làm một người bình thường, liệu cậu ấy có thể chấp nhận được không, có thể thích ứng được không?

Kết thúc truyện cổ tích luôn là hoàng tử và công chúa sống bên nhau hạnh phúc. Nhưng cuộc sống chung ấy sẽ ra sao? Những lo toan thường nhật sẽ bào mòn nỗi háo hức ban đầu của cậu ấy. Cậu ấy sẽ trở nên hụt hẫng, hoang mang, mất đi phương hướng trong cuộc sống. Tình yêu dù có đẹp đẽ đến đâu cũng không thể bù đắp những dày vò về tinh thần khi lý tưởng bị đánh cắp. Bởi vậy, tôi không thể nhẫn tâm ép buộc cậu ấy phải lựa chọn.

Tôi là người rất thực tế, tôi trở về để giữ mạng sống. Nếu nhất định phải ra đi và không muốn cậu ấy phải khó xử, chi bằng không gặp, gặp nhau chỉ thêm đau lòng! Hơn nữa, gặp cậu ấy, tôi không dám đảm bảo sẽ vẫn giữ vững được lập trường của mình. Lặng lẽ ra đi, đối với cả hai chúng tôi, có lẽ là cách từ biệt tốt nhất…

- Khi nào chị trở lại?

- Tôi không biết.

Tôi gượng cười, đúng là tôi không biết. Sau khi quay về, tôi không biết mình có mắc bệnh gì không. Tôi không biết nhóm nghiên cứu có tiếp tục để tôi vượt thời gi­an lần nữa không. Nếu tiếp tục vượt, tôi không biết có quay lại không gi­an và thời gi­an này không. Có quá nhiều điều tôi chưa thể biết, nhiều chuyện sẽ xảy ra ngẫu nhiên, nếu tính theo phương pháp xác suất, thì cơ hội là bằng không. Vậy nên, có lẽ chúng tôi không còn cơ hội gặp lại nữa…

- Nếu ta không gặp gỡ

Ta đã chẳng yêu nhau.

Nếu ta không thấu hiểu

Ta đã chẳng thương nhau… [22]

Tôi lẩm nhẩm những câu thơ của Tsangyang Gy­at­so, vị Đạt Lai đời thứ sáu của Tây Tạng, nỗi bi thương, phút chốc như khiến tôi già đi mấy chục tuổi. Tôi đã lưu lại nơi này cả tâm hồn mình! Thứ tôi mang theo chỉ là một cơ thể suy nhược, không trái tim… mà thôi…

- Ngải Tình…

Pusyse­da xiết chặt lấy tôi thêm một lần nữa, cúi đầu hôn nhẹ lên trán tôi. Nụ hôn của cậu ấy nóng ran, chất chứa nỗi lòng sinh ly tử biệt. Rất lâu mới nhẹ nhàng thả tôi ra, giúp tôi đội mũ chống phóng xạ lên đầu, kéo khóa lại, chậm chạp bước ra ngoài, nhưng đến cửa vẫn lưu luyến quay lại nhìn tôi.

- Pusyse­da!

Tôi hét to khi cánh cửa đóng lại,

- Hãy sống thật hạnh phúc! Hãy tìm một người phụ nữ thật lòng yêu cậu!

- Tôi hứa…

Giọng nói nghẹn ngào của cậu ta lướt qua khe cửa.

- Khi trở lại, chị sẽ được thấy tôi sống vui vẻ như thế nào…

Tôi bật công tắc, đèn tín hiệu nhấp nháy, đồng hồ bắt đầu đếm ngược. Tôi đưa mắt nhìn lại căn phòng một lần nữa, những chữ viết siêu vẹo của Pusyse­da trên tường, những bức tranh Ra­ji­va vẽ chân dung tôi, Pusyse­da đã hứa sẽ trả lại cho cậu ấy. Thế giới này sẽ biến mất trong vòng chưa đầy một phút nữa. Ra đi, mong là tôi có thể quên tất cả…

Giây phút vút bay lên không trung, hình như tôi nghe thấy tiếng gọi xé lòng của ai đó, là ai? Ai gọi tên tôi thương tâm nhường vậy? Sao tôi không thể thấy…

## 18. Chương 35 - 36

Chương 35: Pusyse­da ngoại truyện (1)

Có lẽ phần lớn mọi người đều không nhớ được nhiều chuyện diễn ra khi mình bốn tuổi. Tôi thì khác, con số ấy đã hằn lên trong kí ức của tôi một đường ranh giới rất rõ rệt. Vì trước bốn tuổi, gia đình tôi có mẹ và anh trai, sau bốn tuổi, gia đình chỉ còn lại tôi và cha.

Còn nhớ hôm ấy, anh trai không chơi đùa với tôi như mọi ngày mà dắt tay tôi, nín thở nép vào một góc, ngó vào căn phòng của cha mẹ. Hồi đó, cứ có thắc mắc gì tôi lại đem ra hỏi anh trai. Trong mắt tôi, anh ấy là người biết mọi thứ, có thể trả lời mọi câu hỏi. Anh trai nói với tôi rằng, mẹ đã nhịn ăn nhịn uống sáu ngày rồi, vì mẹ muốn đi tu.

Đi tu nghĩa là sao?

Đi tu nghĩa là mẹ muốn dọn đi khỏi nhà.

Thừa lúc anh trai lơ đễnh, tôi chạy vào phòng cha mẹ, tôi muốn cầu xin mẹ đừng đi. Nhưng tôi không thấy mẹ đâu, chỉ có cha đang ngồi khóc với một nắm tóc dài màu hung trên tay. Thấy tôi, cha vội vã giấu nắm tóc ra sau lưng, cuống cuồng lau nước mắt và kêu anh trai đưa tôi ra ngoài.

Tôi hỏi anh, vì sao đi tu lại phải cắt bỏ mái tóc đẹp như vậy?

Anh tôi bảo, đi tu thì không cần bất cứ thứ gì nữa cả.

Mẹ đã dọn đi thật và không mang theo gì hết. Lúc ra khỏi nhà, mẹ được người ta khiêng trên kiệu, mẹ dựa vào thành ghế, sắc mặt rất kém, mái tóc bồng bềnh ngày nào không còn nữa. Đột nhiên tôi thấy sợ, tôi cảm thấy mẹ tôi thật xa lạ. Mấy ngày sau, cha dẫn tôi và anh trai đến chùa thăm mẹ. Tôi đã quen với hình ảnh mẹ trong những bộ trang phục đẹp đẽ, hôm đó nhìn mẹ mặc áo cà sa, hình ảnh đẹp đẽ trong tôi bỗng nhiên biến mất.

Kể từ hôm đó, cứ cách năm ba ngày cha lại đưa tôi và anh trai đến chùa. Mẹ đã thay đổi hoàn toàn, trước kia mỗi khi cha chạm vào người mẹ, mẹ sẽ cười duyên dáng, nhưng bây giờ, hễ cha định chạm vào người mẹ là mẹ né tránh, rồi mẹ chắp tay lại hành lễ với cha (mãi về sau tôi mới hiểu nghi lễ đó nghĩa là gì). Còn tôi, tôi khao khát được mẹ ôm vào lòng, nhưng mẹ chần chừ, do dự. Những lúc như thế, cha lại ôm chầm lấy tôi, những giọt nước mắt tôi không bao giờ muốn thấy lại lăn dài trên gò má cha. Lớn lên tôi mới biết, như thế gọi là đau khổ. Và kể từ đó, tôi không đòi mẹ ôm nữa.

Lần nào đến chùa, ba cha con cũng ở lại cả ngày liền, ngồi nghe những người mặc bộ trang phục giống hệt mẹ và cũng không có tóc như mẹ lầm rầm đọc những câu gì đó tôi không hiểu được. Cha muốn tôi ngồi yên, nhưng tôi cảm thấy bứt rứt, khó chịu nên lăn ra ngủ lúc nào không biết. Nhưng anh trai tôi thì khác. Anh ấy lắng nghe rất chăm chú, sau đó đọc lại ột cụ già những gì anh ấy nghe được. Cụ già hình như rất mến anh ấy, rì rầm trò chuyện rất lâu với cha mẹ tôi. Thế rồi, anh tôi nói rằng anh ấy cũng muốn đi tu.

Anh trai cũng dọn ra khỏi nhà ư? Vậy ai sẽ chơi đùa với tôi?

Tôi gào khóc ầm ĩ nhưng vẫn không ngăn được anh tôi ra đi. Tôi và cha đành bất lực đứng nhìn anh ấy khoác lên người bộ quần áo giống hệt mẹ, quỳ dưới đất, để cụ già đó cạo từng lọn tóc màu đồng dài đến ngang vai của anh ấy. Cha nắm tay tôi rất chặt khiến tôi muốn kêu đau, nhưng nhìn ánh mắt rầu rĩ, buồn thảm của cha, không hiểu sao, tôi lại nén được cơn đau ấy.

Anh em tôi chơi trò đuổi bắt trên mảnh sân nhỏ trong chùa. Anh trai bịt mắt lại, quờ quạng tìm tôi, tôi nhảy bên nọ nhảy bên kia né tránh. Đã rất lâu rồi tôi mới lại được chơi vui như thế. Anh trai túm được một người, hớn hở reo lên: bắt được rồi! Chưa kịp thông báo với anh ấy không phải là tôi, thì anh ấy đã phát hiện ra. Người đó là sư phụ Phật Đồ Thiệt Di của anh trai tôi, một cao tăng trong chùa Tsio – li. Thấy sư phụ, khuôn mặt anh trai tôi biến sắc, anh ấy cúi đầu lắng nghe ông cụ giảng giải về sự tĩnh tâm tọa thiền gì đó. Hôm ấy là lần cuối cùng anh trai chơi đùa cùng tôi.

Kể từ đó, mỗi lần đến chùa, tôi lại thấy mẹ và anh trai cầm những cuốn sách rất dày trên tay, họ chỉ khẽ hé môi cười với cha con tôi. Không ai ôm tôi vào lòng, cũng không ai chơi với tôi cả, tôi bắt đầu thấy ghét khi phải đến chùa. Nhưng cha vẫn muốn đi, được thôi, tôi sẽ vờ như mình cũng muốn đi. Từ năm bốn tuổi tôi đã biết cách đóng kịch để cha vui lòng.

Khi tôi lên sáu, mọi nơi trong thành Khâu Từ, người ta không ngớt lời bàn tán, khen ngợi anh trai tôi vì anh ấy đọc thuộc được rất nhiều kinh văn Phật giáo. Mẹ nói với cha, không thể để anh trai tôi bị vây bọc trong những lời ca tụng ấy, mẹ nói sẽ đưa anh đi học đạo ở nơi xa. Tôi không nhớ tên địa danh, chỉ biết đó là một nơi rất xa xôi và phải mấy năm sau họ mới quay về. Cha dắt tay tôi đi tiễn, nỗi buồn u ám lại hiện lên trong mắt cha. Tôi nghĩ, hẳn là cha rất muốn tôi khóc tiễn họ, nên tôi đã khóc. Nhưng trong lòng thì tôi rất lấy làm hân hoan vì từ nay sẽ không phải đến ngôi chùa đó nữa.

Không đến chùa, cha như mất đi điểm bám víu, ông thường ôm tôi vào lòng, ngồi rất lâu trong sân nhà, ngước mắt nhìn trời. Sau đó, ông hào hứng kể cho tôi nghe giờ này họ đang ở đâu, làm gì. Suốt bốn năm, ngày nào cha cũng nói với tôi về việc anh trai được mọi người khâm phục như thế nào, anh ấy đã nhận một vị cao tăng làm thầy và anh ấy đã được khen ngợi, tán thưởng ra sao. Người anh trai ngày càng trở nên mờ mịt trong kí ức của tôi hình như đã trở thành nhân vật nổi tiếng.

Năm tôi lên mười thì họ trở về. Đức vua (tức cậu ruột tôi) đã đích thân đi đón họ. Nghe nói, anh trai đã giành chiến thắng trong một cuộc luận chiến quan trọng ở Wen­su và không ai không biết đến danh tiếng của anh ấy, người ta nói về anh ấy ở mọi nơi mọi lúc. Lẽ ra tôi phải lấy làm tự hào chứ nhỉ? Tôi có người anh ưu tú như vậy kia mà? Nhưng khi ai nấy đều chỉ vào tôi thì thào: “Em trai của thần đồng Ku­mara­ji­va kìa”, tôi lại cảm thấy khó chịu vô cùng. Tôi là Pusyse­da, nhớ lấy, tôi không chỉ là em trai của Ku­mara­ji­va, tôi còn là tôi, Pusyse­da!

Tại buổi lễ nghênh đón long trọng, tôi đã gặp lại mẹ và anh trai sau bốn năm xa cách. Thực tình thì đối với tôi, họ thậm chí không thân thuộc bằng những người hầu trong phủ, nhưng vì muốn cha vui lòng, tôi vẫn nhào vào lòng mẹ. Bốn năm trời thiếu vắng vòng tay mẹ, nhưng lần đoàn tụ đó không hề khiến tôi vui vẻ. Mẹ vẫn lạnh lùng như ngày nào. Tôi ngả đầu vào lòng mẹ, tự hỏi không biết phải ôm đến bao giờ nữa? Đúng lúc đó thì một đôi mắt sáng long lanh chĩa về phía tôi, đôi mắt ấy trong vắt như nền trời Khâu Từ.

Chỉ nhìn thoáng qua cũng biết chị ấy không phải người Khâu Từ, dáng vóc nhỏ bé, thanh thoát. Tôi đã từng gặp những người tóc đen, da vàng như chị ấy trong thành Khâu Từ, cha tôi bảo họ là người Hán, họ đến từ một nơi rất xa xôi, vượt qua những sa mạc mênh mông và phải mất một năm dài mới tới được đây.

Tôi quan sát chị ấy, chị ấy cũng nhìn ngó, rồi cười với tôi. Nụ cười đó rất đẹp, vành môi khẽ uốn lên, hiện rõ má lúm đồng tiền xinh xắn. Nhưng không hiểu sao, tôi cảm thấy nụ cười ấy rất ngây ngô, thuần khiết một cách ngây ngô, giống hệt đôi mắt của chị ấy. Sau đó, chị ấy chu mỏ, làm mặt ngoáo ộp chọc ghẹo tôi. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy người này rất thú vị.

Chị ấy quả rất thú vị, không giống bất cứ ai tôi từng gặp. Kể từ lúc chị ấy vào sống trong phủ, ngày nào tôi cũng chờ mong hết giờ học bài trong cung để được về nhà. Trước đó thì ngày nào tôi cũng mải mê chơi đùa, luyện võ với các anh chị em họ trong cung, chẳng thiết về. Tôi thích chọc ghẹo khiến chị nổi giận. Chị ấy nói tiếng Tochari trọ trẹ, làm tôi mắc cười, mỗi lần bị tôi cười nhạo, chế giễu, chị ấy lại nổi trận lôi đình, trợn mắt, cau mày, mím môi, khác hẳn vẻ tiểu thư đỏng đảnh, giả tạo của các cô gái trong cung.

Chị ấy có một cái túi rất lớn, bên trong chứa rất nhiều thứ kỳ lạ. Chị ấy vẽ rất nhiều tranh bằng chiếc bút và tờ giấy có thể xóa đi vẽ lại nhiều lần, có điều chị ấy vẽ không đẹp. Chị ấy từng bắt tôi ngồi yên trên ghế rất lâu để chị vẽ, nhưng bức vẽ rất xấu, chẳng giống tôi tẹo nào. Chị ấy còn thường xuyên nhét đủ mọi thứ vào chiếc túi đó, thậm chí cả một mảnh giấy rách, cũng nâng niu như đồ vật quý hiếm, rồi cẩn trọng đút vào túi. Thế nên, tôi thường xuyên lượm lặt những thứ linh tinh, nói dối rằng đó là những vật dụng mà đức vua, mẹ tôi hoặc anh trai tôi từng sử dụng, lúc đó, mắt chị ấy sáng lên, lập tức dùng bút và giấy để trao đổi với tôi. Điều khiến tôi kinh ngạc là, cái túi đó như thùng không đáy, có thể nhét tất cả mọi thứ vào bên trong.

Chị ấy dạy anh trai tôi tiếng Hán, cha tôi muốn tôi học theo. Trước đó, cha đã từng mời một giáo viên người Hán về dạy tôi, nhưng người đó bị tôi chọc giận mà bỏ đi. Chị ấy thì khác, chị ấy không bắt tôi đọc bài cả ngày như người kia. Học bài mà thú vị như chơi đùa vậy! Chị ấy dạy tôi trò “oẳn tù tì ra cái gì ra cái này”, tôi mà thua sẽ phải học thuộc một chương trong sách “Luận ngữ”, viết một trang chữ Hán. Nếu chị mà thua, thì hôm sau sẽ phải đóng vai quân lính dưới trướng của tôi. Hàng ngày, cứ đến lúc chúng tôi chơi vui vẻ nhất thì anh trai tôi lại xuất hiện, sau đó tất cả chúng tôi đều yên lặng. Anh trai tôi có thể trò chuyện với chị ấy bằng tiếng Hán, có thể bàn luận với chị ấy về những đạo lý to tát, tôi không hiểu nổi. vì thế tôi rất giận, tôi thầm nhủ nhất định sẽ học thật tốt, để sau này có thể chơi đùa với chị ấy bằng ngôn ngữ của chị ấy.

Lúc vào cung học bài, mấy người anh họ cứ chỉ trỏ vào tôi, cười cợt mỉa mai. Thì ra, họ để ý thấy tôi thường xuyên bỏ về rất sớm, nên đã theo dõi tôi và bắt gặp chị ấy trong phủ quốc sư. Họ trêu chọc tôi, nói rằng chị ấy là bà cô già của tôi.

- Thì đã sao? Tôi cứ thích như thế đấy! Mấy cô công chúa chảnh chọe, đỏng đảnh, suốt ngày giả bộ khóc mếu thì có gì hay ho?

- Chị ta là mẹ của cậu à?

Hoàng tử thứ tư nhảy loi choi trước mặt tôi.

- Mẹ cậu đi tu không cần cậu nữa, nên cậu cưới một bà cô già về làm vợ chứ gì?

Tôi lao vào đấu đá với bọn họ một hồi, họ lớn tuổi hơn tôi, tôi đánh không lại, kết quả là tôi bị lãnh những vết bầm tím trên trán.

Về đến nhà, chị ấy cuống cuồng băng bó cho tôi. Tôi muốn nói với chị ấy, tôi là nam nhi, vết thương cỏn con này có đáng gì, nhưng lời vừa ra đến miệng đã lại trôi ngay vào. Vì tôi rất thích bàn tay chị ấy xoa vuốt trên mặt mình, cảm giác mềm mại, âm ấm. Đột nhiên, tôi muốn thử xem vòng tay của chị có ấm áp như thế không, nên đã sà vào lòng chị ấy, giả vờ gào khóc. Chị ấy rất dễ mắc lừa, vội ôm lấy tôi, vỗ về tôi. Chị ấy quả nhiên rất ấm áp, rất mềm mại, ngay cả giọng nói lướt trên đầu tôi cũng ấm áp như vậy. Lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy sung sướng khi được ai đó ôm vào lòng. Khi đó, chỉ muốn được chị ấy ôm như thế mãi, đừng ai đến quấy rầy, nhất là anh trai tôi.

Cha có việc phải đi Gu­mo, mấy ngày liền không về. Tôi mừng lắm, giả vờ sợ hãi, đòi chui vào trong chăn ngủ cùng chị. Chị vỗ nhẹ lưng tôi, hát cho tôi nghe các bài hát thiếu nhi của người Hán. Tôi tủm tỉm cười, người ta có còn là trẻ con nữa đâu mà phải ru ngủ? Nhưng giọng hát của chị ấy trong trẻo, êm ái, ấm áp tựa mảnh chăn bông đã được hong khô dưới nắng vào mùa đông. Tôi chìm dần vào giấc ngủ say sưa trong hơi ấm ngọt ngào ấy. Trước lúc mê đi, tôi đã thầm nhủ, sau này người mà tôi lấy làm vợ nhất định phải có được hơi ấm đó.

Kể từ hôm ấy, tôi đã có thêm lí do để quấn chị: tôi muốn chị hát cho tôi nghe những bài hát không giống nhau. Chị rất cưng chiều tôi, liên tục thay đổi bài hát, hát đến khi tôi đã thiếp đi mới dừng lại. Tôi phát hiện ra, khi tôi ngủ say, chị sẽ nhẹ nhàng kéo chăn cho tôi, còn quệt tay vào mũi tôi, khe khẽ trách móc tôi bằng tiếng Hán. Điều đó thật thú vị, nên tôi thường xuyên vờ ngủ say. Nhưng, tối hôm đó, trò đùa của tôi đã bị anh trai lật tẩy. Sau khi phụng phịu ra khỏi phòng chị ấy, tôi đã nấp vào một góc tường, chị đang hát cho anh trai tôi nghe, chọc anh ấy cười vang, điều mà tôi chưa từng thấy trước đây. Tôi rất giận. Vì sao chị lại hát cho anh ấy nghe. Chị chỉ được hát ình tôi nghe thôi chứ!

Ngày hôm sau, tôi lại càng bực mình hơn, khi hết giờ học, tôi lao như bay về nhà mà không thấy chị đâu. Người trong phủ nói chị đi tham quan thành Khâu Từ cùng anh trai tôi. Sao lại như vậy? Nếu chị muốn thăm quan, tôi cũng có thể đưa chị đi kia mà? Anh ấy giành mất mẹ của tôi, bây giờ lại muốn tranh cả chị với tôi ư? Tôi trút giận lên con chó vàng canh phủ và ngồi lì một chỗ ngóng chị về.

Trước giờ cơm buổi tối chị mới về đến nhà. Lẽ ra tôi muốn phơi bày nỗi tức giận của mình, nhưng chị đã kéo tôi chơi trò đuổi bắt, chị chọc tôi cười, khiến cục tức trong tôi tan biến như mây khói. Dường như chỉ khi vui đùa cùng chị, tôi mới được khóc được cười thoải mái, không mệt mỏi như khi tôi phải giả vờ khóc, cười để lấy lòng cha.

Một hôm, chị nhìn chiếc đồng hồ kỳ quặc trên tay mình, rồi đột ngột thốt lên:

- Ngày mai là năm mới!

Đức Phật và nàng

Rồi chị bảo muốn đón tết của người Hán, hôm sau sẽ tặng quà cho tôi và anh trai. Chị tặng anh ấy chuỗi tràng hạt bằng gỗ đàn hương, còn tặng cho tôi bức tranh vẽ một con vật kì dị, không giống mèo cũng chẳng giống chó và cả cái tên của nó cũng rất lạ: Do­rae­mon. Chị nói con vật kỳ lạ này có một chiếc túi thần kỳ, nó có thể lôi từ trong túi ra bất cứ thứ gì nó muốn. Tôi không thích món quà đó lắm, tôi có phải trẻ con nữa đâu mà chị tặng tôi thứ đồ dành cho con nít vậy? Nhưng vì là bức tranh do chính tay chị vẽ, nên tôi đành nhận vậy!

Tôi biết tin chị sắp ra đi, chị sẽ đến Trường An trên hành trình kéo dài một năm trời. Nhưng tôi không muốn vậy, tôi phải nghĩ ra cách gì để giữ chị ở lại.

Tôi nghĩ đến chiếc vòng tay kỳ lạ của chị. Chiếc vòng đó biết động đậy, tôi từng nhìn thấy. Nhưng lần đó, chị đã nghiêm mặt cảnh cáo tôi không được động vào bất cứ thứ gì trên chiếc vòng ấy. Chị đeo nó cả ngày, đi ngủ cũng nhét xuống dưới gối, chỉ khi đi tắm chị mới tháo ra để một chỗ. Càng ngày tôi càng cảm thấy chiếc vòng đó có điều gì rất kỳ lạ. Thế là, hôm đó, nhân lúc chị đi tắm, tôi đã lẻn vào phòng chị, kiểm tra đồ vật kì quái ấy.

Không biết tôi đã chạm vào đâu mà chiếc vòng đột nhiên phát ra thứ ánh sáng màu xanh và những tiếng tích tắc lạ lùng. Khi tôi chưa hết kinh ngạc thì chị đã bước vào phòng. Không muốn bị chị mắng vì tôi đã lẻn vào lấy trộm chiếc vòng, tôi vội vàng thanh minh:

- Ngải Tình, chiếc vòng này thú vị quá, biết kêu tích tắc tích tắc, chị cho em nhé?

Nhiều năm sau tôi vẫn nhớ như in cảnh tượng hôm ấy. Tôi thường tự hỏi, nếu tôi không bày trò lấy trộm chiếc vòng đó, mọi thứ liệu có khác đi? Sau khi chị biến mất trong chùm sáng kỳ quái, tôi đã đi tìm chị khắp nơi, một tháng sau mới chịu bỏ cuộc. Trên đời này có thần thánh thật ư? Chị là tiên nữ thật ư? Tôi không tin Phật, điều duy nhất tôi tin là tôi đã gặp tiên nữ năm lên mười. Chỉ có tiên nữ mới xinh đẹp, thông minh, đáng yêu như vậy, mới khác biệt như vậy.

Tôi đã không truyền đạt lại cho anh trai lời dặn dò của chị, chị nói anh phải đến Trường An truyền bá đạo Phật. Chị nói anh sẽ trở thành một con người vĩ đại. Vậy còn tôi thì sao? Chị là tiên nữ, vì sao không cho tôi biết tương lai của tôi? Tôi bực mình khi thấy anh trai đi đi lại lại trong phòng chị như kiếm tìm điều gì. Tôi bực mình khi anh ấy bao bọc rất cẩn thận những bức vẽ chị lưu lại. Tôi bực mình khi anh ấy dặn dò người hầu giữ nguyên trạng căn phòng của chị và thường xuyên dọn dẹp sạch sẽ. tôi càng bực mình hơn khi anh ấy luôn nghĩ ra cần phải làm gì trước tôi.

Chương 36: Pusyse­da ngoại truyện (2)

Càng trưởng thành, càng có nhiều chuyện khiến tôi phiền lòng. Căn nhà trống trải khiến tôi buồn chán, vì cha thường xuyên đến chùa, nói rằng muốn dự pháp hội, nhưng kỳ thực là đến thăm hai người đó. Tiếng tăm của anh trai tôi ngày càng vang xa, anh ấy đi khắp nơi truyền bá giáo lý Đại Thừa, tham gia không biết bao nhiêu cuộc luận chiến, cố gắng thuyết phục mọi người tin theo giáo phái Đại Thừa bằng triết lý “có có không không” gì đó. Đại Thừa, Tiểu Thừa gì chứ, tôi chẳng tin. Nhưng vì muốn cha vui, tôi vẫn thường thắp nhang trên điện thờ trong nhà và cùng cha đến chùa thăm họ, nếu gặp dịp nhà chùa tổ chức pháp hội, tôi cũng kiên nhẫn ngồi nghe cùng cha đến cuối buổi.

Những chuyện xảy ra năm mười tuổi, tuy vẫn nhớ nhưng vì chỉ vẻn vẹn vài tháng nên tôi đã quên đi rất nhanh. Nhưng khi nghe các hoàng tử kể chuyện chơi bời bên ngoài cung, họ nói đã “thử” đủ mọi loại phụ nữ, chỉ chưa biết “mùi vị” của tiên nữ thế nào thôi, những lúc như thế, tim tôi lại vô cớ đập rất nhanh. Tôi từng gặp tiên nữ, nhưng tiên nữ không lưu lại quá lâu dưới trần gi­an, làm sao đám người thô thiển kia gặp được nàng chứ! Nhưng tôi, dù cố gắng thế nào cũng không nhớ nổi tiên nữ trông ra sao. Chỉ có vòng tay ấm áp và giọng hát êm ái của nàng vẫn xuất hiện trong giấc mơ của tôi, những lúc như thế, tôi không muốn tỉnh giấc chút nào.

Mười lăm, mười sáu tuổi tôi bắt đầu đua theo đám vương tôn công tử kia gây ra bao chuyện thị phi. Hài hước nhất là một lần tôi cùng hoàng tử thứ tư đi cướp dâu. Chiều muộn hôm đó, sau khi đã quá chén, chúng tôi gặp một đám rước dâu trên đường. Hoàng tử đột nhiên nảy ra ý định cướp cô dâu, liền kéo tôi trà trộn vào đám cưới gia đình nọ. Khi trời bắt đầu sẩm tối, hoàng tử la lên: Có trộm! Khách khứa tới dự hôn lễ ồ ạt kéo ra ngoài. Theo sự phân công của hoàng tử, tôi lẻn vào buồng tân hôn cắp cô dâu đi. Cô gái đó ban đầu rất sợ hãi, nhưng vừa nhìn thấy tôi đã lặng thinh không gào tiếng nào. Thì ra vì thế hoàng tử mới sai tôi đi làm cái việc chẳng đàng hoàng chút nào này!

Trời tối đen như mực, trong lúc gấp vội lại không thấy đường, tôi bị sa vào bãi lầy đầy gai nhọn, không sao nhấc nổi chân. Hoàng tử vội đến cứu nguy, nhưng chưa lôi được tôi ra khỏi bãi lầy thì đám người nhà cô dâu đã kéo đến. Điều tôi không ngờ là hoàng tử đột nhiên trở mặt, gào to: Trộm ở đây này! Tôi hoảng hốt, cố sức bật ra khỏi bãi lầy, bỏ lại cô dâu, hai chúng tôi tháo chạy tán loạn.

Cứ ngỡ mọi chuyện sẽ kết thúc ở đấy, nào ngờ mấy ngày sau, một vài người xuất hiện ở nhà tôi, kéo theo một cô gái khóc lóc nức nở, họ nổi giận đùng đùng, gào thét đòi gặp tôi. Thì ra cô dâu hôm đó không muốn lấy chồng nữa, nằng nặc đòi đi tìm tôi, cô ta thậm chí đã theo dõi và biết được nơi tôi ở. Gương mặt cha biến sắc khi nghe lời phân trần của cô gái, tôi có giải thích thế nào cũng vô ích. Tranh cãi hồi lâu, cha phải trả một khoản tiền, đám người kia mới chịu ra về. Cô gái đó về sau vẫn tiếp tục đi theo tôi. Không chịu nổi, tôi đã mắng nhiếc cô ta một trận thậm tệ, cuối cùng cũng được yên thân. Nhưng chuyện này đã nhanh chóng bị đồn ra ngoài, mọi người trong thành Khâu Từ không ai không biết là con trai út của quốc sư là một tên phóng đãng. Hoàng tử ẩn mình một chỗ vờ không hay biết, ý rằng muốn tôi gánh chịu mọi hậu quả. Anh ta là hoàng tử, nếu để đức vua biết, sẽ phải chịu hình phạt nặng nề.

Tôi mặc kệ! Là tên phóng đãng thì đã sao! Nhưng tôi thấy khinh bỉ loại người như hoàng tử, nên kể từ đó đã tuyệt gi­ao với anh ta.

Sinh nhật lần thứ mười bảy của tôi vào đúng ngày anh trai thọ đại giới. Mặc dù danh tiếng của anh trai tôi đã lan xa khắp vùng Tây Vực, nhưng anh ấy vẫn phải tuân thủ quy định, đến năm hai mươi tuổi mới được thọ đại giới, từ một Sa di, trở thành một Tỷ Khâu thực sự. Đức vua đặc biệt ưu ái anh ấy như thể lo rằng các tiểu quốc xung quanh không biết Ku­mara­ji­va là quốc bảo của Khâu Từ vậy!

Tôi thả bộ trong chùa, vẫn chưa tới giờ làm lễ, tôi chưa muốn vào trong điện, trước đây tôi vốn không thích tham dự những nghi lễ kiểu này.

Anh trai đi qua, thấy tôi bèn dừng lại. Hôm nay anh ấy mặc chiếc áo cà sa mới, khí chất toát lên vẻ thanh tao, thoát tục. Nhưng trên tay anh ấy đeo gì thế kia? Bao nhiêu năm rồi anh ấy vẫn không chịu tháo bỏ nó.

Tôi cười mỉa, gào lên:

- Bạc cả màu rồi, còn đeo làm gì?

Anh ấy không đáp, lẳng lặng rủ tay áo che đi, vẻ mặt vẫn bình thản như thường ngày:

- Hôm nay là sinh nhật tuổi mười bảy của em.

Anh ấy cười với tôi, sau đó như chợt nhớ ra điều gì đó, vội vàng nói với tôi bằng tiếng Hán:

- Chúc mừng sinh nhật!

Tôi sững người. Không phải vì anh ấy nhớ ngày sinh nhật của tôi, mà vì câu chúc mừng sinh nhật bằng tiếng Hán trong khoảnh khắc đã đưa tôi trở về với những kỉ niệm xa xưa. Có một cô gái với nụ cười trong trẻo đã dạy tôi gi­ai điệu dễ thương, dễ thuộc của một bài hát mà cô ấy bảo phải hát vào ngày sinh nhật. Như thế nào nhỉ? Tôi vừa lục lọi trong kí ức, vừa đưa mắt nhìn theo bước chân anh ấy tiến vào nơi thọ giới.

Buổi sáng thọ giới, buổi chiều anh trai tôi lại tiếp tục thuyết giảng kinh văn Đại Thừa cho hoàng thân quốc thích và đám quý tộc Khâu Từ nghe. Tôi không đủ kiên nhẫn, liền vờ mắc tiểu, một mình lẻn đến căn phòng dành cho khách khứa nghỉ ngơi. Bài hát đó, như thế nào nhỉ? Ký ức đôi lúc giống như: rõ ràng ta nhìn thấy cánh diều bay lơ lửng ở nơi cách ta không xa, nhưng ta không sao tìm được đầu sợi dây nối với cánh diều ấy.

Cửa phòng đột nhiên bật mở, tôi giật mình khi thấy người vừa bước vào. Đó là công chúa người Khoái Hồ, thê thiếp mới của đức vua. Không biết đức vua toan tính điều gì mà liên minh với người Khoái Hồ ở mãi vùng Is­syk- Kyl phía tây xa xôi. Cô công chúa này chính là một trong những điều kiện của gi­ao kèo kết thân. Cô ta còn cao lớn hơn cả phụ nữ Khâu Từ, tôi đứng bên cũng chỉ cao hơn cô ta nửa đầu.Mắt xanh, tóc vàng, trông cũng không đến nỗi nào. Có điều kể từ khi vào cung, cô ta không được lòng các phi tần Khâu Từ vì tính cách đáo để, ghê gớm của mình.

Cô ta nói tiếng Khâu Từ không được lưu loát cho lắm, khiến tôi nhớ đến nhiều năm trước cũng từng gặp một cô gái như thế. Nhưng cô ta lại liếc mắt đong đưa, khiến tôi chột dạ. Trong phòng chỉ có hai chúng tôi, không muốn gặp phiền phức, tôi xin phép ra ngoài.

Nhưng cô ta đã kéo tay tôi lại, áp sát thân mình vào người tôi, tôi đã lùi bước đến tận cùng, lưng chạm vào vách tường. Cô ta nói bằng giọng lơ lớ rằng đã đem lòng yêu mến tôi từ lâu.

Tôi lúng túng, khuôn mặt nóng bừng. Lúc trước, cô ta từng nhiều lần liếc mắt đưa tình, đong đưa trước mặt tôi, nhưng tôi chẳng thèm để ý. Tôi không thích, cũng không dám. Nhưng hôm nay, có lẽ cô ta nghĩ rằng cơ hội đã đến.

Cô ta đưa đẩy bộ ngực vĩ đại của mình trên cánh tay tôi, khuôn mặt trắng nõn nà, gò má lốm đốm tàn nhan sáp lại gần tôi. Trong khoảnh khắc, tôi như bị mê hoặc bởi cảm giác đê mê, êm ái của sự tiếp xúc da thịt.

Cô ta tiếp tục kể lể về chuyện đã phải lòng tôi ngay lần gặp đầu tiên như thế nào. Rồi khuyên tôi đừng lo lắng về thân phận của hai người, vì cô ta hứa sẽ không nói ra. Sau đó cô ta đã nói một câu mà tôi vô cùng chán ghét:

- Chàng là lãng tử nức tiếng, không ngại cướp cả vợ người ta, em tin chàng không phải kẻ nhát gan!

Lại là chuyện đó! Tôi bị mang tiếng xấu là kẻ phóng đãng, dù chưa từng làm chuyện phóng đãng bao giờ. Thậm chí, ngay cả khi cùng các vương tôn công tử đến kỹ viện vui chơi, tôi cũng chưa bao giờ nảy sinh ham muốn động vào đám con gái đáng ghét ấy. Cô gái của tôi phải là một cô gái thuần khiết như bầu trời xanh, tuy nàng chưa xuất hiện, nhưng tôi sẵn sàng chờ đợi...

Lợi dụng lúc tôi phân tâm, cô ta càng tiến sát hơn, cặp môi đỏ chót chừng muốn đỗ xuống, nhưng tôi đã kịp nghiêng đầu, dấu ấn của cô ta đậu lại trên sườn má bên phải. Bỗng nhiên tôi cảm thấy buồn nôn, liền đẩy cô ta ra. Cô ta loạng choạng, đổ người xuống chiếc bàn gỗ thấp, hình như phần eo va đập rất mạnh vào cạnh bàn, vẻ mặt trở nên dữ tợn.

Có tiếng bước chân vang lên ngoài cửa, một đám người đang sắp bước vào đây. Tôi hoảng hốt, vội chạy đến đỡ cô ta dậy, nhưng ánh mắt thù hằn dữ dằn của cô ta khiến tôi sợ hãi.

Bên ngoài là đức vua, cậu út Bạch Chấn, cha tôi và mấy người họ hàng khác. Người phụ nữ đó sà vào lòng đức vua, kêu gào thảm thiết, buộc tội tôi giở trò trăng hoa.

Một trận khẩu chiến xảy ra và tôi, tất nhiên, là người thua cuộc. Không ai tin tôi cả. Vết son trên má là bằng chứng trực tiếp, tiếng xấu trong quá khứ là bằng chứng gián tiếp. Đức vua vô cùng tức giận, nhưng vì nể mặt cha nên đã không hạ lệnh trừng phạt tôi ngay lúc đó. Những người còn lại, kẻ lắc đầu người thở dài, nhìn cha tôi ngao ngán. Kể từ lúc xảy ra chuyện, sắc mặt cha đã tái nhợt đi. Tôi chẳng thèm quan tâm người khác nghĩ gì, kể cả người đó có là đức vua đi nữa, nhưng tôi không thể chịu nổi khi thấy cha đau lòng.

Bởi vậy, sau khi về phủ, tôi đã giải thích để cha hiểu và hỏi ông:

- Cha tin con chứ?

Cha nói tin tôi, nhưng vẻ u buồn vẫn hiển hiện trong mắt khi cha nhìn tôi.

- Pusyse­da, giá như con có thể noi gương anh con, luôn biết giữ mình, thì đâu đến nỗi ngoài cha con ra, không ai chịu tin lời con cả.

Tôi mở miệng định thanh minh, nhưng không thốt lên lời. Vậy là cha luôn cảm thấy thất vọng về tôi!

Người hầu vào thông báo mẹ đã về, cha vô cùng mừng rỡ. Tôi theo cha ra đón mẹ vào phòng khách. Mẹ có vẻ rất tức giận, vừa vào nhà đã hỏi chuyện xảy ra hôm nay. Tôi kiên nhẫn (mặc dù không vui chút nào) giải thích lại lần nữa với bà.

Bà trách móc tôi:

- Hôm nay là ngày anh con thọ đại giới, vậy mà con lại gây ra chuyện động trời như thế!

Mẹ thậm chí không nói có tin lời tôi hay không, bà chỉ nghĩ đến anh trai. Hôm nay là ngày anh trai thọ đại giới, vậy còn tôi? Liệu mẹ còn nhớ hôm nay là sinh nhật lần thứ mười bảy của tôi không?

Tự nhiên, tôi cảm thấy vô cùng buồn tủi, liền lao ra ngoài, mặc cho cha quát gọi phía sau.

Màn đêm buông xuống, cơn gió mang theo hơi lạnh se sắt của mùa thu ào đến. Một mình lang thang trên đường phố vắng lặng, tôi bỗng nhận ra: từ trước đến nay, tôi vẫn luôn cô độc. Bao nhiêu bạn bè anh em, nhưng họ chỉ xuất hiện khi có hội nhậu, hay những cuộc đánh lộn. Tôi thấy mình như sắp hóa điên, bao điều nhức nhối dồn tụ trong lòng, không sao giải tỏa nổi.

- Pusyse­da!

Tôi ngẩng lên, thì ra là cô chủ quán ăn Khotan trong thành, một góa phụ trẻ tuổi lẳng lơ. Đã bị tôi cự tuyệt nhiều lần, nhưng cô ta chưa bao giờ chịu từ bỏ.

Tôi “diễn” một nụ cười phong tình, kéo cô ta vào lòng.

- Đến chỗ cô em nhé!

Tôi không muốn tiếp tục mơ mộng nữa, khổ sở theo đuổi những điều mơ hồ, không có thực ấy để mà làm gì? Dù sao trong mắt người đời tôi chỉ là một tên phong lưu không hơn không kém, vậy thì một tên phong lưu nên làm những việc xứng với danh xưng của hắn.

Tôi khá hồi hộp khi ở trong căn phòng của cô ta, cố gắng trấn tĩnh, tôi quay lại người đàn bà đã trút bỏ gần hết xiêm y:

- Nói cho ta biết phải làm thế nào?

Cô ta phá lên cười dâm đãng, nắm lấy tay tôi kéo lê trên thân thể cô ta. Mùi nước hoa nồng nồng trên người cô ta khiến tôi lảo đảo.

Dưới sự dẫn dắt của cô ta, tôi ngày càng trở nên thành thục, ngày càng trở nên cuồng bạo, tôi muốn trút bỏ mọi thứ đang dồn nén trong lòng ra ngoài. Tôi phải thừa nhận rằng, tôi đã cảm thấy thực sự hân hoan khi lên đến cao trào.

Sau khi kết thúc, tôi lẳng lặng ngồi dậy, đưa mắt nhìn mọi thứ xô lệch, nhàu nhĩ xung quanh và người đàn bà lõa lồ vẫn đang thở hổn hển cạnh tôi. Chẳng phải rất đơn giản sao? Vậy mà trước kia tôi cứ khiến nó trở nên nghiêm trọng. Rốt cuộc là tôi muốn bảo vệ thứ gì? Có đáng không? Chỉ là lên giường thôi mà, tôi có mất gì đâu!

- Chàng thật mạnh mẽ! Không giống là lần đầu tiên.

Cô ta trườn lên vai tôi, đổ cả thân hình mềm nhũn lên người tôi. Thân thể cô ta ướt át, mùi nước hoa trộn lẫn với thứ mùi hôi không thể giấu giếm xông lên mũi tôi. Ruột gan tôi như muốn lộn tùng phèo, tôi thấy buồn nôn. Đẩy cô ta ra xa, tự mình mặc quần áo, rồi lạnh lùng rời khỏi cái nơi đáng ghét ấy, tiếng cô ta gọi với phía sau:

- Khi nào chàng lại tới?

Tôi sẽ không bao giờ quay lại đó nữa, vì tôi không muốn hành hạ khứu giác với thứ mùi hôi kinh khủng ấy. Tôi lang thang trên đường cho đến khi tiếng mõ của người phu đi tuần đêm báo hiệu đã sang canh năm. Sinh nhật tuổi mười bảy của tôi đã qua đi như thế đó.

Tôi chính thức trở thành tên công tử chơi bời thực thụ, không nhớ nổi tôi đã lên giường với bao nhiêu người phụ nữ nữa. Tôi có thể tiếp nhận bất cứ ai, miễn là tôi cảm thấy hứng thú, chỉ với một điều kiện duy nhất: trên người họ không được có thứ mùi hôi khiến tôi buồn nôn ấy.

Ánh mắt cha khi nhìn tôi ngày càng chất chứa vẻ tuyệt vọng, mẹ thì không cần phải nói cũng biết bà khinh ghét tôi thế nào. Mặc kệ, dù sao thì họ chỉ cần có anh trai tôi là đủ...

Không lâu sau, mẹ và anh trai tôi chuyển đến ngôi chùa Cakra, cách nhà bốn mươi dặm. Như thế lại hay, tôi sẽ không phải ép mình đóng kịch, vờ thích thú mỗi lần phải cùng cha đến chùa thăm họ nữa. Anh trai trở thành trụ trì chùa Cakra, tuyên bố hùng hồn rằng sẽ dốc sức truyền đạo để toàn bộ người Khâu Từ tin theo giáo phái Đại Thừa. Sao cũng được, thích thay đổi điều gì xin mời cứ việc. Dù sao thì, đức vua rất mực sủng ái anh ấy, mọi người kính nể anh ấy, anh ấy muốn làm gì, ai nấy đều hưởng ứng.

Năm tôi hai mươi tuổi, mẹ quyết định rời khỏi Khâu Từ để đến Thiên Trúc, bà muốn chứng tam quả gì đó. Hai cha con tôi đến chùa Cakra tiễn bà. Chúng tôi lưu lại trong ngôi nhà của anh trai ở Sub­ash. Vì không đủ phòng nên tôi phải ngủ trong phòng của anh trai.

Buổi tối rỗi rãi, nhàm chán, tôi định bụng tìm đại một cuốn sách trong tủ sách của anh ấy để giết thời gi­an. Nhưng tôi tình cờ phát hiện ra một hốc nhỏ kín đáo phía sau tủ sách. Tôi tò mò đẩy nắp đậy ra và thấy một chiếc hộp gỗ hình chữ nhật.

Bên trong chiếc hộp gỗ là một xấp những bức vẽ. Cánh cửa ký ức trong tôi bỗng mở tung khi tôi nhìn thấy đôi mắt long lanh, trong sáng ấy, nụ cười tươi tắn rạng rỡ ấy, lúm đồng tiền duyên dáng ấy và suối tóc mượt mà, bồng bềnh, ơ hờ thả trên vai ấy. Chính là cô gái ấy! Đây đúng là dung nhan của nàng. Trong chốc lát, hơi ấm và giọng hát trong veo của cô gái ấy sống dậy trong tâm trí tôi, rõ ràng, sống động, như thể mọi thứ mới diễn ra ngày hôm qua. Tôi thật đáng trách! Tôi đã quên bẵng dung nhan ấy suốt mười năm trời.

Tôi lật mở ráo riết bức vẽ như kẻ đói khát lâu ngày được cho ăn. Cô ấy cưỡi trên lưng lạc đà, nhưng vì không quen nên ngồi không vững, suýt nữa thì ngã, điệu bộ rất nực cười. Cô ấy nghiêng đầu, há miệng, đúng rồi, đó là các động tác vũ đạo cô ấy tự biên tự diễn khi hát cho tôi nghe. Cô ấy nằm bò trên bàn ngủ gật. Tư thế ấy tôi đã được chứng kiến vài lần, ngờ nghệch mà đáng yêu vô cùng. Tôi cảm thấy tâm trạng trở nên nhẹ nhõm, thoải mái hơn khi ngắm nhìn những bức vẽ này, mọi buồn bực dường như đã tan theo mây khói. Tôi không nhịn nổi, bật cười sảng khoái, trong lòng chợt dâng lên một cảm giác ấm áp lạ thường. Lúc ấy tôi đã mong gặp lại cô gái đó biết chừng nào!

Những trang cuối cùng là chân dung của anh trai tôi thời niên thiếu. Tôi bừng tỉnh, thì ra những bức họa đủ mọi tư thế khác nhau của cô gái ấy đều do anh trai tôi vẽ. Không biết anh ấy đã vẽ trong bao nhiêu năm? Không biết hình ảnh cô gái ấy đã xuất hiện trong trái tim anh ấy bao nhiêu lần mới có thể giúp anh ấy phác họa được một chân dung tự nhiên, sinh động đến vậy. Thì ra, anh ấy vừa tụng kinh niệm Phật vừa lén lút cất giấu tiên nữ trong tim mình. Lục căn của anh ấy cũng đâu có thanh sạch, tôi nhếch môi cười, đột nhiên nảy ra một ý định.

- Hãy trả lại cho ta!

Quả nhiên anh ấy đã đến tìm tôi, thừa lúc vắng người, liền ghé vào tai tôi thì thầm, giọng nói có vẻ sốt ruột. Chẳng phải người tu hành nội tâm thanh tĩnh như mặt nước hay sao? Anh ấy mà cũng có lúc cuống quít như vậy ư?

- Trả lại gì?

Tôi lì lợm giả bộ không hiểu, nhướn mày thách thức. Anh ấy sững người, nhìn tôi hồi lâu, không nói thêm câu nào, xoay người bước đi.

- Cô ấy là tiên nữ, nhớ thương cũng chẳng ích gì đâu!

Tôi gào lên phía sau:

- Tôi đang giúp anh đó! Trong lòng nhiều vướng bận như thế làm sao chuyên tâm phụng sự Phật tổ được?

Anh ấy dừng bước, bờ vai rung động, không quay đầu lại, ngập ngừng một lúc lại tiếp tục bước đi. Nhìn theo anh ấy, tôi bỗng cảm thấy buồn bực vô chừng.

## 19. Chương 37 - 38

Chương 37: Pusyse­da ngoại truyện (3)

Mỗi khi buồn bực tôi lại đi kiếm phụ nữ, sau một hồi “vận động”, tâm trạng tôi khá lên rất nhiều. Nhưng không hiểu sao, hôm đó, ôm cô ba trong phủ tướng quân mà tôi lại chẳng có chút cảm hứng nào.

- Sao thế?

Bàn tay cô ta ve vuốt thân thể tôi.

- Chàng thường ngày hào hứng lắm kia mà, hôm nay sao vậy? Hay là chàng buồn vì mẹ chàng ra đi?

- Ai bảo thế?

Tôi xoay người lại, đè cô ta xuống, những ý nghĩ vẩn vơ vụt tan biến, nhiệt tình “đền bù” cho người đẹp. Khuôn mặt của cô ta chợt nhòa đi, một nụ cười tươi tắn, thuần khiết chập chờn hiện ra hiện ra trước mắt tôi, toàn thân hừng hực như lửa đốt và tôi, đã gọi tên cô ấy khi lên đến đỉnh cao hoan lạc.

“Xong việc”, cô ba nhà tướng quân hỏi tôi từ đó nghĩa là gì, tôi cười chống chế, nói rằng một câu tiếng Hán vu vơ nghe được ở đâu đó. Rồi bất chấp sự chèo kéo, nài nỉ của cô ta, tôi nhanh chóng đóng bộ, ra về.

Dù có chơi bời, lêu lổng đến đâu, tối nào tôi cũng về nhà ngủ và không bao giờ có chuyện tôi đưa phụ nữ về nhà. Đêm đó, tôi nằm dài trên giường ngắm từng bức vẽ. Tôi say mê đôi mắt trong veo, long lanh ấy, phụ nữ quanh tôi không ai có đôi mắt thuần khiết như thế. Bỗng nhiên, cảm thấy nỗi cô đơn rợn ngợp, tôi thấy nhớ cô ấy, lần đầu tiên trong đời, tôi thấy nhớ một người con gái da diết như vậy. Tôi muốn cô ấy trở về.

Tôi bật dậy, lục tìm cuốn “Kinh thi”, cô ấy nói rằng khi nào tôi đọc thuộc tập thơ này, cô ấy sẽ quay lại. Tôi lôi bức tranh con vật kì dị do chính tay cô ấy vẽ ra và không nhịn nổi cười khi ngắm nghía bộ dạng của nó. Tôi búng tay vào bộ mặt béo tròn của chú mèo kỳ quái, thì thầm:

- Ta học thuộc “Kinh thi” thì nàng sẽ quay về, phải không? Vậy thì ta sẽ học.

Từ hôm đó, tối nào tôi cũng đến phòng của cô ấy đọc “Kinh thi”. Mọi thứ trong căn phòng này vẫn được giữ nguyên như mười năm về trước. Bỏ bẵng tiếng Hán trong một thời gi­an dài, nay phải học lại, quả thực rất mệt. Những lúc bí bách, tôi thường ngả lưng trên chiếc giường của cô ấy, ngắm nhìn chân dung cô ấy, vuốt ve chiếc gối của cô ấy, tưởng tượng ra từng cử chỉ, điệu bộ của cô ấy. Chỉ thế thôi, cũng giúp tôi hân hoan cả một buổi tối. Đã lâu tôi không còn thiết tha tìm kiếm đàn bà nữa, nhưng tôi không hề thấy cô đơn, ngược lại, trong lòng lúc nào cũng ắp đầy niềm vui. Người ta trở nên phấn chấn hơn khi có cái gì đó để mà chờ đợi.

Thấy tôi không lêu lổng nữa, cha nghĩ rằng tôi đã phải lòng con gái nhà ai rồi. Cha đem thắc mắc đó hỏi tôi, tôi chỉ cười, bảo rằng, tôi sẽ lấy một cô gái độc nhất vô nhị trên đời, rằng mặc dù hiện nay cô ấy chưa xuất hiện, nhưng tôi sẽ đợi. Tôi cảm nhận được niềm vui chộn rộn khi nói lên điều đó và tôi chợt nhớ lại cảm giác khi tôi ôm chầm lấy cô ấy hồi nhỏ.

Ngày tháng lặng lẽ trôi qua, tôi đã học “Kinh thi” tròn một năm, đã chờ đợi suốt một năm. Tôi đã thuộc lòng và cô ấy sắp trở về! Ngày nào tôi cũng lang thang trên phố, quan sát kỹ tất cả những thiếu nữ người Hán xuất hiện trên đường, tôi không muốn để lạc mất cô ấy. Nhưng điều đó khiến tôi gặp không ít phiền phức. Nếu là trước kia, tôi sẽ không do dự, lập tức đồng ý lên giường với họ, nhưng giờ đây, tôi không còn hứng thú với chuyện đó nữa. Tâm tư tôi chỉ dành cho duy nhất một việc là chờ đợi cô ấy trở về.

Tôi có linh cảm là cô ấy sẽ trở về vào ngày hội Sumuzhe. Cô ấy vốn thích náo nhiệt, lễ hội lớn như vậy, sao có thể bỏ lỡ? Tôi mê mải tìm kiếm, quan sát kỹ lưỡng từng khuôn mặt người, vì tôi sợ ai nấy đều đeo mặt nạ, khó mà nhận ra cô ấy. Bỗng từ xa xuất hiện một cô gái người Hán, đang đứng ăn thịt dê nướng ở một góc đường, dầu mỡ dính đầy trên mép vẫn thản nhiên ngó nghiêng, ngắm nghía phố xá và người đi đường. Tim tôi đập rộn ràng, cô gái chân chất, không màu mè đó, có phải cô ấy?

Tôi chầm chậm bước tới, nhìn thấy đôi mắt long lanh trong sáng tôi đã chờ đợi suốt một năm qua, đột nhiên nhớ đến lần đầu gặp cô ấy năm lên mười, cũng chính đôi mắt đó đã lôi cuốn tôi. Ngần ấy năm trôi qua mà dung mạo của cô ấy vẫn giống hệt trong các bức vẽ, không thay đổi chút nào. Người phàm đâu thể như thế. Tiên nữ của tôi quay về thật rồi!

Cô ấy nhìn tôi chăm chú, như thể đã nhận ra tôi, ánh mắt lộ vẻ chờ đợi.

- Ngải Tình, có phải chị đấy không?

Giọng nói của tôi có vẻ run run, là cô ấy, chắc chắn là cô ấy, nhưng tôi không dám tin vào mắt mình, biết đâu chỉ là ảo giác thì sao?

- Tất nhiên là tôi rồi!

Cô ấy lắc lắc xiên thịt nướng trên tay, vẫn nụ cười ngây ngô ấy, nhưng sống động hơn nhiều so với tranh vẽ.

Tôi ôm xốc cô ấy lên, xoay vài vòng trên không, thân thể cô ấy vẫn ấm áp như ngày nào. Lần đầu tiên trong đời tôi thầm cảm tạ Phật tổ, tôi bằng lòng quy y, chỉ cần cô ấy ở bên cạnh tôi.

Tôi đưa cô ấy đi ăn, tôi không thấy đói, nhưng cô ấy có vẻ rất háo hức. Tôi rất thích ngắm vẻ thuần phác của cô ấy, chỉ thế thôi cũng đủ khiến tôi hân hoan, vui sướng rồi. Tôi càng vui hơn khi cô ấy bảo cô ấy vừa trở về. Lần đầu tiên, tôi đã nhanh hơn anh trai mình một bước. Tôi sẽ cố gắng để cô ấy không có quá nhiều ràng buộc với anh ấy. Anh ấy nên làm tốt bổn phận nhà sư của mình. Còn tôi, tôi sẽ chịu trách nhiệm chăm sóc tiên nữ.

Tôi đưa cô ấy về phủ, đọc “Kinh thi” cho cô ấy nghe, nhìn cô ấy cảm động. Đêm đó, tôi trằn trọc, không sao ngủ được. Tim tôi đập liên hồi mỗi khi nghĩ đến cô ấy đang ở cách mình không xa. Sao thế nhỉ? Tôi như thể cậu bé mười lăm, mười sáu tuổi lần đầu biết yêu vậy!

Tôi đã không hề chợp mắt, miên man ngóng chờ trời sáng. Không kìm chế nổi, tôi bật dậy, lén đến phòng cô ấy, ngồi ngắm cô ấy ngủ. Cô ấy nằm nghiêng, hơi thở đều đặn làm bay bay những sợi tóc lòa xòa trước mặt. Tôi xếp gọn những lọn tóc cho cô ấy, đột nhiên rất muốn hôn cô ấy. Ý nghĩ ấy khiến tôi toát mồ hôi, tôi lén lút sáp lại, làn môi cô ấy đã gần trong gang tấc, làn môi đỏ thắm tự nhiên ấy có sức hấp dẫn hơn bất cứ người phụ nữ chải chuốt nào. Nhưng cô ấy đột nhiên xoay người, miệng lẩm bẩm câu gì đó. Tôi giật mình suýt bổ nhào xuống đất. May mà cô ấy không thức giấc. Tôi phì cười, Pusyse­da mà cũng có lúc muốn hôn trộm phụ nữ ư? Và lại còn cảm thấy tội lỗi khi trong đầu nảy sinh ý định đó nữa chứ.

Những ngày diễn ra lễ hội Sumuzhe là những ngày vui vẻ nhất, bởi vì tôi có cô ấy ở bên. Tôi thích trêu đùa cô ấy, chọc tức cô ấy. Mỗi khi nhắc đến chuyện nam nữ, cô ấy lại đỏ mặt. Đó là phản ứng tự nhiên của những cô gái trinh trắng. Tôi vui mừng khôn tả, cô ấy giống như nụ hồng sắp nở, hy vọng, tôi sẽ hái được nụ hồng đó. Nếu là những cô gái khác, dù thời gi­an ve vãn, tán tỉnh có kéo dài bao lâu thì hạ màn vẫn là cảnh lên giường. Nhưng tôi không muốn lập tức “ra tay” với cô ấy như với họ. Có lẽ vì tôi không dám? Những tâm tình của cô ấy về sự gặp gỡ, yêu thương, gắn bó mang lại cho tôi những dư vị xúc cảm mới mẻ. Thì ra, hoan lạc không khó, thương yêu mới khó. Và càng khó hơn nếu muốn gắn bó với nhau tới khi đầu bạc răng long. Trước kia, tôi không hiểu thế nào là yêu, tôi chỉ có ham muốn xác thịt. Nhưng sự thật là, tôi khát khao một sự ngọt ngào, ấm áp, sâu sắc và bền vững chứ không phải niềm hoan lạc trong thoáng chốc. Vậy, tình cảm của tôi dành cho cô ấy là tình yêu ư?

Tôi không rõ như thế có gọi là yêu không, nhưng tôi biết rằng, trên đời này chỉ có cô ấy mới đem lại cho tôi sự ấm áp mà tôi muốn, chỉ có nụ cười của cô ấy mới khiến tôi say đắm. Kể từ lúc tình cờ nhìn thấy những bức tranh vẽ cô ấy, tôi đã chờ đợi cô ấy trở về để lấp đầy nỗi trống vắng trong trái tim cô đơn của tôi. Nếu cô ấy muốn, tôi có thể tặng cô ấy cả cuộc đời mình. Có điều, càng ở bên cô ấy, tôi càng cảm thấy căm ghét bản thân mình trước kia. So với tâm hồn thánh thiện, thuần khiết như nước của cô ấy, tôi quá ư tệ hại. Nếu cô ấy chịu tha thứ, tôi hứa sẽ không tiếp tục cuộc sống như trước kia nữa.

Những dự định tươi đẹp đó đã nhảy múa trong đầu tôi suốt trên đường đến Sub­ash đón cô ấy. Thậm chí, tôi đã suy nghĩ xem nên cầu hôn cô ấy như thế nào, để cô ấy không cảm thấy đường đột. Tôi đã chờ đợi một năm ròng, tôi không muốn chờ đợi thêm nữa. Khi tôi đến nơi thì cô ấy không có ở đó. Dò hỏi Mava­su mới biết, cô ấy đã trở về và sống ở đây suốt ba tháng.

Tôi chao đảo, mất thăng bằng. Cô ấy gạt tôi ư? Cô ấy lừa đảo tôi ư? Hai người đó có quan hệ gì? Họ đã ở cạnh nhau ba tháng trời, tối nào anh ta cũng ghé về thăm cô ấy, bọn họ liệu còn trong sạch không? Anh ta muốn hoàn tục ư? Có thể lắm chứ, cha tôi cũng hoàn tục sau khi gặp mẹ tôi đấy thôi. Cứ nghĩ ít ra lần này, tôi đã đi trước một bước, nào ngờ! Không lẽ, anh ta định cướp luôn cả nguồn hạnh phúc duy nhất của tôi hay sao? Anh ta đã có mọi thứ rồi kia mà...

Vậy nên khi nhìn thấy cô ấy, tôi đã mất hết lí trí, điều duy nhất tôi nghĩ được vào lúc đó, là kéo cô ấy lên giường, như thế anh ta sẽ không thể tranh giành với tôi được nữa. Sự xuất hiện của anh ta càng kích động tôi. Tôi hôn cô ấy trước mặt anh ta, tôi có thể làm được như vậy, anh ta thì sao? Nhưng sau cái hôn đó, tôi biết mình đã trách lầm cô ấy. Phản ứng dữ dội của cô ấy chứng tỏ giữa hai người họ chưa xảy ra chuyện gì cả, có nghĩa là tôi vẫn còn thời gi­an để giành lại cô ấy.

Cô ấy cắn vào môi tôi, giúp tôi bình tĩnh trở lại. Tôi gào lên với anh ta:

- Anh đã có mọi thứ, đừng tranh giành cô ấy với tôi nữa!

Tôi còn có thể nói những lời cay độc hơn thế, nhưng tôi không làm vậy, tôi chỉ muốn nói với anh ta điều này: Tôi cần cô ấy!

Sau đó nghĩ lại, tôi đã rất hối hận về sự thô bạo của mình hôm ấy. Tôi biết cô ấy bị thương và hành động lỗ mãng của tôi đã gây ra phản tác dụng. Trở về phủ quốc sư, cô ấy tránh tôi như tránh tà. Tất cả là lỗi của tôi. Lẽ ra cô ấy đã gần như chấp nhận những cử chỉ thân mật của tôi. Nhưng tôi không có thời gi­an để nghĩ về những việc đó nữa vì cha tôi đổ bệnh. Tôi định bụng sẽ xin lỗi cô ấy sau khi cha bình phục.

Nhưng cha đã không qua nổi trận ốm đó. Người cha thương yêu nhất của tôi đã mang theo nỗi nhớ nhung người mẹ của tôi lìa xa thế giới này. Tôi đã không quá đau buồn khi mẹ mất, nhưng nỗi đau khi cha qua đời khiến tôi suy sụp suốt một thời gi­an dài. Khi trái tim biết rung động, tôi mới thấu hiểu nỗi tương tư vò xé tâm can mà cha phải chịu đựng. Lẽ ra lúc trước tôi nên ngoan ngoãn nghe lời cha, không nên làm những việc khiến cha đau lòng. Xót xa thay, đến khi nhắm mắt xuôi tay, cha đã không được thấy sự hối cải của tôi.

Dù hơn một tháng qua, tôi đã hiểu rõ tôi không có chỗ trong trái tim cô ấy, nhưng tôi vẫn ngỏ lời cầu hôn. Vì tôi muốn mang lại cho cô ấy những thứ anh ta không thể. Nhưng đã quá muộn, tôi không thắng nổi và thực tế là chưa bao giờ thắng. Trái tim tôi trống rỗng khi nghe cô ấy thừa nhận tình yêu với anh ta. Ngải Tình, chị đã dạy cho tôi biết tình yêu là gì, nhưng khi tôi học được cách yêu, chị lại nói với tôi rằng, chị chưa từng yêu tôi.

Trong những ngày chờ đợi cô ấy từ Sub­ash trở về, tôi đã suy nghĩ rất nhiều. Cô ấy ra đi vì muốn anh ta hoàn thành lý tưởng vĩ đại của mình. Tôi thì không vĩ đại như vậy. Tôi yêu cô ấy nên sẽ tìm mọi cách để giữ cô ấy lại bên mình, thời gi­an có thể thay đổi mọi thứ.

Nghĩ vậy, tôi lấy trộm chiếc vòng của cô ấy. Truyền thuyết của người Hán kể rằng, có một nàng tiên xuống trần gi­an dạo chơi và đến tắm ở một hồ nước. Chàng trai người phàm đã trộm xiêm y của tiên nữ, khiến nàng không thể về trời. Nàng đành lưu lại nhân gi­an, kết thành vợ chồng với chàng trai đó. Tôi hy vọng truyền thuyết đó là có thật.

Đúng là cô ấy đã không thể trở về trời. Tôi sắp xếp đưa cô ấy tới tham quan thành cổ Taqian. Nhưng tôi không ngờ cô ấy lại bị thương một lần nữa. Tôi đã rơi nước mắt khi quan ngự y nói rằng cánh tay của cô ấy sẽ bị hoại tử và rằng nếu muốn giữ mạng sống thì phải cắt bỏ nó đi. Trái mệnh trời, cố ý níu giữ tiên nữ sẽ phải chịu sự trừng phạt, nhưng vì sao sự trừng phạt không rơi vào tôi? Tôi sẵn sàng phế bỏ cánh tay của mình thay cô ấy. Tôi chỉ không chịu đựng nổi khi chứng kiến cô ấy quằn quại, đau đớn.

Tôi đã suy nghĩ rất lâu và quyết định cử người đi tìm anh ta. Thực ra khi cô ấy ngắm nhìn những bức vẽ đó, tôi đã biết mình không còn cơ hội nào nữa. Mười năm trước tôi đã thua rồi. Đã vậy, tôi sẽ giúp cô ấy toại nguyện, chỉ cần cô ấy không phải chịu đau khổ nữa...

Không thể kéo dài thời gi­an, vết thương của cô ấy chỉ có thể được chữa khỏi khi trở về trời. Tôi trả lại chiếc vòng cho cô ấy, giúp cô ấy mặc bộ trang phục kỳ lạ vào người, giúp cô ấy thu dọn đồ đạc vào chiếc túi “không đáy”. Từ đây, trời đất cách biệt, không còn cô ấy nữa, tôi biết tìm hạnh phúc nơi đâu?

Nhưng tôi vẫn phải từ bỏ, vì tiên nữ vốn không thuộc về tôi. Tôi lưu lại trên trán nàng dấu ấn cuối cùng. Tôi đứng ngoài cửa phòng nhìn nàng lần cuối, một ngày trên trời bằng mười năm dưới trần gi­an. Lần chia biệt này, tôi sẽ không quên dung nhan của nàng. Chờ khi nàng quay lại, có lẽ tôi đã tóc bạc da mồi, răng rụng mắt mờ, mong là nàng vẫn có thể nhận ra tôi.

Đóng cửa lại, tôi bước ra ngoài sân, ngước lên nhìn trời, nơi mà nàng sẽ trở về. Nước mắt chan hòa, tôi nhủ lòng, nhất định phải sống hạnh phúc, vì tôi đã thực sự trưởng thành.

Cánh cổng chợt mở toang, anh ấy lảo đảo bước vào, gương mặt biến sắc, chỉ nhìn tôi một cái, định lao vào phòng cô ấy. Tôi gắng sức giữ anh ấy thật chặt, cô ấy dặn dò không ai được nhìn chùm sáng phát ra khi cô ấy ra đi.

Anh ấy không vượt qua được tôi, đành hướng vào phòng gào to tên của cô ấy, tiếng kêu như xé ruột xé gan, nỗi đau đớn, tuyệt vọng tột độ ấy, khiến tôi cũng phải hoảng sợ. Khoảnh khắc đó, tôi không còn cảm giác ghen ghét, đố kỵ với anh ấy nữa, anh ấy cũng giống như tôi, đều là những người đáng thương vì không thể có được tình yêu.

Khi chúng tôi bước vào phòng, tôi đã thực sự hoảng hốt, rốt cuộc cô ấy có thực sự tồn tại? Hay chỉ là một ảo ảnh trong trái tim tôi? Đức Phật nói rằng, mọi thứ đều không tồn tại, vậy, cô ấy thì sao?

Bàn tay anh ấy run run khi cầm những bức vẽ trên bàn. Vệt máu đã khô lại, nhưng không thể che đi nụ cười tươi tắn, thuần khiết của cô ấy. Anh ấy đổ người xuống giường, vùi đầu vào những bức vẽ, đôi vai rung động. Tôi lặng lẽ ra khỏi phòng, ngước mặt lên trời, hít một hơi thật sâu, rồi rảo bước đi tìm cậu út Bạch Chấn. Tôi phải sống thật vui vẻ để chờ cô ấy trở về.

Anh ấy ngồi thiền trong căn phòng của cô ấy suốt ba ngày, tôi đã dặn dò người hầu chỉ mang đồ ăn đến cho anh ấy, không được làm phiền. Người trong cung và trong chùa đến tìm, tôi kiếm cớ nói rằng anh ấy bị ốm, cần được tĩnh dưỡng. Giờ đây, tôi đã là chủ gia đình, tôi phải lo toan mọi việc trong nhà, bao gồm cả việc chăm sóc anh ấy.

Sau ba ngày anh ấy mới ra khỏi phòng, người gầy đi trông thấy, nhưng đôi mắt vẫn rất sáng. Hai người họ, tuy màu mắt khác nhau, nhưng thần thái và vẻ thánh thiện trong đôi mắt thì giống hệt nhau. Vóc dáng và tướng mạo tôi không thua kém anh ấy, nhưng tôi chẳng thể nào có được ánh mắt tinh khôi, thuần khiết của anh ấy.

Cứ nghĩ anh ấy sẽ gục ngã, sẽ chẳng còn lòng dạ nào với Phật pháp, kinh kệ nữa. Thật không ngờ, một thời gi­an sau, tôi đến chùa Cakra thăm anh ấy, vẫn thấy anh ấy say mê truyền bá giáo lý Đại Thừa, anh ấy làm việc hăng say hơn trước rất nhiều.

Khi chỉ có hai chúng tôi trong phòng, tôi nhìn khuôn mặt bình thản của anh ấy, khẽ hỏi:

- Anh lấy lại tinh thần rất nhanh thì phải?

Anh ấy nhìn thẳng vào tôi, bình tĩnh đáp:

- Mười năm có là bao, chỉ cần chuyên tâm truyền bá đạo Phật, mười năm sẽ qua rất nhanh.

- Nếu mười năm cô ấy không trở lại thì sao?

- Thì ta sẽ đến Trung Nguyên. Dù không phải đến để tìm cô ấy, ta cũng cần tới đó để cứu độ nhiều người thoát khỏi bể khổ. Việc truyền bá rộng rãi đạo Phật không thể chỉ giậm chân tại Khâu Từ.

Nét cương nghị, kiên định trên gương mặt anh ấy khiến cho tôi có cảm giác mười năm thời gi­an chớp mắt sẽ qua. Cánh tay đưa lên, để lộ chuỗi hạt sờn bạc, anh ấy vẫn muốn đeo nó mười năm nữa ư? Không thể không nói lời cảm phục anh ấy. Nếu đổi lại là tôi, chắc chắn tôi chẳng thể sống trong sự chờ đợi mỏi mòn và gần như vô vọng như thế. Đột nhiên cảm thấy, so với anh ấy, tôi chưa thực sự biết yêu. Tôi chỉ là kẻ thứ ba xen vào giữa hai người họ, tôi chẳng là gì cả.

Anh ấy đột nhiên hỏi tôi:

- Sao em lại gây chuyện khiến đức vua tức giận, đuổi ra khỏi cấm vệ quân như vậy?

Đến phiên trực đêm của mình, tôi dẫn theo mấy anh em đưa cô ấy đến thành cổ Taqian. Lúc quay về, tôi lại chỉ lo lắng cho bệnh tình của cô ây, không thèm vào cung lấy một ngày. Đức vua cho gọi nhiều lần nhưng tôi không buồn để tâm. Sau khi cô ấy ra đi, tôi mới vào cung, nhận tội thay các anh em.

- Ông ấy làm vậy vì muốn trả hận, vì nghĩ tôi ve vãn người đàn bà của ông ấy.

Tôi nhếch môi cười:

- Cha mẹ đều đã qua đời, ông ấy chẳng cần phải kiêng nể gì cả.

- Ta sẽ thử thuyết phục đức vua xem sao.

- Không cần!

Tôi đứng lên, khoát tay:

- Tôi chán làm lính từ lâu rồi.

- Vậy sau này...

- Chưa biết chừng tôi lại trở thành một thương nhân tài ba ấy chứ.

Tôi bước ra khỏi chùa Cakra, mùa đông đã tới, gió lạnh tê tái. Bầu trời xám xịt, tôi hít một hơi thật sâu. Giờ này chắc chị đang ở trên trời phải không? Cánh tay của chị đã lành lại chưa? Có lúc nào nhớ đến tôi không?

Tôi dựng lại cổ chiếc áo khoác lông cừu, bước vào xe ngựa và nói với phu xe:

- Đến nhà cậu út ta!

Chương 38: Cô đơn

Tôi lặng lẽ ngắm cảnh vật không ngừng trôi qua cửa kính tàu hỏa. Mùa đông giá lạnh, cây lá tiêu điều xơ xác, vẻ đìu hiu, vắng lặng bao trùm không gi­an, như bắt nhịp cùng điệu tâm hồn tôi. Một cốc trà xanh bốc hơi được đẩy ra trước mặt, tôi đón lấy, khẽ cảm ơn.

Sếp tôi ngồi bên cạnh, thở dài:

- Đừng nghĩ ngợi lung tung nữa. Quay về hãy tập trung học cho tốt, tháng Bảy tốt nghiệp rồi, em cũng nên suy tính tìm việc đi thôi.

Tôi ậm ừ đáp lại, đặt tay lên cốc nước sưởi ấm, mắt vẫn không rời khung cửa.

Suốt ba tháng sau khi trở về, tôi chỉ nằm trên giường. Bác sĩ bảo may mắn thay tôi đã về kịp lúc, muộn chút nữa sẽ không cứu được cánh tay. Hai chiếc ba lô North­face khổng lồ khoác sau lưng đã giúp tôi giảm thiểu rất nhiều sự va chạm khi tiếp đất, nên cánh tay đã không phải chịu thêm tổn thương nào cả.  Họ đã phẫu thuật cắt bỏ phần thịt đã thối rữa, kích thích phần da thịt mới tái sinh. Dù vậy, cánh tay của tôi không còn được linh hoạt như trước nữa. Đây phải chăng là cái giá phải trả cho việc thay đổi lịch sử?

Tôi báo cáo chi tiết tình hình sức khỏe, sau đó tiến hành kiểm tra toàn thân, kết luận rút ra là mức độ nhiễm phóng xạ sau bốn lần vượt thời gi­an của tôi đã vượt mức cho phép. Sức khỏe của tôi hiện nay không đảm bảo để có thể tiếp tục tham gia dự án này nữa. Tôi đã thử thuyết phục họ cho tôi “vượt” một lần nữa. Nhưng tôi thậm chí đã không qua nổi cửa ải của sếp chứ đừng nói đến nhóm chuyên gia. Sếp bảo tôi phải tĩnh dưỡng, kiên trì uống thuốc mỗi ngày để đẩy hết độc tố tích tụ ra ngoài. Tôi còn trẻ, sếp không muốn tôi để lại di chứng về sau.

Sếp vẫn không nguôi dằn vặt, nghe nói đã khẩu chiến kịch liệt với nhóm nghiên cứu, sau đó, giận dữ rút khỏi dự án. Thầy bảo tôi từ nay đừng nghĩ đến việc vượt thời gi­an quái quỷ gì nữa, trường tôi đã cắt đứt quan hệ với dự án này rồi. Chờ khi sức khỏe của tôi tương đối bình phục, thầy sẽ đưa tôi quay lại trường. Tất nhiên là tôi đã được trao một phần thưởng không nhỏ, đủ để tôi sống dư dật mấy năm liền không cần làm việc. Nhưng tôi chỉ cảm thấy ảo nảo khi nhận cuốn sổ tiết kiệm đó.

Về trường ư? Đã bao lâu rồi tôi không đến trường? Tôi nghỉ học nhiều như thế, liệu có theo kịp không? Thầy động viên tôi nói rằng, sẽ giúp tôi chuyện bài vở. Hai chiếc ba lô nặng trịch mà tôi mang về có giá trị vô cùng to lớn. Cuốn sổ ghi chép của tôi và rất nhiều thư tịch độc nhất vô nhị khác đều cần được nghiên cứu chi tiết. Tôi gi­ao nộp mọi thứ, chỉ giữ lại chiếc khăn lụa của Ata­la của Ra­ji­va, mấy chiếc khăn tay cậu ấy đặt vào tủ đồ của tôi và miếng ngọc bội hình sư tử của Pusyse­da.

Sự nghiệp “vượt thời gi­an” của tôi sẽ kết thúc ở đây ư? Kể từ lúc bắt đầu tham gia khóa học nghiên cứu sinh, tôi rất ít khi đến lớp, mà chỉ quẩn quanh bên dự án vượt thời gi­an này. Hai mươi hai tuổi chuẩn bị thử nghiệm, hai mươi ba tuổi vượt thời gi­an thành công, hai mươi tư tuổi trở về với thương tích đầy mình. Hơn hai năm qua, tôi đã chỉ sống trong ảo mộng? Nếu không có chiếc khăn tay Ata­la và miếng ngọc bội hình sư tử đó, tôi không dám tin mình đã từng sống, từng hít thở và từng yêu ở thế giới cổ đại cách đây 1650 năm về trước... Trong giấc mộng Trường Sinh ấy, rốt cuộc, tôi là Trương Sinh hay tôi là hồ điệp?

Tôi trở về là sự kiện lớn của trường. Bạn bè cũ của tôi, sau một thời gi­an dài không liên lạc, khi gặp lại tôi, ai nấy đều mắt tròn mắt dẹt. Buổi tối hôm đó, các bạn đã tổ chức một bữa tiệc nhỏ cho tôi ở quán karaoke. Chúng tôi vui chơi, hát hò đến tận hai giờ sáng. Hai giờ sáng ư? Tôi uể oải hé mắt, đã lâu lắm rồi tôi mới lên giường đi ngủ sau mười giờ.

Phải mất rất nhiều thời gi­an để làm quen với thực tại, rất nhiều thứ khiến tôi trở nên bỡ ngỡ.

Như thể trải qua bãi nương dâu, vật đổi sao dời vậy. Thì ra kinh tế đang lạm phát, giá bánh bao trong nhà ăn của trường tăng vọt. Thì ra thị trường cổ phiếu không còn là cây tiền của một vài người như lúc trước mà đã trở thành canh bạc của rất nhiều người. Thì ra, giá dầu đã tăng, chả trách các thầy cô đều chuyển sang đi xe buýt của trường, thậm chí có thầy cô còn không ngại cưỡi xe đạp BMW đến lớp. Thì ra, đang sốt phim “Sắc giới”, xem để học về cấu tạo cơ thể. Và chủ đề được bàn tán sôi nổi nhất là sang năm, chính phủ sẽ hủy nghỉ lễ mồng Một tháng Năm.

Các bạn nữ trong ký túc xá đều đã có người yêu. Màn đêm vừa buông xuống là ai nấy trang điểm xinh đẹp rồi rộn ràng kéo nhau đi hết. Căn phòng ký túc xá thường chỉ còn lại mình tôi vào những ngày cuối tuần, những người khác chỉ trở về với nụ cười hạnh phúc vào sáng sớm hôm sau.

Các bạn đều cảm thấy tiếc cho tôi, vì nếu tôi không mất tích lâu như vậy, chắc chắn bây giờ đã có bạn trai rồi. Buồn thay, mấy bạn nam trong lớp nghiên cứu sinh từng có ý với tôi, đều không đủ kiên nhẫn. Tôi cười trêu lại, tớ mà không biến mất thì đã không đến lượt các cậu.

Ra phố mua sắm cùng các chị em, ai nấy đều chê tôi lạc hậu, không cập nhật gu thời trang mới. Không phải tôi lạc hậu, mà là thế giới này biến đổi quá nhanh. Đôi lúc, tôi thấy nhớ da diết thế giới thuần khiết ấy, không gi­an trong lành, thanh sạch, không ồn ào ấy, cuộc sống điền viên đạm bạc, tiết tấu chậm rãi, khoan thai ấy, bầu trời trong vắt, nho và dưa gang ngọt lịm cùng những con người thuần phác, chân chất ấy.

Đôi lúc bước đi trên đường phố, bỗng nhiên quay lại nhìn, hình như tôi vừa thấy bóng dáng cao gầy, cô độc ấy thấp thoáng giữa dòng người tấp nập, tôi đuổi theo, nhưng đó lại là một người tôi không quen biết. Đôi lúc nghe thấy một giọng nói trầm ấm, ngọt ngào văng vẳng bên tai, tôi nỗ lực tìm kiếm, nhưng kết quả luôn là nỗi thất vọng ngập tràn xen trong những lời xin lỗi vì đã làm phiền. Một mình lang thang, đưa mắt dõi tìm bốn phía, rồi đột nhiên sụp xuống bên vệ đường, bật khóc nức nở, mặc cho bao nhiêu người trên phố chăm chú nhìn tôi với vẻ kinh ngạc. Con người thời hiện đại đã luyện cho thần kinh của mình vững như gang thép trước mọi tình huống. Bởi vậy, khóc chán, tôi lại lau nước mắt và tiếp tục bước đi, chưa khi nào tôi nhận được một lời hỏi han của ai đó trên đường.

Thì ra, cô đơn không phải cảm xúc bẩm sinh mà nó được hoài thai từ giây phút bạn đem lòng yêu một ai đó.

Chiếc lá là đôi cánh không thể bay.

Đôi cánh là chiếc lá chao giữa lưng chừng trời.

Có thể thiên đàng không là ảo tưởng, nhưng từ lâu em đã lãng quên mình học cách bay lên như thế nào.

Cô đơn là niềm hân hoan của một người.

Ồn ảo là nỗi cô đơn của nhiều người.

Yêu nhau là luôn đi bên nhau, nhưng em đã lãng quên thuở có anh ở bên.

Một mình nấu ăn, một mình lang thang, một mình đọc sách, một mình viết thư, một mình trò chuyện, tâm tình.

Nhưng tâm hồn dường như đã trôi về tận phương trời xa xôi nào, em không thấy rõ. Và em biết rằng, em không chỉ để mất anh.

Tôi đã nghe đi nghe lại ca khúc “Chiếc lá” này không biết bao nhiêu lần trong màn đêm tịch mịch. “Tâm hồn dường như đã trôi về tận phương trời xa xôi nào, em không thấy rõ. Và em biết rằng, em không chỉ để mất anh”. Mỗi khi nghe đến câu hát này, nước mắt tôi lại trào ra. Em vẫn cảm nhận được nụ hôn ngọt ngào ấy, nhưng chúng ta đã mất nhau rồi. Em đã đánh mất những gì? Một mối tình ư? Không, em đã đánh mất cả con tim mình...

Tôi về nhà ăn tết, nhìn thấy vết sẹo trên tay tôi mẹ đã rất xót xa, nhưng tôi nói dối rằng mình bị ngã. Ăn tết xong, như thường lệ, bố mẹ tổ chức sinh nhật tuổi hai mươi lăm cho tôi vào ngày mồng mười âm lịch, tôi thổi nến và ăn bánh ngọt. Vị bơ béo ngậy của miếng bánh khiến tôi bất giác nhớ những bức vẽ của Ra­ji­va. Không biết bây giờ cậu ấy còn vẽ tôi nữa không? Không đúng, không đúng, làm gì có “bây giờ”. Mọi thứ liên quan đến cậu ấy, với tôi, đều đã là quá khứ.

Ăn tối xong, tôi quay lại trường, mọi người đang bận bịu tìm việc làm. Chuyên ngành của tôi, tốt nghiệp ra trường không dễ xin việc. Ở lại trường làm giảng viên, xin vào viện nghiên cứu hoặc viện bảo tàng đều không phải những công việc kiếm ra tiền. Bạn bè tôi, nhiều người không đủ kiên nhẫn, đã xin vào làm thư ký hoặc nhân viên kinh doanh của một công ty nào đó. Chủ đề “tương lai” được mọi người bàn tán hết sức sôi nổi mỗi khi nhóm họp, chỉ mình tôi là không có chút hứng thú nào với chủ đề ấy. Luận văn về “Thiên Phật động Kizil” của tôi đã làm dấy lên những cuộc tranh luận sôi nổi trong giới học thuật. Thầy hướng dẫn khuyên tôi nên ở lại trường, vừa làm luận án tiến sĩ vừa dạy học. Tôi không nhận lời ngay vì còn muốn trải nghiệm cuộc sống “một mình nấu ăn, một mình lang thang, một mình đọc sách, một mình viết thư, một mình trò chuyện, tâm tình”.

Thời gi­an chầm chậm trôi qua, những lúc buồn chán, tôi thường lên mạng đọc tiểu thuyết viết về đề tài “vượt thời gi­an”, nhưng tôi chỉ chọn những truyện thật buồn cười. Ví như “Nàng vượt, chàng cũng vượt”, “Khi nàng gặp chàng”, “Khi nàng X gặp chàng Y”, “Tôi là cụ nội của...”. Đọc xong, tôi cười ngất, thành tâm chúc phúc cho những cô gái vượt thời gi­an trở về thời cổ đại và tìm được hạnh phúc của mình, họ may mắn hơn tôi rất nhiều! Tôi đã học được cách lãng quên như thế.

Tháng Tư giục giã tôi vác ba lô lên đường. Tôi đã không chọn đến Tân Cương vì sợ bản thân không kìm chế nổi sẽ lại tìm đến Kucha. Tâm trạng của tôi khi phải đối diện với khung cảnh tiêu điều, hoang phế 1650 năm sau, sẽ không thể là sự bình tĩnh như khi đi khảo sát vào thời gi­an trước đó. Vẫn không gi­an ấy, nhưng cách biệt là 1650 năm thời gi­an. Yêu nhau nhưng không được ở bên nhau, tôi sẽ hóa điên nếu phải chịu đựng nỗi dày vò ấy. Bởi vậy, tôi đã chọn đi Tây Tạng, nơi mà tâm hồn tôi có thể tìm được sự thanh thản, lắng đọng.

Tôi men theo tuyến đường cao ốc nam Tứ Xuyên – Tây Tạng, xuất phát từ Thành Đô, ngang qua Nhã An, Khang Định, đến Litang, lòng bồi hồi tưởng nhớ vị Đạt Lai đời thứ sáu của Tây Tạng – Tsangyang Gy­at­so. Những câu thơ của ông: “Hỡi cánh bạc trinh trắng/ Cho ta mượn đôi cánh/ Chẳng muốn đến nơi xa/ Chỉ dạo chơi Litang” đã khiến cho địa danh này nên thơ hơn, hữu tình hơn. Ngắm nhìn đỉnh núi Nya­ga hùng vĩ và thảo nguyên Maoya mênh mông, bát ngát trên độ cao bốn nghìn so với mực nước biển, sự khoáng đạt của không gi­an bao la khiến người ta trong phút chốc, quên đi mọi ưu phiền.

Khi ngang qua Markham, Bome Bay, chỉ cần đưa máy lên “tách” một cái là bạn sẽ có được một tấm ảnh tuyệt đẹp, khung cảnh biến thiên phong phú đến nỗi có thể khiến bạn nghẹt thở. Khi bóng dáng cung điện Pota­la thấp thoáng phía xa xa, tôi biết mình đã đặt chân tới vùng đất thánh – Lhasa.

Trên đường đi, tôi đã gặp gỡ và kết bạn với rất nhiều bạn trẻ, chúng tôi đồng hành qua mỗi chặng và tuân thủ luật “chia đầu người” hết sức bình đẳng. Đến chặng tiếp theo, chúng tôi chia tay nhau và mỗi người lại tiếp tục nhập vào một nhóm khác. Các bạn trẻ đam mê du lịch đều là những người hiểu biết tương đối rộng, nên chúng tôi có rất nhiều chuyện để nói. Thường thì trong những chuyến đi như vậy, các bạn nam nữ sẽ tự động kết thành đôi. Bạn nữ cùng phòng với tôi đã từng có một đêm không về. Nhưng thứ tình yêu lữ hành ấy đến nhanh mà đi cũng vội, rất ít người giữ được liên lạc với người kia sau khi trở về.

Tôi cùng một nhóm các bạn trẻ mới quen tại nhà trọ Thanh Niên ở Lhasa đến một quán bar trên đường Bắc Kinh Đông. Mọi người uống rượu rồi hào hứng chơi trò “thật lòng và mạo hiểm”. Lúc đầu tôi tham gia rất sôi nổi, nhưng khi đọc những câu hỏi trong mục “thật lòng” thấy hầu hết đều liên quan đến “Sex” còn trong mục “mạo hiểm” phần lớn là “Kiss”, thì tôi bỗng thấy mất hứng.

Đến lượt tôi phải trả lời thật lòng, một chàng trai trẻ người Bắc Kinh hỏi tôi:

- “Lần đầu” của cô diễn ra khi nào, ở đâu và cảm giác ra sao?

Tôi thở dài, ngượng ngập đáp:

- Tôi vẫn chưa.

Những tràng cười rộ lên, mấy cậu thanh niên nhìn tôi như muốn ăn tươi nuốt sống, thậm chí có người còn bông đùa, nói rằng có thể giúp tôi.

Tôi tìm cách trốn khỏi quán bar đó. Không hiểu giới trẻ bây giờ họ nghĩ gì nữa. Trong mắt họ, những người ở tuổi tôi mà chưa có kinh nghiệm về chuyện đó giống như người ngoài hành tinh vậy. Trào lưu hiện nay là tình yêu và tình dục thời đại đồ ăn nhanh. Vội vàng, gấp gáp, ăn chẳng kịp nhai. Tôi tôn thờ tình yêu truyền thống và liệu người đàn ông mà khi muốn hôn cũng phải ngập ngừng hồi lâu mới dám cất lời hỏi tôi “có được không” ấy có còn tồn tại hay không? Hay là, ở thế kỷ XXI này, kiểu tình yêu đó đã trở nên quá ư hiếm hoi?

Tôi sẽ không tham gia những buổi tụ tập quán bar quán rượu như thế nữa. Sự ồn ào, thác loạn ấy chẳng phải chính là nỗi cô đơn của một nhóm người hay sao? Còn tôi, tôi chọn cách cô đơn một mình, hân hoan một mình. Nửa đêm lang thang trên đường phố Lhasa, bầu trời đêm trong vắt tựa pha lê, ngàn vì sao lấp lánh, lơ lửng trên đỉnh đầu, tưởng như chỉ cần đưa tay lên là có thể chạm tới. Còn rất ít thành phố mà ở đó bạn có thể thỏa sức chiêm ngưỡng bầu trời đêm tuyệt đẹp như thế này. Tôi lại nhớ bầu trời đêm huyền hoặc như thế ở quốc gia cổ đại trên vùng ốc đảo tươi xanh trong sa mạc ấy.

Trước mỗi pho tượng trang nghiêm trong đền Jokhang, trong cung điện Pota­la và trong đền Drepung, tôi đều học theo người Tạng quỳ lạy thành kính. Những lúc tiếng tù và vang lên, tôi lại giật mình, toàn thân run rẩy, khoảnh khắc ấy, cảm giác như linh hồn mình đang bay đến tận phương nào. Kết thúc hàng trăm lần hành lễ, quỳ lạy, tôi chợt hiểu ra, dù tôi có trốn chạy tới đâu, cũng không thể thoát khỏi mối tương tư đã bám rễ nơi tâm hồn mình.

Khi tôi quay lại trường, anh bạn học trên một khóa đã đến tìm tôi, anh ta hiện đang làm việc trong viện nghiên cứu khảo cổ. Phải một lúc lâu sau anh ta mới thốt ra được lời tỏ tình với tôi. Và tôi, lập tức nhận lời. Khuôn mặt đỏ bừng của anh ta khiến tôi nhớ đến vẻ điềm tĩnh, tự tại của người ấy...

Tôi không muốn biện minh gì cả, rằng tôi không thể tiếp tục chịu đựng nỗi cô đơn ư, rằng tôi vẫn luôn nhớ nhung người đó ư. Lý do tôi nhận lời tỏ tình của anh bạn cùng trường rất đơn giản: bởi vì anh ta là con người của thực tại, mà dù thế nào, tôi cũng phải sống trong thực tại ấy...

## 20. Chương 39 - 40

Chương 39: Tôi muốn dệt tiếp giấc mơ

Tôi đến văn phòng chủ nhiệm khoa lịch sử của trường để nộp đơn xin học tiếp tiến sĩ. Thực ra mọi việc đã được sắp xếp ổn thỏa, nộp đơn chỉ là vấn đề thủ tục mà thôi.

Từ cửa sổ văn phòng vẳng ra tiếng trò chuyện. Thầy đang tiếp khách. Tôi do dự, không biết có nên vào hay không.

Khoa lịch sử là khoa nghèo nhất trường, tòa nhà văn phòng khoa đã cũ nát, được xây dựng từ những năm bảy mươi, nên chất lượng cách âm của các bức tường rất kém. Dù không để tâm lắng nghe, tiếng trò chuyện trong phòng vẫn rót vào tai tôi.

- Anh Quý, các tình nguyện viên khác đều đã thất bại, không còn cách nào khác chúng tôi mới phải nhờ đến anh. Tính đến nay, mới chỉ có em ấy “vượt” thành công, mà lại thành công những hai lần.

Giọng nói này nghe rất quen.

- Anh đừng cố thuyết phục nữa, tôi không đồng ý đâu. Em ấy còn trẻ, lỡ phải bỏ mạng vì cuộc thí nghiệm này thì sao?

Đây là giọng của sếp, nghe sao mà nặng nề đến vậy!

- Không nghiêm trọng đến mức ấy đâu. Chúng tôi đã cải tiến thiết bị...

- Dù có cách tân đến mấy, anh có dám bảo đảm em ấy sẽ không phải chịu bất cứ tổn thương nào không? Hậu quả của lần vượt thời gi­an vừa rồi anh thấy cả rồi đấy. May mà các anh còn chút lương tâm, đã huy động lực lượng y bác sĩ giỏi nhất cả nước mới cứu được cánh tay của em ấy.

Tôi giật mình, thì ra sếp đang nói về tôi, vội vàng ghé tai lắng nghe.

- Quả thật chúng tôi đã rất tắc trách vì không xét đến vấn đề nhiễm phóng xạ. Nếu em ấy không bị thương, có thể chúng tôi vẫn còn chủ quan cho rằng mọi thứ đều an toàn. Nhưng nếu em ấy thận trọng hơn, không để xảy ra thương tích, thì có lẽ vấn đề sẽ không nghiêm trọng...

Tôi đã nhận ra, đó là giọng nói của giáo sư Lý, người phụ trách nhóm nghiên cứu.

- Sao lại không nghiêm trọng?

Sếp cao giọng ngắt lời giáo sư Lý.

- Mỗi lần tiếp xúc với cỗ máy đó là một lần nhiễm phóng xạ. Cả cái đồng hồ vượt thời gi­an và bộ áo chống phóng xạ ấy nữa, đều là những nguồn gây nhiễm, có thể gây tổn hại cho sức khỏe của em ấy bất cứ lúc nào.

- Nếu em ấy không ở lại đó quá lâu, thì sẽ không việc gì.

Giáo sư Lý vội vàng thanh minh:

- Lần này, chúng tôi không yêu cầu em ấy ở lại quá lâu, chỉ cần đủ để kiểm chứng chức năng định vị thời gi­an và địa điểm mà chúng tôi mới phát minh có thành công hay không thôi. Chúng tôi hứa sẽ sử dụng thiết bị điều trị tốt nhất, có thể giúp cơ thể phục hồi nhanh chóng sau khi em ấy trở về.

- Các anh đã thử nghiệm nhiều lần các chức năng mới rồi đấy thôi và lần nào thiết bị cũng gặp trục trặc trước khi vượt.

- Chúng tôi đã rút kinh nghiệm của những lần trước, chúng tôi tin lần này nhất định sẽ thành công. Anh Quý à, anh cũng là một nhà nghiên cứu lịch sử. Lẽ nào anh không cảm thấy, việc chúng ta có thể quay trở về bất cứ thời điểm và không gi­an lịch sử nào, ví như được tận mắt chứng kiến thời kỳ oai hùng khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, nghiệm chứng tính xác thực của sự biến Huyền Vũ Môn, thậm chí có thể tham dự ngày Quốc khánh và được nhìn thấy chủ tịch Mao Trạch Đông, thủ tướng Chu Ân Lai, là rất tuyệt vời hay sao?

Giọng nói thầy Lý tràn đầy niềm tin về một viễn cảnh tươi đẹp.

- Anh Quý, chúng tôi chỉ cần một tình nguyện viên là đủ.

- Không được, việc đó quá mạo hiểm, tôi không thể...

- Em đồng ý.

Tôi đẩy cửa bước vào, tự tin lên tiếng trước sự sững sờ của hai vị học giả.

- Nhưng em sẽ chọn địa điểm và thời gi­an.

- Được chứ, không vấn đề gì.

Thầy Lý vui mừng gật đầu.

- Chỉ cần em nhận lời tham gia, đến thời đại nào là do em quyết định.

- Thưa thầy, sức khỏe của em có thể chịu đựng trong bao lâu?

Thầy Lý tỏ ra hơi lúng túng:

- Điều đó chưa thể xác định ngay lúc này vì không có số liệu. Nhưng nếu em nhanh chóng quay về...

Tôi ngắt lời thầy, mạnh dạn đề nghị:

- Em muốn đến Khâu Từ năm 384.

Thầy Quý giật mình ngẩng lên, nhìn tôi đăm đăm.

Tôi trở lại khu vực thực nghiệm quen thuộc, bận rộn với các hạng mục kiểm tra, rèn luyện sức khỏe, uống thuốc tăng cường sức đề kháng. Các cán bộ nghiên cứu mỗi ngày đều đến ghi chép số liệu về sức khỏe của tôi, tính toán thận trọng từng con số. Đầu tháng Tám sẽ bắt đầu chuyến vượt thời gi­an thứ năm của tôi.

Tận dụng thời gi­an rảnh rỗi, tôi tìm đọc tất cả các tài liệu về Ra­ji­va và thời kỳ Thập lục quốc. Cố gắng ghi nhớ mọi thứ, biết đâu sẽ có ích về sau.

Nhưng có nhiều tài liệu, càng đọc càng thấy khó hiểu. Bởi vì những ghi chép về Ra­ji­va đều quá ư ngắn ngủi, hàm súc, thậm chí tồn tại nhiều mâu thuẫn. Ví như năm sinh, năm mất của Ku­mara­ji­va.

Có hai quan điểm khác nhau về thời gi­an Ku­mara­ji­va qua đời: Trong “Truyện cao tăng” của nhà sư Tuệ Giảo, nhà Lương, thời Nam triều viết: “Ku­mara­ji­va mất ở Trường An ngày hai mươi tháng Tám năm thứ mười một đời Hoằng Thủy nhà Hậu Tần, cũng chính là năm thứ năm đời Nghĩa Hy nhà Đông Tấn”. Như vậy tức là năm 409 sau Công nguyên. Nhưng trong “Văn tế Pháp sư Ku­mara­ji­va”, Tăng Triệu lại viết: Ku­mara­ji­va mất tại một ngôi chùa lớn vào ngày mười ba tháng Tư năm Quý Sửu, hưởng thọ bảy mươi tuổi”. Năm Quý Sửu tức là năm thứ mười lăm đời Hoằng Thủy, chính là năm 413 sau Công nguyên.

Nếu căn cứ theo quan điểm của Tăng Triệu, thì năm sinh năm mất của Ku­mara­ji­va sẽ là 344 - 413 sau Công nguyên (hưởng thọ bảy mươi tuổi). Nhưng nếu căn cứ theo quan điểm của Tuệ Giảo thì niên đại đó là 350 – 409 sau Công nguyên (hưởng thọ sáu mươi tuổi). Hầu hết các học giả trong giới học thuật đều đồng tình với quan điểm của Tăng Triệu, vì Tăng Triệu nhận mình từng theo học Ku­mara­ji­va hơn mười năm và ông qua đời sau Ku­mara­ji­va một năm, do đó tính thiếu chính xác trong quan điểm của Tăng Triệu là rất thấp. Và bởi vậy, trong đại hội Phật giáo Trung Quốc – Nhật Bản lần thứ năm, học giả hai nước đã thống nhất tiến hành các cuộc nghiên cứu, thảo luận về Ku­mara­ji­va dựa trên năm sinh và năm mất của nhà sư là 344 – 413 sau Công nguyên.

Nhưng tôi lại cho rằng Tuệ Giảo đã đúng. Lữ Quang ép buộc Ra­ji­va phá giới, chính vào năm 384 sau Công nguyên, mà tôi đã yêu cầu được đến, khi ấy Ra­ji­va vừa tròn ba mươi lăm tuổi. Lời cảnh báo của vị hòa thượng lúc Ra­ji­va còn nhỏ khiến người ta không khỏi bàng hoàng về sự trớ trêu của số phận.

Sách “Tấn thư” viết: “Lữ Quang biết Ku­mara­ji­va là bậc tài trí hơn người, nhưng tuổi còn quá trẻ, nên đã bày trò ép nhà sư lấy công chúa Khâu Từ”. Tức là vì thấy Ra­ji­va tuổi còn trẻ, nên Lữ Quang mới ép cậu thành thân. Nếu khi ấy, Ra­ji­va đã bốn mươi mốt tuổi, thì vào thời đại đó, không thể nói là cậu còn trẻ. Nếu là ba mươi lăm tuổi thì còn có lý. Nhưng lẽ nào chỉ vì thấy Ra­ji­va tuổi còn quá trẻ mà Lữ Quang đã ép cậu ấy phá giới? Đằng sau câu chữ ngắn ngủi, ít ỏi kia ẩn giấu bao nhiêu điều bí mật? Tôi nhất định phải tới đó để chứng thực chuyện gì đã xảy ra?

Bao suy nghĩ chất chứa khiến tôi không khỏi lo lắng. Kể từ khi quay lại khu vực thực nghiệm, không đêm nào tôi được ngon giấc. Vừa mong ngóng thời khắc tiến hành thí nghiệm để có thể nhanh chóng trở về bên cạnh cậu ấy, nhưng lại vừa lo sợ, trở về đó tôi sẽ phải chứng kiến cảnh tượng mà tôi không mong muốn. Chuyện gì đã xảy ra trong suốt mười một năm đó? Ai có thể lưu giữ tình cảm của mười một năm trước? Nếu đây không phải là cơ hội duy nhất, chắc chắn tôi sẽ lựa chọn được trở về thời điểm Ra­ji­va vội vàng quay lại thành Khâu Từ để gặp tôi lần cuối. Theo lý thuyết xác suất, nếu hai người yêu nhau có thể chờ đợi đối phương với tỉ lệ cùng đạt tám mươi phần trăm, thì sác xuất họ có thể sống bên nhau là tám mươi nhân tám mươi bằng sáu mươi tư phần trăm. Con số này khiến tôi không khỏi ảo nảo. Nhưng, cho dù chỉ là một phần trăm, tôi cũng vẫn muốn đi. Vì nếu ở lại thế giới hiện đại này, tôi sẽ như kẻ mất hồn, trái tim tôi, từ lâu, đã không thuộc về nơi này nữa.

Tôi gọi điện cho bố mẹ. Họ không hề hay biết tôi tham gia dự án này. Tôi chỉ muốn thông báo với họ tôi vẫn khỏe, nhưng tôi phải đến một nơi bí mật để tham gia một dự án nghiên cứu đặc biệt, có thể mất vài năm hoặc lâu hơn nữa. Và vì là bí mật nên tôi sẽ không thể gọi điện cho họ được. Tôi động viên bố mẹ, nói rằng xin cứ yên tâm vì tôi rất khỏe mạnh và an toàn.

Nhưng dù là vậy, bố mẹ vẫn rất lo lắng, tôi cố gắng giữ giọng nói thoải mái, vui tươi, nhưng vừa cúp máy, nước mắt đã đầm đìa. Tôi là con một, nhưng tôi đã không thể trọn đạo, tôi không phải người con có hiếu...

Buổi tối trước ngày tiến hành thí nghiệm, “sếp” đã đến tìm tôi. Thầy trò tôi ngồi trò chuyện trên thảm cỏ bên ngoài khu vực thực nghiệm.

- Vì Ku­mara­ji­ma phải không?

Tôi bối rối.

- Em nghĩ thầy không đoán ra được ư?

Thầy thở dài:

- Cả hai lần vượt thành công em đều gặp Ku­mara­ji­va, lại là vào lúc cậu ấy ở độ tuổi thiếu niên và thanh niên. Thầy đọc tài liệu lịch sử cũng hết sức ngưỡng mộ Ku­ra­ma­ji­va tài trí trác tuyệt thời trẻ. Huống hồ một cô gái trẻ như em, hơn nữa em lại được gặp con người tài hoa đó ngoài đời thực.

Tôi chỉ biết cúi đầu, lặng yên.

- Xưa nay em vẫn là cô gái thông minh và lý trí, lẽ nào vì tình yêu mà trở nên mê muội như vậy?

- Thưa thầy, thầy đã trải qua tuổi trẻ và cũng đã từng yêu, đúng không ạ?

Tôi ngẩng lên, mọi thứ trước mắt bỗng trở nên nhạt nhòa.

- Chính vì em mạnh mẽ, lý trí và tôn trọng lịch sử, nên em đã chọn cách từ bỏ. Nhưng giờ đây em đã hối hận, sau khi trở về, ngày nào em cũng hối hận, hối hận vì đã không ích kỷ hơn. Nên em quyết định đi tìm cậu ấy, em không muốn nghĩ đến lịch sử hay bất cứ điều gì khác...

- Nhưng em nghĩ chuyến đi này có thể thay đổi điều gì?

Giọng thầy đượm vẻ bất lực.

- Em đã biết chuyện gì xảy ra rồi đó, vị hôn thê của Ku­mara­ji­va là công chúa Khâu Từ.

- Em biết.

Hai hàng nước mắt đuổi theo nhau trên gò má rồi lặng lẽ rơi xuống đám cỏ.

- Đây là thời điểm cam go nhất trong cuộc đời cậu ấy, em muốn ở bên để chia sẻ với cậu ấy. Em luôn có linh cảm rằng, cậu ấy đang chờ em, đang mong ngóng em trở về. Nhưng cũng có thể em sẽ chẳng giúp được gì. Nếu đúng theo ghi chép của sử sách, thì cậu ấy đã có người ở bên cạnh. Nếu vậy, em sẽ lặng lẽ chúc phúc cho cậu ấy, sau đó sẽ quay lại tiếp tục cuộc sống của mình ở nơi này.

Sếp tôi lại buông một tiếng thở dài nặng nề.

- Bây giờ thầy có yêu cầu em đừng thay đổi lịch sử, em cũng không nghe, đúng không?

Tôi cắn môi, khổ sở đáp lời:

- Thầy luôn cảnh báo em không được thay đổi lịch sử, nhưng biết đâu, em lại chính là người thúc đẩy sự phát triển của lịch sử.

Thầy yên lặng hồi lâu:

- Chương Hy đã gọi cho thầy.

Tôi ngạc nhiên. Từ lúc biết mình có cơ hội trở về bên cạnh Ra­ji­va, tôi đã nói lời chia tay với anh bạn cùng trường. Thực ra, kể từ khi nhận lời anh ấy, chúng tôi hầu như không ngồi trò chuyện riêng với nhau bao giờ. Anh ấy hẹn tôi đi ăn cơm hay đi xem phim, tôi đều kiếm cớ thoái thác. Bởi vậy, chia tay chỉ là thủ tục. Chúng tôi không giống một đôi đang yêu nhau chút nào. Nên tôi khá bất ngờ khi anh ấy gọi điện cho sếp.

- Cậu ấy nhờ thầy nói với em, rằng cậu ấy sẽ chờ cho đến khi em tỉnh mộng.

Tôi cười buồn. Chắc chắn thầy đã nói cho anh ấy biết lí do thực sự của lần vượt thời gi­an này của tôi. Chờ tôi ư? Chờ đợi một người không thật lòng yêu mình trong viễn cảnh vô vọng như vậy ư? Con người thời hiện đại mấy ai có thể làm được như thế?

- Thầy ơi, nếu em không muốn tỉnh lại thì sao?

- Cô nhóc này, em đừng quên, dù em và cậu ấy có tâm đầu ý hợp đến đâu, đó cũng chỉ là một giấc mộng phù vân mà thôi. Nơi đây mới là ngôi nhà thực sự của em, mới là cuộc sống hiện thực của một người bình thường.

Thầy trở nên nghiêm khắc:

- Mỗi lần vượt thời gi­an, tia phóng xạ tích tụ trong cơ thể sẽ dần dần phá hủy hệ thống miễn dịch của em, em phải nhanh chóng quay về điều trị. Đừng vội đắc ý, thầy biết con gái khi yêu thường mất hết lí trí, nhưng vì tình yêu mà đánh đổi cả tính mạng thì chẳng có gì là vĩ đại cả.

Thầy ngừng lại giây lát.

- Vì tình yêu, người ta phải tiếp tục sống, như thế mới vĩ đại. Thầy đã yêu cầu họ chế tạo loại pin có tuổi thọ dài nhất từ trước đến nay, em có thể quay về trong vòng hai năm. Mang theo đồng hồ vượt thời gi­an và áo chống phóng xạ ít nhiều sẽ gây tổn tại cho sức khỏe, nhưng em vẫn phải giữ gìn cẩn thận. Vì trong thời đại loạn lạc ấy, biết đâu những thứ đó có thể cứu em.

Tôi gật đầu, lặng lẽ ngước nhìn bầu trời đêm. Đêm mùa hạ mà không thấy bóng dáng một ngôi sao nào, ở thời đại này, mức độ ô nhiễm sao mà đáng sợ đến vậy!

Tôi nằm trên bàn thí nghiệm, mọi người đã lục tục kéo ra khỏi căn phòng kín bưng. Sếp đột ngột lại gần tôi, ghé vào tai tôi, nói khẽ:

- Nhớ đừng làm chuyện dại dột. Khoa học kỹ thuật không ngừng phát triển, chỉ cần em chịu quay về, sẽ có thêm cơ hội gặp lại.

Thầy nắm chặt tay tôi:

- Hãy cẩn trọng, đừng để bị thương.

Nhìn tôi thêm một lần nữa, rồi mới quay lưng bước ra ngoài. Mắt tôi nhòe ướt khi ngó theo bóng dáng già nua ấy.

Chương 40: Trở lại Khâu Từ

Lưng tôi va phải vật gì rất góc cạnh, vòng tay ra phía sau, chưa chạm đến lưng đã đụng phải một thứ kỳ lạ. Cùng lúc đó, một mùi hôi thối nồng nặc xông lên não, kích thích tôi choàng tỉnh.

Phía trước, một đôi mắt mở to đang nhìn tôi chằm chằm, vệt máu khô đét dính trên đỉnh đầu, khuôn mặt hung tợn, dữ dằn. Tôi kinh hoàng bật dậy, nhưng mặt đất gập ghềnh dưới chân khiến tôi chao đảo. Tôi chống tay, những tiếng răng rắc vang lên, đưa mắt nhìn xuống, tôi vừa ngồi lên và làm gẫy cẳng chân của một người nào đó, bàn tay dính đầy vệt máu đỏ sẫm, nhớp nháp. Trời đất ơi, tôi đang ở nơi nào thế này? Đưa mắt ra xung quanh, cơn buồn nôn lập tức ập đến.

Tôi đang ở trong một cái hố chôn cực lớn, đường kính chừng hơn chục mét và chỉ mình tôi là người sống. Tầng tầng lớp lớp thi thể chất cao thành đống, mùi hôi thối không ngừng xông lên, tôi nôn ra cả mật xanh mật vàng. Tay bịt mũi, tôi kinh sợ đưa mắt quan sát khung cảnh trước mắt. Nhìn y phục trên người và khuôn mặt của những tử thi mất tay mất chân, hay thậm chí mất đầu ấy, tôi đoán họ là binh lính Khâu Từ và rất nhiều tộc người du mục vùng Trung Á khác. Nếu thời gi­an và địa điểm cài đặt trên cỗ máy thời gi­an là chính xác, thì cảnh tượng trước mắt có lẽ là kết quả của cuộc đại chiến giữa Bạch Thuần và Lữ Quang.

Không phải tôi chưa từng thấy thi thể. Những xác ướp trong viện bảo tàng ở Ai Cập, những bộ xương người trong viện bảo tàng ở Tân Cương, tôi cũng từng theo đoàn khảo cổ đi khảo sát những lăng mộ dưới lòng đất. Chưa kể đến những thi thể không đầu trong các động đá thuộc vương quốc Guge (Tây Tạng) cổ đại, vì ở trên cao nguyên, không khí loãng, trải hơn sáu trăm năm lịch sử, các thi thể vẫn chưa phân hủy hoàn toàn, đến tận bây giờ vẫn nồng nặc mùi xú uế. Vụ thảm sát ở Nam Kinh với hố chôn hàng vạn người, đài tưởng niệm được xây dựng dưới lòng đất, mỗi khi bước chân vào đó, những bộ xương trắng bao quanh bạn, cảnh tượng thảm thương đến mức khiến bạn phải nhắm mắt lại, không dám nhìn. Tôi không phải kẻ nhát gan, vì nếu thế tôi đã không theo học ngành lịch sử. Nhưng chưa bao giờ tôi khiếp sợ như thế này. Tận mắt chứng kiến sự chết chóc và hệ hô hấp không ngừng thu nạp thứ mùi hôi thối đặc trưng của thi thể vừa bắt đầu phân hủy ấy và tôi lại đang ở nơi mà một khoảng trống không xác người để đặt chân lên cũng không có. Tôi ngẩng đầu, vậy là mặt đất đang ở cách tôi một khoảng vượt quá chiều cao của tôi.

Trong ba lô của tôi có dây móc và một vài vật dụng trèo tường chuyên dụng. Trước đó, nhóm nghiên cứu đã mời giáo viên thể dục và lính đặc công đến huấn luyện cho tôi một số thao tác cơ bản để có thể giúp tôi sống sót trong thời đại mà tính mạng con người bị coi như cỏ rác này. Tôi đã mặc quần áo rằn ri để luyện tập vượt qua tường cao, nhảy qua hố sâu, học cách vật lộn và những kỹ thuật phòng thân của con gái. Tuy thời gi­an tập luyện rất ngắn ngủi, trình độ chỉ ở bậc am­ateur, nhưng ít nhiều cũng có chút kỹ thuật. Nhưng, vấn đề ở chỗ, tay chân mình mẩy tôi lúc này đang run lên cầm cập, thậm chí không đủ sức để lấy công cụ trong ba lô ra nữa. Trừ phi tôi phải nhắm chặt mắt lại để không phải nhìn thấy những cánh tay, bắp chân đứt rời và nhầy nhụa máu, bịt chặt mũi để không ngửi thấy thứ mùi khủng khiếp nhất trên cõi đời ấy. Mà như thế, cả não bộ của tôi cũng trở nên tê liệt, tôi không kéo nổi khóa ba lô, nỗi sợ hãi bật lên thành tiếng khóc.

 Lại một thi thể bị ném xuống, thiếu chút nữa đã đè nát người tôi. Bên trên có người! Tôi như kẻ chết đuối vớ được cọc, không kịp suy nghĩ, tôi vội gào lên kêu cứu. Mấy cái đầu người nhô ra trên mặt đất, vẻ mặt hoảng sợ. Có lẽ họ nghĩ tôi là xác chết sống dậy. Tôi vội vàng giải thích tôi là người sống, do bất cẩn nên mới sa chân xuống hố. Gào thét một thôi một hồi mới thấy một sợi dây thừng được thả xuống.

Lên đến mặt đất mà tôi vẫn trong trạng thái hồn bay phách lạc, sau đó thì nhận ra rằng tình trạng sau khi được cứu thoát cũng không mấy sáng sủa. Những người kéo tôi lên có vẻ như là binh lính của Lữ Quang và vì phụ trách công việc dọn dẹp chiến trường, chôn lấp xác chết nên họ đều là những lính tráng hoặc già nua yếu đuối, hoặc bệnh tật đầy mình. Bị vây bọc giữa đám lính chẳng có vẻ gì là thân thiện, tử tế này khiến tôi không khỏi than thở cho tình cảnh “tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa” của mình.

Chưa hoàn hồn với nỗi kinh hoàng vừa trải qua, tôi đã phải nhanh chóng nghĩ cách đối phó với tình cảnh trước mắt. Trong chiến tranh, phụ nữ bị xem là chiến lợi phẩm. Những thương binh tàn phế này làm gì có cơ hội xung phong lên tuyến đầu để có thể được ban thưởng phụ nữ hay vàng bạc, châu báu kia chứ. Vậy nên họ chắc chắn sẽ xem tôi như một món quà từ trên trời rơi xuống. Tuy có mang theo súng gây mê, nhưng ở khoảng cách gần như vậy, lại đông người thế này, tôi không biết mình có thể bắn hạ bao nhiêu tên.

Trước mặt tôi đều là những khuôn mặt người Hán, tôi gắng gượng cười thật tươi, chắp tay cung kính, thưa chuyện với họ bằng tiếng Hán:

- Thưa các anh, tôi vốn là thê thiếp mới của ngài Đoàn Nghiệp, bộ hạ của tướng quân Đỗ Tấn. Hôm nay ra ngoại thành hái thuốc, chẳng mai trượt chân rơi xuống hố sâu, gây cản trở công việc của các anh, tôi xin có lời tạ lỗi.

Trong số các bộ hạ người Hán theo Lữ Quang Tây chính, tôi chỉ biết Đỗ Tấn và Đoàn Nghiệp. Đỗ Tấn là tướng tá đắc lực của Lữ Quang, mà công lao to lớn nhất của Đỗ Tấn là giúp Lữ Quang bình định Hà Tây[23]. Sau đó, Đỗ Tấn đã được phong chức tướng quân hộ quốc, rồi Thái thú võ uy. Nhưng vì quyền cao chức trọng, ra vào oai vệ chẳng khác nào Lữ Quang, nên Lữ Quang sinh lòng đố kỵ đã viện cớ trừ khử Đỗ Tấn.

Còn Đoàn Nghiệp, chính là người lập ra nhà Bắc Lương thời Thập lục quốc, nhưng lại chỉ là một thư lại nhỏ bé dưới trướng Đỗ Tấn khi Lữ Quang đem quân chinh phạt Khâu Từ, về sau, Đoàn Nghiệp được thăng chức Thái thú Kiện Khang (nay là Tửu Tuyền, Cam Túc). Năm 397, Thư Cừ Nam Thành, người Hung Nô lật đổ nhà Hậu Lương của Lữ Quang, đưa Đoàn Nghiệp lên ngôi vua Lương nhằm mua chuộc lòng người. Thế là từ một bậc “nho nhã, không chút quyền hành trong tay”, Đoàn Nghiệp bỗng nhiên trở thành quốc vương của Bắc Lương thời Thập lục quốc.

Quân đội của Lữ Quang tập hợp đủ mọi tộc người. Lữ Quang cùng thuộc tộc người Đê với Phù Kiên. Còn tôi mang diện mạo của một người Hán, bởi vậy, phải tìm một người Hán để có thể qua mặt đám quân lính trước mắt. Tôi chọn Đoàn Nghiệp mà không chọn Đỗ Tấn vì chức vụ của ông ta quá cao, nếu tôi nói mình là thê thiếp của ông ta, chắc chắn sẽ có người sinh nghi. Còn Đoàn Nghiệp, lúc này mới hai mươi tuổi, chỉ là một văn thư quèn dưới trướng Đỗ Tấn, những người biết rõ về thê thiếp của người này chắc không nhiều. Hành quân ra trận vốn dĩ không được đưa người thân đi cùng, nhưng vì Lữ Quang muốn chiếm đóng Khâu Từ lâu dài, nên đã cho phép tướng lĩnh của mình nạp thiếp.

Những người đó quả nhiên lộ vẻ bực tức, vì họ chẳng dám đắc tội với cấp trên. Tôi thở phào, định xoay người bước đi thì một người trong số họ cứ nằng nặc đòi đưa tôi đến gặp Đoàn Nghiệp, chắc là muốn nịnh bợ đây mà! Từ chối không được, vả lại nghĩ rằng một thân một mình cũng khó vào thành, tôi liền ưng thuận đi theo anh ta.

Đường vào thành trải ra trước mắt tôi những vết tích tang thương mà chiến tranh gây nên. Xác người, xác ngựa la liệt trên đường, mùi xú uế nồng nặc khắp nơi. Xe ngựa, gạch đá dùng để công phá thành nằm ngổn ngang trên lối đi. Gươm đao giáo mác cong mẻ gập gẫy chất đầy đường. Những bức tường thành Khâu Thành loang lổ, vỡ nát, tan hoang.

Không được chứng kiến tận mắt trận chiến này, nên tôi chỉ có thể nhớ lại những ghi chép trong sách sử.

Quân của Lữ Quang có bảy mươi ngàn bộ binh, năm ngàn kỵ binh, cộng thêm binh lực của Shan­shan và Chrish đi tiên phong, tổng cộng khoảng một trăm ngàn quân. Còn Bạch Thuần, dốc sạch quốc khố cầu viện Khoái Hồ, Khoái Hồ phái hơn hai mươi vạn quân đến chi viện. Cộng thêm binh lực của Wen­su, Weitou, tổng cộng hơn bảy trăm ngàn quân.

Cuộc chiến với binh lực quá ư chênh lệch ấy lại mang về chiến thắng vang dội cho Lữ Quang, ông ta quả không hổ danh là tướng tá đắc lực của Phù Kiên. Sách “Tấn thư” chép rằng, khi ấy, các tướng sĩ đều cho rằng: địch đông ta ít, cần dựng trại, dàn trận, tính kế lâu dài. Nhưng Lữ Quang không nghe, nói rằng: địch đông ta ít, càng dàn trận càng phân tán lực lượng, không phải kế hay.

Lữ Quang lệnh cho binh lính dựng trại phía nam thành Khâu Từ, cứ năm dặm một trại, đào hào sâu, đắp lũy cao, dùng kế nghi binh, đội mũ sắt, mặc áo giáp, cắm cờ lên bù nhìn bằng gỗ giả người thật, nhằm đánh lạc hướng quân Khâu Từ trong nội thành. Sau đó, dẫn đại quân đón đánh liên quân Khoái Hồ ở phía tây. Kỵ binh Khoái Hồ nhất loạt mang áo giáp sắt, giáp trụ cứng như thép, mũi tên không thể xuyên thủng. Thêm vào đó, quân yểm trợ lại là đội khinh kỵ tinh nhuệ, sử dụng roi da làm vũ khí, thúc ngựa vung roi quật ngã đối phương, trăm phát trăm trúng. Bởi vậy, gi­ai đoạn đầu cuộc chiến, Lữ Quang rơi vào thế yếu.

Lữ Quang nhận thấy quân Khoái Hồ chỉ có đội kỵ binh là tinh nhuệ, đội quân còn lại tuy đông đảo nhưng chỉ là đám dân du mục bị bắt đi lính nên Lữ Quang nghĩ ra cách đối phó với kẻ địch là chặt chân ngựa chiến. Đám kỵ binh khi bị ngã trở nên bất lực, vì bộ giáp sắt mặc trên người quá nặng khiến họ không thể di chuyển, càng không thể chống trả. Quân của Lữ Quang chặt đầu hơn mười ngàn lính Khoái Hồ, tin tức bay về khiến Bạch Thuần run sợ. Đức vua Khâu Từ vội vàng vơ vét của cải, bỏ thành mà chạy. Hơn ba mươi nước chư hầu trong vùng nghe nói Khâu Từ bại trận, đã ùn ùn kéo đến xin hàng.

Bạch Thuần thua trận khi đã gần sáu mươi tuổi, ông ta trốn chạy đến đâu, sử sách không ghi chép. Lữ Quang chiếm thành, đưa người em út của Bạch Thuần là Bạch Chấn lên ngôi vua.

Khâu Từ là quốc gia mạnh nhất ở Tây vực, điều đó khiến các nước chư hầu khác không hài lòng. Bởi vậy khi được lệnh đến Trường An cống nạp, vua nước Shan­shan, vua nước Chrish và Bạch Chấn đã gặp riêng Phù Kiên, thỉnh cầu vua Hán chinh phục Tây vực và xin làm “hoa tiêu dẫn đường”. Quân của Lữ Quang có thể thuận lợi vượt qua ba trăm dặm cồn cát và những sa mạc mênh mông nối tiếp nhau ở Tây vực, phần lớn nhờ vào công lao của các “hoa tiêu” này trong đó cũng có sự đóng góp của Bạch Chấn, vì từ lâu “cậu út” đã có dã tâm đoạt ngôi.

Vừa đi vừa nhớ lại những ghi chép trong các tài liệu lịch sử, chẳng mấy chốc đã đến cổng thành. Thành Khâu Từ phồn hoa thịnh vượng năm nào giờ đây hoàn toàn vắng lặng, đìu hiu. Lác đác vài bóng người trên phố, nhà nào nhà nấy cửa đóng then cài. Quân lính của Lữ Quang mặt đỏ gay gắt, chân nam đá chân chiêu, ngật ngưỡng trên phố vắng, thấy nhà nào cửa hẹp tường cao là xông vào, theo sau đó là những tiếng gào khóc thảm thiết vang lên.

Sau khi vào thành và nhìn thấy cung điện nguy nga, tráng lệ của Bạch Thuần, Lữ Quang đã hạ lệnh cho Đoàn Nghiệp viết một bài phú “Cung điện Khâu Từ” với nội dung châm biếm, đả kích. Người dân Khâu Từ có cuộc sống no đủ và họ rất biết cách hưởng thụ, trong nhà mỗi gia đình đều ủ rất nhiều rượu nho. Mỗi gia đình thậm chí cất giữ hàng nghìn thùng rượu, sau mười năm, hương rượu nồng nàn thấm đẫm trong khuôn viên phủ đệ. Lữ Quang vì muốn khoản đãi tướng sĩ sau chiến thắng, đã dung túng cho đám lính của mình thỏa sức cướp bóc, số quân lính ngập chìm, thậm chí bỏ mạng trong men rượu nhiều không đếm xuể.

- Đoàn đại nhân!

Suy nghĩ bị cắt ngang, tên lính người Hán đi cùng tôi hướng về một người dáng vẻ thư sinh, khép tay hành lễ. Họ Đoàn, có phải là Đoàn Nghiệp?

Nếu không tìm cách trốn thoát tất sẽ bị lộ. Nhưng ngõ phố gần nhất cũng cách tôi đến hai mươi mét. Nếu cố tình bỏ đi, e rằng chưa được mấy bước đã bị bắt lại. Vừa căng thẳng nghĩ cách thoát thân, nhưng lòng hiếu kỳ lại dâng ãnh liệt, tôi muốn được tận mắt nhìn thấy dung mạo của hoàng đế Bắc Lương. Theo học chuyên ngành này thật nguy hiểm, lòng hiếu kỳ có thể khiến người ta phải đền mạng như chơi.

Đoàn Nghiệp chừng hai mươi tuổi, cao khoảng một mét bảy mươi lăm, khuôn mặt vuông vức, dáng vẻ nho nhã, trên tay cầm giấy bút, đang trò chuyện với một quân nhân, nhìn thấy tên lính người Hán, liền quay lại đáp lễ.

- Đoàn đại nhân, ngài đây rồi, tôi đang tìm ngài. Phu nhân một mình ra ngoại thành hái thuốc rất nguy hiểm, cô dâu mới mà sao ngài không biết thương hoa tiếc ngọc?

Đoàn Nghiệp tất nhiên rất kinh ngạc, liếc nhìn tôi, định mở miệng phủ nhận, tôi giả bộ vui mừng khi nhìn thấy người thân, vội lao đến trước mặt hắn, hạ giọng:

- Tôi được cao nhân chỉ điểm, thông tỏ thiên cơ, nếu đại nhân chịu ra tay cứu giúp, tôi nhất định sẽ báo đáp ơn này.

Sử sách chép rằng, Đoàn Nghiệp vốn là kẻ khù khờ, chỉ tin vào bói toán tà thuật. Cầu mong sao chiêu bài này của tôi sẽ đánh trúng tâm ý hắn.

Hắn nhìn tôi đầy nghi hoặc, có vẻ như không tin tôi có khả năng đó cho lắm. Cũng phải thôi, tôi còn quá trẻ, khắp người bốc mùi hôi hám, chẳng có chút khí chất thần thánh nào cả. Tôi bỗng chột dạ, vội hỏi khẽ:

- Đêm trước khi công phá thành Khâu Từ, Lữ tướng quân từng mơ thấy voi vàng bay ra vùng ngoại thành, đúng không?

Đó là những ghi chép trong sách “Tấn thư”, giấc mơ đó đã khiến Lữ Quang càng có thêm tự tin rằng “thánh thần đã rời bỏ thành Khâu Từ, người Hồ tất sẽ diệt vong”. Sách “Tấn thư” ghi chép rất nhiều những điều kỳ quái, thần thánh mang màu sắc mê tín nên rất nhiều nhà sử học về sau này không xem đó là chính sử. Còn tôi thì đang đặt cược, tôi cược rằng, trước tình thế địch mạnh ta yếu, Lữ Quang đúng là đã bịa đặt ra giấc mơ kì lạ đó để động viên binh sĩ. Nếu tôi thua, tôi cũng chẳng còn đường thoát nào khác.

Đoàn Nghiệp kinh ngạc ngẩng lên, trầm ngâm một lát, lại nhìn tôi, không khẳng định cũng không phủ nhận. Cảm ơn tên lính người Hán, tạm biệt người vận đồ quân nhân vừa trò chuyện với mình, anh ta đưa tôi rời khỏi đó trong tiếng cười giễu của bọn họ.

Bước đi cùng Đoàn Nghiệp mà trong lòng không khỏi thấp thỏm lo âu. Tuy nhiên, theo tài liệu lịch sử thì Đoàn Nghiệp không phải là kẻ nóng nảy, hiểm ác như Lữ Quang. Nếu không ổn, một mình hắn tôi cũng có thể đối phó được. Đoàn Nghiệp đưa tôi đến nhà một thường dân, bên trong có rất rất nhiều người vóc dáng văn nhân, họ cất tiếng chào anh ta. Có lẽ quân Lữ Quang đã cưỡng chế trưng dụng căn nhà này làm nơi tụ họp của các quan văn.

Khi chỉ còn hai chúng tôi ở trong phòng, tôi chắp tay trước mặt Đoàn Nghiệp:

- Tôi vì muốn giữ mạng, đã mạo muội nhận mình là người nhà của Đoàn đại nhân, xin đại nhân thứ tội.

- Cô nương xin đừng khách sáo, ta hiểu nỗi khó xử của cô.

Anh ta rất nhã nhặn, lịch thiệp, khiến tôi có thêm vài phần thiện cảm.

- Vị cao nhân mà tôi nhắc đến, chính là đại pháp sư nổi tiếng khắp vùng Tây vực, Ku­mara­ji­va. Tôi tuy kiến thức nông cạn, nhưng may mắn được gặp pháp sư, nên đã học hỏi được rất nhiều điều bổ ích. Lần này đến Khâu Từ cũng vì mong được diện kiến pháp sư. Nếu được ngài truyền thụ cho chút ít kiến thức, chắc chắn năng lực tiên đoán của tôi sẽ được nâng lên đáng kể.

Không biết Ra­ji­va hiện nay ra sao, tôi chỉ có thể dò la thông tin về cậu ấy bằng chủ đề ưa thích của Đoàn Nghiệp.

- Danh tiếng của đại pháp sư Ku­mara­ji­va như sấm dội bên tai, được biết pháp sư có biệt tài xem tướng số, lại thông thạo âm dương ngũ hành, tôi đây vốn đã ngưỡng mộ từ lâu.

- Đoàn đại nhân chưa gặp pháp sư bao giờ ư? Nghe nói pháp sư hiện đang ở chỗ của Lữ tướng quân, lẽ ra đại nhân phải được gặp pháp sư thường xuyên mới đúng chứ?

Tôi nín lặng chờ đợi phản ứng của Đoàn Nghiệp.

Vẻ mặt anh ta vương chút ảo nảo:

- Tôi rất muốn, nhưng pháp sư đang bị gi­am lỏng, tôi chẳng thể gặp ngài.

- Tôi và pháp sư vốn có duyên, nếu đại nhân có thể giúp tôi gặp được ngài, tôi nhất định sẽ xin pháp sư xem hậu vận cho đại nhân.

- Điều này e là không thể.

Anh ta có vẻ rất sốt sắng, nhưng lại hơi do dự.

- Nghe nói, tướng quân gi­am đại sư trong cung, với chức quan quèn như hiện nay, tôi không thể gặp ngài.

Trong lòng ngập đầy nỗi thất vọng. Tôi chỉ biết cậu ấy bị gi­am trong cung, nhưng không rõ đã bị Lữ Quang ép phá giới hay chưa. Đoàn Nghiệp chỉ là một thư lại nhỏ bé, lại không phải thân tín thuộc tộc người Đê của Lữ Quang, nên chắc rằng anh ta cũng không biết được thông tin gì.

Tôi đành hỏi Đoàn Nghiệp những câu hỏi khác, được biết, thành Khâu Từ đã bị công phá năm ngày rồi, ngày thứ ba, Bạch Chấn đăng cơ làm vua Khâu Từ.

Suy nghĩ một lát, tôi cầu xin Đoàn Nghiệp giúp đỡ:

- Không biết Đoàn đại nhân có thể cử người đưa tôi đi tìm Pusyse­da – em trai pháp sư Ku­mara­ji­va không?

Một mình trên phố lúc này chẳng khác nào sa vào hang hùm, khẩu súng gây mê nhỏ bé của tôi chắc chắn không thể hạ gục đám lính đang điên cuồng cướp bóc ngoài kia.

Sợ Đoàn Nghiệp từ chối, tôi vội vàng hạ thấp giọng một cách bí hiểm, nói với anh ta:

- Theo quan sát của tôi, tướng mạo của Đoàn đại nhân cho thấy ngài không phải hạng tôm cá trong ao tù, ánh hào quang tỏa ra từ ngài chứng tỏ rằng, ngày sau, ngài sẽ làm nên nghiệp lớn.

- Có thật không?

Anh ta đúng là một kẻ mê tín, vẻ mặt trở nên bí hiểm, rồi hạ thấp giọng, dò hỏi:

- Sẽ là ở đâu và khi nào? Xin cô nương cho biết.

Tôi ra điều kiện:

- Đại nhân chịu đưa tôi đi, tôi sẽ không ngại tiết lộ.

Môn thần học vốn rất thịnh hành vào thời Nam Bắc triều, gắn với Nho học, Huyền học trong một thể thống nhất không thể tách rời. Thực ra đó chỉ là những dự đoán mang màu sắc kỳ lạ, bí hiểm mà thôi. Vương Mãnh muốn Phù Kiên giết tướng Sabir, nên đã cho người tung tin đồn “tháng Ất Dậu năm Giáp Thân, Ngư Dương ăn thịt người”[24]. Phù Kiên không nghe, vẫn hậu đãi Mộ Dung Thùy, nhưng chính sách đoàn kết các dân tộc hết sức tiến bộ của ngài đã không có hiệu quả. Và lời cảnh báo của Vương Mãnh lại hết sức chính xác. Năm 384, tức là năm Giáp Thân, nhà Tiền Tần bắt đầu tan rã. Tuy Phù Kiên bị Diêu Trường thuộc tộc người Khương giết chết, nhưng nguyên nhân chính của sự sụp đổ của nhà Tiền Tần là do cuộc khởi nghĩa phục quốc của người Sabir.

Bởi vậy, việc Đoàn Nghiệp đồng ý đưa tôi đi tìm Pusyse­da thể hiện sức mạnh to lớn của bói toán.

## 21. Chương 41 - 42

Chương 41: Bên bờ sông Hán ai ơi, có cô con gái khó ai mơ màng

 Sau ngần ấy năm, không biết Pusyse­da ra sao, có được bình an trong thời cuộc loạn lạc này không? Hồi hộp bước tới cổng phủ quốc sư, tôi chợt thấy một binh sĩ người Khâu Từ đang đứng. May mà Đoàn Nghiệp có mang theo lệnh bài của quân đội Lữ Quang, nên binh lính Khâu Từ không dám gây khó dễ, đã vội vào trong thông báo.

 Khuôn viên phủ đệ đã được quét vôi trang trí lại, tuy không tráng lệ nhưng rất tinh tế, tao nhã. Căn nhà khang trang như vậy, lại có cả lính giữ cổng, điều đó chứng tỏ sự lo lắng của tôi là thừa, chắc là Pusyse­da đang sống rất thoải mái.

 Trong thời gi­an chờ đợi, tôi thì thầm vào tai Đoàn Nghiệp:

Hào quang xuất hiện ở Kiện Khang, nghiệp lớn sẽ thành ở Hà Tây. Đại nhân hãy ghi nhớ, không được tiết lộ thiên cơ, nếu không sẽ mất linh nghiệm.

 Đó là kết quả chắt lọc từ quá trình suy nghĩ của tôi trên suốt đường đi, tuy không được văn hoa mượt mà cho lắm, nhưng bói toán là phải lấp lửng như vậy. Kiện Khang ám chỉ sau này Đoàn Nghiệp sẽ được phong làm Thái thú. Thái thú Kiện Khang, còn Hà Tây tức là hành lang Hà Tây, nơi sau này sẽ là vùng đất của nhà Bắc Lương mà Đoàn Nghiệp làm vua. Nhưng trong lúc này, chắc chắn anh ta sẽ nghĩ rằng Kiện Khang là địa bàn của nhà Đông Tấn, Hà Tây là một vùng đất chung chung, mơ hồ nào đó. Bài bói của tôi cũng khá đấy chứ, có thể xem như không hề tiết lộ lịch sử.

 Thực ra, sau khi lên ngôi, Đoàn Nghiệp cũng chỉ sống thêm chưa đầy năm năm. Ông ta bị giết trong trận chiến với Thư Cử Mông Tốn, để rồi sau đó, Mông Tốn tự phong mình làm vua Bắc Lương. Đoàn Nghiệp qua đời ở tuổi bốn mươi. Nhưng tất nhiên, tôi không nói những điều này cho ông ta biết. Những câu chữ mà tôi sử dụng đều đã được chọn lọc kỹ lưỡng. Bởi vậy, lúc chào từ biệt tôi và ra về, niềm hân hoan rạng rỡ vẫn còn trên gương mặt Đoàn Nghiệp.

 Người trong phủ bước ra, đó là Sukha­la, vị quản gia năm nào. Ông đã trở nên già nua, lụ khụ lắm rồi! Ngước mắt nhìn tôi hồi lâu mà không sao nhớ nổi tên. Tôi mỉm cười hỏi ông Pusyse­da có nhà không.

 Ông đưa tôi vào nhà, nói rằng Pusyse­da vẫn ở trong cung, tối mới về. Ông nói sẽ đi mời phu nhân. Phu nhân ư? Tôi sững sờ, nhưng hiểu ra ngay vấn đề. Pusyse­da năm nay ba mươi hai tuổi, chắc chắn đã lập gia đình, không biết vợ cậu ấy là người như thế nào? Tôi ngắm nhìn mọi thứ xung quanh khi ngồi chờ ở phòng khách. Phủ quốc sư đã thay đổi rất nhiều so với hồi Ku­marayana còn sống. Cách bài trí rất trang nhã, không quá cầu kỳ nhưng tinh tế, tỉ mỉ, cho thấy sự hiện diện rất rõ ràng của bàn tay phụ nữ. Bầu không khí thẫm đẫm sắc màu Phật giáo trong phủ quốc sư trước kia, này chỉ còn lại bức tượng Phật đặt trên bàn thờ ở một góc khuất trong gi­an phòng.

 Linh cảm có ai đó ở phía sau, tôi quay người lại, một cô gái người Hán, dáng người dong dỏng, thân hình thon thả, dung mạo không quá mỹ miều, nhưng đôi mắt cô ấy to và trong sáng, ở cô ấy toát lên nét dịu dàng, đoan trang. Thấy tôi, cô gái khẽ cúi chào, đôi mắt lướt trên người tôi, có vẻ như đang phỏng đoán mục đích của chuyến viếng thăm này. Tôi nghĩ có lẽ cô ấy là vợ Pusyse­da, vội vàng đáp lễ bằng tiếng Hán:

 - Mong phu nhân lượng thứ cho sự đường đột của tôi. Tôi tới đây để nhờ đại nhân giúp gặp mặt pháp sư Ku­ra­ma­ji­va.

 Tôi nói ngay ý định của mình để xua tan mối nghi ngờ có thể nảy sinh trong lòng cô gái ấy, vì biết đâu cô ấy lại cho rằng, người tình của Pusyse­da đến bắt vạ thì sao.

 Cô gái hơi ngỡ ngàng:

- Huynh ấy hiện đang ở chỗ tướng quân Lữ Quang, cô nương gặp huynh ấy có việc gì vậy?

- Vì một mối ân tình.

Tôi đáp một cách mơ hồ:

- Nhờ phu nhân nhắn giúp với đại nhân, rằng Ngải Tình đã về.

- Ngải Tình ư?

 Cô ấy nhắc lại tên tôi và như đang tìm kiếm điều gì đó, sau đó thì có vẻ giật mình, nhìn tôi trân trân.

- Thì ra cô nương chính là cô gái sống trong căn phòng đó?

 Tôi ngẩn ngơ, căn phòng của tôi, vẫn được lưu giữ ư?...

- Xin phu nhân đừng hiểu lầm, căn phòng đó là do pháp sư sắp xếp cho tôi, không liên quan đến Pusyse­da.

- Tôi hiểu chứ. Mỗi lần về nhà, huynh ấy lại đến phòng cô nương ngồi thiền rất lâu.

 Cô ấy mỉm cười:

- Thật không ngờ, cô nương lại trẻ trung như thế!

 Tôi gượng cười, thực ra tuổi của tôi, ở thời đại này đã là bà mẹ của mấy nhóc tỳ rồi ấy chứ. Chỉ là, 1650 năm về trước, thời đại mà tuổi thọ bình quân của con người chưa đến năm mươi tuổi và ngành công nghệ mỹ phẩm chưa phát triển, thì ngoại hình của tôi chẳng khác nào thiếu nữ mười bảy, mười tám tuổi.

 Cô ấy sai người hầu vào cung nhắn gọi Pusyse­da. Sau đó mời tôi ngồi, lời nói, cử chỉ đều rất nhã nhặn, từ tốn. Không thể không khen ngợi Pusyse­da đã chọn được một người vợ tuyệt vời.

 Một vài cái đầu bé con lấp ló ngoài cửa, những con mắt tròn to, lấp lánh, chăm chú nhìn tôi. Cô gái cất tiếng gọi, một chú nhóc mập mạp dắt theo một cô nhóc nhỏ hơn khật khưỡng chạy vào..

 Những đứa bé mới đáng yêu làm sao! Chú nhóc là anh, cô nhóc là em, một bé năm tuổi một bé ba tuổi. Cả hai nhóc đều có tên bằng tiếng Tochari, nhưng Pusyse­da còn đặt tên tiếng Hán cho chúng nữa. Anh tên Cầu Tư, em tên Vịnh Tư.

- Tướng công nhà tôi say mê “Kinh thi”, nên đã dựa vào bài “Hán Quảng” trong “Kinh thi” để đặt tên cho các con.

 Khuôn mặt cô gái ửng hồng, nụ cười ý nhị nở trên khóe môi, dường như đang nhớ lại một kỷ niệm đẹp đẽ nào đó.

 Tôi ngỡ ngàng. Bài thơ trữ tình, lay động tâm can. Chàng trai nọ theo đuổi cô gái người Hán bên dòng sông Hán, sông Hán rộng lớn, nước chảy xiết, muốn bơi sang bờ bên cạnh là điều không thể, bè gỗ cũng không thể đưa chàng trai đến bên cô gái. Theo đuổi không thành, cô gái đi lấy người khác, chàng trai vẫn ngày ngày cặm cụi cắt cỏ chăn ngựa giúp cô gái.

 “Núi nam có cây trụi cao,

 Mọi người chẳng thể tựa vào nghỉ ngơi.

 Các cô sông Hán dạo chơi,

 Đoan trang chẳng thể trao lời cầu mong.

 Kìa con sông Hán mênh mông,

 Chớ toan lặn lội mà hòng vượt qua.

 Trường gi­ang mờ mịt chảy xa,

 Kết bè chẳng thể dùng mà lướt đi.

 Bụi cây lộn xộn đẹp xinh,

 Tôi lo cắt loại cây kinh mà dùng.

 Nếu nàng nay đã theo chồng,

 Xin nuôi giùm ngựa cho lòng đẹp vui.

 Rộng thay sông Hán cách vời!

 Chớ toan lặn lội vượt khơi mà hòng.

 Trường gi­ang xa tít muôn trùng,

 Thả bè chẳng thể xuôi dòng mà đi.

 Bụi cây lộn xộn đẹp cao,

 Thì ta vội cắt cây lâu mà dùng.

 Nếu nàng nay đã thao chồng,

 Ngựa câu nuôi giúp thì lòng cũng cam.

 Rộng thay sông Hán xa xăm!

 Cho nên không thể lặn ngầm mà qua.

 Trường gi­ang mờ mịt chảy xa,

 Kết bè chẳng thế dùng mà lướt đi”[25]

 Là ai đang thương ai đang nhớ ai?

 Tôi ôm những đứa trẻ bụ bẫm vào lòng, ngắm nhìn đôi mắt màu xám nhạt thừa hưởng từ người cha của chúng. Giây phút ấy, tôi như được thấy lại Pusyse­da hồi nhỏ, thấy lại chú nhóc hay nhõng nhẽo bày trò, nũng nịu đòi tôi hát cho nghe ấy. Mới đấy mà đã hai mươi năm. Chú nhóc năm nào giờ đây đã có con bồng con bế. Trước khi tôi ra đi, cậu ta nói sẽ hạnh phúc và bây giờ, hạnh phúc ấy hiện rõ ở người vợ nhu mì, hiền thục và những đứa con đáng yêu này đây.

 Tiếng bước chân dồn đạp ngoài cửa, một bóng dáng cao lớn xuất hiện, tay vịn vào khung cửa, nhìn tôi ngỡ ngàng:

 - Ngải Tình, là chị thật ư...?

 Tôi đứng lên, mỉm cười, nhưng sao sống mũi cay cay.

 Cậu ta đi như lao về phía tôi, cứ cái đà ấy, với sự hiểu biết của tôi về cậu ta thì chắc là định bước tới ôm lấy tôi. Tôi bối rối vì vợ cậu ta đang đứng bên cạnh. May mà mấy đứa nhóc đã cứu nguy cho tôi. Chúng lon ton chạy đến, sà vào lòng cha, chặn vòng tay đang dang rộng về phía tôi lại.

 Vợ cậu ta cũng đứng lên, nụ cười ngọt ngào, nhìn những đứa trẻ cuộn tròn trong lòng Pusyse­da. Rồi cô ấy bước đến, kéo lũ trẻ ra, nhẹ nhàng nói với chồng:

 - Để thiếp đưa các con đi tắm, chúng nô đùa cả ngày, bụi bám đầy người rồi.

 Rồi quay lại gật đầu với tôi:

 - Cô Ngải Tình ngồi chơi, tôi xin phép.

 Cảm tình với cô gái lại tăng thêm một bậc nữa. Quả là một phụ nữ hiểu biết. Chả trách, cô ấy đã khiến “lãng tử” Pusyse­da quay đầu.

 Khi chỉ còn lại hai chúng tôi, tôi dành chút thời gi­an quan sát thật kỹ Pusyse­da của mười năm sau. Cậu ta vạm vỡ hơn trước, cũng học theo các nam giới Khâu Từ khác để râu, những nếp nhăn hằn trên khóe mắt, khi cười càng lộ rõ vẻ từng trải và dấu ấn năm tháng. Sức lôi cuốn của vẻ đẹp nam tính tỏa ra triệt để.

 - Già rồi.

 Cậu ta cười, chiêu bài rướn mày, nháy mắt năm nào đang được diễn lại:

 - Ai mà trẻ mãi không già như chị chứ!

 - Không hề già. Cậu đang ở vào độ tuổi hấp dẫn nhất của người đàn ông đấy.

 Tôi cũng cười, thật vui khi được thấy cậu ta hạnh phúc.

 - Vẫn còn đeo ư, tức là chưa quên tôi, nhỉ?

 Giọng nói có chút nghẹn ngào, cậu ta cúi đầu hít một hơi, rồi lại ngẩng lên cười.

 Tôi ngơ ngác, thấy cậu ta nhìn chăm chăm vào cổ mình mới phát hiện ra là cậu ta đang nói về miếng ngọc bội. Cậu ta cũng vẫn đeo, nhưng sợi dây đã sờn bạc, biến thành màu đen từ khi nào. Tôi muốn nói một câu gì đó, nhưng sợ cất lời thì nước mắt lại trào ra. Pusyse­da đưa tay ra kéo tôi vào lòng. Tôi vùng vẫy, nhưng giọng nói khẽ khàng trên đỉnh đầu đã ngăn tôi lại:

 - Yên nào, để tôi ôm một lát. Tôi biết chị quay về không phải vì tôi, tôi chỉ muốn ôm chị một lát thôi.

 Tôi không khỏi xúc động, nước mắt lăn dài, ngoan ngoãn trong vòng tay Pusyse­da. Nhưng không muốn kéo dài, sợ có ai bắt gặp, tôi lặng lẽ lau nước mắt, lên tiếng:

 - Cậu chọn vợ khéo lắm!

 Cậu ấy buông tôi ra, quay mặt đi, đưa tay lên thấm nước mắt.

 - Mấy năm trước theo cậu út đi Trường An cống nạp, tôi đã cứu Hiểu Huyên. Cô ấy vốn là con nhà trâm anh thế phiệt, nhưng gặp thời loạn, phải ca hát để kiếm sống.

 Nụ cười ấm áp nở trên môi.

 - Một cô gái yếu đuối nhưng luôn mỉm cười đối diện với hoàn cảnh nghiệt ngã, khiến tôi nhớ đến sự kiên cường của chị. Cô ấy có đôi mắt rất giống chị.

 Tôi hít một hơi, lấy lại sự bình tĩnh.

 - Hãy yêu thương cô ấy và hai đứa trẻ!

 Cậu ta gật đầu.

 - Họ là những người mà dù cho có phải đánh đổi cả tính mạng tôi cũng quyết phải bảo vệ đến cùng.

 Chợt nhớ ra chuyện mà tôi quan tâm nhất.

 - Ra­ji­va... bây giờ sao rồi?

 - Chị về đây để cứu huynh ấy phải không?

 Cậu ta khẽ thở dài, sắc mặt trở nên rầu rĩ.

 - Có điều, không kịp nữa rồi...

 Tôi bàng hoàng, mặt đất như đang xoay chuyển, cậu ta vội đỡ lấy tôi. Tôi chao đảo, túm chặt tay áo Pusyse­da:

 - Cậu ấy... cậu ấy phá giới rồi ư?

 - Sao chị biết Lữ Quang ép huynh ấy phải phá giới? Mà cũng phải thôi, chị là tiên nữ cơ mà, chuyện gì cũng biết cả.

 - Cậu ấy... cậu ấy và Ak­saya­mati...

 - Vẫn chưa.

 Cậu ta đỡ tôi ngồi xuống.

 - Nhưng chắc là sắp rồi, vì đã ba ngày...

 Tôi lại nắm chặt tay áo Pusyse­da, cậu ta vỗ nhẹ vào vai tôi, ra hiệu cho tôi không nên nóng vội.

 - Lữ Quang nghe danh anh tôi đã lâu, nhưng không tin huynh ấy một lòng hướng Phật, ông ta muốn hạ nhục huynh ấy. Lữ Quang đánh cược với bộ tướng của ông ta, nếu trong ba ngày mà huynh ấy phá giới, thì toàn bộ mấy trăm phi tử của đời vua trước sẽ thuộc về ông ta. Nếu ngược lại, sẽ được chia cho các tướng lĩnh.

 Tôi sững sờ, sử sách không hề ghi chép điều này. Thì ra Lữ Quang ép Ra­ji­va phá giới vì một vụ cá cược tranh giành phụ nữ ư? Một người mà danh tiếng lừng lẫy suốt ba mươi năm như Ra­ji­va lại phải chịu mối ô nhục này ư?

 - Huynh ấy đã kháng cự suốt hai ngày qua. Nhưng hôm nay là ngày cuối cùng, nghe nói Lữ Quang đã sai người cởi bỏ quần áo của cả hai người. Tôi vừa từ trong cung về, theo những gì tôi nghe ngóng được thì huynh ấy vẫn đang chống cự quyết liệt. Tôi chưa bao giờ khâm phục anh trai mình đến thế! Bị o bế như vậy mà huynh ấy vẫn kiên định. Có lẽ chỉ có huynh ấy mới làm được như vậy! Nhưng mà...

 Cậu ta ngập ngừng, rồi thở dài:

 - Nếu huynh ấy vẫn cố chấp, Lữ Quang sẽ cho người chuốc rượu. Lữ Quang đã nói là làm, nếu đêm nay huynh ấy không chịu phá giới, khiến ông ta bị thua trong cuộc cá cược này, chỉ e... sau này sẽ phải chịu sự đối xử tàn tệ hơn nữa.

 Tôi bật dậy, kéo tay cậu ta:

 - Pusyse­da, hãy cứu cậu ấy...

 - Ngải Tình, tin tôi đi, ba ngày qua tôi đã nghĩ đủ mọi cách để cứu huynh ấy. Tôi đi cầu xin Lữ Quang, cầu xin đức vua, tôi đã dùng tiền, dùng phụ nữ để mua chuộc đám con trai và bộ tướng thân cận của Lữ Quang, nhưng đều vô ích. Nếu là mấy năm trước, tôi sẽ vác gươm xông vào cứu huynh ấy, rồi đưa huynh ấy trốn đến nơi khác.

 Cậu ấy buồn rầu lắc đầu, đưa mắt nhìn ngôi nhà.

 - Nhưng bây giờ, tôi không thể không nghĩ đến vợ và các con mình.

 - Vậy hãy đưa tôi đến gặp Lữ Quang.

 - Vô ích thôi, Lữ Quang là kẻ bảo thủ cố chấp, bao nhiêu người khuyên can, chỉ càng thêm kích động ông ta. Chị chỉ là một cô gái bình thường, làm sao ông ta chịu nghe lời chị.

 - Vậy thì...

 Tôi hít một hơi thật sâu.

 - Hãy tráo đổi tôi với Ak­saya­mati.

 Cậu ta đưa tạy khẽ gạt những sợi tóc lòa xòa trên trán tôi.

 - Ngải Tình, có lẽ đây là cách duy nhất để cứu huynh ấy.

 Tôi và Pusyse­da vừa bước ra khỏi phòng khách thì gặp Hiểu Huyên từ dưới bếp đi lên, thấy chúng tôi vội vội vàng vàng lao ra cửa, cô ấy gọi với:

 - Tướng công, đã đến giờ ăn tối, mọi người dùng bữa xong hẵng đi. Mà, cô Ngải Tình cũng phải thay y phục chứ.

 Tôi bỗng nhớ ra là mình vừa leo lên từ hố chôn người, quần áo dính đầy vết máu và mùi hôi hám, cứ thế này mà đi gặp Lữ Quang e không tiện. Hiểu Huyên đưa tôi vào phòng, quần áo mới đã được chuẩn bị và đặt sẵn ở đầu giường. Tôi cởi bỏ chiếc áo chống tia phóng xạ, khoác lên người trang phục cô ấy chuẩn bị ình, đó là một bộ Hán phục màu sắc trang nhã, rất thoải mái. Hiểu Huyên quả là người khéo léo, hoạt bát và tinh tế hơn tôi rất nhiều.

 Tôi không muốn tiêu tốn thời gi­an, nên chỉ ăn qua loa rồi giục Pusyse­da lên đường. Cậu ta dặn dò vợ đôi câu rồi cùng tôi vào cung. Từ khi chiếm được thành Khâu Từ, Lữ Quang đã ở luôn trong cung, ông ta chia cho vị vua Bạch Chấn một nửa cung điện.

 Để gặp được Lữ Quang, chúng tôi đã tốn không ít thời gi­an. May mà Pusyse­da là thân tín của Bạch Chấn, nên không kẻ nào dám gây khó dễ. Trong khi chờ đợi để được vào gặp Lữ Quang, Pusyse­da tranh thủ dò la thông tin từ tai mắt của cậu ở trong cung và được biết rằng Ra­ji­va đã bị chuốc rượu, nhưng vẫn kiên trì kháng cự.

 Pusyse­da nhìn tôi, vẻ mặt nghiêm trọng:

 - Ngải Tình, lát nữa gặp Lữ Quang, chị đừng nói gì cả. Ông ta là kẻ thô bạo nóng nảy, không biết nương tay bao giờ, chỉ có thể thuận theo ý ông ta, nếu chống lại thì dù là thân tín, ông ta cũng sẵn sàng trừ khử.

 Cậu ta thở dài thườn thượt:

 - Anh trai tôi gặp phải ông ta đúng là gặp phải kiếp nạn!

Thư Cử Mông Tốn, kẻ đã giết Đoàn Nghiệp và tự lập mình làm vua Bắc Lương đã đánh giá Lữ Quang là kẻ “mê muội, tin lời gièm pha của kẻ xấu”. Vừa nghe cháu trai nói rằng “người Hà Tây chỉ biết đến Đỗ Tấn mà không hay Lữ Quang là ai”, ông ta đã thẳng tay giết Đỗ Tấn, một tướng lĩnh đắc lực, một công thần. Trong chuyện chọn người kế vị, Lữ Quang cũng có những quyết định hết sức hoang đường, khiến nhà Hậu Lương chỉ trong vài năm ngắn ngủi sau khi ông ta qua đời đã phải thay đến ba đời vua và sau cùng đã để mất nước. Bởi vậy, ảo tưởng có thể thuyết phục Lữ Quang từ bỏ việc hành hạ Ra­ji­va của tôi tan vỡ sau câu nói của Pusyse­da. Muốn ông ta từ bỏ ý định hạ nhục Ra­ji­va, e là tôi sẽ phải đánh đổi cả tính mạng của mình. Đối với một kẻ chẳng hề tín Phật như Lữ Quang, từ bỏ không chỉ đơn giản là việc sẽ mất đi phần thưởng béo bở kia, mà quan trọng hơn là ông ta sẽ mất đi thể diện.

 Sau nhiều lần thông báo, khi đêm đen đã bao trùm, chúng tôi mới được xuất hiện trước mặt Lữ Quang.

 Con người đã thay đổi cuộc đời của Ra­ji­va ấy đang ngồi xem báo cáo về tình hình quân sự trong đại điện, bên cạnh là bốn thanh niên chừng hai mươi tuổi, tướng mạo khá giống Lữ Quang. Tôi đoán họ chính là đám con cháu bất nghĩa đã chém giết lẫn nhau để tranh cướp ngôi vị sau khi Lữ Quang chết. Tuy là người tộc Đê, nhưng tướng mạo của ông ta lại rất giống những người Hán thô kệch sống ở phương bắc. Thời điểm này, ông ta bốn mươi bảy tuổi, đỉnh đầu trơ bóng, phần tóc ít ỏi còn lại được quấn buộc và búi tó sau gáy, râu ria mọc lởm chởm, hai hàng lông mày xếch ngược, dữ tợn. Nhác thấy Pusyse­da, ông ta lấy giọng khách sáo mời ngồi.

 Pusyse­da cúi lạy, rồi nói với ông ta bằng tiếng Hán:

 - Anh tôi tính tình bảo thủ, không hiểu ý tốt của tướng quân, đã khiến tướng quân phải khó xử.

 Lữ Quang chỉ nhếch mép cười, ánh mắt lộ vẻ nham hiểm:

 - Pháp sư kiên cường như vậy thật khiến người ta phải khâm phục. Xem ra, ta đã đánh giá thấp pháp sư rồi!

 Pusyse­da ngẩng đầu, thận trọng nói:

 - Hôm nay tôi đến là để giúp tướng quân giành thắng lợi trong cuộc cá cược này.

 Lữ Quang nheo mày.

 - Không biết quốc sư có cao kiến gì?

 Tôi nheo mày, tôi có thể nhận ra cuộc sống đủ đầy của Pusyse­da những năm qua, nhưng không thể ngờ cậu ấy lại kế tục chức vị của cha mình ngày trước, trở thành quốc sư của Bạch Chấn.

 - Xin tướng quân hãy tráo đổi cô gái này với em họ Ak­saya­mati của tôi.

 Lữ Quang đưa mắt về phía tôi, thoáng chút kinh ngạc:

 - Xin quốc sư nói rõ cho ta biết, cô gái người Hán này có điểm gì hơn công chúa Ak­saya­mati kiều diễm, mà có thể khiến pháp sư siêu lòng?

 - Tướng quân không biết đó thôi, có rất nhiều uẩn khúc trong chuyện này.

 Pusyse­da ngừng lại một lát, nhìn Lữ Quang với vẻ tự tin đắc thắng, tiếp tục nói:

 - Người cô của cô gái này năm xưa từng dạy anh tôi tiếng Hán, vốn đã có tình cảm sâu nặng với anh tôi, nhưng vì thân phận tăng sĩ của anh ấy, đành gạt nước mắt đi lấy người khác. Nhưng hơn mười năm qua, anh tôi vẫn không nguôi thương nhớ. Tuy thờ Phật, nhưng dù sao anh ấy cũng là con người, cũng biết yêu biết hận, chỉ là, người ngoài không hiểu mà thôi. Cô gái này giống hệt người con gái năm xưa, tôi tin rằng, chỉ cần nhìn thấy cô ấy, anh tôi sẽ không trái ý tướng quân nữa. Em họ Ak­saya­mati của tôi tuổi còn quá nhỏ, lại không thân thiết với anh trai tồi. Tướng quân hãy tráo đổi Ak­saya­mati với cô gái này, chắc chắn sẽ thành công.

 Lữ Quang chừng như sắp xuôi, Pusyse­da lại tiếp tục:

 - Tướng quân chỉ cần anh tôi chịu phá giới, còn việc với ai, đâu có quan trọng gì, đúng không?

 Lữ Quang liếc nhìn tôi thêm vài lần nữa, dò xét, rồi bất giác cười vang:

 - Cũng phải, phụ nữ Khâu Từ cao lớn đẫy đà, chưa chắc đã khiến pháp sư động lòng bằng cô gái người Hán nhỏ nhắn xinh tươi như hoa như ngọc này.

 Rồi ông ta quay sang người có vẻ nhiều tuổi nhất đứng bên cạnh:

 - Soạn nhi, đưa quốc sư và cô gái này đến chỗ pháp sư.

 Anh ta là Lữ Soạn ư? Tôi liếc trộm anh ta, cũng là một bộ mặt thô kệch đáng sợ. Đó là người con lớn của Lữ Quang, tính tình tàn ác, thích ăn chơi hưởng lạc. Sau khi Lữ Quang qua đời, Lữ Soạn tự lập mình làm vua, ép em trai là Lữ Thiệu phải chết. Nhưng đáng tiếc, chưa đầy vài tháng, Lữ Soạn đã bị cháu trai của Lữ Quang là Lữ Siêu giết chết.

 Lữ Quang nở một nụ cười nham hiểm, dặn dò con trai:

- Nhớ quay lại báo cáo!

 Rồi quay sang nói với Pusyse­da:

- Quốc sư đừng để ta phải thất vọng đấy!

 Chương 42: Thoát biến

 Chúng tôi được đưa đến một cung điện nhỏ cạnh hoàng cung, hai tên lính canh cửa trông thấy Lữ Soạn vội vàng đứng lên hành lễ. Lữ Soạn ra lệnh mở cửa, tôi không kìm nổi, ngó theo. Không thấy Ra­ji­va, trên giường chỉ có một cô gái trong trạng thái không mảnh vải che thân, hai tay khép chặt lại che chắn trước ngực, tôi không nhận ra cô bé Ak­saya­mati năm nào nữa. Cô gái thấy chúng tôi thì vội thu mình hút vào một góc giường, cúi đầu, để những lọn tóc xoăn màu hung che phủ khuôn mặt.

- Tình hình thế nào?

 Lữ Soạn hỏi mấy tên lính gác.

 Chúng cười xun xoe, xu nịnh:

- Theo lời căn dặn của tướng quân, thuộc hạ đã lột hết quần áo của cả hai người, nhưng vẫn chẳng ăn thua. Nên khi nãy thuộc hạ đã ép Ku­mara­ji­va uống rất nhiều rượu, còn bỏ thêm một ít thuốc vào nữa. Vậy mà nhiều canh giờ rồi vẫn không có động tĩnh gì cả. Cô công chúa kiều diễm, nõn nà, mơn mởn như thế, nếu là người khác thì đã nhảy bổ vào rồi ấy chứ, huống hồ lại uống rượu đã bỏ xuân dược. Thuộc hạ cứ nghĩ tay hòa thượng đó là kẻ bất lực, nhưng hình như không phải. Hắn ép mình ói ra hết những gì uống vào. Hắn quả thật rất gan lỳ! Nhưng sự kiên trì của hắn khiến người ta phải nể phục, có lẽ hắn đúng là một bậc cao tăng đích thực…

 Lữ Soạn lừ mắt, hai tên lính im bặt, rồi quay sang tôi, lạnh lùng đe dọa:

- Đêm nay phải khiến hắn phá giới bằng mọi giá, nếu cha ta mà thua vụ cá cược này, ngươi biết hậu quả sẽ thế nào rồi đấy.

 Bọn chúng hành hạ Ra­ji­va đến mức ấy, khiến tôi không khỏi giận sôi người. Sử sách chép rằng Ra­ji­va đã phá giới vì bị ép cởi bỏ quần áo và chuốc rượu, nhưng không hề ghi rằng bọn chúng còn bỏ cả xuân dược vào rượu. Nghe xong câu nói mất hết nhân tính ấy của Lữ Soạn, tôi ngẩng phắt lên, nỗi căm giận thiếu chút nữa thì bùng phát.

 Nhưng Pusyse­da đã kịp chắn trước mặt tôi

- Tiểu tướng quân cứ yên tâm gi­ao cho cô ấy. Đám mỹ nữ hậu cung nhất định sẽ thuộc về cha con tướng quân.

 Pusyse­da nhìn căn phòng, rồi bước tới chiếc bàn hình vuông đặt trong đại điện, kéo tấm khăn trải bàn xuống. Sau đó, bước vào phòng, phủ tấm khăn lên người Ak­saya­mati, đỡ công chúa đứng lên. Lúc bước ra ngoài, cậu ta dừng lại giây lát, đưa mắt về một góc khuất, vẻ mặt ảo não, khẽ thở dài. Cậu ta dìu Ak­saya­mati khuôn mặt tái nhợt vì sợ hãi ra ngoài, lúc đi qua tôi, cậu cất cao giọng bằng tiếng Hán:

- Mau vào đi, đừng để Lữ tướng quân thất vọng!

 Sau đó lại đổi sang tiếng Tochari, thì thầm:

- Anh ấy đã chờ đợi mười năm, hãy mang lại hạnh phúc cho anh ấy!

 Gương mặt cậu ta hết sức thản nhiên, nhưng nỗi u buồn hắt lên trong đáy mắt. Tôi nhìn Pusyse­da, lấy hết can đảm gật đầu quyết liệt, rồi bước vào phòng. Cánh cửa cọt kẹt khép lại.

 Tôi đưa mắt về phía góc khuất mà khi nãy Pusyse­da định hướng ấy và nhận thấy một bóng dáng cao gầy đang thu mình ở đó. Hơi thở như ngừng lại, tôi không dám nhìn chàng. Ra­ji­va, thời gi­an với em chỉ là chín tháng, nhưng với chàng đã là mười một năm thời gi­an. Chín tháng thương nhớ dày vò đã khiến em trở nên tàn tạ, héo úa. Vậy mà, chàng đã trải qua những đêm trường cô tịch trọng chốn kinh kệ đền đài lạnh lẽo ấy suốt mười năm trời! Chàng đã phải chịu đựng nỗi cô đơn thăm thẳm ấy như thế nào? Nếu đổi lại, em là người phải đợi chờ trong mười năm ấy, có lẽ em không sống nổi. Tha lỗi cho em đã để chàng phải chờ đợi mỏi mòn như vậy. Tha lỗi cho em đã lựa chọn thời điểm này để đến với chàng trong cơ hội duy nhất này. Mong rằng đây chính là lúc chàng cần em nhất. Nếu có thể, em sẽ không ra đi nữa, hãy để em bù đắp cho chàng những mất mát đau khổ suốt mười năm đằng đẵng.

 Tôi nín thở, khẽ bước đến bên chàng, chưa kịp thấy rõ dấu vết của tháng năm để lại trên khuôn mặt chàng ra sao mà trái tim đã thổn thức và quặn thắt. Không mảnh vải trên người, chàng ngồi bó gối, đầu cúi thấp, giống hệt tư thế của hài nhi trong bụng mẹ, nước da bánh mật lấp loáng dưới ánh sáng của ngọn đèn. Tôi đưa mắt tìm kiếm, căn phòng không có rèm cửa, không khăn trải bàn, trên giường không có chăn, không có thảm trải, không có bất cứ thứ gì có thể che thân. Tôi cười cay đắng, Lữ Quang quả là hiểm ác!

 Tôi lôi trong ba lô ra một chiếc áo khoác, rồi lại gần chàng. Khắp người chàng tỏa ra hơi men nồng nặc, bên cạnh là hiện trường của một vụ ói mửa. Tôi ngồi xuống, choàng áo lên người chàng, làn da chàng bỏng rát. Sự tiếp xúc khẽ khàng đó khiến chàng giật mình, ngẩng lên, đôi mắt màu xám nhạt như hai vực nước sâu hun hút ấy lúc này đang vằn lên những tia đỏ. Chàng gầy đi nhiều, gương mặt càng trở nên thuôn dài hơn, dưới cằm râu đâm lên lởm chởm, khuôn mặt chàng đỏ gay gắt như sắp bốc hỏa. Mười một năm trôi qua, nhưng chàng vẫn cuốn hút như ngày nào. Chỉ có điều, tháng năm vô tình đã in lên vầng trán chàng những nếp nhăn mờ ảo. Mấy ngày qua, chịu cảnh dày vò, o bế, chàng tiều tụy, bờ phờ hơn, bờ môi tái xám, nứt nẻ. Vết máu khô dính trên khóe môi nứt vỡ, trông giống hệt một vết răng cắn chặt.

- Ra­ji­va…

 Càng nhìn chàng, lòng càng đau đớn như có ai vò xé. Chịu nhục mạ, chịu đày đọa thế này, người bình thường liệu ai có thể cầm cự được như chàng? Không phải chàng gắng sức để bản thân không phá giới, mà chàng đang ra sức bảo vệ đức tin của cả cuộc đời mình. Lữ Quang hành hạ chàng khổ sở như vậy, chỉ vì vụ cá cược nực cười đó ư?

 Đôi mắt thất thần ngước nhìn tôi, rồi đột nhiên tròng mắt mở rộng, một tia sáng chiếu ra từ con ngươi màu xám nhạt ấy, vẻ ngỡ ngàng rào đón khắp gương mặt tôi. Đôi môi nứt nẻ hé mở, khóe môi khẽ động đậy, mỏng và nhẹ như sự run rẩy của một chiếc lá khô trong gió.

- Là em, em đã trở về…

- Ngải… Tình…

 Những thanh âm tắc nghẹn, run rẩy ấy phải gắng gượng lắm mới bật ra được, sau khi đôi mắt màu xám nhạt đã vân du hồi lâu trên khuôn mặt tôi. Nhưng ngay lập tức, khuôn mặt nóng bừng lộ vẻ xấu hổ, chàng khép chặt đôi vai lại, toàn thân run rẩy, quay đầu đi, giọng chất chứa nỗi buồn tủi, khổ sở:

- Đừng nhìn ta…

- Ra­ji­va…

 Trái tim tôi như tan nát! Một bậc cao tăng thanh cao nhường ấy lại phải chịu đựng sự sỉ nhục này, lòng nào có thể không xót xa!

- Đừng khóc…

Chàng quay đầu lại nhìn, cánh tay dài gầy guộc từ từ vươn ra như muốn vuốt ve khuôn mặt tôi, nhưng khi vừa chạm đến, cánh tay đã vội thu về, hai mắt chàng nhắm lại, tay phải nắm chặt chuỗi tràng hạt đã sờn bạc, cũ mèm, không còn nhận ra màu sắc lúc đầu nữa. Chàng lần tràng hạt tụng kinh, như thể tôi chỉ là không khí. Đó là chuỗi hạt tôi tặng chàng hơn hai mươi năm về trước. Bên tay trái chàng là chiếc vòng mã não màu đỏ, trong suốt, kể cả chiếc vòng ấy cũng đã được mười năm tuổi.

- Ra­ji­va, chàng sao vậy?

 Nhìn thấy thứ duy nhất trên người chàng là chuỗi hạt và chiếc vòng năm xưa, tôi cắn răng cố ngăn những giọt nước mắt cứ trực trào ra.

Mong muốn sinh ra ảo giác, là cái vốn dĩ không có thực. Dục vọng khiến người ta u mê, không có gì tồn tại trên cõi đời này cả.

 Chàng vẫn nhắm chặt mắt, giọng như lạc đi khi đọc mấy câu kệ bằng tiếng Hán, rồi chàng lại tiếp tục tụng niệm.

 Tôi đưa tay lau nước mắt, có lẽ chàng nghĩ tôi chỉ là ảo giác. Chàng vẫn ngồi yên trên nền nhà. Tuy có thảm trải, nhưng kể cả vào mùa hè, đêm ở ốc đảo vẫn rất lạnh. Tôi đứng lên, bước ra cửa, thấy Lữ Soạn và đám lính đang trò chuyện, hắn vẫn chưa đi ư? Tôi lên tiếng yêu cầu một tấm chăn, Lữ Soạn cười vang, buông giọng ỡm ờ:

- Không cần bất cứ thứ gì mà vẫn khiến hắn phá giới mới được!

 Tôi sa sầm mặt mày, đòi thêm một cốc nước. Lữ Soạn sai người đi lấy, rồi quay ra hếch mắt nhìn tôi:

- Tranh thủ thời gi­an đi, ta còn phải về báo cáo với cha ta. Còn nữa, nhất thiết phải “làm” trên giường đấy!

 Hắn hất hàm về phía khung cửa sổ, tôi đưa mắt nhìn theo, một lỗ hổng hình quả trám trên khung cửa sổ đang chiếu thằng vào vị trí chiếc giường trong căn phòng. Bọn chúng thật vô nhân tính! Hắn muốn chứng kiến tận mắt thì mới yên lòng ư? Chúng coi đây là một trò đùa, là một trò cá cược bệnh hoạn ư?

 Nỗi căm hờn khiến tôi chỉ muốn hất cả cốc nước vào mặt hắn, phải hít thở nhiều lần tôi mới lấy lại được sự bình tĩnh và trở lại căn phòng. Tiếng cười giễu cợt của hắn văng vẳng phía sau:

- Nếu không xong thì đến hầu ta nhé!

 Tôi ghê tởm loại người này, chỉ muốn ngay lập tức hét vào mặt hắn kết cục thảm hại của hắn sau này!

- Ra­ji­va, uống chút nước đi.

 Tôi vừa khẽ gọi, vừa đặt cốc nước kề sát miệng chàng. Có lẽ vì quá khát, chàng không từ chối, cứ thế nghiêng đầu uống sạch cốc nước trên tay tôi. Tôi lấy khăn tay, lau những giọt nước vương trên vành môi chàng.

 Chàng chăm chú nhìn chiếc khăn trên tay tôi. Tôi mỉm cười:

- Chàng còn nhớ chiếc khăn tay này không? Chàng đã tặng cho em đó. Chàng nói rằng không thấy em dùng khăn tay bao giờ, lấy tay lau miệng không vệ sinh chút nào. Chiếc khăn này em vẫn luôn giữ bên mình, chưa khi nào lấy ra dùng cả, vì thấy tiếc…

 Đột nhiên tôi rơi vào lồng ngực nóng bỏng của chàng, tim chàng đập dữ dội bên tai tôi. Khuôn mặt nóng rực cọ xát trên cổ tôi, những đường gân trên cổ chàng nổi lên giật giật như đang gẩy vào tim tôi. Tay chàng lồng vào tóc tôi, mơ hồ khẽ rên tên tôi.

 Tôi ngã vào lòng chàng, vòng tay quen thuộc ấy bỗng chốc trở nên xa lạ. Làn da trần, nóng bỏng phủ lên gương mặt tôi, một đợt sóng khác thường lan toả toàn thân, tôi như đang bị thiêu đốt.

Đức Phật và nàng

 Chàng khẽ đẩy tôi ra một khoảng nhỏ, ánh mắt mê loạn sục sạo da diết gương mặt tôi. Tôi chưa kịp mở lời, thân thể chàng đã áp sát và hôn riết lấy tôi.

 Nụ hôn của chàng không dịu dàng như trong hồi ức, mà hổn hển tách môi tôi ra và gần như điên cuồng khuấy động. Hơi rượu nồng nặc trong miệng, trùm lên lưỡi tôi. Những sợi râu dày lởm chởm cọ lên má tôi ram ráp. Hơi thở của chàng càng lúc càng gấp gáp, chàng ghì mạnh tôi xuống nền nhà, toàn thân phủ lên mình tôi.

- Ra­ji­va…

 Tôi lấy cánh tay nhăn lại, thì thầm bên tai chàng:

- Chúng ta hãy lên giường.

 Chàng dừng lại, dường như có chút tỉnh táo, buông cánh tay đang ghì lấy tôi ra, cắn mạnh vào vành môi đã nứt toác, một tia máu rỉ ra, nhuộm đỏ đôi môi vốn khô nẻ.

 Lệ rơi chan hòa, chàng khổ sở nhẫn nhịn, gắng gượng kìm chế bản thân. Nếu còn cách khác, tôi sẽ tôn trọng ý nguyện của chàng. Nhưng đám người bên ngoài kia là những kẻ điên loạn, bọn họ nắm quyền sinh sát trong tay. Tôi và chàng chỉ là những kẻ yếu trong thời loạn này. Để sinh tồn, đêm nay, chúng tôi phải hoàn thành “nghi lễ trưởng thành” trước mắt kẻ khác.

 Tôi gạt đi nước mắt, định thần lại, khoác lên người chàng chiếc áo dài đã rơi sang bên. Sau đó đặt tay chàng lên vai tôi, từng bước nặng nề dìu chàng đến chiếc giường ô nhục. Phật tổ, xin hãy thấu hiểu tấm lòng thành kính của đệ tử của Ngài, xin hãy thương xót chàng. Chàng kìm chế, nhẫn nhịn, đã làm được điều người thường không thể làm được. Bởi vậy, xin Ngài, hãy giáng tội lên con, con bằng lòng thay chàng hứng chịu mọi sự trừng phạt.

 Cơ thể chàng trĩu nặng, toàn bộ trọng lượng của chàng gần như đè cả lên vai tôi. Chúng tôi cùng bước đi loạng choạng, ánh mắt không kìm được khẽ lướt trên người chàng, trái tim bỗng đập cuồng loạn. Dù đã cố nhẫn nhịn, dưới tác dụng của thuốc, chàng vẫn có ham muốn như những người đàn ông bình thường khác. Đó là bản năng của con người, bản năng mà ngay cả Phật tổ cũng không thể xóa bỏ được. Vậy thì, chí ít trong đêm nay, hãy để chàng làm một người đàn ông bình thường.

 Chàng rã rời đổ xuống người tôi, vẫn cố cắn chặt môi, nhưng đôi mắt theo sát tôi từng giây từng phút, trong sâu thẳm đôi mắt ấy là khát khao cháy bỏng của một người đàn ông bình thường. Tôi hít một hơi sâu, đưa tay cởi áo. Hán phục rất đơn giản, chỉ cần mở hết các nút áo là bộ đồ nội y hiện đại của tôi đã phơi bày trước mặt chàng. Mặt nóng bừng, mũi lấm tấm mồ hôi, tôi dừng lại, không dám cởi tiếp nữa, vì tôi biết bên ngoài cửa sổ hình quả trám kia còn có rất nhiều con mắt tà ác đang hau háu dõi theo.

 Tay phải chàng nắm chặt chuỗi tràng hạt, tôi muốn lấy ra, đặt lên kệ đầu giường, nhưng chàng không nói không rằng, xiết chặt tràng hạt. Tôi dịu giọng thuyết phục cũng chỉ có thể quấn tràng hạt quanh cổ tay chàng.

 Chàng nằm nghiêng, gần tôi trong gang tấc, đôi mắt màu tro nhạt lấp lánh, dục vọng dâng trào như làn sóng. Bàn tay nóng ran của chàng vuốt ve thân thể tôi, vụng về lướt nhanh một đường từ cổ tới ngực rồi xuống eo. Tôi vòng tay vít cổ chàng, liếm khóe môi bị rách, cảm giác mằn mặn chui vào cuống lưỡi, chàng đau đớn khẽ rên lên thành tiếng, rồi đột ngột cúi đầu ngậm chặt lưỡi tôi. Thân hình mảnh khảnh của chàng che phủ thân thể tôi, hơi thở hổn hển.

 Hơi rượu trong miệng chàng rất khó chịu, không biết bọn họ đã ép chàng uống nhiều tới mức nào. Một người chưa từng chạm đến một giọt rượu như chàng, dưới tác động của men say và xuân dược còn có ý thức được rằng người chàng đang đối diện là tôi không? Tôi muốn tin rằng chàng vẫn giữ được dù chỉ là rất ít sự tỉnh táo, đủ để nhận ra sự tồn tại của tôi và vì có tôi nên chàng mới yên lòng chấm dứt chuỗi ngày chịu đựng khổ sở và để dục vọng phơi bày tự nhiên như vậy.

 Tôi cười buồn, rút lại những ý nghĩ chua chát. Bây giờ là lúc nào mà tôi vẫn còn suy nghĩ những điều vẩn vơ như thế. Tôi cần nghĩ xem phải nhanh chóng tiến hành việc đó ra sao. Vì chỉ như thế, đám người ngoài kia mới buông tha cho chúng tôi, bằng không, những kẻ chẳng có chút tín ngưỡng gì ngoài kia có thể sẽ sử dụng nhiều thủ đoạn tàn bạo hơn nữa để dày vò chàng. Chàng đã gắng gượng suốt ba ngày rồi, cơ thể và tinh thần đều đã mệt mỏi, chàng cần được nghỉ ngơi.

 Lịch sử chép rằng chàng đã phá giới, vậy tôi sẽ tình nguyện làm việc đó thay Ak­saya­mati. Tình yêu vốn ích kỷ, thay đổi lịch sử thì đã sao? Tôi chỉ biết rằng tôi yêu chàng và tôi muốn được trở thành “đối tượng phá giới” của chàng. Sau này dù chàng có hối hận, tôi cũng cam lòng.

 Ý nghĩ đó khiến tôi thêm can đảm, tôi đưa tay lên vuốt ve lưng chàng. Làn da chàng bóng mịn, trơn mượt. Di chuyển dần xuống dưới, cảm giác các cơ bắp của chàng đang căng dần lên trong lòng tay tôi. Chàng như đang gồng mình lên, mũi tên đã được căng trên dây cung, chàng muốn lao tới, nhưng lại không biết cách, gương mặt lộ vẻ băn khoăn, bối rối.

 Bàn tay đã chạm đến quần lót của tôi, chàng gắng sức giật ra, nhưng tôi ngăn lại:

- Đừng vội, để em.

 Sau khi trút bỏ quần lót, tay tôi ướt đẫm, không dám nhìn chàng, nhắm mắt lại, cầu mong chàng mau chóng kết thúc.

 Cơ thể phơi trần hồi lâu đã thoáng chút tê lạnh, vẫn chưa thấy động tĩnh gì. Tôi mở mắt ra, thấy chàng trong tư thế thân trên hơi chống lên, hơi thở gấp gáp, ánh mắt mê loạn, nhưng có vẻ chần chừ, khổ sở. Khen thay cho ý chí và sự kiên định của chàng, đó là điều mà không phải ai cũng làm được. Tới mức này mà ý chí vẫn ra sức đấu tranh với phản ứng sinh lý nguyên thủy. Tôi cắn môi, khẽ luồn tay xuống dưới. Má tôi bừng bừng, thì ra, vào những lúc như thế này, “chỗ đó” của đàn ông cương cứng và nóng bỏng như than.

 Chàng rên rỉ, vẻ do dự đã hoàn toàn biến mất, ánh mắt bùng lên như lửa thiêu. Trong tư thế nửa quỳ giữa hai đùi tôi, chàng để tôi dẫn dắt vào nơi kín đáo nhất của cơ thể mình. Tôi nhắm mắt, để mặc bản năng của chàng hành sự. Khoảnh khắc chàng đi vào tôi, trời đất như quay cuồng, thân thể như bị tách thành hai mảnh. Tôi bật khóc, muốn nắm lấy cái gì đó cho bớt đau đớn, nhưng chỉ thấy dưới thân trơn ướt vì chiếc giường hoàn toàn trống trải, móng tay muốn bám chặt vào đâu cũng khó. Tôi chỉ biết cắn răng chịu đựng những đợt sóng nối tiếp nhau trôi đi.

 Nghe tiếng tôi nức nở, chàng dừng lại, chống người lên nhìn tôi, lồng ngực phập phồng gấp gáp, mồ hôi trên trán chàng chảy dọc gương mặt thon dài, đọng lại nơi chiếc cằm nhọn lún phún râu, rồi nhỏ xuống ngực tôi. Đôi mắt vằn tia đỏ của chàng vẫn như mê loạn, nhưng gương mặt lại thoáng vẻ ngại ngần.

- Em không sao…

 Tôi cố kìm không để nước mắt rơi, họng nghẹn đắng, gượng gạo nở nụ cười ngây ngô của Ngải Tình. Những mong nụ cười quen thuộc ấy có thể lưu lại trong trí nhớ của chàng một chút ký ức ấm áp khi tỉnh lại vào ngày mai.

 Chàng đã dừng lại không lâu sau đó, khoảnh khắc lên tới đỉnh điểm, giọng chàng rên lên khản đặc:

- Ngải Tình…

 Nước mắt ngưng đọng đã lâu, khóe mắt chẳng ngăn nổi nữa đã để từng giọt nặng nhọc rơi xuống gối, một cảm giác vừa ngọt ngào vừa xót xa xâm chiếm tim gan tôi. Thì ra chàng vẫn luôn nhớ đến tôi…

 Tôi ngước nhìn bầu trời đêm qua giếng trời trên mái nhà, ngàn sao tỏa sáng lấp lánh, nhưng tôi lại thấy bầu trời như đang xoay vần, vật đổi sao dời, ngàn năm vút trôi và chúng tôi đang ở bên nhau, trong khoảnh khắc này. Tôi đã hoàn thành cuộc biến đổi, không phải từ một thiếu nữ thành một người đàn bà, mà quan trọng hơn, kể từ giây phút này, linh hồn của tôi sẽ gắn chặt với chàng mãi mãi, không rời không buông.

 Chàng đang say trong giấc ngủ bình yên sau ba ngày bão tố. Tôi đưa tay vuốt nhẹ khuôn mặt gầy gầy xương xương của chàng, khẽ lùa các ngón tay vào hàng lông mày dài miên man của chàng, chạm đến đôi mắt sâu hun hút của chàng, đến chiếc mũi cao thanh tú của chàng, đến bờ môi ngọt ngào của chàng. Con người mà ngày đêm tôi mong nhớ ấy, đang ngon giấc bên cạnh tôi. Trước đây, dù có dũng cảm đến mấy, tôi cũng không dám tưởng tượng ra cảnh tượng này…

 Tôi ngồi dậy mặc quần áo, phần thân dưới buốt xót và nóng rực như lửa đốt, mỗi cử động dù rất nhỏ cũng như có gai nhọn đâm vào da thịt. Vệt máu trên chiếu đã khô, phía trong đùi trên của tôi vẫn còn dính vài vệt máu đỏ tươi. Tôi nén đau, bước xuống giường, lê ra ngoài cửa. Mỗi bước đi đều kéo theo cơn đau buốt như xé gan xé ruột. Chả trách, hầu hết phụ nữ đều mô tả giống hệt nhau về lần đầu tiên của mình.

 Đẩy cửa, lạnh lùng nhìn đám người đang cười đùa thô bỉ bên ngoài, tôi cất tiếng:

- Giờ thì có thể mang chăn cho tôi rồi chứ?

## 22. Chương 43 - 44

Chương 43: Thức giấc

 Tôi ngồi bên giường lặng lẽ ngắm Ra­ji­va.

 Hôm qua là một ngày vô cùng mệt mỏi, nhưng tôi không sao ngon giấc vì có chàng nằm bên cạnh. Căn phòng không còn bất cứ thứ gì khác có thể ngả lưng nên tôi đành thu mình nằm cạnh chàng. Một đêm dài dằng dặc với những nỗi lo sợ mơ hồ, sợ xoay người sẽ khiến chàng tỉnh giấc, sợ vô tình chạm vào người chàng, sợ thức dậy muộn hơn chàng khiến chàng khó xử. Vì thế, tôi chỉ có thể nằm yên, không nhúc nhích, không động đậy, toàn thân tê dại, rã rời. Trời vừa hửng sáng tôi đã thức giấc, đi lại vận động trong căn phòng, nhưng cố gắng hết sức để không gây ra tiếng động.

 Chàng đang say giấc, dù đã ba mươi lăm tuổi và không còn trẻ trung như mười một năm về trước, nhưng chàng vẫn rất thuần khiết, vẫn rất hấp dẫn. Chàng trẻ hơn rất nhiều so với những nam giới cùng tuổi khác ở thời đại này, có lẽ vì ngày này qua tháng khác, chàng chuyên tâm tu tâm dưỡng tính nơi cửa Phật. Những nếp nhăn mờ ảo trên vầng trán và khóe mắt càng tôn thêm vẻ đẹp trưởng thành, già dặn. Sau một đêm nghỉ ngơi, khí sắc của chàng đã khá lên rất nhiều, không còn nét tiều tụy của ngày hôm qua nữa. Khóe môi thấp thoáng nụ cười, khiến cả khuôn mặt trở nên rạng rỡ, hình như, chàng đang mơ một giấc mơ đẹp.

 Tôi cứ ngồi mãi như thế mê mải ngắm nhìn thần tượng của mình. Đã về trưa mà chàng vẫn say trong giấc ngủ, có lẽ đây là lần đầu tiên trong đời chàng thức dậy muộn như vậy. Còn tôi, cơn buồn ngủ ập tới dữ dội, khiến tôi không sao kìm chế nổi, gục đầu xuống, thiếp đi.

 Ai đó đang khẽ vuốt tóc tôi, tôi giật mình mở mắt, trái tim đập rộn ràng khi bắt gặp đôi mắt màu xám nhạt long lanh như hồ nước mùa thu ấy, đôi mắt đã xuất hiện không biết bao nhiêu lần trong từng đêm mơ của tôi ấy, đang ở rất gần.

- Chàng… tỉnh rồi ư…

 Tôi vội đứng lên, hỏi chàng:

- Chàng có đói không? Em đã kêu họ mang đồ ăn tới…

 Tôi cầm chiếc bát đặt ở đầu giường.

- Ôi, nguội cả rồi. Để em bảo người hâm nóng lại…

 Tôi, ánh mắt ngập đầy thương nhớ. Điều đó quá đỗi ngọt ngào, tôi khẽ gọi tên chàng:

- Ra­ji­va…

- Quả là cứ sau mười năm, nàng sẽ quay lại.

 Chàng vẫn nằm trên giường, khẽ nhắm mắt, tiếng thở dài thoáng qua, khóe môi khẽ rung động:

- Nàng trở về là tốt rồi…!

- Tôi lại gần chàng, ngồi xuống, áp tay chàng lên má tôi, mỉm cười:

- Vâng, em đã trở về…

 Bàn tay chàng run rẩy cọ xát trên khuôn mặt tôi, từ từ dạo qua hai mắt, sống mũi, bờ môi, đáy mắt phơi phới hơn qua mỗi dịch chuyển nhẹ nhàng. Rồi chàng đột nhiên bật dậy, gi­am chặt tôi vào lòng, cằm chàng đặt trên đỉnh đầu tôi, những sợi râu lúm phún cọ vào da đầu ram ráp, tôi muốn bật cười nhưng chỉ cười ra nước mắt.

 - Phật tổ, Ngài thật từ tâm...

 Giọng nói nghẹn ngào trôi bên tai tôi:

 - Ngài đã đưa nàng trở về...

 Chàng đỡ hai vai tôi, ánh mắt da diết nhìn tôi:

 - Mười một năm rồi mà nàng không hề thay đổi...

 - Có chứ, em đã hai mươi lăm tuổi rồi...

 Tôi mỉm cười nhìn chàng, sống mũi cay cay.

 - Một năm trên trời bằng mười năm dưới hạ giới ư?

 Chàng vuốt nhẹ mái tóc tôi, động tác êm dịu như nâng niu một vật báu.

 - Lần đầu gặp nàng, nàng hơn ta mười tuổi. Lần thứ hai gặp nàng, nàng bằng tuổi ta. Bây giờ, ta đã hơn nàng mười tuổi.

 Bàn tay chàng nhẹ nhàng vuốt ve hai má tôi, ánh mắt dịu dàng:

 - Ngải Tình, nàng có biết con số “mười” ấy chính là biểu trưng của định mệnh trong cõi u minh không?...

 Tôi cười, đúng vậy, ông trời đã sắp đặt mọi thứ, phải không? Nhìn khuôn ngực để trần của chàng, bất giác nhớ lại chuyện đêm qua, mặt tôi đột nhiên nóng bừng như phát sốt, ngượng ngập nói với chàng:

 - À... chàng lau người đi rồi dậy ăn cơm... Chắc chàng nhức đầu lắm phải không? Em đã kêu người nấu canh giã rượu cho chàng rồi...

 Tờ mờ sáng tôi đã kêu người mang nước vào và lặng lẽ lau rửa sạch sẽ. Tôi cũng muốn giúp chàng, nhưng sợ làm chàng thức giấc, vả lại, tôi cũng không đủ can đảm để làm việc đó. Mặc dù mồ hôi đầm đìa trên người chàng, lại thêm mùi rượu nồng nặc suốt ba ngày ba đêm, quả thực rất khó ngửi.

 Nghe vậy, chàng giật mình, rời tôi ra. Tấm chăn được gạt sang một bên, để lộ vệt máu đã khô trên mặt chiếu. Không mảy may nghĩ đến tình trạng của bản thân, chàng kéo vội cánh tay phải của tôi ra trước mặt, vén tay áo, quan sát khuỷu tay tôi. Sau khi phẫu thuật, vết thương hầu như đã biến mất, chỉ lưu lại những dấu vết rất nhỏ.

 - Thần Phật trên trời quả nhiên có sức mạnh siêu phàm, tay nàng đã hoàn toàn lành lặn.

 Chàng ngước lên nhìn tôi, đôi mày nhíu lại, vẻ băn khoăn:

 - Vậy thì nàng lại bị thương ở chỗ nào?

 Bây giờ tôi mới hiểu chàng đang nói về vệt máu kia. Tôi ngượng ngùng giải thích:

 - Em không bị thương, cái đó... là... lần đầu của phụ nữ...

 Tôi chưa bao giờ cảm thấy xấu hổ như vậy khi đứng trước mặt chàng.

 - Tóm lại, em không sao cả, chàng đừng lo...

 - Lần đầu ư?

 Vẻ băn khoăn ngày càng hiện rõ trên gương mặt chàng. Tôi bỗng cảm thấy hụt hẫng, lẽ nào chàng không nhớ gì cả ư?

 Không muốn nghĩ nhiều về vấn đề này, phải làm việc gì đó mới được. Tôi đứng lên, định đi múc nước, nhưng cử động hơi mạnh khiến vết thương ở phần thân dưới nhói buốt. Tôi buột miệng xuýt xoa.

 - Rốt cuộc là đau ở đâu?

 Chàng vội kéo tôi lại, đôi mắt trong veo ấy chà xát khắp người tôi.

 - Em không sao mà!

 Tôi khẽ kéo tay chàng ra, nên đau, lê ra ngoài bưng chậu nước vào phòng, chiếc khăn mặt tôi đặt trong chậu là sản phẩm của thế kỷ XXI, vì khăn vải của thời đại này quá ư thô ráp. Tôi vắt kiệt nước, ngượng ngùng đưa cho chàng:

 - Chàng lau người đi.

 Chàng không đón lấy, mà lẳng lặng kéo chăn ra nhìn, khuôn mặt chàng đột nhiên đỏ bừng như mặt trời mùa hạ. Chàng bỗng trở nên thất thần, một lúc sau mới quay đầu lại hỏi tôi:

 - Ta đã khiến nàng bị đau phải không?

 Tôi vừa giận vừa buồn cười. Con người tuyệt đỉnh thông minh ấy sao lại có thể khù khờ trong chuyện này như vậy? Tôi phải giải thích thế nào với chàng đây?

 - Không phải chàng làm em đau, em tự nguyện mà!

 Chàng bần thần hồi lâu, đột nhiên quay lại nhìn tôi, vẻ mặt nghiêm trọng:

 - Ngải Tình, nàng trở về khi nào? Vì sao nàng tới được đây?

 - Hôm qua.

 Tôi nghĩ nên nói hết sự tình với chàng.

 - Tối qua Pusyse­da đưa em tới gặp Lữ Quang để thuyết phục ông ta đã đồng ý tráo đổi em và Ak­saya­mati...

 Chàng như run lên, sắc mặt tái đi, giọng nói nhẹ như gió:

 - Tối qua, ta đã gặp nàng thật ư?

 Tôi gật đầu.

 - Thì ra không phải là mơ... Trả trách ta cứ có cảm giác giấc mơ ấy sao mà hệt như thực vậy.

 Chàng lại gần tôi, định nói gì đó, nhưng không thốt ra lời.

 - Ta... đã... phá giới thật ư?

 - Ra­ji­va, chính em là người đã mê hoặc chàng.

 Tôi cắn môi, khẽ nắm tay chàng.

 - Phật tổ sẽ hiểu sự thành tâm của chàng. Chàng đã kiên cường chống chọi suốt ba ngày, đó là điều mà không một người bình thường nào có thể làm được. Bọn chúng còn ép chàng uống rượu đã bỏ xuân dược vào. Thế nên, xin chàng đừng nghĩ ngợi về chuyện xảy ra đêm qua nữa, đừng tự trách mình, chàng không có lỗi gì cả...

 Ra­ji­va cúi đầu thinh lặng, bàn tay nắm chặt tấm chăn đang run lên bần bật. Tôi biết trong phút chốc, chàng không thể chấp nhận sự thực này, nên chỉ biết thở dài, đặt chậu nước và quần áo lên tủ.

 - Em ra ngoài một lát, chàng lau người và thay quần áo đi.

 Đó là một bộ đồ lụa phổ biến mà bọn người ngoài kia trao cho tôi, bọn họ không chịu mang y phục của tăng sĩ tới.

 - Không tìm được y phục của tăng sĩ nên chàng chịu khó mặc bộ đồ này vậy.

 Tôi bưng khay đồ ăn đã nguội ra ngoài.

 Luôn luôn có người canh giữ ngoài cửa, tôi kêu bọn họ mang đồ ăn đi hâm nóng lại. Bọn họ không gây khó dễ, tỏ ra khá giữ lễ với tôi, yêu cầu thứ gì là mang đến thứ đó, chỉ không cho phép tôi đi lại tự do. Ánh nắng rực rỡ chiếu rọi cung điện, không thể tin nổi, dưới bầu trời xanh trong nhường này lại xảy ra cuộc chiến tranh khốc liệt và cảnh tượng loạn ly đẫm nước mắt. Nếu không có cuộc chiến tranh này, có lẽ Ra­ji­va cũng chỉ là một hạt cát nhỏ giữa dòng sông lịch sử, sẽ không có một đại pháp sư tiếng tăm lừng lẫy, lưu danh sử sách. Nhưng để có được danh tiếng ấy, chàng đã đánh đổi cả một đời khổ nạn, không biết, như thế là may mắn hay bất hạnh?

 Khi tôi mang canh thịt và bánh nướng đã hâm nóng vào phòng thì chàng đã mặc lên mình bộ đồ của dân thường và ngồi thiền tụng kinh. Thân hình cao lớn, chỉ khoác lên mình chiếc áo ngắn chít eo đặc trưng của đàn ông Khâu Từ trông đã rất nam tính rồi. Không tính đến cái đầu trọc lốc, nhìn từ phía sau vẫn có thể dùng từ “đẹp trai ngời ngời” để miêu tả về chàng.

 Tôi đặt khay đồ ăn lên bàn, nhìn chậu nước chuyển màu, biết là chàng đã lau rửa sạch sẽ. Gọi chàng tới ăn cơm, nhưng chàng không đáp lại, vẫn miệt mài tụng kinh. Không muốn làm phiền chàng, tôi ngồi yên lặng chờ đợi.

 Nhưng chàng đã tụng niệm gần hai giờ đồng hồ liên tục, không hề ngơi nghỉ. Càng lúc tôi càng buồn bã nhận ra rằng, không phải chàng đang giữ nếp tụng kinh buổi sáng, mà là đang tự trừng phạt. Chàng định sẽ tiếp tục tụng niệm đến bao giờ nữa?

 Không kìm chế nổi, tôi kéo tay chàng, cầu khẩn:

 - Ra­ji­va, xin chàng đừng tụng kinh nữa. Là lỗi của em, chính em đã mê hoặc chàng. Kẻ dụ dỗ người tu hành phạm giới mới là kẻ có tội lớn nhất. Xin hãy để mình em gánh chịu tội nghiệt này, chàng không có lỗi gì cả.

 Chàng mở mắt, nhìn tôi ai oán, khẽ lắc đầu, kéo tay tôi ra, tiếp tục lầm rầm tụng niệm.

 Nhìn quanh căn phòng, thấy một chiếc phất trần cắm trong chiếc bình, tôi đi lấy, mang lại gần chàng.

 - Ra­ji­va, nếu chàng nghĩ rằng đã phạm phải tội lỗi tày trời, em có thể giúp chàng. Con người ở phương tây xa xôi tín theo một thứ tôn giáo. Tôn giáo ấy cho rằng, tội phá giới có thể được giảm nhẹ nếu người mắc tội tự quất roi lên người mình. Nỗi đau thể xác sẽ giúp thuyên giảm nỗi đau tinh thần và như thế sẽ nhận được sự tha thứ của đấng tối cao.

 Tôi ngồi xuống trước mặt chàng, khẽ hỏi:

 - Chàng muốn thử không?

 Ki- tô giáo rất thịnh hành phương pháp tự trừng phạt này. Giáo hội không ngừng nhồi nhét vào đầu các con chiên cảm giác tội lỗi về nhu cầu tình dục và nhấn mạnh, tình dục làm ô uế linh hồn con người và khiến họ không thể lên được thiên đàng. Bởi vậy, những người căm ghét hoặc sợ hãi việc hành lạc, bao gồm cả các tu sĩ nam và nữ đều chuộc tội bằng cách tự quất roi vào người, họ làm vậy, những mong dùng đau đớn của kiếp này đổi lấy hạnh phúc của kiếp sau. Trong thời gi­an bệnh dịch hạch hoành hành khắp châu Âu, người ta đã tổ chức những đoàn người hành xác, cả một thôn làng hoặc thị trấn cùng diễu hành qua khắp các nẻo đường, rồi tập trung tại một nơi công cộng, sau đó họ bắt đầu tự quất roi vào lưng mình, cho đến khi máu tươi chảy ra.

 Chàng nhìn tôi, vẻ đau khổ tột cùng, lặng lẽ buông áo trễ xuống thắt lưng, rồi nhắm mắt lại, tiếp tục tụng kinh.

 Tôi đứng ra sau lưng chàng, cầm ngược cây phất trần, hít một hơi thật sâu, giữ chặt tay, cắn răng vụt thật mạnh. Một âm thanh rùng rợn vang lên trong không gi­an, chàng rùng mình kinh ngạc, một vệt dài màu đỏ hằn lên rõ rệt trên lưng chàng. Tôi cắn chặt răng, quay cán phất trần lại, ra sức vụt vào lưng mình. Cơn đau buốt truyền đến não bộ, kích thích nước mắt xô nhau ra quanh viền mắt.

 - Nàng làm gì vậy?

 Cây phất trần bị giằng lấy, tôi ngã vào lòng chàng, trong đôi mắt ngấn lệ, tôi nhìn thấy nỗi kinh ngạc và xót thương của chàng.

 - Chàng muốn trừng phạt bản thân, em sẽ cùng chàng hứng chịu. Chàng không thiết ăn uống, em sẽ cùng chàng tuyệt thực. Nếu chàng không thể chấp nhận thân phận của em, em có thể xuống tóc làm ni cô.

 Những tiếng nức nở, nghẹn đắng nơi cuống họng, tôi dừng lại lấy hơi:

 - Nhưng, Ra­ji­va, lần này, dù có thế nào em cũng sẽ không ra đi. Dù phải đối mặt với bao nhiêu phong ba bão tố, hãy để em ở bên chàng, cùng chàng vượt qua, được không?

 Chàng xiết tôi chặt hơn, tôi vòng tay qua ôm riết lấy chàng. Nếu có thể nhờ vòng tay ôm riết ấy để được hòa tan vào lồng ngực của chàng, để hai người hợp lại thành một thì hạnh phúc biết bao. Gối đầu lên bờ vai để trần của chàng, những giọt nước mắt chảy xuống lằn roi đỏ in trên lưng chàng. Khuôn ngực chàng rung động mãnh liệt, nước mắt chàng thấm ướt vai áo tôi. Không biết đây là lần thứ bao nhiêu chúng tôi khóc trong vòng tay nhau? Em không đành lòng thấy chàng khóc...

 - Ngải Tình, ta không trừng phạt bản thân vì đã phá giới. Thân xác, chỉ là lớp vỏ bọc bên ngoài. Giáo lý Phật giáo Đại Thừa không quy định ngặt nghèo về chuyện đó. Huống hồ, lần này là do ta bị ép buộc. Nhưng ta phải hối lỗi với Phật tổ, và trái tim ta đã “phá giới” theo thân xác ta rồi...

 Chàng khẽ đẩy tôi ra, những ngón tay nhẹ nhành lướt trên má tôi, nỗi đau khổ phủ một màu ảm đạm lên gương mặt thanh tú.

 - Không đúng. Trái tim ta không phải phá giới từ đêm qua, mà mười một năm trước, hai mươi năm trước đã phá giới rồi. Thuở thiếu thời gặp nàng, trái tim ta đã khôn nguôi thổn thức. Sau khi nàng ra đi, ta không hiểu vì sao mình lại lặng lẽ phác họa chân dung nàng, hết bức này đến bức khác. Rồi khi ngắm nhìn tượng Phật lại tưởng tượng ra gương mặt của nàng, thì ta biết mình đã sa vào lưới tình, chẳng thể thoát thân. Ái dục vốn là trở ngại lớn nhất đối với người tu hành. Ta vô cùng sợ hãi, nên mỗi lần nghĩ tới nàng là ta lại tụng kinh để sám hối. Nhưng khi nàng trở về, niềm vui được ở bên nàng lớn hơn cả việc nghiên cứu, tìm hiểu giáo lý Phật pháp và việc tụng niệm đã không thể giúp ta trừ bỏ những chướng ngại trong lòng được nữa. Sau khi hôn nàng, ta hiểu rằng mình đã không thể rời bỏ ái dục...

 Từng giọt lệ long lanh kết đọng trên khóe mắt chàng, nặng nhọc lăn dài trên gò má.

 - Mười một năm trước, không được gặp nàng lần cuối, ngày hôm đó, ta đã ngồi thiền trong phòng nàng ba ngày. Sau ba ngày, ta hiểu ra một điều: Nếu đã không thể quên được nàng, chi bằng ta biến nỗi nhớ nàng thành sự tu tập mỗi ngày. Nhờ vậy, tâm hồn ta bình lặng trở lại, ta chuyên tâm vào việc tu hành. Nếu mười năm sau nàng không quay về, ta sẽ thực hiện nguyện vọng của nàng, đến Trung Nguyên truyền bá Phật pháp. Nhưng đúng lúc ta chuẩn bị khởi hành đến đất Hán, thì Khâu Từ gặp phải kiếp nạn và ta phải chịu sự sỉ nhục này.

 Chàng ngừng lại một lát, lấy hơi và tiếp tục:

 - Ba ngày bị gi­am cầm, ta vẫn một lòng hướng Phật, tâm thanh tịnh như nước, xem mỹ nữ trước mắt như không khí. Nhưng sau khi phá tửu giới, thì trước mắt ta, trong tâm tưởng ta lại luôn hiện lên hình bóng nàng. Không phải ta không nhớ chuyện gì xảy ra đêm qua, mà là ta không dám thừa nhận. Tuy chỉ là nhưng cảm giác mơ hồ, nhưng ta vẫn nhớ rõ khoảnh khắc ta có được niềm hoan lạc không thể diễn tả bằng lời. Bởi vậy, ta đã cố thuyết phục bản thân, rằng đó chẳng qua là một giấc mơ bí mật, một giấc mơ mà ta vẫn thường mơ. Nhưng nàng lại cho ta biết mọi thứ diễn ra trong giấc mơ đó đều là thật...

 Chàng ngẩng đầu hít một hơi dài, những đường gân trên cổ giật giật. Một lát, chàng cúi xuống nhìn tôi, rồi ảo não lắc đầu, những hạt nước mắt to tròn long lanh như những hạt ngọc đổ liên hồi xuống áo chàng.

 - Khi nãy biết ta đã có quan hệ... vợ chồng với nàng... Nếu không phải là do Lữ Quang sắp bày, ép buộc, Ra­ji­va sao dám “làm vậy” với nàng! Thế nên, cảm xúc đầu tiên đến với ta khi biết tin đó, không phải là sám hối, mà là niềm vui vô bờ tựa mạch nước ngầm len lỏi trong tim. Ta đã vô cùng hoảng sợ và hổ thẹn khi mình có ý nghĩ đó. Mấy mươi năm tu hành vẫn chẳng thể giúp ta chống lại khát khao yêu đương với nàng. Tội lỗi này, dù có đọc bao nhiêu kinh văn đi nữa cũng không thể xóa bỏ. Ta không xứng là đệ tử nhà Phật... Ta nhớ đến lời nói của vị cao tăng mà ta gặp hồi nhỏ: Nếu không tuân thủ giới luật một cách nghiêm khắc, ngày sau sẽ chỉ có thể là một pháp sư thông minh, sáng láng không hơn không kém. Khi nãy, vừa tụng kinh ta vừa nghĩ về điều này và không khỏi đau đớn. Ta đã phá giới vào đúng năm ba mươi lăm tuổi, lẽ nào ý trời đã định, kiếp này Ra­ji­va chỉ có thể trở thành một pháp sư thông minh, sáng láng, mà chẳng thể làm nên nghiệp lớn ư?

 Tôi đã khóc đến mềm cả tim gan, chưa bao giờ chàng thổ lộ với tôi nhiều đến vậy, mà mỗi câu mỗi tiếng thốt ra đều đau đớn đến xé lòng.

 - Xin lỗi chàng, em đã phá vỡ thế giới tĩnh tâm thiền định của chàng, đã khiến chàng khó xử. Nếu chàng muốn, em sẽ ra đi.

 - Không kịp nữa rồi...

 Chàng run rẩy hôn tôi, vị mặn chát nồng đượm nơi đầu lưỡi, không biết là nước mắt của chàng hay của tôi.

 - Nàng đã quay về thì sao ta có thể để nàng ra đi, để lại phải khổ sở chờ đợi mười năm nữa... Ngải Tình, một roi nàng tự quất vào người mình đã khiến ta bừng tỉnh. Nàng sẵn sàng san sẻ đau khổ với ta, bằng lòng cùng ta vượt qua phong ba bão tố, lẽ nào Ra­ji­va không dám thừa nhận tình cảm với nàng suốt hai mươi năm qua? Ta chỉ biết tự trách mình vì đã phá giới, vì không thể trở thành một bậc danh sư, mà quên rằng nỗi đau khổ mà nàng phải chịu đựng lớn hơn ta gấp bội phần. Nàng đã trở về khi ta cần có nàng nhất. Đêm qua nàng đã dùng tấm thân trinh trắng của mình giải cứu ta khỏi sự đày ải ấy. Tình yêu cao cả đó, ta biết lấy gì báo đáp. Ta quyết không để nàng lại tiếp tục phải chịu dày vò, đau khổ nữa. Nỗi nhớ nhung vò xé tâm can mười năm lại mười năm mòn mỏi, vò võ ấy, ta không muốn phải chịu đựng thêm nữa. Trở thành bậc danh sư, đạt đến đỉnh cao tu dưỡng, nhập Niết Bàn thì sao chứ, không có nàng ở bên, ta cũng chỉ như một thân xác vô cảm, không có linh hồn mà thôi. Đời sống ấy có gì đáng sống đâu!

 Chàng rời khỏi bờ vai tôi, nhẹ nhàng lau nước mắt cho tôi, nâng cằm tôi lên, để ánh mắt lạ kỳ của cháng phủ lên gương mặt tôi:

 - Có nàng ở bên, ta cam tâm tình nguyện bị đẩy xuống tầng địa ngục sâu nhất – địa ngục vô gián.

 - Chàng đừng quên, luôn có em bên chàng...

 Mười ngón tay đan vào nhau, chúng tôi ôm nhau và hôn nhau mãi miết, hôn cho nhau cạn những giọt lệ tràn mi, nhưng những nụ hôn ngọt ngào ấm áp ấy chỉ càng khiến những dòng nước mắt tuôn trào. Cuộc đời còn mấy lần mười năm nữa để uổng phí? Bắt đầu từ bây giờ, chúng tôi sẽ trân trọng mỗi giây mỗi phút...

 Không biết chúng tôi đã khóc với nhau bao lâu.

 Rồi chàng đột ngột buông tôi ra, ngẩng đầu thở dài:

 - Chàng sao vậy?

 - Không ngờ sau khi cởi bỏ được nỗi day dứt quyện chặt trong tim suốt hai mươi năm qua lại khiến ta đau đầu đến vậy?

 Tôi bật cười:

 - Đó là vì chàng bị ép uống rượu.

 Tôi đưa bát canh đặt trên tủ cho chàng.

 - Đây là canh giã rượu, chàng uống ngay lúc đầu thì đã không sao cả.

Chương 44: Sự thật

 Ra­ji­va kinh ngạc nhìn chiếc dao cạo râu Gillette trên tay tôi. Khi đi dạo phố với bạn bè và thấy họ mua tặng bạn trai mình, trong phút xúc động tôi đã mua nó. Cứ ngỡ sẽ chẳng còn cơ hội để tặng Ra­ji­va. Lẽ ra phải có kem bôi đi kèm với bộ dao cạo râu này, nhưng vì sợ nhiễm phóng xạ, tôi đã không mang theo.

 Cố nhiên là Ra­ji­va không biết sử dụng. Tôi để chàng ngồi xuống, thấm nước ấm vào khăn mặt rồi đắp lên cằm chàng để những sợi râu trở nên mềm hơn. Tôi dặn chàng ngửa cổ lên và không được động đậy, sau đó nhẹ nhàng kéo chiếc dao cạo lướt trên cằm chàng. Tôi đã học được “ngón nghề” này từ từ các chuyên gia nam ở khu vực thực nghiệm. Chàng nhìn tôi chăm chú, bóng tôi in trong đáy mắt sâu hun hút của chàng, tim đập rộn ràng. Làn da của chàng trơn mượt, mỗi lần chạm vào, tâm trí tôi bỗng trở nên bấn loạn. Sợ thiếu tập trung sẽ khiến chàng bị thương, tôi cố gắng định thần lại, giữ cho bàn tay vững vàng, xử lý gọn gàng đám râu ria mọc lởm chởm lâu ngày.

 Sau khi cạo rửa xong xuôi, khuôn mặt chàng sáng sủa hẳn lên. Khi tâm trí tôi còn đang mê mẩn với vẻ thanh tú của gương mặt chàng thì trống bụng bỗng đổ liên hồi. Đã ba giờ chiều và tôi chưa có một hạt cơm nào trong bụng từ tối qua đến giờ. Tôi đỏ mặt xấu hổ, nhưng chàng đã nắm tay tôi, cười dịu dàng:

- Chúng ta ăn cơm thôi…

 Chúng tôi ngồi đối diện nhau, cơm canh đã nguội ngắt nhưng tôi vẫn thấy ngon miệng lạ thường. Tôi vừa ăn vừa nhìn chàng, nụ cười ngây ngô không lúc nào tắt trên môi. Chàng mỉm cười rạng rỡ đáp lại, mười năm sương gió để lại vết dấu trên khóe mắt và vầng trán chàng, khi chàng cười, những nếp nhăn càng hiện rõ, tôi ước gì mình có thể xóa đi những dấu hiệu mỏi mòn của tuổi tác, tháng năm ấy. Tôi không muốn lại phải trải nghiệm mười năm đằng đẵng của chàng bằng vài tháng ngắn ngủi của mình nữa, lần này, tôi muốn được cùng chàng đi trọn con đường đời.

- Còn đau không?

 Xong bữa, chàng nhẹ nhàng vuốt ve vết thương trên lưng tôi, vẻ xót xa dâng lên trong mắt. Tôi lắc đầu, nếu không nhờ một roi ấy, có lẽ chàng chưa thể bước ra khỏi những trăn trở nội tâm. Vì vậy, tôi không hề thấy đau.

 Gương mặt chàng bỗng đỏ bừng, chàng cúi đầu khẽ hỏi:

- Để ta xem được không?

 Tôi sững người, mặt mũi nóng ran, một xúc cảm kỳ lạ len lỏi trong tim. Do dự một lát, vẫn thấy chàng nhìn tôi chăm chú, tôi xoay người ngồi xếp bằng trên nền nhà, vén mái tóc sang một bên, thả áo xuống thắt lưng.

 Chàng ngồi phía sau, nhìn hoài mà không lên tiếng. Tôi cảm thấy vô cùng bối rối khi phơi làn da trần trước mặt chàng, chỉ muốn nhanh chóng kéo váy lên, nhưng bàn tay chàng đã nhẹ nhàng giữ lại.

 Chợt một cảm giác lành lạnh, chộn rộn nơi sống lưng, là bàn tay chàng đang dịu dàng lướt trên vệt roi quất ấy. Theo sau đó là đường môi ướt át nhưng ấm nồng của chàng gắn trên lưng tôi, từ đầu đến cuối vết thương, nụ hôn dài miên man ấy khiến toàn thân tôi rung động.

- Ngải Tình…

 Bờ môi chàng kéo riết đến vành tai tôi, giọng nói trầm ấm, mê hồn cất lên:

- Ta sẽ không để nàng bị thương nữa.

 Không gi­an quanh tôi tràn ngập dư vị nồng nàn, tôi bỗng cảm thấy căng thẳng, mồ hôi lấm tấm trên cánh mũi.

 Cánh cửa phòng đột nhiên bật mở, tôi giật mình, vội vàng chỉnh lại y phục. Chúng tôi đã quên mất nơi này vốn là một nhà gi­am và người khác có thể ra vào bất cứ lúc nào. Nhưng thân hình cao lớn của Ra­ji­va đã che chắn cho tôi.

 Tên lính gác cửa người Đê thò đầu vào bẩm báo:

- Pháp sư, Lữ tướng quân mời ngài đến gặp.

 Lữ Quang không nói muốn gặp tôi, nhưng vì lo lắng cho Ra­ji­va, tôi chủ động đi theo chàng. Vẫn là đại điện to rộng ngày hôm qua, vẫn là đám con cháu bất nghĩa đang đứng vây quanh ông ta.

- Pháp sư, hương vị của đêm qua không tồi chứ? Thằng con ta đã tận mắt chứng kiến khoảnh khắc thăng hoa của ngài.

 Lữ Quang cất tiếng cười thỏa mãn, không giấu diếm, hắn có vẻ rất hài lòng.

- Làm người thì nên tận hưởng niềm hoan lạc ấy, tụng kinh niệm Phật nhiều có gì vui thú đâu! Nếu ta không ra sức tác hợp, e là kiếp này pháp sư chẳng thể được thưởng thức mùi vị của niềm vui sướng tột độ ấy!

 Vốn đã có sự chuẩn bị từ trước, rằng đến gặp ông ta là để nghe những lời nhục mạ chẳng kiêng nể gì ai, nhưng khi những lời ấy vang lên bên tai mình, tôi có cảm giác ghê tởm như ăn phải ruồi nhặng. Tôi lén quan sát Ra­ji­va, mặt chàng hơi biến sắc, nhưng dáng vẻ vẫn đạo mạo, điềm tĩnh. Tôi ngậm ngùi nuốt giận, ai bảo chúng tôi là những kẻ yếu thế cơ chứ!

 Lữ Quang đưa ánh mắt cú vọ sang phía tôi:

- Thì ra pháp sư cũng giống ta, chỉ thích những thiếu nữ yêu kiều, duyên dáng người Hán. Trong phủ đệ của ta ở Trường An đã thu nạp không ít phụ nữ Hán, ngày sau có dịp đến Trường An, ta nhất định sẽ tặng ngài vài nàng.

 Ra­ji­va vẫn lặng thinh không đáp, môi mím chặt, lưng vươn thẳng. Tuy khoác trên mình bộ y phục dân dã, nhưng vẻ ung dung, tĩnh tại trong mắt chàng, khí chất thanh cao, thoát tục của chàng khiến ột kẻ thô thiển, kệch cỡm như Lữ Quang trở nên nhỏ bé hơn vài phần.

 Thấy Ra­ji­va lặng yên không đáp hồi lâu, chừng như bực tức, Lữ Quang đằng hắng vài tiếng:

- Mấy ngày tới pháp sư cứ an tâm nghỉ ngơi trong cung, ta sẽ cho người đến hầu hạ pháp sư chu đáo.

 Rồi ông ta lại giả bộ tử tế, quan tâm:

- Pháp sư có thiếu thốn gì không?

 Ra­ji­va khẽ cúi người, hai tay chắp lại, điềm tĩnh đáp lời:

- Tôi rời chùa đã lâu, lòng đầy lo lắng. Nếu tướng quân cho tôi trở về chùa Tsio – li hoặc chùa Cakra thì tôi rất cảm ơn.

- Pháp sư không cần phải vội, ta còn rất nhiều vấn đề về Phật pháp muốn thỉnh giáo Pháp sư mà!

- Những vấn đề Phật pháp của ngài, tôi đây không đủ sức giải đáp.

 Ra­ji­va tỏ ra cương quyết không nhượng bộ:

- Tôi là người xuất gia, không màng thế sự. Tướng quân gi­am giữ tôi cũng chỉ có thể ép tôi phá đi thân giới, tấm lòng hướng Phật của tôi, ngài chẳng thể lay động được. Những điều tướng quân kỳ vọng ở tôi, e là tôi chẳng thể giúp gì cho ngài, mong ngài sớm từ bỏ ý định đó đi.

 Tôi cảm thấy hết sức băn khoăn, lẽ nào Lữ Quang ép buộc Ra­ji­va phá giới chỉ vì một vụ cá cược? Nhưng tôi nhanh chóng xua đi mối nghi ngờ đó, để ngẩng lên nháy mắt với Ra­ji­va, ra hiệu cho chàng đừng kích động Lữ Quang.

 Ông ta quả nhiên nổi trận lội đình, gầm rít lên những tiếng ghê rợn:

- Người giỏi lắm! …

 Nhưng Lữ Soạn đã kịp kìm ông ta lại. Hắn thì thầm nhỏ to vài câu gì đó vào tai Lữ Quang, sắc mặt ông ta trở nên thâm hiểm khó đoán, lấy hơi một hồi lâu ông ta mới giữ được bình tĩnh.

- Mấy ngày qua chắc pháp sư đã thấm mệt, ngài nghỉ ngơi đi.

 Giọng nói của ông ta không có vẻ gì là thân thiện, tử tế.

Đêm qua pháp sư đã giúp ta thắng cược, giành được các mỹ nữ ở hậu cung Khâu Từ, lát nữa ta sẽ chọn vài cô xinh đẹp, mỹ miều để tặng pháp sư.

 Ra­ji­va liếc sang tôi, rồi quay ra cung kính nói:

- Tướng quân khỏi cần nhọc lòng, Ra­ji­va tu hành đã nhiều năm, nội tâm trong sạch, lòng ít ham muốn, tôi không cần mỹ nữ nào nữa cả.

 Chàng ngừng một lát, nói tiếp:

- Mong tướng quân đoái thương những người phụ nữ đó!

 Lữ Quang cười ha hả:

- Pháp sư quả là người giàu lòng từ bi.

 Rồi quay sang nhìn tôi.

- Thiếu nữ người Hán ở Khâu Từ không có nhiều, chờ khi ta tìm được nàng nào ưng mắt, sẽ tặng cho pháp sư.

 Ra­ji­va làm mặt nghiêm nghị, lặng thinh không đáp.

- Ra­ji­va, Lữ Quang đã thắng cuộc, vì sao vẫn muốn gi­am giữ chàng? Ông ta muốn gì ở chàng?

 Lựa lúc không có ai, tôi vội hỏi chàng câu hỏi quẩn quanh mãi trong đầu kể từ lúc gặp Lữ Quang đến khi trở về căn phòng gi­am giữ chúng tôi lúc trước.

- Ngải Tình, nàng có biết thất bại thảm hại của nước Tần trong cuộc đại chiến với nước Tấn không?

 Tôi biết chứ và tôi tin hầu hết người Trung Quốc đều thuộc làu lịch sử về trận chiến đó. Đêm trước cuộc chiến, Phù Kiên vẫn còn là một bậc quân vương thành công nhất trong thời kỳ Thập lục quốc. Luận về cương vực, về cơ bản, lần đầu tiên Phù Kiên đã thống nhất toàn miền bắc Trung Quốc (lãnh thổ rộng lớn hơn thời kỳ của Thạch Lặc rất nhiều). Luật về phẩm cách, có thể xem Phù Kiên là một vị vua nhân từ hiếm có trong thời đại loạn (mà hầu hết các đấng quân vương đều là hôn quân). Luận về chính sách dân tộc, trong thời kỳ “không chung dòng tộc, ắt sinh khác lòng”, phương châm của ông hết sức tiến bộ: hòa hợp dân tộc, không giết hại lẫn nhau. Nhưng trận đại chiến ở Phì Thủy đã làm thay đổi cục diện, thậm chí đã “đưa tang” nhà Tiền Tần vốn rất hùng mạnh trước đó.

 Cuộc chiến kỳ lạ ấy vừa mới xảy ra một năm trước thời điểm tôi có mặt ở đây, vào tháng Mười một năm 383. Mức độ chênh lệch về lực lượng quân sự hai bên trong cuộc chiến này được đánh giá là kỳ lạ nhất trong lịch sử Trung Quốc: 87:18. Tính chất hoang đường của toàn bộ quá trình diễn ra cuộc chiến khiến không ai có thể tin nổi. Bên giành thắng lợi không hề nắm chắc phần thắng, cũng không hiểu do đâu mà chiến thắng. Bên thua, thua trong nỗi ngỡ ngàng, bàng hoàng, đế quốc Tiền Tần hùng mạnh sụp đổ chỉ trong một sớm một chiều.

 Lữ Quang dẫn quân chinh phạt Tây vực vào tháng Giêng năm 383, trận Phì Thủy diễn ra vào đầu năm đó. Lữ Quang đánh chiếm Qarasahr (Yan­qi), rồi tấn công Khâu Từ năm 384. Thực ra kế hoạch Tây chinh từng làm dấy lên cuộc tranh luận gay gắt trong triều đình của Phù Kiên từ trước đó. Nhiều đại thần không tán đồng việc phân tán lực lượng quân sự cho việc chinh phạt Tây vực, vì nhà Tần đang phải tập trung binh lực để đối phó với Đông Tấn. Nhưng sự tự tin thái quá được tích lũy sau những thắng lợi liên tiếp, khiến Phù Kiên muốn nhanh chóng trở thành Tần Hoàng (Tần Thủy Hoàng), Hán Vũ (Hán Vũ Đế) và ông cũng tự tin cho rằng lực lượng còn lại dư sức đối phó với Đông Tấn. Nếu không có cuộc Tây chinh này, e là muốn gặp đại tướng quân Lữ Quang, bạn phải tham gia trận chiến tại Phì Thủy. Và như thế, có lẽ đã không tồn tại nhà Hậu Lương do Lữ Quang dựng lên trong thời kỳ Thập lục quốc.

 Nhưng trận chiến có ảnh hưởng to lớn đến lịch sử Trung Quốc ấy, đối với một quốc gia xa xôi tận miền Tây vực như Khâu Từ và bản thân Ra­ji­va có mối liên quan gì?

- Lữ Quang đã hay tin nhà Tần bại trận. Tình hình hiện nay vô cùng rối ren, người Yên phục quốc, người Khương làm phản, vua Phù Kiên đã không còn đủ sức để cứu vãn thời cuộc.

 Ánh mắt chàng rực sáng, chàng bóp mạnh tay tôi:

- Ngải Tình, theo nàng, vì sao nước Tần đang khốn đốn và cần viện binh như vậy, Lữ Quang lại ghìm giữ binh lính ở Khâu Từ dài ngày, không chịu quay về?

 Suy nghĩ giây lát, tôi chợt hiểu ra:

- Ông ta muốn làm vua Tây vực?

 Vào thời Thập lục quốc, hầu hết những kẻ nắm giữ trong tay chút ít binh quyền đều muốn cát cứ, xưng vương xưng bá. Luận về dũng mãnh, Lữ Quang không bằng Thạch Lặc, luận về độ gi­an xảo, ông ta không bằng Diêu Trường, luận về mưu lược, cũng không bằng Mộ Dung Thùy. Nếu không có trận Phì Thủy, ông ta sao dám sinh lòng bội phản với triều đình Phù Kiên. Nhưng tình thế hiện nay đã khác, ông ta cầm quân ở nơi xa xôi, Phù Kiên lại đang đau đầu với quân phản loạn khắp nơi, chẳng còn hơi sức và tâm trí đâu mà nhớ tới Lữ Quang, bởi vậy, Lữ Quang nảy sinh tham vọng xưng bá cũng là dễ hiểu. Giữa vòm trời cao rộng, ở nơi khuất bóng hoàng đế này, ông ta có thể làm mưa làm gió mà không ai động đến.

 Ra­ji­va gật đầu:

- Đúng vậy! Lữ Quang có dã tâm rất lớn, những chức tước mà vua Tần phong cho ông ta: Tán kỵ thường thị, An Tây tướng quân, Tây vực hiệu úy đều không thỏa mãn tham vọng bành trướng và xưng bá của ông ta.

Có câu: “Đầu gà còn hơn đuôi phượng” mà!

 Tôi chợt nhớ đến một chuyện cười có thật ở nước Nam Yên thời Thập lục quốc: Một người có tên là Vương thủy tập hợp được mấy vạn người trên núi Thái Sơn, tự xưng là hoàng đế Thái Bình, tôn cha mình làm Thái thượng hoàng, các anh em trai lần lượt là Chinh Đông, Chinh Tây tướng quân và hàng trăm chức quan khác. Sau khi bị quân đội Nam Yên đánh bại, lúc đưa ra hành quyết, có người hỏi ông ta: “Cha và các anh em của ngươi ở đâu?” Ông ta đáp: “Thái thượng hoàng lánh nạn ở nơi xa, các tướng Chinh Đông, Chinh Tây đã bị giết hại”. Vợ ông ta tức giận mắng: “Xảy ra cơ sự ngày hôm nay chính là tại cái miệng tai bay vạ gió của ông đó! Ông còn chưa chịu tỉnh ngộ hay sao?”. Ông ta đáp: “Hoàng hậu ơi, từ cổ chí kim, có gia đình nào không suy vi, có quốc gia nào không diệt vong. Đến ngày suy vi, trẫm cũng đành ngậm đắng nuốt cay, nhưng quyết không đổi quốc hiệu!”.

 Thật nực cười! Thực ra trong một trăm ba mươi năm lịch sử ấy, Trung Quốc không chỉ tồn tại mười sáu nước, mười sáu nước này chỉ là những tiểu quốc có quốc hiệu chính thức và có sự kế thừa ngôi báu. Nếu tính chính xác, thì gi­ai đoạn lịch sử đó phải có đến hai, ba chục quốc gia tồn tại. Vương Thủy tuy ngu muội, nhưng ông ta đã phát biểu chính xác tham vọng của các tiểu bá thời bấy giờ. Không ai khi sinh ra đã là một bậc đế vương! Vả lại, gia đình nào rồi cũng đến lúc suy vi, quốc gia nào rồi cũng đến hồi sụp đổ, vậy thì cứ đăng cơ làm hoàng đế cái đã, rồi tính sau. Lữ Quang nắm trong tay cả một đội quân, lẽ nào ông ta không có tham vọng bá vương đó.

 Nhưng điều này có liên quan gì đến việc gi­am giữ Ra­ji­va?

 Thấy tôi vẫn đầy vẻ thắc mắc, Ra­ji­va tiếp tục giải thích:

- Lữ Quang vốn là người nơi khác đến, quân đội của ông ta cũng chỉ có bảy vạn quân. Ông ta chỉ dựng lên một vương triều bù nhìn thì sao có thể duy trì lâu dài?

 Vậy là tôi đã hiểu! Đó là mối quan hệ giữa chính quyền và tôn giáo. Lữ Quang muốn bám rễ ở nơi đây với binh lực nhỏ bé như vậy, chẳng thể đủ sức trấn áp và cai quản miền Tây vực rộng lớn với hàng mấy chục tiểu quốc. Thế nên, ông ta buộc phải dựa vào sức mạnh của tôn giáo, để công nhận quyền lực chính thống của ông ta ở Tây vực – vùng đất vốn hết sức sùng bái đạo Phật. Và Ra­ji­va lại là đại diện của thần quyền ở đây, Nếu Ra­ji­va công khai công nhận tính hợp pháp của chính quyền Lữ Quang, ông ta sẽ không chỉ có được Khâu Từ, mà còn có thể có được sự quy thuận của mấy chục vạn dân khắp vùng Tây vực rộng lớn. Như vậy, đại nghiệp xưng bá ở Tây vực của ông ta sẽ không cần phải dựa vào sức mạnh vũ trang nữa.

- Ra­ji­va, Lữ Quang muốn xưng bá Tây vực, nhưng sức mạnh quân sự không đủ, nên mới phải cầu đến sự trợ giúp của chàng. Nhưng chàng không chịu khuất phục, chàng không muốn thừa nhận quyền lực của ông ta, đúng không?

 Ánh mắt Ra­ji­va lộ vẻ tán thưởng, chàng khẽ cúi đầu, nắm chặt hai vai tôi:

Nàng luôn là người hiểu ta nhất. Lữ Quang muốn ta đi tuyên truyền rằng ông ta là hóa thân của Quan Thế Âm Bồ Tát, được Bồ Tát sai phái đến để cứu độ người dân Tây vực.

 Tôi lắc đầu. Phàm những kẻ có dã tâm cướp đoạt vương vị đều nghĩ ra một cái cớ mang tên “điềm lành” và đều tự xưng mình là háo thân của một vị thần tiên nào đó. Nhưng những điều thuộc về tâm linh này phải dựa vào một người nắm giữ thần quyền giúp hắn thực hiện mưu đồ. Lữ Quang đâu biết rằng, Ra­ji­va không phải là Bud­dhasimha (Phật Đồ Trừng), nhà sư người Ấn Độ sống ở thời đại Thạch Lặc, Thạch Hổ, chịu khuất phục nhà cầm quyền đương thời. Ra­ji­va cũng không giống Huyền Trang, hết lời ca tụng công đức của hoàng tộc và ra sức thiết lập mối quan hệ mật thiết với hoàng đế. Ra­ji­va xuất thân cao quý, từ nhỏ đã vang danh khắp chốn, chàng coi sự tôn trọng và kính trọng của nhà cầm quyền đối với chàng là điều hiển nhiên, bởi vậy, chàng chưa bao giờ nghĩ rằng, chính trị có thể lấn lướt và áp đặt thần quyền như thế.

- Chàng từ chối, nên không còn cách nào khác, ông ta đã ép chàng phá giới hòng uy hiếp chàng?

 Chàng gật đầu, vẻ mặt nghiêm nghị:

- Ông ta đâu biết rằng, ta có thể phá giới, nhưng quyết không phục tùng. Ta làm vậy không phải vì ông ta là người ngoại tộc. Nếu Lữ Quang là một bậc minh quân, biết quan tâm chăm lo cho lẽ dân, ta nhất định sẽ ủng hộ ông ta. Nhưng ông ta lại là một kẻ tàn bạo, hoang dâm, ngu muội, lòng dạ ích kỷ, hẹp hòi, chưa bao giờ biết mưu lợi cho dân. Nếu ta công nhận quyền lực của Lữ Quang, sẽ gây hại không chỉ cho hơn mười vạn dân Khâu Từ, mà thậm chí cả mấy chục vạn dân Tây vực… Ngải Tình, nàng biết không, ông ta đã chôn sống hai vạn binh sĩ người Khoái Hồ ngay cả khi họ đã đầu hàng.

 Nỗi bi phẫn khiến gương mặt chàng trở nên ảm đậm, chàng giận dữ nắm chặt tay lại:

- Chém giết lẫn nhau trong chiến tranh đã là tội lỗi tày trời, vậy mà ông ta còn chôn sống cả những người đã giơ tay chịu trói. Ông ta đã tước đoạt mạng sống của hai vạn người. Loại người như ông ta đời đời kiếp kiếp cũng không thể được siêu thoát. Nếu ta lại đi tiếp tay cho giặc, hại đến muôn dân, thì sao xứng là đệ tử nhà Phật?

 Đào hố chôn người là thủ đoạn phổ biến nhất sau mỗi cuộc chiến tranh trong thời kỳ Thập lục quốc. Số lượng binh sĩ bị chôn sống thường lên đến vài chục ngàn người. Bởi vì các cuộc chiến tranh xảy ra trong thời kỳ này, hầu hết đều là cuộc chiến giữa các tộc người khác nhau.

 “Không cùng dòng tộc, ắt sinh khác lòng”, đào hố chôn người có thể làm hao tổn nghiêm trọng lực lượng của đối phương, lại vừa có thể trừ hậu họa. Sự kiện chôn sống người thảm khốc nhất diễn ra trong trận chiến ở dốc Tham Hợp, quân Bắc Ngụy đã chôn sống năm vạn binh sĩ Hậu Yên. Năm thứ hai sau trận chiến dốc Tham Hợp, người anh hùng Mộ Dung Thùy đã thân chinh cầm quân đi báo thù, khi ngang qua hố chôn người ở dốc Tham Hợp, ông cùng tướng sĩ đã khóc thương thảm thiết, sau đó ông bị nôn ra máu, bệnh tình ngày càng nguy kịch và không lâu sau thì mất, kết thúc cuộc đời oanh liệt, đồng thời kết thúc vương triều Hậu Yên hùng mạnh.

 Ngày trước đọc sách sử, mỗi khi đến đoạn thảm khốc, tôi thường rơi nước mắt, nhưng chẳng thể so sánh với nỗi sợ hãi của ngày hôm qua, khi tôi được tận mắt chứng kiến hố chôn người khủng khiếp ấy. Khi những con số biến thành hàng chồng thi thể đẫm máu, tôi mới cảm nhận được sự khốc liệt, khủng khiếp của chiến tranh đằng sau những con chữ vô cảm. Những gì tôi trải qua ngày hôm qua khiến tôi hạ quyết tâm sẽ không thờ ơ trước mọi sự. Nếu có thể ngăn chặn thảm kịch, tôi sẽ không ngại thay đổi lịch sử. Làn sóng nhiệt huyết trào dâng trong tôi, tôi đưa mắt ngước nhìn người đàn ông cương nghị, nho nhã trước mặt mình. Lần đầu tiên tôi được chứng kiến một Ra­ji­va kiên cường như vậy khi đối mặt với quyền lực. Người tôi yêu, giờ đây, cũng là người mà tôi kính phục nhất.

 Tôi nắm lấy bàn tay chàng, nhìn chàng, nở một nụ cười rạng rỡ:

- Chàng nhớ nhé, dù chàng quyết định thế nào, em sẽ luôn ủng hộ chàng.

 Chàng đặt tay mình lên tay tôi, truyền cảm xúc cho tôi:

- Trước khi nàng xuất hiện, ta chẳng sợ gì cả. Ta thậm chí đã nghĩ, nếu bị dồn đến chân tường, ta sẽ tự vẫn…

- Đừng!

 Tôi hoảng hốt đặt tay lên môi chàng:

- Xin chàng đừng nói những lời như vậy. Em sẽ bảo vệ chàng.

 Nụ cười ngọt ngào tỏa rạng gương mặt chàng, chàng đặt tay tôi vào lòng bàn tay ấm áp của mình, dịu dàng nói:

- Nhưng nàng đã trở về, ta không còn ý nghĩ đó nữa... Nàng còn nhớ bài giảng của nàng về “Mạnh Tử” không? “Vậy nên khi muốn trao trọng trách ột người, ông trời sẽ tạo ra muôn vàn thử thách, khiến anh ta đau khổ, khiến anh ta mệt mỏi, khiến anh ta đói khát, gầy mòn, khiến anh ta cơ cực, làm rối loạn hành vi của anh ta, khiến anh ta không được như ý. Thông qua những khổ nạn đó, rèn luyện sự tỉnh táo, tính kiên cường và bồi đắp tài năng của anh ta”. Những gi­an nguy mà ta phải trải qua là sự khảo nghiệm của Phật tổ đối với Ra­ji­va. Chí lớn của ta, sao có thể bị mai một bởi một kẻ ngang ngược như Lữ Quang?

 - Nhưng Lữ Quang sẽ không dừng lại ở việc ép chàng phá giới, ông ta sẽ còn dùng nhiều thủ đoạn tàn bạo hơn để ép buộc chàng.

 Sử sách chép rằng, Lữ Quang đã ép Ra­ji­va cưỡi ngựa ác, bò điên để làm trò cười cho thiên hạ. Nhưng đó chỉ là những ghi chép vắn tắt trong sách, hành vi sỉ nhục và sự đày đọa trên thực tế thê thảm hơn rất nhiều.

 - Ta không sợ.

 Chàng dịu dàng vuốt má tôi, khẽ thở dài, ánh mắt do dự:

 - Nhưng, sẽ khổ cho nàng...

 - Chàng đừng bận tâm về em, em có thể tự lo ình.

 Chúng tôi chìm trong mắt nhau, vòng tay khép chặt. Bóng tịch dương xuyên qua khung cửa sổ, tỏa rạng vầng trán cao rộng của chàng. Hạnh phúc như hoa nở trên môi tôi. Dù chông gai đang chờ ta phía trước, em vẫn nguyện được theo chàng.

## 23. Chương 45 - 46

Chương 45: Lồng son

 Hai chúng tôi cùng tròn xoe mắt trước cảnh tượng ấy. Khắp nơi khảm nạm ngọc ngà châu báu, ngay cả rèm cửa sổ, khăn trải bàn cũng đính kim tuyến lấp lánh. Một chiếc bàn ghép từ khối ngọc trắng khổng lồ đặt giữa phòng. Căn phòng lấp lánh vàng bạc châu báu khiến tôi nhức cả mắt. Hơn mười cung nữ xếp thành một hàng dài, trong tư thế nửa quỳ lạy, đồng thanh cất giọng oanh vàng lảnh lót:

- Xin nghe quốc sư sai bảo!

 Tôi hỏi nhỏ cung nữ đứng gần mình nhất:

- Đây là nơi nào vậy?

 Cô ta hơi sững người, cung kính đáp:

- Là tẩm cung (phòng ngủ) của tiên vương và công chúa Wusun mà người sủng ái nhất!

 Ra là vậy! Khi nãy tên lính gác cửa người Đê[26] nhắc nhở chúng tôi dọn dẹp đồ đạc rồi đi theo bọn họ, tôi cứ nghĩ sẽ bị tống vào một nhà lao hoặc một nơi tương tự như thế, nào ngờ lại là một cung điện xa hoa, tráng lệ. Thực ra đây vẫn là một nơi gi­am cầm, có điều là một nhà gi­am sang trọng, một cái lồng son. Có vẻ như, chiêu đầu tiên Lữ Quang nghĩ đến để mua chuộc Ra­ji­va là dùng của cải và mỹ nữ.

 Vẻ mặt Ra­ji­va bình thản, không chút biểu cảm, giọng chàng ôn hòa nhưng chắc nịch khi nói với đám cung nữ, rằng chúng tôi không cần ai hầu hạ và cho họ lui ra ngoài.

 Chờ khi chỉ còn hai chúng tôi, chàng nhìn quanh một lượt, thở dài ngao ngán:

- Quá ư xa hoa! Trước lúc lên đường đi Thiên Trúc, mẹ từng căn dặn nhà vua, nội chính không nghiêm, giặc ngoài ắt mạnh, thế nước yếu hèn, suy vi có lúc.

 Chàng trầm ngâm một lát, lắc đầu:

- Nhà vua có kết cục ngày hôm nay cũng là tất yếu.

- Ra­ji­va, Lữ Quang đổi nơi gi­am giữ chàng đến chốn này, mục đích của ông ta đã rất rõ ràng.

 Tôi đan những ngón tay mình vào tay chàng, cùng chàng quan sát tất cả những đồ dùng xa xỉ, bắt mắt, khiến người ta phải choáng ngợp trong căn phòng.

- Ông ta muốn chàng đắm chìm trong đời sống xa hoa, hưởng lạc với của cải và mỹ nữ, khiến chàng nhụt chí.

- Ta tin mình có thể chiến thắng cám dỗ. Của cải vật chất chẳng qua chỉ là vật ngoài thân, với ta, chẳng khác nào cát bụi. Còn mỹ nữ…

 Chàng dừng lại, nhìn vào mắt tôi, nụ cười dịu dàng đậu trên khóe môi:

- Ba ngày bị gi­am cùng công chúa ta đã chẳng hề động lòng, mỹ sắc không thể khiến ta dao động.

 Chàng kéo tôi vào lòng, bàn tay vuốt một đường dịu dàng từ đỉnh đầu, theo làn tóc, xuống đến eo, giọng chàng rủ rỉ bên tai tôi:

- Trên đời này, người duy nhất có thể khiến Ra­ji­va bằng lòng phá giới, cam chịu bị đày xuống địa ngục, chỉ có nàng thôi…

 Hai má tôi nóng bừng. Câu nói ấy ngọt ngào hơn bất cứ lời thề non hẹn biển nào, khiến hồn phách tôi điên đảo, một cảm giác lạ kỳ xâm chiếm toàn thân.

 Cánh tay chàng xiết eo tôi ngày càng chặt hơn, tôi áp tai lên ngực chàng, nghe tiếng trái tim mình gõ nhịp dồn dập, tôi gọi khẽ:

- Ra­ji­va…

 Giọng nói của tôi nghe như một tiếng nấc nghẹn.

 Chàng đột ngột rời khỏi tôi, hít thở nhiều lần, ánh mắt trôi ra ngoài khung cửa sổ:

 - Khuya rồi, nàng đi tắm rồi nghỉ sớm đi.

 Cung điện nguy nga này có một bồn tắm rất lớn, khi tôi vừa bước chân vào, hai má nóng ran. Trên bốn bức tường đều gắn những chiếc gương dạng đĩa đồng khổ lớn, đứng ở bên trong, hình ảnh khỏa thân của bạn sẽ được chiếu rọi ở mọi góc độ. Hơi nước tỏa lên mờ mịt, càng khiến cho không gi­an trở nên mơ màng, mộng mị. Một cung nữ bước vào, nói rằng muốn giúp tôi, nhưng tôi vội vàng từ chối. Những cánh hoa dập dờn trên mặt nước, mùi hương tỏa bay ngào ngạt. Ngâm mình trong bồn tắm, không thể kìm chế bản thân tưởng tượng ra cảnh tắm chung của đức vua Bạch Thuần và công chúa Wusun, những tấm kính sáng loáng này sẽ chiếu rọi bao nhiêu cảnh diễm tình? Tôi cố gắng xua đi những ý nghĩ vẩn vơ đó, chỉ muốn nhanh chóng tắm cho xong để ra khỏi đây. Nhìn bộ quần áo mà họ chuẩn bị ình, tôi không khỏi đỏ mặt. Đó là một chiếc váy dài bằng lụa mỏng màu hồng, khuy áo trễ nải buông xuống tận đôi gò bồng đảo, váy xẻ cao đến tận hông. Trang phục kiểu này rõ ràng mặc vào là để quyến rũ người khác mà! Thôi, tôi cứ mặc lại bộ Hán phục mà phu nhân của Pusyse­da chọn cho tôi vậy!

 Rón rén bước ra từ buồng tắm, đang thấp thỏm lo âu không biết tình hình tối nay sẽ ra sao, tôi đã thấy Ra­ji­va ngồi thiền tụng kinh trên thảm, vẻ mặt bình thản. Có lẽ do tôi quá căng thẳng đó thôi!

 Nghe thấy tiếng động, Ra­ji­va mở mắt nhìn tôi, mặt chàng bỗng ửng đỏ, chàng khẽ cúi đầu:

- Đêm nay nàng ngủ trên giường lớn, ta sẽ ngủ giường nhỏ.

 Chiếc giường lớn trang trí lộng lẫy đặt ở vị trí bắt mắt nhất, màn màu hồng rủ xuống điệu đà, dưới ánh đèn lung linh, càng trở nên mê hoặc lạ thường. Hai má nóng bừng, tôi bước tới một góc của chiếc “giường mỹ nhân” [27]. Chiếc giường vô cùng tinh xảo và xinh đẹp, rộng đủ hai người nằm.

- Em sẽ nằm giường nhỏ.

 Không chờ chàng đáp lời, tôi vội vàng kéo chăn trùm đầu, xoay mặt vào tường, nhắm mắt lại. Hồi lâu vẫn thấy sau lưng không có động tĩnh gì, nhưng tôi có thể cảm nhận được, chàng đang đứng rất gần tôi. Lòng bàn tay bỗng nhiên đổ mồi hôi, tôi bồi hồi không hiểu mình đang ngóng chờ điều gì.

 Rất lâu sau tôi mới nghe thấy tiếng bước chân vang lên, xa dần, nhỏ dần và kết thúc bởi tiếng cánh cửa khép lại. Tôi mở mắt, quay đầu nhìn, chàng đã ra khỏi cung điện. Bên ngoài là một khoảng sân vườn nho nhỏ, cũng nằm trong phạm vi đi lại tự do của chúng tôi.

 Tôi lờ mờ đoán ra dụng ý của chàng, nên không dám đi theo, sợ khuấy động không gi­an thanh tịnh của chàng. Tôi mệt mỏi nhắm mắt lại. Kể từ khi quay lại khu vực thực nghiệm cho đến đêm qua, chưa đêm nào tôi được ngon giấc. Thần kinh căng lên như dây đàn. Phía trước còn cả một chặng đường dài đầy trông gai đang chờ đợi, bởi vậy tôi phải nghỉ ngơi.

 Nghĩ vậy, tôi thấy nhẹ nhõm hơn, giấc ngủ say sưa ập tới. Trong cơn mê man, dường như tôi cảm nhận được một sự tiếp xúc khẽ khàng trên trán mình và một âm thanh nhẹ như gió thoảng bên tai:

- Ngủ ngon nhé, mấy ngày qua thật tội cho nàng!

 Tôi ậm ừ đáp lời trong vô thức, xoay người, hình như tôi gối lên một vậy gì đó rất thoải mái và thế là lòng phơi phới, tôi bay đi tìm Chu Công[28].

 Trước mắt tôi là một khuôn mặt rất bự với hai hàng lông mày dài, chiếc cằm thuôn nhọn, đôi mắt khép chặt, hơi thở đều đều lướt trên mặt tôi. Tôi giật mình, bật dậy, cánh tay từ trong chăn vung ra mạnh quá, đập vào người chàng. Chàng co người lại phía sau, lúc mở mắt, chàng khẽ rên lên vì đau điếng, nhưng vẫn nằm yên và rồi khép chặt mắt lại.

- Chàng có sao không?

 Tôi nhổm dậy, không biết khi nãy đã đập tay vào đâu, chàng xuýt xoa, có vẻ rất đau đớn.

- Không sao.

 Chàng cắn môi, mắt vẫn nhắm nghiền, mặt đỏ bừng, sau đó nghiêng đầu sang một bên:

- Nàng dậy trước đi.

 Tôi vẫn nằm yên trên giường, vậy là chàng đã không ngủ trên chiếc giường to rộng đằng kia mà chạy đến chỗ tôi.

- Sao chàng lại ngủ ở đây?

 Tôi cất giọng lí nhí hỏi chàng.

- Giới luật nhà Phật quy định, ta không được ngủ trên giường to chiếu rộng. Nhưng thấy nàng ngủ say sưa, không nỡ đánh thức nàng, nên cả đêm đành nằm như vậy.

 Tôi nhớ giới luật đó, vì chàng từng nhắc đến. Không biết chàng có căng thẳng giống tôi trong đêm đầu tiên nằm bên chàng hay không? Không biết chàng ngủ có ngon không? Bao nhiêu câu hỏi quẩn quanh trong đầu, bao suy nghĩ miên man, đan xen, dồn lại thành một cảm giác ấm áp, đột nhiên tôi thấy buồn cười. Tôi muốn chọc chàng:

- Chỉ là cái cớ, đúng không? Nhìn chàng là em biết.

 Chàng quay đầu lại, thấy tôi cười, khuôn mặt càng đỏ lên gay gắt, hàng mi rủ xuống, những âm thanh lí nhí thoát qua kẽ răng:

- Nàng… bị nàng phát hiện ra rồi! Cả đêm như vậy… ta không thể tĩnh tâm tụng niệm…

 - Tôi ngẩn ngơ, ý chàng là…

 Ánh mắt tò mò lướt trên người chàng, tuy phủ kín chăn, nhưng vẫn có thể nhận ra sự bất thường. Tôi chỉ muốn chui xuống một cái hố nào đó ngay lúc ấy.

 Tôi biết sức chịu đựng và kìm chế của chàng là phi thường, không ai sánh nổi, vì cả đêm chàng không hề đụng vào tôi. Nhưng phải kìm chế bản thân suốt đêm dài như vậy, phải chăng chàng đã rất khổ sở?

 Tôi lấy hết can đảm, khẽ hỏi:

- Chàng… có muốn không?

 Chàng tròn xoe mắt nhìn tôi vẻ kinh ngạc, sau đó thì phấn chấn, hồ hởi nhổm dậy, áp sát vào người tôi. Đôi mắt màu xám nhạt, thường ngày trầm lắng như mặt nước hồ thu, lúc này bỗng nhiên nổi sóng. Hơi thở gấp gáp, chàng run rẩy tìm môi tôi, nhưng nửa chừng bỗng nhiên dừng lại, đổ người xuống, nghiêng đầu ảo não:

- Không được…

 Chàng nhắm mắt, vẻ mặt đau khổ:

- Nàng sẽ ra máu… và sẽ bị thương lần nữa…

 Tôi ngẩn người, thì ra chàng cố kìm chế không chạm vào người tôi là vì điều này. Sao chàng có thể thuần khiết như vậy! Bảy tuổi đã xuất gia, tuy tiếng tăm lừng lẫy khắp chốn, nhưng đó chỉ là thành tựu của chàng trong lĩnh vực Phật học. Khi chàng bước lên bục cao, chàng là bậc danh sư lỗi lạc trong con mắt của hàng vạn người, sự thông tuệ của chàng không ai sánh kịp. Nhưng về vấn đề tình dục, chàng hầu như không có một chút kiến thức nào. Có lẽ trong suốt ba mươi lăm năm qua, chàng chưa bao giờ nghĩ rằng mình cần tìm hiểu những tri thức này, cũng như cấu tạo của cơ thể phụ nữ.

- Ra­ji­va, nhìn em đi nào!

 Tôi chống một tay ngồi lên, tay còn lại tôi xoay nhẹ cằm chàng, kéo gương mặt chàng về phía mình.

 - Phụ nữ chỉ bị chảy máu trong lần đầu, sau đó sẽ hết. Vì vậy, chàng đừng lo em sẽ bị thương.

 - Ngải Tình...

 Chàng không dám nhìn tôi, cánh môi run run, câu hỏi được thốt ra trong sự gắng gượng đầy gi­an nan.

 - Nàng không khinh ghét ta chứ?

 - Vì sao?

 Tôi ngạc nhiên.

 - Vì lục căn của ta không thanh sạch, vì ta không thể dứt bỏ ham muốn.

 Chàng nhắm mắt lại, hàng lông mày dài không ngừng rung động.

 - Đêm qua vì sợ bản thân không kìm chế nổi, ta đã lặng lẽ ra ngoài sân tụng kinh rất lâu. Nhưng khi trở vào phòng lại khát khao được chạm vào người nàng. Nàng thiếp đi trên tay ta, khiến ta nhớ lại mười một năm trước khi nàng vừa trở về, trên đường đi, nàng đã gối lên đùi ta ngủ ngon lành. Hình ảnh đó khiến ta không sao kìm chế được ham muốn. Đêm qua ta đã tắm rửa rất nhiều lần, nhưng cứ nằm bên cạnh nàng, trong đầu ta lại nảy sinh dục vọng ma quái. Ta không thể nào chợp mắt nổi và cứ trằn trọc như vậy cho đến tới tận giờ tụng kinh buổi sáng... Sợ gây tiếng động, khiến nàng thức giấc, ta ra ngoài vườn tụng kinh. Cứ nghĩ không nhìn thấy dáng vẻ của nàng khi ngủ thì sẽ không nảy sinh ham muốn và như thế sẽ có thể tĩnh tâm tụng niệm. Nhưng không hiểu ma xui quỷ khiến thế nào, ta lại quay trở vào phòng và nằm xuống cạnh nàng. Nàng nói đúng, ta đã kiếm cớ để đến gần nàng.

 Chàng mở mắt, cuối cùng chàng đã chịu nhìn thẳng vào mắt tôi, vẻ sám hối và nỗi khát khao đan xen trong ánh mắt chàng.

 - Ta thiếu tôn trọng nàng như vậy, nàng có khinh ghét ta không?

 Tôi mỉm cười, làm sao có thể không yêu người đàn ông này được chứ! Chàng chỉ biết vùi đầu vào tụng niệm để xóa tan dục vọng trỗi dậy mạnh mẽ trong lòng. Nếu không phải vì những nguyên nhân khách quan o bế, tôi tin rằng, chàng sẽ bảo vệ sự thanh sạch của mình đến cùng. Chính vì dành trọn tâm huyết cho lý tưởng truyền bá Phật pháp, nên dù đã ở tuổi ba mươi lăm, chàng vẫn thuần khiết, trong sáng như ngày nào. Hơn hai mươi năm qua chàng không hề thay đổi. Tôi bỗng thấy xúc động, liệu thế kỷ XXI còn có người đàn ông nào thuần khiết như chàng không?

 Tôi muốn chàng được tận hưởng sự gắn kết hài hòa của thể xác và linh hồn, nên tôi sẽ phải chủ động. Tuy tôi cũng chỉ có những kiến thức sách vở, nhưng dù sao cũng là con người của thế kỷ XXI, hiểu biết của tôi về vấn đề này chắc chắn phong phú hơn chàng. Tôi nghĩ tôi có rất nhiều điểm giống chàng, từ nhỏ đến lớn, tôi mải mê theo đuổi mục tiêu: đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường, nên chưa từng yêu ai. Những bộ phim và những cuốn sách cấm trẻ em dưới mười tám tuổi, tôi cũng chưa từng xem, chưa từng đọc. Bởi vì lý tưởng đã chiếm trọn tâm trí tôi, tôi không có thời gi­an để nghĩ đến những thứ khác. Có lẽ, tôi cũng có thể coi là một kẻ lập dị trong thế kỷ XXI, thế kỷ của ham muốn và hưởng thụ lan tràn.

 Tôi nhỏ nhẹ cất tiếng:

 - Tình dục không phải điều gì đáng sợ hay xấu xa. Cơ thể của người đàn ông và người đàn bà là do tạo hóa sinh ra, tình ái cũng là một vẻ đẹp của tự nhiên và là điều tuyệt vời nhất trên đời. Chàng khao khát em, không có nghĩa là chàng không tôn trọng em mà vì chàng yêu em.

 Tôi ngừng lại, đắm đuối nhìn ngắm gương mặt mà tôi chưa bao giờ ngắm thỏa ấy, khẽ hỏi:

 - Ra­ji­va, chàng có yêu em không?

 Chàng mở miệng, muốn nói nhưng chẳng thốt được nên lời, nỗi thẹn thùng đã nhuộm đỏ cả chiếc cổ thiên nga của chàng.

 Tôi đặt tay lên miệng chàng, lắc đầu:

 - Chàng không cần nói gì cả, từ lâu em đã biết được câu trả lời rồi... Tình dục không phải ham muốn từ một phía, hai người yêu nhau đều khát khao được có nhau.

 Những ngón tay tôi đùa trên hàng lông mày dài của chàng, mơn man đến đôi mắt sâu thăm thẳm, đến sống mũi cao thanh tú và cuối cùng dừng lại trên làn môi đang khe khẽ rung động.

 - Em yêu chàng, nên em cũng khát khao được chạm vào người chàng, Em cũng từng có những giấc mộng yêu đương. Em cũng ham muốn chàng...

 Tôi không hiểu vì sao giọng nói của mình lại gợi cảm đến thế! Mỉm cười yêu kiều, tôi cúi xuống hôn chàng. Hương vị mềm ướt trên làn môi chàng thấm nhuần vào tận tim gan của tôi, chàng khẽ thốt lên một tiếng, mở rộng miệng để tôi xâm nhập vào bên trong, rồi cùng tôi gi­ao hòa, quấn quýt. Chàng khẽ khép hờ đôi mắt, hàng mi rung rinh, sóng mắt xao động, tay chàng đỡ lấy lưng tôi, áp chặt tôi vào người chàng.

 Tôi đột ngột rời môi chàng, nhìn mắt chàng dâng lên nỗi thất vọng, không nhịn nổi cười. Tôi áp tay chàng lên má mình, khẽ nói:

 - Hãy nghe theo bản năng và mong muốn của chàng. Khoảnh khắc này, hãy quên đi mọi thân phận, giờ đây chàng chỉ là một người đàn ông và em là người phụ nữ của chàng. Chỉ cần chàng muốn, em sẽ không từ chối.

 - Ngải Tình...

 Chàng gọi tên tôi đầy cảm kích, vẻ do dự, chần chừ đã hoàn toàn biến mất, chàng xoay người trùm lên mình tôi. Đáy mắt rực lửa, bờ môi nóng rẫy lướt trên mắt, trên mũi, trên môi tôi, quấn quện đầu lưỡi tôi. Bàn tay chàng đã đặt lên nút áo bên sườn trái của tôi, nhưng loay hoay mãi không kéo ra được.

 Chàng rời môi tôi, chăm chú quan sát cấu tạo những nút áo, vẻ ảo não, khổ sở trên gương mặt chàng giống hệt vẻ bối rối của cậu thiếu niên Ra­ji­va hai mươi năm về trước. Tôi không nhịn nổi cười, một cảm giác ngọt ngào tỏa lan khắp cơ thể tôi.

 Rốt cuộc cũng xử lý xong các nút áo, chàng tháo thắt lưng của tôi, kéo hai tà áo sang trái sang phải. Khi bụng tôi lộ ra, dường như có cơn gió lạnh từ đâu ùa tới, nhưng chẳng thể làm dịu đi cơ thể đang nóng bừng của tôi. Tôi thở hổn hển, mồ hôi lăn tăn trên trán, nhưng tôi không giấu mặt đi, vì tôi muốn được thấy biểu cảm của chàng khi chàng ngắm nhìn cơ thể tôi.

 Chàng thận trọng như nựng trên tay báu vật. Tôi vẫn mặc áo ngực. Chàng chớp mắt hồi lâu vẫn không tìm ra cách xử lý, chàng bối rối kiếm tìm nút thắt ở đai bên sườn tôi. Tôi xoay người lại, chàng nhìn thấy khuy áo, nhưng lần này độ khó đã tăng lên rất nhiều so với nút áo choàng bên ngoài. Chàng thử đi thử lại nhiều lần vẫn không thành công, nên đành ngước đôi mắt cầu cứu về phía tôi.

 Tôi mỉm cười, nhưng bàn tay không khỏi run rẩy, tháo khuy áo xong, tay tôi đã đẫm mồi hôi. Nhìn thấy ánh mắt chàng đổ dồn vào chỗ đó, tôi cảm thấy vô cùng xấu hổ, lấy tay định che đi, nhưng đã bị tay chàng nhẹ nhàng kéo ra. Bàn tay chàng run rẩy khám phá, bờ môi chàng hôn lên một bên ngực tôi.

 - Ngải Tình, nàng đẹp lắm!

 Những âm thanh khẽ khàng của sự tiếp xúc và tận hưởng khiến toàn thân tôi run rẩy, bàn tay chàng êm ái lướt trên khắp cơ thể tôi, nụ hôn da diết trườn trên ngực, lên đến cổ và dừng lại bên tai tôi. Khi chàng ngậm vành tai tôi, tôi bỗng giật thót mình, vội vàng né tránh.

 - Nàng sao vậy?

 Chàng ngẩng đầu, ánh mắt tha thiết, lo lắng.

 - Không sao. Chỉ là...

 Tôi ngượng ngùng, ấp úng:

 - Chỉ là... Vành tai của em rất nhạy cảm, nếu ai đó khẽ thổi vào tai là toàn thân em sẽ trở nên tê dại.

 Đây là lần đầu tiên tôi tiết lộ về điểm yếu của mình.

 Chàng sững người trong giây lát, sau đó thì bật cười thoải mái. Khi tiếng cười còn chưa tắt, tôi đã thấy ánh mắt láu lỉnh của chàng (vẻ láu lỉnh mà trước đây tôi chưa bao giờ thấy) đang thăm dò mình và giọng nói của chàng cũng không còn trầm ấm như mọi ngày nữa:

 - Vậy thì... ta rất muốn làm một chuyện tệ hại nhất trong đời mình...

 Tôi cảm thấy có gì đó không ổn, định trốn đi, nhưng đã bị vòng tay của chàng giữ chặt, chàng thổi hơi vào tai tôi, một luồng hơi tê buốt tựa dòng nước giá lạnh lan từ sống lưng đến chân tôi, cảm giác buồn buồn không chịu nổi, tôi cười lăn lộn, xin chàng buông tha. Chàng không trêu đùa tôi nữa, mỉm cười nhìn tôi đắm đuối, vẻ yêu chiều, dịu dàng.

 Tôi vòng tay qua cổ chàng, nũng nịu:

 - Không công bằng, chàng đã thấy hết cơ thể em rồi...

 Tôi đưa mắt lướt trên người chàng:

 - Ở nơi em sống, mọi người đều đề cao nam nữ bình đẳng, bởi vậy... em cũng muốn được ngắm chàng...

 Chàng giật mình ngẩng lên, đôi mắt tựa hồ nước sâu hun hút, bóng tôi như chiếc thuyền nhỏ in trong hồ nước ấy. Chàng nhìn tôi một lúc lâu mới khẽ gật đầu:

 - Ừ...

 Chàng ngồi dậy, cởi áo, mắt không rời khỏi tôi. Ánh nắng tràn vào phòng, xuyên qua tấm màn mỏng, phủ lên làn da bánh mật của chàng, từng đường nét trên thân hình gầy guộc của chàng hiện lên rõ rệt. Mắt tôi bám riết từng đường nét ấy, tôi không khỏi cảm động thốt lên:

 - Ra­ji­va, cơ thể chàng cũng rất đẹp...

 Chàng cụp mắt lại, vội xoay người sang bên, vẻ thẹn thùng hiện trên gương mặt đỏ bừng, càng khiến người ta phải xao lòng. Đã ở tuổi trung niên, nhưng chàng vẫn bẽn lẽn như một cậu thiếu niên. Đứng trên bục cao thuyết giảng kinh pháp, chàng tự tin, phấn chấn bao nhiêu, thì lúc này chàng rụt rè, e thẹn bấy nhiêu. Trong lòng tôi không khỏi dâng lên nỗi xúc động và biết ơn vô bờ, cảm tạ ông trời đã ban cho tôi người đàn ông tuyệt vời như vậy!

 - Không, chàng đừng né tránh...

 Tôi khẽ cất tiếng, giữ tay chàng:

 - Em muốn ngắm nhìn toàn bộ cơ thể chàng...

 - Ngải Tình...

 Ánh mắt chàng vẫn muốn trốn tránh tôi:

 - Lúc này trông ta rất tệ...

 - Chàng có thích cơ thể em không?

 Cuối cùng thì chàng đã chịu quay lại nhìn tôi, ánh mắt lướt nhẹ khắp thân thể tôi, ngượng ngùng gật đầu:

 - Ta thích...

 Tôi mỉm cười, bàn tay xoa vuốt làn da trơn mượt của chàng, cảm nhận cơ bắp của chàng đang căng lên dưới lòng tay mình.

 - Em cũng yêu thích cơ thể chàng, rất đẹp... Vậy nên, chàng đừng ngại, hãy để em được ngắm chàng, đó là biểu hiện của tình yêu chàng dành cho em...

 Chàng khẽ cắn môi, nụ cười dần tỏa rạng. Chàng xoay người về phía tôi, gương mặt vẫn đỏ gay gắt, nhưng vẻ tự tin đã ngự trị. Đó là một cơ thể tuyệt đẹp, nụ cười tuyệt đẹp và ngay cả sự tự tin, sẵn sàng trải bày mọi thứ ra trước mắt tôi ấy cũng rất đẹp, tôi yêu mọi thứ thuộc về chàng...

 Chúng tôi để mình trần, ngồi đối diện nhau, tận hưởng sự vuốt ve đầy chăm sóc của nhau. Cảm xúc từ lòng tay truyền đến trái tim tôi những đợt sóng êm ái. Tôi hướng dẫn chàng đi vào cơ thể mình, khi chàng đột nhập, tôi khẽ rên lên. Chàng ngừng lại, đưa mắt thăm hỏi.

 - Em không sao...

 Tôi nghĩ tôi nên nói với chàng cảm xúc của mình:

 - Chỉ vì, chưa bao giờ có được cảm xúc hân hoan thế này...

 Chàng cười sung sướng, cúi xuống hôn tôi, khẽ thì thầm bên tai tôi:

 - Ta cũng vậy...

 Thời gi­an không còn ý nghĩa gì nữa. Những giờ, những phút, những giây ấy đâu có là gì. Lúc này chỉ tồn tại thước đo của sự sâu lắng. Vì tôi không còn cô độc trên thế gi­an nữa, đã có một người đàn ông tồn tại thực sự, dành cho tôi. Nhìn những giọt mồ hôi nóng hổi đổ ra từ hơi thở hổn hển của chàng, lắng nghe những tiếng rên rỉ thỏa mãn của chàng khi vươn lên đến đỉnh cao thăng hoa, khi hồn phách cuồng đảo, tôi đã khóc

 - Sao vậy?

 Chàng chống người lên, hơi thở vẫn gấp gáp, cuống quýt lau nước mắt cho tôi:

 - Ta làm nàng đau phải không, ta thật có lỗi...

 - Không, đừng rời em, hãy cứ tiếp tục...

 Tôi vòng chân, vòng tay quấn chặt lấy chàng, tôi muốn tạo ra sợi dây đầy sức sống để buộc chặt hai chúng tôi lại với nhau, tôi ghé sát tai chàng, nghẹn ngào:

 - Không phải em đau, em thấy hạnh phúc... Không phải em buồn, em thấy vui sướng...

 Tôi nấc lên, tôi muốn diễn tả mọi cảm xúc mà tôi có được lúc này:

 - Em rất hạnh phúc, hạnh phúc vô cùng, chưa bao giờ em thấy mình hạnh phúc như vậy. Em và chàng, chúng ta ở trong nhau, chúng ta hòa vào làm một. Em yêu cảm giác này...

 - Ngải Tình...

 Chàng thốt lên, rồi hôn tôi cuồng nhiệt. Mồ hôi đổ trên trán tôi, trên môi tôi, mồ hôi theo đầu lưỡi chàng thấm vào miệng tôi. Vị mặn mặn, nồng nồng ấy hệt như hương hoa nồng nàn tỏa bay trong sân vườn. Những nụ hôn da diết, nồng nhiệt của chàng như gắn vào cơ thể tôi đôi cánh kỳ diệu, đẩy tôi bay lên giữa bầu trời xanh trong, cao rộng. Tôi thỏa sức vẫy vùng, chao liệng giữa không gi­an bao la, rồi sải cánh vút bay về phía mặt trời.

 Tôi thầm nghĩ, loài thiêu thân, trong khoảnh khắc lao mình vào lửa, để thân thể bị thiêu đốt hoàn toàn ấy, phải chăng cũng cảm nhận được niềm hoan lạc tột độ giống như tôi lúc này?

Chương 46: Cuộc sống gi­am cầm

Theo thói quen thường ngày, tôi đến bên một gốc lựu, khom lưng đánh răng. Tôi mang theo bàn chải đến đây, chỉ tiếc không có kem đánh răng, vì sợ nhiễm xạ, nên chỉ có đánh răng bằng nước muối. Tắm rửa xong, Ra­ji­va tựa cửa quan sát. Tôi mỉm cười với chàng, rồi ngửa cổ lên trời, súc miệng sòng sọc.

Còn nhớ một phẩm vui mà tôi từng xem. Anh con trai hỏi bạn gái: “Lấy anh nhé!”. Cô gái lắc đầu từ chối. Anh ta rất ngạc nhiên: “Chúng ta thân mật thế này rồi, sao em không chịu lấy anh?”. Cô gái đáp: “Vì em không muốn đánh răng, súc miệng trước mặt anh”.

Đúng vậy, có câu: “Kẽ sỉ có thể chết vì tri kỷ. Người con gái làm dáng vì kẻ yêu mình” (Sử kí Tư Mã Thiên). Phụ nữ muốn mình luôn xinh đẹp trong mắt người yêu, âu cũng là lẽ thường tình. Nhưng nếu phải giống như phụ nữ Nhật Bản, trang điểm xinh đẹp trước khi chồng thức giấc, ở nhà cũng phải ăn mặc chải chuốt, trang điểm dịu dàng. Tôi không nghĩ như thế là đang sống, mà họ đang xem cuộc sống như một nghề. Nếu bạn không muốn người bạn yêu nhìn thấy bộ dang lôi thôi, lếch thếch, nhem nhuốc, thảm hại của bạn, điều đó chứng tỏ tình yêu của bạn chưa sâu sắc và như vậy thì đừng bàn đến chuyện sống chung. Yêu thật sự, không có nghĩa bạn phải yêu khuyết điểm của người kia. Mà là yêu con người giản dị, chân chất đằng sau lớp trang sức màu mè bên ngoài.

Tôi thì sao? Khi hạn nộp luận văn sắp đến, tôi không buồn rửa mặt đánh răng, đầu bù tóc rối, ngồi ôm chiếc máy tính. Ngày cuối tuần, tôi nằm dài trên giường, ngủ nướng cho đến khi cơn đói ập đến, khiến đầu óc tôi quay cuồng. Mùa đông giá lạnh, tôi cắn răng nhìn đống quần áo chất cao như núi, ngâm trong chậu giặt suốt mấy ngày liền, sau đó xử lí chúng bằng tốc độ nhanh nhất và ẩu nhất có thể. Nhiều lúc tôi còn ngồi chồm hổm trong nhà vệ sinh, dán mắt vào một cuốn sách cho đến khi bàn chân tê dại, muốn đứng dậy mà không đứng nổi. Liệu tôi có đủ can đảm để phô bày sự lôi thôi, lếch thếch, vẻ thảm hại, những tật xấu đó của mình ra trước Ra­ji­va?

Còn chàng thì sao? Khi bước xuống từ bục cao, phải chăng chàng cũng có những thói quen xấu, không muốn bị ai phát hiện? Và liệu chàng có bằng lòng phô bày những tật xấu đó trước mặt tôi?

Khi màn ân ái kết thúc, người ta phải đối diện với những vấn đề của cuộc sống chung. Chúng tôi phải tìm cách điều hòa lối sống của hai con người ở hai thời đại khác nhau, mà sự khác nhau ấy đã kéo dài suốt mấy chục năm. Phải tìm ra cách để thích ứng với nhau, chấp nhận nhau. Mà điều này thì khó hơn ân ái rất nhiều.

Đánh răng xong. Tôi ngước nhìn bầu trời trong xanh, trong lòng không khỏi dâng lên những xúc cảm. Chốn lồng son này, vô hình trung đã đặt chúng tôi vào hoàn cảnh phải suy tính đến những vấn đề của một cuộc sống chung, điều mà trước đó chứng tôi chưa bao giờ nghĩ tới. Ra­ji­va lặng lẽ đứng bên tôi, ngước nhìn chàng, chợt nhớ đến một chuyện, khiến tôi phì cười.

- Có chuyện gì mà nàng vui thế?

- Em muốn hỏi chàng câu này.

Tôi khoác tay chàng.

- Khi nãy, em không được thơm cho lắm, đúng không?

- Sao lại không thơm?

- Vì em chưa đánh răng…

Lúc nãy tôi đã hôn chàng khi chưa đánh răng, không biết chàng có để ý chuyện này không.

- Không sao cả…

Chàng tủm tỉm cười, ngập ngừng:

- Hôm đó, ta say rượu, còn nôn cả ra nữa, chắc chắn là khó ngửi hơn nhiều. Nàng có khó chịu không?

- Vâng, đúng là rất khó ngửi.

Tôi nghiêng đầu nhớ lại:

- Nhưng khi ấy em chẳng bận tâm chuyện đó.

Tôi nhìn chàng, ánh nắng rực rỡ mùa hạ tỏa rạng gương mặt chàng, nụ cười ấy đã quét sạch những điều bất an, trăn trở trong lòng tôi. Hai chúng tôi sẽ hạnh phúc, phải không? Cho dù thói quen sinh hoạt và thói quen ăn uống của chúng tôi khác xa nhau một trời một vực, cho dù quan niệm sống của chúng tôi cách biệt nhau hàng ngàn năm thời gi­an, nhưng sợi dây tình yêu kỳ diệu, không có gì có thể phá vỡ nổi, sẽ gắn kết chúng tôi lại. Chàng, là người em muốn ôm hôn ngay cả khi chưa đánh răng, là người em sẵn sàng phô bày vẻ lôi thôi, lếch thếch của mình, là người em muốn ngày rộng tháng dài sẽ thấy hết những tật xấu của em, là người sẽ nỗ lực kiếm tìm điểm tương đồng, để cân bằng đời sống của hai chúng ta.

Và điểm cân bằng ấy, bắt đầu từ nhu cầu cơ bản nhất của con người – giấc ngủ.

Chúng tôi vừa mới bắt đàu cuộc sống chung, nên vẫn còn rất nhiều trở ngại về tâm lý. Đêm thứ hai, tôi đã thử ngủ trên chiếc giường lớn lộng lẫy, nhường giường nhỏ cho chàng. Nhưng hai chúng tôi trằn trọc mãi không sao ngủ được. sau cùng không biết quỷ thầy xui khiến thế nào, tôi đã trở lại chiếc giường nhỏ với chàng. Kể từ hôm đó, chúng tôi không tiếp tục những giằng có vô nghĩa ấy nữa, mà mặc nhiên nằm cạnh nhau.

Bởi vậy, vòng một, tình yêu chiến thắng!

Chúng tôi đều khao khát cơ thể của đối phương. Nhưng Ra­ji­va đã sống hai mươi tám năm nơi cửa Phật. Sắc dục vốn là điều đại kị của người tu hành. Quan niệm đó đã ăn sâu bắt rễ trong tâm trí họ. Bởi vậy, dù chúng tôi cùng nằm trên một chiếc giường và dù ham muốn của chàng hết sức mãnh liệt, chàng vẫn không nguôi đấu tranh tư tưởng, nội tâm giằng xé, mâu thuẫn. Tuy vậy, sau cùng thì lí trí vẫn phải đầu hàng cơ thể. Thời gi­an khắc chế bản thân của chàng càng ngày càng ngắn lại. Hết lần này đến lần khác lí trí phải giương cờ đầu hàng dục vọng. Chí ít, sau mười ngày sống chung, tôi nhận thấy, chàng đã dần đón nhận và chấp nhận tình dục theo cách riêng của chàng và hoan hỉ tận hưởng nó.

Bởi vậy, vòng hai, tình yêu chiến thắng!

Sau những ngày đam mê, quấn quít, chàng dường như không mấy mặn mà. Tôi có thể hiểu điều này. Vì chàng chưa khi nào dành thời gi­an tìm hiểu về phụ nữ nên chàng không biết rằng, khi ân ái, điều người phụ nữ khao khát nhất, không phải là quá trình, mà là cảm giác gắn kết giữa hai con người, hai linh hồn. Những tri thức này, tôi sẽ hướng dẫn chàng dần dần. Nhưng, chàng lại muốn nằm riêng một mình một chăn, điều này khiến tôi rất bực mình. Chàng nói rằng hơn ba mươi năm qua đã quen ngủ một mình, nay có thêm tôi ở bên, chàng e ngại dáng vẻ khi ngủ của chàng ảnh hưởng đến tôi. Thế là tôi lại phải kiên nhẫn giải thích với chàng, hai người yêu nhau, được gối đầu bên nhau mang lại cảm giác hạnh phúc. Tôi cũng đã ngủ một mình hơn hai mươi năm và bộ dạng khi ngủ cũng rất khó coi. Nhưng tôi rất thích câu nói “sống chung tổ, chết chung mộ”. Sự gần gũi ấy cho tôi cảm giác, tôi đã thực sự hòa nhập và trở thành một phần không thể tách rời trong đời sống của chàng.

Bởi vậy, vòng ba, Ngải Tình chiến thắng!

Kể từ khi cuộc tranh luận nho nhỏ đó, chúng tôi ôm nhau ngủ mỗi đêm. Nhưng một vấn đề khác lại nảy sinh. Điệu bộ của chàng khi ngủ quả rất khó coi. Chàng thích nằm co người, giống hệt một con tôm khổng lồ. Trong khi tôi lại rất thích được nép sát vào người chàng, để cảm nhận hơi ấm của cơ thể chàng. Vậy là chiếc giường đã rất hẹp, hai chúng tôi lại co cụm vào góc nhỏ, khiến nửa đêm, tôi thấy toàn thân tê lạnh, thì ra chàng đã cuốn hết chăn về phía mình. Tôi ra sức kéo lại, nhưng dù đã chìm trong giấc ngủ say sưa, chàng vẫn nhất quyết không chịu buông. Sau vài lần diễn ra cuộc chiến giành chăn, chàng đã phải tìm cách giải quyết vấn đề này. Chàng cố gằng nằm thẳng người, như thế, tôi vừa có thể thoải mái tự vào vai chàng, lại vừa có thể tránh được tình trạng chăn bị cuốn đi. Chỉ khổ cho chàng, mỗi sáng tỉnh dậy lại phải xoa bóp hai vai, vận động xương cổ cho bớt tê dại. Tôi thấy xót xa, nhưng chàng chỉ cười dịu dàng, nói rằng: sẽ quen thôi!

Bởi vậy, vòng bốn, Ngải Tình chiến thắng!

Vẫn còn một vấn đề nữa cần điều chỉnh, đó là thời gi­an ngủ nghỉ.

Giống như nhiều bạn bè ở thế kỷ XXI, tôi đã quen thức khuya dậy muộn. Có lúc tôi thức trắng đêm để làm luận văn. Nhưng khi trở về thời cổ đại, thói quen sinh hoạt làm việc và nghỉ ngơi của tôi có nhiều thay đổi. tôi đi ngủ từ mười giờ hoặc mười một giờ, bởi vì, tôi chỉ có thể ghi chép lại nội dung công việc khảo sát và buổi tối. Nhưng tật ngủ nướng thì vẫn không sửa được. Bảy, tám giờ sáng vào thời đại này đã là rất muộn rồi, nhưng tôi vẫn ngủ thêm ngủ nếm, vớt vát được chút nào hay chút ấy. Ra­ji­va đã quen với thời gi­an biểu: bảy, tám giờ tối đi ngủ, bốn giờ sáng thức giấc. Mấy đêm đầu chung sống, Ra­ji­va ngủ trước, tôi ngồi viết nhật ký đến hơn mười giờ. Nhưng tôi nhận thấy, khi tôi lên giường ngủ, chàng vẫn còn thức. Gặng hỏi mãi, chàng mới mới nói vì chàng rất mẫn cảm với ánh sáng và tiếng động, nên phải chờ khi tôi tắt đèn đi ngủ, chàng mới ngủ yên. Để đảm bảo chất lượng giấc ngủ cho chàng, tôi đành theo chàng đi ngủ khi trời vừa sẩm tối. Rồi tôi xót xa phát hiện ra rằng, mình chẳng thể tiếp tục làm con mèo lười được nữa. Bốn giờ sáng, Ra­ji­va thức dậy và đặt một nụ hôn nhẹ lên trán tôi là tôi liền tỉnh giấc, ngủ thêm sẽ nhức đầu. Sau đó thì chàng sẽ vừa tụng kinh vừa kinh ngạc khi thấy tôi tập thể dục buổi sáng, chạy huỳnh huỵch, thở hồng hộc trong sân.

Tôi bắt đầu học theo người cổ đại. thức giấc khi mặt trời mọc và lên giường khi mặt trời lặn. Tự động viên, rồi sẽ quen thôi!

Bởi vậy, vòng năm. Ra­ji­va chiến thắng!

Về thói quen sinh hoạt, cả hai chúng tôi đều cố gắng thích nghi với sự tồn tại của người kia, quan sát lối sống của người kia một cách hiếu kì, cố gắng hi sinh một số nhu cầu và nguyện vọng cá nhân mình vì người kia. Tôi thấy rất hài lòng với cuộc sống chung. Còn Ra­ji­va, tôi cũng có thể cảm nhận được niềm hân hoan của chàng, những bỡ ngỡ, ngạc nhiên của chàng và những thay đổi mau lẹ trong thái độ tiếp nhận sự xuất hiện của một người khác ở bên cạnh mình. Chúng tôi đều đang nỗ lực tạo dựng thế giới của hai người.

Nhưng, đó chưa phải là toàn bộ cuộc sống. Chúng tôi vẫn còn một vấn đề nữa cần giải quyết là lại là vấn đề vô cùng bức thiết: chúng tôi sẽ làm gì những lúc rảnh rỗi trong thời gi­an bị gi­am lỏng tại đay? Nếu không bị gi­am giữ, chắc chắn tôi sẽ ra ngoài vào ban ngày để tiến hành công việc khảo sát. Mọi khung cảnh thuộc về đời sống cổ đại, từ ăn ở cho đến đi lại, đều có thể trở thành nội dung khảo sát của tôi. Còn Ra­ji­va, chàng cũng có rất nhiều việc cần giải quyết khi ở trong chùa. Chỉ bảo đệ tử, giảng kinh thuyết pháp, truyền thụ giáo láy Phật pháp; gi­ao lưu, luận chiến với các tăng sĩ đến từ Ấn Độ, Kab­ul, Tây vực hay các vùng khác của trung nguyên xa xôi, truyền bá rộng rãi giáo lý Đại Thừa; đi sâu tìm hiểu đời sống của người dân, tuyên truyền Phật pháp để ngày càng nhiều người hướng thiện, tín Phật.

Nhưng chiếc lồng son này đã đảo lộn đời sống thường nhật của chúng tôi. Đôi lúc ánh mắt chàng nhìn tôi vương chút buồn bã, đôi lúc thấy chàng đứng giữa vườn hoa ngát hương, lặng lẽ ngước lên khoảng không bao la rất lâu, tôi hiểu rằng, tôi phải tạo ra công việc gì đó cho chàng.

Vậy nên, một ngày kia. Sau khi kết thúc bữa sáng, tôi kéo chàng đến bên bàn đọc sách, sau đó lôi giấy bút trong ba lô ra trước sự kinh ngạc của chàng.

- Cơm nước no nê rồi, bây giờ phải làm việc thôi!

- Việc gì vậy?

- Chúng ta đang trong cảnh tù đày, phải nghĩ ra một công việc gì đó để làm, nếu không sẽ rất buồn chán. Bây giờ, chàng hãy chép lại kinh văn, sau đó suy nghĩ xem nên dịch sang tiếng Hán như thế nào.

- Dịch sang tiếng Hán ư?

- Phật giáo khởi nguồn từ Thiên Trúc, mọi thư tịch đều được chép bằng tiếng Phạn. Nếu muốn truyền bá rộng rãi Phật giáo đến Trung nguyên, chàng phải dịch sang tiếng Hán để người Hán có thể đọc và hiểu được.

Tôi mỉm cười giải thích:

- Hầu hết các bộ kinh Phật được sử dụng ở Trung Nguyên hiện nay đều được dịch từ các ngôn ngữ cả các quốc gia khác nhau ở Tây Vực. Trong quá trình chuyển dịch từ tiếng Phạn sang ngôn ngữ địa phương Tây Vực, ngữ nghĩa của kính văn vốn đã không còn trọn vẹn, sau đó lại được chuyển dịch lần hai sang tiếng Hán, mức độ khác biệt so với nguyên nghĩa lại càng xa hơn. Sai sót trong quá tình dịch thuật, tam sao thất bản, khiến cho câu chữ trở nên cong vênh, cứng nhắc, ảnh hưởng rất lớn đến việc tuyên truyền giáo lý Phật pháp… Cả hai ngôn ngữ tiếng Phạn và tiếng Hán đều rất phức tạp. Các tăng sĩ từ Thiên Trúc và Tây vực đến Trung Nguyên truyền đạo, muốn phiên dịch kinh Phật đều cần đến sự giúp sức của tăng sĩ Tây Nguyên. Nghe câu đoán ý, dù có thể bảo lưu nguyên nghĩa, nhưng lại mất đi ngữ điệu, vần vè. Cho đến nay, vẫn chưa có ai tinh thông cả hai ngôn ngữ này để có thể thay đổi tình hình. Ra­ji­va, một giáo phái muốn được lưu truyền rộng khắp, trước hết phải làm cho càng nhiều người đọc được các giáo lý của giáo phái đó càng tốt. Chàng sẽ là người thay đổi phương pháp dịch từng câu từng chữ cứng nhắc, thậm chí dịch sai, đang diễn ra phổ biến hiện nay.

Ánh mắt chàng bừng sáng, nhìn tôi chăm chú, không giấu giếm sự ngưỡng mộ. Chàng đã hiểu, muốn truyền bá đạo Phật đến Trung Nguyên, việc phiên dịch những bộ kinh văn sang tiếng Hán với độ chính xác cao. Lại dễ nghe dễ hiểu có tầm quan trọng như thế nào.

- Chỉ e trình độ Hán ngữ có hạn của ta chẳng thể cho ra đời những bản dịch chuẩn xác và thuận tai được.

Chàng nắm lấy tai tôi, ánh mắt chứa chan kì vọng.

- Ngải Tình, giúp ta nhé!

Tôi lắc đầu, xấu hổ. Tôi không phải tín đồ Phật giáo, những kinh văn đó, tôi chỉ nhìn thôi đã thấy hoa mắt chóng mặt. Tuy nhiên, kiến thức mà tôi có, không phải không giúp ích gì cho công việc dịch thuật của Ra­ji­va. Hơn nữa lại được làm việc cùng chàng, điều này khiến tôi vui hơn tất thảy. Chưa biết chừng, tôi cũng là một trong những dịch giả của bộ kinh văn đầu tay của Ra­ji­va ấy chứ! Những thông tin vụn vặt thế này, rất có thể đã bị lãng quên hoặc lắng sâu trong dòng sông lịch sử và không ai biết được thực hư ra sao!

- Vâng, chúng ta có thể luyện tập dần dần, bắt đầu từ bộ kinh văn đơn giản nhất.

- Bộ kinh văn đơn giản nhất?

Chàng đăm chiêu suy tư, rốt cuộc là bộ kinh văn nào đây?

- Ra­ji­va, chàng biết cuốn “Duy Ma Cật kinh” có tên gọi tương ứng với trong tiếng Phạn là gì không?

Tôi hỏi chàng, bởi vì tôi không biết tiếng Phạn gọi thế nào. “Duy Ma Cật” là tên gọi phiên âm và chính chàng là người dịch thành tên gọi này, nên có lẽ chàng sẽ đoán ra được dựa vào phát âm của tôi.

Duy Ma Cật là một cư sĩ giàu có, thông hiểu Phật pháp, nhiều vị bồ tát từng đến thỉnh giáo ngài.

Cuốn kinh này làm một trong những tác phẩm dịch thật quan trọng của Ra­ji­va, có thể xem là một trong những bộ kinh quan trọng nhất của Phật giáo Địa Thừa, bên cạnh “Địa Bát Nhã kinh”. Cuốn kinh này có sức ảnh hưởng rất lớn đối với người Hán ở Trung Nguyên. Bởi vì “tu tại gia” đã trở thành một trào lưu phổ biến ở đất Hán. Văn hóa Trung Nguyên coi trọng hiếu đạo: “Trong ba tội bất hiếu, không có con nỗi dõi là tội lớn nhất” (Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại). Việc xuất gia tu hành đã gây nên mỗi xung đột với luân thường đạo lý và lễ giáo truyền thống của Trung Nguyên. Bên cạnh đó, xuất gia có nghĩa là phải từ bỏ rất nhiều lạc thú của cuộc đời, điều này đối với người Hán mà nói, sẽ là một sự lựa chọn hết sức khó khăn. Bởi vậy, trong mắt các tín đồ Phật giáo người Hán, một người vừa có thể tận hưởng vinh hoa phú quí của đời sống nhân gi­an, vừa có thể đạt được những thành tựu xuất sắc trong lĩnh vực Phật học như Duy Ma Cật, một tấm gương sáng để noi theo.

- A, là bộ kinh văn này!

- Ra­ji­va đọc lên mấy từ tiếng Phạn, cách phát âm rất giống nhau.

- Nhưng bộ kinh văn này không hề đơn giản!

Tôi chỉ cười không đáp. Chàng dịu dàng nắm tay tôi, cất giọng trầm ấm:

- Ngải Tình, ta hiểu ý nàng. Nàng muốn mượn gương đại trí của Duy Ma Cật để khuyên nhủ ta đúng không?

Chàng đứng lên, đi đi lại lại trong phòng. Trầm tư giây lát, rồi ngẩng lên nhìn tôi, ánh mắt rạng ngời vẻ thông tuệ:

- Bồ Tát từng hỏi Duy Ma Cật: “Ngài là một đại Bồ Tát, nhưng lại có gia đình vợ con, liệu ngài có được thảnh thơi?” Duy Ma Cật đáp rằng: “Mẹ ta là trí tuệ chói ngời, cha ta cứu độ chúng sinh, vợ ta là niềm vui tu hành, con gái ta là đại diện của lòng từ bi, con trai ta là đại diện của tính thiện. Ta có gia đình, nhưng cửa nhà ta được dựng lên bởi Phật tín. Đệ tử của ta là mọi chúng sinh. Bạn bè ta là các giáo phái tu hành khác nhau. Ngay cả các ca kỹ quanh ta cũng là những sứ giả của công cuộc giáo hóa, thu phục chúng sinh”.

Tôi mỉm cười gật đầu. Quả nhiên, chỉ cần nhắc đến cuốn kinh văn này, Ra­ji­va sẽ hiểu được ý định của tôi.

- Ra­ji­va, Duy Ma Cật có vợ con và sống cuộc đời thế tục, nhưng ông vẫn lưu danh “không tì vết” và đạt được sự giải thoát.

Ánh mắt chàng rực sáng, nhưng vương chút thắc mắc:

- Ngải Tình, nàng biết “Duy Ma Cật” nghĩa là “không tì vết” từ khi nào vậy?

Tôi lại mắc bệnh “chưa đẻ đã đặt tên” rồi! Huyền Trang cũng từng dịch bộ kinh văn này, nhưng ngài đặt tên sách là “Thuyết vô cấu xưng kinh[29]”. Nhưng tôi hiểu được ý nghĩa tên tiếng Phạn của Duy Ma Cật là nhờ vào Vương Duy[30]. Bởi vì Vương Duy rất sùng bái Duy Ma Cật. Ông tên Duy, tự “Ma Cật” (chính là mượn tên gọi của Duy Ma Cật để đặt tên ình). Tập thơ của ông có tên “Vương Ma Cật tập”. Nhưng Vương Duy không hiểu tiếng Phạn. Ông không biết rằng, “Duy” trong tiếng Phạn nghĩa là “không có”, “Ma” nghĩa là “vết bẩn”, còn “Cật” nghĩa là “đồng đều”. Như vậy, Vương Duy nghĩa là Vương không có, tự “Ma Cật” tức là bẩn đều, bẩn toàn bộ. Khi đọc đến đoạn giải nghĩa trên đây của Tiền Huyền Trung trong cuốn “Huyền Trang Tây du ký” tôi đã cười lăn cười bò. Vì thế, tôi đã nhớ rất kỹ biệt danh “không tỳ vết” này.

- Ngải Tình, nàng không biết tiếng Phạn, nhưng lại hiểu được một số ý nghĩa tiếng Phạn trong kinh Phật. Nàng chưa từng đến Kab­ul, Khotan, nhưng lại biết ở đó có những Phật tích gì. Dường như nàng có thể biết trước được một vài điều trong tương lai, nhưng lại không thể mô tả tường tận. Hai mươi năm qua, dung mạo của nàng không hề thay đổi, ta tin nàng chính là tiên nữ. Nhưng vì sao tiên nữ lại hiểu biết nửa vời như vậy. Lẽ ra tiên trên trời thì phải thông tỏ mọi điều, biết trước mọi điều chứ? Hay là…

Chàng ôm vai tôi, mỉm cười đầy ý tứ:

- Vì nàng lười nhác, bỏ bê việc tu hành, nên quyền năng yếu kém?

Không ngờ, trí tưởng tượng của Ra­ji­va lại phong phú đến vậy. Chàng đã lập tức suy luận ra hình ảnh một nàng tiên lười nhác dựa trên bản tính của tôi.

- Ra­ji­va, em không phải tiên nữ…

Chàng lắc đầu, ngắt lời tôi:

- Ngải Tình, mối nghi hoặc này đã quẩn quanh trong đầu ta suốt hơn hai mươi năm qua. Nhưng tiết lộ thiên cơ là một trong trọng tội của tiên giới. Thế nên, ta tuyệt đối không ép nàng nói ra sự thật đâu.

- Ra­ji­va, chàng là người thân thiết nhất của em, em không muốn giấu chàng thân thế của mình. Nhưng xin hãy cho em thêm thời gi­an, được không?

Tôi ngước lên nhìn đôi mắt sâu thăm thẳm của chàng, trãi bày lòng mình:

Em cần suy nghĩ thấu đáo xem nên giải thích với chàng như thế nào.

- Không, không cần đâu…

Chàng đưa tay ra kéo tôi vào lòng.

- Ta biết, Phật tổ thương ta, đã gửi nàng đến để cứu ta thoát khỏi kiếp nạn này.

Trong vòng tay ấm áp của chàng, tôi cảm nhận được âm thanh sống động từ nhịp đập mạnh mẽ của trái tim chàng. Tôi chắc chắn chàng đã bắt đầu nghi ngờ về thân thế đặc biệt của tôi từ năm chàng mười ba tuổi. Nhưng dẫu chàng có thông minh tuyệt đỉnh đến đâu, cũng vẫn chịu sự giới hạn của thời đại, lịch sử. Chàng đã phân tích và lý giải sự tồn tại của tôi bằng cách riêng của mình và hình ảnh tiên nữ là cách giải thích hợp lý nhất. Nhưng tôi yêu chàng, tôi muốn sống trọn đời bên chàng, tôi không nên giấu chàng bất cứ điều gì. Có lẽ đã đến lúc tôi nên nói sự thật với chàng. Nhưng, phải nói thế nào đây? Liệu chàng có thể chấp nhận lai lịch ly kỳ của tôi không?

- Ra­ji­va…

Tôi mân mê chiếc vòng trên cánh tay chàng, chuỗi hạt đã bạt màu và mòn vỡ theo năm tháng, nhưng vẫn tỏa mùi đàn hương ngào ngạt.

Chúng ta làm việc đi thôi!

## 24. Chương 47 - 48

Chương 47: Điềm báo

Chúng tôi đã làm việc rất chăm chỉ. Đầu tiên, Ra­ji­va chép lại một đoạn kinh văn bằng tiếng Phạn, sau đó chúng tôi cùng thảo luận, cân nhắc ý nghĩa và cách dịch từng câu, từng chữ. Có lúc, chúng tôi phải mất thời gi­an một ngày chỉ để giải nghĩa một từ. Tốc độ dịch không nhanh, vì mặc dù Ra­ji­va có thể gi­ao tiếp lưu loát, nhưng chữ Hán và đặc biệt là cách hành văn của Hán ngữ cổ đại 1650 năm về trước không dễ nắm bắt. Ngay cả bản thân tôi, tuy có thể đọc được các thư tịch cổ, nhưng chưa chắc đã viết được và điều này gây nên những trở ngại rất lớn. Tuy nhiên, chúng tôi đâu cần phải vội. Sau này, dưới sự trợ giúp của Diêu Hưng, Ra­ji­va sẽ lập ra một đoàn thể dịch thuật quy mô rất lớn với hàng nghìn người tham gia. Theo tài liệu lịch sử, chỉ riêng cuốn “Duy ma Cật Kính” đã có đến hơn một nghìn hai trăm người tham gia dịch thuật. Việc chúng tôi làm hiện nay chỉ là bước tập dượt, chuẩn bị nền tảng cho sự nghiệp dịch thuật của Ra­ji­va sau này. Không có bất cứ áp lực nào, chúng tôi say sưa làm việc trong niềm hân hoan vì sớm tối được ở bên nhau. Thường đến khi các cung nữ mang đồ ăn tới, rồi chăm đèn, chúng tôi mới nhận ra thời gi­an đã trôi nhanh thế nào.

Một phần khác không thể thiếu trong cuộc sống chung của chúng tôi đó là: tình dục. Khi đã trở nên quen thuộc cơ thể của người k4a và mức độ phản ứng tăng dần, chúng tôi ngày càng hòa hợp hơn. Vẫn tồn tại những giằng xé, mâu thuẫn và đấu tranh nội tâm gây gắt, nhưng, ngoài việc là một tín đồ Phật giáo trung thành, Ra­ji­va còn là một người đàn ông, sở hữu cơ thể và những ham muốn của một người đàn ông thực sự. Cuộc tranh đấu của chàng lần nào cũng kết thúc bằng việc đầu hàng cơ thể. Tình yêu đã chiến thắng, chí ít là chiến thắng tôn giáo. Nhưng có thể chiến thắng bao lâu, tôi không thể biết trước. Kể từ thời đại Phật Đà, Phật giáo đã nghiêm khắc loại bỏ ái dục. Tôi chẳng thể thay đổi quan niệm về g4á trị và nhân sinh đã hình thành vững chắc và không gì có thể lay chuyển từ khi Ra­ji­va lên bảy tuổi. Thời gi­an thờ phụng Phật tổ của chàng càng dài hơn thời gi­an yêu tôi nhiều lần. Tôi không muốn tình yêu sẽ tước bỏ đi lí tưởng của chàng. Tôi chỉ mong có thể cảm hóa được chàng để chàng thấy rằng, tình yêu và lí tưởng có thể cùng tồn tại.

Nhưng, liệu tình yêu và lí tưởng có thể cùng tồn tại?

Giống như một mệnh đề triết học thiếu luận cứ đề chứng minh. Mâu thuẫn này vẫn luôn tồn tại, dù tôi có muốn thừa nhận hay không. Chúng tôi có thể tạm quên đi điều đó khi vẫn đang trong cảnh gi­am cầm này, nhưng sau khi được tự do, chúng tô4 sẽ phả4 đối diện với bia miệng thế gi­an ra sao? Tôi cười buồn, thành ra chốn lồng son này lại có cái hay của nó.

Khi ngồi viết nhật ký, tôi cứ luôn tự hỏi, vì sao Phật giáo ra sức lên án tình dục và mối quan hệ giữa tôn giáo và tình dục, rốt cuộc là thế nào?

Tôn giáo nguyên thủy thừa nhận tình dục, thậm chí, sùng bái tình dục, vì muốn con người được hưởng niềm hoan lạc mà tự nhiên ban phát. Hoạt động tình dục trở thành nghi lễ cao quý và thần bí nhất trong các nghi thức của tôn giáo nguyên thủy. Nguyên nhân chính ở chỗ, tôn giáo nguyên thủy ra đờ4 trong bối cảnh sản xuất của con người hết sức lạc hậu, điều kiện sống lại vô cùng khắc nghiệt. Quan hệ tình dục giúp chủng tộc ngày càng đông đúc, làm tăng thêm số nhân lực cho các bộ lạc.

Rồi cùng với sự phát triển của sức sản xuất, khi nhu cầu vật chất không thể thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người, thì tôn giáo với nền tảng lí luận đã được hệ thống hóa ra đời. Hầu hết các tôn giáo đều phủ nhận hiện tại và sùng bái tương lai, thêm vào đó, theo đuổi sự vĩnh hằng đã trở thành nguyên tắc căn bản của các tôn giáo. Thế nhưng, sinh hoạt tình dục mang lại cho con người niềm hoan lạc không gì có thể thay thế. Bởi vậy, nếu khẳng định hoặc thừa nhận hoạt động này, tức là khẳng định và thừa nhận niềm vui của hiện tại, mà như thế sẽ ảnh hưởng đến tín ngưỡng và lòng trung thành đối với cách thuyết pháp nhằm mục đích cứu rỗi linh hồn con người.

Tôn giáo luôn sùng bái thần linh và thần linh thì luôn cao quý hơn con người phàm tục. Tôn giáo đề cao đời sống tinh thần, trong khi người phàm trần lại thường chìm đắm trong niềm vui ẩm thực và nhục dục. Tôn giáo không thể đứng ngang hàng với đám người đó. Muốn đưa tôn giáo lên tầm cao, thuần túy thuộc về thế giới tinh thần cao quý, nhất thiết phải phủ định những hoan lạc của đời sống thực tại, đẩy nhu cầu thể xác lên tầm cao của đời sống tinh thần, khiến nó thăng hoa, để con người sùng bái và theo đuổi nó.

Ấn Độ giáo nghiêm cấm hoạt động tình dục và đề cao việc ăn chay. Nhưng ở Kha­ju­ra­ho lại có một ngôi miếu thờ thần tình dục rất nổi tiếng. Trong ngôi miếu thiêng ngàn năm tuổi ấy có hàng vạn bức điêu khắc phóng tác đủ mọi tư thế làm tình khác nhau. Đó là những tư thế mà người bình thường không thể tạo ra và chỉ có thần tiên trên trời mới được hưởng niềm lạc thú từ những tư thế đó mang lại. Ấn Độ giáo có một câu chuyện như sau: Chàng trai trẻ nọ đắm chìm trong hoan lạc trần thế, chẳng màng tu đạo. Thiên thần đến trách tội, chàng trai đáp, anh ta đã được hưởng thụ mọi thứ trên đời, không cần khổ công tu hành để được lên thiên đàng nữa. Thiên thần bèn đưa anh ta lên thiên đàng, để anh ta được thấy những mỹ nữ tuyệt sắc, thưởng thức các món sơn hào hải vị và vô vàn điều kỳ diệu tuyệt vời khác mà chốn trần gi­an không có được. Sau khi trở lạ4 nhân gi­an, anh ta không còn cảm hứng với phụ nữ chốn trần tục cũng như các món ăn tầm thường thuộc về cõi người nữa. Thế là, anh ta quyết tâm tu đạo, sau khi chết, anh ta đã được lên chốn thiên đường mơ ước.

- Ngày nào cũng thấy nàng ghi chép, nàng ghi chép gì vậy?

Gắp cuốn sổ tay, tôi nhìn Ra­ji­va, nở nụ cười rạng rỡ.

- Ghi lại những cảm xúc của em. Nếu một ngày kia phải xa chàng, những dòng chữ này sẽ nhắc em nhớ về những kỷ niệm ngọt ngào khi được ở bên chàng.

- Ngải Tình, chúng ta sẽ không xa nhau…

Toàn thân chàng run rẩy, vòng tay xiết chặt tô4 tựa như người đang chới với ngụp lặn giữa biển nước, ghì chặt lấy thanh gỗ cứu mạng vậy. Cằm chàng đặt trên vai tôi, má chàng kề sát cổ tôi, những sợi râu lún phún cọ vào da, ran rát…

Có thể như thế thật ư? Vì sao tôi cứ luôn có linh cảm không lành? Ra­ji­va, chàng thông tuệ hơn em, có phải chàng đã sớm dự cảm được dấu hiệu của phong ba sắp ập đến…

- Râu mọc dài rồi đó, để em giúp chàng.

Điềm báo của tai ương đã đến với chúng tôi sau hai mươi ngày bị gi­am lỏng. Lữ Quang muốn gặp Ra­ji­va. Tôi đòi đi theo, nhưng chàng không chịu, lời chàng khiến tôi tiêu tan ý định:

- Ngải Tình, nàng muốn Lữ Quang biết nàng quan trọng với ta như thế nào sao?

Nhìn chàng hiên ngang bước đi, tôi không nguôi lo lắng, sợ hãi, mắt tôi giật liên hồi. Tôi có thể đoán biết mục đích của cuộc gặp này: Lữ Quang muốn kiểm tra xem có phải cuộc sống xa hoa, no đủ đã bào mòn ý chí của Ra­ji­va. Tôi cũng có thể đoán được kết cục của buổi gặp này: Ra­ji­va vẫn kiên quyết không thừa nhận Lữ Quang. Và tôi biết rõ hậu quả của sự từ chối ấy. Lữ Quang sẽ hạ nhục Ra­ji­va trước đám đông để hạ thấp quyền uy thần thánh của chàng đối với dân chúng Khâu Từ.

Không biết đã chờ đợi bao lâu, khi chàng xuất hiện tại ngoài cửa cung điện với những bước đi nặng nề và khuôn mặt nhợt nhạt, trái tim tôi như tan nát…

- Chàng kiên quyết từ chối, phải không?

Ra­ji­va ngẩng lên, vẻ mệt mỏi, rã rời…

- Đừng lo, ta không sao…

Tôi đưa mắt nhìn quanh một lượt cung điện xa hoa lộng lẫy, chiến lồng son gi­am cầm chúng tôi suốt hai mưới ngày qua.

- Chuỗi ngày nhàn hạ, no đủ sắp kết thúc rồi…

Rồi quay lại nhìn Ra­ji­va, tôi chậm rãi nói:

- Nếu chàng vẫn kiên trì chống cự, ông ta sẽ hết kiên nhẫn, đến lúc ấy, sẽ chỉ còn một con đường.

Khuôn mặt chàng bỗng nhiên tái nhợt. Chàng có thể đoán ra chiêu thức cuối cùng của Lữ Quang không khó khăn gì.

- Nếu không thể lợi dụng chàng, ông ta sẽ nghĩ đủ mọi cách để hủy hoại danh tiếng của chàng, hạ thấp vị thế của chàng trong lòng dân chúng Tây vực. Như thế, sức mạnh hiệu triệu của chàng sẽ mất đi và không còn là mối đe dọa đối với ông ta nữa.

- Ngải Tình, những điều này, ta đều đã nghĩ tới. Nhưng nếu ta chịu khuất phục, hậu quả sẽ ra sao?

Chàng ngước mặt nhìn bầu trời xanh trong ngoài cửa sổ, gương mặt tuấn tú đượm vẻ u buồn.

- Trăm họ sẽ rơi vào cảnh lầm than, tai ương và chết chóc. Thà một mình ta chịu nhục, còn hơn nối giáo cho giặc.

- Ông ta sẽ bắt chàng cưỡi ngựa ác, bò điên trước mặt nhiều người, để chàng ngã ngựa hết lần này đến lần khác, làm trò cười cho thiên hạ.

- Chỉ là sự đày đọa về thể xác, có gì đáng sợ đâu!

Ánh mắt như sóng nước hồ thu nhìn tôi, nụ cười tỏa rạng trên môi:

- Ngải Tình, nàng lại vì ta mà tiết lộ thiên cơ rồi, không sợ Phật tổ trách tội ư?

- Em cũng chẳng còn bí mật nào để tiết lộ thêm nữa.

Mắt tôi đã đỏ hoe, nghĩ đến sự tra tấn đó mà lòng đau như cắt. Nhưng vì sao sử sách chỉ ghi chép vài dòng giản lược như vậy, giá mà chi tiết hơn, tôi sẽ có thể giúp chàng đề phòng.

- Ra­ji­va, em chỉ biết ông ta sẽ bắt chàng cưỡi ngựa ác, bò điên, nhưng em không biết xảy ra khi nào và ở đâu. Em cũng không biết ông ta còn sử dụng thủ đoạn tàn bạo gì với chàng nữa.

- Đừng lo, đó không phải điều khiến ta sợ hãi…

Tôi ngừng lại, ngước nhìn chàng. Vậy chàng lo sợ điều gì? Chàng tránh né ánh mắt của tôi, đăm đắm nhìn lên bầu trời xanh ngoài của sổ. Thấp thoáng vài cánh chim bay lượn trong không trung, tự do phơi phới. Không biết khi nào chúng tôi mới có thể thoát khỏi sự trói buộc? Không phải chỉ là sự trói buộc về mặt thể xác, mà quan trọng hơn là sự trói buộc về tâm tình của cả hai người.

Những ngày sau đó, cuộc sống trở nên ảm đạm hơn. Chúng tôi chẳng thể toàn tâm toàn ý cho công việc dịch thuật như trước nữa, nhưng cả hai vẫn mỉm cười với nhau. Những quấn quýt buổi đêm trở nên say mê, cuồng nhiệt hơn và kéo dà4 tưởng như bất tận, tựa hồ mỗi lần đều là thời khắc hân hoan sau cùng của đêm trước ngày tận thế và chỉ kết thúc khi cả hai đã sức cùng lực kiệt, sau đó, chúng tôi chìm vào giấc ngủ say sưa trong vòng tay nhau.

Năm ngày sau, Lữ Quang lại cho gọi Ra­ji­va, lần này chàng đi lâu hơn. Khi chàng cất bước nặng nề trở về, vầng trán cao rộng của chàng xuất hiện vệt sưng đỏ. Nhưng điều khiến tôi sợ hãi không phả4 vết thương đó, mà là vẻ tuyệt vọng tê tái tôi chưa từng thấy trên gương mặt chàng.

Tôi bật dậy, đỡ thân hình rệu rã của chàng ngồi xuống, ruột gan quặn thắt. Hỏ4 chàng đã xảy ra chuyện gì, nhưng chàng chỉ lặng yên, ánh mắt thẫn thờ. Tôi định đi lấy thuốc, nhưng chàng kéo tay tôi lại.

Ánh mắt quyến luyến ngước nhìn tôi, bàn tay vuốt ve khuôn mặt tôi.

- Ngải Tình, khi nào được tự do, nàng hãy tới chỗ của Pusyse­da, cậu ấy sẽ bảo vệ nàng bằng mọi giá.

Chàng đột ngột kéo tôi vào lòng, tim chàng đập nhanh bất thường.

- Phật tổ từ bi, ngài nghe thấu lời cầu khẩn của ta, đã đưa nàng tới đây. Tuy chỉ được ở bên nàng chưa đầy một tháng, nhưng ta mãn nguyện lắm rồi.

Những lời nói nặng ẩn ý ly biệt ấy khiến toàn thân tôi lạnh toát. Điều khiến tôi lo lắng nhất, điều tôi không mong muốn xảy ra nhất đã xảy ra. Tôi quay lại, nhìn sâu vào mắt chàng, cắn chặt môi để sự đau đớn giúp tôi bình tĩnh thốt ra:

- Ra­ji­va, có phải, chàng định tìm đến cái chết không?

Ra­ji­va giật mình, nỗi sầu muộn tột cùng ngập trong mắt chàng, nhưng chàng vội quay đi né tránh, ra sức kìm chế để đôi vai thôi run rẩy.

- Ngải Tình đừng nói nhảm, sao ta có thể…

- Ra­ji­va, chàng đã quên sứ mệnh truyền bá đạo Phật, phổ độ chúng sinh rồi sao?

Tôi ngắt lời chàng, gào lên bằng tất cả sức lực mà tôi có:

- Chàng đã quên, ở Trung Nguyên vẫn còn vô số chúng sinh đang chìm đắm trong bể khổ ư?... Còn em nữa, em sẵn sang từ bỏ gia đình, bất chấp bản thân bị nhiễm xạ, vượt ngàn năm thời gi­an đến bên chàng, đâu phải chỉ để cùng chàng đầu gối tay ấp vẻn vẹn một tháng thời gi­an.

Tôi gầm gào, giận dữ:

- Nếu chàng yêu em, chàng phải tiếp tục sống như thế mới vĩ đại! Tìm đến cái chết có gì khó đâu. Nhẫn nhục chịu đựng, tiếp tục sống, để hoàn thành sứ mệnh, đó mớ4 là người kiên cường.

Tôi nắm lấy cánh tay chàng, cắn thật đau. Vị mặn theo nước mắt tràn vào miệng, xót xa.

Tôi ngẩng đầu, toàn thân chàng run lên nhưng vẫn gắng sức kìm chế. Tôi gào lên:

- Ra­ji­va, chàng đừng quên, sứ mệnh của chàng còn quan trọng hơn cả tính mạng!

Ánh mắt chàng nhìn tôi, mây mù tuyệt vọng bỗng chốc như tan biến, nhường chỗ cho ánh sáng ấm áp của hy vọng. Chàng đột ngột cười vang, cất giọng hào sảng:

- Ta đồng ý, Ngải Tình! Tiếp tục sống, chúng ta sẽ cùng nhau tiếp tục sống.

Nhìn lại vết hằn trên mu bàn tay, chàng gật đầu quả quyết:

- Từ nay, ta sẽ không bao giờ nhắc đến từ “chết” nữa.

Đức Phật và nàng

Vẻ dịu dàng thường thấy lại trở về trên nụ cười hiền hòa của chàng:

- Ngải Tình, nàng luôn biết cách giúp ta tỉnh ngộ.

Tôi thở phào, nhưng ngay sau đó lại luống cuống đi tìm thuốc để bôi cho chàng. Tôi vốn chỉ định để lại vết răng trên tay chàng, nhưng không hiểu vì sao khi nãy chẳng thể kìm chế nổi bản thân.

- Ngải Tình, nàng sẵn sàng từ bỏ gia đình, bất chấp bản thân bị nhiễm xạ, vượt qua thời gi­an hàng ngàn năm để đến bên ta. Một ngàn năm thời gi­an đó có phải là khoảng cách giữa trời và đất? Người thân của nàng đang ở trên trời đợi nàng phả4 không? Còn nữa, phóng xạ là gì vậy?

Bàn tay bôi thuốc cho chàng bỗng nhiên run rẩy, tôi ngước nhìn ánh mắt đầy thắc mắc của chàng:

- Ra­ji­va…

Ngón tay chàng khẽ đặt trên môi tôi, cánh tay còn lại dịu dàng kéo tô4 vào lòng:

- Tiết lộ thiên cơ không phải chuyện nhỏ, nàng sẽ bị Phật tổ trách tội. Vậy nên, sau này, nàng phải hết sức thận trọng, kể cả với ta, nàng cũng không được tùy tiện nói ra.

Đêm đó tôi trằn trọc không yên. Câu nói mà các cô gái vượt qua thời gi­an nói nhiều nhất là: Tô4 biết kết quả nhưng không biết quá trình. Vớ4 tôi, 1650 năm so với triều đình Mãn Thanh là khoảng cách lịch sư quá xa xôi. Những ghi chép chỉ vẻn vẹn ngàn con chữ trong sách sử còn chẳng thể xác minh được tính chính xác, huống hồ chỉ vài dòng súc tích về cuộc đời Ra­ji­va trong truyện ký. Đằng sau những con chữ ít ỏi đó là cả một quá trình như thế nào, tôi chẳng thể đoán định.

Một tiếng thở dài mơ hồ lướt qua trong không gi­an đêm, là chàng, có lẽ chàng cũng cảm nhận được nỗi trằn trọc của tôi. Có điều, chúng tôi hiểu nhau và chỉ biết im lặng, nằm chờ trời sáng.

Chỉ một ngày sau, Ra­ji­va lại bị Lữ Quang triệu gọi. Chàng vừa rời đi, lập tức có một cung nữ mang xiêm y đến, nói rằng đây là những bộ váy áo mới nhất, cô ta còn đập đập lên chồng váy áo, ánh mắt và động tác rõ ràng là những ám thị. Tôi tò mò lật mở thì phát hiện thấy một mảnh vả4 lụa có chữ viết được nhét bên trong.

Nét chữ Tochari gấp gáp, nghuệch ngoạc:

Hôm qua, pháp sư khẩu chiến kịch liệt với Lữ Quang, ông ta dùng chị để uy hiếp, huynh ấy giận quá đã lao đầu vào cột định tự vẫn, may thay có người kịp ngăn lại. Lữ Quang đã từ bỏ ý định mua chuộc pháp sư, thay vào đó, ông ta sẽ tìm cách hãm hại huynh ấy. Ba ngày nữa, pháp sư sẽ bị đưa đến chùa Cakra cùng đoàn tùy tùng của Lữ Quang. Bất luận ông ta đưa ra yêu cầu gì, chị hãy khuyên pháp sư tạm thời chấp thuận. Giờ đây, chỉ có chị mới khuyên nhủ được huynh ấy. Hãy ghi nhớ!

Tức giận lao đầu vào cột tự vẫn… Thì ra vết bầm tím ấy chính là… Mảnh khăn rớt khỏi tay, chao xuống mặt đất tựa phiến lá khô. Bầu trời ngoài kia vẫn xanh ngăn ngắt, gió nóng buổi trưa tràn vào phòng, mồ hôi ướt đẫm lưng áo, dính vào nham nháp, vô cùng khó chịu.

Lữ Quang dùng chị để uy hiếp huynh ấy.

Điều mà chàng lo sợ nhất chính là điều này ư? Cảnh vật trước mắt bỗng trở nên mơ hồ, sống mũi cay nồng. Con người mảnh khảnh ấy sẵn sàng chống đỡ mọi nguy nan, cốt để giữ cho tôi một khung trời bình yên. Ngả4 Tình ơi Ngải Tình, cô là con người của thế kỷ XXI kia mà, còn chần chừ, do dự gì nữa, hãy tận dụng khả năng mà cô có thể để cứu người cô yêu đi chứ!

Chàng trở về rất nhanh sau đó, sắc mặt vẫn tái nhợt như mọi lần, nhưng ánh mắt kiên định:

- Ngải Tình, ông ta đã hứa sẽ trả tự do cho nàng. Ngày mai nàng có thể rời khỏi đây.

Thoáng chút vui mừng hiện lên trên gương mặt u buồn, chàng đưa tay chạm vào má tôi, đó là động tác thường xuyên nhất khi hai chúng tôi ở bên nhau.

- Ra khỏi cung, nàng hãy đến chỗ Pusyse­da, khi nào được tự do, ta sẽ tới đó tìm nàng.

- Ra­ja­va, chàng đã chấp thuận điều kiện gì để ông ta thả em?

- 5a ngày nữa, ta sẽ cùng Lữ Quang đến chùa Cakra lễ Phật.

Tôi quay mặt đi, kìm nén những giọt nước mắt chỉ chực trào trào ra, lấy lại nhịp thở bình thường, quay lại nhìn chàng:

- Ra­ja­va, chàng vì em sẵn sàng lao đầu vào cột, Lữ Quang thừa hiểu có thể dùng em để uy hiếp chàng, sao ông ta có thể dễ dàng thả em ra?

Tôi thở dài, Ra­ji­va tuy thông minh, nhưng chàng luôn tin rằng con người vốn lương thiện, chàng không hiều về những mưu mô chước quỷ ấy.

- Chỉ e, bước ra khỏi cánh cửa này, em sẽ chẳng thể tới được chỗ Pusyse­da.

Sắc mặt chàng ngày càng thảm hại, chàng cắn chặt môi, nhắm mắt bất lực:

- Ta cứ tưởng có thể giúp nàng. Không phải ta chưa từng nghĩ đến nguy cơ ấy, nhưng ta thực sự không biết phải làm thế nào để đưa nàng đi khỏi đây, nên ta tự thuyết phục bản thân thử tin Lữ Quang một lần m sao.

Chàng hướng đôi mắt buồn thăm thẳm về phía tôi:

- Xin lỗi nàng, ta thật vô dụng, chẳng thể bảo vệ nàng…

- Chàng đừng lo cho em, em có cách để thoát ra khỏi đây.

Tôi dựa vào lòng chàng, áp má lắng nghe trái tim chàng dồn nhịp gấp gáp:

- Em đang nghĩ cách để cả hai chúng ta cùng thoát khỏi nơi này.

Chúng tôi ngồi tựa vào nhau trên thảm trải, màn đêm buông xuống. Cung nữ bước vào chăm đèn, Ra­ji­va cho họ lui ra. Lúc này là tháng Chín, mùa hạ oi nồng đã đi xa, đêm thu khí lạnh tràn vào, tựa đêm mùa đông âm độ C. Giữa cung điện mênh mông này, chúng tôi chỉ có thể tìm thấy hơi ấm từ thân thể của nhau.

Chương 48: Sự thật

- Ra­ji­va, chúng ta có thể trốn khỏi đây.

Sau một hồi tính toán kỹ lưỡng, tôi nhận thấy vẫn còn chút hy vọng.

- Em có một thứ vũ khí, không gây tổn hại đến tính mạng, nhưng có thể khiến người ta bất tỉnh suốt một ngày. Em còn có cả dụng cụ để vượt tường. Chỉ cần thoát ra khỏi hoàng cung, chúng ta sẽ đến chỗ Pusyse­da. Không, không ổn, không nên gây phiền phức cho cậu ấy. Chúng ra không đến tìm cậu ấy nữa. Chúng ra có thể trộm một con ngựa, cũng không ổn sẽ không qua được cổng thành. Hãy cứ sử dụng dụng cụ của em để vượt tường vậy, ra ngoài sẽ tính tiếp. Chúng ta sẽ trốn đi nơi khác. Tây vực, Thiên Trúc, Kab­ul, Trung Nguyên, chàng muốn đi đâu cũng được.

- Ngải Tình, nàng đã có cách thì hãy trốn đi.

Ra­ji­va lắc đầu nhìn tôi đang sững sờ:

- Ta không thể bỏ trốn. Dù có trốn đến đâu, ta cũng sẽ bị phát hiện, sẽ liên lụy đến nàng và Pusyse­da. Vả lại, rời khỏi đền chùa, ta chẳng thạo gì hết…

- Chàng thông minh như vậy, sẽ học rất nhanh thôi. Nếu chàng chịu từ bỏ thân phận pháp sư của mình, chúng ta sẽ cùng mai danh ẩn tích.

Tôi nắm chặt tay chàng, ra sức thuyết phục:

- Chúng ta sẽ đến một nơi không ai nhận ra chàng. Em vẫn còn chút tiền bạc. Em lại được trang bị tri thức tiến bộ hơn một nghìn năm so với con người nơi đây. Em có thể phát minh ra những vật dụng mà thời đại này chưa có, chắc chắn sẽ bán được rất nhiều tiền. Trước khi tới đây, em đã nghiên cứu nhiều tài liệu, em hiểu rõ ai là anh hùng, ai là tiểu nhân. Em cũng biết ở đâu xảy ra chiến tranh, ở đâu tạm thời yên ổn. Tóm lại, chúng ta sẽ không chết đói, cũng sẽ không rơi vào cảnh chiến tranh, loạn lạc. Chàng hãy tin em, rời khỏi đền chùa, chúng ra vẫn có thể sống ổn.

Viễn cảnh tương lai khiến tôi càng mường tượng càng xúc động. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ có lúc phải sử dụng đến những kĩ năng và tri thức của thời đại mình. Nhưng trong hoàn cảnh này, nếu vận dụng hợp lý, tôi tin rằng hai chúng tôi có thể sống bình an bên nhau.

- Ngải Tình, nàng vốn không phải người thường, ta tin nàng…

Chàng ôm tôi vào lòng, tiếng thở dài lướt nhẹ bên tai:

- Nhưng, nàng có biết nàng đã lại t4ết lộ thiên cơ rồi không?

Tôi giật mình, khi nãy, tôi đã lỡ để lộ xuất thân của mình. Có lẽ đã đến lúc cho chàng biết, nếu không chàng sẽ không tin một cô gái liễu yếu đào tơ như tôi làm sao có thể thoát khỏi vòng kiểm soát trùng trùng điệp đ4ệp của cấm vệ quân mà không ai hay biết. Hít vào một hơi thật sâu, rồi nhìn thẳng vào mắt chàng:

- Ra­ji­va, đó không phải thiên cơ, em cũng không phả4 tiên nữ bên cạnh Phật tổ. Chàng sẽ là người duy nhất ở thời đạ4 này biết về lai lịch thực sự của em. Có thể chàng sẽ cảm thấy hết sức hoang đường, nhưng xin hãy tin lời em nói.

Nhìn chàng gật đầu đồng ý, tôi tiếp tục:

- Em đến từ tương lai. Không phải chàng chỉ hơn em mười tuổi mà là hơn 1650 tuổi.

Ra­ji­va run lên, quan sát tôi đầy vẻ nghi hoặc.

- Chàng tin rằng thời đại này sẽ ngày càng tiến bộ chứ? Thời đại chàng đang sống, xét về mọi phương tiện đều tiến bộ hơn rất nhiều so với thời đại của Phật tổ ngàn năm về trước. Sản vật phong phú hơn, đời sống văn minh hơn và tri thức của con người phát triển hơn. Nếu con người thời đại ấy có thể đến thời đại của chàng, chắc chắn sẽ rất kinh ngạc, thậm chí sợ hãi. Bởi vì, tư duy của con người luôn bị hạn chế bởi thời đại mà họ sống.

Chàng trầm tư một lát, gật đầu đồng tình. Tôi lại tiếp tục:

- Khoa học kĩ thuật thời đại của em đã đạt tới trình độ mà chàng khó có thể tưởng tượng nổi. Con người có thể bay lên không trung, có thể nói chuyện, hoặc thậm chí có thể nhìn thấy đối phương dù họ ở cách xa nhau cả ngàn dặm chỉ thông qua một sợi dây rất nhỏ. Bất cứ chuyện gì xảy ra ở bất cứ đâu đều sẽ được cả thế giới biết đến chỉ trong vòng một canh giờ. Vũ khí chiến tranh thì vô cùng đáng sợ. Một quả bom có thế phá hủy cả một thành phố với hàng triệu con người. Và còn rất rất nhiều những điều chàng cho rằng không thể thì con người trong tương lai đều có thể làm được. Cỗ máy vượt thời gi­an là một ví dụ. Chính cỗ máy vô cùng hiện đại này đã đưa em trở về thời đại mà với em nó đã trải qua 1650 năm. Nhiệm vụ của em là tới đây nghiên cứu và kiểm chứng lịch sử. Nhưng em đã tình cờ gặp chàng, dịch giả Phật giáo trứ danh, người có công lao vô cùng to lớn trong việc truyền bá đạo Phật và Trung Nguyên – hòa thượng Ku­mara­ji­va… Sở dĩ em biết được một số chuyện về chàng khi gặp chàng thời niên thiếu và thanh niên, là vì em đến từ tương lai, em đã đọc truyện ký về chàng. Ví dụ thế này, chàng thử tưởng tượng, nếu đột nhiên có một phép thần thông nào đó có thể đưa chàng trở về với thời đại của Phật tổ một ngàn năm trước. Khi ấy, Đức Phật còn chưa ngộ đạo, nhưng chàng biết Ngài chính là Phật tổ, chàng sùng bái và đi theo Ngài, chàng dõi theo từng cử chỉ, hành động và lời nói của Ngài. Chàng biết rõ những sự việc mà với Phật tổ thì vẫn chưa diễn ra. Nhưng những điều chàng biết về Ngài chỉ là những ghi chép trong sách vở. Những ghi chép đó, trải qua hàng ngàn năm thời gi­an, được không biết bao nhiêu lớp lớp hậu thế truyền khẩu, nên mức độ chính xác, thật giả khó mà xác định được. Vả lại, những dòng chữ ít ỏi ấy đâu thể giúp ta hiểu hết về một con người. Nhưng dù sao, chàng cũng có được tri thức tích lũy từ hàng ngàn năm thời gi­an so với con người ở thời đại đó. Chàng biết những điều họ không biết, chàng biết tương lai sẽ diễn ra thế nào và do vậy, chàng thể hiện ra những đặc tính mà con người thời đó không có được… Sở dĩ em biết về Thiên Phật động Kizil, vì năm 1650 năm sau nó vẫn tồn tại. Em biết về chùa Masha vì cách thời đạ4 của chàng hai trăm năm mươi năm sau, có một nhà sư người Hán đã trải qua vô vàn gi­an nan nguy hiểm để đến Thiên Trúc thỉnh kinh. Trong những cuốn sách mà vị hòa thượng nhà Đường ấy viết, có rất nhiều tài liệu liên quan đến phong tục tập quán của con ngườ4 ở Thiên Trúc và Tây vực. Sở dĩ, em biết các thuật ngữ đạo Phật: Đại Thừa, Tiểu Thừa, Niết Bàn, Duy Ma Cật là vì trong vòng năm trăm năm nữa sẽ có rất nhiều cao tăng tham gia dịch thuật kinh Phật, chàng cũng là một trong số họ. Dung mạo của em không hề thay đổi, bởi vì đối với em, thời gi­an chỉ mới trôi qua hai năm. Cỗ máy hiện đại đó có thể đưa em tới bất cứ gi­ai đoạn nào của cuộc đời chàng.

Tôi mở ba lô, lấy ra từng thứ một đặt trước mặt chàng:

- Những thứ này được tạo ra sau 1650 năm nữa và đều là những vật dùng mà thời đại này không thể có được. Đây là dao đa năng Thụy Sỹ. Đây là súng gây mê, người bị bắn trúng sẽ bất tỉnh trong vòng một ngày. Đây là áo chống phóng xạ của em. Trước khi tới đây, em phải mặc chiếc áo này lên người, bằng không, tia phóng xạ cực mạnh có thể khiến toàn thân em tan chảy. Đây là chiếc đồng hồ vượt thời gi­an, chàng từng thấy nó rồi. Những cây kim đang chuyển động này là đơn vị để tính thời gi­an. Muốn quay về, em phải dựa vào năng lượng của chiếc đồng hồ này. Dây thường và móc câu này dùng để vượt tường. Cung tên này có thể bắn móc cây lên một vị trí rất cao. Còn có cả bút chì, sổ ghi chép, các dụng cụ khảo cổ, …

Tôi vén tay áo lên, để lộ vết sẹo ở nơi đã trải qua phẫu thuật.

- Chàng nhớ vết thương này chứ? Ở thời đại của chàng, đó là một vết thương nghiêm trọng, muốn giữ mạng, phải chặt bỏ cánh tay, nhưng thậm chí, ngay cả khi chấp nhận chặt bỏ cánh tay, cũng chưa chắc có thể sống tiếp. Nhưng ở thời đại của em, với các thiết bị y tế và dược phẩm hiện đại, vết thương đã lành lặn, ngay cả vết sẹo sau khi điều trị cũng trở nên rất mờ nhạt. Đó không phải là sức mạnh của phép thuật. Y học tương lai có thể chữa trị rất nhiều căn bệnh mà chàng cho rằng không thể chữa khỏi.

Ra­ji­va ngồi bất động, kinh ngạc không thốt lên lời. Tôi lấy ra một trong những thứ quý giá nhất tôi mang theo đến thời cổ đại này, đưa cho chàng:

- Đây là tấm ảnh em chụp với cha mẹ. Họ chỉ có mình em.

Nhắc đến cha mẹ, tôi mỉm cười:

- Ở thời đại của em, em vẫn đang là một sinh viên theo học chuyên ngành lịch sử. Ước mơ của em là trở thành một nhà sử học. Cha mẹ không hề hay biết về dự án vượt thời gi­an này. Em chỉ nói với họ rằng, em đang tham gia một dự án khảo sát đòi hỏi tính bảo mật tối đa, ngay cả điện thoại cũng không được sử dụng. Họ đâu có biết rằng, con gái họ đang sống ở thời đại cách họ những 1650 năm… Cái này gọi là ảnh chụp, một dụng cụ đặc biệt giúp lưu giữ lại hình ảnh của con người trong một khoảnh khắc bất kỳ, sau đó nó được in ra bằng tấm phim. Trang phục của em trong tấm hình này gọi là quần bò, áo phông, là cách ăn mặc phổ biến của các cô gái ở thời đại đó.

Tôi chỉ tay vào các dãy nhà cao tầng trên hình nền phía sau:

- Đây là nhà em. Đời sống vật chất và dịch vụ y tế ở thời đại của em rất phát triển, tuổi thọ của con người rất cao, dân số đông đúc, nên phải xây nhà lên tận không trung thế kia, tuy nhiên sẽ có một cỗ máy có thể đưa con người lên bất cứ tầng cao nào chỉ trong chốc lát.

Tôi nắm tay chàng, niềm hy vọng dâng lên trong mắt:

- Ra­ji­va, bây giờ chàng tin em đến từ tương lai rồi chứ?

Vẻ kinh ngạc n lẫn hoang mang vẫn bao trùm gương mặt chàng. Chàng nhìn tôi không chớp mắt, suy nghĩ rất lâu mới gật đầu xác nhận.

- Vậy chàng sẽ tin em có thể đưa chàng thoát khỏi nơi này và giúp hai ta tiếp tục sống bên nhau chứ?

Chàng nhìn tôi hồi lâu, từ tốn gật đầu.

Tôi nở nụ cười rạng rỡ, kéo tay chàng:

- Nếu vậy, đêm nay chúng ta sẽ đi khỏi đây.

Chàng không trả lời đồng ý hay không đồng ý, chỉ yên lặng suy nghĩ giây lát rồi cất giọng hỏi:

- Tuy nàng nói có rất nhiều từ ngữ lạ ta không hiểu: máy móc, khoa học, ảnh chụp, điện thoại…, nhưng ta tin nàng. Những dụng cụ đó của nàng chỉ có thể là đến từ tương lai.

Chàng lại trầm ngâm, rồi ngước đôi mắt sâu thẳm tựa hồ nước mùa thu nhìn tôi:

- Nàng đến từ tương lai, vậy chắc nàng đã biết số mệnh của ta ra sao, phải không?

Tim tôi đập liên hồi, tôi đáp trong vô thức:

- Em biết một chút thôi… Nhưng chỉ là truyện ký về chàng, rất sơ sài và vẻn vẹn trong một nghìn con chữ.

- Ngải Tình, mườ4 một năm trước, nàng nói ta sẽ làm nên nghiệp lớn, truyền bá rộng rãi đạo Phật vào Trung Nguyên. Nàng còn căn dặn ta không được hoàn tục. Những điều đó, nàng đều đọc được trong truyện ký về ta phải không?

Tôi gật đầu, là một sinh viên ngành sử học, tôi phải tôn trọng sự thật lịch sử:

- Truyện viết về chàng rất ngắn ngủi, thậm chí có những đoạn hư cấu. Nhưng những kinh văn mà chàng dịch thuật đã được lưu truyển rộng rãi suốt 1650 năm.

Lại là những khoảnh khắc trầm ngâm và lại là đôi mắt sâu hun hút ấy ngước lên nhìn tôi:

- Chả trách nàng gọi ta là Ku­mara­ji­va, động viên ta đến Trung Nguyên, khuyên ta dịch kinh Phật. Thì ra, đây chính là số mệnh của ta.

Chàng nghiêng đầu sang một bên, giọng bình thản:

- Vậy là, sự có mặt của nàng vào năm ta ba mươi lăm tuổi cũng là vì nàng đọc được ghi chép về ta và biết ta gặp phải kiếp nạn đó?

- Vâng.

Sợ chàng hiểu lầm, tôi vội vàng giả4 thích:

- Nhưng hai lần gặp gỡ trước đó, đều là tình cờ. Cỗ máy vượt thời gi­an vẫn đang trong gi­ai đoạn thử nghiệm, không ai biết chắc em sẽ trở về thời kỳ nào. Bởi vậy, Ra­ji­va, hai lần gặp gỡ trước của chúng ta đều là duyên trời định. Còn lần này, là do em chọn lựa. Bởi vì em yêu chàng, nên em muốn được ở bên chàng và cùng chàng vượt qua gi­ai đoạn gi­an nan nhất của cuộc đời chàng.

Lại tiếp tục những khoảng lặng trầm ngâm miên man. Một lúc lâu sau chàng mới buông tiếng thở dài:

- Nếu đã vậy, bỏ trốn hay ở lại có gì khác nhau đâu? Kết cục đều như nhau.

Chàng hé môi cười buồn:

- Kết cục ấy là: Ta không cùng nàng mai danh ẩn tích, mà lưu lại nơi cửa Phật, đúng không?

Tôi không b4ết phải nói sao. Tôi đã làm gì thế này? Sao tôi lại cho chàng biết những điều đó? Sao chàng lại thông minh tuyệt đỉnh như vậy? Sao chàng có thể nhanh chóng chấp nhận xuất thân của tôi, lại có thể lập tức suy luận ra kết cục ấy? Tôi đã nói rất nhiều, vì tôi muốn chàng tin tôi đến từ tương lai và tôi có đủ năng lực để bảo vệ chàng. Nào ngờ, suy nghĩ của chàng lại hướng theo chiều ngược lại. Lòng rối như tơ vò, đầu óc – trống rỗng. Thật đúng là: cái khó bó cái khôn!

- Nàng từng nói ta phải gánh trên vai sứ mệnh truyền bá Phật pháp, dịch thuật kinh văn, trọng trách này còn quan trọng hơn cả tính mạng của ta. Ngải Tình, nếu ta bỏ trốn, ta sẽ không thể hoàn thành sứ mệnh đó, đúng không?

Tôi vẫn chẳng thể thốt ra được lời nào. Nước mắt bất lực trào ra. Chàng thì ngược lại, tỏ ra bình tĩnh hơn bao giờ, khiến tôi sợ hãi, toàn thân run rẩy.

- Do vậy, ta không thể bỏ trốn. Ta phải ở lại, chấp nhận mọi nguy nan, rèn giũa thâm tâm, hoàn thành quá trình khảo nghiệm của Phật tổ, hoàn thành sứ mệnh dịch kinh và truyền bá đạo Phật. Đó là số mệnh của ta, số mệnh mà ông trời đã định…

Chiếc cổ thiên nga đẹp mê hồn rướn cao, khuôn ngực phập phồng chừng như rất xúc động. Chàng nhắm mắt lại, hai hàng lệ chảy dài trên đôi gò má gầy guộc, đọng lại nơi chiếc cằm nhọn lún phún râu. Chàng khẽ lắc đầu, nước mắt vương trên chiếc áo lụa rộng mà trắng đục.

- Ra­ji­va, em không nên nói với chàng… Em thật là ngốc, sao em lại làm vậy?

Tôi bật khóc dữ dội, và vô cùng hối hận. Tôi đã quên chàng là người theo chủ nghĩa duy tâm triệt để. Chàng sẵn lòng chấp nhận kết cục ấy, chỉ cần nói với chàng đó là số mệnh sắp bày, chàng sẽ t4n ngay. Nhưng tôi không cam lòng, tôi không cam lòng…

- Ngải Tình, nếu đã là số mệnh, thì dù nàng không nói ra cũng chẳng thể thay đổi được gì.

Nỗi sầu muộn trong giọng nói của chàng khiến lòng tô4 băng giá. Vậy là chàng đã chấp nhận số phận…

- Ra­ji­va, chàng có thể vì em, rời bỏ cửa Phật không?

Tôi chờ đợi, tôi run rẩy. Thật không ngờ, tôi đã nói ra điều đó. Tôi luôn nghĩ sẽ giúp chàng tìm ra điểm cân bằng giữa tình yêu và lí tưởng. Tôi đã từng dặn lòng không được ép chàng lựa chọn. Nhưng tình thế trước mắt khiến tôi không còn thời gi­an để tìm kiếm cân bằng ấy nữa. Nếu không ra đi, tôi sẽ trở thành gánh nặng của chàng, Lữ Quang sẽ lợi dụng tôi để uy hiếp chàng. Nhưng nếu tôi đi rồi, chàng sẽ ra sao? Tôi không thể giương mắt nhìn chàng chịu đày ải, chịu sỉ nhục. Thế nên, dù hy vọng rất mong manh, tôi vẫn phải ra sức tranh giành với Phật tổ, ra sức vật lộn với số phận…

- Ngải Tình, nàng hãy đi đ4, hãy trở về bên cha mẹ nàng, đừng lo cho ta nữa…

- Không!

Tôi gào lên thảm thiết, giọng như lạc đi.

- Cả hai ta sẽ cùng đi, nếu không, em quyết không đi…

Chàng đứng dậy, yên lặng hồi lâu. Ánh đèn le lói trong buổi hoàng hôn kéo bóng chàng hắt thành vệt dài lên vách tường lạnh lẽo. Tôi ngẩng đầu nhìn chàng, nước mắt giàn giụa nhưng chẳng buồn lau đi. Sự im lặng của chàng, theo thời gi­an, khiến tôi như đóng băng. Tôi không thể thua, tôi không chịu thua! Nhưng tôi biết, mình đã thua. Đứng trước tình yêu, chỉ số IQ của tôi đã trượt dài từ một trăm hai mươi xuống chỉ còn một nửa. Tiếp theo, phải làm gì, tôi không biết nữa! Ai đó làm ơn cho tôi biết đi?...

## 25. Chương 49 - 50

Chương 49: Ly Biệt

- Ngải Tình, nàng tư chất thông minh, nhân hậu, lương thiện, lại có những khả năng đặc biệt, khác lạ. Sao trên đời lại có người con gái toàn vẹn như nàng! Kể từ khi gặp nàng năm mười ba tuổi, ta luôn nghĩ rằng nàng là tiên nữ. Lần này, nàng xuất hiện khi ta bị ép buộc phá giới, khiến ta càng thêm chắc chắn rằng Phật tổ đã cử nàng đến giúp ta. Bởi vậy, ngày đêm quấn quít bên nàng, tuy phạm tội phá giới, nhưng trong lòng vẫn còn chút an ủi. Vì ta nghĩ nàng là đệ tử của Phật tổ.

Chàng xoay lưng về phía tôi, bờ vai xương xương rung động, ngừng lặng hồi lâu mới tiếp tục:

- Nhưng giờ đây, nàng lại cho ta biết nàng không phải tiên nữ. Mọi phép màu đều được giải thích bằng việc nàng đến từ tương lai. Thì ra nàng chỉ là một cô gái bình thường, không phải đệ tử của Phật tổ. Nếu vậy, lần đầu phá giới có thể viện cớ là ta bị ép buộc. Nhưng những lần phá giới tiếp theo, tự ta đã hủy hoại cuộc đời tu hành của mình. Ta đã gây nên nghiệp chướng, Phật tổ nhất định sẽ trị tội. Ta cảm thấy bội phần hổ thẹn và hối hận.

Như vừa nghe tiếng sét bên tai, toàn thân tê dại. Tôi không dám tin chàng có thể nói ra những lời đó. Tôi đứng bất động, mắt không rời khỏi bóng dáng gầy guộc ấy, quên cả khóc.

- Ra­ji­va, chàng hối hận vì đã yêu em, hối hận mỗi đêm ôm em trong lòng chàng đều vững tâm vì nghĩ rằng em là tiên nữ, phải không? Giờ đây, khi biết em chỉ là một cô gái bình thường, chàng không còn yêu em nữa, đúng không?

- Ta vốn một lòng hướng Phật, không tơ tưởng chuyện yêu đương nam nữ. Nhưng rủi thay ma xui quỷ khiến, ta đã có quan hệ vợ chồng với nàng. Nhưng phút chốc hoan lạc ngắn ngủi sao có thể khiến ta từ bỏ Đức Phật! Ta sẽ không để sắc dục mê hoặc nữa! Quãng đời còn lại, ta sẽ toàn tâm toàn ý phụng sự Phật tổ. Tội phá giới, dù phải chết ngàn vạn lần cũng chẳng thế chuộc lại, ta chỉ có thể sống với nỗi sám hối vô bờ trong những ngày tháng còn lại. Vậy nên, nàng hãy đi đi, ta không bỏ trốn cùng nàng đâu!...

Tôi gắng gượng đứng lên, lảo đảo lao đến trước mặt chàng, kéo tay áo chàng, nhìn vào đôi mắt đang tìm cách chạy trốn của chàng:

- Em không tin! Chàng muốn em ra đi nên mới nói những lời này, đúng không?

- Ngải Tình, cảm ơn nàng đã cho ta biết về tương lai và sứ mệnh của ta.

Chàng nhắm mắt lại, lầm rầm tụng niệm:

- Cội gốc của bể khổ.

Tham dục chính là nguồn cơn

Nếu diệt được tham dục

Khổ chẳng còn chốn nương

Dứt hết hẳn các khổ

Gọi là đế thứ ba[31]

Lìa hết thảy trói buộc

Chừng sẽ được giải thoát.

Ngải Tình, hãy sớm thoát khỏi bể khổ! Nếu đây là số mệnh, hà tất phải cố chấp!

- Ra­ji­va, em chỉ muốn chàng trả lời một câu thôi: chàng có yêu em không?

Ra­ji­va mở mắt, nỗi bi thương bất tận phủ trên gương mặt chàng, chàng cất giọng từ tốn:

- Ngày trước có kẻ phạm tội, tìm cách bỏ trốn, nhà vua hay tin, thả voi điên đuổi bắt. Người này chạy đến một giếng nước khô và nhảy xuống. May mắn thay, khi rơi đến lưng chừng, anh ta bám được vào một bụi cỏ đâm rễ từ bụng giếng, thân mình treo lơ lửng bên vách giếng. Dưới đáy giếng, những con rồng dữ đang thè lưỡi phun độc. Bên cạnh lại có rắn độc đang chầu chực, hòng nuốt chửng anh ta. Ngoài ra còn có một đôi chuột đen trắng đang gặm nhấm bụi cỏ níu giữ anh ta. Bụi cỏ sắp đứt. Kẻ phạm tội muốn trèo ra ngoài, nhưng sợ bị voi điên xéo nát, sợ rơi xuống đáy giếng bị rồng phun độc. Muốn bám chặt tại chỗ lại sợ đôi chuột đen trắng cắn đứt bụi cỏ, sợ rắn độc phục sẵn bên cạnh. Lúc đó trên mặt giếng có một cây cao, trên cây có một tổ ong mật, những giọt mật ong ngọt lữ tình cờ rơi vào miệng kẻ tội nhân. Kết quả, hắn đã đê mê với vị ngọt ngào của mật ong mà quên đi tất cả những nguy hiểm đang rình rập quanh mình.

Đôi mắt màu xám nhạt thăm thẳm, tựa hồ thấy suốt mọi sự trên cõi đời này, ngước nhìn tôi:

- Ngải Tình, kẻ tội nhân ấy chính là chúng ta, voi điên a tượng trưng cho lẽ vô thường, chuột trắng tượng trưng cho ban ngày, chuột đen là ban đêm. Bụi cỏ là sinh mạng của chúng ta. Rồng độc dưới đáy giếng tượng trưng cho sự sai trái, rắn độc tượng trưng cho “ngũ uẩn”[32] của chúng ta. Mật ngọt trên cây là biểu trưng của niềm vui khi ham muốn được thỏa mãn. Vì chúng ta đắm chìm trong hoan lạc, nên chúng ta đã quên đi tất cả: sinh mệnh, sự ràng buộc, thời gi­an, tất cả.

Chàng ngồi xuống trong tư thế thiền, mắt nhắm lại, không buồn nhìn tôi:

- Những ngày tháng còn lại, ta sẽ dành toàn tâm toàn ý cho thiền định, Phật pháp. Với ta, niềm vui tu hành mãi mãi vượt xa những ham muốn trần tục.

- Đừng nói nữa… Em sẽ ra đi…

Tôi đứng lên, toàn thân giá lạnh, chẳng còn một chút hơi ấm nào:

- Chàng đã quyết không ra đi, em ở lại, sẽ chỉ tạo thêm gánh nặng cho chàng. Nếu sự ra đi của em khiến chàng có thể dành trọn tâm trí cho việc phụng sự Đức phật, tu hành ngũ đạo; nếu sự ra đi của em có thể khiến chàng xóa bỏ mặc cảm của tội lỗi, vậy em sẽ đi.

Tôi khoác ba lô lên vai, thay bộ đồ màu đen mang từ thời hiện đại tới, lần chần đứng bên bậc cửa, thất thần nhìn chàng đang ngồi thiền tụng niệm. Đã nửa đêm, đêm khuya tắt lịm, chỉ có ánh trăng bàng bạc chếch nghiêng bên cửa sổ soi rọi bóng dáng cô độc của chàng. Chàng không ngừng tụng niệm, miệng chừng như không muốn khép lại, tuy chỉ lầm rầm, nhưng trong không gi­an tĩnh lặng này, thanh âm ấy trở nên trầm mặc, u sầu lạ thường. Chàng không chịu đi nghỉ, không chịu mở mắt, cũng không chịu nói với tôi một lời.

Trong lúc thay quần áo, tôi đã xác định kế hoạch của mình rất rõ ràng, ra khỏi cung sẽ đi đâu, làm gì. Ra­ji­va, chàng chấp nhận số mệnh vì chàng không biết ai có thể chống lại số mệnh. Nhưng em thì khác. Em đến từ thế kỉ XXI, em sẽ không dễ dàng từ bỏ tình yêu của mình như vậy. Chàng không muốn em ở bên cạnh chàng, vậy em sẽ lặng lẽ làm việc đó. Nếu chàng gặp nạn, em sẽ giúp chàng. Cho đến khi chàng thực sự không cần em nữa, em sẽ ra đi.

- Ra­ji­va, em đi đây. Chàng nhớ ăn uống đầy đủ, lúc rảnh rỗi, hãy tiếp tục dịch kinh Phật.

Muốn dặn dò thêm đôi câu, nhưng sống mũi cay cay, cổ họng nghẹn lại. Tôi ngừng lại lấy hơi, nuốt nước mắt vào trong. Tôi không thể rơi nước mắt tùy tiện như vậy, khóc than không giải quyết được vấn đề gì.

Chàng vẫn nhắm mắt, những âm thanh toát ra từ khóe môi dường như không phải là nh Phật. Chàng ngẩng đầu, ánh trăng vằng vặc rọi lên gương mặt tựa điêu khắc nhưng cô độc và u buồn ấy…

- Ngải Tình…

Cuối cùng chàng cũng chịu mở lời, nhưng giọng nói mơ hồ như vọng lại từ cõi xa xôi miên viễn nào đó.

- Hãy trở về thời đại của nàng, hãy quên đi tất cả. Đối với nàng, ta chẳng qua chỉ là một cổ nhân thuộc về quá khứ.

Tôi cắn chặt môi, dặn lòng không được rơi lệ, tôi sẽ không tiếp tục để những giọt nước mắt rơi vô nghĩa nữa.

 “Tất cả các pháp hữu vi

Như bóng, bọt nước có gì khác đâu

Như sương như điện lóe mau

Hãy xem như giấc chiêm bao mơ màng.[33]

Biết chàng đang nhắm mắt, nhưng tôi vẫn nở nụ cười ngây ngô mang thương hiệu Ngải Tình mà thường ngày vẫn bị chàng trêu chọc:

- Ra­ji­va, đó là câu nh em thích nhất trong cuốn nh “Kinh m cương” mà chàng dịch. Một tháng bên nhau, tựa như ảo ảnh, nhanh như chớp mắt. Kinh Phật dạy rằng, mọi sự hữu vi đều là kết quả của nhân duyên, em và chàng cũng vậy. Nhưng bất luận thế nào, những ngày qua em đã rất hạnh phúc, cám ơn chàng!

Không chờ chàng đáp lại, tôi vội vã quay lưng bước đi, sợ nghe thấy tiếng chàng, quyết tâm ra đi sẽ tan biến. Bước tới hoa viên, giữa không gi­an thấm đẫm ánh trăng trong đêm giá lạnh, vẫn nghe tiếng lầm rầm tụng niệm của chàng tựa làn gió lướt nhẹ bên tai:

Tất cả các pháp hữu vi

Như bóng, bọt nước có gì khác đâu

Như sương như điện lóe mau

Hãy xem như giấc chiêm bao mơ màng

Vợ chồng Pusyse­da khoác áo choàng ra đón tôi vào nhà, nh ngạc trước trang phục màu đen từ đầu đến chân của tôi. Trông tôi lúc này chẳng khác gì các nữ hiệp thường xuất hiện về đêm trong các bộ phim truyền hình cổ trang. Có điều, chiếc ba lô hiệu North­face trên vai đã làm hỏng phần nào hình tượng hiệp sĩ ấy. Nửa đêm gà gáy, bốn bề tịch mịch, khi bước tới cổng phủ quốc sư và đưa tay lên gõ cửa, tôi biết sẽ có rất nhiều câu hỏi đang chờ mình. Nếu không phải vì có việc phải nhờ đến Pusyse­da, tôi cũng chẳng muốn khuấy động cuộc sống yên bình của họ. Tôi kể vắn tắt quá trình bỏ trốn khỏi hoàng cung của mình, sau đó vội vã hỏi:

- Pusyse­da, ngày a cậu sẽ cùng nhà vua đến chùa Cakra chứ?

Cậu ta gật đầu, ánh mắt thoáng chút khó hiểu. Tôi bật dậy khẩn cầu:

- Dù bằng bất cứ cách nào, xin hãy đưa tôi đi cùng.

- Ngải Tình!

Cậu ta cũng bật dậy, giọng nói nghiêm nghị:

- Chị trốn khỏi cung, Lữ Quang rất có thể sẽ cho người truy bắt chị. Lúc này chị không ngoan ngoãn ẩn mình mà còn muốn liều thân ư, chị thật dại dột!

- Pusyse­da, chính vì tôi bỏ trốn, nên chắc chắn Lữ Quang không thể ngờ được tôi dám đi theo đến chùa Cakra. Nơi nguy hiểm nhất là nơi an toàn nhất. Vả lại, trong mắt Lữ Quang, tôi chỉ là cô gái khiến Ra­ji­va phá giới, không có vai trò quan trọng gì cả. Ông ta có thể sẽ nghi ngờ không hiểu tôi đã bỏ trốn bằng cách nào, nhưng chắc chắn sẽ không cử cả một đội quân đi truy bắt một kẻ vô danh tiểu tốt như tôi đâu.

- Ông ta không cho rằng chị là một kẻ vô danh tiểu tốt đâu.

Cậu ta giậm chân, lắc đầu:

- Ông ta đưa đến cả tá mỹ nữ, vậy mà suốt bao nhiêu ngày, huynh ấy chẳng động đến ai cả. Nhưng khi ông ta mới tỏ ý muốn hại chị, huynh ấy đã lập tức lao đầu vào tự vẫn. Lữ Quang đâu có khờ, ông ta đã đoán ra chị quan trọng như thế nào đối với huynh ấy. Nếu để ông ta phát hiện ra chị, chẳng khác nào tự đến nộp mạng. Chị làm vậy sẽ khiến huynh ấy khó xử.

- Pusysede, tôi có thể trốn khỏi hoàng cung, tất nhiên tôi sẽ có cách tự bảo vệ mình, Lữ Quang không bắt được tôi đâu. Nếu phải gi­am mình ở đây chờ đợi, tôi sẽ hóa điên mất. Xin cậu, hãy đưa tôi đi. Chỉ cần được nhìn thấy chàng là tôi mãn nguyện rồi. Tôi sẽ không làm việc gì dại dột khiến cậu gặp phiền phức đâu.

Khóe mắt nóng ran, tôi ra sức ềm chế, tôi đã tự hứa với lòng mình, sẽ không để những giọt nước măt vô nghĩa nhỏ xuống nữa.

- Ngải Tình, tôi không sợ phiền phức. Nhưng nếu đưa chị đi cùng, cũng đâu phải giải quyết được vấn đề gì?

Giọng nói của cậu ấy nhẹ nhàng hơn, bàn tay chực chìa về phía tôi, đến nửa chừng lại thu về.

- Tôi không biết có thể làm được điều gì cho chàng, nhưng tôi không thể bỏ mặc chàng. Tôi chỉ muốn lặng lẽ đi theo, để ít nhất được yên lòng về chàng.

Tôi hướng về Pusyse­da tất cả nỗi kỳ vọng và khẩn cầu tha thiết của mình:

- Nếu như Hiểu Huyên và bọn trẻ gặp nạn, cậu sẽ làm gì? Mong cậu hiểu cho tôi.

Ánh mắt Pusyse­da như đang trôi về miền ký ức xa xăm nào đó, nét mặt thoáng chút bi ai, cậu ta trầm ngâm nhìn tôi. Một lúc lâu sau mới thở dài ảo não:

- Ngải Tình, chị vẫn giống hệt mười một năm về trước…

- Lòng dũng cảm của cô Ngải Tình khiến người khác phải khâm phục. Thiếp xin chàng hãy giúp đỡ cô ấy.

Hiểu Huyên nãy giờ vẫn yên lặng ngồi bên, đột nhiên cất tiếng trò chuyện với chúng tôi bằng tiếng Hán:

- Hiểu Huyên…

Pusyse­da nhìn Hiểu Huyên cười buồn.

- Thiếp cũng từng trải qua nỗi khổ vì yêu, nên rất hiểu tâm tư của cô, Ngải Tình. Xin chàng hãy giúp đỡ đôi uyên ương tội nghiệp ấy!

- Không phải ta không muốn giúp, nhưng ta đưa chị ấy đi bằng cách nào? Lữ Quang và đám con cháu của ông ta đều từng gặp chị ấy, nếu để lộ tung tích thì phải làm sao?

- Thiếp nghe nói, đức vua đưa cả thê thiếp đến chùa lễ Phật, chàng đưa người thân đi cũng đâu có gì lạ. Chàng hãy để cô Ngải Tình đóng giả thiếp là được.

Hiểu Huyên suy nghĩ một lát, quan sát tôi một lượt, rồi tiếp tục thuyết phục chồng:

- Từ khi về làm dâu nhà chàng, thiếp ít khi ra ngoài, nhưng ai nấy đều hay thiếp là người Hán. Chàng có thể ứng đối với người ta rằng, kể từ sau lần sinh nở thứ hai, thiếp luôn muốn đến chùa lễ Phật tạ ơn. Chỉ cần nói dối rằng thiếp bị cảm lạnh, phải trùm khăn che mặt là ổn. Cô Ngải Tình có đôi mắt rất giống thiếp, vóc dáng cũng vậy, cô ấy đóng giả thiếp chắc chắn không ai nghi ngờ. Chàng lại là quốc sư một nước, lẽ nào có kẻ dám vén khăn che mặt của thiếp để ểm chứng đúng hay sai?

Hay lắm! Quả là một phụ nữ thông minh, lanh lợi! Tôi vui như mở cờ trong bụng, nắm lấy tay Hiểu Huyên, xúc động:

- Tốt quá! Cảm ơn phu nhân!

- Cô Ngải Tình có quan hệ thân thiết với gia đình chúng tôi như vậy, xin đừng gọi tôi là phu nhân, nghe khách sáo và xa lạ. Chi bằng chúng ta gọi nhau là chị em. Tôi có lẽ hơn tuổi cô, tôi gọi cô là em gái, được không?

Giọng nói dịu dàng và chân thành của cô ấy khiến tôi càng thêm yêu cô ấy hơn.

- Được chứ! Được làm chị em với một phụ nữ thông minh, xin đẹp như phu nhân là diễm phúc cùa Ngải Tình! Có điều, hai chúng ta chưa biết ai là chị ai là em đâu!

Ta thật thà khai báo:

- Tôi đã hai mươi lăm tuổi rồi!

- Hiểu Huyên, xét về tuổi tác, nàng phải gọi chị ấy là chị đó. Chị ấy hơn nàng một tuổi.

Pusyse­da đứng bên bật cười.

- Nhưng, nhưng mà trông chị ấy giống như một thiếu nữ mới mười tám, mười chín tuổi vậy!

Hiểu Huyên nhấc tay tôi lên, cử chỉ nhã nhặn, không ngừng tán thưởng.

- Chị ấy còn rất nhiều điều khiến người ta phải ngạc nhiên nữa a!

Tôi nháy mắt ra hiệu cho Pusyse­da, cậu ta thôi cười, dịu dàng nói với vợ:

- Đã khuya rồi, nàng đưa chị Ngải Tình đi nghỉ đi. Ngày mai chúng ta phải chuẩn bị mọi thứ để ngày a lên đường.

Đêm đó, tôi trở về căn phòng quen thuộc của mình. Không ngoài dự đoán của tôi, mọi thứ vẫn được giữ nguyên, thậm chí cả những mảnh giấy viết chữ của Pusyse­da thuở nhỏ vẫn còn đó. Những năm tháng đã khiến chúng trở nên ố vàng, những nét chữ xiêu vẹo đã không còn rõ nét nữa. Đang chìm đắm trong xúc cảm được khơi gợi bởi ký ức, bỗng tôi nghe thấy tiếng ngâm nga phía sau. Gi­ai điệu quen thuộc làm sao, tuy có hơi lạc nốt nhưng chắc chắn đó là bài “Ngủ ngon con yêu”. Tôi giật mình, quay lại nhìn cô ấy:

- Tướng công tôi thường hát ru hai đứa nhỏ bằng bài hát này.

Cô ấy mỉm cười, đôi mắt trong trẻo chiếu thẳng về phía tôi, có ý thăm dò phản ứng của tôi.

- Tướng công có lần đã hỏi tôi về bài hát của người Hán này, nhưng tôi hiểu biết hạn chế chưa từng nghe bài hát này bao giờ.

Thì ra cô ấy vẫn băn khoăn chuyện đó.

- Hiểu Huyên, chính tôi đã hát cho cả hai anh em họ nghe bài hát này.

Tôi hiểu ý tứ của cô ấy và nghĩ rằng nên thành thực:

- Chuyện đó đã qua lâu lắm rồi, có lẽ chỉ còn là một chút ký ức mơ hồ mà thôi, quan trọng nhất vẫn là hiện tại… Hiện tại, cô và hai đứa trẻ mới là người thân thiết nhất của cậu ấy, là những người mà cậu ấy muốn chở che, bao bọc nhất.

Tôi nhẹ nhàng nắm lấy tay cô ấy, giải bày lòng mình:

- Tôi cũng có người mà tôi muốn bảo vệ. Mười năm trước tôi đã bỏ lỡ cơ hội, nhưng bây giờ, tôi quyết không từ bỏ.

Tôi ngước nhìn bầu trời đêm tịch mịch bên ngoài, nỗi buồn dâng ngập lòng.

- Trừ phi chàng không cần tôi nữa…

Tôi nghĩ Hiểu Huyên đã trở về với niềm hân hoan vì khúc mắc đã được giải tảo. Tôi ngồi ngơ ngẩn rất lâu trên giường, kỷ niệm về căn phòng này lần lượt ùa. về. Chuyện xưa tựa như mây khói, chớp măt đã hơn mười năm. Cậu nhóc ngày xưa sáng nào cũng ngồi xổm, chầu chực bên giường tôi nay đã xuất hiện không ít nếp nhăn trên trán, mọi suy nghĩ hành động đã chín chắn, chững chạc, già dặn hơn rất nhiều.

Tôi bất giác nhớ lại người cha của họ từng nói với tôi. Pusyse­da là người dám làm dám chịu, tính cách phóng khoáng, nhiệt thành, tuổi trẻ bốc đồng, phóng túng, nhưng sẽ trưởng thành theo thời gi­an. Còn Ra­ji­va, chàng quá ư thông minh, từ nhỏ lại chưa từng phải chịu khổ. Suy nghĩ đè nặng trong lòng nhưng chẳng chịu nói ra. Tính cách ấy sẽ phải đổi bằng một đời bất hạnh.

Tôi cười buồn. Mười năm sau, những lời của Ku­marayana đã được nghiệm chứng. Ra­ji­va, chàng có bao nhiêu điều kìm nén trong lòng không thể nói ra? Lúc này, chàng đang làm gì? Hay là cũng ngồi thẫn thờ ngắm nhìn bầu trời đêm ngàn sao, chờ trời sáng? Lúc ra đi, em đã kìm lòng không nhìn chàng. Em đã tự an ủi rằng, vì chàng muốn em bỏ trốn nên mới nói những lời nghiệt ngã ấy. Tuy chàng chưa một lần nói yêu em, nhưng em biết, chàng đã yêu em từ khoảnh khắc chàng cầm lên cây viết và họa lại hình em. Chàng yêu em, không phải vì em là tiên nữ, không phải vì em là đệ tử của Phật tổ, mà chỉ vì em là cô gái đầu tiên, cũng là cô gái duy nhất bước vào trái tim chàng.

Tôi thở dài, cố gắng đẩy những phiền muộn trong lòng ra ngoài. Lúc này tôi chỉ có thể dựa vào lí do ấy để tin tưởng và tự động viên. Nếu không tôi chẳng biết phải lấy cớ gì để đến được bên chàng.

Chương 50: Pusyse­da và lịch sử

Xe ngựa của phủ quốc sư dừng lại ở quảng trường phía trước hoàng cung, chúng tôi đứng đó chờ đợi đức vua Khâu Từ và đoàn tùy tùng của Lữ Quang. Ốc đảo Khâu Từ lúc này đã bước vào đầu tháng Chín, buổi sớm tinh mơ khí lạnh giăng giăng. Bạch Chấn và bầu đoàn thê tử của ngài đã đến và sắp xếp ổn thỏa đâu vào đấy, vậy mà vẫn chưa thấy Lữ Quang xuất hiện. Chờ tới tận khi mặt trời đã lên cao bằng ba con sào, ông ta mới đủng đỉnh từ trong cung tiến ra, vây quanh là hàng tá mỹ nữ Khâu Từ, cùng đội quân hộ tống đông đảo, so với Bạch Chấn, sự lấn lướt rất rõ nét.

Tôi chỉ dám đưa mắt nhìn trộm từ trong xe ngựa, tìm ếm xung quanh Lữ Quang. Rất dễ nhận ra chàng, không phải vì khí khái bất phàm và vóc dáng nổi trội giữa đám quân lính người Hán, mà vì trang phục của chàng. Chàng khoác chiếc áo choàng rộng màu nâu sòng, một bên vai để trần, phục trang ấy hoàn toàn khác biệt so với đoàn tùy tùng rực rỡ, lấp lánh ngọc ngà châu báu của Lữ Quang. Trong những ngày chúng tôi bị gi­am lỏng, Lữ Quang ép chàng mặc trang phục của dân thường, nhưng hôm nay lại cho phép chàng khoác áo tăng lữ, ông ta hẳn có ý đồ đen tối gì đây.

Đoàn tùy tùng của Lữ Quang đã chuẩn bị xong xuôi. Một tên lính ra sức kéo một con ngựa đến bên Ra­ji­va. Con ngựa đó chỉ nhìn thoáng qua cũng biết là một con ngựa dữ, nó không ngừng hí lên dữ tợn và bất tuân lệnh chủ. Không nghe rõ họ nói gì với nhau, tôi chỉ thấy Ra­ji­va lặng lẽ đón lấy dây cương, chuẩn bị trèo lên.

Tôi nhắm chặt mắt lại, không dám chứng ến những gì diễn ra tiếp theo. Trái tim như rỉ máu, đầu óc mê muội. Sự việc đã diễn ra như nó phải thế, dù tôi có cố gắng thay đổi thế nào đi nữa.

Những trận cười nhạo ác ý vang lên giữa đám đông. Đó là những kẻ ngu muội, xem tôn giáo như trò phù thủy, như một thứ mê tín dị đoan. Bọn họ chỉ biết lăm le cợt nhả, xem thường, hòng áp chế uy lực của thần quyền. Lịch sử đã chứng minh, Lữ Quang chẳng qua chỉ là một tên hề, Ra­ji­va mới là bậc danh sư được người đời tôn kính. Tôi không muốn phải chứng ến cảnh chàng bị đem ra làm trò hề và chắc rằng chàng cũng không muốn để tôi phải thấy cảnh đó. Tôi nắm chặt chiếc khăn lụa Ata­la trong tay, thầm khích lệ: Ra­ji­va, cố gắng lên, hãy cố gắng lên!

Có tiếng xôn xao giữa đám đông, âm thanh của ai đó đang gào lên phẫn nộ. Kéo rèm cửa, ngó ra ngoài, Pusyse­da đang đứng chắn phía trước con ngựa hung hãn, cậu ta đỡ lấy Ra­ji­va mình lấm bụi đất, tay ôm đầu gối, vẻ mặt đau đớn.

Lữ Quang to nhỏ vài câu với thuộc hạ, con ngựa ác bị dắt đi, một chiếc xe bò lại được đưa đến trước mặt Ra­ji­va. Mọi người đều cưỡi ngựa hoặc ngồi xe ngựa, xe bò chỉ dành cho các gia đình nghèo khổ, thấp kém. Nhưng phô bày sự đãi ngộ tồi tệ chưa phải là mục đích chính của Lữ Quang. Con bò này chắc chắn không bình thường, có lẽ chính là loại bò điên được ghi chép trong sử sách.

Pusyse­da đầy vẻ lo lắng, không muốn để Ra­ji­va lên xe. Vẻ mặt Lữ Quang cũng không dễ chịu gì, ông ta quay sang to nhỏ vài câu với Bạch Chấn, ngay lập tức nhà vua phải đích thân kéo Pusyse­da ra ngoài.

Nhìn thấy Bạch Chấn kéo tay Pusyse­da đi về phía cỗ xe ngựa của mình, tôi vội vàng trùm khăn che mặt lại. Rèm cửa được vén ra, nhà vua gật đầu với tôi, vẻ ái ngại, tiếng Hán lơ lớ cất lên:

- Phu nhân hãy can ngăn quốc sư, đừng làm chuyến đi bị chậm lại.

Tôi đưa tay ra kéo Pusyse­da, khẽ cúi đầu đáp lễ với Bạch Chấn, hạ thấp giọng:

- Thần thiếp hiểu, xin tạ ơn đức vua!

Chờ Bạch Chấn đi khuất, tôi nói khẽ với Pusyse­da:

- Lên xe đi, đừng chọc giận Lữ Quang nữa.

Pusyse­da cau mày:

- Ngải Tình, chị nỡ lòng nào nhìn huynh ấy phải chịu như thế, chị không yêu huynh ấy sao?

- Pusyse­da, chính vì yêu Ra­ji­va, nên tôi mới phải nhẫn nhịn. Lữ Quang bày mưu hạ nhục Ra­ji­va bằng mọi cách, cậu đứng ra ngăn cản chẳng những không giải quyết được vấn đề gì, sẽ chỉ khiến hắn thêm tức giận mà trút hết lên đầu Ra­ji­va thôi.

Tôi buồn bã nhìn Pusyse­da, thở dài:

- Trong thời thế kẻ mạnh chà đạp kẻ yếu này, ngoài việc thản nhiên đối diện, chúng ta không còn cách nào khác.

Pusyse­da ngồi xuống phía đối diện với tôi, vẻ mặt vẫn nhuốm đầy uất hận. Cậu ta nặng nề buông tiếng giục phu xe.

- Đi thôi!

Cỗ xe từ từ lăn bánh, tiếng cười nhạo vẫn vang lên phía trước đoàn xe. Pusyse­da sa sầm mặt mày, vén rèm cửa nhìn ra ngoài.

Tôi nhìn cậu ta lại lắc đầu:

- Đừng nhìn nữa.

Rồi giữ giọng bình tĩnh nói với cậu ta:

- Dù Ra­ji­va có thể bình thản đối diện với mọi sự hành hạ, nhạo báng, nhưng chàng cũng có lòng tự trọng của chàng, chàng không muốn người thân của mình phải chứng ến cảnh đó đâu. Chúng ra không nhìn, tức là chúng ta tôn trọng chàng, cậu hiểu chứ?

- Ngải Tình…

Vẻ mặt Pusyse­da đầy đau đớn, khóe mắt nhuốm đỏ:

- Chị có thể bình tĩnh thật ư? Nhưng sao sắc mặt lại trắng bệch và đôi mắt lại thâm quầng thế a?

Tôi ngẩng người, nghiêm trọng vậy ư? Mấy ngày qua đều mất ngủ, tôi biết sắc mặt mình rất khó coi. Nhưng diện mạo này, vô tình lại rất khớp với lời nói dối: phu nhân của Pusyse­da đang bị cảm lạnh.

- Tôi đã truyền tin dặn dò chị khuyên nhủ huynh ấy kia mà! Huynh ấy không chịu nghe, hay chị không chịu nói?

Nhớ lại khoảnh khắc chia ly, tim tôi quặng thắt. Tôi phải hít một hơi thật sâu để lấy lại sự bình tĩnh:

- Chắc cậu biết Lữ Quang ép Ra­ji­va phải làm gì chứ?

- Lúc đầu thì không, nhưng bây giờ tôi có thể đoán ra được.

- Vậy theo cậu, Ra­ji­va có chấp nhận cầu cạnh Lữ Quang và ca tụng công đức của ông ta không?

- Dù không muốn, huynh ấy cũng nên nghĩ cách để kéo dài thời gi­an hoặc tạm thời chấp nhận, Tóm lại là phải tính kế lâu dài, việc gì huynh ấy phải một mực từ chối để bây giờ phải chịu sự đày đọa, sỉ nhục như vậy?

- Pusyse­da, Ra­ji­va có niềm tin của riêng chàng, đó là điều mà Lữ Quang không bao giờ khuất phục được. Sự đày đọa về thể xác dù sao cũng dễ chịu hơn nhiều sự dằn vặt về tinh thần. Chàng đã quyết định như vậy, cho nên dù xảy ra chuyện gì, tôi cũng sẽ đi theo và ủng hộ chàng. Thậm chí…

Tôi ngừng lại, giữ chặt bàn tay đang run lên bần bật, rồi mới tiếp tục:

- Nếu chàng không cần tôi nữa, tôi sẽ ra đi.

Ngày sau chàng sẽ theo Lữ Quang đến Lương Châu. Mười bảy năm đằng đẵng, vậy mà trong truyện kí về chàng chỉ lưu lại một và lời dự đoán lạ lùng, không đáng tin cậy. Từ việc này, có thể khẳng định, chàng không chịu thuận theo Lữ Quang. Mười bảy năm trời chàng còn không chịu khuất phục, nói chi bây giờ.

Pusyse­da nhìn tôi rất lâu, ánh mắt ngập đầy tình thương và nỗi bi ai:

- Ngải Tình, chỉ có chị là người hiểu huynh ấy nhất, chả trách mười năm lại mười năm, huynh ấy vẫn một lòng chờ đợi chị. So với huynh ấy, tình yêu năm xưa của tôi dành cho chị, chẳng đáng kể gì. Tôi không giành được trái tim chị, cũng là điều dễ hiểu.

Tôi mỉm cười nhớ lại Pusyse­da thời trẻ bồng bột, bướng bỉnh, tôi không khỏi xúc động:

- Vậy là, cậu đã chịu từ bỏ sự cố chấp của tuổi trẻ.

Ánh mắt Pusyse­da như trôi đến tận phương nào, sau một hồi trầm ngâm, đột nhiên cậu ta cất tiếng:

- Huynh ấy gặp nạn cũng một phần do lỗi của tôi.

Tôi không khỏi ngạc nhiên.

- Trước khi ra đi, chị từng nói, ngày sau Khâu Từ sẽ trải qua một biến cố rất lớn. Nếu tôi tiếp tục theo nghiệp binh đao, sẽ khó bảo toàn tính mạng. Chị còn khuyên tôi nên tạo dựng mối quan hệ mật thiết với cậu út, cậu ấy sẽ là chỗ dựa của tôi sau này. Chị nhớ chứ?

Tôi gật đầu, trong lòng không khỏi thấp thỏm:

- Cậu đã làm gì?

- Tôi cố ý chọc giận đức vua Bạch Thuần, giờ thì nên gọi ông ta là Tiên Vương mới phải, nên đã bị đuổi khỏi đội cấm vệ quân. Tôi và ông ấy vốn có ân oán từ trước, nên ông ấy không coi tôi ra gì. Sau khi cha mẹ tôi qua đời, ông ấy chẳng cần phải nể nang nữa… Rời đội cấm vệ quân, tôi quyết định buôn tơ lụa, ếm được rất nhiều tiền. Nhưng Bạch Thuần không chịu trao quyền nh doanh mỏ đồng cho tôi, lại trao cho hoàng tử thứ tư – một kẻ ngu muội. Hắn nh doanh thua lỗ, lại đổ tội cho tôi ngăn cản thương nhân Shan­shan mua đồng của Khâu Từ. Bạch Thuần tức giận xung công rất nhiều cửa hiệu tơ lụa của tôi. Thời gi­an đó, tôi sống rất khổ sở.

Nhớ lại chuyện cũ, nỗi tức giận dâng lên trong giọng kể của Pusyse­da:

- Một tên vua tàn bạo, xa hoa như vậy, lật đổ ông ta sẽ tạo phúc cho trăm họ. Thêm nữa, tôi cũng muốn trả thù, nên đã kích động cậu út tạo phản. Cậu út bản tính hèn nhát, không có dã tâm, mọi việc trù bị cho cuộc soán ngôi đều do một mình tôi lo liệu. Chúng tôi vốn không có thực lực, lại không nắm giữ quân đội trong tay, nên trong chuyến cống nạp cho triều đình nhà Hán sáu năm trước, tôi đã theo cậu út đến Trường An. Năm đó được diện ến Vua Tần – Phù Kiên, ông ta tự xưng mình là bậc anh hùng cái thế, trong cuộc chuyện trò, tôi nhận ra dã tâm muốn thu phục Tây vực của Phù Kiên… nên sau khi quay về, tôi liên lạc với Shan­shan, Chirsh – các tiểu quốc từ lâu đã bất mãn với việc Bạch Thuần xưng bá ở Tây vực, cùng nhau tập hợp lực lượng. Ba năm trước, vua của ba tiểu quốc Tây vực đã cùng nhau đến Trường An tiến cống. Dưới sự chỉ đạo của tôi, họ đã cùng thỉnh cầu Phù Kiên Tây chinh, đồng thời tình nguyện làm “người dẫn đường” cho quân đội Tây chinh của Phù Kiên.

Tôi tròn xoe mắt nhìn Pusyse­da. Thật không ngờ, những diễn biến lịch sử mà tôi thuộc làu làu về gi­ai thoại này, lại do cậu ta sắp bày tất cả.

- Từ lâu tôi đã nể phục Phù Kiên, tôi muốn dựa vào sức mạnh của ông ta để trừ bỏ Bạch Thuần. Phù Kiên hứa hẹn sẽ đối xử với Khâu Từ như nhà Hán, cho phép Khâu Từ tự trị, chỉ cần hàng năm cống nạp đầy đủ là được. Tôi biết anh trai mình lúc nào cũng đăm đắm hướng về đất Hán, muốn đến đó tìm chị, lại lo huynh ấy gắn bó quá mật thiết với Bạch Thuần thì sau này sẽ bị vạ lây, nên trước mặt Phù Kiên, tôi đã hết lời ca ngợi tài trí của huynh ấy và khuyên Phù Kiên mời huynh ấy đến Trường An truyền pháp. Phù Kiên vốn nghe danh anh tôi đã lâu, nên đã hạ lệnh cho Lữ Quang nhất định phải công phá Khâu Từ, sau đó lập tức đưa anh tôi về Trường An.

 Tôi không thốt nổi nên lời, sao lại có chuyện như vậy…

- Ngải Tình, tôi đâu ngờ Phù Kiên lại bị nước Tấn đánh bại vào lúc này, nước Tần của ông ra vốn hung mạnh nhất Trung Nguyên a mà! Tôi lại càng không thể tin được, Lữ Quang nhân dịp này mưu đồ xưng bá Tây vực, đã gi­am cầm anh tôi. Nguyên nhân sâu xa những bất hạnh của huynh ấy đều do tôi gây nên.

Khuôn mặt Pusyse­da đầy vẻ hổ thẹn, bàn tay đan chặt vào nhau như muốn vò nát nỗi bi phẫn.

- Nếu được, tôi sẵn sàng chịu tội thay huynh ấy. Mỗi lần nhìn huynh ấy rơi từ trên lưng ngựa xuống, tôi cảm thấy vô cùng đau đớn.

Bên ngoài cửa xe lại rộ lên những tràng cười, âm thanh ấy tựa như những mũi tên từ bốn phương tám hướng bắn thẳng vào tôi, tôi như muốn ngã quỵ, phải vịn vào cánh tay của Pusyse­da.

- Không, không phải lỗi của cậu. Lỗi ở tôi, ngày ấy, chính tôi đã tiết lộ chuyện tương lai cho cậu. Nếu muốn truy xét, thì chính tôi đã hại chàng…

Vì sao lại như vậy? Rốt cuộc tôi là ai? Tôi là một phần tử của gi­ai đoạn lịch sử này ư? Vì sao không hề có ghi chép nào về tôi? Rốt cuộc, tôi đóng vai trò gì giữa dòng sông lịch sử đang cuồn cuộn chảy trôi này? Chính tôi đã chuyển động bánh xe lịch sử vĩ đại ư? Hay là, ngay cả khi không có tôi, kết cục vẫn như vậy? Rốt cuộc là ai, là ai đang bày trò chơi số phận này với chúng tôi?

Nếu theo thuyết duy tâm, thì việc tôi vượt thời gi­an và gặp gỡ Ra­ji­va cũng không phải là chuyện tình cờ. Và chàng không chịu bỏ trốn cùng tôi là quyết định đúng đắn. Bởi vì, cho dù thế nào, lịch sử vẫn sẽ diễn ra theo hướng đã định sẵn, Ra­ji­va chắc chắn sẽ trở thành một vị cao tăng danh tiếng lẫy lừng trong lịch sử. Vậy nên, suy cho cùng, tôi chẳng thể thay đổi được bất cứ điều gì…

Sách sử ghi chép rằng “Lữ Quang bày trò hạ nhục Ku­mara­ji­va, ép nhà sư thành thân với công chúa Khâu Từ”. Tôi đã cố tình bỏ qua chi tiết lịch sử này, thậm chí xóa khỏi bộ nhớ. Tôi tự nhủ rằng, những ghi chép về Ra­ji­va có quá nhiều điểm không đáng tin cậy và điều này chắc chắn cũng là một dạng “tin đồn thất thiệt”. Vả lại, tôi đã thay thế Ak­saya­mati, trở thành “đối tượng” phá giới của Ra­ji­va, tức là đã thay đổi lịch sử. Đối với hậu thế, điều này sẽ trở thành một ẩn số. Nhưng, câu nói của Pusyse­da khiến tôi thấp thỏm không yên. Nếu lịch sử vẫn lăn bánh theo hướng đã định sẵn, nếu ghi chép trên a là sự thực, thì dù tôi có làm gì, Ak­saya­mati vẫn sẽ trở thành vợ của Ra­ji­va.

- Ngải Tình, chị sao thế?

Một cánh tay vòng qua đỡ lấy tôi.

Tôi ngước nhìn Pusyse­da, đầu óc choáng váng, toàn thân chao đảo. Không được, tôi không thể gục ngã, không thể yếu đuối trong lúc này. “Thành thân với công chúa Khâu Từ”, “thành thân với công chúa Khâu Từ”, không nghĩ ngợi nhiều nữa, mặc cho con đường phía trước sẽ ra sao, tôi nhất định phải giữ vững tinh thần để ứng phó với tất cả.

- Tôi không sao, chỉ hơi chóng mặt thôi, chợp mắt một lát sẽ ổn.

Tôi dựa lưng về phía sau, đầu óc trống rỗng. Dường như có ai đó đang gọi tên tôi. Tôi không cất nổi tiếng đáp lại, tôi thật sự rất mệt…

Lúc lờ mờ tỉnh lại, tôi mới nhận ra mình đang nằm trong vòng tay Pusyse­da. Tôi ngượng ngùng ngồi dậy, nhìn thấy sự quan tâm, lo lắng hiển hiện trên gương mặt cậu ấy.

- Sao chị lại ngất đi thế?

- Không sao đâu, chỉ tại mấy hôm nay tôi bị mất ngủ, nên hơi mệt thôi.

Không muốn nói thêm nữa, nhận thấy xe ngựa đã dừng lại, tôi bèn hỏi cậu ấy:

- Vì sao dừng lại?

- Lữ Quang muốn nghỉ ngơi.

Vẫn là ánh mắt lo lắng nhìn tôi đăm đăm, Pusyse­da thở dài:

- Tôi đi xem anh tôi thế nào.

Tôi lên tiếng giữ cậu ấy lại, Pusyse­da mỉm cười lắc đầu:

- Yên tâm, tôi sẽ giữ bình tĩnh.

- Đưa vật này cho chàng giùm tôi…

Đón chiếc khăn lụa Ata­la từ tay tôi, Pusyse­da trầm ngâm giây lát rồi nhìn tôi gật đầu.

## 26. Chương 51 - 52 End

Chương 51: Yêu như một người đàn ông

Thành Khâu Từ cách chùa Cakra chừng bốn mươi dặm, bình thường chỉ một ngày là tới nơi. Nhưng vì phải chờ Lữ Quang, buổi sáng đã xuất phát rất muộn, tốc độ di chuyển lại chậm chạp như rùa, vì vậy, khoảng bốn giờ chiều, đoàn người phải dừng lại nghỉ ngơi qua đêm cạnh một làng nhỏ, tức là ngày hôm sau mới có thể đến chùa.

Ngôi làng này rất nhỏ, đám tùy tùng phải tất bật dựng lán trại, nổi lửa chuẩn bị bữa tối bên sông Tongchang. Chốc chốc những làn khói nhè nhẹ lại vấn vít bay lả lướt trên những lán trại san sát.

Tôi được căn dặn là sau khi vào trong lán thì không được ra ngoài. Mặc dù rất muốn gặp Ra­ji­va, nhưng tôi phải gắng nhẫn nại, không thể để lộ thân phận. Pusyse­da đến dùng bữa cùng Lữ Quang và Bạch Chấn. Cậu ấy đã hứa sẽ giúp tôi mang thuốc trị vết thương đến cho Ra­ji­va. Hôm qua tôi nhờ Hiểu Huyên tìm mua loại thuốc bôi ngoài da tốt nhất phòng khi dùng đến, không ngờ hôm nay đã phải dùng tới.

Hiểu Huyên cử cô hầu gái thân thiết của cô ấy, tên là Mễ Nhi đi theo chăm sóc tôi. Cô hầu người Hán này theo Hiểu Huyên từ Trường An đến Khâu Từ. Tôi uể oải ăn cho xong bữa tối, rồi nhờ Mễ Nhi gỡ bỏ những trang sức cầu kì và kiểu tóc phức tạp mà Hiểu Huyên đã mất cả buổi sáng để vấn buộc cho tôi. Tôi muốn trở lại với mái tóc xõa ngang vai tự nhiên, nhẹ nhõm thường ngày. Màn đêm dần buông xuống, ngoài lán văng vẳng âm thanh náo động của tiếng ca hát và tiếng cười đùa. Lữ Quang coi việc đi chùa lễ Phật như một chuyến du lịch dã ngoại, ông ta mang theo không biết bao nhiêu ca kỹ. Không biết trong bữa ăn, ông ta có chịu buông tha cho Ra­ji­va. Ra­ji­va, em đang ở rất gần chàng, nhưng chẳng thể đến để an ủi chàng. Tôi thầm trách mình vô dụng, trong đầu được trang bị bao nhiêu kiến thức lịch sử, vậy mà không cứu nổi người mình yêu.

Tôi thẫn thờ hóng ra phía cửa trại, thời gi­an chầm chậm trôi, không biết tôi đã ngồi như thế bao lâu. Bỗng có ai đó vén mở cửa trại. Nửa thân người Pusyse­da xuất hiện, mặt mũi đỏ vang, bước đi chao đảo. Tôi vội vã chạy đến, từ xa đã ngửi thấy mùi rượu nồng nặc.

Đưa tay ra định đỡ lấy cậu ấy thì nhận thấy sau lưng đã có người dìu cậu ấy. Trong đêm nhìn không rõ mặt, sợ bị lộ thân phận, tôi vội trùm khăn che mặt lên.

Vạt áo cà sa thấp thoáng trước mắt, trái tim tôi đập cuồng loạn. Bóng dáng cao gầy ấy đang đỡ lấy Pusyse­da, dưới ánh đèn mờ ảo, khuôn mặt đẹp như tạc tượng vẫn rõ nét, đôi mắt thăm thẳm u buồn, chăm chú quan sát tôi.

Như bị ai đó điểm huyệt, tôi ngẩn ngơ không biết phải nói gì. Mới hai ngày mà chàng đã gầy rộc đi trông thấy.

- Ngải Tình, ta đưa cậu ấy về rồi đây.

Pusyse­da mở mắt, lẩm bẩm câu gì không rõ.

Chúng tôi bất giác giật mình, Ra­ji­va vất vả dìu Pusyse­da vào trong lán và đặt cậu ta nằm lên tấm đệm trải tạm. Nhìn quanh một lượt, cho Mễ Nhi lui ra nghỉ ngơi.

- Anh nghe đây, mười một năm trước, tôi chấp nhận nhường cô ấy cho anh vì anh yêu cô ấy sâu đậm và bền bỉ hơn tôi.

Pusyse­da không chịu nằm yên, miệng làu bàu không ngớt, đòi đứng lên, Ra­ji­va phải ra sức giữ chặt cậu ta lại. Cậu ta túm lấy áo cà sa của Ra­ji­va, gào lên:

- Cô ấy không nên yêu anh, vì anh mà cô ấy bất hạnh thế này đấy! Nhiều đêm mất ngủ, hôm nay còn bị ngất đi.

Ra­ji­va dịu dàng nhìn em trai, cất giọng nhỏ nhẹ:

- Hôm nay cậu đã vất vả rồi, mau ngủ đi!

- Tôi đã hứa với cô ấy sẽ lấy một người phụ nữ xứng đáng và sống thật hạnh phúc. Tôi đã giữ lời, còn cô ấy thì sao?

Pusyse­da đổ mình xuống gối, nhưng bàn tay vẫn nắm chặt áo cà sa của Ra­ji­va không chịu buông, ánh mắt lờ đờ:

- Cô ấy yêu anh, nhưng hai người chẳng thể có kết quả. Anh không bảo vệ được cô ấy, anh chẳng làm gì được cho cô ấy cả. Lẽ ra tôi không nên bỏ cuộc…

Ra­ji­va quay lại nhìn tôi, mặc cho Pusyse­da vẫn túm chặt tay áo, chàng im lặng không nói. Nỗi buồn trong đáy mắt dâng lên tựa sóng biển, chỉ chực trào ra nhưng chàng đã cố kìm giữ trong hai vực nước sâu thăm thẳm ấy.

- Cô ấy không nên yêu anh…

Puyse­da buông tay, mắt nhắm nghiền, hơi thở phì phò, miệng vẫn lẩm bẩm vài ba tiếng gì đó không rõ ràng, rồi chìm vào giấc ngủ.

Chúng tôi ngồi đối diện, ngàn vạn lời muốn nói nhưng chỉ có thể trao nhau qua ánh mắt. Thời gi­an như lắng đọng, âm thanh như ngừng lặng, giữa trời đất này chỉ còn tôi và chàng, ước gì có thể cứ ngồi nhìn nhau như vậy cho đến ngày tận thế, không còn muộn phiền, không cần tương lai.

Không biết bao lâu sau tôi mới chợt nhớ ra và hỏi chàng:

- Vết thương của chàng sao rồi?

- Sao nàng lại ngất xỉu?

Chúng tôi cùng sững lại vì cả hai cùng đồng thanh hỏi người kia.

- Ta không sao…

- Em không sao…

Lại đồng thanh trả lời. Sự đồng điệu dù rất nhỏ nhoi ấy khiến chúng tôi lặng đi. Rồi chúng tôi lại nhìn nhau, đưa tay về phía nhau và ôm nhau vào lòng. Khoảnh khắc áp má vào ngực chàng, tôi ngỡ ngàng, nhắm mắt lại. Đã bao lâu rồi tôi không được tựa mình trong vòng tay ấm áp này? Tôi không muốn mở mắt ra nữa, tôi sợ đây chỉ là ảo ảnh. Giá như có thể cứ thế ôm nhau đến suốt kếp, tôi sẵn lòng ngả vào lòng chàng đến tận khi sông cạn đá mòn.

- Ngải Tình…

Cuối cùng, chàng là người cất tiếng xua đi không khí u trầm này trước:

- Vì sao không chịu quay về?

- Chàng bảo em về là em sẽ về sao, như thế còn gì là thể diện!

Tôi phải dùng đến chiêu bài này để né tránh chủ đề mà tôi không muốn nhắc đến ấy.

- Nhưng nàng liều mình đến đây trong khi ta không có cách gì để bảo vệ nàng…

Chàng thở dài não nề, ánh mắt dâng lên niềm trách móc, nhưng phần nhiều là nỗi bất lực.

Có một vết trầy xước bên gò má phải của chàng, vết thương đã tấy đỏ. Tôi xót xa đưa tay xoa nhẹ vết xước, gắng gượng nở một nụ cười:

- Chàng đừng quên, tuy em không phải tiên nữ, nhưng em đến từ tương lai. Dù không thể đưa chàng đi cùng, nhưng em đủ sức tự bảo vệ mình.

- Ngải Tình!

Chàng nắm lấy những ngón tay tôi đang mân mê khuôn mặt chàng, tỉ mỉ quan sát gương mặt tôi. Cảm xúc bị kìm chế khiến cho giọng nói như lạc đi:

- Ta không đi theo nàng, là vì…

- Em hiểu. Vì lý tưởng, vì sứ mệnh. Em sẽ không ép chàng phải từ bỏ, tại em quá tham lam ích kỷ, em muốn thay đổi lịch sử, muốn hai ta được ở bên nhau tự do tự tại. Tương lai của chàng, em không biết một cách tường tận, chỉ dựa vào vài dòng chữ ngắn ngủi, mơ hồ và phần nhiều là những lời đồn đoán. Bởi vậy, em muốn trốn tránh, em sợ phải đối diện với tương lai. Nhưng em đã quên rằng chàng không giống những người bình thường khác. Nếu phải từ bỏ lý tưởng và sứ mệnh, chàng sẽ không còn là chàng nữa. Bất luận những ghi chép về chàng có thể tồn tại nhiều sai sót, nhưng có một điều chắc chắn, đó là: những cuốn kinh phật chàng dịch, trải qua 1650 năm lịch sử, vẫn được lưu truyền rộng rãi. Số mệnh đã sắp bày như vậy, em sẽ thuận theo, em sẽ không chống lại ý trời nữa.

Tôi tách khỏi khuôn ngực của chàng, để được nhìn sâu vào đôi mắt thăm thẳm, hút hồn của chàng. Người đàn ông này, tôi không có cách nào bớt yêu chàng, dù chỉ một chút, vì nếu thế, hẳn là tôi sẽ không có đủ dũng khí để bất chấp tất cả đi theo chàng.

- Nhưng xin chàng đừng bao giờ nói với em những lời tuyệt tình ấy nữa. Em không sợ bất cứ điều gì, chỉ sợ phải nghe những lời đó của chàng, nó khiến em buồn vô hạn…

Chàng đưa tay đón lấy gương mặt tôi, ánh mắt chứa chan nỗi niềm ân hận và thương xót. Bờ môi run run:

- Ta xin lỗi…

- Không sao.

Tôi lắc đầu, tươi cười. Đó là cách tự bảo vệ và cân bằng trong nghịch cảnh. Dù xảy ra bất cứ chuyện gì, tôi cũng sẽ mỉm cười đối diện, dù cho nụ cười không hề có tác dụng gì trong bối cảnh hiện tại.

- Trong thời đại của em, phụ nữ có quyền tự chủ, không cần dựa vào đàn ông. Do vậy, em có chủ kiến của mình.. Dù chàng có nói gì cũng không thể ngăn được em. Dù sau này có vấp ngã vỡ đầu chảy máu, cũng là do em tự chuốc lấy, không phải lỗi của chàng. Chàng không cần phải hứa hẹn, cũng không cần phải bảo vệ em, càng không cần day dứt vì nghĩ rằng em sẽ oán trách chàng.

- Ngải Tình, nàng… Sao ta có thể vô trách nhiệm như vậy!

Chàng nổi giận, giọng nói không được kiểm soát, đột ngột vút cao. Chàng có vẻ rất xúc động, ánh mắt sáng rực. Sau một tiếng thở dài, chàng buông tôi ra, bước đi vài bước, xoay lưng về phía tôi. Bờ vai chàng khẽ rung động, ánh mắt không rời ngọn đèn dầu, chàng cất giọng trầm ấm:

- Ta nói những lời đó, đúng là vì muốn ép nàng ra đi. Ta có thể chịu đựng được mọi sự hành hạ, nhưng ta không thể để nàng phải chịu dù chỉ một chút uất ức. Nếu như người phải chịu đựng sự việc ngày hôm nay là nàng…

Chàng ngừng lại, ngẩng đầu hít một hơi thật sâu để giữ bình tĩnh. Hồi lâu, mới quay lại đối diện với tôi, ánh mắt ngập tràn nỗi bi thương, cô độc mà tôi không thể chịu nổi mỗi khi bắt gặp:

- Nàng rời xa người thân, từ bỏ cuộc sống tương lai tốt đẹp, để đến bên ta, ta hiểu nàng đã phải hy sinh những gì. Nhưng, ta lại là kẻ vô dụng…

Tôi định cất lời, nhưng chàng đã ngăn lại:

- Pusyse­da nói đúng, nếu ta không bảo vệ được nàng, thì phải để nàng ra đi, để nàng tự bảo vệ mình.

Đã thề với lòng mình sẽ không rơi nước mắt, nhưng sau khi nghe chàng nói, tôi đã không giữ được lời thề. Vì muốn ép tôi ra đi, chàng mới nói những lời tuyệt tình đó, điều này có ý nghĩa với tôi hơn tất thảy. Tôi lại gần chàng, đưa tay lên vuốt ve bờ vai gầy guộc của chàng, dịu giọng nói:

- Ra­ji­va, chàng không như vậy…

Tôi gắng gượng nở nụ cười, để khỏa lấp đi những giọt nước mắt:

- Chàng là người đàn ông nghị lực và kiên cường nhất mà em từng gặp. Em sẽ luôn ở bên chàng, đến khi nào chàng không cần em nữa mới thôi.

- Sao ta có thể không cần nàng?

Chưa từng thấy chàng hốt hoảng như thế bao giờ, chàng kéo tôi vào lòng, xiết chặt, vùi đầu vào mái tóc tôi:

- Sau khi nàng đi, ta chẳng thể nào chợp mắt. Suốt hai ngày qua, lúc nào ta cũng tự hỏi: Rốt cuộc tình cảm ta dành cho nàng là gì? Hơn hai mươi năm qua, hình bóng nàng tồn tại trong niềm thương nhớ của ta bên cạnh hình ảnh của Phật tổ. Nếu ta không phá giới, nỗi niềm này chỉ Phật tổ mới thấu hiểu. Phật tổ từ bi, cho phép ta mỗi ngày được nhớ nàng một khắc. Cả đời được thương nhớ nàng như vậy, ta cũng đã mãn nguyện lắm rồi!

Chàng rời bờ vai tôi, nhìn sâu vào mắt tôi, bàn tay với những ngón dài, khẳng khiu lướt trên gương mặt tôi, hai hàng lệ tuôn dài trên gò má, đọng lại nơi chiếc cằm nhọn lún phún râu:

- Sau khi phá giới, ta đã chẳng thể nào xóa bỏ nỗi nhớ và dục vọng. Trước kia chỉ cần nhớ nàng là đủ, vì ta chưa từng có được nàng. Nhưng giờ đây, khi đã được nếm trải niềm hoan lạc tột cùng của cõi nhân gi­an, ta mới biết mình tham lam nhường nào. Không chỉ nhớ nàng, ta muốn có cả trái tim và thân thể nàng. Ham muốn ấy khiến ta run sợ. Bởi vì kể từ khoảnh khắc ấy, vị trí của nàng trong trái tim ta đã trở nên quan trọng hơn cả Phật tổ. Sao có thể như vậy được! Ta biết phải chuộc tội với Phật tổ thế nào đây? Ta đã cố tìm ra một lí do để an ủi bản thân: Lí do đó là, nàng là tiên nữ. Nàng là đệ tử do Phật tổ cử đến, nên Người sẽ không trách tội ta… Sau khi biết được thân thế thật sự của nàng, lẽ ra ta phải nhận tội với Phật tổ. Nhưng điều đầu tiên ta nghĩ tới lại là, vậy ra nàng không hề có pháp lực, nếu đi theo ta, nàng sẽ phải chịu khổ. Những lời nói với nàng khi ấy là những lời nói dối đầu tiên trong đời ta, nó khiến lòng ta đau như cắt. Trong hai ngày vắng nàng, ta chẳng màng tụng niệm. Chỉ biết nằm dài trên chiếc giường từng đêm ngày quấn quít bên nàng, chẳng thiết ăn uống. Thậm chí ta cảm thấy hối hận vì đã để nàng ra đi. Đó là lần đầu tiên trong đời, ta trải qua nỗi đau khổ, dày vò tâm can nhường ấy.

Chả trách chỉ hai ngày ngắn ngủi mà chàng trở nên hốc hác như vậy, khóe mắt còn vằn lên những tia đỏ. Thì ra, nỗi đau khổ, dày vò mà chàng phải chịu đựng còn nặng nề hơn tôi nhiều lần. Tôi nén nỗi xúc động, khẽ gọi:

- Ra­ji­va…

Chàng khẽ rời khỏi tôi, vén tay áo trái, để lộ chiếc khăn lụa Ata­la quấn trên cánh tay, màu sắc rực rỡ của chiếc khăn nổi bật trên nền da bánh mật của chàng, đẹp một cách lạ kỳ. Vẻ mặt trang trọng, chàng chậm rãi cất tiếng:

- Khi Pusyse­da đưa nó cho ta, ta biết nàng đang ở gần đây và nàng đang thầm động viên ta hãy kiên cường chịu đựng. Rốt cuộc, ta đã hiểu ra rằng: Nàng từ đâu đến, nàng là ai, những điều đó đều không quan trọng. Quan trọng là, nàng đã đến bên ta, ban cho ta tình yêu mà cả đời này ta không dám mơ tưởng. Chỉ thế thôi đã đủ rồi… Ngải Tình, ta không muốn giấu giếm tình cảm ta dành cho nàng thêm nữa, ta muốn thành khẩn thưa với Phật tổ rằng: Ta yêu nàng, yêu như một người đàn ông và tình yêu đó đã trải suốt hơn hai mươi năm. Không phải vì nàng là tiên nữ, không phải vì lai lịch kì lạ của nàng. Mà vì nàng là Ngải Tình, là cô gái có nụ cười ngây ngô nhưng lúc nào cũng kiên cường, quả cảm, mà từ thuở thiếu thời, hình bóng cô gái ấy đã nhẹ nhàng bước vào trái tim ta.

- Ra­ji­va…

Tôi mỉm cười nhìn chàng, nhưng nước mắt tuôn rơi, những giọt nước mắt tựa những cánh hoa sen đậu trên khăn áo. Đây là lần đầu tiên chàng nói với tôi, chàng yêu tôi. Những lời bộc bạch như vậy, với chàng, khó khăn biết chừng nào. Sự thổ lộ ấy cảm động hơn tất thảy những lời đường mật trên thế gi­an này, khiến trái tim tôi ngây ngất.

- Bởi vậy, ta sẽ không tiếp tục trốn tránh tình cảm ta dành cho nàng, cũng không kiếm tìm những lý do nực cười nữa. Ta luôn mong nàng sẽ tránh xa mọi phiền toái, khổ sở, vậy nhưng nàng vẫn chủ động dấn thân. Ngải Tình, ta không muốn trốn tránh sứ mệnh của mình, nhưng ta cũng có lòng ích kỷ. Nàng đã đến thì ta sẽ không để nàng ra đi lần nữa. Có điều, bản thân ta còn chưa biết ngày mai sẽ ra sao, ta chẳng thể hứa hẹn điều gì với nàng. Con đường phía trước còn nhiều gi­an nan, liệu nàng có muốn cùng ta kiên trì đi tiếp?

Tôi hít một hơi thật sâu, ổn định cảm xúc, nở một nụ cười thật tươi:

- Cách thời đại của chàng vài trăm năm sau có hai vị cao tăng người Hán tên Hàn Sơn và Thập Đắc. Giữa họ từng có một cuộc đối thoại như sau: Hàn Sơn hỏi Thập Đắc: Thế gi­an có kẻ phỉ báng tôi, ức hiếp tôi, sỉ nhục tôi, cười nhạo tôi, coi thường tôi, xử tệ với tôi, lừa dối tôi, thì tôi phải xử sự ra sao? Thập Đắc đáp rằng: Chỉ cần nhịn họ, nhường họ, tránh họ, để mặc họ, kính họ, không để ý đến họ, sau vài năm, hãy đến gặp họ.

Tôi nắm lấy tay chàng, truyền cho chàng lòng quyết tâm và niềm hy vọng:

- Chúng ta không cần phải lo lắng ngày mai sẽ ra sao, cũng không cần những lời hứa hẹn sáo rỗng, hãy quan tâm đến việc, đêm nay ngủ có ngon hay không. Chúng ta phải nuôi dưỡng tinh thần thật đầy đủ để có thể ứng phó với ngày mai. Lịch sử sẽ nhanh chóng chứng minh, Lữ Quang chỉ là một tên hề, chàng mới là bậc vĩ nhân lưu danh thiên cổ.

- Ngải Tình, dù người đưa nàng đến bên ta có mục đích gì, ta đều cần phải cảm ơn người đó.

Chàng cúi xuống hôn tôi, làn môi của chàng như thiêu đốt đôi mắt, hàng mi và gò má tôi, chạm đến đâu cũng để lại những làn hơi nóng bỏng. Đó là nụ hôn khi cả hai chúng tôi đã trút bỏ mọi vướng bận, để có thể thản nhiên với mọi sóng gió.

- Vậy chúng ta sẽ cùng nhau đối mặt với tất cả. Chúng ta phải ăn đủ ngủ đủ, thì ngày mai mới có sức để chiến đấu.

Tiếng ậm ừ của Pusyse­da đột ngột vang lên, khiến hai chúng tôi hoảng hốt, vội tách nhau ra. Tôi đã quên hẳn sự có mặt của cậu ta trong lán trại này. Định thần lại, thấy cậu ta vẫn đang say ngủ, hơi thở phì phò. Chúng tôi nhìn nhau, bật cười, đột nhiên nhớ ra, tôi hỏi:

- Sao Pusyse­da lại uống say bí tỉ như vậy?

- Lữ Quang ép ta phá tửu giới, cậu ấy chắn trước mặt ta, uống hết số rượu có trên bàn tiệc, đức vua phải đứng ra can ngăn, ông ta mới chịu buông tha.

Trong tôi trỗi lên cảm giác ấm lòng, sau đó là đau lòng. Cậu ấy…

- Tuy chưa bao giờ nói ra, nhưng trong thâm tâm, cậu ấy rất thương chàng

- Ta biết…

Ra­ji­va kéo chăn đắp cho em trai, ánh mắt chàng nhìn Pusyse­da chứa chan tình yêu thương. Chàng chăm chú ngắm Pusyse­da chìm sâu trong giấc ngủ, khẽ thở dài:

- Ta cũng vậy…

Chàng đứng lên, xiết chặt lấy tôi:

- Tự nhiên ta thấy buồn ngủ quá, như thể lâu lắm rồi chưa được ngon giấc.

Chàng buông tôi ra, thì thào:

- Ta về lán của mình đây…

Tôi ngẩng đầu, hốt hoảng:

- Chàng… chàng để em ở lại đây với cậu ấy ư?

- Nàng đừng quên bây giờ nàng là phu nhân của cậu ấy. Ngoài kia đều là tai mắt của Lữ Quang, ta là huynh trưởng, ở lại trong lán của em trai quá lâu, sẽ khiến kẻ khác nghi ngờ.

- Nhưng em… cậu ấy…

- Ta tin tưởng em trai mình…

Chàng ngừng lại một lát, rồi tiếp tục dặn dò:

- Nàng nghỉ sớm đi, hãy ngủ thật ngon. Ngày mai, chúng ta phải ứng phó với rất nhiều gi­an nan.

- Ra­ji­va!

Tôi giữ chàng lại:

- Vết thương trên người chàng, còn cả vết thương trên mặt nữa, để em bôi thuốc rồi chàng hãy về.

Chàng mỉm cười, lấy ra lọ thuốc tôi đưa cho Pusyse­da ra, lắc lắc trước mặt:

- Ta đã ở lại quá lâu, phải về thôi. Nàng yên tâm, về lán ta sẽ bôi thuốc.

- Chàng nhớ phải bôi thuốc đó…

Như đột ngột nhớ ra chuyện gì, chàng dừng bước. Tháo chuỗi hạt mã não trên cánh tay trái, đeo vào tay tôi. Chuỗi hạt quá dài, phải quấn thành hai vòng. Chàng đóng chốt, nhìn tôi mỉm cười:

- Sau này sẽ làm thành hai chiếc, hai ta mỗi người giữ một chiếc.

Tôi gật đầu, chợt nhận thấy vẻ bí hiểm, ranh mãnh xuất hiện trên gương mặt chàng. Chàng cúi xuống hôn nhẹ lên môi tôi. Chưa kịp có phản ứng gì thì chàng đã đi xa. Còn lại mình tôi ngẩn ngơ đắm chìm trong dư vị ngọt ngào của xúc cảm yêu đương, tôi khẽ đưa tay lên môi nở nụ cười ngây ngô…

Dù Pusyse­da đã mê man trong giấc ngủ sâu, tôi vẫn trùm khăn che mặt, đến khu lán của người hầu, vào ngủ cùng Mễ Nhi. Không phải vì e ngại Pusyse­da, mà vì tôi muốn giữ gìn cho người vợ tốt bụng của cậu ấy. Mễ Nhi là người hầu thân cận của Hiểu Huyên, tuy nói là đi theo chăm sóc tôi, nhưng biết đâu còn dụng ý gì khác. Tuy nhiên, tôi rất cảm kích tấm lòng độ lượng của cô ấy, khi cô ấy đồng ý để chồng mình xa nhà cùng người phụ nữ khác và lại đóng giả là cô ấy. Thế nên, tôi cũng phải hành xử sao cho thật quang minh chính đại, để cô ấy yên lòng.

Buổi tối hôm đó tôi đã ngủ rất say, như thể lâu lắm rồi chưa được một giấc nào ngon lành như vậy. Pusyse­da nhiều lần bừng tỉnh trong đêm, nôn mửa trong lán, đều do một mình Mễ Nhi phục dịch, hôm sau cô ấy kể lại tôi mới biết. Trước khi chìm vào giấc ngủ mê mệt, tôi chỉ tâm niệm một điều duy nhất: Phải nuôi dưỡng tinh thần thật đầy đủ, để ngày mai tiếp tục chiến đấu!

Chương 52: Bánh xe số phận

Lữ Quang dâng hương, lễ phật, rồi đưa mắt quan sát đại diện. Theo lệnh của ông ta, tất cả sư sãi trong chùa đều đã được tập hợp đông đủ, cả một biển người đứng chen nhau trong đại điện, ngay cả các ngóc ngách cũng đã chật kín. Ông ta gật đầu tỏ ý hài lòng, gọi Pusyse­da tới.

Tôi trùm khăn che mặt đứng sang một bên cùng đám đông gia quyến. Có người muốn bắt chuyện nhưng tôi vờ như không hiểu tiếng Tochari ậm ừ đáp lễ. Ra­ji­va ở vị trí dẫn đầu, vầng trán tuy thoáng tiều tụy, nhưng vẻ mặt vẫn điềm tĩnh, tự tại.

Lữ Quang đằng hắng vài tiếng, đại điện lập tức yên lặng.

- Ta phụng mệnh Thiên Vương Đại Tần, chinh phạt vua Khâu Từ - Bạch Thuần tàn bạo, cũng là thuận theo ý muốn dân. Lữ Quang ta được trời giúp sức, lại nhờ uy danh của Thiên Vương, đã dẹp tan quân giặc. Thiên Vương Đại Tần phong cho ta làm Tần kị thường thị, tướng quân An Tây, Hiệu úy Tây vực, gi­ao cho ta trọng trách thống nhất Tây vực. Vì muốn cảm tạ ơn vua, hôm nay, ta đến chùa Cakra này dâng hương lễ phật, cầu cho Khâu Từ quanh năm được mùa màng bội thu, quốc thái dân an. Cầu chúc Thiên Vương thiên thu vạn tuế!

Lữ Quang ngừng lại, quay sang nói với Pusyse­da:

- Xin quốc sư hãy chuyển dịch những lời của ta sang tiếng Tochari.

Pusyse­da y lệnh.

Lữ Quang tiếp tục cất giọng oang oang:

- Ta vào thành đã được gần hai tháng. Đến nay Khâu Từ đã yên ổn trở lại, thực là điều may mắn! Tân vương Bạch Chấn không quản gi­an khổ, ngày đêm nhọc lòng, công lao to lớn.

Ông ta hướng về Bạch Chấn, khiêm cung một cách giả tạo, Bạch Chấn vội vã đáp lễ.

- Đến Khâu Từ, ta còn nhận được một vinh dự lớn lao. Đó là được nghe vị hòa thượng danh chấn Tây vực, thông tự, từ bi – pháp sư Ku­mara­ji­va giảng kinh thuyết pháp, ta như kẻ mê muội được ngài vén mây đen cho thấy ánh sáng mặt trời. Ta bội phần cảm phục, muốn tỏ lòng biết ơn, thế nhưng pháp sư kiên quyết không nhận bạc vàng, không màng quan tước, khiến ta vô cùng khó nghĩ.

Lữ Quang ngừng lại, cho Pusyse­da dịch hết, mới tiếp tục:

- Danh tiếng của pháp sư lan truyền khắp nơi, tuổi ngài còn trẻ mà đã đạt đến trình độ tu hành thật đáng nể trọng. Ta thành tâm muốn trợ giúp công việc truyền đạo của ngài, nên đã dâng mỹ nữ tặng ngài. Pháp sư quả nhiên là bậc cao nhân, ngài không thấy điều đó có gì đáng ngại, đã hoan hỉ đón nhận.

Vẻ mặt Pysyse­da hoàn toàn biến sắc, cậu ta quắc mắt, ném cái nhìn giận dữ về phía Lữ Quang. Những người nghe hiểu tiếng Hán trong đám đông sư tăng đã chụm đầu lại bàn tán xôn xao. Tôi liếc nhìn Ra­ji­va, mắt chàng khép hờ, nét mặt bình thản. Vẫn là phong thái trầm tĩnh, điềm nhiên, thoát tục ấy, nổi bật giữa muôn người. Thái độ ấy của chàng như muốn tuyên bố rằng, dù Lữ Quang có nói gì, chàng cũng sẽ ứng đối bằng sự bình tĩnh và ôn hòa.

- Những lời vừa rồi của Lữ tướng quân có nhiều chỗ không đúng.

Pusyse­da gằn giọng giận dữ:

- Pháp sư phá giới là do tướng quân ép buộc. Ngài đã ép pháp sư uống rượu và gi­am pháp sư trong mật thất.

Lữ Quang nhếch miệng cười, nheo mắt nhìn Ra­ja­va với tất cả vẻ ngang ngược:

- Thế nhưng một tháng trời ngài đã cùng mỹ nữ tận hưởng vinh hoa phú quý trong cung, không hề bước chân ra khỏi cửa. Đó là ý nguyện của pháp sư, đâu phải do ta ép buộc.

- Đó là vì tướng quân gi­am lỏng…

- Pusyse­da!

Ra­ja­va lên tiếng ngắt lời Pusyse­da, tuy nét mặt chàng thoáng chút nhợt nhạt, nhưng giọng nói vẫn điềm đạm, từ tốn:

- Ta đã phá giới, đó là sự thật không cần che giấu.

Chàng quay lại đối diện với tất cả mọi người, đôi mắt trong suốt nhìn khắp lượt chúng tăng, những tiếng ồn ào lập tức biến mất, đại điện trở nên yên ắng lạ thường. Ai nấy đều ngước nhìn chàng với vẻ nghi hoặc. Ra­ji­va mệt mỏi khép mắt, nỗi bi ai dâng lên khi chàng chậm rãi cất tiếng bằng ngôn ngữ Tochari:

- Sự thật là ta đã phá tửu giới và sắc giới.

Đại điện bỗng chốc trở nên ồn ào, náo loạn, ái nấy đều nhìn chàng bằng ánh mắt khó tin xen lẫn nỗi kinh ngạc và cả sự thất vọng. Có người cao giọng bức xúc:

- Thưa thầy, vì sao lại có chuyện như vậy?

Có người bật khóc rưng rức. Bị kích động quá mức, một hòa thượng trẻ tuổi đã chỉ thẳng tay vào Ra­ji­va, gào lên:

- Uổng công ta tôn ông làm thầy! Bậc cao tăng như ông lại gây ra những chuyện như vậy, chốn Phật môn sao có thể chấp nhận người như ông!

Từ lâu, đại pháp sư danh tiếng lẫy lừng Tây vực - Ku­mara­ji­va đã trở thành người cha tinh thần của các nhà sư trẻ này. Giờ đây, hình tượng cao quý, thánh khiết ấy đã nhuốm một vết nhơ chẳng thể tẩy xóa được, thần tượng trong lòng họ bỗng chốc sụp đổ. Tôi có thể thấu hiểu nỗi bàng hoàng và tâm trạng khó chấp nhận sự thực này của họ, nhưng, họ đâu biết, phải thừa nhận điều ấy trước mặt chúng tăng như vậy, Ra­ji­va đã phải gắng gượng và chịu đựng nhường nào! Tôi đau đớn nhìn chàng, nhưng nét mặt bình thản của chàng không hề biến đổi. Tôi cảm nhận được ánh mắt chàng lướt nhẹ về phía mình, chàng khẽ chạm vào cánh tay trái, mảnh vải hiện ra dưới lớp áo cà sa.

Chàng đang an ủi tôi! Chiếc khăn Ata­la quấn trên cánh tay trái của chàng là cách chàng muốn truyền tin đến tôi, khích lệ tôi. Tôi khẽ gật đầu, lặng lẽ đưa cánh tay lên vờ vuốt nhẹ mái tóc, để lộ chuỗi hạt mã não dưới tay áo. Chàng nhận được tín hiệu từ phía tôi, khóe miệng dường như thấp thoáng một nụ cười, nhưng đã khép lại rất nhanh.

- Pháp sư dũng cảm thừa nhận, thật đáng khen ngợi!

Lữ Quang vỗ tay bôm bốp, cười ha hả nhìn đám đông, vẻ hài lòng.

- Ta vốn định đưa cô gái ngày đêm quấn quýt bên pháp sư suốt một tháng trời đến chầu lễ Phật cúng, nhưng không biết pháp sư làm cách nào khiến cô gái bỏ trốn mất dạng.

Đây chắc chắn là âm mưu của Lữ Quang, ông ta muốn Ra­ji­va không thể ngẩng đầu trước các hòa thượng. Ra­ji­va địa vị cao quý ngày nào, giờ đây sẽ chẳng thể thuyết phục được ai tin theo. Tôi giận run người, ông ta còn muốn lợi dụng tôi làm bằng chứng để vạch tội phá giới của Ra­ji­va! Nếu không bỏ trốn, lúc này có thể tôi sẽ bị bêu ra trước đám đông, điều đó sẽ khiến Ra­ji­va đau đớn biết bao! Phải chăng linh cảm được việc này sẽ xảy ra, nên Ra­ji­va mới kiên quyết ép tôi ra đi, thậm chí bằng cả những lời tuyệt tình lạnh lùng nhất ấy. Còn tôi, chỉ nghĩ đến những tổn thương cá nhân và xúc cảm hẹp hòi của phụ nữ, mà không biết rằng nỗi dằn vặt, lo lắng chất chứa trong lòng chàng còn nặng nề hơn tôi gấp bội.

Ra­ji­va đã đúng, chàng không thể bỏ trốn! không phải vì tôi và chàng chẳng thể nào thay đổi được lịch sử, mà quan trọng hơn là vì, Lữ Quang rất muốn Ra­ji­va bỏ trốn. Nếu thế, ông ta sẽ có cớ để phá hoại danh dự của chàng một cách triệt để, khiến chàng không còn chốn dung thân trên cõi đời này nữa. Tôi không muốn phải chứng kiến cảnh Ra­ji­va bị hạ nhục, nhưng tôi chỉ biết suy xét sự việc bằng cách nghĩ của con người hiện đại. Trong trường hợp cấp bách, tôi vẫn còn công cụ để tự bảo vệ, mặc áo chống phóng xạ, khởi động đồng hồ vượt thời gi­an, chỉ trong tích tắc là có thể bình an trở về thế kỉ XXI tươi đẹp của tôi. Nhưng còn chàng thì sao? Chàng không thể xa rời thời đại của mình, nhưng chàng sẽ phải tồn tại ra sao giữa đám đông đang lăm le những mũi nhọn chỉ trích về phía chàng? Tôi chưa từng nghĩ tới điều này. Tôi luôn cho rằng mình nhiều tri thức hơn con người thời cổ đại, nhưng sự thực tôi đã đánh giá bản thân quá cao. Những tri thức đó không phải do tôi sáng tạo ra mà do thời đại trang bị cho tôi. Khi phải đối diện với thực tế khó khăn, tối vẫn chỉ là một cô gái suy nghĩ còn nông cạn.

Tôi ngước nhìn chàng, đứng giữa hàng trăm con người, chàng vẫn lẻ loi, đơn độc. Lòng bỗng ngậm ngùi, chua xót: Xin lỗi Ra­ji­va! Em sẽ không nông nổi, không ích kỉ như trước đây nữa. Em sẽ thay đổi lối suy nghĩ hẹp hòi của con người hiện đại trong em, sẽ đứng trên lập trường của chàng để nhận định và đánh giá sự việc. Tình yêu của chàng giúp em trưởng thành hơn, bao dung và thấu hiểu hơn. Cảm ơn chàng!

Các nhà sư hiểu tiếng Hán đang quay sang người bên cạnh thì thào, có lẽ là đang dịch cho người kia hiểu lời Lữ Quang vừa nói. Nỗi giận dữ của Pusyse­da đã bùng phát thành một chuỗi dài những âm thanh sang sảng, rõ ràng từng tiếng một, không phải ngôn ngữ Tochara mà là tiếng Phạn. Chúng tăng bỗng nhiên trở nên thảng thốt, bàng hoàng, những tiếng bàn tán lại rộn lên không ngớt. Không khí nặng nề, bi phẫn lúc trước dần tan biến. Vẻ điềm tĩnh của Ra­ji­va vẫn không hề thay đổi, nhưng ánh mắt chàng lặng lẽ đưa sang phía Pusyse­da một chút cảm kích xen lẫn một chút trách móc.

- Quốc sư đang nói gì vậy? Sao không nói bằng tiếng Hán để ta cùng nghe.

Khẩu khí của Lữ Quang cho thấy ông ta không hề vui vẻ gì.

- Tôi phụng mệnh tướng quân, giúp ngài phiên dịch thôi mà.

Pusyse­da thản nhiên nghiêng mình trước Lữ Quang:

- Nhân tiện, cũng cho các vị hòa thượng ở đây được biết, cô gái ấy có thân phận cao quý ra sao. Đó chính là tiên nữ do Phật tổ cử đến để cứu pháp sư khỏi kiếp nạn vừa qua.

Lữ Quang sa sầm mặt mày, cười hiểm ác:

- Không ngờ quốc sư lại suy nghĩ nông cạn như vậy! Vì muốn bảo vệ anh trai mình, dám bịa đặt những chuyện hoang đường như thế giữa chốn cửa Phật. Khi quốc sư đưa cô gái đến gặp ta, sao ngài không cho ta biết về xuất thân của cô ta?

- Cô gái ấy đột nhiên xuất hiện, khi đó, một giọng nói chợt vang lên bên tai tôi, nói rằng hãy mau đưa cô gái này đến cứu pháp sư. Tôi nào dám đoán bừa chỉ ý Phật tổ. Nhưng, nếu tướng quân cho rằng tôi dựng chuyện, thì…

Pusyse­da đưa mắt đảo quanh một lượt đám đông phía trước, rồi mới quay lại nhìn Lữ Quang, ánh mắt sắc lạnh, không chút sợ sệt:

- Xin tướng quân giải thích, vì sao một cô gái chân yếu tay mềm, không một tấc sắt trong tay lại có thể đột nhiên biến mất giữa chốn hoàng cung vốn được canh giữ cẩn mật như vậy?

- Chuyện này…

Lữ Quang cứng họng, không biết nói gì, đành quay lại trừng mắt trút giận lên Lữ Soạn, khiến hắn sợ hãi cúi đầu.

Tiếng bàn tán ngày càng trở nên náo động trong đại điện khiến Lữ Quang nổi giận, điều đó cho thấy, những lời của Pusyse­da đã phát huy hiệu quả. Đôi mắt tà dâm gi­an xảo của Lữ Quang đảo liên hồi, ông ta ngẩng đầu, hẳn là lại vừa nghĩ ra một âm mưu mới, ông ta cười nhạt:

- Pháp sư phá giới tức là vẫn còn lưu luyến hồng trần. Nếu vậy, hãy để ta giúp pháp sư sắp xếp việc hôn sự. Ý ngài thế nào?

Các hòa thượng hiểu tiếng Hán thảng thốt gật đầu, tiếp theo đó lại là những lời bàn tán rầm rộ.

- Vì sao tướng quân nhất thiết phải gây khó dễ cho ta? Chuyện này tuyệt đối không thể được!

Giọng nói sắc lạnh của Ra­ji­va cho thấy chàng chẳng thể nhẫn nhịn thêm nữa.

- Pháp sư không nên khiêm tốn. Cha của ngài, cũng hoàn tục, thành thân, sinh hạ ngài và quốc sư đấy thôi!

Lữ Quang suy nghĩ một lát, gật gù nói tiếp:

- Thế này đi, thân phụ ngài cưới công chúa Khâu Từ, pháp sư cũng là bậc danh sư đức cao vọng trọng, ta sẽ không khiên pháp sư phải chịu thiệt thòi.

Lữ Quang quay sang đức vua Bạch Chấn, nãy giờ chẳng dám ho he một tiếng, hỏi:

- Chẳng hay nhà vua có vị còn vị công chúa nào chưa thành thân không?

- Ta…

Bị bất nhờ với câu hỏi đột ngột của Lữ Quang, Bạch Chấn ấp úng đáp:

- Các vị công chúa của ta đều đã thành thân.

Ánh mắt mờ đục của nhà vua có ý né tránh, phải gắng gượng lắm mới thốt lên lời khuyên can:

- Xin tướng quân đừng o ép pháp sư nữa.

- Hả? Nghe nói vẫn còn một vị công chúa kia mà, tên là Ak­saya­mati, lẽ nào đức vua không muốn gả cô ấy cho pháp sư?

Lữ Quang cất tiếng cười nham hiểm, đưa mắt quét nhanh một lượt đám mỹ nữ Khâu Từ của ông ta:

- Nếu thế, ta đành chọn trong đám thị nữ một người bất kì để gả cho Pháp sư vậy!

Pusyse­da mặt mày biến sắc, cúi xuống nhỏ to với Bạch Chấn, sau đó quay sang cao giọng với Lữ Quang:

- Lữ tướng quân nhắc tôi mới nhớ, đức vua của chúng tôi vẫn còn một cô công chúa chưa gả chồng, tên gọi Akieye­moti.

- Thế thì tốt quá!

Lữ Quang cất tiếng cười hoan hỉ hỏi:

- Vậy công chúa đang ở đâu?

Bạch Chấn hoảng sợ, định đứng lên phân bua, nhưng Pusyse­da đã kịp giữ lại và ra hiệu cho nhà vua không nên lo lắng, rồi quay sang đáp lời Lữ Quang:

- Công chúa đang ở thành Khâu Từ.

- Vậy hãy mau đi đón, hôm nay đi ngày mai về. Tốt lắm, ngày kia, ta đích thân tổ chức một hôn lễ thật long trọng cho pháp sư tại chùa Cakra này.

Lữ Quang đưa mắt quan sát khắp lượt chúng tăng, cười đắc ý:

- Trước nay chưa từng có chuyện hôn lễ được cử hành trong đền chùa, đúng không? Pháp sư là người đầu tiên phá lệ. Hôm đó, các nhà sư hãy đến tham gia hôm lễ của sư phụ các vị, hôn lễ phải tổ chức thật náo nhiệt mới được!

- Xin thứ lỗi, tôi không thể theo ý Lữ tướng quân.

Ra­ji­va mặt mày tái xanh, hai tay chắp lại, gắng gượng kìm nén nỗi tức giận:

- Tôi xuất gia từ nhỏ, đã nguyện cả đời phụng sự Đức Phật, không thể đắc tội với công chúa.

- Pháp sư sai rồi!

Lữ Quang cười thâm độc:

- Tình yêu nam nữ là niềm vui lớn nhất trong đời. Phụ thân ngài có thể hoàn tục lấy vợ, pháp sư cũng có thể học theo cha, việc gì phải lần nữa khước từ như thế?

- Xin tướng quân đừng nhọc lòng, tôi quyết không chấp nhận chuyện này. Nếu tướng quân vẫn cố ép buộc, kể từ hôm nay tôi sẽ bắt đầu tuyệt thực, cho đến khi nhắm mắt xuôi tay.

Bất chấp nộ khí hiểm hiện trên gương mặt của Lữ Quang, Ra­ji­va dõng dạc tuyên bố quyết tâm của mình, sau đó hướng về chúng tăng, truyền đạt lại một lượt bằng tiếng Tochari rồi ngồi xuống, nhắm mắt tụng kinh trong tư thế thiền.

Tất cả các nhà sư đều tỏ ra bất bình, họ đồng loạt ngồi xuống thiền định, khắp trong và ngoài điện lúc này đã không còn dù chỉ một chỗ trống. Một lát sau, tiếng tụng niệm lan dần và lớn dần, bắt đầu từ Ra­ji­va truyền đến khắp đại điện rộng lớn. Tiếng tụng niệm càng lúc càng đều đặn, nhịp nhàng và vang rộng, khiến Lữ Quang gần như mất hết thể diện.

Lữ Quang trừng mắt nhìn Ra­ji­va dầy hằn học, tia nhìn hung hiểm. Tôi lặng lẽ lên chốt chiếc súng gây mê giấu trong tay áo, khoảng cách vừa đủ để thuốc phát huy tác dụng. Nếu ông ta gây bất lợi cho Ra­ji­va, tôi sẽ hạ gục ông ta rồi tính tiếp.

Gương mặt Lữ Soạn trở nên bí hiểm, hắn thì thầm vào tai cha vài câu gì đó. Lữ Quang gật đầu. Lữ Soạn hô một tiếng, vài tên thuộc hạ lập tức rời khỏi vị trí. Tôi đang băn khoăn không biết Lữ Quang có âm mưu gì, thì thấy ông ta cười mỉa, nói với Ra­ji­va đang miệt mài tụng niệm:

- Pháp sư nhất quyết không thuận theo ý của ta, vậy đừng trách ta vô tình.

Đang chuẩn bị rút súng gây mê, chợt nghe thấy những tiếng đổ vỡ ầm ầm phía sau. Quay lại, tôi thấy Lữ Soạn và bọn thuộc hạ đang ra sức đập phá bức tượng Phật tuyệt đẹp trên đại điện. Tượng Phật bị xê dịch khỏi bệ đỡ, đổ rầm rầm xuống đất, những mảnh vỡ vương vãi trên nền gạch.

- Phật tổ!

Các sư tăng gào khóc thảm thiết, những cánh tay bất lực chìa về phía tượng Phật, họ phủ phục trên mặt đất, tiếng khóc than vang đông đại điện.

- Lữ tướng quân, phá hủy tượng Phật sẽ bị quả báo, tạo nghiệt sẽ bị đẩy xuống địa ngục! Xin tướng quân suy xét!

Ra­ji­va ra sức kìm chế giọng nói đã có phần run rẩy, bão tố xoay vần trên gương mặt chàng.

- Thế ư?

Lữ Quang nghếch mặt lên tỏ vẻ khinh miệt, giọng đầy mỉa mai:

- Ta chẳng tin gì mấy thứ chuyện nghiệp báo. Nếu quả thật Đức Phật của các người hiển linh, hãy giáng tội xuống cho ta xem thử.

Đức vua Bạch Chấn mặt mày tái nhợt vì sợ hãi, cất giọng run rẩy, khuyên can:

- Lữ tướng quân, đây là nơi cửa Phật, xin ngài hãy ngừng tay!

- Đừng khuyên can ta, nhà vua đi mà khuyên can cháu của ngài ấy. Chỉ cần pháp sư gật đầu, ta sẽ lập tức ngừng tay.

Lữ Quang ra hiệu cho Lữ Soạn, để hắn cùng mấy đứa cháu khác cùa Lữ Quang là Lữ Long, Lữ Siêu tiếp tục khiêu khích, chúng hả hê nhảy từ hương án này sang hương án khác. Một bức tượng Phật A Di Đà và Phật Dược Sư nữa đã bị kéo đổ, những đám bụi đất bay mù mịt khắp đại điện. Lữ Quang xấc xược cười giữa tiếng kêu khóc thảm thiết của các sư tăng:

- Ta muốn xem xem, ta phá tượng Phật, các người dám làm gì được ta!

Ra­ji­va kìm nén sự phẫn nộ, cất giọng sang sảng nói với chúng tăng bằng tiếng Phạn, tiếng khóc tắt dần. Các nhà sư tiếp tục ngồi thiền tụng kinh. Làn sóng tụng niệm ngày một dâng ạnh mẽ, vang động đến mọi ngóc ngách trong đại điện. Âm thanh tụng niệm ấy quả là có sức mạnh an ủi tâm linh rất lớn, đó là cách riêng của người nhà Phật để chống lại cái ác và thể hiện lòng kiên trì. Đó cũng như một cách tuyên bố với Lữ Quang: Ông ta có thể phá hủy tượng Phật nhưng không thể phá hủy tinh thần nhà Phật.

- Được lắm, cứ tụng kinh đi, để ta xem các người chống cự được đến khi nào!

Bị kích động, Lữ Quang gào lên:

- Bay đâu, phá hủy phiến đã ngọc có dấu chân Phật tổ cho ta!

Gương mặt Ra­ji­va vẫn điềm nhiên bất biến, vẻ kiên định trong ánh mắt cho thấy, không có gì có thể lay động được ý chí của chàng. Chàng chậm rãi, dõng dạc cất lên từng tiếng một:

- Lữ tướng quân, tượng Phật bị hủy có thể xây đắp lại, ngọc thạch bị hủy có thể tiếp tục tìm kiếm. Thậm chí, nếu ngài dỡ bỏ cả chùa Cakra, tôi sẽ đi nhặt từng viên gạch, xếp từng viên ngói mang về dựng lại chùa. Lòng hướng Phật của tôi vững như bàn thạch, không gì có thể lay chuyển được.

- Ngươi đúng là tên hòa thượng cứng đầu!

Lữ Quang nổi trận lôi đình:

- Ngươi có thể xây lại chùa, nhưng liệu ngươi có thể khiến người chết sống lại được không?

Lữ Quang đưa tay túm một hòa thượng đứng gần y nhất, sau đó vung tay ra sau rút kiếm, kề vào cổ vị hòa thượng đang run lên bần bật.

- Hôm nay ta sẽ đấu với ngươi đến cùng. Nếu ngươi không chịu thành thân, cứ nửa canh giờ ta sẽ giết một hòa thượng. Để xem số hòa thượng trong chùa này nhiều đến mức nào.

- Ngài…

Ra­ji­va bật dậy, ánh mắt nổi song, hai nắm tay run lên, tôi chưa từng thấy chàng tức giận như vậy bao giờ:

- Tính mạng con người là thứ quý giá nhất trên đời. Ngài phạm tội sát nhân, sẽ bị đày xuống địa ngục Vô Gián vĩnh viễn, chẳng thể đầu thai làm người!

Lữ Quang nhổ nước bọt lên bức tượng Phật đã nứt vỡ:

- Tính mạng con người là cái thá gì! không được đầu thai thì đã sao! Ta đã giết không biết bao nhiêu người, thêm mất tên đầu trọc có xá gì!

- Lữ Quang, ngài ức hiếp người Khâu Từ chúng tôi quá đáng!

Pusyse­da ánh mắt rục lửa, thanh gươm dài đã được rút ra, chực xông tới, nhưng đã bị con cả của Lữ Quang là Lữ Thiệu và thủ hạ đắc lực của ông ta là Đỗ Tiến chặn lại. Tất cả bọn họ dều đã rút kiếm khỏi bao, tình thế vô cùng căng thẳng.

- Pusyse­da, bỏ kiếm xuống!

Đó là Bạch Chấn, vị vua nhu nhược, lúc này đang run rẩy, sợ hãi, giọng nói không còn được liền mạch. Nhà vua quay sang Lữ Quang, nghẹn ngào:

- Lữ tướng quân, xin đừng làm vậy!

Lữ Quang vẫn giữ chặt vị hòa thượng kia, xoay người lại nói với Ra­ji­va:

- Pháp sư mau quyết định đi, sự kiên nhẫn của ta có hạn. Ta sẽ đếm đến ba, một, hai, …

- Khoan đã!

Lữ Quang ngừng tay lại, cả đại điện bỗng nhiên im phăng phắc, không khí căng như dây đàn. Mọi ánh mắt đổ dồn vào chàng. Khóe môi chàng rung động, đôi mắt ngấn nước hướng về phía tôi, ánh mắt ai oán ấy muốn truyền đi ngàn vạn lợi. Không gi­an như lắng đọng, thời gi­an quên trôi chảy, chỉ còn lại tôi và chàng, bất động, nhìn sâu vào mắt nhau…

Cánh tay tôi đã đặt vào nút gạt, nhưng không sao cử động nổi. Việc tôi có thể làm chỉ là khiên Lữ Quang bất tỉnh một ngày. Sau khi ông ta tỉnh lại thì sao? Lại thêm nhiều sự đày đọa, sỉ nhục nữa? Thậm chí có thể là chiến tranh. Tay chân của ông ta đông đảo là thế, chỉ quật ngã một mình Lữ Quang cũng đâu có ích gì. Tôi không thể ích kỉ, khiến Khâu Từ xảy ra chiến tranh được. Nước mắt lã chã, mắt tôi không rời mắt chàng, tôi khẽ gật đầu.

Chàng quay đầu lại, khóe môi càng thêm run rẩy. Chàng ngước mắt lên trời hít một hơi thật sâu, rồi cất giọng thê lương:

- Ta chấp thuận.

- Thầy ơi!

Tất cả các sư tăng đều sụp xuống quỳ lạy, tiếng khóc thương thảm thiết vang động cả chùa Cakra.

Chàng lại đưa mắt nhìn về phía tôi, nỗi bi thương chẳng thể hóa giải nổi dâng lên trong mắt. Tôi lặng lẽ gạt nước mắt, gượng gạo nở nụ cười ngây ngô với chàng. Tuy trùm khăn che mặt nhưng tôi chắc chắn chàng sẽ nhận ra. Ánh mắt tôi vẫn chẳng thể rời khỏi chàng, thêm một lần nữa thôi, để hình ảnh chàng khắc sâu trong tâm trí tôi, từng nét một, không bao giờ phai nhòa. Vậy là tôi sẽ phải ra đi. Bánh xe số phận mới thật nghiệt ngã làm sao, những vòng quay vô tình vẫn thản nhiên xoay vần. Rốt cuộc em vẫn chỉ là một lữ khách đi qua cuộc đời chàng. Nhưng, Ra­ji­va ơi, chàng đã lựa chọn đúng. Lịch sử cuộc đời chàng từ nay không còn cần đến em nữa. Vì vậy, em sẽ ra đi…

Hết phần 1

*Đọc và tải ebook truyện tại: http://truyenclub.com/duc-phat-va-nang*